TỦ SÁCH TINH HOA

HENRY DAVID THOREAU

Một mình sống trong rừng

Hiếu Tân *dịch*

ẤN BẢN ĐẶC BIỆT
SỐ LƯỢNG GIỚI HẠN
100

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Một Mình Sống Trong Rừng

Tác giả: Henry David Thoreau | Người dịch: Hiếu Tân
Nhà xuất bản Tri thức | 06/2016
Tạo ebook: tudonald78
Ngày hoàn thành: 04/03/2020

SACHMOI.NET

Walden

Một mình sống trong rừng

Tôi không định viết một bản tụng ca nỗi chán đời, mà chỉ gáy vang như một anh gà trống huênh hoang đứng trong sân nhà mình mà đánh thức những hàng xóm của tôi (Trích Chương hai).

Lời giới thiệu

Ngày nay chỉ có những giáo sư triết học, mà không có các triết gia... Là một triết gia không phải chỉ là có những tư tưởng siêu việt uyên áo, thậm chí cũng không phải là lập ra một trường phái, mà là yêu sự thông thái đến mức sống theo những tiếng gọi của nó, một đời sống đơn giản, độc lập, cao thượng, và tin tưởng. Đó là việc giải quyết một số vấn đề của cuộc sống, không phải về lí thuyết, mà về thực tiễn.

Không gì mô tả Henry David Thoreau chính xác hơn những lời trên trong chính cuốn sách nổi tiếng nhất của ông: *Walden - Một mình sống trong rừng*, xuất bản lần đầu năm 1854. Người ta thường phân vân không biết nên xếp Walden vào thể loại nào: triết học, tiểu thuyết, hồi kí. Các nhà phê bình coi "Walden" như tác phẩm kinh điển của Mĩ, khám phá sự giản đơn, hài hòa và vẻ đẹp của thiên nhiên như những mẫu mực cho một xã hội và văn hóa xứng đáng.

Người ta trộn lẫn các linh hồn trong các sự vật; người ta trộn lẫn các sự vật trong các linh hồn. Họ trộn lẫn các cuộc đời và

cho thấy bằng cách nào mỗi người và mỗi sự vật - được trộn lẫn với nhau - ra khỏi phạm vi của mình, rồi lại trộn lẫn vào nhau: Điều đó chính là hợp đồng và trao đổi.

Henry David Thoreau sinh năm 1817 và mất năm 1862 - 45 năm một cuộc đời phong phú, mạnh mẽ và độc đáo. Ông sinh ra trong một gia đình bình thường, tốt nghiệp đại học Harvard năm 1837. Ông nghiên cứu khoa hùng biện, cổ điển học Hi-La, triết học, toán học và khoa học tự nhiên. Trong cuộc đời khá ngắn ngủi của mình, ngoài những hoạt động khác, ông là nhà văn, nhà thơ, nhà triết học, nhà tự nhiên học, nhà trắc đạc, nhà sử học. Ông để lại hơn 20 tập sách, báo, tiểu luận, thơ. Suốt đời mình, Thoreau chống chế độ nô lệ, công kích đạo luật về Nô lệ bỏ trốn, bảo vệ thiên nhiên, lên tiếng mạnh mẽ bảo vệ quyền tự do cá nhân. Ông viết: "*Sẽ không bao giờ có một nhà nước thật sự tự do và khai minh cho đến khi nhà nước nhận thức cá nhân như một quyền lực cao hơn và độc lập, tất cả mọi quyền lực và quyền uy của nhà nước đều từ đó mà ra, và đối xử với cá nhân một cách tương ứng".* Nhiều đóng góp của ông còn có giá trị đến tận ngày nay: ông viết lịch sử tự nhiên và triết học tự nhiên, ông đi trước trong nhiều phương pháp và phát hiện của sinh thái học và lịch sử môi trường, hai nguồn gốc của chủ nghĩa môi trường hiện đại.

Thoreau là một trong những triết gia tiên nghiệm (*transcendentalism*) tiêu biểu, triết gia của thiên nhiên và mối quan hệ của nó với đời sống con người. Chủ nghĩa tiên nghiệm cho rằng trạng thái tinh thần lí tưởng vượt lên trên vật chất và kinh nghiệm, nó tin rằng con người đạt được thấu hiểu chân lí thông qua trực giác cá nhân hơn là những giáo thuyết tôn giáo. Thiên nhiên là biểu tượng bên ngoài của nội tâm, là "sự tương

ứng căn bản của vật hữu hình với tư tưởng con người" (Emerson, 1836).

Niềm tin cốt lõi của chủ nghĩa tiên nghiệm là bản tính thiện của con người và thiên nhiên. Chủ nghĩa tiên nghiệm tin rằng xã hội và các thiết chế của nó cuối cùng sẽ làm hỏng sự trong sáng của cá nhân, và tin rằng con người tốt nhất khi sống tự lực, và độc lập. Trong Walden, chúng ta sẽ thấy Thoreau đã sống triết lí này như thế nào.

"Walden" là một hồi tưởng đầy chiêm nghiệm suy tư về quãng đời "*hai năm hai tháng hai ngày*" sống một mình trong một mảnh đất rừng bên cạnh đầm Walden, "*Giọt nước của Trời*", "đáng yêu hơn kim cương" trong một ngôi nhà tự xây lấy, và bằng lao động của chính đôi tay mình. Ở Walden, ông đã sống nhiệt thành say mê đầy tình thức "*Tôi đi vào rừng bởi vì tôi muốn sống thong dong, chỉ đối diện với những sự kiện tinh tuý nhất của cuộc sống, và xem thử tôi có thể học được những gì nó phải dạy tôi hay không, và không để đến khi tôi gần chết mới khám phá ra rằng mình chưa hề sống"*. Ông chủ trương sống đơn giản vì "*Phần lớn những xa xỉ và cái được gọi là tiện nghi không chỉ không tuyệt đối cần thiết, mà còn rõ ràng cản trở việc nâng cao phẩm giá con người*". Ông mang vào rừng giấc mơ về một cuộc sống vô ưu đầy vui thú.

Walden nhấn mạnh tầm quan trọng của lối sống giản đơn, tự chủ, trầm tư, gần gũi thiên nhiên, vượt lên trên "sinh tồn tuyệt vọng" này, vốn là số mệnh của đa số người. Trong chương "Trại Baker" Thoreau kể một buổi chiều lang thang trong rừng, ông gặp mưa dông và phải vào trú nhờ căn nhà tối tăm nhếch nhác của John Field, một tá điền Ai Len không xu dính túi nhưng cần cù lao động, với vợ và con anh ta. Thoreau thuyết phục Field

hãy sống đơn giản nhưng độc lập bằng cách vào rừng để thoát khỏi cả chủ đất lẫn chủ nợ, nhưng anh chàng người Ai Len này từ chối vì không sao dứt bỏ được những khao khát xa hoa và tiếng gọi của "giấc mơ Mĩ".

Bỏ đi những thứ dư thừa, ảo tưởng để tìm ra những nhu cầu thật sự thiết yếu của cuộc sống; ông nhiệt liệt tán dương văn học cổ điển mà ông thích đọc bằng nguyên bản cổ ngữ Hi Lạp và Latin, ông phàn nàn về cái xu hướng phổ biến (dường như ở mọi thời) tìm những thứ "dễ đọc" thay vì những tư tưởng sâu sắc nhưng mệt óc; ông mong ước mở một trường đại học cho người lớn, tại đó Concord có thể mời các nhà thông thái trên thế giới đến để giảng dạy và làm "cao quý tâm hồn" người dân bản xứ.

Thoreau suy ngẫm về cảm giác cô đơn: "*cô đơn giữa đám đông nếu trái tim ta không mở*". Ông không cảm thấy cô đơn vì ông thấm nhuần lợi ích của thiên nhiên trong sự giao cảm sâu xa với nó; "phương thuốc duy nhất" mà ông cần là "một ngụm khí trời ban sớm". Tiếng chuông nhà thờ, tiếng xe ngựa leng keng, tiếng bò rống, tiếng sơn ca, cú mèo, ếch nhái kêu, gà gáy cũng đem đến cho ông nhiều vui thú. Theo ông, việc mở rộng năng lực cảm thụ có cái lợi là giúp ta bớt nhàm chán. Ở trong rừng, ông có nhiều khách đến thăm hơn khi ở thành phố, tất nhiên là những khách chọn lọc, nhiều khi nhà ông chứa được đến "hai lăm, ba chục linh hồn cùng với cả thể xác của họ".

Đến mùa đông, Thoreau tiêu khiển bằng quan sát thế giới hoang dã. Và khi ông kể về thú vui của mình thì ta thấy hết tài năng của một nhà tự nhiên học. Ông kể về việc ông đo độ sâu của cái đầm mà nhiều người quả quyết là "không đáy" và liên hệ với chuyện thăm dò chiều sâu đạo đức con người, về những con

cá sống trong đầm, về màu sắc của băng cũng như về sinh hoạt của các loài muông thú sống trong rừng: chim đớp ruồi, chim cổ đỏ, gà gô, chim dẽ gà, bồ câu Bắc Mĩ, chuột, rái cá, gấu trúc, rùa bùn, cáo, sóc, mèo rừng... Ông tả tỉ mỉ hành tung kì lạ của con chim lặn *gavia*, cuộc "chiến đấu" một mất một còn của mấy con kiến "*Tôi không bao giờ biết bên nào chiến thắng, cũng không biết nguyên nhân chiến tranh là gì, nhưng suốt ngày hôm ấy tôi cứ có cảm giác mình bị kích động và tổn thương vì chứng kiến cuộc đấu đá ấy, dữ dội và đẫm máu, của cuộc chiến giữa con người trước cửa nhà tôi".*

Có một sự kiện nổi bật trong những ngày Thoreau sống ở Walden: Ngày 25 tháng Bảy, 1846, Thoreau bị bắt giam vì từ chối đóng thuế, để bày tỏ sự phản đối của ông đối với cuộc chiến tranh Mexico và chế độ nô lệ "*tôi bị bắt giữ và đưa vào nhà giam vì, như đã kể ở một chỗ khác, tôi không đóng thuế cho, hay thừa nhận thẩm quyền của, cái nhà nước mua bán đàn ông, đàn bà, trẻ em, như bán trâu bò ngay bên cửa của nhà Thượng viện*". Sự kiện này tác động mạnh đến Thoreau. Tháng 5 năm 1849 ông xuất bản *Bất tuân Dân sự*. Chủ trương "Bất tuân Dân sự" của Thoreau sau này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Leo Tolstoy, Mahatma Gandhi và Martin Luther King, Jr.

Văn phong của Thoreau là sự đan xen giữa quan sát tự nhiên và trải nghiệm cá nhân, hùng biện, kiến thức lịch sử, biểu tượng ý nghĩa, chất thơ nhạy cảm, tính nghiêm cẩn triết học, và chú trọng những chi tiết cụ thể. Các nhà văn Marcel Proust, William Butler Yeats, Sinclair Lewis, Ernest Hemingway... chịu nhiều ảnh hưởng của ông,

Tuy nhiên, Walden không dễ đọc, vì ba lẽ. Thứ nhất, đây là một giọng văn cổ, ngôn ngữ nghiêm. Câu phức dài, mô tả sinh

động, chi tiết, ám chỉ sâu xa, đầy ẩn dụ, biểu tượng bóng gió, lối nói giảm nhẹ, cường điệu, nhân cách hóa, mỉa mai, châm biếm, hoán dụ, cải dung, nghịch hợp; nhiều chỗ ông chuyển từ quan điểm khoa học sang quan điểm tiên nghiệm ở giữa câu. Hai là, logic của nó dựa trên một cách hiểu khác về cuộc sống, hoàn toàn trái ngược với cái mà người thường gọi là lương tri. Nghịch hợp, nghịch lí, nước đôi. Ông thích trêu ghẹo, đánh đố, thậm chí lừa bạn đọc. Ba là, nhiều khi không có từ nào có thể diễn đạt thích đáng nhiều ý tưởng không thể nói ra cho rõ ràng. Có lúc Thoreau dùng ngôn ngữ của người không biết chữ mà người đọc phải cố vươn lên mà hiểu lấy. Trên đây là ý kiến của người bản ngữ. Còn về bản dịch, ngẫm khoảng cách về thời gian, văn hóa và ngôn ngữ, bạn đọc hình dung chắc chắn không thể đọc nó dễ dàng trơn tuột. Nếu cuốn sách này “kén" độc giả, thì đó là loại độc giả không kiếm loại sách "dễ đọc". Nhưng chắc chắn bạn đọc sẽ được đền bù xứng đáng. Bởi vì,

Nhà thơ Mĩ Robert Frost đã phải thốt lên khi nói về Thoreau và Walden: Chỉ trong một quyển sách, ông đã vượt qua tất cả những gì chúng ta đã có ở Mĩ".

Người dịch

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

Chương 1

Kinh tế

Khi tôi viết những trang dưới đây, hay đúng hơn phần chính của nó, tôi sống một mình, trong rừng, cách hàng xóm gần nhất một dặm [1], trong một ngôi nhà mà tôi tự dựng lấy, bên bờ đầm Walden, ở Concord, Massachusetts, và chỉ kiếm sống bằng lao động của chính đôi bàn tay mình. Tôi sống ở đó hai năm và hai tháng. Bây giờ tôi trở lại là người cư trú trong đời sống văn minh.

Lẽ ra tôi không nên đem chuyện của mình ra làm bận tâm bạn đọc, nếu không bị những người dân thành phố tôi quá quan tâm thăm hỏi về lối sống của tôi mà một số cho là không thích đáng, mặc dù tôi chẳng thấy có gì không thích đáng, trái lại, xét theo hoàn cảnh, nó còn quá tự nhiên và thích đáng. Một số người đã hỏi tôi có gì để ăn, hỏi tôi không thấy cô đơn à, hỏi tôi có thấy sợ không, và đại loại như thế. Những người khác tò mò muốn biết tôi dành bao nhiêu phần thu nhập của tôi để làm từ thiện, và một số gia đình đông con hỏi tôi đã cưu mang bao nhiêu trẻ em nghèo. Bởi vậy tôi xin những bạn đọc nào không đặc biệt cảm thấy quan tâm đến tôi lượng thứ cho nếu tôi trả lời những câu hỏi ấy trong cuốn sách này. Trong nhiều cuốn sách, nhân vật Tôi, hay ngôi thứ nhất, thường lánh mặt; nhưng trong sách này ngôi ấy sẽ hiện diện, đứng về phương diện duy ngã, đây là điều khác biệt chủ yếu. Chúng ta thường không nhớ rằng thực ra bao giờ nhà văn cũng nói từ ngôi thứ nhất. Tôi không

nên nói quá nhiều về bản thân mình nếu tôi có biết một người nào khác. Tiếc thay, tôi bị hạn chế trong chủ đề này bởi kinh nghiệm của tôi rất hẹp. Hơn nữa, đối với tôi, đòi hỏi đầu tiên hay cuối cùng của mọi người viết là mô tả đơn giản và chân thực về cuộc sống của bản thân hắn, chứ không phải chỉ những gì hắn nghe được về cuộc sống của những người khác; một sự mô tả như thế hắn có thể gửi cho người thân của hắn từ một vùng đất xa xôi; vì nếu hắn đã sống chân thành, thì theo tôi, phải là ở một vùng đất xa xôi. Có lẽ những trang này dành riêng để nói với những sinh viên nghèo thì đúng hơn. Còn về những bạn đọc khác, họ sẽ chấp nhận những phần mà họ áp dụng được. Tôi nghĩ chẳng có ai đi nối thêm vải vào chiếc áo khoác mặc không vừa, vì nó sẽ hợp với người một người khác mặc vừa nó.

Tôi muốn nói một điều gì đó, không phải về người Trung Hoa hay người dân đảo Sandwich [2], mà nói về bạn là người đọc những trang này, sống ở New England [3] này; một điều gì đó về hoàn cảnh sống của bạn, đặc biệt những điều kiện bên ngoài hay những hoàn cảnh trong thế giới này, trong thành phố này, là gì, liệu nó có đáng phải tồi tệ đến như thế không, liệu có thể cải thiện nó tốt hơn không. Tôi đã đi nhiều nơi ở Concord; và khắp nơi, đến những cửa hiệu, những công sở, những cánh đồng, những cư dân trước mắt tôi dường như đang làm phép giải tội bằng hàng ngàn cách lạ lùng. Những gì tôi đã nghe về những người Bàlamôn [4] ngồi trước bốn ngọn lửa và nhìn thẳng lên mặt trời; hoặc treo ngược người lên, hai tay thõng xuống, trên những ngọn lửa; hoặc nhìn qua vai lên bầu trời, "cho đến khi họ không thể nào trở lại tư thế tự nhiên, trong khi từ cái cổ vặn xoắn lại không có gì khác ngoài chất lỏng có thể đi vào dạ

day họ"; hoặc bị trói suốt đời vào gốc cây; hoặc dùng thân mình để đo, như con sâu đo, chiều rộng của những đế quốc rộng lớn [5] ; hoặc đứng một chân trên đỉnh cột, - ngay cả những hình thức sám hối tự giác này cũng chẳng khó tin hơn và đáng ngạc nhiên hơn những cảnh mà tôi chứng kiến hằng ngày. Mười hai là công của Hercules [6] cũng trở nên tầm thường nếu so với những gì mà các hàng xóm của tôi đã thực hiện; vì những kì công ấy chỉ có mười hai, và có kết thúc; nhưng tôi chưa bao giờ thấy những người ấy giết hoặc bắt sống một con quái vật nào cả, hay hoàn thành một kì công nào. Họ không có người bạn Iolas [7] để cùng nhau đốt trên thép bỏng cái gốc của đầu con rắn chín đầu Hydra [8] chặt đầu này lại mọc lên hai đầu khác.

Tôi thấy những người trẻ, những người cùng thành phố với tôi, nỗi bất hạnh của họ là đã thừa kế những trang trại, những tòa nhà, những kho thóc, trâu bò lừa ngựa, và những nông cụ; vì những cái ấy có được thì dễ mà bỏ đi thì khó. Nếu họ sinh ra trên đồng cỏ và được một con sói mẹ cho bú thì tốt hơn, vì họ có thể đã nhìn bằng con mắt sáng rõ hơn cánh đồng mà họ được gọi đến để làm lụng trên đó. Ai bắt họ làm những nô lệ của đất? Tại sao họ phải ăn sáu mươi mẫu [9], khi con người bị buộc chỉ được ăn thùng bùn đất [10] của mình? Tại sao họ phải bắt đầu tự đào mồ cho mình ngay từ khi mới sinh ra? Họ phải sống cuộc sống của con người, bằng cách đẩy tất cả những thứ trước mặt họ, và tiến lên bằng hết sức của mình. Nhiều linh hồn bất tử tội nghiệp mà tôi đã gặp, gần như bị đè bẹp dúm dó dưới gánh nặng của nó, lê lết trên đường đời, đẩy trước mặt một kho thóc dài bảy lăm rộng bốn mươi foot, những chuồng bò Augeas [11] không bao giờ được rửa sạch của nó, và một trăm mẫu đất canh

tác, đồng cỏ chăn nuôi và lô đất trồng cây lấy gỗ. Những kẻ không được chia phần, họ không phải vật lộn với những thứ phiền toái được thừa hưởng không cần thiết như thế, thấy rằng lao động của họ là đủ để nuôi sống thân xác họ rồi.

Nhưng con người thường lao tâm khổ trí vì một sai lầm. Phần tốt hơn của con người đã sớm bị cày lấp dưới đất để làm phân bón. Bởi một thứ có vẻ ngoài như định mệnh, thường được gọi là tất yếu, như đã nói trong một cuốn sách cổ [12], họ bận rộn tích trữ những kho báu để mối mọt làm cho hư nát và kẻ cắp đột nhập vào lấy mất. Đó là một cuộc sống ngu xuẩn, vì họ sẽ thấy khi họ đi đến cuối đời, nếu không phải là sớm hơn. Người ta kể rằng Deucalion và Pyrrha [13] tạo ra con người bằng cách ném những hòn đá qua vai mình về phía sau:

Inde genus durum sumus, experiensque laborum,

Et documenta damus qua simus origine nati. [14]

Mà Raleigh [15] đã diễn đạt theo cách văn vẻ của ông:

Từ đó, cốt cách rắn rỏi của chúng ta, chịu đựng đau khổ và lo âu.

Chứng tỏ rằng thân thể chúng ta có nguồn gốc từ đá.

Tuân theo mù quáng một lời sấm truyền ngớ ngẩn, ném những hòn đá qua vai ra đằng sau mà không nhìn xem nó rơi vào đâu, thì thật chẳng còn gì để nói.

Phần lớn người ta, ngay cả trong đất nước tương đối tự do này, quá bận tâm với những nỗi lo giả tạo và những nhọc nhằn thô lậu không cần thiết của đời sống đến nỗi những hoa trái ngọt ngào nhất của nó họ không thể nào hái được. Những ngón tay của họ, do cực nhọc quá mức, quá lóng ngóng và run rẩy để làm việc đó. Trong thực tế, người lao khổ không có thời gian

nhàn rỗi để ngày qua ngày chăm sóc cho tính toàn vẹn của tâm hồn mình, anh ta không thể cố giữ được những mối quan hệ người nhất với những con người; công lao của anh ta bị coi rẻ ở thị trường. Anh ta không có thời giờ là cái gì khác không phải cái máy. Làm thế nào anh ta có thể nhớ được sự ngu dốt của anh ta - mà sự trưởng thành của anh ta đòi hỏi - ai sẽ phải sử dụng tri thức của anh ta thường xuyên đến vậy? Đôi khi chúng ta nên rộng lòng ban cho anh ta cơm ăn áo mặc, và phục hồi sức khỏe cho anh ta với những món rượu bổ của chúng ta, trước khi phán xét anh ta. Những phẩm chất tuyệt vời nhất của bản tính chúng ta, giống như nhụy hoa, chỉ có thể gìn giữ bằng cách xử lí tinh tế nhất. Thế nhưng chúng ta không đối xử với bản thân mình cũng như vói nhau một cách dịu dàng như vậy.

Tất cả chúng ta đều biết, một số người trong các bạn, là nghèo, cảm thấy sống là khó khăn, đôi khi, như đã từng xảy ra, đến thở cũng khó nhọc. Tôi không nghi ngờ gì rằng một số trong các bạn đọc cuốn sách này không đủ tiền để trả cho tất cả những bữa tối mà các bạn đã ăn, hoặc cho những áo khoác và giày dép còn bền hay đã sờn mòn mà các bạn đang mặc, và đến với những trang này bằng thời gian mà các bạn vay mượn hay ăn cắp, thó của người chủ các bạn một giờ. Thật quá rõ ràng cuộc sống mà nhiều người trong các bạn đang sống tầm thường và vụng trộm như thế nào; (vì cái nhìn của tôi đã được mài sắc bằng kinh nghiệm), luôn luôn bị hạn chế, cố gắng lao vào công việc và thanh toán được nợ nần, một nỗi tuyệt vọng rất xưa cũ - tiếng Latin gọi là *aes alienum*, những đồng bạc của người khác, vì một số tiền xu được làm bằng đồng - vẫn còn sống, và đang chết, và được chôn bằng những đồng bạc của người khác này;

luôn luôn hứa sẽ trả, hứa ngày mai sẽ trả, nhưng chết hôm nay, không trả được; tìm cách xun xoe xin ân huệ, tìm mối hàng, bằng bao nhiêu lối, chỉ miễn là đừng phạm tội nặng để bị tù trong nhà tù của bang [16]; nói dối, xu nịnh, gợi ý, tự thu mình vào chiếc vỏ hạt dẻ [17], hoặc trở nên xởi lởi với một vẻ rộng lượng hư hư thực thực, để bạn có thể thuyết phục anh hàng xóm để bạn làm cho anh ta đôi giày, hoặc cái mũ, hoặc chiếc áo khoác, hoặc cỗ xe, hoặc nhập hàng tạp hóa ; cho anh ta; làm cho bạn ốm, để bạn có thể để dành cái gì đó để phòng cho một ngày ốm, một thứ gì đó có thể giấu vào một cái hòm cũ, hay vào một chiếc bít tất đằng sau lớp vữa, hay, an toàn hơn, vào một cái kho bằng gạch; ở đâu cũng được, nhiều ít bao nhiêu cũng được.

Đôi khi tôi tự hỏi rằng chúng ta có thể phù phiếm đến thế sao? Tôi hầu như có thể nói về hình thức nô lệ thô bạo nhưng có vẻ ngoại quốc sao đó gọi là Nô lệ Da đen, có nhiều ông chủ sắc sảo và tinh tế đến nỗi bắt nô lệ cả miền Nam và miền Bắc. Khó mà có được một người giám thị miền Nam; có một người miền Bắc như thế còn khó hơn nữa, nhưng tệ nhất vẫn là bạn phải là tay quản nô của bản thân mình. Nói về tính thánh trong con người! Hãy nhìn người đánh xe trên đường quốc lộ kia, lao đến chợ ngày hay đêm; liệu có tính thần thánh nào khuấy động bên trong hắn không? Nghĩa vụ cao nhất của hắn là cho ngựa của hắn ăn và uống! Đối với hắn số phận của hắn là gì so với sự thích thú chở hàng bằng tàu biển? Hắn chẳng đánh xe cho Ông địa chủ Bắng Nhắng (Squire Make-a-stir [18]) đó sao? Hắn như thánh, hắn bất tử như thế nào? Hãy trông hắn co ro và lén lút như thế nào, cả ngày hắn sợ bóng sợ gió ra sao, không bất tử cũng không thần thánh, mà là nô lệ và tù nhân của ý kiến riêng

của hắn, một thứ tai tiếng mà hành vi của hắn tự chuốc lấy. Công luận chỉ là tên bạo chúa yếu ớt so với ý kiến riêng của chúng ta [19].

Một con người nghĩ gì về bản thân hắn, đó là điều quyết định, hay đúng hơn chỉ báo số phận của hắn. Wilberforce [20] nào có thể giúp những tỉnh Tây Ấn (West Indies [21]) tự giải phóng khỏi mộng mơ và tưởng tượng? Hãy nghĩ đến những quý bà ở đất liền, vẫn đeo những chiếc độn tóc trang điểm vào ngày cuối đời, để tỏ ra không quá bận tâm đến số phận của chính mình. Như thể bạn có thể giết thời gian mà không làm tổn hại đến cái vĩnh cửu.

Phần đông người ta sống một cuộc sống tuyệt vọng trong thầm lặng. Cái được gọi là sự cam chịu là sự tuyệt vọng được xác nhận. Từ thành phố tuyệt vọng bạn đi về miền nông thôn tuyệt vọng, và phải tự an ủi mình bằng sự can đảm của chồn vizon và chuột nước [22].

Một nỗi tuyệt vọng rập khuôn và vô thức được che giấu dưới cái mà chúng ta gọi là những trò chơi và trò tiêu khiển của loài người. Chẳng có gì vui chơi ở đó cả, vì chúng đến sau khi làm việc. Nhưng đặc tính của trí khôn ngoan là không làm những điều vô vọng.

Khi chúng ta xem xét, theo lối nói của sách giáo lí [23], mục đích chủ yếu của con người là gì, và những nhu cầu và phương tiện thật sự của đời sống là gì, có vẻ như con người đã cố ý lựa chọn lối sống thông thường bởi vì họ thích nó hơn cái khác. Tuy nhiên trong thâm tâm họ nghĩ rằng chẳng có gì để mà chọn cả. Nhưng những bản chất tỉnh táo và lành mạnh nhớ rằng mặt trời đã mọc lên sáng tỏ. Rũ bỏ những thành kiến của chúng ta thì

không bao giờ là quá muộn. Không có cách nghĩ hay cách làm nào, dù cổ xưa đến đâu, có thể tin được nếu không có bằng cớ. Những gì mà mọi người lặp lại hay hôm nay im lặng chấp nhận là đúng ngày mai có thể hóa ra sai, có những ý kiến nhẹ như làn khói mà có người đã tưởng là cả đám mây có thể làm thành trận mưa tưới cho đồng ruộng của họ. Những gì mà người già bảo bạn không thể làm, bạn hãy cố thử và thấy rằng bạn có thể. Việc cũ dành cho những người cũ, việc mới dành cho những người mới. Người cũ không biết lâu lâu tiếp thêm nhiên liệu để giữ cho ngọn lửa cháy mãi; người mới đưa một mẩu củi khô vào dưới một cái nồi [24], và được chở đi vòng quanh thế giới với tốc độ của loài chim, theo cách có thể giết chết người cũ, như người ta thường nói. Tuổi già làm thầy thì không hay hơn, hiếm khi hay bằng tuổi trẻ, vì lỗ nhiều hơn lãi. Người ta có thể hầu như nghi ngờ liệu một người khôn ngoan nhất có học được điều gì tuyệt đối có giá trị từ cuộc sống mà anh ta sống. Thật ra, người già không có lời khuyên nào thật quan trọng để nói với tuổi trẻ, kinh nghiệm riêng của họ thật phiến diện, và cuộc đời họ đã thất bại thảm hại, vì những lí do riêng tư, như họ phải tin; và có thể họ có một vài niềm tin còn lại cho thấy kinh nghiệm của họ là sai, và bây giờ họ chỉ thấy họ không còn trẻ trung như trước. Tôi đã sống khoảng ba mươi năm trên hành tinh này, và tôi vẫn phải nghe lời khuyên sơ đẳng quý giá hay tha thiết của những người lớn tuổi. Họ không nói với tôi điều gì, và có lẽ không thể nói vói tôi điều gì cả, theo mục đích ấy. Đây là cuộc sống, một thử nghiệm phần lớn tôi chưa trải qua, mà việc họ đã trải qua chẳng giúp ích gí cho tôi. Nếu tôi có bất là kinh nghiệm gì mà

tôi cho là có giá trị, tôi chắc chắn rằng những vị Thầy thông thái của tôi chẳng nói gì về nó.

Một nông dân nói với tôi: "Anh không thể chỉ sống bằng rau quả, vì nó không cung cấp thứ làm cho xương chắc khỏe" và như vậy ông ta thành kính dành một phần của ngày để cung cấp cho cơ thể ông ta nguyên liệu cho bộ xương; trong khi nói ông ta vẫn bước sau con bò, mà, với bộ xương làm từ cỏ, nó vẫn kéo ông ta đi phăng phăng bất chấp mọi vật cản.

Có một số thứ thật cần thiết cho đòi sống trong phạm vi nào đó, còn phần lớn thì vô dụng và không lành mạnh, ở những người này chúng chỉ là đồ xa xỉ, ở những người khác chúng hoàn toàn không được biết tới.

Đối với một số người dường như toàn bộ mảnh đất của đời người đã có người trước họ đi qua, cả những núi đồi và thung lũng và mọi vật cũng đã được quan tâm săn sóc đến. Theo Evelyn [25], "vua Solomon thông thái đã ra những sắc lệnh quy định cả khoảng cách giữa các cây, và các quan tổng trấn La Mã đã quyết định anh được vào đất của người hàng xóm bao nhiêu lần trong một tháng để nhặt những quả của anh rụng trên đó, mà không bị coi là xâm phạm, và phần dành cho người hàng xóm là bao nhiêu". Hippocrates [26] thậm chí đã để lại những chỉ dẫn chúng ta nên cắt móng tay của chúng ta như thế nào; tức là, ngang bằng với đầu mút các ngón tay, không được dài hơn hay ngắn hơn. Chắc chắn là chính sự buồn tẻ và chán ngán đã hút kiệt cái muôn màu muôn vẻ và những niềm vui của cuộc sống cũng xưa như Adam. Nhưng những khả năng của con người thì không bao giờ đo lường được, chúng ta cũng không thể đánh giá hắn có thể làm được gì bằng những gì hắn đã làm, vì ít được thử.

Dù cho đến nay ngươi thất bại thế nào, "*hãy đừng đau khổ, con ta, vì ai sẽ giao cho ngươi những việc mà ngươi để lại chưa làm?*" [27]

Chúng ta có thể thử cuộc đời ta bằng hàng nghìn phép thử đơn giản; chẳng hạn như, cùng một mặt trời làm chín đậu của chúng ta cùng lúc chiếu cả một hệ hành tình giống như trái đất của chúng ta. Những vì sao là đỉnh của những tam giác tuyệt vời nào! Những con người xa nhau và khác nhau trong những ngôi nhà muôn hình muôn vẻ trong vũ trụ đang ngắm nguyện điều gì với cùng một đấng và trong cùng một lúc! Thiên nhiên và đời sống con người cũng đa dạng như những thể tạng của chúng ta. Ai có thể nói cuộc đời sẽ đem tương lai nào đến cho người khác? Nhìn qua mắt của nhau có làm xảy ra một phép lạ nào không, chẳng hạn? Chúng ta có thể sống mọi thời đại của thế giới này trong một giờ, hay sống trong mọi thế giới của các thời đại? Lịch sử, Thơ ca, Huyền thoại! - tôi biết việc đọc kinh nghiệm của người khác không thể cho ta ngạc nhiên sửng sốt và nhiều hiểu biết như những thứ này có thể cho ta.

Phần lớn những gì những người láng giềng của tôi cho là tốt, tôi trong thâm tâm cho là xấu, và nếu tôi ăn năn về một việc gì đó, rất có thể nó là một hành vi tốt của tôi. Con quỷ nào ám tôi mà tôi hành động tốt thế? Bạn có thể nói điều khôn ngoan nhất bạn già ạ - bạn là người đã sống bảy mươi năm [28], không phải là không vinh quang theo cách nào đó - tôi nghe một giọng nói không cưỡng lại được kêu gọi tôi tránh xa khỏi tất cả những cái (khôn ngoan) đó. Một thế hệ bỏ mặc những công trình của người khác giống như những con tàu mắc cạn.

Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể tin một cách an toàn nhiều thứ hơn chúng ta đã tin. Chúng ta có thể thôi khỏi chăm lo quá

nhiều cho bản thân khi chúng ta đến ở nơi khác một cách lương thiện. Thiên nhiên thích hợp với sự yếu đuối của chúng ta cũng như với sức mạnh của chúng ta. Sự lo lắng và căng thẳng triền miên gần như là một dạng bệnh tật không thể chữa khỏi. Chúng ta thổi phồng quá đáng tầm quan trọng của những việc ta làm, thế mà còn bao nhiêu việc chúng ta chưa làm! Và rồi, nếu chúng ta bị bệnh thì thế nào? Chúng ta thận trọng quá chừng! Nhất quyết không sống bằng tín ngưỡng nếu chúng ta có thể tránh nó; cả ngày dài tỉnh giấc, đêm đến chúng ta miễn cưỡng cầu nguyện, phó thác bản thân cho những điều không chắc chắn. Chúng ta buộc phải sống chu đáo và chân thành như vậy, sùng kính cuộc sống của chúng ta, và từ chối khả năng thay đổi. Chúng ta bảo đây là cách duy nhất, nhưng từ một tâm có nhiều cách để vẽ các bán kính. Mọi thay đổi là một phép lạ để chiêm nghiệm; nhưng phép lạ xảy ra từng giờ từng phút. Khổng Tử [29] nói: "Biết, biết là mình biết; không biết, biết là mình không biết, ấy là biết vậy". Khi một người biến một sự vật trong tưởng tượng thành điều hiểu biết của anh ta, tôi thấy trước mọi người sẽ thiết lập cuộc sống của họ trên cơ sở đó.

Chúng ta hãy xem xét một chút, phần lớn những băn khoăn và lo lắng mà tôi đã nêu ra là cái gì, và chúng ta cần phải băn khoăn hay, ít nhất, thận trọng, đến mức nào. Sống một cuộc sống nguyên thủy và ở biên cương [30] có cái lợi của nó, dù ở giữa một nền văn minh vật chất, chỉ cần biết những nhu cầu thô sơ của cuộc sống là gì, và đạt được chúng bằng những phương pháp nào; hay thậm chí nhìn qua những sổ sách cũ của các thương gia, để biết con người nói chung thường mua nhiều nhất cái gì ở các cửa hiệu, họ cất trữ gì, tức là, những tạp phẩm thô sơ

nhất là gì. Vì những sự cải thiện của các thời đại đã ảnh hưởng rất ít đến những quy luật sống thiết yếu của con người; có lẽ do bộ xương của chúng ta không khác xương của tổ tiên ta là mấy.

Dùng chữ *nhu cầu của đời sống*, tôi muốn nói đến bất cứ cái gì mà con người đạt được bằng nỗ lực của chính hắn, là cái ngay từ đầu, hay qua sử dụng lâu ngày, đã trở thành quan trọng với cuộc sống của con người đến nỗi rất ít người, nếu có, hoặc man rợ, hoặc nghèo túng, hoặc triết gia, từng dám sống không có nó. Đối với nhiều sinh vật, theo nghĩa này chỉ có một thứ gọi là nhu cầu của đời sống: Thức ăn! Đối với con bò rừng bizon trên thảo nguyên, đó là vài tấc cỏ ngon, với nước để uống; trừ phi nó đi tìm chỗ trú trong rừng hoặc trong hốc núi. Không có loài vật nào đòi hỏi nhiều hơn Thức ăn và Chỗ ở. Nhu cầu đời sống của con người trong hoàn cảnh này, nói chính xác, là được phân phối Thức ăn, Chỗ ở, Quần áo và Chất đốt; vì nếu chưa bảo đảm chắc chắn những thứ này chúng ta chưa thể sẵn sàng theo đuổi những vấn đề thật sự của cuộc sống, một cách tự do và có triển vọng thành công. Con người đã sáng tạo ra, không chỉ nhà ở, mà cả quần áo và thức ăn nấu chín; và có thể từ ngẫu nhiên phát hiện thấy ngọn lửa ấm, rồi sau đó sử dụng nó, lúc đầu như một thứ xa xỉ, sinh ra cái nhu cầu ngồi bên nó. Chúng ta quan sát những con mèo con chó cũng đạt được cùng một bản chất thứ hai như thế. Bằng Nhà ở và Quần áo riêng, chúng ta giữ được một cách thích đáng nhiệt lượng bên trong chúng ta; nhưng vượt quá những cái này, với Nhiên liệu, tức là với một nhiệt lượng bên ngoài lớn hơn nhiệt lượng bên trong chúng ta, phải chăng việc nấu nướng một cách đúng đắn đã bắt đầu? Nhà tự nhiên học Darwin [31], nói về những cư dân Tierra del Fuego [32],

rằng trong một bữa tiệc của chính ông, ăn mặc đầy đủ và ngồi gần lửa, quan sát những người man rợ trần truồng, ở xa ngọn lửa nên không thể nào được coi là quá nóng, và ông hết sức ngạc nhiên thấy họ toát mồ hôi thành dòng khi chịu một sức nóng như thế". Người ta nói, người New Holland [33] thì trần truồng mà không sao cả, trong khi người Âu rét run lên trong quần áo của mình. Phải chăng không thể nào kết hợp sức chịu đựng dày dạn của những người man rợ này với trí tuệ của những người văn minh? Theo Liebig [34], thân thể người ta là một cái lò, và thức ăn là nhiên liệu giữ cho sự cháy bên trong ở những lá phổi. Khi trời lạnh chúng ta ăn nhiều, và khi ấm ăn ít hơn. Nhiệt của động vật là kết quả của sự cháy từ từ, và bệnh tật và cái chết diễn ra khi nó cháy quá nhanh; hoặc do thiếu nhiên liệu, hoặc do thông gió kém, ngọn lửa tắt. Tất nhiên không nên lẫn nhiệt lượng sống (vital heat) với ngọn lửa, nhưng chúng rất giống nhau. Do đó, từ những liệt kê ở trên, hóa ra cụm từ sự sống động vật gần đồng nghĩa với cụm từ *nhiệt động vật;* trong khi Thức ăn có thể được coi như Nhiên liệu giữ ngọn lửa bên trong chúng ta - và Nhiên liệu chỉ giúp chuẩn bị Thức ăn đó hoặc tăng hơi ấm cơ thể chúng ta bằng cách bổ sung từ bên ngoài, - Nhà ở và Quần áo cũng chỉ giúp giữ nhiệt được sinh ra và được hấp thụ theo cách đó.

Như vậy, điều cần thiết nhất cho cơ thể chúng ta, là giữ được ấm, giữ được lượng nhiệt sống còn trong chúng ta. Chúng ta phải khó nhọc như thế nào, không chỉ với Thức ăn của chúng ta, và Áo quần, và Nhà ở, mà còn với những chỗ nằm của chúng ta, - những cái đệm ban đêm cũng làm ấm chúng ta như quần áo - bằng cách cướp tổ và lông của những con chim, để sửa soạn

một tổ ấm bên trong một tổ ấm, giống như con chuột chũi có cái nệm bằng cỏ và lá cây ở cuối hang của nó! Người nghèo quen phàn nàn rằng thế giới này lạnh quá; và chúng ta quy trực tiếp phần lớn những nỗi đau khổ của chúng ta cho cái lạnh, cái lạnh xã hội không kém cái lạnh thể chất. Mùa hè, ở một số vùng khí hậu, có thể cho người ta một cuộc sống như ở thiên đường [35]. Nhiên liệu, trừ phi để nấu ăn, không còn cần thiết nữa; mặt trời là ngọn lửa của người, và nhiều thứ trái cây chín được bằng những tia của nó, trong khi Thức ăn thì đa dạng hơn nhiều và dễ kiếm hơn, và Quần áo và Nhà ở hoàn toàn hoặc có phần không cần thiết. Ngày nay, trên mảnh đất này, bằng kinh nghiệm của chính mình tôi tìm kiếm một ít đồ dùng, một con dao, một cái rìu, một cái mai, một chiếc xe cút kít, v.v. và để học hành, một ngọn đèn, ít giấy bút, và có thể tiếp cận vài quyển sách, những thứ ấy sắp xếp kế sau những nhu yếu, và có thể đạt được với cái giá tầm thường. Ấy thế mà có một số người, không khôn ngoan từng trải, đi đến phía bên kia của địa cầu, tới những vùng man rợ và độc địa, và dấn thân vào buôn bán trong mười hay hai mươi năm, để có thể sống, - tức là giữ được ấm áp dễ chịu - và cuối cùng chết ở New England. Sự giàu có xa hoa là không chỉ giữ được ấm áp dễ chịu, mà nóng một cách phi tự nhiên, như tôi đã ngụ ý trên kia, họ bị nấu, tất nhiên là à la mode[36].

Phần lớn những thứ xa xỉ, và nhiều thứ gọi là những tiện nghi của đòi sống, không chỉ không tuyệt đối cần thiết, mà còn là những trở ngại thực sự đối với sự phát triển của nhân loại, về những những thứ xa xỉ và tiện nghi, người khôn ngoan nhất sống một cuộc sống đơn giản và đạm bạc hơn người nghèo. Các

triết gia thời cổ, Trung Hoa, Ấn Độ, Ba Tư, Hi Lạp, về cái giàu có bề ngoài thì không ai nghèo hơn họ, về sự phong phú trong tâm hồn thì không ai giàu hơn họ. Chúng ta không biết nhiều về họ. Điều đáng kể là như thế chúng ta cũng đã biết khá về họ. Điều này cũng đúng khi nói về những nhà cải cách và những nhà từ thiện gần đây hơn của các dân tộc. Người ta chỉ có thể là người quan sát sáng suốt và vô tư về cuộc sống con người khi đứng trên một cao điểm mà chúng ta có thể gọi là nghèo nàn tự nguyện. Kết quả của một cuộc sống xa hoa chỉ là sự xa hoa, dù trong nông nghiệp, thương mại hay văn chương nghệ thuật. Ngày nay chỉ có những giáo sư triết học, mà không có các triết gia. Nói ra điều ấy là đáng khâm phục bởi vì sống là đáng khâm phục. Là một triết gia không phải chỉ là có những tư tưởng siêu việt uyên áo, thậm chí cũng không phải là lập ra một trường phái, mà là yêu sự thông thái đến mức sống theo những tiếng gọi của nó, một đời sống đơn giản, độc lập, cao thượng, và tin tưởng. Đó là việc giải quyết một số vấn đề của cuộc sống, không phải về lí thuyết, mà về thực tiễn. Thành công của những học giả và những nhà tư tưởng lớn thông thường giống như thành công của triều thần, không phải vua, không phải thần dân. Họ sống tạm bợ chỉ bằng tuân phục, y như cha ông họ, và không hề là những người tiên phong của một giống người cao quý hơn. Nhưng tại sao con người cứ suy đồi đi? Điều gì làm các gia đình kiệt quệ? Bản chất của sự xa hoa, làm mòn mỏi và tàn phá các dân tộc, là gì? Chúng ta có dám chắc là không có phần nào của nó trong cuộc sống của chính chúng ta không? Triết gia đi trước thời đại của mình ngay cả trong hình thức bên ngoài của cuộc sống của ông ta. Ông ta không ăn, mặc, ở sưởi ấm như những

người cùng thời của ông. Làm sao một người có thể là triết gia mà không duy trì cái nhiệt lượng sống của mình bằng những phương pháp tốt hơn những người khác?

Khi một người được sưởi ấm bằng nhiều cách thức mà tôi đã mô tả, hắn sẽ muốn gì tiếp theo? Chắc chắn không phải là muốn ấm hơn, theo cùng một cách, như thực phẩm phong phú hơn, những ngôi nhà nguy nga và tráng lệ hơn, áo quần đẹp hơn và thừa thãi hơn, nhiều ngọn lửa nóng hơn và không bao giờ tắt, và những thứ tương tự. Khi hắn đã có được những thứ cần thiết cho đòi sống, sẽ có lựa chọn khác hơn để đạt được những sự thừa thãi; và đó là, để phiêu du trên cuộc sống, từ nay hắn bắt đầu thôi không phải làm những công việc nặng nhọc tầm thường hèn mọn nữa. Đất có vẻ như đã thích hợp với hạt giống, vì những rễ con đã đâm sâu xuống, và bây giờ có lẽ những mầm chồi cũng vươn lên với đầy tự tin. Tại sao con người cứ bám rễ chắc vào đất, trong khi hắn cũng có thể vươn lên trời với cùng tầm như thế? - vì những cây quý đươc quý do hoa trái của nó sinh ra trong không khí và trong ánh sáng, xa mặt đất, và không bị đối xử như những thứ ăn được tầm thường, là thứ mà, dù có thể hai năm mới ra một lần, chỉ được trồng đến khi bộ rễ của chúng đã hoàn thiện, và thường bị bấm ngọn để ra rễ, khiến cho người ta hầu như không biết đến chúng trong mùa ra hoa của chúng.

Tôi không có ý định đề ra những quy tắc cho những bản chất mạnh mẽ và can trường, những người bận tâm về chuyên của họ trên thiên đường hay dưới địa ngục, và những người sống trong cảnh tráng lệ hơn, ăn tiêu phung phí hơn những người giàu nhất mà không sợ bị khánh kiệt (tôi không biết họ

sống như thế nào nếu quả thật có những người như thế, như người ta thường tưởng tượng); cũng không cho những ai tìm thấy sự khích lệ và cảm hứng trong chính hoàn cảnh hiện tại này, và yêu nó bằng tình yêu và nhiệt tình của người đang yêu; - và, trong chừng mực nào đó, tôi cũng kể bản thân tôi trong số này; tôi không nói với những người được sử dụng tốt, trong bất kì hoàn cảnh nào, và họ biết họ có được sử dụng tốt hay không; mà chủ yếu nói với phần lớn những người bất mãn, và lười nhác ngồi than thở về số phận khắc nghiệt của họ, hay về sự khó khăn của thời thế, trong khi họ có thể cải thiện nó. Có một số người than phiền một cách hăng hái và không nguôi về bất cứ chuyện gì, bởi vì, như họ nói, họ đang làm bổn phận. Tôi cũng nghĩ đến những kẻ giàu có bề ngoài, nhưng lại là tầng lớp thật sự bần cùng hơn cả, những kẻ đã tích góp rác rưởi, nhưng không biết sử dụng nó, hay tống khứ nó đi, và họ đã quên đi những xiềng xích bằng vàng hay bạc của họ như vậy.

Nếu tôi cố gắng kể tôi đã muốn sống cuộc đời tôi thế nào trong những năm qua, có lẽ nó sẽ làm ngạc nhiên những ai trong số bạn đọc của tôi đã ít nhiều quen với câu chuyện thực của nó; chắc chắn nó sẽ làm sửng sốt những ai không biết gì về nó. Tôi sẽ chỉ gọi qua về những nỗ lực mà tôi đã quý trọng.

Trong bất kì thời tiết nào, vào bất kể giờ nào ngày hay đêm, tôi đã lo lắng tận dụng từng mẩu thời gian, và khắc cả lên cây gậy của tôi nữa; đứng vào vạch xuất phát tại điểm gặp gỡ giữa hai vĩnh cửu, quá khứ và tương lai, chính xác là thời khắc hiện tại. Bạn hãy bỏ quá cho tôi vài chỗ tối nghĩa vì trong công việc của tôi có nhiều bí mật hơn của phần lớn những người khác, và tuy không tự ý giữ, nhưng không tách rời khỏi chính bản chất

của nó. Tôi sẽ vui lòng kể lại tất cả những gì tôi biết về nó, và không bao giờ kẻ dòng chữ "KHÔNG ĐƯỢC VÀO" lên cổng nhà tôi.

Cách đây đã lâu tôi bị mất một con chó săn, một con ngựa tía, và một con bồ câu [37] , và tôi vẫn còn đang truy tìm theo dấu vết của chúng. Nhiều du khách từng được tôi kể cho nghe về chúng đã mô tả những vết tích của chúng và chúng đáp lại kêu gọi nào. Tôi đã gặp một hoặc hai người đã từng nghe tiếng con chó săn, và tiếng bước chân nặng nề của con ngựa, và thậm chí đã thấy con chim câu mất hút sau một đám mây, và họ lo đến chuyện tìm lại chúng như thể chính họ đã đánh mất chúng vậy.

Thấy trước, không chỉ mặt trời mọc mặt trời lặn, mà cả bản thân Tự nhiên nữa, nếu có thể. Bao nhiêu buổi sáng, mùa hè và mùa đông, trước khi bất kì anh hàng xóm nào lăng xăng với công việc của anh ta, tôi đã lo đến công việc của tôi. Chắc chắn có nhiều người cùng phố với tôi đã gặp tôi trở về từ công việc bận rộn ấy, những nông phu bắt đầu đi Boston từ lúc còn tờ mờ đất, hay những thợ đốn gỗ đi làm công việc của họ. Đúng là tôi chưa bao giờ giúp cho mặt trời mọc lên, nhưng chắc chắn có mặt lúc mặt trời mọc là vô cùng quan trọng.

Nhiều ngày mùa thu hay mùa đông, tôi ra ngoài thành phố, nghe ngóng tin tức, nghe ngóng và nhanh chóng loan truyền! Tôi gần như ném tất cả vốn liếng của tôi vào nó, đứt hơi vì nó, chạy chọt xoay xở. Nếu nó có liên quan đến một đảng phái chính trị nào đó, phụ thuộc vào nó, chắc nó đã xuất hiện trên tờ Công báo với tin tức tình báo sớm nhất. Vào thời gian khác nhìn từ đài quan sát của một vách đá hay một cái cây, đánh điện tín báo tin mới đến, hay ban tối từ trên những đỉnh đồi đợi cho trời

sập xuống, để tôi có thể bắt được cái gì đó, mặc dù tôi chưa bao giờ bắt được cái gì, và đó, cái trí khôn như lộc trời [38] ban xuống, lại tan biến ngay dưới ánh mặt trời.

Trong một thời gian dài tôi làm phóng viên cho một tờ báo, phát hành không rộng rãi lắm, tổng biên tập của nó chưa bao giờ thấy phần lớn những gì tôi viết đáng để in, và, như rất thường xảy ra với những người cầm bút, để đền bù cho những cố gắng của tôi chỉ có công việc giao cho tôi nặng nề hơn. Nhưng trong trường hợp này, những cố gắng của tôi chính là phần thưởng cho chúng.

Trong nhiều năm tôi là một viên thanh tra tự bổ nhiệm, của những trận bão tuyết và những cơn bão nước, đã thi hành bổn phận của mình một cách trung thực; viên thanh tra, nếu không phải của những xa lộ, thì cũng của những con đường rừng, những con đường xuyên qua các lô đất, và những khe núi có cầu bắc qua và có thể qua lại cả bốn mùa, nơi mà những gót chân khách thập phương đã minh chứng cho ích lợi của chúng.

Tôi đã chăm nom cho bầy thú hoang của thành phố, cái lũ thường nhảy qua các hàng rào gây cho một người chăn dắt tận tâm quá nhiều phiền phức; và đã để mắt tới những xó xỉnh ít ai lui tới của nông trại; mặc dù tôi không phải lúc nào cũng biết Jona hay Solomon làm việc trong một mảnh ruộng cụ thể nào; đó không phải là việc của tôi. Tôi đã tưới nước cho cây việt quất đỏ, anh đào trên cát và cây tầm ma, cây thông đỏ và cây tần bì đen, cây nho trắng và viôlet vàng, nếu không chúng đã khô héo trong những mùa khô.

Tóm lại, tôi tiếp tục như thế trong một thời gian dài (tôi nói điều đó không hề khoác lác), tôi lo lắng cho công việc của mình

một cách tận tâm, cho đến khi, cuối cùng ngày càng rõ ra là những người dân thành phố tôi không chấp nhận tôi vào danh sách những quan chức của thành phố, cũng chẳng cho tôi một chức vụ suông [39] với khoản tiền trợ cấp vừa phải. Những tài khoản của tôi, mà tôi có thể thề là tôi đã giữ một cách trung thực, thật ra tôi chưa bao giờ phải kiểm toán, ít thu, ít chi, và ổn định. Tuy nhiên, tôi không để tâm nhiều vào chuyện đó.

Cách đây không lâu, một người da đỏ bán hàng rong đến bán rổ ở nhà một luật sư nổi tiếng trong khu vực của tôi. "Ông có muốn mua rổ không?", anh ta hỏi. "Không, chúng tôi không cần rổ rá gì cả", là câu trả lòi. "Cái gì!" người da đỏ la lên khi ra khỏi cổng, "ông muốn chúng tôi chết đói hả?". Vốn thấy những người da trắng trong vùng cần cù sống sung túc, đứng theo dõi thấy người luật sư chỉ có đan những luận cứ của ông ta mà giàu có kì lạ, anh ta tự nhủ: ta sẽ lao vào làm ăn; ta sẽ đan những chiếc rổ, đó là việc ta làm được. Anh ta nghĩ rằng khi làm xong những chiếc rổ là anh ta đã xong phần việc của mình, và bây giờ việc của người da trắng là mua chúng. Anh ta chưa khám phá ra rằng anh ta cần phải làm ra chúng sao cho đáng cho người ta mua, hay ít nhất làm cho người ta nghĩ là đáng mua, hay làm cái gì khác đáng cho người ta mua. Tôi cũng vậy, cũng đan một loại rổ bằng một nghệ thuật đan rất tinh tế, nhưng tôi chưa làm cho người ta thấy đáng mua chúng. Tuy nhiên trong trường hợp của tôi, ít nhất tôi nghĩ tôi đã bõ công đan chúng, và thay vì nghiên cứu xem làm thế nào để người ta thấy đáng mua những chiếc rổ của tôi, tôi đã nghiên cứu xem làm thế nào để tránh cần phải bán chúng [40]. Cuộc sống mà người ta ca ngợi và coi như thành

công chỉ là một loại. Tại sao chúng ta lại quá đề cao một loại nào đó mà hạ thấp những loại khác?

Thấy rằng những người dân thành phố của tôi không muốn cho tôi bất kì chỗ đứng nào trong tòa án, hay chức cha phó hay sống ở nơi nào khác, nhưng tôi phải tự chuyển hướng cho mình, tôi quay đầu hướng về rừng một cách quả quyết hơn bao giờ hết, ở đó tôi được biết rõ hơn. Tôi quyết định lao vào làm ăn ngay, và không đợi có được số vốn thông thường, chỉ dùng những phương tiện ít ỏi mà tôi đã có. Mục đích của tôi khi đi đến Đầm Walden không phải để sống tằn tiện hay sống xa hoa ở đó, mà để giải quyết một số việc riêng [41] với ít trở ngại nhất; bị trở ngại không hoàn thành được, vì thiếu một chút lương tri, một chút tài năng kinh doanh và lập nghiệp, tỏ ra không tệ như một thằng ngu.

Tôi đã luôn cố gắng để có những thói quen kinh doanh nghiêm ngặt; chúng là vô cùng cần thiết cho mọi người. Nếu bạn giao dịch buôn bán với Trung Hoa [42] (Celestial Empire), thì cần đặt một phòng tài vụ nho nhỏ trên bờ biển, trong một bến cảng Salem [43] nào đó là đủ. Bạn sẽ xuất khẩu những mặt hàng nào mà đất nước có thể làm được, những sản phẩm thuần túy nội địa, kim cương và gỗ thông nguyên cây, và một ít đá hoa cương, luôn luôn trong những bụng tàu bản địa. Đó sẽ là những dự án tốt. Tự bản thân bạn phải thấy trước mọi chi tiết; vừa làm thủy thủ vừa là thuyền trưởng, là ông chủ và người bảo hiểm; mua và bán và giữ sổ sách kế toán; đọc mọi bức thư nhận được, viết hay đọc mọi bức thư gửi đi, giám sát hàng nhập ngày và đêm; ở trên nhiều phần của bờ biển hầu như cùng một lúc; - những chuyến hàng giàu nhất thường bốc dỡ trên một bờ của

đảo Jersey; - là điện báo viên của chính bạn, đưa mắt không mệt mỏi quét lên đường chân trời, nói chuyện với tất cả những tàu bè vượt qua ranh giới hải phận; duy trì việc gửi hàng đều đặn để cung cấp cho những thị trường xa xôi và đắt giá; luôn luôn nắm tin tức về tình hình các thị trường; những triển vọng chiến tranh và hòa bình ở khắp nơi, và đoán trước các xu hướng của thương mại và văn minh, - tận dụng các kết quả của mọi cuộc thám hiểm khám phá, sử dụng những con đường và những cải tiến mới trong ngành hàng hải, - nghiên cứu những hải đồ, nắm vững vị trí của những dải đá ngầm và những đèn biển và những phao mới, luôn luôn và luôn luôn, hiệu chỉnh các bảng tính logarit, vì chỉ cần một vài phép tính sai con tàu lẽ ra có thể đến được bến cảng thân thiện thì lại va vào đá tan xác, - hãy nhớ đến số phận bí hiểm của La Perouse [44]; - phải theo dõi sát sao các kiến thức khoa học phổ thông, nghiên cứu cuộc đời của tất cả những nhà phát minh lớn và những nhà hàng hải lớn, những nhà thám hiểm lớn và những nhà buôn lớn, từ Hanno [45] và Phoenicia [46] đến tận thời đại chúng ta, thường xuyên kiểm kê kho hàng để biết bạn có bao nhiêu. Đó là một công việc để giao cho một người đàn ông - những vấn đề đòi hỏi kiến thức phổ thông như lỗ và lãi, lợi tức, bao bì và chiết khấu, và các phép đo lường.

Tôi nghĩ rằng Đầm Walden sẽ là nơi tốt cho kinh doanh, không chỉ vì có đường sắt và buôn bán kim cương; nó còn đem đến những thuận lợi mà khôn ngoan thì không nên nói ra; nó là một cái cảng tốt và một cái nền tốt. Không phải lấp những đầm lầy rộng như sông Neva [47] ; mặc dù chỗ nào bạn cũng phải xây nhà trên những cột trụ bằng sức mạnh của chính bạn. Người ta

bảo triều cường cùng với gió tây, và băng trên sông Neva, có thể quét bay St. Petersburg khỏi mặt đất.

Vì tôi khởi sự kinh doanh mà không có số vốn thường lệ, có lẽ bạn đọc khó đoán tôi kiếm đâu ra những phương tiện không thể thiếu được đối với mọi công cuộc như thế. Nói ngay đến phần thực tiễn của vấn đề, như Quần áo chẳng hạn, có lẽ lòng yêu chuộng cái mới, và xem xét ý kiến của mọi người thường xuyên dẫn dắt chúng ta nhiều hơn là cái tiện dụng thật sự. Kẻ nào đang muốn may sắm hãy nhớ lại rằng mục đích của quần áo, một là để giữ lượng nhiệt-sống-còn, và hai là, trong bình diện xã hội, để che thân khỏi lõa lồ; và anh ta có thể suy xét việc may sắm ấy quan trọng hay cần thiết đến mức nào để không phải tăng thêm tủ quần áo của anh ta. Các đức vua và hoàng hậu vận một bộ trang phục, dù được may bởi thợ may chuyên may những bộ triều phục cho hoàng gia, không thể biết được cái thoải mái của một bộ quần áo mặc vừa vặn. Trông họ không khác nào những con ngựa gỗ để người ta mắc những bộ quần áo sạch lên. Những bộ quần áo chúng ta mặc hằng ngày ngày càng bị đồng hóa với chính chúng ta, nhận lấy dấu ấn tính cách của người mặc chúng, cho đến khi chúng ta miễn cưỡng lìa bỏ chúng, mà không kéo dài tuổi thọ của chúng bằng cách chữa trị, can thiệp y khoa hay những cách trang trọng khác, giống như đối với cơ thể của chúng ta. Tôi không đánh giá ai thấp hơn vì có một miếng vá trên quần áo, tuy nhiên tôi chắc chắn rằng thông thường người ta lo lắng nhiều về việc có những bộ quần áo hợp thời trang, hay ít nhất sạch sẽ và lành lặn, hơn là có một lương tâm trong sạch. Nhưng cho dù chỗ rách không được vá lại, có lẽ tật xấu tệ hại nhất là không biết lo xa. Tôi đôi khi thử những

người quen của tôi như thế này; - ai có thể mang một miếng vá, hay chỉ là hai miếng may chần ("pich kê"), trên đầu gối? Phần lớn hành xử như thể tin rằng tiền đồ cuộc sống của họ có thể bị hủy hoại nếu họ dám làm thế. Đối với họ thà đi tập tễnh trên phố với một cái chân gẫy còn hơn là với một chiếc quần rách. Thông thường nếu tai nạn xảy ra với đôi chân của một quý ông, có thể chữa lành chúng; nhưng nếu tai nạn tương tự xảy ra với chiếc quần chẽn của ông ta, thì chẳng có cách gì, vì ông ta quan tâm không phải cái gì thật sự đáng tôn trọng, mà là cái gì được tôn trọng. Chúng ta chỉ biết một số ít đàn ông, nhưng một số lớn áo choàng và quấn ống túm. Bạn hãy mặc bộ quần áo bạn vừa thay ra cho một thằng bù nhìn giữ dưa, rồi lóng ngóng đứng bên cạnh, hỏi ai mà không mau mắn chào thằng bù nhìn trước? Hôm nọ đi qua một cánh đồng ngô, gần bên một chiếc mũ và một áo khoác trên một chiếc cọc, tôi nhận ra người chủ của trang trại. Ông ta chỉ hơi sạm nắng hơn khi tôi gặp lần trước. Tôi đã nghe kể về một con chó sủa tất cả người lạ quần áo chỉnh tề đến gần cơ ngoi của ông chủ nó, nhưng dễ dàng ngừng sủa trước một kẻ trộm trần truồng. Có một câu hỏi thú vị là con người còn giữ được tôn ti đến mức nào nếu họ bị lột bỏ toàn bộ quần áo? Trong trường hợp như thế, bạn có thể nói chắc chắn về tình bạn của những con người văn minh thuộc về một giai cấp đáng kính nào không? Khi Madam Pfeiffer [48] trong những chuyến phiêu lưu vòng quanh thế giới của bà, từ đông sang tây, đã về gần đến nhà, đến phần châu Á của nước Nga, bà nói bà cảm thấy cần mặc những bộ quần áo không phải trang phục du hành, khi bà đến gặp những nhà cầm quyền, vì bà lúc nay đang ở một nước văn minh, nơi ...con người được đánh giá bằng quần

áo của họ". Ngay cả trong những thành phố New England dân chủ của chúng ta, sự sở hữu tài sản ngẫu nhiên, và sự biểu lộ của nó chỉ qua quần áo và đồ đạc, đem lại cho chủ nhân của nó sự kính trọng hầu như phổ biến. Nhưng những người giành được sự kính trọng như thế, dù đông đảo, trong mức độ nào đó vẫn là những kẻ ngoại đạo, và cần gửi đến cho họ một đoàn truyền giáo. Ngoài ra, quần áo mở ra sự khâu vá, một loại công việc có thể nói là bất tận; ít ra, một bộ váy áo phụ nữ là chưa bao giờ được hoàn thành.

Một người đàn ông cuối cùng đã tìm thấy công việc của đời mình sẽ không cần một bộ quần áo mới để mặc khi làm công việc đó, đối với ông ta quần áo cũ cũng được, bộ quần áo đã nằm trong bụi bặm trên gác xép một thời gian vô hạn. Những đôi giày cũ sẽ phục vụ cho một nhân vật quan trọng lâu hơn chúng đã phục vụ cho người đầy tớ của ông ta - nếu nhân vật ấy có một đầy tớ - những bàn chân trần cũ hơn những đôi giày, và ông ta có thể khiến chúng làm thế. Chỉ có những người đến các buổi dạ hội và những tòa nhà lập pháp mới phải có những áo choàng mới, những áo choàng thay đổi liên tục như người mặc chúng. Nhưng nếu áo vét và quần của tôi, mũ và giày của tôi, là thích hợp mặc để thờ phụng Chúa, thì chúng là tốt, sao không? Có ai từng xài quần áo cũ của mình, chiếc áo choàng cũ chẳng hạn, đến nát bươm, đến mức đem cho một người nghèo, rồi người này có thể lại đem cho một người khác còn nghèo hơn cũng không thể coi là một việc làm từ thiện, hay chúng ta có thể nói: người giàu hơn là người cần ít hơn? Tôi khuyên bạn, hãy cẩn thận với những công việc cần những bộ quần áo mới, chứ không phải với người mới mặc những quần áo ấy. Nếu không có một

người mới, thì những bộ quần áo mới được làm ra cho ai? Nếu bạn phải làm một công việc gì quan trọng, hãy thực hiện nó trong bộ quần áo cũ của bạn. Tất cả những gì người ta muốn, không phải là cái mà người ta làm với nó, mà là cái mà người ta làm hay đúng hơn là cái mà người ta là. Có lẽ, dù quần áo cũ rách hay bẩn đến đâu chúng ta cũng chỉ nên sắm một bộ mới, khi mà trong hành xử chúng ta luôn cảm thấy mình như những con người mới trong bộ quần áo cũ, và như thế việc giữ lại những quần áo ấy chẳng khác nào đựng rượu mới trong bình cũ [49]. Mùa thay lông đổi cánh của chúng ta, giống như ở loài chim, phải là một bước ngoặt lớn trong cuộc sống của chúng ta. Khi thay lông, con chim lặn gavia rút lui về những cái đầm cô đơn để sống qua mùa ấy. Rắn cũng lột da của nó, con sâu bướm lột lớp vỏ sâu của nó như vậy, bằng một hoạt động ráo riết và nở ra bên trong, vì quần áo chỉ là lớp biểu bì ngoài cùng của chúng ta. Nếu không, người ta sẽ thấy chúng ta đang bay lượn trong màu cờ sắc áo của người khác, và cuối cùng đằng nào cũng phải trút bỏ đi, theo ý kiến của chính chúng ta, hay của người khác.

Chúng ta mặc hết quần áo này đến quần áo khác, như thể chúng ta lớn lên như những cây ngoại sinh [50] mà không thêm thứ gì. Quần áo bên ngoài của chúng ta thường mỏng và kì cục, là biểu bì hay lớp da giả của chúng ta, chúng không tham dự vào sự sống của chúng ta, và ở chỗ này chỗ kia có thể lột bỏ chúng mà không gây thương tích trầm trọng; những quần áo dày hơn, liên tục mòn đi, là lớp vỏ tế bào, nhưng những chiếc áo sơ mi của chúng ta là lớp vỏ cây thật sự, không thể bị cởi ra mà không lột đi lớp vỏ quanh thân cây và như vậy phá hủy thân người. Tôi tin rằng tất cả mọi giống người trong một số mùa mang một thứ

gì đó tương đương với áo sơ mi. Điều đáng mong muốn là một người đàn ông phải ăn mặc đơn giản đến mức anh ta có thể đặt tay lên thân mình trong bóng tối, và trong mọi phương diện anh ta sống cũng phải đơn giản để sẵn sàng đến mức nếu một kẻ thù chiếm thành phố, anh ta có thể, giống như một nhà triết học già, tay không bước ra khỏi cổng không hề lo sợ. Trong khi một bộ quần áo dày, hợp với phần lớn mục đích, tốt gấp ba lần một bộ quần áo mỏng, và quần áo rẻ tiền có thể kiếm được với những cái giá thật sự phù hợp với các khách hàng; trong khi một áo choàng dày có thể mua với năm đô la, có thể dùng nhiều năm, chiếc quần dày với hai đô la, đôi giày da bò một đô la rưỡi, một chiếc mũ mùa hè hai mươi lăm xu, và chiếc mũ ấm mùa đông sáu mươi hai xu rưỡi, hay một chiếc tốt hơn làm ở nhà với giá không đáng kể, ở đâu mà anh ta nghèo đến nỗi, mặc bộ quần áo như thế, bằng tiền anh ta kiếm được, mà không thể tìm thấy những người đàng hoàng tỏ lòng kính trọng anh ta?

Khi tôi yêu cầu may một bộ quần áo có dạng đặc biệt, chị thợ may của tôi nói với tôi giọng nghiêm trọng, "bây giờ người ta không mặc những thứ ấy", không nhấn mạnh chữ "người ta" như thể chị ta dẫn lời một uy quyền cũng vô nhân xưng như thần Định mệnh [51], và tôi thấy khó mà đặt làm được cái tôi muốn, đơn giản bởi vì chị ta không tin rằng tôi đã nói điều tôi định nói, rằng tôi thiếu suy nghĩ đến vậy. Khi nghe câu tối nghĩa này, trong một lúc tôi bị chìm đắm trong suy nghĩ, nhấn mạnh cho tôi từng từ tách biệt để tôi có thể tìm đến ý nghĩa của nó, để tôi có thể tìm ra người ta và tôi có quan hệ họ hàng gần gũi đến mức độ nào, và họ có quyền gì đối với một công việc tác động đến tôi sát sườn như thế, và, cuối cùng, tôi sẵn sàng trả lời chị ta

bằng một câu bí ẩn ngang như thế, và cũng không hề nhấn mạnh chữ "người ta" - "Đúng đấy, gần đây người ta không mặc những thứ ấy, nhưng bây giờ họ mặc". Đo người tôi thì có tác dụng gì nếu chị ta không đo tính cách của tôi, mà chỉ đo bề rộng của đôi vai tôi, như thể nó là một cái mắc áo để mắc cái áo choàng lên đó. Chúng ta không thờ nữ Thần sắc đẹp [52], cũng không thờ thần Định mệnh [53], mà thờ nữ thần Thời trang. Nàng xe và dệt và cắt với đủ uy quyền. Con khỉ đầu đàn ở Paris đội chiếc mũ của khách qua đường lên đầu, và tất cả mọi con khỉ ở Mĩ làm theo y hệt. Đôi khi tôi muốn có được một cái gì đó hoàn toàn đơn giản và ngay thật được làm ra trong thế giới này bởi con người, nhưng tôi thất vọng. Họ đáng phải cho qua một máy ép mạnh, để ép cho những khái niệm cũ kĩ bật ra khỏi người họ, sao cho họ không thể lại đứng lên trên hai chân ngay, rồi trong bọn lại có kẻ có một con mọt ở trong đầu, nở ra từ một quả trứng vùi ở đó không ai biết từ bao giờ, vì lửa cũng không diệt được nó, và thế là mọi nỗ lực của chúng ta sẽ uổng công. Nhưng chúng ta không nên quên rằng một số hạt lúa mì đã được trao lại cho chúng ta hôm nay bởi một xác ướp Ai Cập.

Về tổng thể, tôi nghĩ rằng không thể cho rằng việc ăn mặc, ở nước này hay bất cứ nước nào khác, đã vươn tới giá trị của một nghệ thuật. Ngày nay con người dùng để mặc những gì mà họ có thể kiếm được. Giống như những thủy thủ đắm tàu, họ mặc lên người bất cứ thứ gì họ có thể tìm thấy trên bãi biển, và ở một khoảng cách ngắn, về không gian hay thời gian, cười những thứ giả trang của nhau. Mọi thế hệ cười những mốt cũ, nhưng theo mốt mới một cách sùng tín. Nhìn những bộ trang phục của Henry VII. hay Nữ hoàng Elizabeth, chúng ta cũng thích thú

như những bộ trang phục của Hoàng đế hay Nữ hoàng Quần đảo Cannibal. Mọi thứ quần áo rời khỏi con người đều là đáng khinh hoặc kệch cỡm. Chỉ khi người mặc nó có con mắt nghiêm túc và cuộc sống thành thật, mới có thể chống chọi lại tiếng cười và làm cho quần áo của họ thành tôn nghiêm. Hãy tưởng tượng một Harlequin trong cơn đau bụng, trang phục của gã cũng sẽ phải giúp biểu lộ sự quằn quại của gã. Khi người lính trúng mảnh đại bác, thì những mảnh áo rách bươm cũng phù hợp như quần chầu áo tía [54].

Sở thích ấu trĩ và hoang dại của đàn ông và đàn bà về những mẫu mới khiến nhiều người phải xoay và nheo mắt ngắm qua những kính vạn hoa để tìm ra những hình mẫu đặc biệt mà thế hệ ngày nay đòi hỏi. Các nhà chế tạo mẫu biết rằng sở thích này chỉ là tưởng tượng mà thôi. Trong hai mẫu khác nhau chỉ vài đường chỉ, cái này sẵn sàng để bán, cái kia còn nằm lại trên giá, mặc dù rất thường xảy ra là sau một mùa cái thứ hai trở thành thời thượng nhất. Nói một cách tương đối, xăm mình không phải là một tập tục đáng ghét như người ta nói. Nó không dã man chỉ vì hình in ăn sâu vào da và không thay đổi được.

Tôi không thể tin rằng những hệ thống xưởng máy của chúng ta là phương thức tốt nhất nhờ nó con người có quần áo mặc. Điều kiện của công nhân đang trở nên ngày càng giống với điều kiện ở Anh [55]; và người ta không thể ngạc nhiên về điều đó, vì, trong phạm vi tôi đã nghe và thấy, mục tiêu chủ yếu của nó không phải là để cho loài người được ăn mặc tốt và trung thực, mà, chắc chắn là để cho các công ti có thể làm giàu hơn. Trong dài hạn con người chỉ đạt những gì mà anh ta nhằm tới.

Do đó, cho dù anh ta có thể thất bại ngay, anh ta cũng nên nhằm tới một cái gì cao hơn.

Còn về Nơi ở, tôi không phủ nhận rằng ngày nay nó là một nhu cầu của đời sống, mặc dù có những trường hợp con người đã sống không cần đến nó trong những khoảng thời gian dài trong những nước còn lạnh hơn thế này. Samuel Laing [56] nói rằng "những người Láp [57] trong những bộ quần áo da của họ, và trong những túi da mà họ trùm lên đầu và vai, ngủ hết đêm này qua đêm khác trên tuyết... trong một độ lạnh có thể giết chết người trong bất lừ bộ đồ len nào". Ông đã thấy họ ngủ như thế. Tuy nhiên ông nói thêm: "Họ không chịu rét giỏi hơn những người khác". Nhưng, có lẽ, con người đã không sống lâu trên mặt đất nếu họ không khám phá ra cái tiện lợi ấm cúng trong một ngôi nhà, sự thoải mái trong nhà, cụm từ này có thể có ý nghĩa ban đầu là những thỏa mãn về cái nhà hơn là về gia đình; mặc dù những thỏa mãn này hoàn toàn chỉ là một phần và chỉ thỉnh thoảng trong những vùng khí hậu nơi mà chúng ta chủ yếu nghĩ đến ngôi nhà khi nhớ đến mùa đông hoặc mùa mưa, còn lại hai phần ba thời gian trong năm, nó không cần thiết ngoài tác dụng như một cái ô. Trong vùng khí hậu của chúng ta, vào mùa hè, trước đây nó hầu như đơn thuần chỉ là một mái che ban đêm. Trong những tờ báo của người da đỏ, một cái lều là biểu tượng của một ngày đi bộ, và một dãy lều được khắc hoặc vẽ trên vỏ cây có nghĩa là họ đã dựng lều trại ở đây nhiều lần. Con người không được sinh ra với chân tay to khỏe vạm vỡ cho nên hắn muốn tìm cách thu hẹp thế giới của hắn lại, và xây tường bao một khoảng không gian sao cho phù hợp với hắn. Ban đầu hắn ở trần và ở ngoài trời; nhưng mặc dù như thế

là đủ thoải mái khi thời tiết trong sáng và ấm áp, dưới ánh ngày, nhưng mùa mưa và mùa đông, chưa nói đến cái nắng như thiêu, có lẽ đã bóp chết giống loài của hắn từ trong trứng nước nếu hắn không vội vàng che thân hắn bằng cái vỏ bọc của một ngôi nhà. Theo ngụ ngôn, Adam và Eve che thân bằng những cành cây trước khi dùng các thứ quần áo. Con người muốn có một ngôi nhà, một nơi ấm áp, thoải mái, trước hết là cái ấm áp về sinh lí, rồi mới đến cái ấm áp của tình thương yêu.

Chúng ta hãy tưởng tượng, trong thời ấu thơ của nhân loại, một số người cố sức khoét một cái hốc trong đá để trú ẩn. Mọi đứa trẻ lại bắt đầu thế giới của nó, trong chừng mực nào đó, thích ở ngoài trời, thậm chí trong mưa và lạnh. Trò chơi xây nhà, cũng như chơi ngựa, có một bản năng trong đó. Ai mà không nhớ khi còn nhỏ, đã thích thú như thế nào khi nhìn thấy những vách đá thoai thoải, hay khi đến gần một hang động. Đó là sự khao khát tự nhiên của cái phần thuộc về những tổ tiên nguyên thủy vẫn còn sống trong chúng ta. Từ những hang động này chúng ta đã tiến tới những mái lớp bằng lá cọ, bằng cành và vỏ cây, bằng lanh dệt, bằng cỏ và rơm rạ, bằng ván lợp, bằng đá và ngói. Cuối cùng, chúng ta không còn biết sống ngoài trời ra sao, và cuộc sống của chúng ta là cuộc sống ở trong nhà theo nhiều nghĩa hơn chúng ta nghĩ. Từ lò sưởi ra đến cánh đồng là một khoảng cách lớn. Có lẽ sẽ là tốt nếu chúng ta dành nhiều hơn những ngày và đêm của chúng ta để sống không có bất kì vật cản nào giữa chúng ta và các vì sao, nếu thi sĩ đã không nói quá nhiều dưới một mái nhà, hoặc vị thánh ở trong đó quá lâu. Chim chóc không bao giờ hót trong hang, những con bồ câu

cũng không thể hiện vẻ ngây thơ của chúng trong những chuồng chim câu.

Tuy nhiên, nếu một người thiết kế để xây một ngôi nhà ở, anh ta nên có một chút khôn ngoan Mĩ, đừng để rốt cuộc anh ta thấy mình trong một trại cải huấn, một mê cung không manh mối, một bảo tàng, một nhà tế bần, một nhà tù, một lăng mộ tráng lệ thay vì một ngôi nhà. Trước hết hãy xem cái ý tưởng về sự tuyệt đối cần thiết của một nơi ẩn náu nó mong manh như thế nào. Tôi đã thấy những người Anhđiêng Penobscot [58], trong thành phố này, sống trong những túp lều bằng vải bông mỏng, trong khi tuyết dày đến một foot xung quanh họ, và tôi nghĩ họ có lẽ thích nó dày hơn để chắn gió. Trước đây, khi vấn đề làm thế nào để kiếm ăn một cách lương thiện mà vẫn giữ được tự do cho những mục đích đúng đắn mà tôi theo đuổi, làm tôi bận tâm hơn bây giờ nhiều (vì không may bây giờ tôi đã trở nên chai lì thế nào đó), tôi thường thấy một chiếc hộp lớn bên đường tàu, dài hai mét rộng một mét, mà công nhân cất đồ nghề của họ vào ban đêm, và nó gợi cho tôi nghĩ rằng một người túng quẫn có thể có được một cái như thế này với một đô la, và, sau khi khoan vài lỗ để lấy khí trời, chui vào đó tránh mưa ban đêm, móc cái nắp lại, và như vậy đã có tự do trong tình yêu của hắn, và linh hồn hắn được tự do. Điều này đã không tỏ ra là tệ nhất, cũng không hề là một lối thoát hạ cấp. Anh có thể thức khuya đến đâu tùy ý, và, bất cứ khi nào anh thức dậy đi ra ngoài không có bất cứ ông chủ hay bà chủ trọ nào lẵng nhẵng theo anh đòi tiền thuê nhà. Một người lo lắng đến chết để trả tiền thuê một chiếc hộp to hơn và hào nhoáng hơn, sẽ không ớn lạnh đến chết trong một chiếc hộp như cái này. Tôi hoàn toàn không nói đùa. Kinh

tế là một chủ đề có thể bị coi nhẹ, nhưng không thể bỏ qua. Một ngôi nhà tiện nghi cho một giống người hoang dã và dày dạn thường sống chủ yếu ngoài trời, đã có lần được làm ở đây hầu như hoàn toàn bằng những vật liệu tự nhiên sẵn có trong tay họ. Gookin [59], người đã từng trông coi các thần dân Anhđiêng của Thuộc địa Massachusetts, viết năm 1674 rằng "những ngôi nhà của họ được lợp rất gọn gàng, khít và ấm, bằng những vỏ cây bong ra từ những thân cây khi chúng lớn lên, và được làm thành những giàn, dùng những cây gỗ nặng ép khi chúng còn xanh... Loại tầm thường nhất được lợp bằng những tấm thảm dệt bằng một loại cây bấc, và cũng khít và ấm, nhưng không tốt như loại trước. ... Một số ngôi nhà tôi đã thấy sáu mươi hay một trăm foot dài ba mươi foot rộng [khoảng 20 (hay 30) X 10 m]. Tôi thường nghỉ trong những lều của họ, và thấy chúng ấm như những nhà của người Anh". Ông nói thêm, rằng nói chung chúng được trải thảm và lót bên trong bằng những tấm thảm thêu rất khéo, và được trang bị nhiều dụng cụ gia đình. Người Anhđiêng đã tiến bộ đến mức biết điều hòa tác động của gió bằng một chiếc chiếu treo trên một lỗ trên mái, và được di chuyển bằng một sợi dây. Một nơi ở như thế được dựng trong một đến hai ngày là cùng, và được dỡ xuống hay dựng lên trong vài giờ, mỗi gia đình đều có một chiếc lều, hay một ngăn trong đó.

Trong trạng thái dã man, mỗi gia đình sở hữu một nơi ở tốt nhất có thể được, và đủ cho những nhu cầu thô sơ và đơn giản nhất của nó. Mặc dù mọi con chim trong không trung đều có tổ, mọi con sói đều có hang, những người dã man có lều của họ, nhưng trong xã hội văn minh hiện đại không quá một nửa số gia đình có nhà ở - tôi cho rằng nói thế là còn dè dặt. Trong

những thị trấn hay thành phố lớn, nơi văn minh đặc biệt ngự trị, số người sở hữu một chỗ ở là một phần rất nhỏ trong toàn thể. Số còn lại trả một khoản thuế đặc biệt hằng năm cho thứ che thân ngoài cùng này, trở nên không thể thiếu vào mùa hạ và mùa đông, khoản tiền có thể mua được một làng những túp lều của người Anhđiêng, nhưng bây giờ dùng để giữ cho họ nghèo suốt đời. Ở đây tôi không có ý nhấn mạnh sự bất lợi của việc thuê so với sở hữu, nhưng rõ ràng là người dã man có những chiếc lều của họ bởi vì chúng rất ít tốn kém, trong khi người văn minh thường thuê nhà bởi vì anh ta không thể mua nổi một cái; về lâu dài, anh ta cũng không thể thuê chỗ tốt hơn. Nhưng, người ta trả lời, chỉ bằng cách trả khoản phí này, người văn minh nghèo yên tâm về một nơi ở coi như một lâu đài nếu đem so với túp lều của người dã man. Khoản phí hằng năm từ hai mươi lăm đến một trăm đô la - đây là mức giá của nhà nước - cho anh ta hưởng những sự cải tiến của nhiều thế kỉ, những căn hộ rộng rãi, tường sơn và dán giấy sạch sẽ, lò sưởi Rumford [60], tường cách âm, những bức rèm Venetia, bơm nước băng đồng, khóa lò xo, một tầng hầm thênh thang, và nhiều thứ khác. Nhưng có phải ngẫu nhiên khi kẻ được cho là hưởng thụ những thứ này rất thông thường chỉ là người văn minh nghèo, trong khi người dã man, không có chúng, là người dã man giàu? Nếu khẳng định rằng văn minh là sự phát triển vượt bậc thật sự trong điều kiện sống của con người - và tôi nghĩ nó là thế, mặc dù chỉ có những người khôn ngoan mới biết tận dụng những thuận lợi của họ - cần phải chỉ ra rằng nó đã tạo ra những điều kiện ở tốt hơn mà không làm cho chúng đắt hơn, mà giá của một vật là cái mà tôi sẽ gọi là phần của cuộc sống được đòi hỏi

đánh đổi lấy nó, trước mắt hay lâu dài. Một cái nhà trung bình trong khu này giá khoảng tám trăm đô la, và để kiếm được số tiền đó cần mười đến mười lăm năm lao động cực nhọc của cuộc đời, ngay cả khi chưa có gia đình làm vướng bận - ước tính giá trị bằng tiền công lao động của một người là một đô la một ngày, vì nếu một người nhận được nhiều hơn thì có người khác nhận ít hơn - do đó thông thường hắn phải tiêu hơn nửa cuộc đời hắn trước khi có được căn lều của hắn. Nếu chúng ta giả thiết hắn trả tiền thuê, thì đây chỉ là lựa chọn cái xấu một cách đáng ngờ.

Nếu người dã man mà trao đổi căn lều của hắn lấy một lâu đài với những điều khoản như thế có phải là khôn không?

Có thể đoán rằng tôi giảm hầu như toàn bộ cái thuận lợi của việc giữ một tài sản dư thừa này thành một cái quỹ để dành cho tương lai, đây là nói về một cá nhân, chủ yếu để thanh toán cho ma chay. Nhưng một con người không cần phải chôn cất chính mình. Tuy nhiên ở đây cho thấy một khác biệt quan trọng giữa người văn minh và người dã man; và, rõ ràng vì phúc lợi của chúng ta mà cuộc sống của một dân tộc văn minh trở thành một thể chế, trong đó cuộc sống của mỗi cá nhân ở một mức độ rất lớn bị hòa tan trong mục đích chung: để bảo tồn và hoàn thiện cuộc sống của giống loài. Nhung tôi muốn chỉ ra rằng để đạt được thuận lợi ấy ngày nay chúng ta phải hi sinh điều gì, và gọi ý rằng chúng ta có thể sống sao cho vẫn giữ được tất cả những thuận lợi ấy mà không phải chịu bất kì sự bất lợi nào. Bạn định nói gì khi nói rằng cái nghèo luôn luôn bám theo bạn, hay "đời cha ăn mặn đời con khát nước" [61]?

"Khi Ta đang sống, Chúa Trời phán, ngươi sẽ không có dịp dùng câu cách ngôn này ở Israel".

"Hãy nhớ tất cả mọi linh hồn đều thuộc về ta: linh hồn của cha, cũng như linh hồn của con: linh hồn có tội sẽ phải chết" [62].

Khi xem xét những người láng giềng của tôi, những người nông dân của Concord, những người ít ra cũng khá giả như những giai cấp khác, tôi thấy rằng phần lớn làm việc cực nhọc hai mươi, ba mươi, bốn mươi năm, để họ có thể trở thành người chủ thật sự của những trang trại của họ, mà họ thường được thừa hưởng với những văn tự cầm cố, hoặc nếu không thì mua bằng tiền thuê, và chúng ta có thể coi một phần ba công sức nặng nhọc đó như giá của những ngôi nhà của họ - nhưng thông thường thì họ chưa trả hết. Thật ra, những gánh nặng ấy đôi khi nặng hơn giá trị của cái trại, do đó bản thân cái trại trở thành một gánh nặng lớn, thế mà vẫn có người muốn thừa hưởng nó, vì đã quá quen với nó, như anh ta nói. Khi tiếp xúc với những người định giá tài sản để lấy thông tin, tôi ngạc nhiên biết rằng họ không thể nêu ngay tên của một chục người trong thành phố tự do sở hữu những trang trại của họ và đã sạch hết nợ. Nếu bạn muốn biết lịch sử của những nhà cửa vườn tược này, cứ hỏi những ngân hàng nơi chúng được thế chấp. Người trả tiền mua trang trại của anh ta bằng chính lao động của mình trên đó là hiếm đến nỗi mọi hàng xóm có thể chỉ anh ta cho bạn. Tôi ngờ không có nổi ba người như thế ở Concord. Điều người ta đã nói về những lái buôn, rằng tuyệt đại đa số họ, đến chín mươi bảy phần trăm, chắc chắn là thất bại, cũng đúng với những trại chủ. Tuy nhiên, về những lái buôn, một người trong số họ đã nói rất đúng rằng phần lớn những thất bại của họ

không phải là những thất bại thật sự về tiền bạc, mà chỉ là không giữ được chữ tín, tức là phá sản về đạo đức. Nhưng điều đó làm cho vấn đề càng xấu hơn, và ngoài ra, nó gợi lên rằng thậm chí ba phần trăm kia cũng khó thành công trong việc cứu lấy linh hồn họ; mà có khi còn thất bại thảm hại hơn những người phá sản một cách trung thực.

Phá sản và khước từ là những tấm ván bật nhảy từ đó nhiều nền văn minh của chúng ta nhảy vọt lên rồi lộn nhào, nhưng người dã man đứng trên tấm ván không đàn hồi của nạn đói. Tuy nhiên cuộc triển lãm thú nuôi Middlesex [63] diễn ra ở đây hằng năm đầy tính chất phô trương, như thể tất cả các khâu khớp của cỗ máy nông nghiệp vẫn đang làm việc nhịp nhàng.

Người nông dân đang cố gắng giải quyết vấn đề sinh kế bằng một phương thức phức tạp hơn bản thân vấn đề đó. Để kiếm được món tiền nhỏ, hắn mơ tưởng đến việc chăn nuôi gia súc. Với tài khéo tuyệt vời hắn đã cài bẫy để bắt sung túc an nhàn và độc lập, rồi sau đó, hắn quay đi, và đạp chân đúng vào cái bẫy đó. Đó là lí do hắn nghèo; và cũng vì lí do tương tự tất cả chúng ta đều nghèo về hàng ngàn cái thoải mái nguyên thủy, cho dù sống giữa đủ thứ xa xỉ. Như Chapman [64] đã viết:

Cái xã hội giả dối của con người

Nhân danh của cái nơi trần thế

Mà coi khinh mọi nguồn an ủi siêu phàm.

Và khi người nông dân có được ngôi nhà của hắn, hắn có thể không giàu hơn mà nghèo đi vì nó, và chính ngôi nhà có hắn. Như tôi hiểu, đó là sự phản đối có hiệu lực mà Momus [65] đưa ra chống lại ngôi nhà mà Minerva đã tạo ra, rằng "nàng đã không

làm cho nó di chuyển được, để có thể tránh xa những láng giềng xấu"; và nó có thể còn khẩn thiết hơn, vì ngôi nhà của chúng ta là thứ tài sản cồng kềnh đến nỗi chúng ta thường bị cầm tù hơn là trú ngụ trong đó, vì kẻ láng giềng cần phải tránh chính là cái bản ngã tầm thường của chúng ta. Tôi biết ít nhất một hay hai gia đình trong thành phố này trong gần một thế hệ, đã muốn bán những ngôi nhà của họ ở vùng ngoại ô và chuyển về làng, nhưng đã không thể thực hiện ý nguyện đó, và chỉ cái chết mới trả lại cho họ tự do.

Cứ cho rằng đa số cuối cùng có thể sở hữu hay thuê ngôi nhà hiện đại với tất cả những cải tiến của nó. Trong khi nền văn minh đã và đang cải tiến những ngôi nhà của chúng ta, nó không cải tiến được như vậy những con người sống trong ngôi nhà đó. Nó đã tạo ra những lâu đài, nhưng nó không dễ dàng tạo ra những nhà quý tộc và những bậc quân vương. *Và nếu mục đích mà người văn minh theo đuổi không cao quý hơn của người dã man, nếu hắn sử dụng phần lớn hơn của đời hắn chỉ nhằm đạt những nhu cầu và tiện nghi thô thiển, thì sao có thể nói hắn có chỗ trú ngụ tốt hơn người dã man?*

Nhưng thiểu số người nghèo sống ra sao? Có lẽ sẽ thấy rằng chỉ một tỉ lệ nào đó được đặt vào những hoàn cảnh bên ngoài cao hơn người dã man, số còn lại bị suy sụp xuống thấp hơn. Một bên là lâu đài, bên kia là nhà tế bần và "người nghèo câm lặng" [66]. Vô vàn người xây kim tự tháp làm lăng mộ cho các Pharaoh được nuôi sống bằng tỏi, và bản thân họ có thể không được chôn cất tử tế. Người thợ nề làm xong một gờ nổi trên trần một lâu đài đêm đến trở về túp lều của mình có khi không được bằng lều của người nguyên thủy. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng

trong một nước có tồn tại những bằng chứng rõ ràng của nền văn minh, điều kiện sống của số đông dân cư không bị suy sụp tồi tệ như của người dã man. Tôi nhắc đến người nghèo suy sụp, chứ không nói người giàu suy sụp. Để biết điều này tôi không cần nhìn xa hơn những ngôi nhà lụp xụp gần bên những đường sắt của chúng ta, bước tiến mới nhất của nền văn minh, ở đó ngày ngày đi bộ qua tôi thấy những con người sống trong những túp lều bẩn như chuồng heo, và cả mùa đông vẫn phải mở cửa lấy ánh sáng, mà vẫn không nhìn rõ, thậm chí không hình dung ra hình dạng của cả người già lẫn người trẻ lúc nào cũng thu mình lại bởi một thói quen lâu ngày phải co ro vì lạnh và vì khốn khổ, va sự phát triển của chân tay họ cũng như những khả năng của họ đều bị chặn lại. Chắc chắn là đúng khi nhìn vào giai cấp mà lao động của họ thực hiện cái công trình nhận biết thế hệ này. Trong một phạm vi rộng hơn hay hẹp hơn, điều kiện sống của mọi hạng công nhân ở Anh - trại tế bần lớn nhất của thế giới - cũng thế. Hoặc tôi có thể nhắc bạn nghĩ tới Ai Len, nó được đánh dấu bằng những điểm trắng hay sáng trên bản đồ. Tuy nhiên ta thử so sánh điều kiện vật chất của người Ai Len với của người Anhđiêng Bắc Mĩ hay người dân đảo Biển Nam, hay bất kì giống người dã man nào trước khi nó bị xuống cấp do tiếp xúc với con người văn minh. Thế nhưng tôi tin rằng những người cai trị các dân tộc ấy cũng khôn ngoan không kém những người trung bình trong số người cai trị văn minh. Điều kiện của họ chỉ cho thấy sự dơ dáy nào có thể phù hợp với nền văn minh. Tôi chẳng cần nhắc đến những người lao động ở các bang miền Nam sản xuất ra những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của đất nước, và bản thân họ là những mặt hàng sản xuất của miền

Nam. Nhưng tôi tự giới hạn trong những người được coi là ở những hoàn cảnh vừa phải.

Phần lớn người ta dường như chưa bao giờ xem xét một ngôi nhà là thế nào, và trên thực tế mặc dù cả đòi chịu nghèo túng một cách không đáng, bởi vì họ nghĩ rằng họ phải có cái mà người hàng xóm của họ có. Như thể người ta thường sẵn sàng mặc bất kì chiếc áo choàng nào mà ngươi thợ may có thể cắt cho họ, hay dần dần bỏ chiếc mũ bằng lá cọ hoặc chiếc mũ lưỡi trai bằng lông chuột chũi [67], than khổ than sở vì không mua nổi cho mình một chiếc mũ miện! Có thể nghĩ ra một ngôi nhà còn tiện nghi và sang trọng hơn chúng ta có, mà mọi người đều thừa nhận rằng con người không tài nào mua nổi. Liệu chúng ta có luôn luôn suy ngẫm để đạt được nhiều hơn những thứ này, và đôi khi không vừa lòng với ít hơn không? Chẳng lẽ một công dân đáng kính cứ phải lên giọng quan trọng và dùng những châm ngôn và ví dụ, dạy thanh niên phải kiếm cho được, trước khi chết, một số lượng thừa thãi những giày và ô vô dụng, và những phòng khách trống rỗng cho những vị khách rỗng tuếch hay sao? Tại sao đồ đạc nội thất của chúng ta không đơn giản như của người Arập hay người Anhđiêng? Khi nghĩ tới những nhà từ thiện của loài người, mà chúng ta tôn vinh như những thiên sứ từ trên trời xuống, những vị mang các món quà thần thánh cho con người, tôi không thấy trong trí tôi có đoàn tùy tùng nào theo gót họ, một xe đồ đạc hợp thời trang nào cả. Hay sẽ thế nào nếu tôi sẵn sàng chấp nhận - chẳng phải là một sự chấp nhận kì quặc sao? - rằng đồ đạc của chúng ta nên phức tạp hơn của người Arập, cho tương ứng với sự ưu việt về đạo đức và trí tuệ của chúng ta so với họ! Ngày nay nhà ở của chúng ta hỗn tạp và

thô vì đồ đạc, và một người nội trợ đảm đang phải quét phần lớn chúng vào hố rác, để hoàn thành công việc buổi sáng của bà. Công việc buổi sáng! Bằng những ánh hồng của Aurora [68] và âm nhạc của Memnon[69], công việc buổi sáng của con người nên là gì trong thế giới này? Tôi có ba hòn đá vôi đặt trên bàn làm việc, nhưng tôi đã khiếp sợ khi thấy cứ phải phủi bụi cho chúng hằng ngày, khi trong trí tôi đồ đạc là phải không bám bụi, và tôi ghê tởm ném chúng qua cửa sổ. Như vậy thì làm sao tôi có thể có một căn nhà trang bị sẵn đồ đạc? Tôi thích ngồi ngoài trời hơn, vì không có bụi bám trên lá cỏ, trừ phi người ta vừa xới đất lên.

Chính những kẻ ưa xa hoa và phung phí đã bày đặt ra những thời trang, mà bầy đàn cắm cúi đi theo. Người lữ khách nghỉ lại ở những ngôi nhà tốt nhất, sớm nhận ra điều này, vì những chủ quán coi anh ta là một Sardanapalus [70], và nếu anh ta sẵn sàng nhận sự chăm sóc của họ, anh ta sẽ bị lột sạch. Tôi nghĩ rằng trong toa tàu chúng ta có xu hướng tiêu tốn nhiều cho những thứ xa hoa hơn là cho sự an toàn và thoải mái, và nếu không có những thứ này nó có nguy cơ trở thành một phong khách hiện đại xoàng xĩnh trong toa xe, với những đi văng, và những ghế dài có đệm, những dù che nắng, và hàng trăm vật dụng phương Đông khác mà chúng ta đưa về phương Tây với chúng ta, những thứ được chế ra cho những cung nữ và hoạn quan của Trung Hoa, mà Jonathan [71] nếu biết tên chắc sẽ phải hổ thẹn. Tôi thà ngồi một mình trên một quả bí ngô còn hơn là chen chúc trên một cái đệm nhung. Tôi thà đi trên một chiếc xe bò ngang dọc mặt đất thở không khí trong lành, còn hơn là đi lên trời trong một toa hào nhoáng của một đoàn tàu tham quan

tập thể và thoi thóp trong một cơn bệnh sốt rét trên suốt quãng đường.

Chính cái tính giản đơn và trần trụi của cuộc sống con người trong thời nguyên thủy ít nhất đã bao hàm thuận lợi này, để hắn vẫn chỉ là kẻ cư ngụ trong thiên nhiên. Khi hắn lấy lại sức nhờ thức ăn và giấc ngủ, hắn lại suy ngẫm chặng đường đi của hắn. Hắn đã ở, đúng thế, trong một túp lều trong thế giới này, và hoặc là đang len lỏi qua những thung lũng, hoặc băng qua những bình nguyên, hoặc trèo lên những đỉnh núi. Nhưng trông kìa! Con người đã trở thành công cụ cho những công cụ của nó, Con người trước đây tùy ý giơ tay hái quả khi đói, bây giờ trở thành một nông dân; và kẻ trước đây lấy một gốc cây làm nơi trú ngụ, nay quản lí một ngôi nhà. Chúng ta bây giờ không còn cắm trại qua đêm nữa, nhưng đã đậu trên mặt đất và quên mất bầu trời. Chúng ta đã theo đạo Thiên Chúa chỉ như một phương pháp cải tiến của nông nghiệp, hay "địa văn" [72]. Chúng ta đã xây cho thế giới này một mái nhà cho gia đình, và cho thế giới bên kia, một nấm mồ gia đình. Những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời nhất biểu hiện cuộc đấu tranh của con người giải phóng bản thân hắn khỏi những điều kiện này, nhưng tác động của nghệ thuật của chúng ta chỉ làm cho cái lãnh địa thấp này trở nên sung túc, và cái lãnh địa cao hơn kia bị quên lãng. Trong ngôi làng này thật sự không có chỗ cho một tác phẩm mĩ thuật - nếu có cái nào đến được với chúng ta - ủng hộ cho cuộc sống của chúng ta, những ngôi nhà và những phố xá của chúng ta, mà không tạo ra sự ngưỡng mộ thích đáng đối với nó. Không có một cái đinh để treo một bức tranh lên, không có một cái kệ để đặt một bức tượng bán thân một vị anh hùng hay một vị thánh.

Khi xem xét những ngôi nhà của chúng ta được xây dựng như thế nào, tôi ngạc nhiên thấy sàn nhà không để lối đi cho khách khi ông ta đang chiêm ngưỡng những đồ trang trí vô giá trị trên mặt lò sưởi, và để ông ta qua đó xuống tầng hầm, đến một nền móng vững chắc và hợp lí tuy mộc mạc. Tôi không khỏi nhận thấy rằng cuộc sống gọi là giàu có và sang trọng tinh túy này là một thứ giàu mới nổi, và tôi không ưng cái thứ mĩ thuật tô điểm cho nó; toàn bộ sự chú ý của tôi bị thu hút vào cái sự giàu mới nổi đó; vì tôi nhớ rằng bước nhảy vọt thật sự ngoạn mục, chỉ nhờ vào cơ bắp con người, đã ghi được kỉ lục, là của những người Arập lang thang, những người nghe nói đã nhảy xa hai mươi lăm foot [73] trên đất bằng. Không có sự ủng hộ giả dối, con người chắc chắn trở về thực tại vượt qua cự li đó. Câu hỏi đầu tiên mà tôi muốn đặt ra cho chủ nhân của cái kỉ lục giả dối ấy là: Ai đã ủng hộ anh? Anh có phải là trong số chín mươi bảy phần trăm thất bại không? Hay là trong số ba phần trăm thành công? Hãy trả lời những câu hỏi này của tôi, và sau đó có lẽ tôi có thể nhìn vào của anh và thấy chúng chỉ để trang trí. Đặt cỗ xe trước con ngựa thì vừa không đẹp lại vừa vô ích. Trước khi chúng ta có thể trang hoàng cho ngôi nhà của mình bằng những món đồ đẹp đẽ thì những bức tường phải để không, và cuộc sống của chúng ta cũng phải trần trụi, và phải đặt một nền tảng cho công việc quản gia đẹp và cách sống đẹp: bây giờ sở thích cái đẹp chủ yếu được vun trồng ngoài trời, nơi không có nhà mà cũng chẳng có quản gia.

Ông già Johnson [74], trong cuốn *Những Tiên tri Mầu nhiệm* nói về những người định cư đầu tiên của thành phố này, là người đồng thời với ông, cho chúng ta biết "họ đào bới đất để làm chỗ

trú đầu tiên dưới sườn đồi, và, đắp đất cao trên những cây gỗ, và đốt lửa có khói trên mặt đất, ở phía cao nhất"". Ông nói, "họ không làm nhà, cho đến khi đất đai, nhờ hồng phúc của Chúa, đem đến cho họ bánh để nuôi sống họ" và mùa màng năm đầu tiên kém đến mức "họ phải cắt bánh thật mỏng để sống qua cả một mùa dài". Viên chức của tỉnh New Netherland [75], trong một văn bản viết bằng tiếng Đức, năm 1650, để thông tin cho những ai muốn lấy đất ở đó, hướng dẫn rất cụ thể, rằng những ai ở New Netherland, và đặc biệt ở New England, những người không có phương tiện để xây dựng nhà trại lúc đầu như ý nguyện của họ, hãy đào một cái hố vuông, sâu sáu hay bảy foot, dài và rộng tùy theo ý họ, dùng gỗ đóng bốn xung quanh thành hình hộp, lát sàn bằng ván và ốp trên đầu làm trần, nâng một cái mái bằng xà dọc, và lợp bằng vỏ cây hoặc cỏ, sao cho tất cả những gia đình của họ có thể sống trong những căn nhà khô ráo và ấm áp đó trong hai, ba, hay bốn năm, bên trong làm những vách ngăn thành nhiều gian theo cỡ lớn nhỏ của các gia đình. Những người giàu có và quan trọng ở New England, vào thời gian đầu của thuộc địa này, khởi đầu những căn nhà ở đầu tiên của họ theo cách này trong hai mùa; thứ nhất, để không phải phí thời gian xây nhà, và để khỏi lo thiếu thức ăn cho mùa sau; thứ hai, để không làm tủi thân những người lao động nghèo, mà họ đưa từ tổ quốc sang. Trong khoảng thời gian ba bốn năm, khi đất nước đã thuần thục với nghề nông, họ xây cho mình những tòa nhà to đẹp, tốn hàng ngàn đồng.

Trong thời gian đầu tổ tiên chúng ta đã tỏ ra ít ra là thận trọng, như thể nguyên tắc của các cụ là trước tiên phải thỏa mãn những nhu cầu cấp thiết hơn. Nhưng ngày nay những nhu

cầu cấp thiết hơn có được thỏa mãn không? Khi muốn kiếm cho mình một nơi ở thật sang trọng, tôi hơi nản, bởi vì đất nước này chưa thuần thục với văn hóa con người [76], nhân-văn; và chúng ta vẫn còn phải cắt chiếc bánh tinh thần của mình mỏng hơn cha ông chúng ta cắt chiếc bánh bằng bột mì của họ. Những trang trí kiến trúc không bị bỏ qua ngay cả trong những thời kì khắc nghiệt nhất, nhưng hãy để cho những ngôi nhà của chúng ta trước hết được đẹp từ bên trong, nơi chúng cọ xát với cuộc sống của chúng ta, như những chiếc vỏ xà cừ của loài sò hến, mà không bị che khuất bởi trang trí. Nhưng, hỡi ôi! Tôi đã ở bên trong một hay hai ngôi nhà như thế, và biết chúng bị che phủ bởi cái gì.

Mặc dù chúng ta không đến nỗi suy thoái như thế nhưng ngày nay chúng ta cũng có thể sống trong một cái hang hay một túp lều hay mặc da thú, nó chắc chắn là tốt hơn để nhận những thuận lợi, dù được mua với giá đắt như thế, mà phát minh và công nghiệp của nhân loại đem đến cho ta. Trong những khu vực như khu này, ván lợp và ván ốp, vôi và gạch, hoặc cả gỗ nguyên cây mới đốn, hoặc vỏ cây với số lượng đủ, hoặc thậm chí đất sét nung hoặc đá phiến, đều rẻ hơn và dễ kiếm hơn những hang động thích hợp. Tôi nói một cách thấu hiểu về chủ đề này, vì tôi đã làm quen với nó về cả lí thuyết lẫn thực hành. Với chút khôn ranh nữa chúng ta có thể sử dụng những vật liệu ấy để trở nên giàu có hơn cả người giàu nhất hiện nay, và làm cho nền văn minh của chúng ta thành một phúc lành. Người văn minh là người dã man khôn hơn và có kinh nghiệm hơn. Nhưng thôi ta hãy trở lại ngay thí nghiệm của tôi.

Gần cuối tháng Ba năm 1845, tôi mượn một cái rìu và đi vào mấy khu rừng gần đầm Walden, sát ngay chỗ tôi định dựng một ngôi nhà, và bắt đầu đốn hạ những cây thông xanh cao hình mũi tên, vẫn còn đang trong thời trẻ trung của chúng, để lấy gỗ. Khó mà bắt đầu công việc nếu không mượn cái gì, nhưng có lẽ đấy là cách thông thường nhất để các bạn của anh chú ý đến công trình của anh. Người chủ của chiếc rìu, khi buông ra cho tôi mượn, nói rằng nó là con ngươi trong mắt anh ta; nhưng khi tôi trả nó sắc hơn khi tôi mượn. Nơi tôi làm việc là một sườn đồi thoai thoải, được bao phủ bằng những rừng thông, tôi nhìn qua đó xuống đầm, và một cánh đồng trống nhỏ giữa rừng mọc đầy thông và cây mại châu. Trên đầm băng chưa tan, mặc dù có những chỗ đất đã hở ra, và tất cả là một màu sẫm và đẫm nước. Trong những ngày tôi làm việc ở đó có những con mưa tuyết nhỏ; nhưng phần lớn thời gian khi tôi đi ra đường sắt, trên đường về nhà, đống cát vàng của nó trải dài và lấp lóa trong bầu không khí mù sương, và những thanh ray lóe lên dưới ánh nắng xuân, và tôi nghe tiếng chim chiền chiện, chim ruồi và nhiều loại chim khác đã chào mừng một năm mới đến với chúng tôi. Đó là những ngày xuân thú vị, trong đó mùa đông của sự bất mãn của con người [77] đang tan ra như băng trên mặt đất, và sự sống đang nằm mê mụ bắt đầu trở mình. Một hôm, khi chiếc rìu của tôi bị long ra, và tôi chặt một cây mại châu xanh để làm một cái nêm, dùng một hòn đá để đóng vào, và nhúng tất cả vào một cái lỗ trên đầm để cho gỗ nở ra, tôi thấy một con rắn sọc dưa lao xuống nước, và nó nằm dưới đáy, rõ ràng là khá thoải mái, suốt thời gian tôi lẳng lặng ở đó, tới hơn mười lăm phút, có lẽ vì nó chưa hoàn toàn ra khỏi trạng thái ù lì. Tôi có cảm tưởng rằng

con người vẫn ở trong trạng thái nguyên thủy và thấp kém hiện nay của họ vì một lí do giống nhau; nhưng nếu họ cảm được cái tác động của mùa xuân đang bừng dậy thức tỉnh họ, họ sẽ thấy cần vươn lên một cuộc sống thanh cao thánh thiện hơn. Trước đây trên đường đi tôi đã từng nhìn thấy những con rắn trong những buổi sáng sương giá một phần thân chúng vẫn tê cứng đang đợi nắng lên cho tan giá. Ngày mồng một tháng Tư trời mưa và băng tan, và trong buổi sớm của ngày hôm ấy, sương mù rất dày, tôi nghe thấy một con ngỗng lạc đang mò mẫm đi trên đầm, kêu quác quác như thể bối rối, hay rầu rĩ như linh hồn của sương mù.

Như vậy mấy hôm liền tôi tiếp tục chặt và đẽo cây, rồi dựng cột lắp rui, tất cả chỉ bằng chiếc rìu nhỏ của tôi, trong đầu chẳng có ý nghĩ nào trọn vẹn để nói ra với ai, tôi hát một mình:

Người đời nói họ biết cả mọi thứ;

Nhưng trông kìa! Họ đã cất lên đôi cánh,-

Nghệ thuật và Khoa học,

Và một ngàn dụng cụ;

Ngọn gió đang thổi

Là điều ai cũng biết.

Tôi đẽo những cây gỗ lớn thành hình vuông mỗi chiều sáu inch (15cm), còn phần lớn những cây dùng làm cột chỉ đẽo hai mặt, và những cây gỗ làm rui và sàn chỉ đẽo một mặt, phần còn lại để nguyên vỏ cây, để chúng thẳng bằng và khỏe hơn những cây đã được cưa. Mỗi đầu cột đầu xà được cưa mộng hoặc khoét lỗ mộng thật khéo, vì lúc này tôi đã mượn đủ các dụng cụ khác. Những ngày của tôi trong rừng không dài, tuy nhiên tôi thường

mang theo bữa ăn gồm bánh và bơ, và đọc mảnh báo dùng để bọc chúng, vào buổi trưa, ngồi giữa những cành thông xanh mà tôi đã chặt xuống, để miếng bánh của tôi được thấm chút hương thơm của chúng, vì hai bàn tay tôi bị bọc bởi lớp hắc ín dày. Trước khi làm xong tôi đã là một người bạn hơn là một kẻ thù của cây thông, mặc dù tôi đã chặt một số cây, khi đã trở nên quen biết nhiều hơn với chúng. Đôi khi một người đi lang thang trong rừng nghe tiếng rìu của tôi tìm đến, và chúng tôi ngồi trên những khoanh gỗ mà tôi cưa ra, chuyện trò thoải mái.

Vào giữa tháng Tư, vì công việc của tôi không có gì phải vội vã, do phần lớn công việc đã xong, ngôi nhà của tôi đã lên khung và sẵn sàng để dựng. Tôi đã mua cái chòi của James Collins, một người Ai Len làm việc cho công ti đường sắt Fitchburg, để bóc lấy những tấm ván. Cái chòi của James Collins được coi là tuyệt vời. Khi tôi đến để xem nó ông ta không có nhà. Tôi bước quanh bên ngoài, lúc đầu không có ai từ bên trong nhìn thấy, vì cửa sổ vừa sâu vừa cao. Nó có kích thước nhỏ, mái có đỉnh nhọn, và không có gì khác đáng nhìn, bùn đất bẩn lên đến năm foot (một mét rưỡi) khắp xung quanh, như một đống phân. Cái mái là phần trông khả quan nhất, mặc dù đã bị cong queo rất nhiều và giòn vì nắng. Ngưỡng cửa chẳng có, mà dưới cánh cửa là một lối đi cho gà mái quanh năm ra vào. Bà C. bước ra cửa và bảo tôi vào xem bên trong. Lũ gà mái thấy tôi đến gần chạy tán loạn. Bên trong tối, phần chủ yếu là một cái sàn lấm đất bùn, ẩm ướt, nhớp nháp, sốt rét, đây đó chỉ có những tấm ván còn lại chỉ vì chúng khó bị bóc ra. Bà ta thắp đèn lên để chỉ cho tôi thấy phần bên trong của mái và tường, và ván sàn thò ra bên dưới gầm giường, cảnh báo để tôi khỏi thụt

xuống hầm, một thứ lỗ hổng bẩn thỉu sâu hai foot. Theo lời bà ta thì "những tấm ván trên mái tốt lắm, ván lát xung quanh tường tốt lắm, và có một cái cửa sổ tốt", ban đầu đủ cả hai ô kính, chỉ vì con mèo mới làm vỡ gần đây thôi. Có một lò sưởi, một cái giường, và một chiếc ghế, một đứa bé sơ sinh, một chiếc ô bằng lụa, một gương soi khung mạ vàng, và một cối xay cà phê mới có bằng sáng chế đóng đinh vào thân cây sồi non, nói lên tất cả. Cuộc mặc cả diễn ra chóng vánh, vì lúc này ông James vừa về đến. Tôi phải trả bốn đô la và hai mươi lăm cent ngay tối nay, ông ta sẽ dọn đi vào năm giờ sáng mai, trong thời gian đó không được bán cho người khác: sáu giờ sáng tôi sẽ sở hữu nó.

Ông ta bảo tốt nhất nên đến sớm, trước khi họ đến đòi hỏi lằng nhằng vô lí về tiền nợ thuê đất và nhiên liệu. Ông cam đoan với tôi đó là điều phiền toái duy nhất. Lúc sáu giờ tôi đi ngang qua ông ta và gia đình trên đường. Tất cả gói gọn thành một bó lớn, - giường, cối xay cà phê, gương soi, lũ gà mái - tất cả chỉ thiếu con mèo, nó đã vọt vào rừng và thành con mèo hoang, và, sau này tôi biết, bị mắc vào một cái bẫy chuột chũi, và cuối cùng đã chết như thế.

Tôi tiếp quản chỗ ở ấy ngay sáng hôm ấy, nhổ đinh, dỡ nó ra chở đến bên bờ đầm bằng mấy chuyến xe tải nhỏ, trải những tấm ván trên cỏ để phơi nắng cho trắng ra và uốn cho phẳng lại. Một chú sơn ca ban sớm tặng tôi mấy tiếng hót véo von khi tôi đi ngang qua đường rừng. Một thằng bé tên Patrick [78] mách tôi rằng lão láng giềng Seeley, một người Ai Len, trong khoảng giữa những chuyến xe của tôi, đã tuồn những đinh, đinh ghim, đinh dài còn thẳng và dùng được vào túi lão, rồi khi tôi quay lại để nghỉ, lão đứng thoải mái ngước nhìn lên, tỉnh bơ như không có

chuyện gì xảy ra và vô can với sự phá hoại đó; "bây giờ kiếm việc làm khó quá", lão nói. Lão đứng đó đóng vai khán giả, và giúp biến cái sự kiện dường như vô nghĩa này thành một sự kiện các vị thần thành Troy ra khỏi đền miếu của mình.

Tôi đào tầng hầm của mình ở một sườn đồi dốc về hướng nam, ở đó trước đây một con chuột chũi đã đào cái hang của nó, xuyên qua rễ những cây sơn, cây mâm xôi và các loại cây cỏ khác; vuông mỗi chiều sáu foot, sâu bảy foot, đến một lớp cát mịn, nơi khoai tây không bị đóng băng lại dù mùa đông lạnh giá cỡ nào. Các mặt bên tôi làm thành bậc, không ốp đá, nhưng mặt trời không bao giờ chiếu vào đến đó, nên cát không bị rời ra. Tất cả chỉ mất hai giờ làm việc. Tôi hết sức thích thú với hốc đất này, vì hầu như tại mọi vĩ độ, con người đào sâu vào đất chỉ để kiếm một nhiệt độ tương đối điều hòa. Dưới ngôi nhà tráng lệ nhất ở thành phố cũng có thể thấy những tầng hầm để bảo quản rau quả, và sau khi phần kiến trúc phía trên của tòa nhà đã biến mất từ lâu, thì hậu thế vẫn có thể nhận thấy dấu ấn của nó trên mặt đất. Ngôi nhà vẫn chỉ là cái cổng ở lối vào một cái hang mà thôi.

Cuối cùng, vào đầu tháng Năm, nhờ sự giúp đỡ của một số người quen, không chỉ là cần giúp, mà còn muốn nhân dịp này cải thiện mối quan hệ láng giềng, tôi dựng khung của ngôi nhà. Chưa có ai từng được những người giúp đỡ mình ca ngợi như tôi. Tôi nghĩ rằng họ đã dự tính giúp dựng một kiến trúc kì vĩ hơn thế này nhiều. Tôi bắt đầu vào ở ngôi nhà của mình từ ngày 4 tháng Bảy, ngay khi nó được lát ván và lợp mái, vì những tấm ván đã được viền và chồng mép lên nhau cẩn thận, để mưa không lọt qua được; nhưng trước khi lót ván tôi đặt móng cho

một cái bếp lò, bằng hai xe đá mà tôi khuân bằng tay từ dưới đầm lên đồi. Tôi xây cái lò sau khi cuốc đất vào mùa thu, trước khi cần lửa để sưởi ấm, trong thời gian ấy tôi nấu ăn ngoài trời, lúc sáng sớm, tôi vẫn nghĩ cách ấy ở một vài khía cạnh thuận tiện hơn và dễ chịu hơn cách thông thường. Khi trời mưa mà chưa làm xong bánh, tôi gác mấy tấm ván phía trên đống lửa, và ngồi bên dưới để quan sát ổ bánh, và trải qua vài giờ thoải mái theo cách ấy. Trong những ngày ấy, khi đôi bàn tay thường xuyên bận rộn, tôi vẫn đọc tuy rất ít, chỉ vài mảnh báo rơi trên sàn hay khăn trải bàn, cũng làm tôi tiêu khiển chẳng khác nào một bản Iliad [79].

Có lẽ cũng đáng chậm rãi hơn tôi đã làm, nếu để ý nghiền ngẫm chẳng hạn, một cái cửa, một cửa sổ, tầng hầm một gian áp mái có ý nghĩa gì trong cuộc sống của con người, và đừng vội dựng lên bất kì phần kiến trúc nào bên trên cho đến khi chúng ta tìm ra một lí do xác đáng hơn cái nhu cầu nhất thời của chúng ta. Trong việc con người xây dựng một ngôi nhà cũng có sự thích hợp tương tự như con chim xây cái tổ của nó. Có ai biết nếu con người dựng lên ngôi nhà cho bản thân hắn, với đôi bàn tay của chính hắn, và cung cấp thực phẩm cho hắn và gia đình một cách đơn giản và lương thiện, thì năng khiếu thi ca trong hắn cũng luôn trỗi dậy như những con chim luôn luôn hót khi chúng đang bận rộn? Nhưng trời hỡi! Chúng ta giống như những con chim chìa vôi hay chim cu cu, chúng đẻ trứng trong những tổ do loài chim khác xây, và chẳng chào mừng ai bằng tiếng hót chẳng lấy gì làm thánh thót của chúng. Chúng ta có nên giao trọn vẹn niềm vui xây cất cho thợ mộc không? Công việc kiến trúc chiếm bao nhiêu trong kinh nghiệm của số lớn

người? Trong mọi chặng đường tôi đã đi, tôi chưa bao giờ gặp một người dấn mình vào cái công việc thật đơn giản và tự nhiên là xây một ngôi nhà cho mình. Chúng ta thuộc về cộng đồng. Không phải chỉ có thợ may mới là một phần chín con người [80]; mà nhà truyền giáo, nhà buôn, và nông dân cũng thế. Đến đâu sự phân chia lao động này mới chấm dứt? Và thật ra làm thế để làm gì? Chắc chắn có người có thể suy nghĩ cho tôi; nhưng không phải vì thế mà mong rằng anh ta làm thế để tôi khỏi phải suy nghĩ cho mình.

Đúng là trong nước này có những người gọi là kiến trúc sư, và tôi đã nghe nói trong số họ ít nhất có một người bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng những trang trí kiến trúc có cốt lõi của chân lí, của tất yếu, và vì thế của cái đẹp, như thể điều đó là một khải ngộ đối với anh ta. Điều đó với quan điểm của anh ta có thể là tốt, nhưng chỉ hơn tinh thần tài tử thông thương một chút. Một nhà cải cách đa cảm trong kiến trúc, ông ta bắt đầu ở mái đua, chứ không phải ở nền móng, vấn đề là lo làm thế nào đưa cốt lõi chân lí vào trong trang trí, như mọi thứ kẹo phải có nhân hạnh đào bên trong - mặc dù tôi vẫn cho rằng hạnh đào không có dường vẫn bổ như thường - chứ không phải là làm thế nào để người cư ngụ, người sống bên trong, có thể thật sự xây bên trong và bên ngoài, còn để mặc cho những trang trí tự lo cho chúng.

Người có suy nghĩ cho rằng trang trí chỉ là thứ bề ngoài và ở ngoài da, - rằng con rùa có cái mai lốm đốm, con trai có cái vỏ màu xà cừ, thì cũng như những cư dân ở Broadway có Nhà thờ Chúa Ba Ngôi của họ. Nhưng con người không liên quan đến phong cách kiến trúc ngôi nhà của anh ta hơn là con rùa với cái

mai của nó: cũng như người lính không cần phí công bày tỏ lòng dũng cảm của anh ta trên màu cờ hiệu. Kẻ thù sẽ phát hiện ra ngay, và anh ta sẽ xanh mặt khi gặp thử thách. Con người này dường như nhoài người ra khỏi mái đua và thầm thì nói ra một nửa sự thật của mình với những kẻ chiếm giữ thô bạo là kẻ thật sự biết điều ấy rõ hơn anh ta. Còn vẻ đẹp kiến trúc mà tôi thấy ở đây, từ bên trong càng ra ngoài càng đẹp hơn, là do nhu cầu và tính cách của người cư ngụ ở trong - người xây dựng duy nhất, là do sự đúng đắn và cao quý vô thức, không hề có một ý nghĩ về bề ngoài; và tất cả những vẻ đẹp tương tự được tạo ra một cách có ý thức để bổ sung, sẽ có một vẻ đẹp vô thức của cuộc sống như thế đi trước. Nơi cư ngụ thú vị nhất trong nước này, như người họa sĩ biết, là những túp lều xoàng xĩnh, khiêm tốn nhất, và những ngôi nhà tranh tầm thường của người nghèo; chính là cuộc sống của những cư dân có những nơi ở như thế, chứ không phải những nét kì khu chỉ có trên bề mặt chúng khiến chúng thành ngoạn mục; và cũng thú vị như thế là căn nhà tồi tàn của cư dân ngoại ô, khi cuộc sống của anh ta giản đơn và hợp với trí tưởng tượng và ít căng thẳng dưới tác động của phong cách ngôi nhà của anh ta. Một phần rất lớn những trang trí kiến trúc thật ra là trống rỗng, và một cơn gió mạnh tháng Chín cũng có thể làm chúng bong ra, giống như bộ lông đi mượn, mà không làm tổn hại đến phần chính [81]. Những người không có cả rượu nho lẫn ô liu trong tầng hầm thì không cần đến kiến trúc. Giả sử người ta cũng bỏ công như thế để tô điểm cho phong cách trong văn học [82] thì sao nhỉ, và các kiến trúc sư của những quyển kinh thánh của chúng ta cũng tiêu tốn bằng ấy thời gian cho các mái đua như các kiến trúc sư của các nhà thờ của chúng ta? *Văn*

chương và mĩ thuật [83] và những người phụng sự chúng cũng được làm ra như thế. Thực ra, điều quan hệ đến một con người, là một vài tấm ván được lợp trên đầu và lát dưới chân anh ta ra sao, và những màu nào được quét lên căn nhà của anh ta. Nếu, theo một nghĩa nghiêm chỉnh, anh ta tự mình lợp và lát những tấm ván và quét sơn, thì còn có chút ý nghĩa nào đó, nhưng khi linh hồn người cư ngụ đã rời bỏ anh ta, thì cũng chỉ như đóng chiếc quan tài cho chính anh ta, - kiến trúc của ngôi mộ, và "thợ mộc" chỉ là cái tên khác gọi "người đóng quan tài". Có người nói, trong nỗi thất vọng hay sự thờ ơ của anh ta với cuộc đời, hãy bốc một nhúm đất dưới chân anh, và sơn ngôi nhà anh màu đó. Có phải anh ta nói về ngôi nhà hẹp, cuối cùng, của anh ta đó không? Nào ta cùng đánh cuộc nhé. Anh chàng này hẳn phải rảnh rỗi lắm đây! Tại sao anh lại bốc một nhúm đất? Tốt nhất là sơn nhà theo nước da anh, để nó tái xám hay đỏ bừng cho anh. Một cố gắng để cải tiến phong cách kiến trúc ngôi nhà tranh! Khi bạn làm xong phần trang trí của tôi, tôi sẽ mang chúng.

Trước khi mùa đông đến tôi xây một bếp lò và lót ván các mặt bên ngôi nhà, nó đã kín không còn dột, với những tấm ván không hoàn hảo và còn tươi, bóc từ những lớp ngoài cùng của cây gỗ, các mép của chúng tôi phải lấy bào bào phẳng.

Như vậy tôi đã có ngôi nhà được ốp tường và trát vữa, rộng ba mét, dài năm mét, cột cao hai mét tư [84], với một gian áp mái và một buồng nhỏ, mỗi mặt có một cửa sổ rộng, hai cửa lật, một cửa đi ở cuối, và một lò sưởi bằng gạch ở phía đối diện.

Chi phí chính xác cho ngôi nhà (trả theo giá bình thường tôi vẫn mua những vật liệu này, không tính công, vì toàn bộ là do tôi làm), như sau; và tôi ghi thật tỉ mỉ, vì không mấy người biết

thật chính xác ngôi nhà của họ tốn hết bao nhiêu, và số người biết từng chi phí cho các vật liệu khác nhau còn ít hơn nữa.

Ván, ... $8.03 1/2, phần lớn từ lều dỡ ra.

Gỗ cũ làm mái và tường,.....4.00

Gỗ thanh, ...1.25

Hai cửa sổ cũ có kính, ...2.43

Một nghìn gạch cũ, ...4.00

Hai thùng vôi .....2.40 cái này đắt.

Lông [85].....0.31 nhiều hơn cần thiết.

Sắt làm lò, ...0.15

Đinh, ...3.90

Bản lề và đinh vít, ...0.14

Then cửa, ...0.10

Phấn, ...0.01

Vận chuyển, ...1.40 phần lớn tôi tự vác.

Tổng cộng, $28.12 1/2

Đây là toàn bộ vật liệu, trừ gỗ cây, đá và cát, mà tôi chiếm được bằng quyền của người ngụ cư bất hợp pháp trong rừng. Tôi còn dựng một kho chứa củi bên cạnh nhà, chủ yếu làm bằng những mẩu gỗ tận dụng.

Tôi có ý định xây cho mình một ngôi nhà vượt trội hơn bất kì ngôi nhà nào trên đường phố chính ở Concord về độ lớn và sang trọng, với điều kiện nó làm tôi thích bằng ngôi nhà hiện tại mà không tốn kém hơn.

Như vậy tôi thấy rằng một sinh viên muốn có một chỗ ở có thể kiếm cho mình một ngôi nhà để ở suốt đời với chi phí không lớn hơn tiền thuê nhà mà anh ta trả hằng năm. Nếu tôi có vẻ nói khoác thì đó là nói khoác cho nhân loại chứ không phải cho bản thân tôi; và những thiếu sót cũng như thiếu nhất quán của tôi không ảnh hưởng đến điều tôi khẳng định. Cho dù giả dối và đạo đức giả thế nào, - thứ trấu mà tôi thấy khó tách ra khỏi gạo, nhưng tôi lấy làm tiếc về điều đó như bất cứ ai - tôi sẽ cảm thấy dễ thở và thư dãn, một sự nhẹ nhõm về cả thể xác lẫn tinh thần; và tôi nhất quyết sẽ không chịu chấp nhận sự nhún nhường mà làm kẻ biện hộ cho ma quỷ. Tôi sẽ cố gắng có một lời cho sự thật. Ở Đại học Cambridge [86], chỉ riêng tiền thuê phòng cho một sinh viên, chỉ rộng hơn nhà tôi một chút, là ba mươi đô la một năm, dù công ti đã có thể giảm giá thành bằng cách xây ba mươi hai phòng liền nhau dưới một mái nhà, và người thuê phải chịu bất tiện là có nhiều hàng xóm ồn ào, và có thể phải ở trên tầng bốn. Tôi chỉ có thể nghĩ rằng nếu chúng ta thật sự sáng suốt trong lĩnh vực này, thì không chỉ cần ít học vấn hơn, vì thật ra, chúng ta cũng đã có khá nhiều rồi, mà còn cần giảm thật mạnh phí tổn tài chính để có được học vấn. Những tiện ích mà sinh viên cần ở Cambridge hay ở nơi khác khiến họ tốn gấp mười lần hơn so với khi có sự quản lí tốt hơn ở cả hai phía. Những thứ mà sinh viên phải tốn nhiều tiền nhất lại không phải là thứ họ cần nhất. Học phí chẳng hạn, là mục quan trọng nhất trong phí tổn của một học kì, cho một sự giáo dục có giá trị hơn nhiều mà anh ta nhận được nhờ tiếp xúc với những người có học vấn cao nhất đương thời, thì lại không mất đồng nào. Cách thành lập một trường đại học thông thường là người ta thu tiền

những người đăng kí nhập học, rồi mù quáng theo một nguyên tắc phân công lao động cực đoan, một nguyên tắc lẽ ra phải được xem xét hết sức thận trọng - để gọi một nhà thầu, tay này thấy đây là một dịp kiếm ăn to, hắn sẽ thuê những người Ai Len và những công nhân khác để đặt móng, rồi những sinh viên tương lai vào nhập học; và những thiếu sót này các thế hệ kế tiếp nhau sẽ phải trả. Tôi nghĩ sẽ tốt hơn, nếu sinh viên hay những ai muốn được lợi trong chuyện này, hãy tự mình đặt nền móng. Người sinh viên cố gắng giành được sự nhàn rỗi và yên tĩnh đáng thèm muốn của mình bằng cách trốn tránh một cách có hệ thống những công việc lao động cần thiết cho con người thì chỉ có được thứ nhàn rỗi ti tiện và vô bổ, tự tước đi của mình kinh nghiệm mà chỉ có nó mới làm cho sự nhàn rỗi thành hữu ích. “Nhưng”, người ta nói, "anh không có ý nói rằng các sinh viên nên làm việc bằng tay chân thay vì bằng trí óc của họ đấy chứ?". Tôi không có ý nói đúng như thế, nhưng tôi muốn nói một điều mà tôi nghĩ rất giống như thế; tôi muốn nói rằng họ không nên *chơi* cuộc sống, hoặc chỉ biết có *học* thôi, trong khi cộng đồng ủng hộ họ trong trò chơi đắt đỏ này, mà hãy *sống* một cách nghiêm chỉnh từ đầu đến cuối. Làm sao cho tuổi trẻ học cách sống tốt hơn bằng cách thử trải nghiệm ngay cuộc sống? Tôi cho rằng điều này có thể luyện tập cho trí óc của họ ngang với môn toán. Nếu tôi muốn một thanh niên biết một điều gì đó về nghệ thuật hay khoa học chẳng hạn, tôi sẽ không theo một khóa trình thông thường, tức là chỉ gửi cậu ta đến chỗ một giáo sư nào đó, nơi người ta dạy và cho thực hành mọi thứ chỉ trừ nghệ thuật sống; để quan sát thế giới qua kính viễn vọng hay kính hiển vi, và không bao giờ bằng mắt thường của cậu ta;

nghiên cứu hóa học, và không biết bánh mì cậu ta ăn được làm ra sao, hoặc cơ học, mà không biết nó làm ra tiền như thế nào, khám phá ra những vệ tinh mới của Hải vương tinh, mà không phát hiện ra hạt bụi trong mắt mình, hay bản thân cậu ta đang là vệ tinh của tên du đãng nào; hoặc đang bị nuốt chửng bởi đám quái vật nhung nhúc quanh cậu ta, trong khi ngắm nhìn những quái vật trong một giọt giấm. Sau một tháng ai sẽ tiến bộ hơn, cậu bé làm được con dao xếp cho mình bằng quặng kim loại cậu ta tự đào và nấu, đọc đủ sách cần cho việc đó, hay cậu sinh viên trong thời gian đó dự các bài giảng ở học viện luyện kim, và được cha cho một con dao nhíp Roger? Cậu nào dễ tự làm đứt tay mình hơn? Tôi rất ngạc nhiên khi rời khỏi trường đại học người ta thông báo tôi đã nghiên cứu hàng hải! - Tại sao, nếu tôi đã đi một vòng xuống bến tàu, chắc tôi đã biết nhiều hơn về nó. Ngay cả sinh viên nghèo cũng học và chỉ được dạy khoa kinh tế chính trị, trong khi kinh tế của đời sống là môn đồng nghĩa với triết học thì thậm chí không được dạy trong các trường đại học của chúng ta. Hậu quả là, trong khi anh ta đang đọc Adam Smith [87], Ricardo [88], và Say [89], anh ta làm cho cha mình mắc nợ không trả nổi.

Có một ảo tưởng về những trường cao đẳng của chúng ta, cũng như với hàng trăm "sự cải tiến hiện đại"; không phải luôn luôn có một bước tiến thật sự. Quỷ sứ tiếp tục đòi hỏi đến cùng những món lợi phức tạp cho phần đóng góp ban đầu của nó, và nhiều khoản đầu tư kế tiếp. Những phát minh của chúng ta thường giống như những đồ chơi xinh đẹp, chúng làm sao nhãng sự chú ý của chúng ta khỏi những vấn đề nghiêm túc. Chúng chỉ có những biện pháp đã được cải tiến cho một mục

đích chưa được cải tiến, một mục đích quá dễ dàng đạt được, như những đường sắt đến Boston hay New York. Chúng ta đã quá vội vã xây dựng đường điện báo từ Maine đến Texas; nhưng Maine và Texas, có thể chẳng có gì quan trọng để liên lạc với nhau. Cũng như một người đàn ông khao khát được giới thiệu với một quý bà kiệt xuất [90]*.]* bị điếc, nhưng khi ông ta được giới thiệu, và một đầu ống nghe của bà được trao cho ông, ông bỗng thấy mình không có gì để nói. Cứ như thể mục đích chính là nói cho nhanh chứ không phải nói cho có lí lẽ. Chúng ta hăm hở xây đường ống ngầm xuyên Đại Tây Dương để đưa cựu thế giới đến gần hơn vài tuần với tân thế giới, nhưng có khi tin tức đầu tiên lọt đến lỗ tai nặng và nghễnh ngãng của người Mĩ chỉ là Công chúa Adelaide [91] đã húng hắng ho. Nói cho cùng, người có con ngựa chạy một dặm trong một phút không mang thông điệp gì quan trọng, anh ta chẳng phải là người truyền bá Phúc âm, đi lang thang, ăn châu chấu và mật ong rừng [92]. Tôi không tin những con Flying Childer [93] đã từng chở một thùng ngô đến nhà máy xay.

Có người bảo tôi "Tôi ngạc nhiên thấy ông không để dành tiền; ông thích ngao du, ông có thể đi xe và đến Fitchburg [94] để ngắm nhìn vùng nông thôn ấy". Nhưng tôi khôn ngoan hơn thế. Tôi biết rằng người đi nhanh nhất là người đi bộ. Tôi nói với bạn tôi, nào ta thử xem ai đến đó trước. Khoảng cách là ba mươi dặm, vé xe là chín mươi cent. Đó là cả một ngày lương. Tôi nhớ khi đó tiền lương là sáu mươi cent một ngày, cho công nhân trên chính con đường này. Được, tôi bắt đầu ngay bây giờ, đi bộ, và đến đó trước khi đêm xuống, tôi đã đi với tốc độ đó cả tuần liền. Trong khi đó bạn có thể kiếm được tiền vé, và đến đó vào

sáng hôm sau, hoặc có thể tối hôm nay, nếu bạn gặp may và kiếm được việc làm đúng lúc. Thay vì đi đến Fitchburg, bạn sẽ làm việc ở đây phần lớn thời gian trong ngày. Và như vậy, nếu đường tàu chạy vòng quanh thế giới, tôi nghĩ rằng tôi luôn đi trước bạn; còn nếu để ngắm nhìn đất nước và thu được những trải nghiệm loại đó, chắc chắn bạn không bao giờ đuổi kịp được tôi.

Một quy luật phổ biến như thế, không người nào có thể thoát được, còn về đường sắt thì chúng ta có thể nói nó rộng như nó dài. Việc làm một đường sắt vòng quanh thế giới cho cả loài người, khó tương đương với việc san phẳng toàn bộ bề mặt hành tinh này. Nhiều người có một quan niệm mơ hồ rằng chỉ cần theo đuổi hoạt động chứng khoán đủ lâu, thì cuối cùng tất cả sẽ được đi tàu, cực nhanh và không mất tiền, nhưng dù cho có cả một đám đông lao đến ga, và trưởng tàu có hô lên "tất cả lên tàu!" thì khi khói tan đi và hơi nước ngưng tụ lại, người ta mới nhận ra rằng chỉ có ít người đang đi trên tàu, số còn lại bị tàu cán chết, - và sẽ được gọi là, và sẽ là, "một tai nạn đáng buồn". Chắc chắn cuối cùng những ai mua được vé sẽ được đi tàu, tức là, nếu họ sống được đến lúc đó, nhưng có thể vào lúc đó họ đã mất hứng và không còn muốn du lịch nữa. Việc tiêu phần tốt đẹp nhất của cuộc đời vào kiếm tiền để hưởng một thứ tự do không chắc chắn trong phần ít giá trị nhất của nó, nhắc tôi nhớ đến một người Anh đến Ấn Độ để làm giàu, để rồi sau đó anh ta có thể về Anh sống cuộc đời của một nhà thơ [95]. Lẽ ra anh ta nên leo ngay lên một căn phòng áp mái. "Cái gì?" một triệu người Ai Len đứng lên từ những căn lán lụp xụp trên đất này kêu lên, "đường sắt mà chúng tôi đã xây dựng không phải là

một điều tốt hay sao?" - Vâng, tôi trả lời, tương đối tốt, tức là, các bạn có thể đã làm tồi hơn; nhưng các bạn là bạn của tôi, tôi mong các bạn có thể tiêu dùng thời gian của mình tốt hơn là đào vào trong đất này.

Trước khi hoàn thành ngôi nhà, muốn kiếm mươi mười hai đô la bằng một phương pháp lương thiện và dễ chịu, để chi tiêu thường ngày, tôi trồng trên mảnh đất pha cát gần nhà khoảng hai acre [96] rưỡi chủ yếu là đậu, và một ít khoai tây, ngô, đậu Hà Lan, và củ cải. Toàn bộ mảnh đất rộng mười một acre, phần lớn mọc thông và cây mại châu, và mấy mùa trước đã được bán tám đô la tám cent một acre. Một nông dân nói rằng nó "vô dụng ngoại trừ để nuôi sóc". Tôi không bỏ phân lên đất ấy, tôi không phải chủ đất mà chỉ là người ở tạm trên đó, và không mong trồng trọt nhiều lần nữa, và cũng chưa cuốc hết cả lên. Khi cày tôi nhổ bật lên được mấy khối gốc cây, đó là củi để tôi dùng lâu dài, để lại mấy miếng tròn nhỏ đất tươi xốp, dễ dàng nhận biết qua mùa hè vì đậu ở chỗ ấy sum sê hơn. Những cây chết và phần lớn không bán được ở sau nhà và gỗ trôi nổi trên đầm, cung cấp cho tôi số củi còn lại. Tôi buộc phải thuê một đôi bò và một người để cày, mặc dù chính tôi cầm cày. Chi tiêu cho công việc trồng trọt mùa đầu tiên, chủ yếu là dụng cụ, hạt giống, nhân công, v.v. là $14.72. Hạt giống ngô tôi xin được. Chi phí này chẳng bao nhiêu, không đáng nói, trừ phi anh muốn trồng nhiều hơn cần thiết. Tôi thu được mười hai giạ [97] đậu, mười tám giạ khoai tây, ngoài một ít đậu Hà Lan và ngũ cốc. Ngô vàng và củ cải thì quá muộn nên không thu được gì.

Toàn bộ thu nhập từ trồng trọt của tôi là.....$ 23.44.

Trừ đi chi phí.....14.72 1/2

Còn lại.....$8.71 1/2

Ngoài sản phẩm đã sử dụng, và còn dự trữ vào thời gian ấy ước tính trị giá $4.50, - lượng dự trữ còn dư ra một ít cỏ mà tôi chưa trồng. Xem xét mọi mặt, tức là xem xét tầm quan trọng của linh hồn một người và của hôm-nay, dù thời gian thí nghiệm của tôi ngắn ngủi, không, một phần thậm chí do tính chất ngắn ngủi của nó, tôi tin rằng tôi đã làm tốt hơn bất kì người nông dân Concord nào đã làm trong năm ấy.

Năm tiếp theo tôi còn làm tốt hơn nữa, vì tôi đã xới toàn bộ đất mà tôi cần lên, khoảng một phần ba acre, và từ kinh nghiệm của cả hai năm tôi biết, không còn khiếp sợ vì nhiều công trình nổi tiếng về canh nông, Arthur Young [98] trong số những người khác, rằng nếu một người có thể sống đơn giản và chỉ ăn những thứ tự tay mình trồng, và trồng nhiều hơn ăn, và không đổi nó lấy một số lượng không đủ những đồ sang trọng và đắt tiền hơn, thì anh ta chỉ cần canh tác vài thước [99] đất, và dùng mai để đào thì rẻ hơn cày bằng trâu bò, và lâu lâu chọn lấy một ít đất ới hơn là bón phân cho đất cũ, thì anh ta có thể làm toàn bộ công việc đồng áng cần thiết của mình với tay trái và chỉ dùng những giờ lẻ vào mùa hè, và như vậy anh ta không bị buộc với con bò, hay con trâu, hay con ngựa, hay con lợn, như hiện nay.

Tôi muốn nói một cách công bằng về điểm này, và như một người không quan tâm đến thành công hay thất bại của những thỏa thuận kinh tế và xã hội hiện nay. Tôi độc lập hơn bất cứ nông dân nào ở Concord, vì tôi không bị buộc vào ngôi nhà hay ruộng đất, mà có thể theo đuổi thiên hướng của tài năng tôi, là thứ rất quanh co, từng khoảnh khắc. Ngoài việc sung túc hơn

trước, nếu ngôi nhà của tôi bị cháy hay hoa màu của tôi thất thu, tôi cũng vẫn sung túc gần như trước.

Tôi thường nghĩ chẳng biết con người chăn dắt gia súc hay gia súc chăn dắt con người, vì gia súc tự do hơn con người. Con người và trâu bò đổi công cho nhau; nhưng nếu chúng ta chỉ xét công việc cần thiết, thì sẽ thấy trâu bò thuận lợi hơn nhiều, trang trại của chúng to hơn. Con người làm phần việc trao đổi của hắn trong sáu tuần cắt cỏ, nhưng đó không phải là trò chơi của trẻ con. Chắc chắn không có dân tộc nào sống đơn giản trong mọi phương diện, tức là, không có dân tộc nào toàn các triết gia, mắc sai lầm ngớ ngẩn là sử dụng lao động của súc vật. Quả thật chưa bao giờ có và chắc sẽ không sớm có dân tộc toàn triết gia, tôi cũng không chắc điều ấy có đáng mong muốn hay không. Tuy nhiên, tôi không bao giờ nuôi và thuần dưỡng một con ngựa hay bò vì bất kì công viêc gì nó có thể làm cho tôi, vì tôi sợ tôi sẽ biến thành một người chăn ngựa, hay một người chăn gia súc thuần tuý, và nếu xã hội dường như là kẻ thắng cuộc vì làm như thế, chúng ta có chắc chắn rằng cái người này được không phải là cái người khác mất không, và rằng gã chăn ngựa có lí do để tin rằng gã cũng thắng như ông chủ của gã không? Cứ cho rằng một số công trình công cộng nếu không có sự trợ giúp này thì không xây dựng được, và hãy để cho con người chia sẻ vinh dự ấy với bò và ngựa; nhưng từ đó có thể suy ra rằng con người trong trường hợp ấy không thể hoàn thành những công trình xứng đáng hơn với bản thân mình không? Khi con người bắt đầu làm những công việc không chỉ không cần thiết và nghệ thuật, mà còn phù phiếm và vô ích, với sự giúp đỡ của chúng, không tránh khỏi là một số người làm những công

việc đổi công với súc vật, hay nói cách khác, trở thành nô lệ cho kẻ mạnh nhất. Như vậy con người không chỉ làm việc cho con vật trong bản thân hắn, mà, nói một cách hình tượng, hắn còn làm việc cho con vật bên ngoài hắn. Mặc dù chúng ta có nhiều ngôi nhà chắc chắn bằng gạch hay đá, sự giàu có của người nông dân vẫn còn được đo bằng mức độ khu chuồng trại đồ sộ lấn át ngôi nhà ở của anh ta như thế nào. Nghe nói thành phố này có những tòa nhà to nhất cho bò và ngựa quanh đây, và chúng không thua kém những công thự của thành phố; nhưng trong quận này có rất ít nhưng gian nhà lớn dành cho việc thờ cúng tư do hay diễn thuyết tự do. Các dân tộc tự tưởng niệm mình, có lẽ không nên bằng kiến trúc, nhưng sao không bằng sức mạnh của những tư tưởng trừu tượng của mình? Kinh Bhagvat-Geeta [100] đáng ngưỡng mộ hơn mọi phế tích phương Đông nhiều! Những tháp, những đền đài là sự xa xỉ của các ông hoàng bà chúa. Một trí óc giản dị và độc lập không chịu vất vả vì mệnh lệnh của bất cứ ông hoàng nào. Thiên tài không phải là nô tài hay tài sản của bất cứ hoàng đế nào, chất liệu của nó cũng không phải là vàng hay bạc, hay cẩm thạch, ngoại trừ trong một phạm vi tầm thường. Có nhiều đá được đẽo gọt như thế, xin hỏi, để làm gì? Khi tôi ở Arcadios [101], tôi không thấy một viên đá được đẽo gọt nào cả. Các dân tộc bị ám ảnh bởi một tham vọng điên rồ là làm cho kí ức của họ trở nên vĩnh cửu bằng số lượng những tảng đá đẽo mà họ để lại. Nếu cũng bằng ấy công lao khó nhọc được dùng để làm cho phong tục của họ trở nên hòa mục và tao nhã thì sao nhỉ? Một mẩu lương tri đáng ghi nhớ hơn cả một tượng đài cao đến mặt trăng. Tôi thích nhìn đá ở nguyên chỗ của nó. Cái vĩ đại của Thebes [102] là cái vĩ đại dung tục. Một

tường đá bao quanh cánh đồng của một người lương thiện có lí hơn là bức thành một trăm cổng của Thebes khiến người ta quên đi mục đích thực sự của cuộc sống. Tôn giáo và văn minh là dã man và vô đạo vì đã xây những đền đài nguy nga tráng lệ, nhưng cái mà ta có thể gọi là Thiên Chúa giáo không làm thế. Hầu hết những hòn đá mà một dân tộc đẽo gọt chỉ dẫn đến ngôi mộ của nó mà thôi. Nó tự chôn sống nó. Như các Kim Tự Tháp, không có gì đáng ngạc nhiên trong chúng hơn cái sự thật là bằng ấy con người có thể hèn kém đến mức tiêu phí sinh mạng mình để xây mộ cho một kẻ khùng tham vọng, kẻ mà lẽ ra nếu khôn ngoan và can đảm hơn họ đã dìm xuống sông Nile, rồi ném xác hắn cho chó. Tôi có thể bịa ra một lời biện hộ cho họ và hắn, nhưng tôi không rỗi hơi làm chuyện đó. Về tôn giáo và tình yêu nghệ thuật của những nhà xây dựng, trên khắp thế giới này chỗ nào cũng giống nhau, dù là xây dựng đền đài Ai Cập hay Ngân hàng Mĩ. Chi phí bao giờ cũng lớn hơn giá trị thực. Động lực chính là phù phiếm, được trợ lực bằng tình yêu đối với tỏi, bánh mì và bơ. Ông Balcom, một kiến trúc sư trẻ có triển vọng, thiết kế nó trên bìa cuốn Vitruvius [103] của ông, bằng bút chì cứng và thước kẻ, và công việc được trao cho nhà thầu Dobson & Sons, những thợ đẽo đá. Khi ba mươi thế kỉ bắt đầu nhìn xuống nó, thì nhân loại bắt đầu ngước lên nhìn nó. Còn về những ngọn tháp và những tượng đài cao của bạn, có một gã khùng trong thành phố này đã từng cam đoan đào qua tới Trung Hoa, và gã đã tiến xa đến mức, theo lời gã, gã đã nghe thấy tiếng những ấm, những nồi Trung Hoa sôi xinh xịch; nhưng tôi nghĩ rằng tôi sẽ không thừa hơi mà đi ngưỡng mộ cái hố mà gã đã đào. Nhiều người quan tâm đến những tượng đài ở phương Tây và phương

Đông, - muốn biết ai đã dựng chúng, về phần tôi, tôi muốn biết ai trong thời ấy đã không dựng chúng - những người đã vượt cao hơn sự tầm thường ấy. Nhưng thôi, ta hãy quay lại vói những thống kê của tôi.

Trong làng thời gian ấy, tôi làm thêm một số công việc như đo ruộng, làm mộc, và những loại công nhật khác, vì tôi có dăm bảy nghề, tôi kiếm được $13.34. Chi phí cho thực phẩm trong tám tháng, tức là từ 4 tháng Bảy đến 1 tháng Ba, khoảng thời gian của những ước tính này, mặc dù tôi sống ở đó trên hai năm, - không tính khoai tây, một ít ngô, ít đậu Hà Lan, mà tôi trồng được, cũng không tính giá trị những thứ tôi có trong tay vào cuối đợt ấy, là

Gạo.....1.73 1/2

Mật đường.....1.73 loại đường rẻ nhất.

Bột lúa mạch đen.....1.04 3/4

Bột ngô.....0.99 ¾ rẻ hơn bột lúa mạch.

Thịt lợn.....0.22

Tất cả những thí nghiệm thất bại:

Bột mì.....0.88 Đắt hơn bột ngô, cả về tiền và những phiền

phức

Đường.....0.80

Mỡ lợn.....0.65

Táo.....0.25

Táo khô.....0.22

Khoai lang.....0.10

Một quả bí ngô.....0.06

Một quả dưa hấu.....0.02

Muối.....0.03

Vâng, tôi đã ăn hết $8.74 cả thảy, nhưng lẽ ra tôi đã không công bố tội lỗi của mình một cách trơ trẽn như vậy, nếu tôi không biết rằng phần lớn bạn đọc của tôi cũng tội lỗi không kém, và hành động của họ nếu in ra cũng không tốt đẹp gì hơn. Năm sau, đôi khi tôi câu một mẻ cá cho bữa ăn chính, và có lần thậm chí đã giết một con chuột chũi lông nâu tàn phá ruộng đậu của tôi - khi đang thực hiện cuộc di cư của nó, như người Tarta thường nói - và tôi đã chén nó, một phần là thử, tuy có mùi xạ hương, nó cũng cho tôi một thoáng chốc thích thú, còn về lâu dài tôi thấy rằng ăn mãi thứ này không hay, nhưng có thể đem bán cho ông hàng thịt trong làng.

Quần áo và những chi tiêu phụ bất thường trong cùng thời gian, lên đến 8.40 3/4

Dầu và một số đồ dùng trong nhà.....2.00

Do đó toàn bộ số tiền chi ra, trừ giặt giũ và vá, phần lớn phải làm ở ngoài, và hóa đơn của chúng vẫn chưa nhận được - và những khoản này lớn hơn tất cả những khoản chi tiêu cần thiết ở chỗ chúng tôi - bao gồm:

Nhà.....$28.12 1/2

trồng trọt một năm.....14.72 1/2

Thực phẩm tám tháng.....8.74

Quần áo tám tháng,.....8.40 3/4

Dầu v.v. tám tháng,.....2.00

Tổng cộng.....$61.99 3/4

Và bây giờ tôi liệt bản thân tôi vào số bạn đọc của tôi tự làm để nuôi sống mình. Để trang trải chi phí trên tôi có số nông sản bán được là $23.44

Thu nhập hằng ngày.....13.34

Tổng cộng.....$36.78

Đem trừ vào tổng số tiền chi ra, một mặt còn thiếu $25.21 ¾ - rất gần với số tôi có ban đầu, và mức chi phí phải chịu, và mặt khác, ngoài sự nhàn rỗi và độc lập và nhờ đó mà giữ được sức khỏe, còn có một ngôi nhà tiện nghi mà tôi muốn ở bao lâu tùy ý.

Những thống kê này, cho dù là ngẫu nhiên và vì thế không có vẻ thuyết phục lắm, nhưng vì sự hoàn chỉnh của chúng nên cũng có một giá trị nhất định. Tôiđ ã trả sạch nợ. Từ những tính toán trên, thấy rằng chỉ riêng phần ăn uống đã tốn đến hai mươi bảy cent mỗi tuần. Đấy là, trong gần hai năm sau đó, lúa mạch và bột ngô không có men, khoai tây, gạo, rất ít thịt lợn muối, mật đường, và muối, và nước uống. Gặp sự phản đối của những người hay lí sự, thì tôi có thể tuyên bố rằng, nếu thỉnh thoảng tôi có ăn ở ngoài, như trước đây tôi thường ăn và tin rằng sau này còn rất nhiều dịp ăn như thế, thì thường chỉ là tốn thêm cho những tính toán thu chi trong nhà mà thôi. Nhưng việc ăn ở ngoài, như tôi đã nói, là một yếu tố không đổi, hoàn toàn không ảnh hưởng đến một cân đối thu chi như thế này.

Kinh nghiệm trong hai năm cho tôi thấy, việc kiếm những thực phẩm thiết yếu ngay trong vùng này cũng ít phiền phức

đến mức khó tin, rằng một người có thể ăn uống hằng ngày đơn giản như những con vật, mà lại giữ được khỏe mạnh. Tôi đã làm những bữa ăn thỏa mãn, thỏa mãn về nhiều phương diện, đơn giản với rau sam (*Portulaca oleracea*) mà tôi hái ở cánh đồng ngô của tôi, luộc và chấm muối. Tôi chú thêm tiếng Latin vào cái tên tầm thường cho thêm hương vị. Thử hỏi một người đàn ông biết điều còn muốn gì hơn, trong những thời khắc yên bình, vào một buổi trưa bình thường, một số lượng đủ bắp ngô ngọt luộc, thêm một chút muối? Thậm chí thay đổi đôi chút cho linh hoạt cũng vì khẩu vị chứ không phải vì sức khỏe. Thế nhưng con người đã đi đến chỗ họ thường xuyên chết đói, không phải vì thiếu những thứ cần thiết, mà vì muốn những thứ xa xỉ; và tôi biết một người phụ nữ tốt, bà ta nghĩ con trai bà mất mạng vì nó chỉ uống nước (chứ không uống rượu?).

Bạn đọc sẽ nhận ra rằng tôi đang xét chủ đề này từ quan điểm kinh tế học chứ không phải dinh dưỡng học, và anh ta sẽ không liều đưa sự điều độ của tôi vào trắc nghiệm trừ phi anh ta có một chạn thức ăn đầy ắp.

Bánh mì lúc đầu tôi làm bằng bột ngô và muối, những chiếc bánh ngô chính hiệu, mà tôi nướng trên ngọn lửa ngoài trời bằng việc đốt một tấm ván hay những đầu gỗ cưa ra khi làm nhà, nhưng nó thường ám khói và có mùi nhựa thông. Tôi cũng thử dùng bột mì, nhưng cuối cùng tìm ra một hỗn hợp bột gạo và bột ngô, tiện và ngon. Khi trời rét thật thích thú nướng nhiều ổ bánh nhỏ, chăm nom và lật chúng cẩn thận như một người Ai Cập chăm nom những gà con mới nở. Chúng thật sự là những quả ngũ cốc mà tôi đã làm cho chín, với các giác quan của tôi

chúng có mùi thơm phức như những thứ quả quý khác, mà tôi giữ thật lâu bằng cách bọc trong vải.

Tôi đã làm một nghiên cứu về nghệ thuật làm bánh cổ xưa và vô cùng cần thiết, tham khảo các tác giả được gợi ý, trở về thời nguyên thủy với phát minh đầu tiên làm bánh không men, khi từ sự hoang dại của các loại hạt và thịt quả, con người lần đầu tiên với đến cái êm dịu và thanh nhã của loại đồ ăn này, rồi dần dần du hành qua những nghiên cứu của mình, tôi gặp sự lên men ngẫu nhiên của bột nhào, coi như nhờ đó học được quy trình lên men, và qua nhiều quá trình lên men khác nhau về sau, cho đến khi đạt tới thứ bánh mì "ngon, ngọt, bổ" nuôi sống con người. Sự lên men, mà nhiều người coi là linh hồn của bánh mì, cái spiritus *[104]* ấp đầy mô tế bào của nó, được bảo quản một cách thành kính như ngọn lửa trinh bạch [105], - một chai quý báu lần đầu tiên được chở trên con tàu Mayflower *[106]*, đến châu Mĩ, và từ đó ảnh hưởng của nó cứ lớn lên, phồng lên, lan ra, trong biển ngũ cốc trên mảnh đất này, - thứ men này tôi thường xuyên và chắc chắn mua được trong làng, cho đến khi, cuối cùng một buổi sáng tôi quên mất quy tắc, và đun men quá nhiệt làm chết nó, từ sự cố này tôi phát hiện ra rằng, ngay cả thứ này cũng không phải cần thiết đến mức không thể thiếu được, - vì những phát hiện của tôi không phải bằng quá trình tổng hợp mà bằng quá trình phân tích, - và từ đó tôi vui vẻ bỏ qua, mặc dù nhiều bà nội trợ hăng hái thuyết phục tôi rằng không có men thì không thể làm bánh mì ngon và lành được, và những người lớn tuổi tiên đoán tôi sẽ nhanh chóng mất hết sức lực. Nhưng tôi thấy nó không phải là một thành phần thiết yếu, và sau khi không dùng nó trong một năm tôi vẫn còn sống trên mặt đất; và

tôi vui mừng thoát khỏi cái cảnh cứ phải kè kè mang một chai trong túi, đôi khi nó nổ bốp và tràn ra làm tôi cực kì bối rối. Bỏ nó đi thì đơn giản và dễ chịu hơn. Con người là một động vật hơn bất kì loài nào khác có thể thích nghi với mọi khí hậu và mọi hoàn cảnh. Tôi cũng không bỏ bất kì loại muối natri hay acid hay chất kiềm nào vào bánh mì của tôi. Có vẻ như tôi đã làm theo công thức mà Marcus Porcius Cato đã cho trước Christ khoảng hai thế kỉ. "Panem depsticium sic facito. Manus mortariumque bene lavato. Farinam in moriarium indito, aquae paulatim addito, subigitoque pulchre. Ubi bene subegeris, defingito, coquitoque sub testu" [107]. Tôi hiểu cách làm thứ bánh bột nhào như thế này. "Rửa tay và máng nhào bột thật sạch. Cho bột vào máng, thêm nước từ từ, và nhào thật kĩ. Khi đã nhào thật nhuyễn, nặn nó, và nướng nó dưới một lớp vỏ", tức là, trên một lò nướng. Không có lời nào về lên men. Nhưng không phải tôi luôn luôn dùng bánh mì. Có khi, vì túi tiền rỗng không, trong hơn tháng trời tôi chẳng có miếng bánh nào.

Mọi người dân New England có thể dễ dàng trồng ra toàn bộ bột mì của họ trên mảnh đất của lúa mạch và ngô này và không phải phụ thuộc vào khoảng cách (địa lí) và sự lên xuống (giá cả) của thị trường để có nó. Thế mà chúng ta sống xa tính đơn giản và độc lập đến mức, ở Concord, hiếm có bột mới bán ở cửa hàng, còn ngô và ngũ cốc ở dạng thô hơn thì rất ít được dùng. Phần lớn nông dân đem ngũ cốc mà họ tự trồng cho gia súc ăn, và mua bột mì ở cửa hàng, là thứ ít nhất không lành bằng, giá lại cao hơn. Tôi thấy rằng tôi có thể dễ dàng trồng một hai giạ lúa mạch hoặc ngô, vì lúa mạch có thể trồng ở loại đất bạc màu nhất, còn ngô không đòi hỏi đất tốt nhất, rồi xay chúng bằng cối

xay tay, và như thế có thể sống mà không cần gạo và thịt lợn; và nếu tôi cần một ít đường tinh, bằng thử nghiệm tôi thấy rằng tôi có thể làm mật đường rất tốt bằng một quả bí ngô hay ít củ cải đường, và biết rằng tôi chỉ cần một ít gỗ thích (maple) là có nó còn dễ dàng hơn nữa, và trong khi những cây ấy đang lớn lên tôi có thể dùng nhiều thứ khác để thay thế những thứ mà tôi đã nêu tên, "Vì" như tổ tiên đã hát:

Chúng ta có thể làm rượu cho ngọt môi,

Bằng bí ngô và quả óc chó và cây củ cần [108].

Cuối cùng là muối, thứ tạp phẩm thô nhất, để kiếm được nó có thể là một dịp tốt để ra thăm bờ biển, hay, nếu tôi hoàn toàn không dùng đến nó, có lẽ tôi có thể uống ít nước hơn. Tôi không biết rằng người Anhđiêng không bao giờ mất công chạy theo nó.

Như vậy tôi có thể tránh được mọi sự mua bán đổi chác, về thực phẩm, và đã có nhà rồi, giờ chỉ còn kiếm quần áo và chất đốt. Những chiếc quần mà tôi đang mặc bây giờ được dệt trong một ngôi nhà nông dân - nhờ trời trong con người vẫn còn có nhiều lòng tốt đến thế, vì tôi nghĩ sự sa sút từ người nông dân xuống thành người công nhân cũng to lớn và đáng nhớ như sự sa sút từ con người xuống thành người nông dân - còn củi thì, ở một nơi mới như chỗ tôi, không biết để đâu cho hết. Về cư trú, nếu không có quyền ở, tôi có thể mua một acre với giá đất trồng trọt, tức là tám đô la tám cent.

Có những người không tín ngưỡng đôi khi hỏi tôi những câu hỏi như, tôi có nghĩ rằng tôi có thể sống chỉ bằng thực vật thôi không, và đánh vào gốc rễ của vấn đề - vì gốc rễ của vấn đề là tín ngưỡng - và tôi đã quen với việc trả lời họ rằng, tôi có thể ăn

đinh mà sống. Nếu họ không thể hiểu điều đó, thì không thể hiểu phần lớn những điều tôi phải nói. Về phần tôi, tôi vui mừng nghe về những thí nghiệm loại đó, như một chàng thanh niên sống nửa tháng trời chỉ ăn ngô sống, chỉ dùng răng mà nghiền những hạt cứng. Lũ sóc cũng đã thử như thế và thành công. Loài người quan tâm đến những thí nghiệm ấy, mặc dù một số ít phụ nữ già không thể làm thế vì răng lợi không có, hay những người có cổ phần trong các nhà máy xay.

Đồ đạc trong nhà, một phần tôi tự làm lấy, số còn lại không tốn kém gì nên tôi không hạch toán, gồm một cái giường, một cái bàn, một bàn viết, ba cái ghế, một gương soi đường kính ba inch, một cái kẹp và vỉ lò sưởi, một ấm, một xoong nhỏ có cán, một chảo rán, một chậu rửa, hai con dao và hai chiếc nĩa, ba chiếc đĩa, một tách uống trà, một thìa nhỏ, một bình đựng dầu, một bình đựng mật, một chiếc đèn Nhật Bản. Không ai nghèo đến mức phải ngồi trên một quả bí ngô. Như thế là kém cỏi, không biết xoay sở. Trong những căn áp mái trong làng có nhiều chiếc ghế mà tôi thích, chỉ việc đem đi không mất tiền. Đồ đạc! Nhờ trời, tôi có thể ngồi và tôi có thể đứng mà không cần đến một kho chứa đồ. Chỉ có là triết gia mới có thể không xấu hổ khi thấy toàn bộ đồ đạc của mình chất lên một chiếc xe ngựa chở đi, phơi ra trước ánh sáng của trời và mắt của người, chỉ là bộ sưu tập tội nghiệp những hòm xiểng rỗng. Đó là đồ đạc của Spaulding. Tôi không bao giờ quan sát một đống đồ đạc như thế mà nói được nó thuộc về người gọi là giàu hay nghèo; chủ nhân dường như luôn luôn là người nghèo. Thực ra, anh càng có nhiều những thứ như thế anh càng nghèo. Mỗi chuyến như thế dường như chở đồ của một tá túp lều tồi tàn, và nếu như một

túp lều là nghèo, thì đây là mười hai lần nghèo hơn. Thử hỏi, chúng ta vận chuyển làm gì mà không bỏ những đồ đạc - những xác lột (exuviae) - của chúng ta đi, cuối cùng chuyên sang thế giới khác được trang bị đồ đạc khác, còn những thứ này thiêu hủy hết đi? Nó cũng giống như tất cả đồ đạc này là cái bẫy kẹp vào thắt lưng của một người, khiến anh ta di chuyển về vùng thôn quê đường sá gập ghềnh vẫn phải kéo lê chúng - kéo lê cái bẫy. Anh ta là con cáo may mắn để lại cái đuôi của nó trong cái bẫy [109]. Con chuột xạ sẽ cắn chân ba của nó để thoát thân. Chả trách con người đá mất đi tính năng động của mình. Sao hắn hay bị mắc kẹt thế! "Xin lỗi, nhưng ngài nói mắc kẹt là ý gì ạ?". Nếu anh là người hay quan sát, khi nào anh gặp một người anh sẽ thấy tất cả những thứ mà hắn có, và hắn sẽ vờ chối đây đẩy, đằng sau hắn có cả đồ dùng nhà bếp và tất cả những đồ tạp nhạp khác mà hắn tom góp và không nỡ đốt đi, và hắn ta như bị thắng cương vào đấy và khó nhọc tiến lên. Tôi nghĩ rằng con người mắc kẹt là kẻ định chui qua một cái lỗ hay đi qua một cái cổng nào đó nhưng đống đồ đạc của hắn không cho hắn lọt qua. Tôi không nén được cảm giác thương hại khi nghe một gã đàn ông bảnh bao, rắn chắc, có vẻ tự do, lo lắng xem "đồ đạc" của gã đã được bảo hiểm hay chưa. "Nhưng tôi sẽ làm gì với đồ đạc của tôi?". Tức là chú bướm phởn phơ của tôi đã mắc vào mạng nhện mất rồi. Thậm chí, có người trong một thời gian rất dài không có thứ gì cả, nhưng nếu bạn tìm hiểu kĩ hơn, bạn sẽ thấy anh ta có một số thứ chứa trong kho của ai đó. Tôi nhìn nước Anh ngày nay như một quý ông đang du ngoạn với vô số đồ đạc lỉnh kỉnh, những đồ tạp nhạp được tích cóp vun vén lâu dài, mà anh ta không có can đảm đốt đi; hòm lớn hòm nhỏ, hộp các tông và bó,

gói ít nhất hãy quăng đi ba thứ đầu tiên. Vác theo chiếc giường mà bước đi là việc vượt quá sức của một người đàn ông khoẻ mạnh ngày nay [110], và chắc chắn tôi sẽ khuyên một người ốm bỏ giường đấy mà chạy. Khi tôi gặp một người di cư loạng choạng dưới bọc đồ chứa gọn gia tài của gã, trông như cái bướu mọc lên từ gáy gã, tôi đã thương hại, không phải vì gia tài của gã chỉ có thế, mà vì gã có tất cả cái gia tài đó để mà mang. Nếu phải kéo lê cái bẫy của tôi, tôi sẽ lo sao cho nó thật nhẹ và đừng kẹp tôi ở chỗ hiểm yếu. Nhưng khôn ngoan nhất là đừng bao giờ thò chân vào đó.

Nhân tiện, tôi cũng thấy tôi chẳng tốn tiền mua rèm cửa, vì tôi không phải che chắn những con mắt tọc mạch, ngoài ánh nắng và ánh trăng, và tôi sẵn lòng để chúng nhòm vào. Ánh trăng thì không làm chua sữa [111] hay làm ôi thịt của tôi, còn ánh nắng thì không làm hư tổn đồ đạc hay làm bạc những tấm thảm, và nếu đôi khi nó tỏ ra là một người bạn quá nồng nhiệt, thì tôi thấy nấp sau bức rèm mà thiên nhiên đem cho, còn kinh tế hơn là thêm một mục vào những món đồ trong nhà. Một bà có lần cho tôi một chiếc thảm chùi chân, nhưng trong nhà tôi không có chỗ nào để trải nó, cũng không có thời giờ rỗi để giũ, nên tôi từ chối, tôi thích chùi chân trên đám cỏ trước cửa nhà hơn. Tốt nhất là tránh những phiền toái ngay từ đầu.

Gần đây tôi có đến dự một cuộc bán đấu giá của cải của một viên trợ tế, một kẻ khá thành đạt trong cuộc sống:

"Tội lỗi của con người sống lâu hơn họ" [112].

Như thường lệ, phần lớn là những thứ tạp nham bắt đầu được tích góp từ thời cha của ông ta. Trong số những thứ còn lại

là một con sán sơ mít sấy khô. Và bây giờ, sau khi nằm nửa thế kỉ trên tầng áp mái và những lỗ bụi bặm khác, những vật này không bị đốt đi; nhưng thay vì một bonfire [113], hay là tẩy uế chúng đi, thì lại có một cuộc đấu giá, hay tăng giá trị của chúng lên. Những người láng giềng hăm hở tụ tập để xem chúng, mua chúng, và cẩn thận chở chúng về những căn áp mái và những lỗ bụi bặm của họ, để chúng nằm đó cho đến khi cơ ngơi của họ bị thanh lí, và họ làm lại sự nghiệp. Khi một người chết đi, hắn làm cho mọi thứ rối tung lên.

Chúng ta nên bắt chước phong tục của một số bộ tộc dã man, hằng năm cử hành nghi lễ như thể tự lột xác, họ có ý tưởng về chuyện ấy, bất kể nó có trong thực tế hay không. Chẳng tốt hay sao nếu chúng ta cử hành một lễ "busk" hay một bữa tiệc "hoa trái đầu mùa", mà theo mô tả của Bartram *[114]* là phong tục của người Anhđiêng Mucclasse. "Khi một thị trấn vào lễ hội busk", ông nói, "sau khi đã kiếm đủ cho mình quần áo mới, nồi niêu xoong chảo mới, và các vật dụng khác trong nhà, họ thu thập tất cả những quần áo cũ bỏ đi và những đồ vật linh tinh khác, họ quét và tống ra khỏi nhà, các quảng trường và toàn thành phố mọi thứ rác rưởi, những loại hạt còn lại và những lương thực cũ, họ dồn tất cả thành đống chung, và châm lửa đốt. Sau khi người dân uống thuốc và ăn chay trong ba ngày, mọi ngọn lửa trong thành phố đều tắt. Trong mùa chay này họ kiêng mọi thứ ngon và mọi dục vọng. Một cuộc tổng ân xá được công bố, tất cả những kẻ làm điều ác có thể trở về thành phố của mình...."

“Vào sáng ngày thứ tư, vị tăng lữ cao cấp, chà hai thanh gỗ khô với nhau, tạo ra một ngọn lửa mới ở quảng trường công

cộng, từ đó mọi công dân thành phố được cung cấp ngọn lửa mới, tinh khiết".

Sau đó họ mở hội mừng ngũ cốc và hoa quả mới và múa hát trong ba ngày, "và bốn ngày tiếp theo họ tiếp khách đến thăm và chung vui với bạn bè từ các thành phố lân cận, bản thân những người này cũng đã thanh tẩy và chuẩn bị tương tự".

Người Mexico cũng năm mươi hai năm một lần tiến hành thanh tẩy tương tự, với niềm tin rằng đó là khi thế giới kết thúc.

Tôi chưa từng nghe nói về một lễ hội thiêng liêng, tức là, như từ điển định nghĩa, "dấu hiệu hữu hình của ngoại thân biểu hiện vẻ hân hoan thành kính của nội tâm" thật hơn thế này, và tôi không nghi ngờ gì rằng khởi thủy họ làm thế là do được gợi hứng từ Thượng giới, mặc dù họ chưa có kinh thánh để ghi lại mặc khải này.

Trong năm năm tôi tự nuôi sống bản thân chỉ bằng lao động của chính đôi tay mình như vậy, và tôi thấy rằng bằng lao động sáu tuần một năm, tôi có thể đáp ứng mọi chi tiêu của đời sống. Toàn bộ các mùa đông của tôi, cũng như phần lớn các mùa hè, tôi có tự do và rảnh rang để nghiên cứu. Tôi đã thử đi dạy học, và thấy rằng phí tổn của tôi tăng lên theo, hay đúng hơn, tăng vượt thu nhập, vì tôi phải ăn mặc theo quy định, phải soạn bài, và tôi mất nhiều thời gian vào đó.

Vì tôi không dạy vì lợi ích của dân chúng, mà chỉ đơn giản để kiếm sống, đó là một thất bại. Tôi đã cố gắng buôn bán, nhưng tôi thấy rằng chắc phải mất đến mười năm mới thông thạo, và như vậy có lẽ tôi đang đi vào đường xấu. Tôi thật sự sợ rằng đến lúc đó tôi có thể làm cái việc mà người ta gọi là kinh

doanh kiếm lời. Trước đây khi tôi đang tìm xem tôi có thể làm gì để kiếm sống, một trải nghiệm buồn trong việc làm theo mong muốn của bạn bè còn tươi mới trong trí tôi bắt tôi phải khéo léo, tôi thường nghĩ một cách nghiêm túc đến việc hái quả việt quất; việc ấy chắc chắn tôi làm được, và chỉ cần ít tiền lời là đủ, - vì tài năng lớn nhất của tôi là có nhu cầu nhỏ, - cần rất ít vốn, ít phải bận tâm, tôi ngây thơ nghĩ vậy. Trong khi những người quen của tôi không ngần ngại lao vào buôn bán hoặc kiếm nghề, tôi chăm chú vào công việc này giống như họ; suốt mùa hè đi khắp các quả đồi hái những quả việt quất trong tầm tay, và sau đó bán chúng đi một cách vô tâm, như thể đi chăn đàn bò của Admetus [115]. Tôi còn mơ đến chuyện đi tìm hái những cây thuốc mọc hoang, hoặc mang những cây vạn niên thanh đến cho những dân làng thích có thứ nhắc nhở về rừng xanh, thậm chí mang về thành phố, bằng những chuyến xe chở cỏ khô. Nhưng từ đó tôi học được bài học rằng, việc buôn bán gây tai ương cho tất cả những gì mà nó dính đến, và dù anh có buôn bán theo những thông điệp từ trời, thì toàn bộ những tai ương ấy vẫn đuổi theo.

Vì tôi có sở thích riêng, và đặc biệt quý trọng tự do của tôi, vì tôi có thể chịu được thiếu thốn mà vẫn cảm thấy thoải mái, tôi không muốn dùng thời gian của mình kiếm những tấm thảm sang trọng hay những đồ đạc đắt tiền, hay nấu ăn ngon, hay một cái nhà kiểu Hi Lạp hay theo phong cách Gothic. Nếu có người nào không ngừng tìm kiếm những thứ ấy, và biết cách dùng chúng khi kiếm được, tôi xin nhường cho họ. Một số người "cần cù", và có vẻ yêu lao động chỉ vì thích làm việc, hay vì nó giúp họ tránh xa điều xấu, với những người ấy lúc này tôi không có gì để nói. Những người không biết làm gì với nhiều nhàn rỗi

hơn hiện nay họ được hưởng, tôi khuyên họ làm việc nhiều gấp đôi hiện nay, làm việc đến khi có thể tự trả lương, và chuộc lại được tự do cho mình. Bản thân tôi thấy rằng làm công nhật là độc lập hơn cả, đặc biệt chỉ cần làm việc ba mươi hay bốn mươi ngày trong một năm là đủ nuôi sống một người. Một ngày làm việc kết thúc khi tắt nắng, và lúc bấy giờ người lao động được tự do làm gì mà hắn thích, độc lập với công việc; nhưng người chủ thuê nhân công, phải nghĩ ngợi từ tháng này sang tháng khác, quanh năm không có thời gian rảnh rỗi.

Tóm lại, cả từ niềm tin có sẵn và kinh nghiệm, tôi tin chắc rằng việc nuôi sống bản thân một con người trên mặt đất này không phải là sự lao khổ, mà là tiêu khiển, nếu chúng ta sống đơn giản và khôn ngoan, không phải ngẫu nhiên mà nghề nghiệp làm ăn của những dân tộc bán khai lại biến thành những môn thể thao của những dân tộc văn minh hơn. Một người không cần phải đổ mồ hôi trán ra để kiếm sống, trừ phi anh ta dễ đổ mồ hôi hơn tôi.

Một chàng trai trẻ mà tôi quen, được thừa hưởng một số acre đất, nói với tôi rằng anh nghĩ anh nên sống như tôi, nếu anh có phương tiện. Tôi không muốn bất kì ai áp dụng lối sống của tôi vì bất cứ lí do gì, vì trước khi anh ta học được kha khá có thể tôi đã tìm ra một lối khác cho bản thân tôi, tôi muốn rằng càng có nhiều người khác nhau trên thế giới này càng tốt, nhưng tôi thích mỗi người rất thận trọng tìm ra và theo đuổi cách riêng của mình, chứ không phải theo cách của cha, của mẹ, của hàng xóm láng giềng. Chàng trai ấy có thể đi xây, đi trồng cấy hoặc đi biển, có điều anh ta đừng bị cản trở làm cái gì mà anh ta nói với tôi rằng anh thích làm. Chúng ta khôn ngoan

chỉ bởi một điểm nhìn toán học, như người thủy thủ hay người nô lệ chạy trốn luôn hướng về sao bắc đẩu; nhưng đó đủ là dẫn hướng cho toàn bộ cuộc sống chúng ta. Chúng ta có thể không cập bến đúng thời gian tính toán trước, nhưng chúng ta nhận biết được lộ trình đúng.

Chắc chắn là, trong trường hợp này, cái gì là đúng cho một người thì còn đúng hơn cho một nghìn người, như ngôi nhà lớn không đắt hơn ngôi nhà nhỏ theo tỉ lệ kích thước của chúng, vì một cái mái có thể che cho nhiều phòng, một tầng hầm bên dưới chung, và một bức tường ngăn nhiều gian. Nhưng phần tôi, tôi thích ở một mình hơn. Hơn nữa, nói chung nếu bạn tự xây cả căn nhà, sẽ rẻ hơn thuyết phục một người khác làm một bức vách ngăn chung; và nếu bạn đã làm thế, để rẻ hơn, bức vách chung phải thật mỏng, và người kia tỏ ra là một láng giềng xấu, và không chịu giữ cho tốt phần tường bên phía hắn. Thông thường chỉ có thể có sự hợp tác cực kì bộ phận và bề ngoài; còn sự họp tác thật sự hài hòa ít khi người ta nghe thấy, dường như không có. Nếu một người có tín ngưỡng, anh ta sẽ hợp tác bình đẳng ở mọi nơi, nếu anh ta không có tín ngưỡng, anh ta sẽ tiếp tục sống như phần còn lại của thế giới, dù anh ta đi với nhóm người nào. Để hợp tác, theo nghĩa cao nhất và thấp nhất, có nghĩa là cùng nhau kiếm sống. Tôi nghe kể gần đây có hai người trai trẻ muốn đi du lịch cùng nhau vòng quanh thế giới, một người không có tiền vừa đi vừa làm để kiếm tiền, làm thủy thủ, đi cày, người kia mang một ngân phiếu trong túi. Dễ thấy rằng họ không thể là bạn đường hay hợp tác lâu dài, vì một người không hoạt động gì cả. Họ sẽ tách nhau trong dịp khủng hoảng đầu tiên trong những cuộc phiêu lưu của họ. Trên hết, như tôi

đã gợi ý, người đi một mình có thể bắt đầu ngay hôm nay, nhưng người đi với một người khác phải đợi đến khi nào người kia sẵn sàng, và có khi rất lâu mới đi được.

Nhưng như vậy là ích kỉ, tôi đã nghe một số đồng bào của tôi nói thế. Tôi thú thật cho đến nay tôi ít mê các công cuộc từ thiện. Tôi đã có một số quyên góp mà tôi coi là bổn phận, và ngoài những thứ khác, đã hi sinh cả thú vui này. Có những người đã trổ hết tài hùng biện thuyết phục tôi đảm nhận giúp đỡ cho một số gia đình nghèo trong thành phố, và nếu tôi không có gì để làm, - vì nhàn cư sinh bất thiện - thì tôi hãy thử bắt tay vào việc ấy đi. Tuy nhiên, khi tôi có ý định lao vào việc này, và tự coi mình có nghĩa vụ làm cho họ sung sướng, bằng cách nhận nuôi một số người nghèo đầy đủ về mọi phương diện như tôi tự nuôi sống bản thân mình, và thực tế đã đề nghị với họ, thì tất cả bọn họ không trừ một ai quả quyết thích cứ giữ nghèo như cũ hơn. Trong khi những người đàn ông đàn bà trong thành phố tận tâm làm mọi cách vì lợi ích của đồng loại, tôi tin rằng ít nhất một người có thể được dành cho những sự nghiệp khác ít nhân đạo hơn. Làm từ thiện cũng như nhiều cái khác, bạn phải có thiên tư. Vì Làm Từ Thiện, đó là một trong những nghề nghiệp trọn vẹn [116]. Hơn nữa, tôi đã thật sự cố gắng, và, dù có vẻ lạ lùng, tôi lại thấy thỏa mãn vì nó không hợp với thể tạng tôi. Có lẽ tôi không nên từ bỏ một cách cố ý và có cân nhắc cái thiên tư đặc biệt của tôi (trong việc) làm những việc tốt mà xã hội đòi hỏi, để cứu thế giới khỏi hủy diệt; và tôi tin rằng cho đến nay có một tính kiên định giống như tôi nhưng lớn hơn vô cùng ở một nơi nào khác bảo toàn nó. Nhưng tôi sẽ không khuyên can bất cứ ai có thiên hướng làm từ thiện; và bằng tất cả trí tuệ và tâm

hôn và cả cuộc sống của mình, tôi sẽ nói với người làm cái công việc mà tôi từ chối này, rằng hãy Kiên nhẫn, cho dù cả thế giới này có thể gọi đó là làm điều ác, vì gần như chắc chắn là họ sẽ gọi thế.

Tôi không hề cho rằng trường hợp của tôi là kì quặc, chắc chắn nhiều bạn đọc của tôi sẽ biện hộ tương tự. Khi làm một việc gì, tôi không ngần ngại nói rằng thuê tôi là đáng đồng tiền bát gạo - tôi sẽ không đảm bảo rằng các láng giềng của tôi đều nhất trí như thế - nhưng tốt nhất là cứ để người thuê tôi tự tìm ra điều đó. Tôi làm điều thiện gì, theo nghĩa thông thường của từ này, phải nằm ngoài con đường chính của tôi, và phần nhiều là hoàn toàn không định trước. Người ta thường nói, hãy bắt đầu từ nơi mà anh đang đứng và hãy cứ là anh, đừng nhằm chủ yếu vào việc trở nên sáng giá hơn, và hãy cố làm điều tốt chỉ vì điều tốt. Nếu định truyền giáo theo khuynh hướng này, tôi sẽ nói khác: Trước tiên tự mình hãy tốt đi đã. Cũng như mặt trời hãy tắt đi sau khi đã đốt lên những ngọn lửa để mặt trăng và ngôi sao cấp sáu sáng rực lên, và đi lang thang như một Robin Tốt bụng [117], nhìn vào cửa sổ từng ngôi nhà, khích động những kẻ cuồng, làm ôi thịt cá, và làm cho bóng tối trông thấy được, thay vì cứ liên tục tăng lượng nhiệt ấm áp và từ thiện của mình cho đến khi trở nên chói gắt đến mức không ai dám nhìn thẳng vào mặt, và trong cùng lúc đó, quay quanh trái đất theo quỹ đạo của mình, ban phát ơn huệ, hay đúng hơn, như khoa học đã phát hiện ra, trái đất quay quanh nó mà nhận lấy ơn huệ. Khi Phaeton, muốn chứng tỏ nguồn gốc phi phàm của mình bằng cách làm việc thiện, mượn cỗ xe lửa của thần mặt trời chỉ trong một ngày, và đánh xe trật ra khỏi con đường mòn vạch sẵn,

chàng đã đốt cháy nhiều ngôi nhà dưới trần gian, thiêu sém bề mặt trái đất, làm khô cạn cả sông suối và tạo ra sa mạc Sahara vĩ đại, cho đến khi Jupiter quật chàng ta xuống đất bằng một tiếng sét, và mặt trời, đau khổ vì cái chết của chàng, không hề ló mặt ra trong suốt một năm.

Không có thứ mùi nào kinh tởm bằng thứ mùi tỏa ra từ lòng tốt bị hư hoại. Đó là tính người, tính thánh thối rữa. Nếu tôi biết chắc có người đến nhà tôi với ý đồ tỉnh táo làm điều tốt cho tôi, tôi sẽ chạy để thoát thân, khỏi ngọn gió khô như rang gọi là gió ximum *[118]* của các sa mạc châu Phi ấy, nó lấp cát bụi vào đầy mồm đầy mũi đầy mắt đầy tai, đến khi anh nghẹt thở, vì tôi sợ điều tốt anh ta lam cho tôi, - sợ thứ virus ấy nhiễm vào máu tôi. Không, trong trường hợp ấy tôi thà chịu ác theo cách tự nhiên. Một người không phải là người tốt đối với tôi vì anh ta sẽ cho tôi ăn khi tôi đói gần chết, hoặc ủ ấm cho tôi nếu tôi bị chết cóng, hoặc kéo tôi ra khỏi cái hố nếu tôi rơi xuống đó. Tôi có thê kiếm cho bạn một con chó Newfoundland nó làm được tất cả những việc ấy. Lòng từ thiện không phải là tình yêu đồng loại theo nghĩa rộng nhất của từ ấy. Howard [119] chắc chắn là người quá tốt và quá xứng đáng theo cách của ông, và đã được thưởng; nhưng, nói một cách so sánh, một trăm Howard sẽ thành cái gì với chúng ta, nếu lòng nhân từ của họ không giúp chúng ta trong những cơ ngơi tốt nhất của chúng ta, khi chúng ta xứng đáng được giúp đỡ nhất? Tôi chưa bao giờ ghe nói đến một cuộc họp từ thiện trong đó người ta chân thành đề nghị làm bất cứ điều gì tốt cho tôi, hay những người giống tôi.

Những người Jesuit hết sức kinh hoàng nhìn những người Anhđiêng đang bị trói vào cột để thiêu sống thế nhưng vẫn gà

cho những kẻ hành hạ họ các kiểu tra tấn mới. Là những người giỏi chịu đựng hơn người những đau đớn thể xác, có khi tình cờ họ lại an ủi giỏi hơn mọi lời an ủi mà những nhà truyền giáo có thể đưa ra, và cái quy tắc "điều chi ngươi muốn người ta làm cho mình, thì hãy làm điều ấy cho họ" [120] vang lên không mấy thuyết phục trong tai những người, bản thân họ không quan tam họ bị hành hạ như thế nào, họ yêu kẻ thù theo cái lối đặc biệt của họ, và gần như tha thứ một cách phóng khoáng tất cả những gì kẻ thù của họ đã làm.

Hãy chắc chắn cho người nghèo sự giúp đỡ mà họ cần nhất, mặc dù họ xa lạ với chính tâm gương của bạn. Nếu bạn cho tiền, thì chính bạn hãy dung số tiền đó mua gì cho họ, đừng đơn giản quăng tiền cho họ. Đôi khi chúng ta mắc sai lầm kì cục. Thường thì người nghèo không đói và rét nhiêu bằng họ bẩn, rách rưới và thô lỗ. Đó một phần là sở thích của họ, chứ không phải chỉ là nỗi bất hạnh của họ. Nếu bạn cho họ tiền, có thể họ sẽ mua thêm nhiều quần áo rách bằng tiền đó. Tôi hay thương hại những người lao động Ai Len đục băng trên đầm, thấy họ mặc những bộ quần áo tồi tàn rách rưới, trong khi tôi mặc những quần áo chỉnh tề và lịch sự hơn mà vẫn lạnh run; cho đến một hôm trời rét căm căm, một người trượt chân xuống nước và tìm đến nhà tôi để sưởi nhờ, và tôi thấy anh ta cởi ra ba chiếc quần và hai đôi tất dài, mặc dù chúng rất bẩn và rách rưới, nhưng anh ta quyết từ chối những quần áo ngoài tôi mang cho, vì anh ta có nhiều quần áo mặc trong rồi. Việc ngụp lặn này lại chính là việc anh ta cần. Khi đó tôi bắt đầu tự thương hại mình, và thấy rằng giá cho tôi một chiếc sơ mi *flanel* còn là một hành vi từ thiện lớn hơn nhiều so với việc cho anh ta cả một gian hàng

quần áo cũ. Chặt hàng nghìn nhát vào những cành của cái xấu chỉ ngang với một nhát đánh vào rễ, và phải chăng người hiến nhiều thời giờ và tiền bạc nhất cho kẻ túng thiếu chính là đang dùng lối sống của mình để tạo ra sự khốn cùng mà anh ta hoài công cứu giúp. Chính kẻ buôn nô lệ ngoan đạo này hiến khoản tiền lời từ người nô lệ thứ mười để mua tự do của một ngày Chủ nhật cho chín nô lệ còn lại. Một số người thể hiện lòng tốt của họ với người nghèo bằng cách thuê họ làm trong bếp của mình. Nếu họ tự làm ở đó có phải tốt hơn không? Bạn khoe bạn dùng một phần mười thu nhập của bạn làm từ thiện; sao bạn không dùng nốt chín phần mười như vậy, một lần cho xong đi. Xã hội chỉ thu hồi được một phần mười, số của cải đó. Đó là nhờ sự hào phóng của anh ta, hay nhờ sự tắc trách của các quan chức tư pháp?

Lòng từ thiện gần như là đức tính duy nhất được loài người nhận thức đầy đủ giá trị. Không, nó được đánh giá hết sức cao, và chính tính ích kỉ của chúng ta đánh giá cao nó. Một người nghèo khỏe mạnh, trong một ngày nắng đẹp ở Concord này, đã ca ngợi một người dân thành phố với tôi, bởi vì, như anh ta nói, ông ấy tốt với người nghèo, tức là chính anh ta. Những ông chú bà bác tốt bụng của giống nòi được quý trọng hơn những người cha người mẹ tinh thần thật sự của nó. Tôi có lần đã nghe một người thuyết giảng đáng kính nói về nước Anh, một người đàn ông thông minh và hiểu biết, sau khi liệt kê những thiên tài khoa học văn chương và chính trị của nó, những Shakespeare, Bacon *[121]*, Cromwell *[122]*, Milton [123], Newton [124], và những người khác, tiếp đó nói đến những nhân vật lớn của đạo Cơ Đốc của nước này, những người mà, dường như do nghề nghiệp của

ông đòi hỏi, ông nâng lên một vị trí cao hơn nhiều so với những người còn lại, như những người vĩ đại nhất trong những người vĩ đại. Đó là Penn [125], Howard, và bà Fry [126]. Mọi người chắc phải nhận thấy có sự giả dối và giả đạo đức trong đó. Những người cuối cùng không phải là những người đàn ông và đàn bà tốt nhất của nước Anh, mà có lẽ chỉ là những nhà từ thiện tốt nhất của nó.

Tôi không giảm bớt đi những lời ca ngợi xứng đáng với lòng từ thiện, mà chỉ đòi hỏi công bằng với tất cả những ai đã bằng cuộc sống và tác phẩm của mình là phúc lành đối với nhân loại. Tôi không quý trọng con người trước hết vì tính ngay thẳng và lòng nhân từ của người ấy, vốn chỉ là thân và lá của cây. Những cây ấy khi héo tàn chúng ta dùng làm thuốc, chỉ có một tác dụng tầm thường, và hầu hết được các lang băm sử dụng. Điều tôi muốn ở một con người là hoa và quả; mà hương thơm của hoa từ ông thoảng đến tôi, và sự chín muồi của quả làm tăng vị ngon ngọt của sự giao cảm giữa ông và tôi. Lòng nhân ái của ông không phải là phiến diện và tạm thời, mà luôn luôn tràn đầy thừa thãi, ông không mất gì với nó và không biết gì về nó. Lòng từ thiện thường che giấu vô số tội lỗi. Nhà từ thiện luôn bao vây loài người bằng kí ức về những nỗi đau vô dụng của ông ta như một bầu khí quyển, và gọi nó là sự cảm thông. Chúng ta nên truyền lòng can đảm của chúng ta chứ không phải nỗi thất vọng của chúng ta, sức khoẻ và sự thoải mái của chúng ta chứ không phải bệnh tật của chúng ta, và chăm lo sao cho bệnh tật không lây lan. Từ những vùng bình nguyên miền nam nào vọng đến đây những lời than khóc? Những người ngoại đạo sống ở vĩ độ nào cần chúng ta gửi ánh sáng đến cho họ? Con người dã

man tăm tối nào cần chúng ta cứu giúp? Nếu có bất kì điều gì khiến con người đau khổ đến mức hắn không thực hiện được những chức năng của hắn, nếu hắn đau trong ruột, - vì đó là nơi ở của lòng thông cảm, - hắn lập tức bắt đầu cải tạo thế giới. Hắn khám phá ra bản thân hắn là một thế giới vi mô, và đó là một khám phá đúng, và chính hắn là người khám phá ra điều này, - rằng loài người đã và đang ăn những quả táo xanh; thật ra, trong mắt hắn, quả đất cũng chỉ là một quả táo xanh to, mà có nguy cơ trẻ con sẽ gặm vào trước khi nó chín, và ngay lập tức lòng từ thiện mạnh mẽ của hắn hướng về người Esquimaux [127] và người Patagonian [128], và ôm lấy những làng mạc đông nghịt người ở Trung Hoa hay Ấn Độ; và như vậy, qua mấy năm hoạt động từ thiện, trong khoảng thời gian ấy chắc chắn các cường quốc lợi dụng hắn cho những mục đích của họ, hắn tự chữa khỏi chứng khó tiêu; rồi địa cầu trở nên hơi ửng đỏ trên một hay cả hai má của nó, như thể nó đang bắt đầu chín, và sự sống không còn chua hay chát nữa, và đã trở lại ngọt và lành. Tôi không bao giờ mơ về một hành vi tàn ác nào lớn hơn tôi đã phạm. Tôi không bao giờ biết, và sẽ không bao giờ biết một người đàn ông nào tồi tệ hơn tôi.

Tôi tin rằng điều làm cho nhà cải cách buồn không phải là sự thông cảm với đồng loại trong nỗi thống khổ, mà là nỗi đau riêng của ông, mặc dù ông ta là đứa con thiêng liêng nhất của Chúa. Hãy sửa lại điều đó, hãy để mùa xuân đến với ông ta, mặt trời ban sớm chiếu trên chỗ nằm của ông, và ông sẽ từ bỏ những người bạn hào phóng của mình không lời biện bạch. Cái cớ của tôi không rao giảng chống lại việc dùng thuốc lá là tôi không bao giờ nhai nó; rằng nó là hình phạt mà những người

nhai thuốc lá phải chịu; mặc dù có đủ thứ tôi đã nhai, mà tôi diễn thuyết chống lại. Nếu bạn từng bị lôi kéo vào những công việc từ thiện này, đừng để cho tay trái của bạn biết tay phải của bạn làm gì, vì nó không đáng biết. Cứu người chết đuối và buộc dây giày của bạn lại. Hãy thong thả, và bắt tay vào một công việc lao động tự do nào đó.

Phong hóa của chúng ta đã suy đồi đi do thông giao với các thánh. Những sách thánh ca của chúng ta vang lên thánh thót một lời nguyền của Chúa và đời đời cam chịu người [129]. Có thể nói ngay cả các nhà tiên tri và các vị cứu tinh cũng thường chỉ làm khuây đi nỗi sợ hãi hơn là củng cố những hi vọng của con người. Không có nơi nào ghi lại lòng biết ơn giản dị và hồn nhiên đối với món quà ấy của cuộc sống, bất kì một lời khen ngợi đáng nhớ nào của Chúa. Tất cả sự khoẻ mạnh và thành công khiến tôi hạnh phúc cho dù chúng có vẻ xa xôi lạc lõng thế nào, mọi bệnh tật và thất bại đều khiến tôi đau buồn dù chúng có vẻ thông cảm với tôi hay tôi thông cảm với chúng thế nào. Vậy, nếu chúng ta muốn khôi phục loài người bằng những biện pháp của người Anhđiêng, thực vật, từ tính, hay tự nhiên nào, trước hết bản thân chúng ta hãy đơn giản và khoẻ mạnh như giới Tự nhiên, xua đi những đám mây phủ trên trán chúng ta, và thu hút lấy chút sức sống vào các lỗ chân lông của chúng ta. Đừng làm một tay giám sát người nghèo, hãy cố gắng trở thành một trong những người xứng đáng của thế giới.

Tôi đọc trong Gulistan [130], hay Vườn Hồng, của tù trưởng Sadi ở Shiraz: “Người ta hỏi một nhà thông thái rằng, trong số nhiều cây nổi tiếng mà Chúa Toàn Năng đã tạo thành những cây

cao bóng cả, không có cây nào được gọi là *azad*, hay tự do, ngoài cây bách, là cây không có quả; có bí mật gì trong chuyện này không? Nhà thông thái trả lời, Mỗi cây có sản phẩm thích hợp và có mùa thích hợp với nó, đúng mùa thì nó tươi tốt và ra hoa, trái mùa thì nó khô vàng và héo tàn, cây bách không ở trong cả hai trạng thái này, vì nó lúc nào cũng xanh tươi, và bản chất của nó là *azad*, hay tự do tín ngưỡng. Đừng gắn trái tim bạn với cái gì nhất thời; vì con sông Dijlah, hay Tigris, sẽ tiếp tục chảy qua Bagdad sau khi nòi giống các vua Hồi đã tuyệt diệt: nếu bạn giàu có, hãy hào phóng; nhưng nếu không có gì để cho, hãy là một *azad*, hay một người tự do, giống như cây bách".

NHỮNG VẦN THƠ BỔ SUNG

NHỮNG YÊU SÁCH CỦA CÁI NGHÈO

Ngươi đã quá trớn đấy, hỡi kẻ nghèo hèn khốn khổ
Khi đòi một địa vị trên bầu trời,
Bởi túp lều hèn mọn của ngươi
đã nuôi dưỡng thói biếng lười và rởm.
Trong ánh nắng nhạt, hay bên những dòng suối rợp bóng
với những rễ cây và hoa cỏ thơm tươi;
Là nơi, bằng chính bàn tay ngươi,
Ngươi đã xé những đam mê
khỏi trí óc con người -
Cái gốc bừng nở ra những thiên tư đẹp đẽ.
Với bản chất thoái hóa, và cảm giác tê liệt,
như quỷ Gorgon, ngươi biến thành đá
những thân người sống động.

Chúng ta không cần lũ bạn bè ù lì,

bị buộc phải sống ôn hòa điều độ.

Hay đần độn ngu si,

chẳng biết đến cả niềm vui lẫn nỗi buồn.

Cũng chẳng cần sự cam chịu thụ động làm ra vẻ cao quý mà ngươi tâng bốc còn hơn lòng hăng hái. Sự quỵ lụy,

thấp hèn và tồi tệ.

Biến đầu óc các ngươi thành nô lệ.

Nhưng chúng ta tán dương.

Những đức tính can trường, vẻ uy nghi vương giả. Tính hào hiệp, khôn ngoan, lòng khoan dung cao cả.

Những đức tính oai hùng,

thời xưa không để lại một cái tên

chỉ còn mãi những tấm gương,

như Hercules, Theseus, Achilles.

Thôi, cút về túp lều khốn khổ của ngươi đi;

Khi ngươi trông thấy bầu trời mới rực sáng,

Mở mắt xem ai mới là người xứng đáng.

Chương 2

Tôi Sống Ở Đâu và Sống Bằng Gì

Vào một thời kì nhất định trong đời, chúng ta quen coi mọi nơi đều có thể là địa điểm [131] cho một ngôi nhà. Bởi vậy tôi đã khảo sát vùng thôn quê trong vòng chục dặm về mọi hướng quanh nơi tôi sống. Tôi đã mua trong tưởng tượng lần lượt tất cả những nông trại, vì tất cả đều có thể mua được và tôi biết giá. Tôi đi một vòng quanh cơ ngơi [132] của các chủ trại, nếm những quả táo dại, trò chuyện với ông ta về việc cai quản, nhận lấy trại theo giá của ông ta, theo giá nào cũng được, thế chấp nó cho ông ta trong đầu tôi, thậm chí trả giá cao hơn - nhận tất cả mọi thứ chỉ trừ giấy chuyển nhượng - coi lời nói của ông ta là việc làm [133] vì tôi rất thích nói chuyện về trồng trọt và, trong chừng mực nào đó, nghiên cứu ông ta [134]. Tôi tin, và sau khi đã thưởng thức đủ lâu, tôi rút lui để nó đó cho ông ta thực hiện. Trải nghiệm này khiến tôi được các bạn coi là một kiểu người môi giới bất động sản. Tôi ngồi đâu là ở đấy có thể sống được, và phong cảnh cứ từ tôi tỏa ra một cách tương ứng. Cái nhà là gì, nếu không phải một sedes [135], một chỗ ngồi? - tốt hơn nếu là một chỗ ngồi ở nông thôn. Tôi đã phát hiện ra một chỗ để làm nhà không có vẻ sớm được cải thiện, có thể một số người nghĩ nó quá xa làng, nhưng dưới mắt tôi làng quá xa nó. Ờ, tôi có thể sống ở đó, tôi nói, và tôi đã thật sự sống ở đó, trong một giờ, một

cuộc sống mùa hè và mùa đông, để năm tháng trôi đi, đẩy mùa đông qua, và nhìn mùa xuân đến. Những cư dân tương lai của miền này, bất kì chỗ nào họ có thể đặt ngôi nhà của họ, có thể tin chắc rằng đã có người làm trước họ rồi. Chỉ một buổi chiều là đủ để biến mảnh đất đó thành vườn cây ăn quả hay bãi chăn thả gia súc, và quyết định những cây sồi hay cây thông đẹp nào nên để lại trước cửa nhà, và vì mỗi cây khô héo có lợi thế của nó [136], nên tôi bỏ mặc ở đó, vì mức độ giàu có của một người có thể đo bằng số của cải mà anh ta có thể sống mà không cần đến.

Trí tưởng tượng của tôi đưa tôi đi xa đến mức thậm chí tôi đã từ chối nhiều trang trại, - từ chối là tất cả những gì mà tôi muốn - nhưng tôi không bao giờ chạm đến sở hữu thực sự. Tôi đã suýt sở hữu thực sự khi tôi mua Hollowell Place, và bắt đầu chuẩn bị hạt giống để gieo, và thu thập vật liệu làm một chiếc xe cút kít để chở ra chở về, nhưng trước lúc ông chủ làm xong giấy chuyển nhượng thì vợ ông ta - mỗi người đàn ông đều có một bà vợ như thế - đổi ý và muốn giữ nó lại, và ông ta đưa tôi mười đô la để tôi giải thoát ông ta khỏi cam kết đó.

Bởi vậy, nói cho đúng ra, tất tần tật tôi chỉ có mười cent thôi, và trình độ số học của tôi không đủ để tôi nói tôi là người có mười cent, hay là người có một cái trại, có hay cả hai; hay trái lại, hào phóng hơn, tôi bán cho ông ấy cái trại lấy đúng số tiền mà tôi vừa mua nó, và, vì ông ta không giàu có gì, nên tôi cho ông món quà mười đô la, và vẫn còn lại mười cent của tôi, và hạt giống, và vật liệu làm cái xe cút kít. Như vậy tôi thấy rằng tôi đã là một người giàu có mà không mảy may phương hại đến sự nghèo nàn của tôi. Nhưng tôi giữ lại được phong cảnh, và từ đó

hằng năm tôi chiếm lấy những gì nó mang lại mà không cần một chiếc xe cút kít. Về các phong cảnh:

"Ta là vua của tất cả những gì ta nhìn thấy

Quyền của ta là không thể bàn cãi" [137].

Tôi thường thấy một nhà thơ rút lui sau khi đã thụ hưởng những phần giá trị nhất của một nông trại, trong khi một người nông dân cục mịch cho rằng nhà thơ chỉ được một ít táo dại. Tại sao người chủ trại không biết điều này sau nhiều năm, khi nhà thơ đã đưa trại của anh ta vào vần điệu, loại hàng rào vô hình đáng nể phục nhất, đã hoàn toàn nhốt nó lại, đã vắt sữa nó, đã hớt váng bọt, và thu lấy tất cả kem, chỉ để lại cho người nông phu loại sữa đã hớt hết váng.

Sức hấp dẫn của trại Hollowell đối với tôi là, nó hoàn toàn hẻo lánh, cách làng chừng hai dặm, cách hàng xóm gần nhất nửa dặm, và được ngăn cách với đường cái bằng một cánh đồng rộng; nó bị giới hạn bởi một con sông mà chủ trại nói nhờ sương mù cửa nó bảo vệ khỏi đông giá về mùa xuân, mặc dù nó không là gì đối với tôi; màu xám và tình trạng đổ nát của ngôi nhà và khu chuồng trại, với những hàng rào xiêu vẹo, nó đặt một gián cách như thế giữa tôi và người cuối cùng ở đó, những cây táo rỗng và phủ đầy địa y, bị thỏ gặm, cho thấy tôi sẽ phải chịu loại hàng xóm như thế nào; nhưng trên hết, kí ức mà tôi có về nó là từ những chuyến du hành sớm nhất của tôi ngược sông, những ngôi nhà ẩn sau lùm cây gỗ thích đỏ rậm rạp, qua đó tôi nghe tiếng chó nhà sủa. Tôi vội vã mua nó, trước khi người chủ đánh một số khối đá đi, đốn hạ những cây táo rỗng ruột, và bứng đi mấy cây phong non mới mọc trên bãi cỏ, hay nói ngắn gọn, làm thêm một số việc cải thiện. Để hưởng những thuận lợi ấy tôi sẵn

sàng thực hiện nó, giống như Atlas, vác Trái Đất lên vai, - tôi không hề nghe thấy ông nhận khoản bồi thường [138] nào cho việc đó - và làm tất cả những việc ấy không vì một động cơ hay một lí do nào khác, nhưng tôi có thể trả tiền để người ta để nguyên nó đó cho tôi, vì tôi biết rằng nó sẽ đem lại thu hoạch thừa thãi nhất mà tôi cần [139] nếu tôi có thể để nó yên. Nhưng sự thể đã diễn ra như tôi đã nói.

Vì thế, tất cả những gì tôi có thể nói về việc trồng trọt trên quy mô lớn (tôi luôn luôn trồng một mảnh vườn) là tôi đã có hạt giống. Nhiều người nói hạt giống để càng lâu càng tốt. Tôi không nghi ngờ gì rằng thời gian sẽ giúp tôi phân biệt giữa hạt giống tốt và xấu, và cuối cùng khi tôi trồng tôi sẽ ít bị thất vọng hơn. Nhưng tôi muốn nói với các bạn của tôi, một lần cho dứt khoát, hãy sống tự do đến mức có thể, đừng để vướng mắc. Giữa việc bạn mắc vào một nông trại với việc mắc vào nhà tù chỉ khác nhau chút xíu thôi.

Ông già Cato [140], De Re Rustica [141] của ông là Người trồng trọt [142] của tôi, và bản dịch duy nhất mà tôi thấy chỉ là vớ vẩn so với câu "Khi anh nghĩ đến việc có một nông trại, thì hãy nghĩ trong óc anh thôi, chớ mua nó một cách thèm khát, cũng đừng tiếc công ngắm nhìn nó, và đừng nghĩ chỉ đi quanh nó một vòng là đủ. Anh càng đến đó thường xuyên thì nó càng làm anh hài lòng, nếu nó tốt. Tôi nghĩ tôi sẽ không mua nó một cách thèm khát, nhưng sẽ đi quanh nó hoài chừng nào tôi còn sống, và sẽ được chôn trong nó trước hết, rốt cuộc nó có thể làm tôi hài lòng hơn.

Hiện tại là thí nghiệm tiếp theo của tôi thuộc loại này, mà tôi định sẽ mô tả chi tiết hơn, để cho tiện, tôi sẽ gộp kinh

nghiệm của hai năm thành một. Như đã nói, tôi không định viết một bài tụng ca nỗi chán đời, mà chỉ gáy vang như một anh gà trống huênh hoang đứng trong sân nhà mình mà đánh thức những hàng xóm của tôi."

Khi lần đầu tiên tôi lấy rừng làm nơi ở, tức là, bắt đầu tiêu cả ngày lẫn đêm ở đó, tình cờ lại là ngày Độc lập, ngày 4 tháng 7 năm 1845, nhà tôi không hoàn thành để tránh mùa đông, mà chỉ để bảo vệ chống lại mưa, không được tô trát và không có lò sưởi, các bức tường làm bằng ván thô đã bị mưa nắng làm cong vào buổi sáng, vênh, với những kẽ hở rộng, để mát về ban đêm. Những cột trắng dựng đứng và các khung cửa, cửa sổ mới bào, tạo cảm giác sạch sẽ và thông thoáng, đặc biệt vào buổi sáng, khi gỗ đẫm sương, khiến tôi tưởng tượng rằng đến trưa chúng sẽ ứa ra một ít chất nhựa ngọt. Theo tưởng tượng của tôi suốt cả ngày nó sẽ ít nhiều giữ được đặc tính của buổi rạng đông, nhắc tôi nhớ về một ngôi nhà nào đó trên một ngọn núi mà tôi đã đến thăm năm trước. Đó là một căn nhà nhỏ thoáng đãng và không tô trát, thích hợp để tiêu khiển cho một vị thần lãng du, và là nơi mà một nữ thần có thể thướt tha trong bộ trang phục của nàng. Những ngọn gió sẽ qua nơi trú ngụ của tôi như quét qua những ngọn núi, mang theo những giai điệu chập chờn, hay chỉ những phần siêu phàm của âm nhạc trần thế. Ngọn gió ban sáng thổi đến vĩnh cửu, bài thơ sáng tạo là không ngừng nghỉ, nhưng ít người có lỗ tai nghe nó. Đâu đâu cũng thế, đỉnh Olimpus [143] chỉ ở bên ngoài trái đất.

Ngoài một chiếc thuyền, ngôi nhà duy nhất mà tôi sở hữu trước đây là một căn lều, mà tôi thỉnh thoảng có dịp dùng khi du ngoạn vào mùa hè, và nó bây giờ vẫn còn cuộn lại trên tầng

áp mái của tôi; nhưng cái thuyền sau khi chuyền hết tay này sang tay khác, đã trôi xuôi theo dòng thời gian. Với chỗ trú ngụ chắc chắn hơn này bên tôi, tôi đã khá tiến bộ trong việc định cư trên thế giới. Căn lều nhẹ nhõm này, giống như một sự kết tinh xung quanh tôi, và tác động trở lại người xây dựng. Nó gợi lên những nét giống như một bức tranh trong phác thảo. Tôi không cần ra ngoài trời để thở không khí trong lành, vì không khí bên trong không hề mất vẻ tươi mát của nó. Ngồi sau cánh cửa nơi tôi vẫn ngồi không có vẻ gì là quá kín mít, ngay cả trong lúc trời mưa. Harivansa [144] nói: "Một ngôi nhà không có tiếng chim khác nào thịt không gia vị". Một ngôi nhà như thế không phải nhà của tôi, vì tôi thấy mình bỗng nhiên thành láng giềng của loài chim; không phải vì tôi bắt một con nhốt lồng, mà tôi tự nhốt tôi vào lồng ở gần chúng. Tôi không chỉ gần hơn với một số chim thường tới các vườn cây trái, mà gần hơn với những chú chim hoang dã hơn và tiếng hót ngọt nào quyến rũ hơn của rừng xanh, những con chim không bao giờ, hoặc hiếm khi tấu dạ khúc cho một dân làng nghe, những con chim hét rừng *(wood- thust)* veery [145], những con tanager [146] màu đỏ tươi, những con chim sẻ đồng, những chim đớp muỗi [147] và nhiều loài khác.

Tôi sống bên bờ một cái đầm, cách làng Concord một dặm rưỡi về phía nam và hơi cao hơn nó một chút, trong một khoảnh rừng rộng nằm giữa thành phố này và Lincoln, và cách cánh đồng duy nhất có cái tên nổi tiếng của chúng tôi "Bãi Chiến trường Concord" khoảng hai dặm về phía nam; nhưng tôi ở thấp trong rừng đến nỗi bờ bên kia, cách nửa dặm, được bao bọc bởi rừng như những phần khác, đối với tôi là chân trời xa nhất.

Trong tuần đầu tiên, mỗi khi nhìn ra đầm tôi có cảm tưởng nó là một cái hồ nhỏ cao trên sườn một quả núi, đáy của nó ở bên trên mặt của những hồ khác, và, khi mặt trời mọc, tôi thấy nó trút bỏ màn sương - bộ y phục ban đêm của nó, và đó đây, tuỳ mức độ, những gợn sóng lăn tăn êm đềm hay mặt gương phẳng lặng lộ ra, trong khi những đám sương mù, như những bóng ma, lén lút rút lui theo mọi hướng vào rừng như tản ra từ một cuộc họp đêm bí mật. Chính giọt sương, còn treo muộn hơn thường ngày trên những cái cây như trên những sườn núi.

Cái hồ nhỏ này có giá trị nhất như một người hàng xóm trong khoảng giữa những cơn mưa dông tháng Tám, khi cả nước và không khí đều yên lặng nhưng bầu trời phủ mây, giữa buổi chiều có cái tình lặng của buổi tối, và con chim hét rừng hót đó đây, nghe như vọng từ bờ này sang bờ kia. Một cái hồ như thế chưa bao giờ êm ả hơn vào thời gian đó; và bầu không khí trong sáng bên trên nó bị những đám mây nuốt và làm tối tăm đi, mặt nước, đầy ánh sáng và ánh phản chiếu, bản thân nó trở thành một bầu trời thấp quan trọng hơn nhiều. Từ một đỉnh đồi gần bên, nơi rừng mới bị chặt gần đây, có một khung cảnh thú vị khi nhìn qua đầm về hướng nam, qua một hõm trống rộng trong những quả đồi tạo thành bờ bên kia, nơi những mặt đối nhau của chúng dốc thoải hướng về nhau gợi nghĩ đến một dòng suối chảy ra theo hướng đó qua một thung lũng mọc đầy cây, nhưng thật ra không có dòng suối nào cả. Theo hướng đó tôi nhìn giữa và trên những quả đồi xanh ở gần đến một quả đồi xa và cao hơn ở phía chân trời, nhuốm sắc xanh da trời. Thật ra nếu đứng kiễng chân tôi có thể nhìn thấy thấp thoáng những đỉnh nhọn của những rặng núi còn xanh hơn và xa hơn theo

hướng tây bắc, những đồng xu thật xanh từ xưởng đúc tiền của thiên đình, cũng như một phần của làng. Nhưng theo các hướng khác, cho dù ngay từ điểm này, tôi cũng không thể nhìn quá những khu rừng đang bao quanh mình. Lấy nước từ hàng xóm về để đem lại sinh khí cho đất và tưới ngập nó là tốt. Một cái giếng dù nhỏ nhất cũng có giá trị là khi ta nhìn vào nó, ta thấy đất không phải là lục địa mà là đảo. Nó cũng quan trọng như giữ mát cho bơ vậy. Khi từ điểm cao này nhìn qua đầm tới những cánh đồng cỏ Sudbury về mùa lụt tôi nhận thấy chúng nhô lên rõ rệt có lẽ do ảo ảnh trong thung lũng sủi bọt của chúng, giống như một đồng xu trong cái chậu, cả mảnh đất bên kia đầm hiện lên như một miếng vỏ bánh mì mỏng bị cách li và nổi lên thậm chí bởi một mảng nước nhỏ xen giữa, và tôi nhớ ra rằng mảnh đất mà tôi đang sống trên đó chỉ là một mảnh đất khô.

Tuy rằng quang cảnh nhìn từ cửa nhà tôi đã bị thu hẹp lại nhiều, tôi vẫn không cảm thấy chật chội hay thậm chí là gò bó. Còn có bãi cỏ cho tôi tha hồ tưởng tượng. Cái cao nguyên thấp mà sồi mọc thành từng bụi của bờ bên kia, trải ra đến những đồng cỏ miền Tây và những thảo nguyên Tartary, đủ chỗ thênh thang cho những gia đình du cư đông đúc. "Chỉ có những người biết hưởng thụ một cách tự do những chân trời rộng mở mới là người hạnh phúc trên thế giới này" – Damodara [148] nói, khi đàn gia súc của ông cần những đồng cỏ mới và rộng lớn hơn.

Cả thời gian và nơi chốn đều đã thay đổi, và tôi đã ở gần hơn với những phần của vũ trụ và những thời đại trong lịch sử hấp dẫn nhất đối với tôi. Nơi tôi sống cũng xa xăm như nhiều miền mà các nhà thiên văn học đêm đêm quan sát. Chúng ta quen tưởng tượng những nơi hiếm hoi và thú vị, ở những góc xa xôi

cách biệt và đầy tính thiên giới của hệ thống, đằng sau chòm sao Tiên Hậu (Cassiopeia's Chair) xa biệt mọi ồn ào và phiền toái. Tôi phát hiện ra rằng ngôi nhà của tôi thật sự là một nơi ẩn dật như thế, nhưng mãi mãi là phần mới và không bị xem thường của vũ trụ. Nếu những nơi gần Pleiades hoặc Hyades [149], hay gần Aldebaran hoặc Altair [150] là nơi đáng ở, thì tôi thật sự đã ở đó, hay ở xa tương đương như thế với cuộc sống mà tôi đã để lại phía sau, thu mình lại thành một tia nhấp nháy đối với người hàng xóm gần nhất của tôi, và chỉ để anh ta thấy được vào những đêm không trăng. Tôi đã ngồi ở chính cái phần đó của sáng thế:

Có một chàng chăn cừu đã sống
Và những ý nghĩ của chàng cao như
những ngọn núi trên đó đàn cừu của chàng
thường xuyên cho chàng ăn [151]?

Chúng ta nên nghĩ như thế nào về đời sống của một chàng chăn cừu nếu đàn cừu của chàng luôn lang thang lên những bãi cỏ cao hơn những ý nghĩ của chàng?

Mỗi buổi sáng là một lời mời gọi vui vẻ hãy làm cho cuộc sống của tôi đơn giản đi, hay tôi có thể nói, ngây thơ vô tội như bản thân Thiên nhiên.

Tôi vốn là một người thờ thần Rạng đông (*Aurora*) [152] thành kính như người Hi Lạp. Tôi dậy sớm và tắm trong đầm, đó là một nghi thức tôn giáo, và là một trong những điều tốt nhất mà tôi đã làm. Người ta nói những chữ này được khắc lên bồn tắm của vua Thành Thang: "Hãy đổi mới mỗi ngày, ngày nào cũng mới, luôn luôn mới" [153]. Tôi có thể hiểu điều đó. Buổi sáng đem

trở lại những thời đại anh hùng xưa. Tôi hết sức cảm động với tiếng kêu vo ve yếu ớt của một con muỗi bay một vòng vô hình và kì quái qua căn hộ của tôi vào buổi tinh mơ, khi tôi ngồi, cửa lớn và cửa sổ đều mở, cảm động như nghe tiếng kèn *trompet* ngợi ca [154]. Đó là một bản cầu hồn của Homer; bản thân nó là một Iliad và Odyssey [155], trong không khí, ca lên nỗi căm giận và những ý nghĩ lan man của chính nó [156]. Trong nó có một cái gì phóng khoáng, một quảng cáo được chấp nhận (trước khi bị cấm), về sự cường tráng và phồn thực vĩnh cửu của thế giới. Buổi sáng, đó là khoảng thời gian đáng ghi nhớ nhất của một ngày, là giờ tỉnh thức. Đó là lúc chúng ta ít buồn ngủ nhất; và ít nhất trong vòng một giờ, cả đến những bộ phận của chúng ta vẫn lơ mơ ngủ suốt ngày đêm cũng thức dậy. Ít có gì để mong chờ trong cái ngày - nếu có thể gọi đó là một ngày - trong đó chúng ta không được đánh thức bằng chính Thiên tư của chúng ta, mà lại bằng mấy cái đập nhẹ đầy máy móc của người nhà [157], không được đánh thức bằng cái sức mạnh mới tìm thấy và những khát khao từ bên trong chúng ta, được đệm bằng những sóng nhạc thiên thần, mà lại bằng những tiếng còi nhà máy, và một mùi hương tràn ngập không gian - đưa chúng ta vào một cuộc sống cao hơn cái cuộc sống làm chúng ta buồn ngủ; và như vậy bóng tối mang những hoa trái của nó, và chứng tỏ bản thân nó là tốt, không kém gì ánh sáng. Người nào không tin rằng mỗi ngày chứa một giờ rạng đông sớm hơn, thiêng liêng hơn [giờ] anh ta đã coi thường, thì anh ta đã thất vọng về cuộc sống và đang đi theo một con đường tối tăm và đi xuống. Sau sự chấm dứt một phần cuộc sống nhục cảm của mình, linh hồn của con người, hay đúng hơn các cơ quan của nó, được khôi phục từng

ngày, và Thiên tư của anh ta lại cố gắng tái tạo cuộc sống cao quý mà nó có thể tạo ra. Tôi có thể nói, tất cả những sự kiện đáng nhớ đều lộ ra trong thời gian buổi sáng và trong bầu không khí buổi sáng. Kinh Vệ đà [158] nói, “Tất cả trí thông minh thức dậy vào buổi sáng". Thơ ca và nghệ thuật, và những hành động đẹp đẽ nhất và đáng nhớ nhất của con người, xuất hiện từ một thời khắc như thế. Tất cả những nhà thơ và những anh hùng, như Memnon[159], đều là con cái của thần Rạng đông, và phát ra tiếng nhạc của họ vào lúc mặt trời lên. Với những ai mà dòng suy nghĩ dẻo dai và mãnh liệt sánh bước được với mặt trời, thì ngày là một buổi sáng kéo dài mãi mãi. Các đồng hồ nói gì, hay thái độ và lao động của con người thế nào không quan trọng. Buổi sáng là khi tôi thức dậy và trong tôi có rạng đông. Cải cách đạo đức là cố gắng vứt bỏ tình trạng mê ngủ. Tại sao con người làm bản kết toán ngày của họ tệ thế nếu họ chưa được ngủ ngon lành? Họ không phải là những kẻ tính toán tồi đến thế. Nếu họ chưa bị tình trạng lơ mơ gà gật chế ngự, chắc họ đã làm được một cái gì. Một triệu người đủ tỉnh táo để làm công việc chân tay, nhưng chỉ có một trong một triệu người đủ tỉnh táo cho những nỗ lực trí tuệ có hiệu quả, chỉ một trong một trăm triệu người đủ tình táo cho một đời sống nên thơ hay thánh thiện. Tỉnh thức tức là đang sống. Tôi chưa bao giờ gặp một người hoàn toàn tình thức. Làm sao tôi có thể nhìn thẳng vào mặt anh ta?

Chúng ta phải học cách tỉnh lại và giữ cho chúng ta tỉnh thức, không phải nhờ những sự trợ giúp máy móc, mà bằng lòng mong chờ vô hạn rạng đông, nó không bỏ rơi chúng ta trong những giấc ngủ ngon lành nhất. Tôi không biết có gì khích lệ

hơn cái khả năng chắc chắn của con ngươi nâng cao cuộc sông của bản thân bằng một cố gắng có ý thức. Có khả năng vẽ một bức tranh đặc biệt, hoặc tạc một bức tượng, và như vậy làm cho một số vật thể trở nên đẹp, đã là điều hay; nhưng tạc hay vẽ chính ngay không khí và môi trường mà qua đó chúng ta nhìn, mà chúng ta có thể làm đẹp lên về phương diện đạo đức, thì còn tuyệt diệu hơn nhiều. Tác động được đến phẩm chất của ngày, đó là nghệ thuật cao nhất trong các nghệ thuật. Mọi người có nhiệm vụ làm ra cuộc sống của chính mình, thậm chí trong từng chi tiết, sao cho xứng đáng với suy tư trầm lắng trong cái thời khắc cao quý nhất và quyết định nhất của mình. Nếu chúng ta từ chối, hay đúng hơn tận dụng thông tin tầm thường như thế mà chúng ta có được, thì Kinh Thánh sẽ thông báo cho chúng ta một cách rõ ràng có thể làm việc đó như thế nào.

Tôi đi vào rừng bởi vì tôi muốn sống thong dong, chỉ đối diện với những sự kiện tinh tuý nhất của cuộc sống, và xem thử tôi có thể học được những gì nó phải dạy tôi hay không, và không để đến khi tôi gần chết mới khám phá ra rằng mình chưa hề sống. Tôi không muốn sống cái thứ không phải cuộc sống, sống là phải thật thiết tha nồng nhiệt; tôi cũng không muốn sống cam chịu, trừ phi vô cùng cần thiết. Tôi muốn sống sâu và hút lấy chất tủy của cuộc sống, tôi muốn sống thật cường tráng và giản đơn như người Sparta, gạt bỏ khỏi cuộc sống tất cả những gì không phải sống đích thực, dồn cuộc sống vào một góc, giảm nó đến tối thiểu, và nếu nó tỏ ra tầm thường đê tiện, thì nhận cho rõ toàn bộ cái tầm thường đê tiện ấy rồi công bố cho thế giới biết, hay nếu nó cao thượng, thì nhờ kinh nghiệm mà biết nó, và có thể làm một mô tả chân thực về nó, trong cuộc

du ngoạn sau của tôi. Tôi thấy hình như đối với phần đông người có một sự lơ mơ lạ lùng về nó, không biết nó là quỷ hay là thần, và đã kết luận một cách vội vàng rằng mục đích chủ yếu của con người trên đời này là "làm sáng danh Chúa và có Chúa đời đời".

Chúng ta vẫn đang sống tầm thường hèn mọn như những con kiến [160] ; mặc dù ngụ ngôn nói rằng từ lâu chúng ta đã thành người, giống như những người pigmy chúng ta chiến đấu với những con sếu [161] ; đó là sai lầm chồng lên sai lầm, cú đấm đè lên cú đấm, và đức tính tốt đẹp nhất của chúng ta lấy những khốn khổ dư thừa và hoàn toàn có thể tránh được làm lí do cho nó. Cuộc sống của chúng ta bị phung phí bởi tiểu tiết. Một người lương thiện chẳng cần đếm nhiều hơn mười ngón tay của mình, hay trong trường hợp quá đáng có thể thêm mười ngón chân vào nữa, còn lại dẹp tất cả vào một đống. Đơn giản, đơn giản, đơn giản! Tôi bảo, hãy để mọi chuyện của bạn là hai hoặc ba, chứ đừng là một trăm hay một nghìn, thay vì một triệu hãy đếm đến năm, và giữ con số đếm được trên móng ngón tay cái của bạn. Giữa biển cả sóng gió này của đời sống văn minh, những mây mù bão tố và những bãi cát lún nguy hiểm như thế này và một nghìn lẻ một thứ được phép, mà con người phải sống, nếu anh ta không bị chìm xuống đáy, và không tìm thấy bến nào bằng cách dùng la bàn tìm phương hướng, thì anh ta phải là người tính toán cực giỏi mới thành công. Đơn giản hóa, hãy làm cho đơn giản. Thay vì ba bữa một ngày, nếu cần chỉ ăn một; thay vì một trăm đĩa, năm; và giảm những thứ khác một cách tương ứng. Cuộc sống của chúng ta giống như một Liên minh Đức quốc, hình thành từ những bang nhỏ, với đường biên giới liên

tục thay đổi, đến nỗi ngay một người Đức cũng không biết ở thời điểm nào đó đường biên giới nằm ở đâu. Bản thân nước này, với những cái gọi là cải thiện nội bộ của nó, vốn chỉ có tính chất bên ngoài và bề mặt, chỉ là một tổ chức cồng kềnh và thừa thãi, với đồ đạc bề bộn, và bị vướng vào chính những cái bẫy của nó, suy sụp vì xa hoa và những món chi tiêu hoang toàng, thiếu sự tính toán và một mục đích xác đáng, cũng như hàng triệu gia đình trên đất này; và phương thuốc chữa trị duy nhất cho đất nước này và những gia đình của nó là một nền kinh tế vững vàng, một tính đơn giản cứng rắn còn hơn người Sparta [162] trong cuộc sống, và sự cao quý của mục đích. Nó sống quá nhanh. Người ta nghĩ rằng điều thiết yếu là Đất nước có thương mại, và xuất khẩu kim cương, và nói chuyện qua điện tín [163], và chạy xe ba mươi dặm một giờ [164], những cái ấy không có gì phải nghi ngờ; nhưng liệu chúng ta nên sống như những con khỉ đột hay như những con người, điều ấy còn mơ hồ lắm. Nếu chúng ta không làm tà vẹt và rèn những thanh ray, và dành nhiều ngày nhiều đêm cho công việc ấy, mà đi hàn gắn những cuộc sống của chúng ta để cải thiện chúng, thì ai sẽ xây những đường tàu? Và nếu những đường tàu không được xây, thì làm sao chúng ta lên tới thiên đường đúng mùa? Nhưng nếu chúng ta ở nhà và lo cho công việc của mình, thì ai cần những đường tàu? Chúng ta không chạy trên đường ray, mà đường ray chạy trên chúng ta. Bạn có bao giờ nghĩ những tà vẹt ấy là những người nằm ngủ [165] dưới những đường tàu? Mỗi tà vẹt là một người đàn ông, một người Ai Len, hay một người Bắc Mĩ. Những thanh ray được đặt trên họ, và họ bị cát phủ lên, và những toa tàu chạy lướt êm trên người họ. Họ là những người ngủ ngon, tôi bảo đảm với

bạn. Và sau ít năm, một đoạn mới được đặt xuống và bị chạy đè lên, do đó, nếu có ai vui thích được đi trên tàu, thì những người khác có cái bất hạnh bị chạy đè lên. Và khi họ chạy đè lên một người đang chìm trong giấc ngủ, một người dư thừa nằm ngủ ở một nơi sai vị trí, và đánh thức hắn dậy, họ đột ngột dừng xe, và kêu la, như thể đấy là một ngoại lệ. Tôi vui mừng thấy rằng cứ mỗi năm dặm cần một tốp người để giữ những "người ngủ" này nằm yên và bằng phẳng ở chỗ của họ, vì đấy là một dấu hiệu rằng đôi khi họ lại thức giấc.

Tại sao chúng ta phải sống một cuộc sống hối hả và vô dụng như vậy? Chúng ta quyết định chết đói trước khi chúng ta bị đói. Người ta nói rằng một miếng khi đói bằng một gói khi no, và thế là ngày hôm nay người ta lấy một nghìn miếng để thay cho một gói ngày mai. Còn công việc thì, những công việc thật sự quan trọng chúng ta không thực hiện. Chúng ta có điệu nhảy Saint Vitus [166] và không sao giữ cho cái đầu chúng ta yên. Nếu tôi chỉ kéo dây chuông của giáo xứ vài cái, như thể báo cháy, tức là không rung chuông [167], thì hiếm có người đàn ông nào đang ở trong trại của anh ta trong vùng ngoại ô Concord, cho dù trong buổi sáng nay anh ta bao lần viện cớ bận rộn công việc, cũng không có một cậu trai nào, một người phụ nữ nào, tôi có thể nói thế, bỏ hết mọi thứ để chạy theo tiếng chuông, chủ yếu không phải để cứu tài sản ra khỏi những ngọn lửa, mà, nếu chúng ta thú nhận sự thật, để xem chúng cháy thì đúng hơn, vì ngọn lửa đã cháy lên, mà chúng ta, như mọi người biết, đã không đốt nó, - hoặc để nhìn nó tắt, và góp một tay vào dập lửa, nếu việc đó được coi như một nghĩa cử cao đẹp; vâng, ngay cả nếu nó là nhà thờ của giáo xứ. Một người vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn

nửa giờ sau bữa ăn, liền ngẩng đầu lên và hỏi: "có gì mới không?" như thể phần còn lại của nhân loại đã đứng canh cho anh ta ngủ. Một số người ra chỉ thị đánh thức họ dậy nửa giờ một lần, chắc chắn không vì lí do nào khác; và sau đó, để trả công, họ kể đã mơ thấy những gì. Sau giấc ngủ đêm, tin tức không thể thiếu được như bữa sáng vậy. "Yêu cầu cho tôi biết có gì mới xảy ra cho một người bất kì đâu trên thế giới này" - và anh ta đọc tin trên cốc cà phê và ổ bánh mì, rằng một người đàn ông đã bị người ta móc mắt sáng nay trên bờ sông Wachito [168]; trong suốt thời gian đó anh ta không bao giờ mơ rằng mình sống trong hang voi *mamút* tối đen của thế giới này, và bản thân anh ta chỉ có khái niệm sơ đẳng về một con mắt.

Về phần tôi, tôi có thể sống dễ dàng mà không cần đến bưu điện. Tôi nghĩ rằng có rất ít thông điệp được chuyển qua nó. Nói cho ngay, trong đời tôi, tôi nhận không hơn một hoặc hai bức thư - tôi đã viết điều này mấy năm trước - đáng tiền bưu phí. Một penny bưu phí, nói chung, là một thủ tục qua đó bạn nghiêm chỉnh biếu một người nào đó một penny vì những ý nghĩ của người ấy, những ý nghĩ chắc chắn rất thường được đưa ra làm trò đùa. Và tôi bảo đảm với bạn rằng không bao giờ tôi đọc bất kì một tin tức đáng nhớ nào trong một tờ báo. Nếu chúng ta đọc về một người cướp của, giết người, hay bị giết trong một tai nạn, hay một ngôi nhà bị cháy, hoặc một cái thuyền bị chìm, hoặc một tàu thủy chạy bằng hơi nước, hoặc một con bò bị cán chết trên đường sắt miền Tây, hoặc một con chó dại bị giết, hoặc một đám châu chấu vô cùng lớn trong mùa đông - thì chúng ta sẽ không cần đọc gì khác nữa. Một tin là đủ rồi. Nếu bạn đã quen với nguyên tắc, thì bạn cần gì quan tâm

đến hàng tỉ trường hợp riêng biệt? Đối với một nhà triết học tất cả tin tức, như nó được gọi, là chuyện tầm phào, và những người biên tập và đọc nó là những bà già buôn chuyện. Tuy nhiên không ít người khao khát những chuyện tầm phào này. Tôi nghe kể có lần tại một cơ quan nọ người ta đổ xô nghe những tin nước ngoài vào giờ cuối, đến nỗi làm vỡ nhiều ô kính vuông lớn của tòa nhà đó, những tin tức mà tôi thật sự nghĩ một tay láu cá có thể viết ra mười hai tháng hay mười hai năm trước đó với đủ độ chính xác. Về Tây Ban Nha chẳng hạn, chỉ cần lâu lâu nhớ lại Carlos và Infanta, và Don Pedro và Seville và Granada [169], theo mức độ quan trọng của từng người (có thể họ đã thay đổi tên một chút từ khi tôi xem những tờ báo đó), và chỉ cần đến xem một trận đấu bò khi thiếu những món giải trí khác, thì chúng ta sẽ biết một cách chính xác về tình hình trật tự hay lộn xộn ở Tây Ban Nha không kém những phóng sự sáng sủa và súc tích dưới đầu đề này trong các báo: còn về Anh, hầu như những mẩu tin có ý nghĩa cuối cùng từ nơi này là cuộc cách mạng 1649, và nếu bạn đã biết về tình hình mùa màng của nó trong một năm thu hoạch trung bình, bạn sẽ không bao giờ cần quan tâm đến chuyện đó nữa, trừ phi những suy tư của bạn chỉ quẩn quanh chuyện tiền bạc. Những ai hiếm khi ngó vào một tờ báo có thể thấy rằng chẳng có gì mới xảy ra trong những mục nước ngoài, một cuộc cách mạng Pháp cũng không phải là ngoại lệ.

Có tin gì mới không! Điều quan trọng cần biết hơn nhiều là những gì không bao giờ cũ. Cừ Bá Ngọc (quan đại phu nước Vệ) phái sứ giả đến gặp Khổng Tử [170]. Khổng Tử mời sứ giả ngồi, và hỏi "Thầy ngươi đang làm gì?". Sứ giả cung kính đáp "Thầy tôi muốn bớt điều lỗi, nhưng chưa được hoàn toàn". Sứ giả đi rồi,

hiền giả khen: "Sứ giả giỏi thật! Sứ giả giỏi thật!". Nhà truyền giáo, thay vì làm bực bội lỗ tai người nông phu mụ mị vào ngày nghỉ cuối tuần của anh ta - vì Chủ nhật là kết thúc thích hợp một tuần lễ nhọc nhằn, chứ không phải là sự bắt đầu tươi mát và tốt đẹp của một tuần lễ mới - với cái đuôi dài lê thê của một bài thuyết giáo nhàm chán, hãy hô vang lên như sấm, "Dừng lại! Nghỉ thôi! Sao bên ngoài có vẻ nhanh, mà lại chậm khủng khiếp thế này?".

Những sự giả vờ và lừa bịp được coi như những chân lí vững vàng, trong khi hiện thực là hoang đường. Nếu con người chỉ quan sát hiện thực, và không cho phép mình nhẹ dạ, thì cuộc sống, so với những gì chúng ta biết, sẽ giống như trong truyện kể Arập Nghìn Lẻ Một Đêm. Nếu chúng ta chỉ tôn trọng những gì nhất thiết phải xảy ra và có quyền tồn tại, thì nhạc và thơ sẽ vang lừng trên khắp phố phường. Khi chúng ta không vội vã và sáng suốt, chúng ta sẽ nhận thấy chỉ những gì tuyệt vời và xứng đáng mới tồn tại vĩnh viễn và tuyệt đối, - rằng những nỗi lo sợ vặt vãnh và những thú vui vặt vãnh chỉ là cái bóng của thực tại mà thôi. Điều này luôn làm ta vui vẻ và cao thượng. Bằng cách nhắm mắt lại và mơ màng ngủ, và hài lòng với việc bị lừa bởi những cái bề ngoài, người ta thiết lập và khẳng định cuộc sống đời thường với những lề thói và tập tục của mình ở khắp mọi nơi, vẫn được xây trên một cái nền thuần túy viển vông. Trẻ con, những người coi cuộc sống như trò chơi, nhận biết cái quy luật đúng đắn này và những mối quan hệ của cuộc sống rõ ràng hơn người lớn, những người đã không biết sống cho thỏa đáng, nhưng nghĩ rằng họ khôn ngoan hơn nhờ kinh nghiệm, tức là, nhờ thất bại. Tôi đã đọc trong một cuốn sách cổ Hindu, rằng "có

một cậu bé con vua bị đưa ra khỏi thành phố quê hương khi còn bé tí, được một người sống trong rừng đem về nuôi, và lớn lên trong tình trạng đó, cứ tưởng cậu thuộc về chủng tộc dã man nơi cậu sống. Một trong những viên quan của cha cậu phát hiện ra cậu, nói cho cậu biết cậu là ai, sự hiểu lầm về thân phận được gỡ bỏ, cậu biết mình là một hoàng tử." Như vậy nhà triết học tiếp tục, "linh hồn từ những hoàn cảnh nơi nó được đặt vào, nhầm lẫn thân phận của nó, cho đến khi sự thật được tỏ lộ cho nó biết bởi một người thầy thiêng liêng, và sau đó nó biết nó chính là thần Brahma" [171]. Tôi nhận ra rằng chúng ta - những người dân New England sống cuộc đời tầm thường này vì cái nhìn của chúng ta không xuyên qua bề mặt của mọi vật. Chúng ta nghĩ rằng cái gì hiện ra thế nào thì nó là thế ấy. Nếu một người đi qua thành phố này và chỉ thấy thực tế, bạn thử nghĩ xem, anh ta sẽ nói "Mill-dam" [172] là cái gì? Nếu anh ta cho chúng ta một bản mô tả về những thực tế mà anh ta nhìn thấy, chúng ta sẽ không nhận ra nơi này trong mô tả của anh ta. Hãy nhìn một nhà hội họp, một toà án, một nhà tù, một cửa hàng hay một nhà ở, và nói những thứ ấy thật sự là gì trước một cái nhìn thật chăm chú, và tất cả chúng sẽ tan thành nhiều mảnh trong mô tả của bạn. Người ta trọng sự thật ở xa, ở vành ngoài của hệ thống, đằng sau những ngôi sao xa nhất, trước Adam và sau người đàn ông cuối cùng. Trong cái vĩnh cửu chắc chắn có cái gì đó thật và cao cả. Nhưng tất cả những không gian này thời gian này và những cơ hội này là ở đây và bây giờ. Bản thân Thượng Đế lên đến tột cùng trong thời điểm hiện tại, và khi mọi thời đại suy tàn thì người cũng vẫn tột đỉnh thiêng liêng. Và chúng ta có thể hiểu được tất cả những gì là kì vĩ và cao quý chỉ

bằng cách không ngừng thấm nhuần và thấm đẫm thực tế xung quanh chúng ta. Vũ trụ liên tục ngoan ngoãn trả lời những ý niệm của chúng ta; dù chúng ta đi nhanh hay đi chậm, thì đường đi được mở cho chúng ta. Vậy chúng ta hãy dùng đời mình vào việc suy ngẫm sáng tạo. Nhà thơ hay nghệ sĩ chưa bao giờ có một phác thảo đẹp đẽ và cao quý như thế, nhưng lớp cháu con ít nhất có thể thực hiện nó.

Chúng ta hãy bỏ ra một ngày thong thả như Thiên nhiên, và đừng để bị trật khỏi đường ray chỉ vì một chiếc vỏ hạt dẻ và cánh của con muỗi rơi xuống. Chúng ta hãy dậy sớm và nhanh, ăn sáng, dịu dàng và không lo lắng; chúng ta hãy để bạn bè đến và đi, hãy để chuông rung và trẻ em la hét, - nhất định làm ra một ngày theo cách đó. Tại sao chúng ta khuất phục và để bị cuốn theo dòng? Chúng ta đừng bị rối tung lên và ngập trong dòng thác khủng khiếp và những xoáy nước [173] được gọi là một bữa ăn, được đặt vào những chỗ nông cạn nhất buổi trưa. Thời tiết nguy hiểm thế đấy nhưng bạn an toàn, vì phần đường còn lại là thoai thoải đi xuống. Với thần kinh căng thẳng, với cái phấn chân của buổi sáng căng buồm lên và nhìn hướng khác, trói mình vào cột buồm như Ulysses [174]. Nếu đầu máy kéo còi, hãy để cho nó huýt đến khi khản cả giọng để trả công cho nó. Nếu chuông reo, tại sao chúng ta lại chạy? Chúng ta sẽ xem chúng thuộc loại nhạc nào. Chúng ta hãy bình tâm lại, hãy làm việc, và dấn bàn chân xuống qua bùn loãng của ý kiến, của thành kiến, và truyền thống, và ảo tưởng, và bề ngoài, cái lớp đất bồi bao phủ quả đất ấy, qua Paris và London, qua New York và Boston và Concord, qua nhà thờ và nhà nước, qua thơ ca và triết học và tôn giáo, cho đến khi chúng ta chạm đáy cứng và

những mỏm đá tại chỗ, mà chúng ta có thể gọi là hiện thực, và nói, Nó Đây, và không sai; và rồi bắt đầu, có một *point d'appui* (điểm tựa), bên dưới dòng nước, và băng giá, và lửa, một nơi bạn có thể xây một bức tường hay một nhà nước, hoặc đặt một cột đèn an toàn, hay có lẽ, một thiết bị đo, không phải là đo mực nước sông Nil, mà là đo mức Thực, để những thời đại mai sau có thể biết dòng nước của sự giả dối, của những cái bề ngoài lâu lâu dồn lại sâu đến chừng nào. Nếu bạn đương đầu và mặt đối mặt với một sự thật, bạn sẽ thay mặt trời loé lên trên cả hai mặt của nó, như thể nó là một thanh kiếm cong, và cảm thấy cái lưỡi sắc ngọt của nó chẻ bạn ra qua trái tim và tủy sống, và như vậy bạn sẽ kết thúc sự nghiệp của đời bạn một cách hạnh phúc. Dù sống hay chết, chúng ta chỉ khao khát cái thật. Nếu chúng ta đang thật sự chết, chúng ta hãy nghe tiếng nấc hấp hối trong cổ họng, và cảm thấy lạnh ở tứ chi; nếu chúng ta đang sống, chúng ta hãy đi làm công việc của mình.

Thời gian chỉ là dòng suối mà tôi đến câu cá. Tôi uống nước ở đó, và trong khi uống tôi thấy đáy cát và nhận ra nó nông ra sao. Dòng của nó trôi đi, nhưng cái vĩnh cửu ở lại. Tôi uống sâu hơn, cá trên trời, cái đáy của nó đầy cuội là những vì sao. Tôi không đếm được một. Tôi không biết chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái. Tôi đã luôn nuối tiếc rằng tôi không khôn ngoan như khi mới sinh ra. Trí tuệ là một con dao phay, nó lách và chẻ theo cách của nó vào bí mật của các sự vật. Tôi không muốn bận tay bận chân hơn mức cần thiết. Đầu tôi là tay và chân. Tôi cảm thấy những khả năng tốt nhất của tôi tập trung ở đó. Bản năng của tôi mách bảo tôi rằng đầu tôi là một cơ quan để đào bới, như một số loài vật sử dụng mõm và chân trước có móng của chúng,

và nhờ nó tôi đã đào hang theo cách của mình xuyên qua những quả đồi này.

Tôi nghĩ rằng mạch nguồn cảm hứng đang quanh quất đâu đây, bởi vậy tôi dùng một chiếc que dò mạch [175] và dựa vào luồng hơi mảnh bay lên để phán đoán; rồi tôi bắt đầu đào [176].

Chương 3

Đọc

Cân nhắc kĩ hơn một chút trong việc lựa chọn sự nghiệp để theo đuổi, có lẽ tất cả mọi người thực chất đã trở thành các sinh viên và những nhà quan sát, vì chắc chắn bản chất của họ và số phận của họ giống nhau là quan tâm đến tất cả. Trong việc tích lũy của cải cho bản thân và cho con cháu, trong việc tìm kiếm một gia đình hay một tổ quốc, hay thậm chí đạt được danh vọng, chúng ta là những con người có sống có chết, nhưng trong quan hệ với chân lí chúng ta là bất tử, và không phải sợ bất kì thay đổi hay tai biến nào. Nhà triết học cổ xưa nhất của Ai Cập hay Hindu nâng một góc mạng che mặt của tượng thần [177]; và chiếc áo choàng run rẩy vẫn còn nâng lên, tôi khao khát nhìn vào vẻ huy hoàng còn tươi mới, và lúc đó chính là tôi ở trong ngài táo tợn như thế, và chính là ngài ở trong tôi lúc này nhìn lại hình ảnh này. Không có bụi bám trên chiếc áo choàng đó; thời gian không trôi đi từ khi vị thần đó được bộc lộ. Thời gian mà chúng ta thực sự cải thiện, hay thời gian có thể cải thiện, không phải quá khứ, cũng không phải hiện tại hay tương lai.

Nhà tôi thuận lợi hơn một trường đại học, không chỉ để suy nghĩ, mà còn để đọc một cách nghiêm túc; và mặc dù tôi ở ngoài tầm một thư viện bình thường đang hoạt động, tôi đã rơi vào tầm ảnh hưởng của những cuốn sách lưu hành trên khắp thế giới, những dòng chữ của chúng được viết ra trước tiên trên vỏ cây, và ngày nay chỉ thỉnh thoảng mới được chép ra trên giấy.

Nhà thơ Mir Camar Uddin Mast [178] nói “Tôi đã có cái thuận lợi này trong những quyển sách, là ngồi một chỗ mà lướt qua nhiều miền của thế giới tinh thần; tôi đã trải nghiệm cái thú được say sưa với một li rượu vang, khi uống rượu của những lí thuyết thâm thúy". Tôi để Iliad của Homer trên bàn trong suốt mùa hè, mặc dù chỉ thỉnh thoảng tôi mới liếc qua một trang. Lúc đầu tôi lao động không ngừng nghỉ bằng tay, vì tôi phải hoàn thành ngôi nhà và xới đậu, nên không thể nghiên cứu nhiều hơn. Tuy nhiên tôi động viên bản thân bằng cái viễn cảnh đọc trong tương lai. Tôi đọc một hai trang sách du lịch nông cạn trong khoảng nghỉ giữa công việc, cho đến khi việc đó làm tôi tự thấy xấu hổ, và tự hỏi vậy chứ tôi đang sống ở đâu.

Sinh viên có thể đọc Homer hay Eschylus [179] bằng tiếng Hi Lạp mà không có nguy cơ nhiễm thói ưa xa hoa phung phí, vì anh ta ở mức độ nào đó tranh đua với những nhân vật anh hùng, và dành trọn những giờ buổi sáng cho những trang sách của họ. Những sách anh hùng ca, dù được in bằng tiếng mẹ đẻ của chúng ta, sẽ luôn là ngôn ngữ chết đối với những thời đại qua đi; và chúng ta phải vất vả tìm nghĩa của mỗi từ và mỗi dòng, đoán ra nghĩa rộng hơn nghĩa thường dùng vượt ra ngoài sự thông thái, can đảm và cao thượng mà chúng ta có. Báo chí hiện nay rẻ và nhiều, với toàn bộ phần dịch thuật của nó, đã làm được rất ít trong việc đưa chúng ta đến với những nhà văn anh hùng ca của thời cổ. Dường như họ bị cô đơn, và những chữ dùng để in họ vẫn hiếm và lạ. Đáng bỏ ra những ngày tuổi trẻ và những giờ quý giá, nếu bạn học dù chi vài chữ của một cô ngữ, chúng vượt lên trên sự tầm thường của đường phố, chúng là những gợi mở và kích thích. Sẽ không là vô ích nếu người nông

dân nhớ được và nhắc lại vài từ Latin mà ông ta đã nghe. Đôi khi người ta nói như thể việc nghiên cứu cổ học [180] cuối cùng dẫn đến những nghiên cứu hiện đại và thực dụng hơn, nhưng người sinh viên thích mạo hiểm sẽ luôn luôn nghiên cứu cổ học, bằng bất cứ ngôn ngữ nào mà anh ta biết viết, dù chúng cổ đến đâu. Vì cổ điển là gì nếu không phải là những tư tưởng cao quý nhất của con người được ghi lại? Chúng là những đền thờ duy nhất không bị đổ nát, và trong đó có những câu trả lời cho những câu hỏi hiện đại nhất mà Delphi và Dodona [181] chưa bao giờ đưa ra. Chúng ta cũng có thể bỏ sót không nghiên cứu Thiên nhiên vì nó đã già rồi. Đọc tốt, tức là đọc những quyển sách thật sự trong một tinh thần thật sự, là một môn luyện tập cao quý, và là môn sẽ giao cho người đọc nhiều nhiệm vụ hơn bất kì bài tập nào mà phong tục ngày nay coi trọng. Nó đòi hỏi một sự huấn luyện như của vận động viên điền kinh, ý định bền bỉ hầu như suốt cuộc đời với đối tượng này. Sách phải được đọc một cách cẩn trọng và dè dặt như chúng được viết ra. Thậm chí nói được thứ tiếng của dân tộc viết ra sách đó cũng chưa đủ, vì có một chênh lệch đáng kể giữa văn viết và văn nói, ngôn ngữ nghe và ngôn ngữ đọc. Ngôn ngữ nói nói chung chỉ là phù du, tạm thời, một âm thanh, một thứ tiếng, một phương ngữ, hầu như có tính động vật, và chúng ta học nó một cách vô thức, giống như những con vật, đó là ngôn ngữ của mẹ chúng ta. Ngôn ngữ viết là sự chín muồi và từng trải của tiếng nói, nếu tiếng nói là của mẹ chúng ta thì ngôn ngữ viết là của cha chúng ta, một sự thể hiện dè dặt và chọn lọc, quá nhiều ý nghĩa nghe bằng tai thì không hết, mà chúng ta phải được sinh ra lần nữa để nói [182]. Đám đông người ở thời trung cổ chỉ nói tiếng Hi Lạp và tiếng

Latin thì không có cơ may bẩm sinh đọc được những tác phẩm thiên tài viết bằng những ngôn ngữ ấy; vì chúng không được viết bằng thứ tiếng Hi Lạp hay Latin mà họ biết, mà bằng thứ ngôn ngữ chọn lọc của văn chương. Họ không biết những phương ngữ quý tộc hơn của Hi Lạp và La Mã, mà những vật liệu trên đó chúng được viết đối với họ chỉ là giấy lộn, trái lại họ rất quý thứ văn chương rẻ tiền đương thời. Nhưng khi nhiều dân tộc châu Âu đã có được những ngôn ngữ viết riêng biệt tuy còn đơn giản của họ, đủ cho những mục đích của nền văn học đang lên của họ, thì nền cổ học được phục hưng, và các học giả đã có thể từ sự xa cách [183] đó nhận rõ được những kho báu cổ xưa. Những gì mà đám đông La Mã và Hi Lạp ngày trước không thể nghe, thì sau nhiều thế kỉ trôi qua chỉ một ít học giả đọc, và số học giả ngày nay vẫn còn đọc chúng còn ít hơn nữa.

Dù chúng ta có thể ngưỡng mộ đến đâu tài hùng biện lâu lâu có dịp bùng ra của nhà hùng biện, thì những lời cao quý nhất được viết ra thường ở xa đằng sau hoặc bên trên thứ ngôn ngữ nói trôi tuột qua ấy như bầu trời đầy sao đằng sau những đám mây. Có những vì sao, và có những người có thể đọc chúng. Các nhà thiên văn mãi mãi bình luận và quan sát chúng. Chúng không phải là những hơi thở giống như hơi thở đầy hơi nước và những cuộc nói chuyện hằng ngày của chúng ta. Cái gọi là sự hùng biện trong diễn đàn thường được thấy là phép tu từ trong nghiên cứu. Nhà hùng biện tràn ngập cảm hứng trong một dịp nhất thời, và nói với đám đông trước mặt ông, với những người có thể nghe ông; nhưng nhà văn, cuộc sống điềm đạm hơn của họ là cơ hội của họ, mà đám đông gây cảm hứng cho nhà hùng biện có thể làm cho họ sao nhãng, họ nói là nói với nhân loại

thông minh và lành mạnh, với tất cả những thời đại có thể hiểu họ.

Chẳng đáng ngạc nhiên khi Alexander [184] mang Iliad theo ông trong những cuộc viễn chinh trong một chiếc tráp quý. Một lời được viết ra là một di tích quý báu nhất. Nó là thứ vừa thân mật hơn với chúng ta, vừa phổ thông hơn bất kì tác phẩm nghệ thuật nào khác. Nó là tác phẩm nghệ thuật gần gũi nhất với bản thân cuộc sống. Nó có thể được dịch ra mọi thứ tiếng, và không chỉ được đọc mà còn thật sự được thở bằng tất cả những môi người; - không chỉ được thể hiện trên toan trên bố hay trên đá cẩm thạch, mà được khắc vào hơi thở của bản thân cuộc sống. Biểu tượng của suy nghĩ của một người cổ đại trở thành lời nói của một người hiện đại. Về những tượng đá cẩm thạch của Hi Lạp, hai nghìn năm đã truyền vào những tượng đài của văn chương của nó chỉ một màu thu vàng chín hơn, vì chúng đã mang bầu không khí trong sáng và thiên đàng của chính nó vào mọi mảnh đất để bảo vệ chúng khỏi sự gặm mòn của thời gian. Sách là kho báu của thế giới và tài sản thừa kế xứng đáng của các thế hệ và các dân tộc. Sách, những quyển xưa nhất và hay nhất, đứng một cách tự nhiên và đàng hoàng trên các kệ sách của mọi nhà. Chúng không có lí do gì để tự biện hộ, nhưng trong khi chúng khai sáng và nâng đỡ độc giả thì lương tri của anh ta không từ chối chúng. Tác giả của chúng là một tầng lớp quý tộc tự nhiên và hấp dẫn của mọi xã hội, và hơn mọi vua chúa, họ ảnh hưởng lên loài người. Khi một nhà buôn dốt nát và kiêu ngạo nhờ công việc kinh doanh thành công mà giành được nhàn rỗi và độc lập, và được chấp nhận vào giới giàu sang, chắc chắn cuối cùng ông ta sẽ quay sang những giới có tri thức và tài

năng, cao hơn nhưng khó vào hơn, và nhận ra sự dở dang của văn hóa của ông ta, sự phù phiếm và thiếu hụt trong sự giàu có của ông ta, và hơn nữa chứng tỏ sự nhìn xa của ông bằng những nỗ lực cho con cái của ông cái nền tảng văn hóa trí thức mà ông cảm thấy rõ sự cần thiết của nó, và như vậy ông trở thành người sáng lập gia đình.

Những người không học những tác phẩm kinh điển trong ngôn ngữ mà nó được viết chắc chắn sẽ có kiến thức rất không hoàn hảo về lịch sử của loài người; vì một điều đáng chú ý là không có bản ghi chép nào của chúng bằng bất kì một thứ tiếng hiện đại nào, trừ phi bản thân nền văn minh của chúng ta có thể coi là một bản ghi chép như vậy. Homer chưa bao giờ được in bằng tiếng Anh [185], cả Eschylus cũng vậy, thậm chí Virgil [186], - những tác phẩm thanh tao và tinh tế và đẹp như bản thân buổi sáng; những nhà văn sau này, cho dù chúng ta nhất trí về thiên tài của họ, hiếm khi hay chưa bao giờ sánh được vẻ đẹp trau chuốt và hoàn hảo của những kì công văn chương hùng vĩ và suốt đời của những người Hi Lạp La Mã cổ đại. Họ chỉ nói về việc quên những người chưa bao giờ biết họ. Sẽ là khá sớm để quên họ khi chúng ta có học vấn và thiên tài cho phép chúng ta chuyên tâm vào hiểu họ. Thời đại sẽ trở nên thật giàu có khi những di sản mà chúng ta gọi là cổ điển, và những Bản thảo còn xa xưa hơn và cổ điển hơn nhưng vẫn còn ít được biết đến của các dân tộc, sẽ được tích lũy hơn nữa, khi Vatican [187] được chất đầy những Vệ đà, và Zendavestas [188] và Kinh Thánh, với những Homer những Dante [189] và những Shakespeare, và tất cả các thế kỉ tới sẽ kí thác thành công những chiến tích của chúng vào

diễn đàn của thế giới. Với một chồng như vậy chúng ta có thể hi vọng cuối cùng sẽ trèo lên được thiên đường.

Tác phẩm của những nhà thơ vĩ đại chưa bao giờ được loài người đọc, vì chỉ những nhà thơ vĩ đại mới có thể đọc chúng. Chúng chỉ được đọc như kiểu đám đông đọc những vì sao, nhiều lắm là theo cách tử vi, chứ không phải theo cách thiên văn học. Phần lớn người ta học đọc để phục vụ những nhu cầu vặt vãnh, như học mật mã để giữ tài khoản và không bị lừa trong giao dịch kinh doanh, nhưng việc đọc như luyện tập trí tuệ cao quý thì họ biết rất ít hoặc không biết gì; tuy nhiên đấy là nói đến việc đọc, theo một nghĩa cao quý, chứ không phải thứ ru ngủ chúng ta như một niềm khoái trá và chịu bỏ đi những khả năng xuất sắc hơn để ngủ trong lúc đó, mà là thứ chúng ta phải đứng nhón gót để đọc và dành những giờ thao thức và tỉnh táo nhất của chúng ta cho nó.

Tôi nghĩ, đã học được những chữ cái, chúng ta nên đọc cái tốt nhất trong văn học, chứ đừng suốt đời cứ lặp lại hoài a, b, c và những từ một âm tiết, như ở lớp bốn và lớp năm, ngồi ở hàng ghế đầu tiên và thấp nhất. Phần lớn mọi người thoả mãn với việc đọc và nghe đọc, và lâu lâu được thuyết phục bởi sự khôn ngoan sáng suốt của một cuốn sách tốt, Kinh Thánh, rồi sống vô vị trong phần còn lại của cuộc đời, và tiêu tan những khả năng của họ trong cái gọi là việc đọc dễ dàng. Trong Thư viện Cho Mượn của chúng tôi có một tác phẩm nhiều tập có tên là Sách Dễ Đọc (*Little Reading*), mà tôi cho là nhắc đến tên một thành phố tôi chưa từng đến [190]. Có những người, giống như những con chim cốc và đà điểu châu Phi, có thể tiêu hóa tất cả những thứ này, thậm chí sau một bữa ăn ê hề thịt cá rau quả, vì

họ không chịu để cái gì uổng phí. Nếu những người khác là những cỗ máy cung cấp những thức ăn tạp này, thì họ là những cái máy để đọc nó. Họ đọc câu chuyện thứ chín nghìn về Zebulon và Sophronia [191], và họ đã yêu như chưa từng có ai yêu trước đó, và con đường tình yêu đích thực của họ cũng chưa bao giờ suôn sẻ [192], dù chạy và vấp thế nào, họ cũng sẽ đứng lên và tiếp tục! Một kẻ bất hạnh khốn khổ nào đó đã trèo lên một gác chuông như thế nào, lẽ ra hắn không bao giờ nên leo lên đến tận gác chuông như thế; và sau khi đã đưa hắn lên đó một cách vô ích, nhà tiểu thuyết vui vẻ rung chuông lên cho cả thế giới kéo đến để nghe. Ôi trời! Làm thế nào cho hắn xuống được, về phần tôi, tôi nghĩ rằng tốt hơn họ nên biến tất cả những nhân vật đầy khao khát của thế giới tưởng tượng ấy thành người chong chóng, như trước đây họ thường đưa các nhân vật lên các chòm sao, và để họ báy trên ấy cho đến chán và không bao giờ xuống nữa để quấy rầy những người lương thiện bằng những trò tinh quái của họ. Lần sau mà nhà tiểu thuyết rung chuông tôi sẽ không nhúc nhích cho dù nhà họp cháy rụi. Điệu nhảy Tip-Toe-Hop [193] một truyện thời Trung cổ, của tác giả nổi tiếng 'Tittle-Tol-Tan' (Một chút-và-Không chút nào) xuất bản mỗi tháng một phần; được đặt mua từ trước với số lượng lớn kinh khủng. Tất cả những truyện đó họ trợn tròn mắt đọc, với sự tò mò và thèm thuồng thô thiển, và tọng tất cả vào diều, đúng như một thằng bé bốn tuổi ngốn ngấu cuốn Lọ Lem bìa mạ vàng hai xu của nó, mà như tôi thấy, không có chút thay đổi nào trong cách diễn cảm, hay biết rút ra chút ý nghĩa đạo đức nào. Kết quả là cái nhìn mờ mịt, sự bế tắc trong tuần hoàn và một sự tê liệt tổng thể, suy sụp toàn bộ các khả năng trí tuệ. Cái

loại bánh gừng [194] này được nướng hằng ngày và chuyên cần hơn bánh mì trắng hay bánh nâu trong hầu hết các lò nướng, và tìm được một thị trường bảo đảm hơn [195].

Những quyển sách hay nhất không được đọc bởi ngay cả những người được gọi là những người đọc có trình độ. Văn hóa của Concord chúng ta là gì? Trong thành phố của chúng ta gần như không ai có sở thích tìm những tác phẩm hay nhất, hoặc rất hay, ngay cả trong văn học tiếng Anh, là thứ tiếng mọi người đều đọc được. Ngay cả những người đã tốt nghiệp đại học và những người được coi là có học vấn rộng ở đây và nơi khác, cũng thật sự rất ít hoặc không quen với văn học cổ điển Anh, còn về sự thông thái của nhân loại được ghi lại - văn học cổ điển Hi-La và Kinh Thánh - mà tất cả những ai biết đến chúng đều có thể tiếp cận, không đâu có lấy một cố gắng nhỏ nhất để làm quen với chúng. Tôi biết một người thợ rừng, tuổi trung niên, mua một tờ báo Pháp, không phải để xem tin tức như ông ta nói, vì ông ta ở trên trình độ đó, mà là để theo sát thực tế", ông ta gốc Canada; và khi tôi hỏi ông coi việc gì là tốt nhất ông có thể làm trong thế giới này, thì ông nói, ngoài việc đó ra, là duy trì và bổ sung vốn tiếng Anh của ông ta. Điều này gần giống với những gì những người đã tốt nghiệp đại học làm và muốn làm, và họ đặt mua một tờ báo tiếng Anh cho mục đích đó. Người vừa mới đọc xong một trong những quyển sách tiếng Anh hay nhất sẽ tìm xem có bao nhiêu người có thể cùng anh ta nói chuyện về nó? Hay giả sử anh ta vừa mới đọc xong một tác phẩm cổ điển Hi Lạp và La Mã trong nguyên bản, những tác phẩm mà ngay cả những người bị coi là vô học cũng ca ngợi, anh ta sẽ không thể tìm thấy ai để nói về nó, mà đành im lặng. Tất nhiên, hiếm có

giáo sư nào trong trường đại học của chúng ta, nếu đã làm chủ được những khó khăn của ngôn ngữ ấy, cũng làm chủ được một cách tương ứng những khó khăn trong cái sâu sắc của một nhà thơ Hi Lạp, và có được sự đồng cảm để truyền cho những độc giả tỉnh táo và quả cảm; còn đối với những Bản Kinh thiêng liêng, hay những Thánh Kinh của nhân loại, trong thành phố này ai có thể nói với tôi ngay đến tên của nó? Hầu hết mọi người không hề biết rằng không chỉ Hebrew mà dân tộc nào cũng đều có bản kinh của mình. Bất kì người nào trên đường đi của mình củng sẽ dừng bước để nhặt một đồng đô la bạc; nhưng kìa trước mắt chúng ta có những lời bằng vàng mà những người khôn ngoan thông thái nhất thời cổ đã thốt ra, và giá trị của chúng đã được sự khôn ngoan của các thời đại kế tiếp nhau bảo đảm với chúng ta; thế mà chúng ta chỉ học để đọc được đến những cuốn Dễ Đọc, những cuốn sơ đẳng và lớp một, và khi chúng ta rời ghế nhà trường, từ cuốn sách "Dễ Đọc" và những sách truyện cho trẻ em và những người mới bắt đầu; và những sách chúng ta đọc, đến những cuộc, nói chuyện, những suy nghĩ của chúng ta, tất cả đều ở trình độ rất thấp, chỉ xứng đáng với những người pigmy, những người lùn.

Tôi khao khát làm quen với những người thông thái hơn những người mà mảnh đất Concord này đã sinh ra, mà tên tuổi hiếm khi được biết ở đây. Hay là tôi sẽ chỉ nghe tên Plato [196] và không bao giờ đọc sách của ông? Như thể Plato là người cùng thành phố tôi mà tôi không bao giờ gặp, người láng giềng sát vách mà tôi chưa bao giờ nghe ông nói hoặc chú tâm đến sự thông thái trong những lời nói của ông? Nhưng thật sự là thế nào? Những cuộc đối thoại [197] của ông, chứa đựng những gì là

bất tử ở ông, nằm trên giá sách bên cạnh, và tôi chưa bao giờ đọc chúng. Chúng ta kém giáo dục, sống thấp kém và dốt nát; và trong khía cạnh này tôi thú nhận tôi không thấy có sự khác biệt lớn giữa cái dốt của những người đồng hương không biết chữ của tôi, với cái dốt của người chỉ học đến mức đọc được những gì dành cho trẻ em và những người kém trí. Chúng ta nên vươn lên ngang tầm với những giá trị của thời cổ đại, nhưng một phần trước hết bằng cách biết chúng giá trị như thế nào. Chúng ta là giống người nhỏ bé, và chỉ bay vút lên trong những chuyến bay trí tuệ của chúng ta, cao hơn một chút so với những cột báo hằng ngày.

Không phải tất cả các cuốn sách đều tối tăm như những độc giả của chúng. Trong sách có thể có những lời nói đúng vào tình cảnh của chúng ta, mà nếu chúng ta có thể thật sự nghe và hiểu, sẽ tốt lành hơn buổi sáng hay mùa xuân của cuộc đời chúng ta, và có thể rọi một ánh sáng mới lên bề mặt của sự vật cho chúng ta. Đối với nhiều người việc đọc một cuốn sách đã mở ra một thời kì mới trong đời. Cuốn sách đó tồn tại cho chúng ta đôi khi sẽ giải thích những điều kì diệu của chúng ta và bộc lộ những điều mới. Những gì lúc này không thể thốt ra chúng ta sẽ thấy được thốt ra ở nơi nào đó. Cùng những vấn đề làm chúng ta bất an, khó hiểu và hoang mang cũng đã có lần xảy ra với những người khôn ngoan, tất cả không có ngoại lệ, và mỗi người đã trả lời chúng, theo khả năng của mình, bằng lời và bằng cuộc đời mình. Hơn nữa, với hiểu biết chúng ta sẽ học được cách nhìn rộng mở. Một người làm thuê cô đơn trong một trang trại ở ngoại ô Concord, người đã được tái sinh và mặc khải, cho rằng vì thế cần phải sống lặng lẽ và xa lánh mọi người, có thể không

tin vào điều này; nhưng Zoroaster [198], cách đây nhiều nghìn năm, cũng đi con đường ấy và có cùng trải nghiệm ấy, nhưng vì thông thái ông biết rằng nó là phổ quát, và đôi xử khoan dung với láng giềng của ông, và thậm chí được coi là đã phát minh ra và thiết lập tình bác ái giữa những con người. Vậy hãy để cho anh ta cảm thông một cách khiêm nhường với Zoroaster, và qua ảnh hưởng rộng mở của tất cả các đấng bậc, với chính Jesus Christ, và để "nhà thờ của chúng ta" với anh, không còn cần thiết nữa.

Chúng ta hãnh diện rằng chúng ta thuộc về thế kỉ XIX và đang sải những bước nhanh nhất so với mọi dân tộc. Nhưng hãy xem thành phố này đã làm ít ỏi thế nào cho văn hóa của chính nó. Tôi không muốn nịnh những người cùng thành phố với tôi, cũng không muốn họ nịnh tôi, vì điều đó sẽ chẳng giúp cho họ hay tôi tiến bộ. Chúng ta, giống như nhưng con bò đực, cần phải chọc bằng gậy nhọn mới bước đi. Chúng ta có một hệ thống trường công tương đối nghiêm chỉnh, những trường chỉ dành cho tuổi đồng ấu; nhưng chỉ trừ *Lyceum* [199] đói gần chết trong mùa đông, và gần đây một thư viện mới bắt đầu một cách yếu ớt do nhà nước khởi xướng, không có trường nào cho người lớn chúng ta. Chúng ta chi tiêu cho hầu như bất kì đồ ăn hay thuốc men thể xác nào, nhiều hơn cho thức ăn tinh thần của chúng ta. Đây là lúc chúng ta phải có những trường học ngoài công lập [200], để chúng ta không bỏ học khi trở thành người lớn. Đây là lúc mà các thành phố là các trường đại học, mà những dân thành phố đứng tuổi là thành viên các trường đại học, có thời gian nhàn rỗi - nếu họ khá giả, tất nhiên - để theo đuổi những nghiên cứu tự do trong phần còn lại của cuộc đời. Thế giới có

nên vĩnh viễn bó hẹp trong một Paris hay một Oxford không? Các sinh viên không thể lên tàu tại đây và lĩnh hội một nền giáo dục tự do dưới những bầu trời của Concord sao? Chúng ta có thể thuê một Abelard [201] để giảng cho chúng ta không? Than ôi, bận chăn nuôi gia súc và giữ kho, chúng ta bị cách li với giáo dục quá lâu, và việc học tập của chúng ta đã bị bỏ bê một cách đáng buồn. Trong nước này, làng ở một số khía cạnh nào đó chiếm vị trí của quý tộc châu Âu. Nó phải là người bảo trợ nghệ thuật. Nó đủ giàu có để làm thế. Nó chỉ thiếu sự hào hiệp và tinh tế. Nó cần tiêu tiền đủ cho những thứ mà nhà nông và nhà buôn coi trọng, nhưng nó được coi là Không tưởng [202] khi đề nghị chi tiêu cho những thứ mà những người thông minh hơn biết là có giá trị hơn nhiêu. Thành phố này đã tiêu mười bảy nghìn đô la cho một toà thị chính, nhưng có lẽ nó không tiêu nhiều đến như thế nuôi sống trí tuệ, cái thật sự cốt lõi để đưa vào trong toà nhà ấy, trong hàng trăm năm. Một trăm hai mươi lăm đô la hằng năm đóng cho một Lyceum vào mùa đông là khoản chi tiêu có ích hơn bất kì món tiền tương đương nào được quyên góp trong thành phố. Nếu sống trong thế kỉ XIX, tại sao chúng ta không hưởng lấy tất cả những thuận lợi mà thế kỉ XIX đem hiến cho chúng ta? Tại sao cuộc sống của chúng ta cứ phải có tính chất tỉnh lẻ? Nếu chúng ta đọc báo, tại sao không bỏ qua chuyện tầm phào của Boston và lấy ngay tờ báo hay nhất thế giới? - chứ không bú cái núm vú cao su "báo của các gia đình trung lưu" hay lướt qua Olive-Branches [203] ở New England này. Hãy để những phóng sự của tất cả những xã hội có học đến với chúng ta, và chúng ta sẽ thấy chúng có biết gì không? Tại sao chúng ta lại để cho Harper & Brothers và Redding & Co. [204] lựa chọn cho

chúng ta đọc cái gì [205]. Nếu như một người quý tộc có thị hiếu được trau dồi, bao quanh anh ta những gì tạo nên văn hóa của anh ta - tài năng - học vấn - trí tuệ - sách - tranh - tượng - nhạc - các giáo khoa triết học - và những thứ tương tự, thì hãy để cho thành phố chúng ta cũng làm như vậy, không chỉ giới hạn ở một nhà sư phạm, một mục sư, một người kéo chuông nhà thờ, một thư viện của giáo khu, và ba ủy viên hội đồng thành phố, bởi vì những tổ tiên hành hương [206] của chúng ta đã có lần đi qua một mùa đông lạnh lẽo trên một tảng đá hoang vu với những thứ này. Hành động tập thể đang theo tinh thần của những thiết chế của chúng ta, và tôi tin tưởng rằng một khi những hoàn cảnh của chúng ta thịnh vượng hơn, những biện pháp của chúng ta sẽ hay hơn của nhà quý tộc. New England có thể thuê tất cả những nhà thông thái trên thế giới đến đây để dạy nó, và chu cấp nơi ăn chốn ở cho họ [207] trong toàn bộ thời gian, và không hề là tỉnh lẻ nữa. Đó là trường phi-công lập chúng ta cần. Thay vì những nhà quý tộc, chúng ta hãy là những thành phố quý tộc của những con người. Nếu cần, bớt đi một cây cầu bắc qua sông, chịu khó đi vòng một chút, và lao ít nhất một nhịp cầu qua cái vực tối tăm hơn của ngu dốt bao quanh chúng ta.

Chương 4

Những âm thanh

Nhưng chừng nào chúng ta còn tự hạn chế trong việc đọc sách, dù là sách cổ điển và chọn lọc, nếu chỉ đọc trong những ngôn ngữ viết mà bản thân chúng là những phương ngữ quê mùa, chúng ta có nguy cơ quên mất thứ ngôn ngữ mà mọi sự vật và sự kiện nói-không-ẩn-dụ, chỉ riêng nó đã thừa phong phú và hiệu quả. Công bố thì ầm ĩ, nhưng ít được in ra. Ai còn nhớ đến những tia sáng lọt qua khe cửa chớp khi cửa chớp đã được mở toang ra? Không phương pháp khoa học nào có thể thay cho sự cần thiết thường xuyên chăm chú nhìn. Một khóa học lịch sử, hay triết học, hay thơ ca, dù được chọn lọc tốt đến mấy, hay là xã hội tốt nhất, hay một tập tục đáng ngưỡng mộ của cuộc sống, không thể sánh với cái khả năng biết luôn luôn chăm chú nhìn mọi thứ mà cuộc sống bày ra trước mắt chúng ta. Bạn muốn sẽ là gì: sẽ chỉ đọc sách, tức là độc giả, hay chỉ là sinh viên, hay là một nhà tiên tri? Hãy đọc số phận của bạn, biết những gì đang ở trước mắt bạn, và bước vào tương lai.

Tôi không đọc sách trong mùa hè đầu tiên; tôi chăm bón đậu. Không, tôi thường làm tốt hơn thế. Có những lúc tôi không nỡ hi sinh cái rực rỡ của khoảnh khắc hiện tại cho bất kì công việc nào, chân tay hay trí óc. Tôi thích để một lề rộng [208] cho những trang đời tôi. Đôi khi, vào một buổi sáng mùa hè, sau khi tắm như thường lệ [209], tôi ngồi trên khung cửa dưới nắng từ sáng đến trưa, khoan khoái trọng trầm tư mặc tưởng, giữa

những cây thông, cây mại châu và cây sơn, trong cảnh cô tịch và bằng lặng, trong khi những con chim hót xung quanh hoặc bay vụt qua nhà, cho đến khi mặt trời lặn xuống qua cửa kính hướng tây nhà tôi, hay tiếng ồn của những toa khách từ xa vọng lại, nhắc tôi thời gian đã trôi đi. Trong những giờ ấy tôi lớn lên như cây ngô [210] trong đêm, và chúng có lợi hơn bất kì công việc tay chân nào. Chúng không phải là những quãng thời gian bị trừ đi khỏi cuộc sống của tôi, mà ở trên, cao thời gian thường nhật của tôi. Tôi nhận ra ý nghĩa của thiền định và vô vi của người phương Đông. Phần lớn tôi không để ý thời gian trôi qua như thế nào. Mặt trời như thể chiếu sáng cho công việc của tôi; vừa mới buổi sáng đó, thì lùa, đã buổi tối rồi, mà chẳng làm được việc gì đáng nhớ. Thay vì hót như chim, tôi im lặng mỉm cười với niềm hạnh phúc thường hằng. Như con chim sẻ có tiếng láy rền của nó, tôi ngồi trên cây mại châu trước cửa, tôi có nụ cười lặng lẽ của tôi hay cố nén tiếng líu lo mà tôi nghe thấy từ trong tổ của tôi. Những ngày của tôi không phải là những ngày của tuần lễ, mang tên hiệu của bất cứ vị thần ngoại đạo nào [211], cũng không bị cắt ra thành những giờ và bị làm phiền bởi tiếng tích tắc của đồng hồ; vì tôi sống đơn giản như người Anhđiêng Puri [212], người ta nói về họ rằng "họ chỉ có một từ để chỉ ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai, và họ phân biệt ý nghĩa khác nhau bằng cách chỉ ra đằng sau để nói hôm qua, chỉ ra trước để nói ngày mai, và chỉ lên trời để nói hôm nay". Đối với những đồng hương của tôi thì đấy đúng là một sự lười nhác, nhưng nếu chim và hoa thử tôi bằng chuẩn mực của chúng, thì chúng sẽ không thấy là tôi kém, không làm được. Một người đàn ông phải biết tìm cơ hội trong chính bản thân mình, thật thế. Trong thiên

nhiên ngày trôi đi rất êm đềm, và chẳng ai có thể trách ai lười nhác.

Trong lối sống của tôi, ít nhất tôi có cái thuận lợi này, hơn hẳn những ai buộc phải ngó ra ngoài, ra xã hội và nhà hát để tìm thú tiêu khiển, vì bản thân cuộc sống của tôi đã là thú vui và không bao giờ ngừng đổi mới. Nó là một vở kịch nhiều màn, và không có hồi kết. Nếu quả thực chúng ta được sống thật, và điều hoà cuộc sống của chúng ta theo cách mới nhất và tốt nhất mà chúng ta đã biết, thì chúng ta không bao giờ biết buồn chán. Nếu bạn theo sát tài năng của bạn, thì nó sẽ không bao giờ bỏ qua không mở ra trước bạn quang cảnh tươi mới từng giờ. Công việc nhà là một tiêu khiển thú vị. Khi sàn nhà của tôi bẩn, tôi dậy sớm, đưa tất cả đồ đạc ra ngoài trời, bỏ trên bãi cỏ, giường và khung giường xếp thành một đống, xịt nước lên sàn, rải cát trắng lấy từ đầm lên, rồi dùng chổi cọ rửa cho sạch và trắng, và vào lúc dân làng ăn xong bữa sáng thì mặt trời buổi sáng đã hong khô trong nhà để tôi có thể dọn vào, và những suy ngẫm của tôi hầu như không hề đứt quãng. Thật thú vị khi thấy toàn bộ đồ đạc của nhà tôi phơi ra trên cỏ, làm thành một đống nhỏ giống như đống đồ của dân gypsy, và chiếc bàn ba chân của tôi, trên đó tôi vẫn để nguyên cả sách, bút, và mực, đứng giữa những cây thông và cây mại châu. Chúng có vẻ như vui mừng được ra đó, và như thể miễn cưỡng bị đưa vào lại. Đôi khi tôi định trải một tấm vải bạt và ngồi ở đó. Thật đáng ngắm xem mặt trời chiếu rọi trên những đồ vật này, và nghe gió thổi tự do qua chúng; phần lớn những đồ đạc quen thuộc nhìn ngoài trời thú vị hơn trong nhà nhiều. Một con chim đậu trên cành cây bên cạnh, dây thường xuân mọc dưới bàn, những dây mâm xôi leo

quanh các chân bàn, quả thông, quả hạt dẻ, lá dâu tây rải xung quanh. Tôi ngắm nhìn như thể những hình dáng này sắp sửa được biến thành đồ đạc của chúng ta, thành những chiếc bàn, ghế, khung giường, bởi vì chúng đã có lần đứng giữa những đồ vật ấy.

Ngôi nhà của tôi ở trên một sườn đồi, ngay bên mép một khu rừng lớn, ở giữa một vạt rừng non gồm những cây thông cứng, những cây mại châu, cách đầm khoảng ba chục mét, có một con đường nhỏ dẫn xuống đó. Ở sân trước nhà tôi, mọc dâu tây, cây mâm xôi, dây thường xuân, cây thuốc *John'wort*, *golden-rod* [213], những khóm sồi và anh đào cát (*Cerasus pumila*), việt quất và lạc. Gần cuối tháng Năm, anh đào cát, tô điểm hai bên đường bằng những bông hoa thanh nhã trên một tán hình trụ quanh những thân ngắn của nó, cuối cùng vào mùa thu, những thân này trĩu nặng những trái anh đào to và đẹp, rụng xuống như mưa khắp mọi phía. Tôi nếm chúng vì muốn ca ngợi thiên nhiên, mặc dù chúng chẳng ngon. Cây sơn (*Rhus glabra*,) mọc um tùm bên nhà, vươn lên qua đoạn đường mà tôi đắp cao lên, cao đến năm sáu foot trong mùa đầu. Lá của nó rộng như lá cây vùng nhiệt đới, xẻ lông chim, trông thích mắt tuy hơi lạ. Những chồi to, nảy ra muộn màng vào mùa xuân từ những cành khô như chết, phát triển như nhờ có phép mầu thành những cành xanh mềm thanh nhã đường kính đến một inch; và đôi khi, tôi ngồi bên cửa sổ, chúng lớn lên một cách lơ đễnh đến thế và dồn sức nặng lên những mấu đốt yếu ớt của chúng, tôi nghe một cành tươi và mềm bỗng nhiên rơi xuống đất như một cái quạt, khi không hề có gió rung mà vẫn bị gãy do trọng lượng của chính nó. Vào tháng Tám, những đống lớn trái cây mọng mà khi

còn là hoa đã hấp dẫn những bầy ong rừng, dần dần khoác lấy màu đỏ thẫm như nhung, và do trọng lượng của chúng lại oằn xuống làm gãy những cành cây dễ gãy.

Khi tôi ngồi bên cửa sổ buổi chiều hè ấy, những con diều hâu đang lượn vòng quanh khu đất trống của tôi; những con bồ câu bay nhanh thành từng đôi hoặc ba con ngang qua tầm mắt của tôi, hay liên tục đậu xuống những cành thông trắng sau nhà tôi, buông vào không trung một tiếng kêu; một con chim ó làm mặt nước phẳng như gương của đầm gợn sóng lăn tăn; một con chồn vizon lúi nhanh ra khỏi đầm lầy ngay trước cửa nhà tôi và vồ được một con ếch bên bờ, cây lách uốn cong dưới sức nặng của một con chim *reed bunting* [214] bay chuyền qua lại, trong nửa giờ cuối cùng tôi đã nghe tiếng rầm rầm của những toa tàu lúc lặng đi lúc nổi lên giống như tiếng vỗ cánh của một con gà rừng, chở khách từ Boston về nông thôn. Vì tôi không sống bên ngoài xã hội như thằng bé mà tôi nghe kể, bị đuổi đến nhà một nông dân ở bên phía đông thành phố, nhưng chẳng bao lâu đã bỏ trốn và về nhà, quần áo tả tơi và nhớ nha. Nó chưa bao giờ thấy một chỗ buồn tẻ hẻo lánh và hiu quạnh như thế này; người bỏ đi hết, ôi, thậm chí bạn không thể nghe thấy một tiếng còi! Tôi không tin bây giờ có một chỗ như thế ở Massachusetts.

"Đúng là làng ta đã trở thành tấm bia

Cho những đoàn tàu lao đến như tên bắn,

Và trên cánh đồng thanh bình của chúng ta.

Cái tên dịu dàng của nó là - Concord" [215].

Tuyến đường sắt Fitchburg chạm đầm năm trăm mét về hướng nam của nhà tôi. Tôi thường vào làng theo con đường

nhỏ đắp cao, và liên hệ với xã hội bằng đường nối kết này. Những người trên những chuyến tàu hàng, những người đi hết chiều dài quãng đường, cúi chào tôi như chào một người quen cũ, họ thường xuyên đi ngang qua tôi và rõ ràng họ nghĩ tôi là một viên chức; ừ thì tôi làm nhân viên vậy. Tôi sẵn lòng làm một thợ sửa chữa đường ray tại một nơi nào đó trong quỹ đạo của trái đất.

Tiếng còi từ đầu máy xuyên qua những khu rừng của tôi cả mùa hè lẫn mùa đông, rít lên như tiếng kêu của một con diều hâu đang chao liệng trên sân nhà người nông dân, báo cho tôi biết rằng nhiều thương gia đô thị chộn rộn đang đến thành phố hay những nhà buôn nông thôn ưa mạo hiểm đến từ phía khác. Khi họ chạm trán nhau, họ thét lên đòi người khác nhường đường, đôi khi nghe thấy tiếng thét ấy ở cả hai thành phố. Chúng tôi đã đến đây, những người bán hàng tạp phẩm cho vùng nông thôn của bạn; những người mang đến khẩu phần cho các bạn, hỡi các bạn nông dân! Chẳng có người nào trong trại của mình đủ tự túc đến mức có thể nói không với họ. Và đấy, bạn trả cho họ. Huýt lên tiếng còi của người nông thôn, cây gỗ dài như cây đòn phá thành ngày xưa lao hai mươi dặm một giờ vào tường thành, và những chiếc ghế đủ cho tất cả những ai mệt mỏi và gánh nặng [216] ngồi. Với phép lịch sự vượt bậc và ì ạch như thế, nông thôn đưa một chiếc ghế cho thành thị. Bông đưa lên, vải bông đưa xuống, lụa đưa lên, len đưa xuống, sách đưa lên, nhưng đưa xuống là nhà thông thái đã viết ra chúng.

Khi tôi gặp đầu máy với dãy toa chạy đi với vận tốc trần gian, - hay đúng hơn, giống như một sao chổi, vì người xem không biết với vận tốc ấy và hướng ấy nó có về thăm lại cái thế

giới này không, vì quỹ đạo của nó dường như không có đường quay về, - với đám mây hơi nước của nó như một lá cờ phấp phới đằng sau trong vành hoa vàng và bạc, giống như những đám mây lô xô mà tôi đã thấy, cao tít trên trời, phơi mở thân mình của nó ra dưới nắng, - như thể vị á thánh du hành này, ông thần sấm này, chẳng bao lâu nữa sẽ lấy bầu trời hoàng hôn làm chế phục cho đoàn tùy tùng của mình; khi tôi nghe con chiến mã [217] sắt thép này làm cho các dãy đồi vọng lại như sấm rền tiếng thở phì phì của nó, làm cho mặt đất rung lên dưới vó của nó, và từ lỗ mũi của nó phì ra lửa và khói (Tôi không biết loại ngựa có cánh hay rồng lửa nào họ sẽ đưa vào thiên Huyền thoại mới này) tôi thấy như thể bây giờ trái đất đã có một loài vật mới xứng đáng cư trú trên nó. Nếu tất cả cái vẻ ngoài của nó là thật, thì những con người đã biến những nguyên tố [218] này thành đầy tớ của họ vì những mục đích cao quý. Nếu đám mây lơ lửng phía trên đầu máy là mồ hôi toát ra từ những kì công vĩ đại, hay ban phúc cho con người như những đám mây lơ lửng phía trên những cánh đồng của người nông dân, thì những yếu tố này và bản thân Thiên nhiên sẽ vui vẻ tháp tùng con người đến những mục đích của họ và làm đoàn hộ tống cho họ.

Tôi nhìn đoàn tàu buổi sáng đi qua với cùng cảm giác như khi nhìn mặt trời lên, mặt trời hiếm khi đều đặn như nó. Cái đuôi lê thê những đám khói như mây của nó còn trải dài phía sau và bốc lên cao, cao mãi, lên đến bầu trời trong khi đoàn tàu chạy về Boston, che mặt trời đi trong chốc lát và phủ bóng râm lên những cánh đồng của tôi, dải mây trên bầu trời mà so với nó đoàn tàu đang ôm lấy đất chỉ giống như cái ngạnh của ngọn giáo. Người chăn con chiến mã thép buổi sáng mùa đông này

dậy sớm nhờ ánh sao giữa những dãy núi, mang cỏ cho nó ăn và đóng yên cương cho nó. Lửa cũng dậy sớm như vậy để đưa luồng nhiệt mãnh liệt vào cho nó và thúc nó lao đi. Giá như hoạt động mãnh liệt này sớm sủa thế nào thì cũng ngây thơ hiền lành như thế. Nếu tuyết sâu, người ta đóng những thanh gạt tuyết cho nó, và chiếc cày vĩ đại ấy cày một đường từ các ngọn núi đến tận bờ biển, với những toa tàu giống như những máy gieo hạt theo sau, đem rải những con người không ngơi nghi và những hàng hóa nổi trôi ra khắp đất nước như rải những hạt giống. Suốt ngày con vật thép lửa phóng như bay trên đất nước, chỉ dừng ở chỗ nào ông chủ của nó muốn nghỉ ngơi, và nửa đêm tôi bị đánh thức bởi tiếng thở phì phì đầy thách thức của nó, khi trong một thung lũng hẹp hoang vắng của rừng nó kéo theo một đoàn những yếu tố nguyên thủy [219] đã đóng thành những thùng băng và tuyết; và nó chỉ về đến chuồng của nó vào lúc sao mai mọc, để lại bắt đầu một lần nữa cuộc lãng du không ngơi nghỉ và không hề chợp mắt của nó. Đôi khi vào buổi tối, tôi nghe tiếng xì xì của nó xả ra những năng lượng thừa trong ngày, để nó làm nguôi dịu đi hệ thần kinh và làm mát lá gan và bộ não của nó để cho sắt thép ngủ vài giờ. Giá như cái khối rầm rộ này kéo dài và không biết mệt thế nào thì cũng quả cảm và oai phong như thế!

Xa xa xuyên qua những khu rừng hẻo lánh trên ranh giới của những thành phố làng mạc, noi chỉ một lần người thợ săn xâm nhập vào ban ngày, trong đêm tối trời nhất những toa khách sáng choang lao như tên bắn mà những cư dân của chúng không hề hay biết; lúc này dừng lại tại một nhà ga trong làng hay thành phố, nơi một đám đông đủ loại tụ tập, lúc sau lại

dừng bên Dismal Swamp (Đầm lầy Buồn thảm), vì sợ cú và cáo. Bây giờ đi và đến của những đoàn tàu là những sự kiện trong ngày của làng. Chúng đi và đến, đều đặn và chính xác, và tiếng còi của chúng có thể nghe thấy từ rất xa, đến mức dân làng chỉnh lại đồng hồ của họ theo những tiếng còi ấy, và như vậy toàn bộ khu vực này tuân theo cái nhịp độ khắt khe ấy. Chẳng phải từ khi đường sắt được phát minh ra, con người đã trở nên đúng giờ giấc hơn nhiều đó sao? Chẳng phải trong ga xép họ nói và nghĩ nhanh hơn khi họ ở bưu điện đó sao? Trong không khí của những ga ấy có cái gì đó thật hào hứng. Tôi đã phải ngạc nhiên trước những điều kì diệu mà nó đã tạo ra, khi thấy những hàng xóm của tôi, những người mà tôi cam đoan chưa bao giờ đến Boston bằng một chuyến đi mau mắn như thế, lại sẵn sàng có mặt ngay khi chuông reo. Làm việc "theo cung cách đường sắt" bây giờ là câu cửa miệng; và việc thường xuyên và cương quyết nhắc nhở mọi người ra khỏi khu vực đường ray là điều cực kì hữu ích. Trong trường hợp này không có dừng lại để đọc sắc lệnh cấm tập trung gây rối loạn [220], không có bắn chỉ thiên trên đầu đám đông cuồng loạn. Chúng ta tự chuốc lấy một số phận, một Atropos [221] không bao giờ đi trật khỏi đường của mình. Bởi vậy, hãy lấy nó đặt tên cho đầu máy xe lửa. Người ta được thông báo rằng vào một giờ một phút nào đó, những mũi tên sẽ được bắn theo những hướng nào đó; nhưng không ảnh hưởng đến công việc của bất cứ ai, và trẻ con đến trường trên đường ray khác. Chúng ta sống vững vàng hơn vì nó. Tất cả chúng ta được giáo dục như vậy để thành những người con của Tell [222]. Không trung đầy những mũi tên vô hình. Mọi con

đường trừ những con đường của riêng anh đều là đường đi của số phận. Vậy hãy nhớ đi đúng đường của anh.

Trong thương mại tôi học được tính táo bạo và tháo vát. Không chắp tay cầu khấn Jupiter. Tôi thấy những con người này hằng ngày lao vào công việc kinh doanh của họ với ít nhiều can đảm và hài lòng, làm nhiều hơn họ có thể ngờ, và có ích hơn họ có thể suy tính một cách có ý thức. Tôi ít ngưỡng mộ tính anh hùng của những con người đứng nửa giờ trên trận tiền ở Buena Vista [223], hơn là sự dũng cảm điềm tĩnh và vui vẻ của những người đứng trên thanh gạt tuyết ở đầu tàu suốt mùa đông giá buốt, không chỉ có lòng can đảm lúc ba giờ sáng mà Bonaparte [224] cho là hiếm hoi nhất, nhưng lòng can đảm của họ không rút về nghỉ ngơi sớm thế, những người chỉ đi ngủ khi cơn bão đã ngủ, hay cơ bắp con chiến mã thép của họ đã đông cứng lại. Có khi, trong buổi sáng có trận mưa tuyết lớn, máu người ta như đóng băng lại, tôi nghe xuyên qua màn tuyết mù mịt tiếng còi đầu máy như nghẹt thở, báo rằng đoàn tàu đang tới, không trễ lâu, mặc dù bị trận bão tuyết đông bắc New England cản trở, và tôi trông thấy những người thợ cày bị bọc trong băng tuyết, những cái đầu của họ nhô ra bên trên lưỡi cày đang lật những đám cúc dại và những ổ chuột đồng, phơi ra trong không gian, như những tảng đá mòn của Sierra Nevada.

Thương mại là tin cậy và trong sáng đến không ngờ, linh lợi, mạo hiểm và không biết mệt. Nó thật tự nhiên trong các phương pháp của nó, đồng thời tự nhiên hơn nhiều công cuộc và những thí nghiệm đa cảm, và vì thế những thành công phi thường của nó cũng là tự nhiên. Tôi cảm thấy sảng khoái và nở nang khi những đoàn tàu hàng rầm rập chạy qua, và tôi ngửi

thấy những kho hàng tỏa những mùi thơm của chúng suốt từ bờ Long Wharf đến Hồ Champlain, nhắc tôi nhớ đến những phụ kiện nước ngoài, những vỉa san hô, và những đại dương miền Ấn Độ, những vùng nhiệt đới, và tầm rộng lớn của địa cầu. Tôi cảm thấy mình giống một công dân của thế giới trong cảnh tượng một tàu lá cọ mùa hè sẽ che những cái đầu [225] New England vàng hoe, sợi gai dầu và xơ dừa [226] Manila, thừng chão cũ, những bị cói, sắt vụn, và đinh gỉ. Cả một xe những buồm rách [227] bây giờ còn dễ đọc và thú vị hơn là khi chúng bị nghiền thành giấy và làm thành những quyển sách in. Ai có thể viết lịch sử những cơn bão đã xé chúng tơi bời sinh động hơn những vết rách nát kia? Chúng là những tờ in thử không cần sửa. Đã đến đây gỗ xẻ từ những khu rừng Maine, chúng không bị trận lũ cuối cùng quét ra biển, nâng lên bốn đô la một nghìn cây cho những cây đã đẵn hay được xẻ ra; thông, vân sam, tuyết tùng, hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và hạng tư, mới đây tất cả còn đồng hạng, để làm chốn nương thân cho gấu, nai, tuần lộc. Rồi đến vôi Thomaston, một lô hạng nhất, sẽ đi thật xa giữa những quả đồi trước khi chúng được tôi. Những quần áo cũ, giẻ rách được đóng thành kiện, đủ mọi màu sắc và thứ hạng, tình trạng tồi tệ nhất mà vải bông và lanh rơi vào, tình trạng cuối cùng của quần áo, - những mẫu mã bây giờ không còn được ai khen ngợi nữa, trừ phi ở Milwaukie, khi những món đồ lộng lẫy ấy, vài hoa in, vải bông kẻ, vải mutxơlin Anh, Pháp, Mĩ, v.v., thu lượm từ mọi xó xỉnh của cả giới phong lưu lẫn nghèo túng, chuẩn bị để biến thành giấy chỉ một màu hay vài ba dạng, trên đó chắc chắn sẽ được viết những câu chuyện của đời thực, cao hay thấp, và dựa trên sự thật! Toa xe kín này bốc mùi cá muối, thứ mùi buôn bán

mạnh mẽ của New England, nhắc tôi nhớ đến Grand Banks [228] và nghề cá. Ai mà cả đời chưa từng thấy cá muối, được ướp phơi sấy lỡ càng để không thứ gì làm ươn thối được nó, khiến cho các vị thánh kiên nhẫn cũng phải đỏ mặt? Nó cứng đến nỗi bạn có thể dùng nó quét hay lát đường phố, chẻ củi, và những người đánh xe tìm chỗ ẩn náu cho bản thân và hàng hóa của họ đằng sau nó, tránh mưa và nắng gió, - và một nhà buôn, như một nhà buôn Concord có lần đã làm, treo nó lên cửa làm biển hiệu khi anh ta mở cửa hàng, đến nỗi người khách hàng già dặn nhất của anh ta cũng không phân biệt nổi nó là động vật, thực vật hay khoáng vật nữa, tuy vậy nó vẫn thanh khiết như một bông tuyết, và khi cho vào nồi nấu lên, nó hiện nguyên hình là một con cá màu nâu thơm phức cho bữa ăn ngày thứ Bảy. Rồi đến những bộ da thú Tây Ban Nha, với những cái đuôi vẫn còn giữ nguyên dạng xoắn và vểnh lên của chúng khi con thú còn mang chúng lao vun vút trên những đồng cỏ của Tây Ban Nha, một kiểu bướng bỉnh chứng tỏ những thói tật thể chất vô phương chữa trị như thế nào. Tôi thú thật rằng, nói cho ngay, khi tôi đã biết rõ tính khí của một người, tôi không có hi vọng thay đổi nó cho tốt hơn hay xấu hơn, so với tình trạng hiện nay của nó. Người phương Đông nói "một cái đuôi chó có thể được sấy khô, được ép phẳng, được cuộn chặt lại và buộc bằng dây, rồi sau mười hai năm với mọi nỗ lực tác động lên nó, nó vẫn giữ nguyên hình dạng ban đầu". Cách trị duy nhất có hiệu quả đối với những cái đuôi để lâu năm như thế, là lấy keo dán chúng, mà tôi nghĩ đó là cách làm thông thường với chúng, thì sau đó chúng sẽ giữ nguyên và dính. Đây là hai trăm lít mật đường [229] hay rượu mạnh, gửi cho John Smith, Cuttingsville, Vermont, một nhà

buôn vùng Green Mountains, ông ta đã nhập chỗ này để bán cho những nông dân lân cận trong khoảng rừng thưa của ông, và nay có lẽ đang đứng trong căn phòng của ông và nghĩ về chuyến hàng cuối cùng vừa đến bờ biển, nó có thể tác động đến giá cả của ông như thế nào, và bảo với khách hàng của ông lúc đó, như ông đã bảo họ hai mươi lần trước buổi sáng đó, rằng ông chờ đợi loại thượng hạng vào chuyến tàu sau. Điều này được quảng cáo trong tờ Cuttingsville Times.

Trong khi những thứ hàng này được đưa lên thì những thứ kia đưa xuống. Bị một âm thanh vèo vèo làm giật mình, tôi rời mắt khỏi cuốn sách đang đọc ngẩng đầu nhìn lên, và thấy một cây thông thanh mảnh, bị đốn từ những ngọn đồi xa phía bắc, đã bay vèo theo cách của nó trên Green Mountains và Connecticut, bắn như một mũi tên qua thị trấn trong vòng mười phút, và hiếm có con mắt nào nhìn thấy nó, khi nó còn chưa biến...

"...thành cột buồm

của một soái hạm vĩ đại" [230].

Và nghe này! Đến đây đoàn tàu chở trâu bò ngựa từ một ngàn quả đồi [231], những cũi nhốt cừu, những chuồng ngựa, những sân nuôi gia súc trên không, những người lùa gia súc với những cây gậy của họ, và lũ trẻ chăn cừu giữa bầy cừu của chúng, tất cả chỉ trừ những bãi cỏ, lao đi vun vút giống như những chiếc lá bị cơn gió mạnh tháng Chín thổi bay từ những ngọn núi. Không gian đầy những tiếng be be của bê và cừu, tiếng xô đẩy rầm rập của bò, như thể một thung lũng đầy cỏ tươi đang trôi qua bên cạnh. Khi con cừu già có đeo chuông [232] trên cổ rung chuông của nó lên, những quả núi thật sự nhảy lên như

những con cừu đực, còn những quả đồi nhỏ giống lũ cừu con [233].

Cả một toa người chăn nữa, ở giữa, trên cùng một tầng với đàn súc vật của mình, bây giờ nghề nghiệp đã không còn cần nữa, nhưng vẫn bám lấy những cây gậy vô dụng của mình, như những phù hiệu cấp bậc vậy. Nhưng còn những con chó, chúng ở đâu? Chúng bị bỏ lại đột ngột, lạc bầy, hoàn toàn mất dấu. Tôi tưởng như nghe thấy tiếng chúng sủa sau những quả đồi Peterboro [234] hay thở hổn hển trên những sườn dốc phía tây của Green Mountains [235]. Chúng sẽ không phải chứng kiến cái chết. Năng khiếu của chúng cũng không còn cần thiết nữa. Sự khôn ngoan và lòng trung thành của chúng bây giờ mất hết giá trị. Chúng sẽ lẻn vào cũi của chúng một cách nhục nhã, hoặc chạy hoang hoặc tìm đến làm bạn với sói và cáo. Cuộc sống mục đồng của bạn trôi đi và biến mất như vậy đấy. Nhưng chuông đã reo, và tôi phải rời khỏi đường ray để đoàn tàu lao qua;

Với tôi đường sắt có nghĩa gì?
Tôi chưa bao giờ đi xem nó kết thúc ở đâu,
Nó lấp đầy một ít khoảng trống
Và làm những đụn mây cho những con chim én
Nó làm ngọn gió cuốn tung cát lên,
Và cho những bụi mâm xôi sinh trưởng [236].

Nhưng tôi đã băng qua nó như một con đường trong rừng cho xe bò đi. Tôi sẽ không để mắt tôi lồi ra, và tai tôi ù đặc vì khói và hơi nước và tiếng rít.

Bây giờ khi những toa tàu đã đi qua, và tất cả cái thế giới náo động cùng đi theo luôn với chúng, và những con cá dưới

đầm không còn cảm thấy tiếng ầm ầm của chúng, thì tôi lại cảm thấy cô độc hơn bao giờ hết. Trong phần còn lại của buổi chiều dài dặc ấy, có lẽ những trầm tư của tôi chỉ bị gián đoạn bởi tiếng huyên náo mơ hồ của những chuyến xe ngựa từ đường cái xa xa vọng tới.

Đôi khi vào thứ Bảy, tôi nghe những tiếng chuông, từ Lincoln, Acton, Bedford, hay Concord, khi thuận gió, một giai điệu mơ hồ, ngọt ngào, và tự nhiên như nó vốn thế, xâm nhập một cách quý giá vào vùng hoang dã này. Ở một khoảng cách đủ để xuyên qua rừng, âm thanh này tạo thành một tiếng rung ngân nga, như thể những lá kim của thông ở phía chân trời đang vuốt những dây tơ của một cây đàn hạc. Toàn bộ âm thanh nghe từ khoảng cách lớn nhất có thể nghe được tạo ra một và cùng một hiệu quả, một tiếng rung của cây đàn lia vũ trụ, đúng như bầu không khí trung gian tạo cho một rặng núi ở xa một sắc xanh da trời làm khoan khoái con mắt chúng ta. Lần này đến với tôi một giai điệu mà không khí đã căng ra, nó ngược với mọi lá bản lá kim của rừng, mà âm thanh chúng tạo ra được các nguyên tố [237] đưa đi và điều hưởng và làm vang vọng qua các thung lũng. Trong mức độ nào đó, tiếng vọng ấy là một âm thanh nguyên sơ, có cái vẻ huyền diệu và mê hoặc của nó. Nó không phải chỉ là sự nhắc lại những gì đáng nhắc lại trong tiếng chuông, mà phần nào nó là giọng nói của rừng; vẫn là những lời những nốt tầm thường ấy được hát lên bởi một nữ thần rừng.

Buổi tối, tiếng rống từ xa của một con bò cái ở phía chân trời bên kia cánh rừng vọng đến ngọt ngào và êm ái, và lúc đầu tôi lầm với tiếng của những người hát rong mà đôi khi tôi được nghe họ hát, những người có thể đi lạc trên đồi và thung lũng;

nhưng liền đó tôi không còn phải thất vọng một cách bực bội, khi nó kéo dài ra thành thứ âm nhạc rẻ tiền và tự nhiên của bò cái. Tôi không có ý châm biếm, mà chỉ biểu lộ sự cảm kích của tôi với những tiếng hát của tuổi trẻ, khi tôi tuyên bố tôi cảm thấy rõ ràng rằng nó giống âm nhạc của bò cái, và nói cho cùng chúng là sáng tạo của Tự nhiên.

Vào mùa hè, đều đặn cứ đến bảy rưỡi tối, sau khi chuyến tàu tối chạy qua, lũ chim đớp muỗi [238] đậu trên một gốc cây bên cửa nhà tôi, hoặc trên nóc nhà, cất giọng ca bài nguyện chiều của chúng trong nửa giờ. Chúng bắt đầu hót hầu như với sự chính xác của một chiếc đồng hồ, sớm muộn chỉ trong vòng năm phút so với giờ mặt trời lặn, mỗi buổi tối. Tôi đã có một cơ hội hiếm hoi được làm quen với những thói quen của chúng. Đôi khi cùng lúc tôi nghe bốn hoặc năm giọng ở những chỗ khác nhau trong rừng, ngẫu nhiên một giọng trầm hơn giọng khác, và gần tôi đến nỗi tôi có thể phân biệt tiếng cục cục sau mỗi nốt, mà thường nghe tiếng vo vo kì quặc ấy giống như tiếng con ruồi trong một mạng nhện, chỉ có điều to hơn. Đôi khi trong rừng một con lượn vòng mãi quanh tôi ở khoảng cách vài foot, như thể có dây buộc, khi tôi có lẽ ở gần những quả trứng của nó. Chúng hót cách quãng suốt đêm, và giọng hót trở nên du dương hơn bao giờ hết vào quãng gần rạng đông.

Khi những giống chim khác vẫn còn im ngủ thì loài cú mèo cất tiếng, giống như những người đàn bà đưa tang hú lên tiếng hú cổ xưa của họ. Tiếng gào buồn thảm của chúng thật có giọng Ben Jonson [239]. Những mụ phù thủy quỷ quyệt lúc nửa đêm [240]! Nó không phải là tiếng kêu tơ-huýt-tơ-hu [241] lương thiện và mờ đục của các nhà thơ, mà là, không nói đùa, một đoản

khúc tha ma trầm thống, những lời an ủi lẫn nhau của những cặp tình nhân quyên sinh nhớ lại những nỗi đau đớn và những niềm hoan lạc của mối tình cao thượng trong những khu rừng địa ngục. Tuy nhiên tôi thích nghe tiếng than khóc của chúng, những câu trả lời sầu thảm của chúng, rung lên dọc mép rừng, đôi khi nhắc tôi nhớ đến âm nhạc và những con chim hót, như thể nó là khía cạnh tối tăm và đẫm lệ của âm nhạc, những nỗi ân hận và những tiếng thở dài được hát lên. Chúng là những linh hồn, những linh hồn thấp bé và những điềm báo u uất của những linh hồn sa đọa từng có hình dạng con người bước đi mộng du trên mặt đất và thực hiện những hành vi đen tối, nay chuộc tội của chúng bằng những bài thánh ca than vãn hay những bài điếu ca trong khung cảnh những tội lỗi mà chúng đã phạm. Chúng cho tôi một cảm giác mới về cái muôn màu muôn vẻ và những khả năng của tự nhiên vốn là nơi trú ngụ chung của chúng ta. Ôi-i-i-i tôi chưa bao giờ được sinh ra-a-a-a! [242]. Một con bên này đầm thở dài, và bay lượn tròn với sự bồn chồn thất vọng tới một chỗ đậu khác trên những cây sồi xám. Rồi - chưa bao giờ được sinh ra-a-a-a! Con khác lặp lại ở phía xa hơn với giọng run rẩy ngay thật, và ra-a-a-a! Một giọng thoảng đến từ khu rừng Lincoln xa xôi.

Tôi cũng được một con cú hát cho nghe khúc chiều tà. Nghe gần bạn có thể cho rằng đó là âm thanh buồn bã nhất trong Tự nhiên, như thể nó định dùng tiếng kêu này làm nguyên mẫu vĩnh cửu trong ca đoàn của nó cho tiếng của một con người khóc người chết, một di tích yếu ớt tội nghiệp của người chết, kẻ đã để lại đằng sau mọi hi vọng [243], và tru lên như một con vật, tuy bằng những tiếng nức nở của người, hoặc đi vào thung lũng

tối tăm, làm cho khủng khiếp hơn bằng tiếng ùng ục - tôi thấy tôi bắt đầu với âm "u" khi tôi cố bắt chước nó - của một trí tuệ đã đạt tới giai đoạn mốc meo nhớp nhúa trong sự hành xác của tất cả những tư tưởng lành mạnh và can đảm. Chúng nhắc tôi nhớ đến tiếng tru của những con ma cà rồng, những thằng dở người và những thằng điên. Nhưng lúc này một con trả lời từ khu rừng xa bằng một giọng mà khoảng cách đã làm cho thật sự du dương, - hu hu hu, hu rơ hu; và quả thật phần lớn nó gợi lên những liên tưởng dễ chịu, dù được nghe vào ban ngày hay ban đêm, mùa hạ hay mùa đông.

Tôi vui mừng vì có những con cú. Cứ để chúng kêu những tiếng kêu ngu xuẩn hay điên rồ cho con người. Đó là một âm thanh thích hợp kì lạ với những khu rừng ngập nước và tranh tối tranh sáng, vốn không có ngày minh họa, gợi lên một thiên nhiên rộng lớn và chưa phát triển mà con người còn chưa nhận ra. Chúng biểu lộ cảnh nhá nhem ảm đạm và những ý tưởng không thoả mãn mà ai ai cũng có. Cả ngày mặt trời chiếu trên bề mặt của những đầm lầy hoang dại, nơi cây vân sam đứng đơn độc với những địa y bám trên nó, và những con diều hâu nhỏ lượn tròn bên trên, con *chickadee* [244] líu ríu giữa đám vạn niên thanh, gà gô và thỏ lẩn lút bên dưới; nhưng bây giờ một ngày buồn bã hơn đang ló rạng, và một giống vật khác đã thức giấc để biểu lộ ý nghĩa của Thiên nhiên ở đó.

Khuya, tôi nghe tiếng rầm rầm của những toa tàu qua cầu, một âm thanh ban đêm nghe xa vắng hơn các âm thanh khác, tiếng tru của những con chó, và đôi khi lại cả tiếng rống của những con bò cái buồn phiền từ một sân nuôi gia súc xa xa. Trong lúc đó cả vùng bờ đầm rộn lên tiếng ễnh ương, tinh thần

ngoan cố của những gã nghiện và những tay bợm rượu lâu năm, không hề ăn năn, đang cố hát một một khúc hát âu sầu về dòng sông địa ngục [245] của họ - xin các nữ thần Walden tha thứ cho so sánh đường đột này, vì dù không có những đám tang ở đó vẫn có ếch nhái - họ sẽ hăm hở theo đúng những quy tắc vui nhộn của những bàn nhậu cũ, dù giọng họ đã khản đặc và rượu đã bay mất mùi, chỉ còn là thứ chất lỏng làm căng phồng bụng họ, và trạng thái say sưa dìu dịu không bao giờ chịu đến để dìm chết kí ức về quá khứ, mà chỉ có sự no nê, căng phồng và sũng nước. Người có cái bụng phệ nhất [246], cầm tì trên một nắm lá *heart-leaf* [247], dùng làm khăn ăn cho đôi má đầy nhớt dãi của lão, nốc một ngụm thật sâu thứ nước đã từng bị khinh bỉ ấy, rồi vừa chuyển quanh chén rượu vừa thốt lên *tr-r-r-unc, tr-r- r-unc, tr-r-r-runc*! Và ngay lập tức nước (rượu) từ một gã ngồi ở xa cùng mật khẩu ấy được nhắc lại, và người tiếp theo, theo thứ tự tuổi tác và vòng bụng, uống một hơi đến vạch dấu của mình; rồi khi đã xoay hết một vòng, thì ông chủ xị thốt lên thỏa mãn tr-r-r-unc! Và mỗi người đến lượt mình cùng nhắc lại câu đó cho đến cái bụng ít phệ nhất, và nhũn nhẽo nhất, không bao giờ sai lượt; rồi chén rượu lại được quay vòng quay vòng mãi, cho đến khi mặt trời xua tan sương buổi sáng, và chỉ có vị trưởng lão là không ở dưới gầm bàn, nhưng đang rống lên một cách vô hiệu trunc hết lần này đến lần khác, với những khoảng tạm ngưng để chờ có kẻ đáp lại.

Tôi không chắc có nghe tiếng gà gáy từ khoảng rừng thưa của tôi không, và tôi nghĩ cũng đáng nuôi một con gà trống non chỉ để nghe nhạc của chú ta, như một con chim hót. Có lần một con gà lôi hoang chắc chắn là xuất sắc nhất trong số chim và

nếu chúng có thể thích nghi với môi trường tự nhiên mà không cần nuôi thuần dưỡng, thì nó sẽ thành âm thanh nổi tiếng nhất trong những khu rừng của chúng tôi, vượt hẳn tiếng chói tai của ngỗng và tiếng rúc của con cú; và rồi hãy tưởng tượng tiếng cục tác của gà mái trong khi tiếng gáy oai vệ của chúa tể của chúng tạm ngưng! Không có gì ngạc nhiên sao con người lại bổ sung thứ chim này vào hàng ngũ các loài vật được thuần dưỡng, chưa nói gì đến trứng và đùi gà quay. Buổi sáng mùa đông đi bộ trong rừng nơi lúc nhúc những loại chim này, rừng là bản quán của chúng, và nghe một chú gà trống non hoang dại gáy trên cây, tiếng gáy trong veo và lảnh lót vang xa tới nhiều dặm của những vùng đất xung quanh, nhấn chìm những giọng yếu ớt hơn của các loài chim khác, thử nghĩ xem! Nó có thể đánh thức các dân tộc. Ai mà không muốn dậy sớm, rồi sớm hơn, sớm hơn nữa trong những ngày kế tiếp sau đó của cuộc đời mình, cho đến khi trở nên mạnh khỏe, khôn ngoan, giàu có khôn tả [248]? Giọng hót của con chim ngoại quốc này được các nhà thơ của tất cả các nước ca ngợi cùng với giọng hát của các ca sĩ đất nước họ. Mọi khí hậu đều hợp với gã Gà trống hào hoa. Gã thậm chí còn bản xứ hơn cả những người bản xứ. Sức lực của gã lúc nào cũng tráng kiện, những lá phổi của gã lành mạnh, tinh thần gã không bao giờ sa sút. Ngay cả những thủy thủ trên Đại Tây Dương và Thái Bình Dương cũng được đánh thức bằng tiếng gáy của gã; nhưng âm thanh chói tai của nó chưa bao giờ khuấy động giấc ngủ của tôi. Tôi không nuôi chó, mèo, bò, lợn, cũng không nuôi gà mái, do đó bạn có thể bảo tôi thiếu những âm thanh trong nhà; cũng không có thùng đánh sữa, guồng quay tơ, không có tiếng reo của ấm đun nước, cũng không có tiếng xì xì của bình

trà, không có tiếng trẻ con khóc để mà dỗ nín. Một người đàn ông cổ lỗ chắc sẽ mất hết mọi cảm giác và chết vì buồn chán trước cảnh này. Thậm chí tôi không có chuột trong tường, vì chúng đã chết đói hết, hay có khi chúng chưa bao giờ được nhử vào, chỉ có những con sóc trên mái nhà hay dưới sàn, một con chim đớp muỗi trên nóc, một con chim giẻ cùi kêu inh ỏi dưới cửa sổ, một con thỏ rừng hay chuột chũi dưới nhà, một con cú rúc hay một con cú mèo đằng sau nhà, một bầy ngỗng trời hay một con chim lặn *gavia* trên đầm, và một con cáo kêu gào ban đêm. Không có cả một con chim chiền chiên hay vàng anh, những con chim dịu dàng trong vườn cây ấy, từng đến thăm tôi ở khu rừng thưa. Không có gà trống non để gáy, không có gà mái để cục tác trong sân. Không có sân! Nhưng Thiên nhiên không-rào-ngăn vào đến tận ngưỡng cửa nhà bạn. Một khu rừng non lớn lên dưới cửa sổ nhà bạn, những cây sơn dại và những dây mâm xôi leo đột nhập vào căn phòng của bạn, những cây thông nhựa pitch- pine do chật chội thân của chúng cọ vào những ván ốp kêu cót két, rễ của chúng đâm xuống bên dưới nhà. Khi có cơn gió mạnh, không phải chỉ có tấm rèn hay cái nắp cửa sổ bị thổi bay đi, mà một cây thông đằng sau nhà tôi dành làm củi đun bị bẻ bị gãy hay bật rễ. Chẳng phải chỉ không có lối ra cổng sân trước trong trận Bão tuyết Lớn, mà còn không có cả cổng, không sân trước, và không có đường tới thế giới văn minh!

Chương 5

Cô đơn

Tối nay thật là một buổi tối ngọt ngào khi cả cơ thể là một cảm giác, và niềm hoan lạc thấm qua mọi lỗ chân lông. Tôi đi và đến với một tự do lạ lùng trong Thiên nhiên, tôi là một phần của nó. Khi tôi bước đi dọc theo bờ đá của đầm tay áo xắn cao, mặc dù trời mát mẻ có gió và nhiều mây và tôi không thấy có gì đặc biệt hấp dẫn tôi, tất cả với tôi dễ chịu thoải mái lạ thường. Tiếng ễnh ương kêu ran trong đêm, và tiếng chim đớp muỗi trong gió lao xao phía trên mặt nước. Rung cảm với tiếng rì rào của lá dương và lá tống quán sủi (*alder*), tôi gần như ngừng thở; tuy nhiên, giống như mặt hồ, cái êm lặng của hồn tôi chỉ lăn lăn gợn sóng chứ không bị rối xù lên. Những lọn sóng nhỏ này được cơn gió đêm đùa lên cũng êm đềm như mặt gương êm ả của đầm nước, khác xa hình ảnh của dông tố. Mặc dù lúc này trời đang tối, nhưng gió vẫn thổi và gào thét trong rừng, tiếng sóng vẫn ì oạp, và một số loài vật tạm lắng tiếng. Nhưng sự ngơi nghỉ chẳng bao giờ hoàn hảo. Những con vật hoang dã nhất không nghỉ, lúc này chúng đi kiếm mồi; cáo, chồn hôi, thỏ, kêu vang cả cánh đồng và cánh rừng mà không hề sợ hãi. Chúng là những lính gác của Thiên nhiên, những mối liên hệ kết nối ngày này với ngày khác của đời sống động vật.

Khi trở về nhà, tôi thấy đã có khách đến thăm và để lại danh thiếp của họ, hoặc bằng những bó hoa, hoặc một cuộn dây thường xuân, hoặc ghi lại tên mình bằng bút chì trên một chiếc

lá hồ đào hay mảnh vỏ bào. Những người ít khi vào rừng nhặt lấy mấy mẩu nhỏ của rừng trên tay để chơi, tiện thể khi ra đi họ chủ ý hay tình cờ bỏ lại. Một người đã cắt một nhành liễu, đan nó thành một cái vòng, và bỏ nó trên bàn tôi. Tôi luôn biết có khách đã đến, hoặc bằng đám cỏ bị rạp xuống, hoặc dấu giày, và nói chung biết họ thuộc phái tính, lứa tuổi hoặc tầng lớp nào, bằng một vài vết tích để lại, như một bông hoa bị hái, một nắm cỏ bị nhổ lên và ném đi, thậm chí ở mãi tận đường sắt cách nửa dặm, hoặc mùi thuốc lá còn thoang thoảng. Hơn thế nữa, tôi còn thường xuyên nhận ra có người đi bộ trên đường cái cách xa ba trăm mét nhờ mùi thơm từ tẩu thuốc của ông ta.

Thông thường có đủ khoảng rộng bao quanh chúng ta. Những chân trời của chúng ta không bao giờ sát ngay bên khuỷu tay chúng ta. Rừng rậm không sát bên cửa nhà chúng ta, đầm cũng vậy, mà luôn có khoảng trống, gần gũi quen thuộc và được chúng ta dùng đến mòn đi, bị chiếm riêng và rào lại cách nào đó, và tách khỏi Thiên nhiên và bị thuần hóa. Vì lí do gì mà tôi lại có khoảnh rừng vài dặm vuông ít người qua lại, rộng rãi và bao quanh nhà tôi, dành riêng cho tôi, mà người ta bỏ đó cho tôi. Người hàng xóm gần nhất cũng cách một dặm, và trong vòng nửa dặm kể từ nhà tôi, không nhìn thấy ngôi nhà nào khác dù đứng bất cứ chỗ nào ngoại trừ các đỉnh đồi. Tầm nhìn của tôi bị giới hạn bởi rừng, một phía thì hình ảnh đường sắt xa xa chỗ tiếp giáp với đầm, còn phía khác là hàng rào men theo con đường rừng. Nhưng phần lớn ở đây tôi sống cô đơn như giữa thảo nguyên. Ở New England này cũng như châu Á, châu Phi vậy. Tôi có mặt trời, mặt trăng, những vì sao của tôi, và một thế giới nhỏ bé hoàn toàn của riêng tôi. Ban đêm không bao giờ có

một khách bộ hành đi ngang qua, hay gõ cửa nhà tôi, cứ như tôi là người đầu tiên hay cuối cùng trên trái đất; trừ phi là mùa xuân, khi lâu lâu có vài người từ làng đến câu cá nheo, họ rõ ràng đã câu nhiều hơn trong cái Đầm Walden của bản tính của họ, và mắc bóng tối vào lưỡi câu làm mồi, nhưng họ sớm rút lui, thường thường với những giỏ nhẹ, và bỏ lại “thế giới cho bóng tối và cho tôi" [249], và cái lõi đen kịt của đêm không bao giờ bị xâm phạm bởi bất kì khu vực có người nào. Tôi tin rằng con người nói chung vẫn còn hơi sợ bóng tối, mặc dù tất cả phù thủy đã bị treo cổ rồi, và thế giới cũng đã có đạo Thiên Chúa, cùng những ngọn nến.

Tuy nhiên đôi khi tôi nghiệm ra rằng sự giao lưu ngọt lành và êm đềm nhất, cuộc giao du ngây thơ và có sức khích lệ nhất, có thể tìm thấy trong mọi đối tượng tự nhiên, ngay cả với một người âu sầu ghét đời nhất. Đối với những ai sống trong lòng Thiên nhiên và có tâm thức bình lặng, thì không thể có nỗi đau buồn đen tối [250] được. Đối với một lỗ tai lành mạnh và ngây thơ, chưa bao giờ có một cơn bão, mà chỉ có âm nhạc của Thần Gió Eol [251]. Không gì có thể buộc một con người chất phác và can trường vào một nỗi buồn ti tiện. Khi vui hưởng tình bạn với bốn mùa tôi tin rằng không gì có thể làm cho cuộc sống trở nên gánh nặng đối với tôi. Cơn mưa nhẹ nhàng tưới cho ruộng đậu của tôi và giữ chân tôi trong nhà hôm nay không hề u ám buồn tẻ, mà cũng tốt với tôi. Mặc dù nó ngăn không cho tôi xới đậu, nhưng nó tốt hơn nhiều so với việc chăm bón của tôi. Nếu nó cứ kéo dài liên miên đến mức làm hạt mầm thối trong đất, và hủy hoại khoai tây ở những ruộng trũng, thì nó vẫn tốt cho cỏ trên các miền đất cao, và, vì nó tốt cho cỏ, nên nó tốt cho tôi. Đôi khi,

so sánh mình với người khác, tôi thấy dường như tôi được các vị thần ưu ái hơn họ, ban phát cho tôi hào phóng hơn cả điều mà tôi đáng được; như thể tôi có một sự bảo trợ trong tay các vị thần mà những người khác không có, và được dẫn dắt và bảo hộ một cách đặc biệt. Tôi không tự tâng bốc mình, mà chính họ, nếu có thể nói thế, tâng bốc tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy cô độc, hoặc bị cảm giác cô độc đè nặng, nhưng có một lần, vài tuần sau khi tôi đến rừng, trong một giờ, tôi đã băn khoăn rằng liệu một người sống bình lặng và lành mạnh có thật sự cần thiết phải có hàng xóm láng giềng gần gũi hay không, sống đơn độc không dễ chịu chút nào. Nhưng đồng thời tôi ý thức về cái sự hơi điên điên trong tính khí của tôi, và thấy trước rồi nó cũng qua thôi. Giữa cơn mưa dịu dàng trong khi những ý nghĩ này đang tràn ngập, tôi bỗng nhiên cảm nhận được sự giao hòa ngọt ngào tốt lành trong Thiên nhiên, trong chính tiếng mưa rơi lộp độp, trong mọi âm thanh và cảnh sắc xung quanh ngôi nhà của tôi, một sự thân thiện vô bờ và khó tả đột nhiên giống như bầu không khí ấp ôm tôi, và làm cho những thuận lợi tưởng tượng của tình hàng xóm láng giềng trở nên vô nghĩa, và từ đó trở đi tôi không bao giờ nghĩ đến nữa. Mọi lá thông bé xíu nở nang ra vì đồng cảm và kết thân với tôi. Tôi nhận biết rõ ràng về sự hiện diện của một cái gì thân thuộc gần gũi với tôi, thậm chí cả những cảnh mà chúng ta quen gọi là hoang dã và u ám, và cảm nhận rằng máu mủ ruột rà gần gụi nhất với tôi và có tính người nhất không nhất thiết phải là một con người, một dân làng, tôi nghĩ từ nay không nơi nào còn có thể là xa xôi hẻo lánh với tôi nữa.

"Tóc tang non yếu thiêu đốt nỗi buồn

ngắn ngủi thay là những ngày họ sống trên đất này

người con gái xinh đẹp của Toscar" [252] .

Những giờ thú vị nhất của tôi là trong cơn mưa dông kéo dài vào mùa xuân hoặc mùa thu, giam chân tôi ở nhà cả buổi sáng lẫn buổi chiều, làm dịu tâm hồn tôi bằng tiếng rào rào không ngớt của chúng; khi một chạng vạng sớm báo trước một buổi tối dài trong đó nhiều ý tưởng có thời gian bén rễ nảy mầm. Trong khi những cơn mưa đông bắc dữ dội ấy thử thách những ngôi nhà trong làng, khi những cô hầu gái đứng với giẻ lau nhà và xô sẵn sàng trước cửa để ngăn nước ngập tràn vào, thì tôi ngồi sau cửa ngôi nhà nhỏ bé của tôi, vốn là tất cả lối vào, và thích thú tận hưởng sự bảo vệ của nó. Trong một cơn mưa dông dữ dội, một cú sét đánh vào cây thông lớn bên kia đầm, tạo thành một rãnh xoắn rõ nét và hết sức đều đặn từ ngọn xuống đến gốc, sâu khoảng hơn một inch, và rộng khoảng bốn năm inch, giống như bạn xoi rãnh trên một cây gậy. Hôm nọ tôi lại đi qua chỗ đó, và sửng sốt thán phục khi ngước lên nhìn thấy dấu vết ấy, lúc này rõ hơn bao giờ hết, nơi một cú sét khủng khiếp và không đỡ nổi từ trên bầu trời vô hại đánh xuống cách đây tám năm [253]. Người ta thường bảo tôi, "Tôi nghĩ anh sẽ cảm thấy cô đơn ở dưới ấy, và sẽ muốn gần hơn với đồng loại, nhất là những ngày những đêm mưa hay tuyết". Tôi những muốn trả lời khuyên ấy như thế này, cả trái đất mà chúng ta đang sống đây chỉ là một điểm trong vũ trụ. Ông hãy nghĩ xem, hai cư dân xa nhất của ngôi sao kia sống cách xa nhau như thế nào, khi mà bề rộng mặt hành tinh ấy các dụng cụ của chúng ta không thể đánh giá được? Tại sao tôi lại phải cảm thấy cô đơn? Hành tinh của chúng ta không ở trong dải Ngân Hà đó sao? Vấn đề mà ông đặt

ra với tôi không phải là thực chất. Loại không gian nào ngăn cách một người khỏi đồng loại của mình và làm cho hắn ta cô đơn? Tôi đã thấy rằng không phải cứ hai đôi chân ráng sức là có thể đưa hai tâm hồn lại gần nhau hơn. Chúng ta mong muốn sống gần cái gì nhất? Chắc chắn không phải nhiều người, nhà ga, nhà bưu điện, quán rượu, nhà họp, nhà trường, cửa hàng tạp phẩm, Beacon Hill [254] , hay Five Points [255], nơi tụ họp đông người nhất, mà là gần với nguồn gốc vĩnh cửu của cuộc sống chúng ta, bằng tất cả kinh nghiệm của mình chúng ta thấy thế; như cây liễu mọc gần nước và rễ của nó bò xuống theo hướng đó. Điều này thay đổi theo các bản chất khác nhau, nhưng đây là nơi người đàn ông khôn ngoan sẽ đào hầm rượu của anh ta... Một buổi tối tôi đuổi kịp một trong những người dân thành phố, người đã tích cóp được cái gọi là "một tài sản đẹp" - mặc dù tôi chưa bao giờ có cái nhìn đẹp về nó - trên con đường Walden, đánh một cặp bò ra chợ, ông ta hỏi tôi nghĩ thế nào mà lại từ bỏ nhiều tiện nghi của đời sống đến thế? Tôi trả lời rằng tôi tin chắc tôi thích thế; tôi không hề nói đùa. Thế rồi tôi về đi ngủ, để mặc ông ta mò mẫm tìm đường qua bóng tối và bùn đất đến Brighton [256], hay Thị trấn Bright, có lẽ sáng mai ông ta sẽ đến nơi.

Trước viễn cảnh trở lại cuộc sống của một người đã chết mọi không gian và thời gian chẳng có gì quan trọng: được tái sinh thì ở đâu và bao giờ cũng thế thôi. Không gian nơi điều đó có thể xảy ra luôn luôn vẫn là thế, và là thích thú khôn tả đối với mọi giác quan của chúng ta. Phần lớn chúng ta chỉ thấy những hoàn cảnh xa xôi và nhất thời là có ý nghĩa. Thật ra, chúng là nguyên nhân làm ta sao nhãng. Gần gũi nhất với mọi vật là cái

quyền năng làm ra bản tính của chúng. Kề ngay bên chúng ta những quy luật vĩ đại nhất đang được liên tục thi hành. Kề ngay bên chúng ta không phải là người thợ mà ta thuê, người mà chúng ta thích trò chuyện với, mà là người thợ làm ra chính chúng ta.

"Cái linh diệu của những sức mạnh huyền bí của Trời Đất thật bao la và sâu thẳm biết nhường nào".

"Chúng ta nhìn mà không thấy chúng; chúng ta lắng nghe mà không nghe ra; chúng đồng nhất với thực chất của vạn vật, không thể tách chúng ra khỏi vạn vật".

"Bởi vậy ở khắp nơi nơi, chúng khiến con người giữ thân thể và tâm hồn thanh tịnh, mặc những trang phục nghiêm trang tề chỉnh mà hiến dâng lễ vật cúng tế. Như một đại dương mênh mông, chúng ở khắp nơi, bên trên chúng ta, bên phải bên trái chúng ta, chúng bao bọc chúng ta ở mọi phía"[257] *.*

Chúng ta là những đối tượng của một cuộc thí nghiệm không ít thú vị đôi với tôi. Trong những hoàn cảnh ấy, chúng ta có thể nào không bớt chút thời gian hàn huyên tâm sự, lấy những ý tưởng của chúng ta để mua vui cho chính chúng ta? Khổng Tử nói đúng: "Người có đức hạnh không thể cô độc như đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi; nhất định phải có người gần gũi" [258]*.*

Bằng suy ngẫm, chúng ta có thể tự tách ra khỏi bản thân mình trong một cảm giác tỉnh táo. Bằng một nỗ lực tỉnh thức của trí óc, chúng ta có thể đứng tách biệt khỏi những hành động và hậu quả của chúng; và mọi việc, tốt hay xấu, trôi qua bên cạnh chúng ta như một dòng nước lũ. Chúng ta không hoàn toàn bị dính chặt với Thiên nhiên. Tôi có thể là khúc gỗ trôi dạt

trong dòng nước, hay là Indra [259] trên trời nhìn xuống nó. Tôi có thể xúc động bởi những cảnh diễn trên sân khấu; mặt khác, tôi có thể không xúc động với một sự kiện thực tế có vẻ liên quan đến tôi nhiều hơn nhiều. Tôi chỉ biết tôi là một thực thể người, chứa đựng tư duy và tình cảm; và tôi cảm nhận được tôi có hai nhân cách nhờ đó tôi có thể đứng ngoài nhìn vào bản thân mình như nhìn người khác. Dù trải nghiệm của tôi mạnh đến đâu, tôi vẫn có ý thức về sự hiện diện và phê phán của một phần thuộc về tôi, nó thậm chí không phải là một bộ phận của tôi, mà là khán giả, không có chung trải nghiệm với tôi, nhưng nhận xét về trải nghiệm ấy, và đó không còn là tôi nữa, giống như anh không phải là tôi. Khi vở kịch, có thể là bi kịch, của cuộc sống kết thúc, khán giả ra về. Đối với anh ta, đó chỉ là một loại hư cấu, một sáng tạo của trí tưởng tượng. Cái kiểu hai nhân cách này đôi khi khiến chúng ta thành những láng giềng và những người bạn tồi.

Tôi thấy sống một mình trong phần lớn thời gian là tốt lành. Có bè bạn, ngay cả với những bạn bè tốt nhất, chẳng mấy chốc cũng buồn chán và thấy uổng phí. Tôi thích sống một mình. Tôi chưa bao giờ thấy một tình bạn nào dễ thân thiết như nỗi cô đơn. Phần lớn chúng ta khi đi ra ngoài cảm thấy cô đơn hơn khi chúng ta ở trong buồng của mình. Một con người suy tư hay làm việc luôn luôn cô đơn, cứ để anh ta ở nơi nào anh ta muốn. Nỗi cô đơn không thể đo bằng những dặm dài xen giữa con người và đồng loại. Người sinh viên cần cù trong một đàn ong chen chúc trong Trường Đại học Cambridge cô đơn như một thầy tu Hồi giáo trên sa mạc. Người nông dân có thể làm việc một mình cả ngày trên đồng ruộng hay trong rừng, cuốc cỏ hay đẵn cây, và

không cảm thấy cô đơn, bởi vì anh ta đang bận việc; nhưng khi tối đến về nhà, anh ta không thể ngồi trong phòng một mình, buông mình theo những ý nghĩ của anh ta, mà phải ở đâu đó nơi anh ta có thể "trông thấy mọi người", tiêu khiển, và như anh ta nghĩ, được đền bù cho nỗi cô đơn của anh ta trong ngày; và như thế anh ta tự hỏi làm sao người sinh viên kia có thể ngồi trong nhà một mình suốt đêm và gần như cả ngày mà không thấy buồn chán; nhưng anh ta không nhận ra rằng, dù ở trong nhà, và vẫn còn làm việc trên cánh đồng của cậu ta, và đẵn những cây của cậu ta, như người nông phu trên đồng của mình, thì đến lượt mình cậu sinh viên cũng tìm thấy cùng sự tiêu khiển và bầu bạn như người nông phu, cho dù nó có thể là một dạng tiêu khiển nhiều ý nghĩa hơn.

Hội họp bạn bè nói chung thường là quá nhàm. Chúng ta gặp nhau vào những quãng cách rất ngắn, không có thời gian để có được bất kì giá trị gì mới cho nhau. Chúng ta gặp nhau vào những bữa ăn ba lần một ngày, và cho nhau thưởng thức thứ pho mát cũ rích mốc meo là chính chúng ta. Chúng ta đã phải nhất trí về một số bộ quy tắc, gọi là phép tắc xã giao và phép lịch sự, để làm cho những cuộc gặp gỡ quá dày này có thể chịu đựng được, và để chúng ta không phải đi đến chiến tranh công khai. Chúng ta gặp gỡ trong nhà bưu điện, trong những buổi liên hoan, và bên lò sưởi mỗi buổi tối. Chúng ta sống chật chội và theo lối sống của nhau, vấp vào nhau, và tôi nghĩ như vậy chúng ta mất đi một chút lòng kính trọng nhau. Chắc chắn là tất cả những cuộc tâm tình quan trọng và thật lòng cần thưa thớt hơn. Hãy xem các cô gái trong một xưởng máy - không bao giờ đơn độc, hầu như không bao giờ cả trong những giấc mơ của

các cô. Sẽ tốt hơn nếu trong một dặm vuông, nơi tôi sống, chỉ có một cư dân. Giá trị của một con người không phải ở da của anh ta mà chúng ta có thể chạm vào.

Tôi có nghe nói về một người bị lạc trong rừng và chết vì đói và kiệt sức dưới một gốc cấy, sự cô đơn của anh ta được nhẹ bớt bởi những hình bóng yêu ma quái dị vây bọc xung quanh anh ta, do thân thể yếu đuối mà trí tưởng tượng hoảng loạn của anh ta tạo nên, mà anh ta tin là thật. Bởi vậy, cũng chính do thân thể và tinh thần lành mạnh và tráng kiện, chúng ta có thể vui thú liên miên với một bầu bạn giống như thế nhưng bình thường và tự nhiên hơn; và đi đến chỗ hiểu rằng chúng ta không bao giờ cô độc.

Tôi không bao giờ cảm thấy cô độc trong nhà tôi; đặc biệt vào buổi sáng, khi không có ai đến thăm. Tôi xin đưa ra một vài so sánh, để mọi người có một ý niệm về tình cảnh của tôi. Tôi không cô đơn hơn con chim lặn *gavia* trong đầm có tiếng cười rất to, hoặc không cô đơn hơn bản thân đầm Walden. Thử hỏi cái đầm cô độc ấy liệu có bầu bạn gì? Thế nhưng nó không có những con quỷ màu xanh [260], mà có những thiên thần màu xanh trong đó, trong sắc xanh da trời của nước.

Mặt trời thì cô độc, trừ phi bầu trời mù mây, những lúc đó đôi khi xuất hiện hai mặt trời, nhưng cái thứ hai chỉ là hình mặt trời giả [261]. Thượng Đế cũng cô đơn, - nhưng quỷ, hắn còn lâu mới cô đơn; hắn thấy hắn có rất nhiều bầu bạn, quỷ là cả một lũ. Tôi không cô độc hơn một cây *mullein* [262] hoặc một cây bồ công anh đứng lẻ loi trong một đồng cỏ, hay một lá đậu, hay một con ruồi trâu, hay một con ong nghệ. Tôi không cô độc hơn chiếc cối xay bên dòng suối, hay một cái chong chóng chỉ hướng gió, hay

ngôi sao bắc đẩu, hay cơn gió nam, hay một trận mưa rào tháng Tư, hay đợt tan băng tháng Giêng, hay con nhện đầu tiên trong một ngôi nhà mới.

Tôi thỉnh thoảng có những cuộc thăm viếng vào những buổi tối mùa đông dài, khi tuyết rơi dày đặc và gió gào thét trong rừng, của một người đã ở đây từ lâu và là chủ sở hữu đầu tiên [263], theo người ta kể là người đã đào Đầm Walden, và lát đá nó, và trồng thông bao quanh nó; ông kể với tôi những câu chuyện về thời xưa và về cái vĩnh hằng mới mẻ; và chúng tôi đã có một buổi tối thật thân mật vui vẻ, với những câu chuyện cười đùa và những cách nhìn rất thoáng về mọi vật, cho dù không có táo hay rượu táo, - một người bạn hết sức thông minh và hài hước, mà tôi rất quý mến, ông đã ẩn mình kín hơn cả Goffe hay Whalley [264] ; và mặc dù người ta nghĩ ông đã chết rồi, không có ai chỉ ra được nơi ông được chôn cất. Có cả một quý bà lớn tuổi sống trong khu của tôi, không mấy ai trông thấy; đôi khi tôi thích đi dạo trong vươn cây thuốc thơm ngát của bà, nhặt những lá thuốc và nghe bà kể những chuyện ngụ ngôn của bà; vì bà có tài bịa chuyện không ai sánh bằng, và trí nhớ của bà lùi về xa hơn các huyền thuyết, bà có thể kể cho tôi nguồn gốc của mọi câu chuyện hoang đường, như tất cả mọi người sinh ra từ đâu, và những sự kiện xảy ra khi bà còn trẻ. Một bà già hồng hào mạnh khoẻ đầy sức sống, hân hoan trong mọi thời tiết và mọi mùa, và có vẻ như sẽ còn sống lâu hơn tất cả các con cháu của bà.

Cái thơ ngây và hiền lành của Thiên nhiên, của nắng và gió và mưa, của mùa đông và mùa hè, lành mạnh như thế, vui tươi như thế, chúng mãi mãi luôn có! Và chúng có sự đồng cảm như thế với loài người chúng ta, rằng toàn bộ Thiên nhiên có thể xúc

động, và ánh chói chang của Mặt Trời mờ đi, và gió thở than với người, và những đám mây mưa xuống những giọt nước mắt, và rừng cây trút lá mặc áo tang vào giữa mùa hè, nếu có bất kì người nào khổ đau vì một lí do chính đáng. Chẳng lẽ tôi không cảm thấy có họ hàng thân thuộc với đất sao? Tôi, bản thân chẳng phải phần nào là những lá cây và lớp mùn do lá tạo nên sao?

Thứ thuốc nào giúp chúng ta giữ cho mình thoải mái, thanh thản, hài lòng? Đó là rau cỏ, thảo mộc thuốc Thiên nhiên vạn năng không phải của các cụ ông, mà của các cụ bà của tôi hay của anh, nhờ đó các cụ bà đã giữ cho mình mãi mãi trẻ trung, sống lâu hơn nhiều ông Parr [265] trong thời của bà, và bồi bổ cho sức khỏe của mình bằng chất màu mỡ đang lụi tàn của chúng. Để làm thần dược chữa bách bệnh cho tôi, thay vì một lọ nhỏ thứ hỗn hợp thuốc nước lang băm múc lên từ Sông Acheron [266] và Biển Chết, được chở trên những chiếc xe ngựa đen có mui, hãy cho tôi một ngụm khí trời chưa loãng buổi sáng. Ôi, khí trời ban sớm! Nếu người ta không uống nó ngay tại ngọn nguồn của ngày, thì chúng ta đành phải đóng chai và bán nó trong các cửa hàng, cho những kẻ đã đánh mất phiếu đặt hàng thời gian buổi sáng tuyệt vời. Nhưng hãy nhớ, nó sẽ không giữ được nguyên vẹn đến trưa ngay cả trong những hầm rượu lạnh nhất, mà sẽ bật nút trước đó từ lâu, và bay về phương tây theo chân thần Aurora. Tôi không phải người thờ thần Hygeia [267], nàng là con gái của thầy lang Aesculapius, và được thể hiện trên những biểu tượng một tay giữ một con rắn, và tay kia cầm một chiếc cốc mà lâu lâu con rắn lại uống trong đó; nhưng tôi thờ Hebe, người cầm cốc cho Jupiter, nàng là con gái của Juno

và một cây diếp dại, và nàng có phép phục hồi sinh lực cho thần và người, lấy lại sự tráng kiện của tuổi trẻ. Có lẽ nàng là người đàn bà trẻ duy nhất hoàn toàn lành mạnh, khỏe khoắn và dồi dào sức lực từng bước đi trên trái đất, và nơi nào nàng đến nơi đó là mùa xuân.

Chương 6

Các vị khách của tôi

Tôi nghĩ tôi là người thích giao du nhất đời, và tôi sẵn sàng bám dai như đỉa vào bất cứ người đàn ông cường tráng nào tôi gặp trên đường đời. Đương nhiên tôi không phải là một người ở ẩn, nhưng có thể ngồi lâu hơn kẻ ngồi dai nhất trong số những người hay lui tới quán rượu, nếu công việc làm ăn của tôi cần tôi tới đó.

Tôi có ba chiếc ghế trong nhà; một cho nỗi cô đơn, hai cho tình bạn, ba cho giao du. Khi các vị khách đến với số lượng nhiều hơn và không được chờ đợi, chỉ có ba chiếc ghế cho tất cả bọn họ, nhưng thông thường họ tiết kiệm chỗ bằng cách đứng. Thật đáng ngạc nhiên vì căn nhà bé tí mà chứa được bao nhiêu đàn ông đàn bà to lớn. Tôi từng có đến hai mươi lăm ba mươi linh hồn, với cả thể xác của họ, cùng một lúc dưới mái nhà của tôi, ấy thế mà chia tay nhau chúng tôi không nhận ra chúng tôi đã đến rất gần nhau. Nhiều nhà của chúng ta, cả nhà công lẫn nhà tư, với hầu như vô số buồng của chúng, những sảnh rộng thênh thang và những buồng trữ rượu và những thứ "đạn dược hoà bình" khác, đối với tôi chúng có vẻ rộng một cách quái gở cho những kẻ cư ngụ. Chúng rộng lớn và tráng lệ đến nỗi những kẻ cư ngụ kia dường như chỉ là lũ sâu mọt đục khoét chúng. Tôi ngạc nhiên khi thấy người đưa tin thổi tù và vang vang trước những khách sạn Tremont hay Astor hay Middlesex House [268]

để cho một con chuột nhắt vớ vẩn [269] bò ra ngoài hiên rồi lại chui ngay xuống cống.

Trong một ngôi nhà quá chật như thế, đôi khi gặp bất tiện là khó có đủ khoảng cách với vị khách khi chúng tôi bắt đầu tuôn ra những tư tưởng lớn bằng những lời lẽ to tát. Tư tưởng cần có chỗ để lấy đà đầy khí thế, rồi lao phăng phăng vài đoạn trước khi đến đích. Viên đạn của tư tưởng bạn bắn ra phải thắng được sức đẩy ngang và không bị bật nảy trở lại, rồi đi hết hành trình cuối cùng và vững vàng của nó trước khi đến được tai người nghe, nếu không nó có thể chệch qua thái dương anh ta. Những câu nói của bạn cũng vậy, chúng cần có chỗ để triển khai và xếp thành hàng dọc trong khoảng thời gian đó. Các cá nhân, giống như những dân tộc, phải có những đường biên giới tự nhiên đủ rộng, thậm chí một dải đất trung gian đáng kể giữa chúng. Tôi đã thấy vô cùng thích thú khi đứng bên này đầm nói chuyện với một người đứng bên kia đầm. Trong nhà tôi chúng tôi gần nhau đến mức lúc đầu không thể lắng nghe nhau, tôi không thể nói nhỏ đến mức có thể nghe được; như khi bạn ném hai hòn đá xuống nước thật gần nhau, thì những gợn sóng của chúng phá vỡ nhau. Nếu chúng ta chỉ lo nói cho thật nhiều và thật to, thì cứ việc đứng thật sát nhau, cằm người nọ chạm má người kia, có thể cảm thấy hơi thở của nhau; nhưng nếu nói một cách dè dặt và thâm trầm, thì chúng ta muốn xa nhau ra một chút, và mọi hơi nóng và hơi ẩm của cơ thể có cơ hội để thoát ra ngoài. Nếu muốn có được sự giao tiếp thân mật nhất với cái phần ở bên ngoài hoặc bên trên mỗi chúng ta, chúng ta không những cần phải im lặng, mà thông thường thân thể phải xa nhau đến mức chúng ta không thể nghe thấy tiếng nói của nhau trong bất cứ

trường hợp nào. Theo nguyên tắc này thì bài diễn thuyết chỉ cần cho những người có khó khăn trong việc nghe; nhưng có những điều tinh tế chúng ta không thể nói nếu cứ phải hét lên. Khi cuộc nói chuyện đã bắt đầu to tiếng và gay gắt, chúng ta dần dần đẩy ghế ra xa nhau hơn, cho đến khi kịch tường, và khi đó thì thường không đủ chỗ nữa.

Chỗ tốt nhất của tôi, chỗ rút lui [270], luôn sẵn sàng khi có hội họp bạn bè, tấm thảm của nó mặt trời hiếm khi soi tới, đó là rừng thông đằng sau nhà tôi. Trong những ngày hè, khi có khách quý tới, tôi đưa họ đến đó, và một người hầu tuyệt vời đã quét sàn và phủi bụi đồ đạc và giữ cho mọi thứ ngăn nắp.

Nếu đôi khi có vị khách nào đến và cùng ăn bữa ăn đạm bạc với tôi, thì việc khuấy nồi cháo ngô và sữa, hay việc trông coi ổ bánh mì đang phồng lên và chín dần trên những lớp than hồng không làm gián đoạn cuộc trò chuyện đang sôi nổi lúc đó. Nhưng nếu hai chục người cùng đến và ngồi trong nhà tôi thì chẳng nói gì đến ăn uống, mặc dù có đủ bánh mì cho hai người, nhiều hơn nếu người ta quen ăn uống chểnh mảng; nhưng chúng tôi vốn đều thực hành ăn kiêng; và việc này không bao giờ bị coi là vi phạm tinh thần hiếu khách, mà là cách xử sự đúng đắn và thận trọng. Sự phung phí và làm suy nhược sức lực thể chất, vốn luôn cần được phục hồi, trong trường hợp này dường như được làm chậm lại một cách kì diệu, và sức sống cường tráng được duy trì. Như thế tôi có thể tiếp đãi một nghìn người cũng như hai mươi người; và nếu có người nào thất vọng hay đói đi ra khỏi nhà tôi khi họ thấy tôi ở nhà, họ có thể tin rằng ít nhất tôi thông cảm với họ. Dù có nhiều người quản gia không tin điều này, nhưng tạo ra những phong tục mới và tốt

hơn để thay thế cho những phong tục cũ rất dễ dàng. Bạn không cần phải giữ gìn danh tiếng của mình bằng những bữa ăn mà bạn thết đãi. Về phần tôi, không có loại chó Cerberus [271] nào có thể ngăn trở tôi thường xuyên đến nhà một người, hơn là một bữa tiệc thịnh soạn người ta bày ra để định tiếp đãi tôi, tại đó tôi sẽ nói thật quanh co và lễ phép để nhẹ nhàng tỏ ý rằng tôi sẽ không bao giờ làm phiền ông ta như thế này nữa. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ gặp lại những cảnh này. Tôi có thể tự hào lấy làm châm ngôn cho ngôi nhà của mình những dòng thơ của Spenser mà một trong các vị khách của tôi viết lên một lá hồ đào vàng làm thiếp.

Đã đến đây, tràn ngập căn nhà nhỏ bé này
họ đâu cần tiếp đãi. Đối với họ
bữa tiệc thịnh soạn nhất là tự do và thư thái
Những tâm hồn cao quý nhất không cần gì hơn.

Khi Winslow, sau này là thống đốc Plymouth Colony, cùng với đoàn tùy tùng đến thăm xã giao Massassoit [272] đi bộ qua rừng. Đến nơi, vừa mệt vừa đói, họ được thủ lĩnh đón tiếp, nhưng trong ngày hôm ấy không nói gì đến chuyện ăn uống cả. Đêm đến, theo lời của chính họ, "ông ta đặt chúng tôi ngủ trên giường cùng với ông ta và vợ của ông ta, họ nằm một đầu chúng tôi một đầu, giường chỉ là một tấm phản kê cao cách mặt đất một foot, bên trên trải một chiếc chiếu mỏng. Thêm hai người nữa, người thân của thủ lĩnh, cần chỗ ngủ, họ ép chúng tôi từ hai bên và từ trên, đến nỗi chúng tôi ngủ nghê mà còn khổ hơn đi bộ". Một giờ sáng hôm sau Massassoit "mang đến hai con cá ông ta vừa bắn được", to cỡ khoảng ba con cá tráp, "chúng được

luộc lên, có ít nhất bốn mươi người chờ chia phần. Đây là bữa ăn duy nhất chúng tôi có trong hai đêm một ngày; trong chúng tôi không có ai mang theo một con gà gô, thế là chúng tôi chịu đói cả cuộc hành trình". Sợ rằng có thể có những hành động thiếu suy nghĩ vì thiếu ăn cũng như thiếu ngủ "do tiếng hát hoang dã của những người man rợ (vì họ dùng nó để tự ru ngủ)", và để có thể về nhà trong khi còn đủ sức để đi, họ ra về. Về chỗ ngủ, thì đúng là họ bị đối đãi tệ thật, mặc dù những cái mà họ thấy là bất tiện thì chắc chắn đó là ý định tỏ lòng tôn kính họ, nhưng về chuyện ăn uống, tôi không thấy người Anhđiêng có thể làm gì cho tốt hơn. Bản thân họ không có gì để ăn, và họ khôn ngoan không nghĩ rằng những lời xin lỗi có thể thay cho thức ăn mời các vị khách; nên các vị khách cứ việc siết thắt lưng cho chặt hơn và đừng nói gì cả. Lần khác Winslow đến thăm họ, vào lúc mùa màng sung túc, thì sẽ không có thiếu sót gì trong việc tiếp đãi.

Còn con người, họ khó bất cứ nơi nào. Khi sống trong rừng, tôi có nhiều khách hơn bất kì thời gian nào khác trong đời tôi. Tôi gặp ở đó nhiều người trong những điều kiện thuận lợi hơn tôi có thể gặp ở bất kì nơi nào khác. Nhưng số người đến tìm tôi vì những chuyện tầm thường thì ít hơn. Trong khía cạnh này, bạn bè của tôi được sàng lọc đơn thuần chỉ do tôi sống cách xa thành phố. Tôi đã rút lui thật sâu vào bên trong đại dương xanh của nỗi cô đơn, những dòng sông bè bạn chảy vào đó, phần lớn đối với những nhu cầu của tôi chỉ những hạt phù sa tinh túy nhất mới lắng lại quanh tôi. Ngoài ra, tôi thấy phảng phất có những dấu hiệu về những lục địa bỏ hoang chưa được khai phá ở bờ bên kia.

Sáng nay ai có thể đến tệ xá của tôi ngoài một nhân vật của Homer [273] hay là Paphlagonia [274], - anh có một cái tên rất thơ và phù hợp mà tôi tiếc là không thể nêu ra ở đây, một người thợ rừng và thợ chôn cột điện người Canada, anh có thể đào lỗ chôn năm mươi chiếc cột trong một ngày, anh làm bữa ăn chiều với một con chuột chũi [275] mà con chó của anh bắt được. Cả anh nữa, cũng đã nghe nói về Homer, và, "nếu không đọc sách, thì những ngày mưa chẳng biết làm gì" mặc dù có lẽ qua suốt nhiều mùa mưa anh chưa đọc hết một cuốn. Một ông linh mục nào đó biết đọc tiếng Hi Lạp đã dạy anh đọc những đoạn trong bản kinh thánh ở giáo khu của ông ở cách xa đây, và bây giờ tôi phải dịch cho anh, trong khi anh cầm quyển sách, Những lời Achilles trách Patroclus về vẻ mặt buồn bã của chàng.

"Patroclus, tại sao anh khóc lóc, như một đứa con gái thế?

Hay chỉ có mình anh đã nghe những tin tức từ Phthia?

Họ nói rằng Menoetius con của Actor vẫn còn sống,

Và Peleus con của Aeacus vẫn sống giữa những người Myrmidon,

Ai trong số đó chết, chúng ta cũng vô cùng đau đớn" [276].

Anh nói, "hay đấy". Anh mang dưới nách một bó to vỏ cây sồi trắng mà anh lượm sáng Chủ nhật đến cho một người ốm. "Tôi nghĩ theo đuổi một việc như thế hôm nay chẳng có hại gì", anh nói. Đối với anh, Homer là một nhà văn vĩ đại, mặc dù tác phẩm của ông nói về cái gì thì anh không biết. Khó mà kiếm được một người đơn giản và chất phác hơn. Xấu xa và hủ bại đã phủ một màu ảm đạm lên thế giới, dường như không hề tồn tại đối với anh. Anh khoảng hai mươi tám tuổi, và đã xa Canada và ngôi nhà của cha anh từ hơn chục năm trước để đến Mĩ làm

việc, và cuối cùng kiếm tiền để mua một nông trại, có lẽ ở quê hương anh. Anh được đúc ra từ một cái khuôn thô nhất; một thân hình vạm vỡ nhưng chậm chạp, tuy nhiên cử chỉ duyên dáng, với cái cổ mập rám nắng, mái tóc đen rậm rạp, đôi mắt xanh lờ đờ như ngái ngủ, lâu lâu lại sáng lên đầy biểu cảm. Anh đội chiếc mũ lưỡi trai màu xám nhạt, mặc chiếc áo choàng màu len xám xịt, đi đôi ủng da bò. Anh là người ăn rất nhiều thịt, thường mang bữa ăn đến chỗ làm, cách nhà tôi vài dặm, vì anh đẵn cây suốt mùa hè, trong một chiếc xô bằng sắt tây; thịt lạnh, thường là thịt chuột chũi ướp lạnh, và cà phê trong một chiếc chai bằng đá buộc bằng một sợi dây đu đưa bên thắt lưng anh; và đôi khi anh mời tôi uống. Anh đi sớm, băng qua ruộng đậu của tôi, mặc dù không lo lắng hay hối hả đến chỗ làm như những người Mĩ. Anh không quan tâm nếu anh chỉ kiếm đủ tiền cơm tháng. Khi con chó của anh săn được một con chuột chũi, anh thường cất bữa ăn trong các bụi cây nhỏ, rồi quay lại một dặm rưỡi để làm thịt con chuột và để nó lại trong hầm rượu của nhà trọ, vì lúc đầu anh cân nhắc thấy để nó ở đó đến tận đêm thì không an toàn, anh thích nghiền ngẫm lâu những chủ đề như thế. Có buổi sáng đi qua nhà tôi anh bảo, "Những con chim cu béo ghê. Nếu hằng ngày tôi không phải đi làm, tôi có thể đi săn để kiếm đủ thịt dùng - chim cu, chuột chũi, thỏ, gà gô - chà chà! Trong một ngày tôi có thể kiếm đủ thịt ăn trong một tuần".

Anh là một thợ đốn cây lành nghề, và thích phô diễn nghệ thuật của mình. Anh đốn cây bằng phẳng và sát gốc, và những chồi mới nảy lên sau đó có sức sống mạnh mẽ đến nỗi những xe trượt tuyết có thể trượt lên qua chúng; và thay vì để nguyên cả

cây để bó thành bó, anh thường đẽo nó thành một chiếc cọc mảnh hơn để cuối cùng có thể bẻ nó bằng tay.

Tôi quan tâm đến anh vì anh rất lặng lẽ và cô độc nhưng đồng thời lại rất hạnh phúc, vẻ hài hước và hài lòng tràn ngập trong mắt anh. Tính vui nhộn của anh không bao giờ suy giảm. Đôi khi tôi thấy anh làm việc trong rừng, đẵn cây, và anh đón tôi bằng một tiếng cười thích thú khôn tả, và một câu chào bằng tiếng Pháp giọng Canada, mặc dù anh cũng nói tiếng Anh. Khi tôi đến gần anh, anh tạm ngừng công việc và nén tiếng cười vui nhộn lại giữa chừng, nằm ngả người trên một thân cây thông anh mới hạ, và, bóc lớp vỏ bên trong, anh quấn thành một viên bi rồi nhai nó trong khi chúng tôi cười và trò chuyện. Cái sức sống tràn trề ấy đôi khi khiến anh bò lăn ra trên mặt đất vì cười bất cứ chuyện gì làm cho anh thấy buồn cười. Nhìn quanh một lượt các cây cối, anh thốt lên "Nói thật chứ, đẵn cây ở đây tôi đã thích lắm rồi, chẳng cần trò vui gì khác". Đôi khi trong lúc rảnh rỗi anh tiêu khiển trong rừng cả ngày với một khẩu súng ngắn, bắn súng chào bản thân mình từng quãng đều đặn khi anh bước đi. Vào mùa đông anh đốt một đống lửa, lúc giữa trưa anh hâm lại cà phê trong một cái ấm, rồi khi anh ngồi trên một thân cây ăn bữa trưa lũ chim sẻ ngô (*chickadees*) bay đến xung quanh, đậu xuống vai anh và mổ khoai tây trong tay anh; và anh nói anh "thích lũ thợ rừng tí hon này" xung quanh anh.

Trong anh con người sống động đang phát triển, về sức chịu đựng dẻo dai của thể chất và sự hài lòng, anh là họ hàng với thông và đá. Có lần tôi hỏi anh đôi khi có thấy mỏi mệt về ban đêm không sau khi làm việc cả ngày, anh đã trả lời một cách chân thành và nghiêm túc, "Có Chúa biết, trong đời tôi chưa bao

giờ tôi biết mỏi mệt là gì". Nhưng về phương diện trí tuệ cái gọi là con người tâm linh trong anh đã ngủ yên ngay khi còn là đứa trẻ. Anh chỉ được dạy theo cách ngây thơ à vô hiệu trong đó các cha cố Công giáo dạy những người bản địa, lối dạy mà người học không bao giờ được dạy đến trình độ tỉnh giấc, mà chỉ đế trình độ đức tin và sự sùng kính, và đứa trẻ sẽ không trưởng thành mà mãi chỉ là đứa trẻ. Khi Tạo hóa tạo ra anh, nó đã ban cho anh một thân thể mạnh mẽ và mãn nguyện làm số phận của anh, và đỡ cho anh từ mọi phía bằng lòng tôn kính và nhờ cậy, đến nỗi anh có thể sống đến tuổi bảy mươi mà vẫn như một đứa trẻ. Anh ngây thơ chân chất đến mức chẳng biết lấy gì để giới thiệu anh, hơn là bạn giới thiệu con chuột chũi cho người hàng xóm của bạn. Khi bạn làm thế anh hoàn toàn đứng ngoài. Anh sẽ không tham dự gì hết. Người ta trả công cho việc anh làm, và như thế giúp anh có cơm ăn áo mặc; nhưng anh không bao giờ trao đổi ý kiến với họ. Anh nhún nhường một cách đơn giản và tự nhiên - nếu có thể gọi người không có tham vọng gì cả là nhún nhường - tính nhún nhường ấy chẳng phải là một phẩm chất nổi bật ở anh, mà anh cũng chẳng để ý đến nó. Những người khôn ngoan là những á thần đối với anh. Nếu bạn nói với anh ấy rằng có một người như thế đang đến, như thể anh nghĩ rằng một người vĩ đại như thế chẳng mong đợi gì ở anh, mà giữ tất cả mọi trách nhiệm ở bản thân người đó, và để cho anh vẫn bị quên lãng. Anh chưa bao giờ nghe thấy một lời khen. Anh đặc biệt tôn sùng các nhà văn và cha cố. Hành trang của họ là những phép lạ. Khi tôi bảo anh rằng tôi viết khá nhiều, thì anh nghĩ một hồi lâu rằng chắc tôi nói đến việc cầm bút viết bằng tay, vì anh viết chữ cũng rất đẹp. Đôi khi tôi thấy tên của giáo xứ

quê anh được viết rất đẹp trên tuyết bên cạnh đường cái bằng những kí tự tiếng Pháp, và tôi biết rằng anh mới đi qua. Tôi hỏi anh có khi nào muốn viết những ý nghĩ của anh ra không, anh nói anh đã đọc và viết hộ thư cho những người không thể, nhưng anh chưa bao giờ thử những ý nghĩ ra – không, anh không thể, anh không biết phải nói cái gì trước, đồng thời còn phải nhọc lòng với chuyện đánh vần nữa!

Tôi nghe nói có một nhà thông thái kiệt xuất và là nhà cải cách đã hỏi anh có muốn thế giới này thay đổi không; nhưng anh trả lời với cái chặc lưỡi ngạc nhiên theo giọng Canada, không biết sao người ta có thể nuôi dưỡng một câu hỏi như thế, "Không, tôi thấy nó quá đẹp rồi". Điều này có thể gợi ý cho một nhà triết học [277] để mà nghiền ngẫm. Đối với một người lạ anh tỏ ra không biết gì về những sự vật tổng quát, nhưng đôi khi tôi thấy trong anh một con người mà trước đây tôi chưa bao giờ thấy, và tôi nghĩ không biết anh là một người thông thái như Shakespeare hay ngốc nghếch như một đứa trẻ, và nên coi là anh có ý thức thơ mộng tuyệt vời hay là ngớ ngẩn. Một người dân thành phố kể với tôi rằng khi ông ta gặp anh đi thơ thẩn trong làng đầu đội chiếc mũ lưỡi trai chật, vừa đi vừa huýt sáo, anh gợi ông ta nhớ đến một hoàng tử cải trang.

Anh chỉ có hai quyển sách là quyển niên giám và quyển số học, về số học anh là một chuyên gia đáng nể. Cuốn niên giám là một loại bách khoa toàn thư đối với anh, mà anh cho rằng nó chứa toàn những điều khó hiểu trong kiến thức của loài người, vì thực tế nó đúng là như thế trong một phạm vi lớn. Tôi thích kể với anh về nhiều cải cách của thời nay, và anh không bao giờ thôi nhìn nó dưới một ánh sáng đơn giản và thực tế nhất. Trước

đây anh chưa bao giờ nghe thấy những chuyện ấy. Anh có thể sống không có các nhà máy không? Tôi hỏi. Anh nói anh đã mặc vải thô dệt ở nhà, và nó rất tốt. Anh có thể không cần trà và cà phê? Vùng quê này có cần bia rượu ngoài nước lã hay không? Anh đã ngâm lá cây thiết sam vào nước và uống, và nghĩ nó tốt hơn nước lã khi thời tiết ấm. Khi tôi hỏi anh có thể sống mà không cần tiền không, anh chỉ ra những tiện lợi của tiền theo cách gợi ra và trùng với những mô tả có tính triết lí nhất về nguồn gốc của phương tiện này, chính là gốc của từ *pecunia* [278] - tiền. Nếu con bò là tài sản của anh, và anh muốn có kim chỉ ở cửa hàng, anh nghĩ cứ mỗi lần lại đi thế chấp một phần của con vật này để có khoản đó thì bất tiện quá và không thể được. Anh có thể biện hộ cho nhiều phương tiện tốt hơn bất kì nhà triết học nào, bởi vì, trong việc mô tả chúng khi chúng khiến anh quan tâm, anh đưa ra những lí do thực cho sự ưu thắng của chúng, và suy luận đã không gợi ý cho anh những phương tiện khác. Một lần khác, nghe định nghĩa của Plato về con người - một động vật hai chân không có lông vũ - anh đưa ra con gà trống trụi lông và bảo đấy là con người của Plato, và anh nhận xét một khác biệt quan trọng: đầu gối con gà gập theo hướng khác. Đôi khi anh thốt lên, "Tôi thích nói chuyện quá chừng! Trời ơi, tôi có thể nói cả ngày!". Có lần tôi hỏi anh, khi nhiều tháng tôi không trông thấy anh, mùa hè này anh có ý tưởng nào mới không. "Trời ơi", anh nói "một người phải làm việc như tôi đây, nếu không quên đi những ý tưởng mà hắn có, thì hắn sẽ làm tốt. Có thể cái người cùng anh cuốc cỏ muốn làm thật nhanh; vậy thì, trời ạ, trí óc anh phải ở đó; anh phải nghĩ về cỏ". Đôi khi trong những dịp như thế anh hỏi tôi trước, rằng tôi có gì

mới không. Một ngày mùa đông tôi hỏi anh có phải anh luôn luôn thoả mãn với bản thân, như để thay thế cho người cha cố vắng mặt tôi muốn thức tỉnh trong anh một động lực tinh thần. "Thoả mãn chứ!" anh nói; "một số người thoả mãn với điều này, số khác với điều khác. Một con người, nếu hắn đã có đủ, có lẽ sẽ thoả mãn với việc ngồi cả ngày quay lưng vào bếp lửa quay bụng ra bàn, thật thế!". Tuy nhiên tôi chưa bao giờ, dù cách nào đi nữa, có thể làm cho anh có cái nhìn thiêng liêng về mọi vật, cái nhìn cao nhất mà anh có vẻ thừa nhận là tính thiết thực đơn giản, như bạn có thể mong một con vật thể hiện sự cảm kích, và điều này, trong thực tế, là đúng với hầu hết con người. Nếu tôi gợi ý một sự cải thiện nào đó trong cách sống của anh, anh chỉ trả lời mà không tỏ ra hối tiếc, rằng quá muộn rồi. Tuy nhiên anh tin tưởng sâu sắc vào tính lương thiện và những phẩm hạnh tương tự.

Có thể phát hiện trong anh một tính độc đáo thật sự, cho dù nó mong manh thế nào, và thỉnh thoảng tôi quan sát thấy anh đang suy nghĩ cho bản thân và bộc lộ ý kiến riêng của anh, một hiện tượng hiếm hoi đến nỗi bất kì ngày nào tôi cũng có thể cuốc bộ mười dặm để quan sát nó, và nó chung quy chỉ là suy tư về nguồn gốc của nhiều định chế xã hội. Mặc dù anh do dự, và có lẽ không biết thể hiện bản thân một cách rõ ràng, anh luôn có một ý tưởng phía sau có thể phô bày. Tuy vậy suy nghĩ của anh đơn giản và chìm ngập trong đời sống bản năng của anh, dù nhiều hứa hẹn hơn tư duy của một người chỉ dựa vào học thức, nó hiếm khi chín đến độ có thể nói ra. Anh gợi cho tôi nghĩ rằng có thể có những con người thiên tài trong các tầng lớp thấp nhất của cuộc sống, dù họ mãi mãi tầm thường và thất học, họ

là những người luôn dựa vào ý kiến của chính mình, mà không giả vờ nhìn gì cả; họ sâu không đáy như người ta nghĩ về đầm Walden, dù trông họ tối tăm và mờ mịt.

Nhiều lần một khách bộ hành qua đường rẽ vào nhìn tôi và xem bên trong ngôi nhà của tôi, với cái cớ là vào xin một cốc nước. Tôi bảo họ rằng tôi uống nước ở đầm, và chỉ họ ra đó, cho họ mượn một cái gầu. Sống xa lánh như tôi mà cũng không tránh được cuộc thăm viếng hằng năm, vào khoảng mồng Một tháng Tư, khi mọi người đều đi, và tôi cũng có phần may mắn của mình trong đó, dù trong số các vị khách của tôi có những kiểu người tò mò tọc mạch. Những kẻ dở khôn dở dại [279] từ trại tế bần và những nơi khác đến thăm tôi, nhưng tôi cố gắng làm cho họ trổ hết sự lanh trí mà họ có, và làm cho họ thú nhận với tôi; trong những trường hợp ấy tôi lấy sự hóm hỉnh làm chủ đề cho cuộc nói chuyện của chúng tôi; và đạt được kết quả. Quả thật tôi thấy một số trong bọn họ thông minh hơn những người được gọi là những giám thị của những người tội nghiệp này, và những người ủy viên hội đồng thành phố, mặc dù đã đến lúc họ giành lại ưu thế. Với sự tôn trọng trí thông minh, tôi biết rằng giữa nửa và cả [280] có rất ít khác biệt. Đặc biệt có một hôm, một người cùng khổ chất phác và vô hại, mà tôi thường thấy cùng với những người khác được sử dụng như vật làm hàng rào, đứng hoặc ngồi trên một cái nia trên những cánh đồng để giữ cho bò ngựa vả bản thân anh ta khỏi đi lạc, đến thăm tôi, và bày tỏ mong ước được sống như tôi đang sống. Anh ta bảo tôi rằng với sự đơn giản cùng cực và tính chân thật, hoàn toàn cao hơn, hay đúng ra là thấp hơn, bất cứ cái gì có thể gọi là hèn mọn, anh ta là "thiểu năng trí tuệ". Đấy là lời của anh ta. Chúa đã tạo nên anh

ta như thế, và anh ta cho rằng Chúa cũng chăm lo cho anh như những người khác. "Tôi lúc nào cũng như thế này", anh ta nói, "từ lúc còn bé; tôi chưa bao giờ có nhiều trí khôn, tôi không giống những đứa trẻ khác; tôi yếu trong đầu. Đó là ý Chúa, tôi nghĩ thế". Và đấy anh ta đang chứng minh sự thật trong những lời nói của anh. Anh ta là một câu đố siêu hình đối với tôi. Tôi hiếm khi gặp một người đàn ông trên một nền tảng hứa hẹn như thế, những điều anh ta nói thật đơn giản và chân thành, và thật. Và quả đúng vậy, anh ta càng tự mình tỏ ra khiêm nhường bao nhiêu thì lại càng cao quý bấy nhiêu [281]. Lúc đầu tôi không biết đó chỉ là kết quả của một sách lược khôn ngoan. Dường như xuất phát từ một căn bản chân thật và thẳng thắn như thế do con người cùng khổ kém thông minh kia đặt ra, cuộc giao du của chúng tôi đi tới một cái gì tốt hơn cuộc giao du của những người thông thái.

Tôi có một số khách thông thường không liệt vào trong số những người nghèo của thành phố, nhưng đáng lẽ phải liệt họ vào đó; họ là những người nghèo của thế giới, ở mọi mức độ; những vị khách không xuất hiện trước lòng hiếu khách của bạn, mà trước lòng từ thiện [282] của bạn; những người khao khát muốn được giúp đỡ, và mở lời giới thiệu bằng thông báo rằng họ quyết tâm một điều là, không bao giờ họ tự giúp mình. Điều tôi cần ở một vị khách là ông ta không thực sự đang chết đói, mặc dù ông ta có thể có đúng cái lòng thèm khát nhất trên thế giới, dù ông ta có nó bằng cách nào. Những đối tượng của lòng từ thiện không phải là những vị khách. Những con người không biết khi nào thì cuộc viếng thăm của họ kết thúc, mặc dù tôi lại đi làm việc, và trả lời họ từ một chỗ càng lúc càng xa. Những

con người với hầu như mọi mức độ thông minh đến thăm tôi trong mùa di trú. Một số người có nhiều khôn ngoan hơn cần thiết, những nô lệ bỏ trốn với bộ dạng hoảng hốt như thời thuộc địa [283], những người, như con cáo trong truyện ngụ ngôn [284], chốc chốc lại dỏng tai nghe, tưởng như nghe thấy tiếng lũ chó săn tru trên đường của họ, và nhìn tôi một cách cầu khẩn, như muốn nói:

"Ôi, người Cơ Đốc nhân từ, ông không trả chúng tôi lại chứ?" [285].

Trong số đó có một người thật sự là nô lệ bỏ trốn, tôi đã giúp anh ta đi tiếp theo hướng sao bắc đẩu. Những người có một ý tưởng, giống như gà mái chỉ có một con, mà lại là con vịt con; những người có hàng ngàn ý tưởng, và những cái đầu rối bù, giống như con gà mái được sinh ra để chăm lo cho một trăm con gà con, tất cả đuổi theo một con rệp, và mỗi buổi sớm chúng bị mất một chục con, rồi sau đó chúng gầy đi xơ xác; những người có tư tưởng thay cho các chân của mình là một loại rết trí tuệ bò đi bằng cả thân mình. Một người đề nghị làm một cuốn sổ để các vị khách có thể ghi tên của mình lại đó, như ở White Mountains; nhưng, trời ơi, trí nhớ của tôi quá tốt nên đâu cần đến điều đó.

Tôi chỉ có thể nhận xét về một vài đặc tính của các vị khách của tôi. Những cô gái và những chàng trai và những thiếu phụ nói chung hình như vui thích có mặt trong rừng. Họ nhìn cái đầm, nhìn những đóa hoa, và tận hưởng thời gian của họ. Những con người của công việc, kể cả những nông dân, chỉ nghĩ đến nỗi cô đơn và công việc, và về việc tôi sống quá xa cách, mặc dù họ nói rằng thỉnh thoảng họ thích dạo chơi trong rừng, nhưng rõ ràng là họ không đi. Những người gắn mình với công

việc không ngơi nghỉ, toàn bộ thời gian của họ dành cho việc kiếm sống hay duy trì mức sống; những mục sư nói về Chúa như thể họ được độc quyền nói về chủ đề ấy, họ không thể chịu được mọi loại ý kiến; các bác sĩ, luật sư, những quản gia khó tính nhòm ngó vào chạn bát và giường ngủ của tôi khi tôi đi khỏi, - Bà gì gì đấy... đã đến đây như thế nào để biết những khăn trải giường của tôi không sạch bằng của bà ta? - những người trẻ đã thôi không còn trẻ nữa, và đã kết luận rằng an toàn nhất là cứ đi theo đường mòn của các nghề nghiệp, tất cả những người này nói chung đều cho rằng không thể làm được nhiều việc tốt ở vị trí của tôi. Chà, rắc rối là ở đây [286]. Người già và hom hem và nhút nhát, dù ở lứa tuổi và phái tính nào, mặc dù hầu hết bệnh hoạn, tai nạn bất ngờ và chết; đối với họ dường như cuộc sống đầy nguy hiểm, - có nguy hiểm gì nếu bạn không hề nghĩ đến nó? - và họ nghĩ rằng người thận trọng sẽ lựa chọn cẩn thận vị trí an toàn nhất, nơi bác sĩ B. có thể có mặt ngay vào giây phút nguy kịch. Đối với họ làng thật sự là một công xã, một liên minh bảo vệ lẫn nhau, và bạn có thể nghĩ rằng họ sẽ không đi hái dâu tây nếu không có một tủ thuốc. Chung quy là, nếu một người còn sống, thì luôn luôn có nguy hiểm là anh ta có thể chết, mặc dù cái nguy hiểm này càng nhỏ thì anh ta sống càng chán ngắt. Một người ngồi cũng không kém rủi ro như khi anh ta chạy.

Cuối cùng, có những nhà cải cách tự xưng, chán ngán nhất, họ nghĩ rằng tôi đang mãi mãi hát:

Đây là ngôi nhà tôi dựng lên;

Đây là người sống trong ngôi nhà do tôi dựng lên;

Họ không nghĩ rằng câu thứ ba là:

Đây là những kẻ quấy rầy

Người sống trong ngôi nhà mà tôi dựng lên;

Tôi không sợ những con diều hâu-bắt gà [287] , vì tôi không nuôi gà con; mà tôi sợ những con diều hâu-bắt người [288] hơn.

Tôi có nhiều khách vui vẻ hơn những loại này. Từ trẻ con đến hái quả, những công nhân hỏa xa đi chơi sáng Chủ nhật trong những chiếc sơ mi sạch, những người đánh cá và thợ săn, đến các nhà thơ và các nhà triết học, tóm lại, tất cả những người hành hương lương thiện, họ đi vào rừng để hưởng tự do, và thật sự bỏ làng lại phía sau, tôi sẵn sàng chào đón - "Xin chào, các bạn Anh! Xin chào, các bạn Anh!" vì tôi đã giao tiếp với chủng tộc này rồi.

Chương 7

Ruộng đậu

Ruộng đậu của tôi, nếu nối dài tất cả các luống với nhau sẽ dài tới bảy dặm, đang nóng lòng chờ được vun xới, vì những cây gieo đầu tiên đã lớn trước khi những cây cuối cùng bén rễ; quả thật khó lòng mà trì hoãn được. Ý nghĩa của cái việc đều đều và đầy tự trọng này, cái kì công Hercules [289] nho nhỏ này là gì, tôi không biết. Tôi đâm ra phải lòng những luống đậu này, mặc dù chúng còn nhiều hơn tôi mong muốn. Chúng gắn tôi với đất, và như vậy tôi có sức mạnh như Antaeus [290]? Nhưng tại sao tôi đã trồng chúng? Có mà trời biết. Tôi đã lao động nặng nhọc cả mùa hè, để trồng đậu trên mảnh đất trước đây mọc toàn các giống ỷ lăng, mâm xôi, *johnswort* [291], và các giống tương tự, những quả ngọt và hoa dại. Tôi biết gì về đậu hay đậu biết gì về tôi? Tôi yêu mến chúng, chăm sóc cho chúng, sớm tối tôi đều để mắt đến chúng; và đó là công việc ban ngày của tôi. Nó là chiếc lá rộng đẹp để ngắm nhìn. Những phụ tá của tôi là sương và mừa tưới nước cho mảnh đất khô này, và những gì là màu mỡ ở ngay trong đất, phần lớn là bạc màu và cằn cỗi. Kẻ thù của tôi là sâu bọ, những ngày rét, và nhất là lũ chuột chũi. Lũ này đã gặm sạch của tôi một phần tư acre. Nhưng tôi có quyền gì mà dọn sạch johnswort và những thứ còn lại, và phá tan vườn dược thảo cổ xưa này? Tuy nhiên chẳng bao lâu những cây đậu còn lại sẽ lớn lên đủ mạnh để chống chọi lại bọn địch thủ mới này.

Tôi còn nhớ khi bốn tuổi tôi được đưa từ Boston đến thành phố quê hương này [292], xuyên qua nhiều cánh rừng và những cánh đồng, đến đầm. Đấy là cảnh xưa nhất còn in đậm trong trí nhớ của tôi. Và đêm nay cây sáo của tôi đã đánh thức dậy những tiếng vọng trên chính vùng nước đó. Những cây thông vẫn còn đứng đây già hơn tôi; hoặc nếu có cây nào chết, tôi đã lấy gốc của chúng làm củi đun, và những cây mới đang lớn lên khắp xung quanh; chuẩn bị quang cảnh mới cho những cặp mắt ấu thơ mới. Phần lớn vẫn những cây *johnswort* cũ bật lên từ cùng bộ rễ lưu niên trong đồng cỏ này, và thậm chí tôi cuối cùng đã góp phần tô điểm cho cái quang cảnh huyền thoại của những giấc mơ ấu thơ của tôi, và một trong những kết quả của sự hiện diện và những ảnh hưởng của tôi là những lá đậu, lá ngô, lá khoai tây này.

Tôi trồng khoảng hai acre rưỡi đất cao, và vì nó chỉ mới được khai phá cách đây mười lăm năm, và bản thân tôi cũng đánh được mươi mét khối gốc cây, tôi không cho chút phân bón nào, nhưng trong mùa hè ló ra những cái đầu nhọn của mũi tên khi tôi cuốc lật lên, cho thấy hình như thời xưa đã có một dân tộc sống ở đây, và họ đã trồng ngô và đậu trước khi người da trắng đến khai phá vùng đất này, và như vậy, đến mức độ nào đó, đã làm kiệt đất bằng chính việc trồng cấy của họ.

Trước khi có bất cứ con chuột chũi hoặc sóc nào chạy ngang qua đường, khi mặt trời còn chưa lên cao hơn những khóm sồi, trong khi sương còn treo trên những ngọn cỏ, mặc dù nhiều nông dân đã khuyên tôi đừng, nhưng tôi muốn khuyên bạn rằng hãy làm tất cả những việc bạn có thể làm khi vẫn còn sương, tôi bắt đầu giẫy những hàng cỏ dại ngoan cố trong ruộng

đậu của tôi và lấp đất lên. Sáng sớm tôi đi chân trần làm việc, như một nghệ sĩ tạo hình đạp vào lớp cát xốp và đẫm sương, nhưng đến giữa ngày mặt trời làm chân tôi bỏng rát. Mặt trời soi cho tôi cuốc xới đậu, chầm chậm tới lui trên đất vàng lẫn sỏi, giữa những hàng dài xanh mướt, bảy tám chục mét, một đầu kết thúc ở một bãi sồi nơi tôi có thể ngồi nghỉ dưới bóng mát, và đầu kia trong một vạt cây mâm xôi nơi những quả mọng xanh trở nên sẫm màu hơn mỗi khi tôi xong một lượt. Giẫy hết cỏ dại, lấp đất mới vào những gốc đậu, và "khuyến khích" thứ "cỏ dại" [293] mà tôi đã gieo, làm cho đất màu vàng thổ lộ ra ý nghĩ mùa hè của nó trong lá và hoa đậu hơn là trong những đám ngải đắng và kê, làm cho đất chọn đậu chứ không chọn cỏ, đó là công việc hằng ngày của tôi. Vì tôi ít dùng bò hoặc ngựa, hay thuê người làm, hay tận dụng được những phương tiện của nghề nông, tôi làm chậm hơn nhiều và trở nên thân thiết với đậu của tôi hơn bình thường. Nhưng lao động chân tay, cho dù công việc đơn điệu buồn tẻ, cũng chưa bao giờ tệ hại hơn ngồi không. Nó chứa đựng một tinh thần bất hủ, và đối với người có học thức nó tạo ra một kết quả cổ điển. Đối với những du khách mải miết đi về hướng tây qua Lincoln và Wayland đến nơi nào chẳng biết, tôi là một người nông dân cực kì cần cù (*agricola laboriosus*); họ ngồi thoải mái trên chiếc xe hai bánh một ngựa kéo, khuỷu tay chống trên đầu gối, dây cương thả lỏng, ngắm nhìn tôi, người ở nhà chẳng đi đâu, là người bẩm sinh cần mẫn với đất đai. Nhưng chẳng mấy chốc nhà cửa vườn tược của tôi đã ra ngoài tầm mắt và tầm suy nghĩ của họ. Đây là cánh đồng rộng rãi và đã trồng trọt duy nhất ở khoảng cách khá xa cả hai bên đường, nên họ tận hưởng ngắm nhìn, và đôi khi người trong cánh đồng

nghe thấy cả những câu chuyện phiếm và những lời bình luận không phải chỉ đủ cho họ nghe với nhau: "Trồng đậu muộn thế! Cả đậu Hòa Lan cũng muộn!" - vì tôi vẫn còn tiếp tục trồng khi những người khác đã xới - vị mục sư kiêm nhà nông học đã không nghi ngờ điều này. "Chắc ngũ cốc làm thức ăn cho gia súc; có lẽ là ngũ cốc cho gia súc". "Chẳng lẽ anh ta sống ở đó sao?" chiếc mũ đen trên áo choàng xám hỏi, và người nông dân nét mặt khắc khổ ghìm cương con ngựa khoan khoái của ông ta để hỏi thăm anh đang làm gì ở cái nơi mà ông ta không thấy có tí phân nào trên những luống đất, và khuyên nên cho ít phân chuồng, hay một ít rác thải, hay ít nhất có thể là tro hoặc vôi. Nhưng đây là hai mẫu rưỡi đất, và chỉ có một chiếc cuốc với hai bàn tay - có một sự ác cảm với xe và ngựa - và phân thì ở xa. Những du khách nói chuyện oang oang so sánh nó với những cánh đồng họ đã đi qua, nhờ đó tôi biết được tôi đứng ở đâu trong thế giới nhà nông. Đây là một cánh đồng không có trong báo cáo của ngài Coleman [294]. V nhân thể xin hỏi, ai đánh giá được giá trị của hoa lợi mà Thiên nhiên ban cho trên những cánh đồng còn hoang vu chưa có bàn tay con người cải tạo? Thu hoạch về cỏ khô của người Anh được cân đo cẩn thận, độ ẩm cũng như hàm lượng xilicat và kali được tính toán, nhưng trong tất cả những thung lũng và ao đầm khô cạn trong các khu rừng và trên những đồng cỏ mọc lên nhiều mùa màng phong phú và đa dạng chỉ chưa được con người thu hoạch. Những cánh đồng của tôi là gạch nối giữa đất hoang và đất trồng, vì mảnh thì trong trạng thái đã khai hóa mảnh thì bán khai, và những mảnh khác là hoang dã hay man rợ, nên chúng là một cánh đồng bán văn minh, dù không phải với nghĩa xấu nhất của từ này. Chúng

là những cây đậu hân hoan trở về trạng thái hoang dã và nguyên thủy mà tôi đã trồng, vả cái cuốc của tôi chơi bài Rans des Vaches [295] cho chúng nghe.

Thật gần, trên ngọn của một cây phong, những con chim sáo hót suốt buổi sáng, niềm vui bầu bạn của tôi, nếu tôi không có đây nó sẽ tìm đến cánh đồng của nông dân khác. Khi tôi đang gieo hạt, nó kêu "Thả xuống, thả xuống, lấp đất đi, lấp đất đi, nhổ lên, nhổ lên, nhổ lên". Nhưng đây không phải là ngô, nên nó không bị coi là kẻ thù. Bạn có thể tự hỏi không biết nó huyên thuyên cái gì, những tấu khúc Paganini [296] nghiệp dư của nó, chơi trên một dây hay hai mươi, nói về việc trồng trọt của bạn, tuy nhiên thích nhất là nó thả chất thải xuống đồng. Đó là loại phân bón thượng hạng rẻ nhất mà tôi luôn tin là hữu ích.

Khi cuốc lật những đám đất còn mới hơn bằng cái cuốc của tôi, tôi đã khuấy động những đám tro tàn của những dân tộc tiền sử, trong cái thời cổ xưa ấy họ đã sống dưới những tầng trời này, và những dụng cụ chiến tranh và săn bắn nhỏ bé của họ đã được đưa ra ánh sáng của ngày hôm nay. Chúng nằm lẫn giữa những lớp đá tự nhiên, một số trong chúng mang dấu hiệu đã bị thiêu đốt bởi những ngọn lửa Anhđiêng, và một số bởi mặt trời, cùng với những mảnh gốm sứ và thủy tinh được những người gần đây trồng trọt trên đất này mang đến. Khi lưỡi cuốc của tôi va choang vào đá, tiếng nhạc ấy vọng vào đến rừng và lên đến trời, và làm bè đệm cho lao động của tôi, thứ lao động mang đến thành quả tức khắc và không đo đếm được. Nó không lâu dài hơn đậu mà tôi đang xới, cũng không lâu hơn tôi - người đang xới đậu; và tôi, vừa thương hại vừa tự hào, nhớ đến những người quen của tôi đã bỏ lên thành phố để đi nghe những bản *oratorio*

[297], nếu tôi có chút nào nhớ đến họ. Con cú muỗi bay lượn vòng trên đầu trong những buổi chiều nắng - vì đôi khi tôi làm việc cả ngày - giống như một hạt bụi trong mắt, hay trong mắt của trời, lâu lâu lại sà xuống trong một cú đột kích với một âm thanh như xé toạc khoảng trời thành những mảnh giẻ rách nát, nhưng vẫn còn một vòm trời lành lặn; bầy tiểu quỷ bay rợp không trung và đẻ trứng trên đất, trên bãi cát trống hay trên những tảng đá trên những đỉnh đồi, nơi ít người thấy, mảnh mai và duyên dáng như những gợn sóng từ trên đầm dồn vào, như những chiếc lá được gió cuốn bay lên trôi nổi trên bầu trời, trong Thiên nhiên tất cả có họ hàng với nhau như thế đấy. Con cú muỗi là người anh em trên trời của sóng mà nó lướt trên và nhìn ngắm từ trên cao, đôi cánh hoàn hảo căng gió của nó ứng với những đôi cánh chim bồ câu biển chưa đủ lông cánh. Đôi khi tôi nhìn một cặp diều hâu liệng trên trời cao, vút lên cao rồi sà xuống thấp, lao đến gần rồi lại rời xa nhau, thấy như chúng là hiện thân của những ý nghĩ của tôi. Hoặc tôi bị thu hút bởi đường bay của những con bồ câu hoang, từ cánh rừng này sang rừng khác, với tiếng vỗ cánh hơi run rẩy, hay từ dưới một gốc cây mục lưỡi cuốc của tôi lật lên một con kì giông lờ đờ có bộ da lốm đốm dị kì, một vết tích của Ai Cập và sông Nile, nhưng cùng thời với chúng ta. Khi tôi tạm chống cuốc nghỉ, những âm thanh hình ảnh mà tôi nghe đâu đây trên luống đất làm thành một phần của cuộc giải trí bất tận mà vùng quê này hiến tặng.

Trong những ngày hội hè, thành phố bắn những khẩu súng lớn của nó, tiếng vọng đến những cánh rừng này nghe như súng của trẻ con chơi, và những tiếng khóc than của âm nhạc chiến tranh đôi khi xuyên đi xa thế đấy. Đối với tôi, trên ruộng đậu

của tôi ở phía bên kia thành phố, những tiếng súng lớn nghe như một quả bóng hơi nổ tung, và khi có diễn tập quân sự mà tôi không biết, đôi khi cả ngày tôi cứ có cái cảm giác mơ hồ như ngứa ngáy và bệnh tật ở chân trời, như thể núi lửa sắp phụt lên ngoài đó, bệnh tinh hồng nhiệt hoặc bệnh lở loét, cho đến khi tiếng vù vù ưa thích của gió, bay hối hả qua cánh đồng lên tận con đường đi Wayland, mang đến cho tôi tin tức của "những người huấn luyện". Dường như từ xa có tiếng vo ve như đàn ong nhà ai đang dời chỗ, và những người láng giềng ấy, theo lời khuyên của Virgil [298], bằng một *tintinnabulum* [299], gõ lên những nồi niêu xoong chảo kêu vang nhất trong nhà, gọi chúng về tổ. Và khi âm thanh ấy đã tắt lịm đi, và tiếng vo ve ngừng lại, và những làn gió nhẹ đáng yêu thôi không kể câu chuyện nào nữa, tôi biết rằng chúng đã gọi được con ong đực cuối cùng trong đàn trở về tổ Middlesex [300] an toàn, và bây giờ sự chú ý của chúng đang dồn hết về mật lem luốc trên mình nó.

Tôi tự hào biết rằng những quyền tự do của Massachusetts và của đất nước chúng ta cũng được giữ an toàn như thế; và khi quay trở lại với cái cuốc của tôi, lòng đầy tin tưởng không thể tả nổi, tôi tiếp tục công việc của mình một cách vui vẻ với niềm tin bình thản vào tương lai [301].

Khi có nhiều ban nhạc, nó ầm ĩ như thể làng là một cái ống bễ khổng lồ, và mọi ngôi nhà phình lên xẹp xuống với tiếng ầm ĩ đó. Nhưng đôi khi một giọng nói thật sự thanh cao và đầy cảm hứng vọng đến những cánh rừng, và tiếng kèn *trompet* vang lên thúc giục, tôi cảm thấy như có thể nướng chả một thằng cha Mêhicô [302] tẩm gia vị - vì tại sao chúng ta phải chú tâm vào những thứ tầm thường nhỏ mọn? - và nhìn quanh kiếm một con

chuột chũi hay con chồn hôi để thực thi tinh thần hiệp sĩ của mình. Những tiếng nhạc đầy tinh thần thượng võ ấy, cùng với những ngọn cây du trong làng khẽ đung đưa theo nhịp của chúng, nhắc tôi nhớ đến cuộc thập tự chinh sắp sửa diễn ra. Đó là một trong những ngày đẹp trời, mặc dù mảnh trời nhìn qua cửa sổ của tôi vẫn có cùng vẻ đẹp vĩnh cửu như mọi ngày, và tôi không thấy có gì khác biệt cả.

Có một kinh nghiệm độc đáo quen thuộc từ lâu mà tôi đã vun trồng cùng với đậu, trồng, xới, thu hoạch, đập, hái và bán chúng, việc cuối cùng là khó nhất - và tôi có thể thêm: ăn, vì tôi thật sự đã nếm. Tôi quyết định tìm hiểu đậu. Khi chúng đang lớn, tôi thường xới từ năm giờ sáng đến giữa trưa, và thường dùng thời gian còn lại trong ngày để làm - những việc khác. Hãy xem con người ban đầu tò mò làm quen với nhiều loài cây cỏ - sẽ có nhiều lặp lại trong mô tả này, vì trong lao động có không ít lặp lại - quấy đảo những tổ chức tinh vi của chúng một cách thô bạo, và dùng cái cuốc của mình, làm những sự phân biệt đầy xúc phạm, san bằng cả một loài và chăm chút vun trồng một loài khác. Đó là cây ngải tây La Mã - đó là cây rau dền - đó là cây chua me đất, đó là cây cỏ ống - nhổ nó về, băm nhỏ nó ra, lật ngửa rễ nó lên phơi nắng, đừng để cho nó có lấy một sợi rễ trong bóng râm, vì nếu anh làm thế, chỉ hai ngày sau là nó sẽ tự lật ngược xuống và lại xanh như một cây tỏi tây ngay. Một cuộc chiến tranh dài, không phải với những con sếu, mà với cỏ dại, những dân thành Troy ấy có nắng và mưa và sương đứng về phía mình. Ngày ngày những cây đậu thấy tôi vũ trang bằng cái cuốc đến cứu chúng, và giẫy những hàng kẻ thù của chúng, lấp đầy các rãnh bằng những xác cỏ chết. Nhiều chàng Hector [303]

cường tráng với chỏm lông mào phất phơ trên mũ sắt, nhô cao hơn đồng đội cả một cái đầu, ngã xuống trước vũ khí của tôi và lăn quay trên đất bụi,

Những ngày hè này một số người đương thời của tôi đắm chìm trong mĩ thuật ở Boston hay Rome, số khác thiền định ở Ấn Độ, và số khác nữa buôn bán ở London hay New York, còn tôi, với những nông dân khác của New England, hiến mình cho nghề nông. Chẳng phải tôi cần đậu để ăn, vì tôi bản chất là một người theo phái Pythagoras [304] tôi không dùng đậu, dù để nấu canh hay để bỏ phiếu [305], tôi đổi chúng lấy gạo; nhưng, có thể, như một số người phải làm việc trên những cánh đồng chỉ để làm kiểu, để có ngày giúp cho ai đó sáng tác truyện ngụ ngôn. Nó hoàn toàn là một trò giải trí hiếm hoi mà nếu cứ tiếp diễn quá lâu, sẽ thành quá lố. Mặc dù tôi không cho chúng chút phân nào, và không xới tất cả một lượt, nhưng tôi đã chăm sóc chúng tốt phi thường, và cuối cùng được đền bù, "thật ra", như Evelyn [306] đã nói, "không có bất kì loại phân trộn hay phân chuồng nào sánh được với chuyển động liên tục, đào bới, và lật đất tơi xốp bằng chiếc cuốc". Ở một chỗ khác ông nói thêm, "đất, nhất là khi còn mới, có một sức hút trong nó, nhờ đó nó hút được muối, sức mạnh (hay có thể gọi là phẩm tính tốt), đem lại cho nó sự sống, và mang lại ý nghĩa cho tất cả lao động và náo động mà chúng ta thực hiện quanh nó, để nuôi sống chúng ta, tất cả những phân và những chất trộn nhớp nhúa khác, chỉ là cái thay thế cho sự cải thiện này". Hơn nữa, nó là một trong "những cánh đồng thế tục mệt mỏi và kiệt sức hưởng thụ ngày xaba [307] của chúng" biết đâu có thể, như Sir Kenelm Digby [308] nghĩ, thu hút

"những hoạt lực" từ trong không khí. Tôi đã thu hoạch được mười hai giạ đậu.

Nhưng để cụ thể hơn; vì người ta đã phàn nàn rằng ông Coleman chỉ báo cáo chủ yếu về những thí nghiệm tốn kém của các quý ông nông dân sang trọng; thì bảng tổng kết chi tiêu của tôi đây:

Một cái cuốc.....$0.54

Cày, bừa, lên luống.....7.50 (quá nhiều).

Đậu giống.....3.12 1/2

Khoai tây.....1.33

Đậu Hoà Lan.....0.40

Củ cải giống.....0.06

Bù nhìn.....0.02

Thuê Ngựa và trẻ, ba giờ.....1.00

Ngựa và xe chở thành phẩm.....0.75

Tổng cộng.....$14.72 1/2

Thu nhập của tôi là *(patrem familias vendacem, non emacem esse oportet*) [309], từ

Chín giạ & mười hai lit đậu.....$16.94

Năm giạ khoai tây to,.....2.50

Chín giạ khoai tây nhỏ, ...2.25

Cỏ.....1.00

Thân cây.....0.75

Tổng cộng $23.44

Để lại một khoản tiền lãi, như tôi đã nói [310] , $8.71 1/2.

Đây là kinh nghiệm của tôi trong việc trồng đậu. Trồng loại đậu nhỏ thường mọc thành khóm vào khoảng mồng một tháng Sáu, trong những luống rộng ba foot cách nhau mười hai inch, cẩn thận chọn những hạt tròn tươi và không lẫn loại khác. Trước hết tìm sâu, và để khoảng cách khi trồng mới. Rồi canh chừng chuột chũi, nếu đó là nơi chuột hay vào, vì chúng sẽ nhấm sạch những lá non khi chúng đi qua, rồi lại nữa, khi những tua non mới nhú ra, chúng sẽ thấy và cắn đứt hết, với cả chồi và quả non, ngồi thẳng lưng như một con sóc. Nhưng quan trọng hơn cả là phải thu hoạch ngay khi có thể, nếu bạn muốn tránh sương giá và có một mùa vụ đẹp và dễ bán; bạn sẽ thoát được phần lớn tổn thất bằng cách này.

Đây là một kinh nghiệm nữa mà tôi thu được. Tôi tự nhủ, mùa hè sau tôi sẽ không chỉ gieo đậu và ngô với quá nhiều công sức như thế, mà cả những hạt giống như chân thành, thật thà, ngay thẳng, tin cậy, ngây thơ chân chất và tương tự, nếu chúng còn nguyên vẹn, và xem chúng có mọc được trên đất này không, thậm chí với ít công sức chăm bón hơn, để nâng đỡ tôi, vì chắc chắn đất không bị kiệt sức với những giống này. Ôi! Tôi tự nhủ mình điều này, nhưng nay một mùa hè nữa đã đi qua, rồi mùa hè nữa, mùa hè nữa, và tôi buộc phải nói với bạn, Bạn Đọc, rằng những hạt giống mà tôi đã gieo, nếu quả thực chúng là giống của những đức tính ấy, đã bị sâu ăn hết hay đã mất đi sinh khí của chúng, và như vậy không đi đến kết quả. Thông thường con người sẽ chỉ can đảm bằng cha ông mình, hay nếu không thì nhút nhát. Thế hệ này chắc chắn trồng ngô và đậu mỗi năm mới, như những người Anhđiêng đã làm nhiều thế kỉ trước và dạy những người định cư đầu tiên ở đây làm, như thể số phận

bắt họ làm. Có lần tôi ngạc nhiên thấy một ông già, dùng một cái cuốc đào lô ít nhất đến bảy mươi lần, mà không phải để ông ta nằm xuống đó. Nhưng tại sao người New England không cố thử một cuộc phiêu lưu mới, và đừng đặt quá nhiều nỗ lực vào những mùa lúa, mùa khoai và cỏ, và vườn cây quả của mình - mà lại trồng những thứ khác? Tại sao quá bận tâm vào đậu làm giống, mà không lưu tâm gì đến một thế hệ mới những con người? Chúng ta nên thật sự vui mừng khi gặp một người mà chúng ta chắc chắn phải thấy những phẩm chất mà tôi đã nêu, mà tất cả chúng ta đều coi trọng hơn những sản phẩm khác nhưng phần lớn được phát tán và trôi nổi trong không khí, đã bén rễ và lớn lên trong anh ta. Chúng ta thường gặp đâu đó trên đường một phẩm chất quý báu như trung thực hay công bằng, hay chỉ một biến thể của nó. Nhưng đại sứ của chúng ta nên được giao nhiệm vụ gửi về nước những hạt giống như thế, và Quốc hội [311] giúp phân phối khắp đất nước này. Khi cần chân thành, chúng ta không bao giờ nên tỏ ra ngại ngùng và khách khí. Chúng ta không bao giờ nên lừa dối, chửi mắng, xua đuổi nhau vì lòng nhỏ nhen của chúng ta, nếu có một hạt nhân của giá trị và tình thân thiện. Như vậy chúng ta không nên gặp nhau trong hận thù. Có những con người tôi không thể gặp, vì họ hình như không có thời gian, họ còn bận rộn với đậu của họ. Chúng ta không muốn giao du với một người như thế, nặng nề lê bước đi, oằn người lên chiếc cuốc hay chiếc mai như chiếc quyền trượng trong công việc, không như một cây nấm, nhưng muốn thấy anh ta từ đất vươn thẳng lên, giống như những con chim nhạn đậu xuống và bước đi trên mặt đất.

"Và khi nó nói, những cái cánh của nó thỉnh thoảng

Xoè ra, như thể muốn bay, rồi lại cụp vào" [312],

để chúng ta có thể ngờ rằng ta đang trò chuyện với một thiên thần.

Bánh mì có thể không luôn luôn nuôi sống chúng ta; nhưng nó luôn luôn làm điều tốt cho ta, nó thậm chí có thể làm cho khớp của chúng ta bớt xơ cứng, làm cho thân thể chúng ta mềm dẻo và tươi mát, khi chúng ta không biết cái gì làm chúng ta đau yếu, để biết ơn mọi hào phóng trong con người hay trong thiên nhiên, để chia sẻ mọi niềm vui thuần khiết và cao cả.

Thơ ca và thần thoại thời cổ gợi lên rằng, ít ra nghề nông đã có thời là một nghệ thuật thiêng liêng, nhưng nó được chúng ta theo đuổi với một sự hối hả bất kính và lơ là, mục tiêu của chúng ta chỉ là có những nông trại thật to, và mùa màng thật lớn. Chúng ta khôn có lễ hội, không có đám rước, không có lễ nghi, trừ những cuộc triển lãm gia súc và những Lễ Tạ ơn, ở đó người nông dân biểu lộ cảm giác về sự thiêng liêng của nghề của mình, hay được nhắc nhở về nguồn gốc thiêng liêng của nó. Chính phần thưởng và tiệc tùng cám dỗ anh ta. Những hiến tế của anh ta không phải cho Ceres [313] và Terrestrial Jove [314] mà đúng hơn là cho Plutus [315] ở địa ngục. Do thói quen bần tiện và ích kỉ, bợ đỡ hèn hạ, mà không ai trong chúng ta thoát khỏi, coi đất đai như tài sản, hoặc phương tiện chủ yếu để kiếm được tài sản, phong cảnh bị biến dạng đi, nghề nông bị suy đồi đi với chúng ta, và người nông dân sống cuộc sống hèn mọn nhất. Chúng ta biết Thiên nhiên nhưng chỉ như những kẻ cướp. Cato nói lợi nhuận từ nghề nông là chính đáng và công bằng (*maximeque pius quaestus*) và theo Varro những người La Mã xưa "gọi đất là Mẹ và Ceres, và nghĩ rằng những người canh tác trên

đó sống cuộc đời đức hạnh và hữu ích, và chỉ có họ là dòng giống của Vua Thần Nông" [316].

Chúng ta nay đã quên mất rằng ông mặt trời nhìn xuống những cánh đồng đã trồng trọt của chúng ta và những cánh rừng, những cánh đồng cỏ không hề thấy khác biệt. Tất cả chúng đều phản chiếu và hấp thụ như nhau những tia sáng của ông ta, và ông chỉ góp một phần nhỏ vào bức tranh lộng lẫy mà ông nhìn thấy trong hành trình hằng ngày của mình.

Trong cái nhìn của ông cả trái đất đều đã được trồng trọt như nhau giống như một khu vườn. Do đó chúng ta nên nhận lấy lợi ích từ ánh sáng và hơi ấm của ông với một niềm tin xứng đáng và lòng hào hiệp. Đáng quý đến mức nào những hạt đậu giống, và thu hoạch của mùa thu năm ấy? Cánh đồng rộng mà tôi đã nhìn nhiều như thế không nhìn tôi như người trồng trọt chính, mà nhìn sang những ảnh hưởng ân cần hơn nhiều đối với nó, đã tưới nước cho nó và làm nó xanh tươi. Những cây đậu này có phần kết quả mà người thu hoạch không phải là tôi. Chẳng phải chúng lớn lên phần nào cho lũ chuột chũi đó sao? Bông lúa mì (tiếng Latin *spica*, một từ cũ nay không còn dùng, *speca*, xuất phát từ *spe*, hi vọng) không phải chỉ là hi vọng của người trồng; nhân và hạt của nó (*ranum*, từ chữ *erendo*, mang) không phải tất cả những thứ mà nó mang. Vậy thì thu hoạch của chúng ta có thể mất mát như thế nào? Chẳng nên vui mừng vì sự thừa thãi những loài cỏ dại, mà hạt giống của chúng là kho lương của chim chóc hay sao, dù nó ít quan trọng hơn việc những cánh đồng làm đầy kho thóc của nông dân? Người nông dân chân chính phải sống không lo âu, như những con sóc chẳng lo lắng gì về chuyện năm nay rừng có sinh ra hạt dẻ hay

không, và mỗi ngày hãy làm xong công việc của mình, đừng đòi hỏi gì về hoa lợi từ cánh đồng của anh ta, và trong tâm trí hãy hiến tế không chỉ những thành quả đầu tiên, mà cả những thành quả cuối cùng.

Chương 8

Làng

Sau khi xới đậu, hoặc đọc và viết, vào buổi chiều tôi thường tắm lần nữa trong đầm, bơi sang bờ kia kiếm một con dẽ giun, và rửa sạch bụi bặm lao động khỏi cơ thể, hay làm dãn những nếp nhăn khi nghiên cứu, và cả buổi chiều tôi hoàn toàn tự do. Mỗi ngày hoặc hai ngày một lần tôi cuốc bộ vào làng [317] để nghe mấy câu chuyện phiếm không ngừng lưu hành ở đó, từ mồm này sang mồm khác, từ báo này sang báo khác, những chuyện ấy, với một lượng rất nhỏ, luôn luôn làm mình khoan khoái như tiếng xạc xào của lá hay tiếng uôm uôm của ếch nhái. Khi đi trong rừng tôi nhìn chim và sóc, còn khi đi trong làng tôi nhìn đàn ông và bé trai [318], thay vì nghe tiếng gió reo trong lá thông tôi nghe tiếng xe bò lạch cạch. Theo một hướng đi từ nhà tôi có một bầy chuột nước trong những bãi cỏ ven sông; dưới những lùm cây du và cây đước phía xa xa là một làng của những người bận rộn, đối với tôi cũng kì lạ như thể họ là những con chó đồng hoang, mỗi con ngồi trên miệng hang của mình, hoặc chạy sang nhà hàng xóm để chuyện vãn. Tôi thường xuyên đến đó để quan sát những thói quen của họ. Với tôi làng giống như một phòng thông tin lớn; ở một phía của nó, để sinh sống, như trước đây ở Redding & Company's trên State Street [319], họ bán quả hạch nho khô, muối, bột và các hàng tạp phẩm khác. Một số người rất thích đồ cũ, tức là những tin tức cũ, và có những cơ quan tiêu hóa khỏe đến mức họ có thể ngồi mãi trên những phố

đông người mà không hề động đậy, và để nó sôi sục và xì xào qua họ như những ngọn gió Etesia [320] hay như thể hít ête, chỉ để gây tê và làm mất cảm giác đau – nếu không sẽ thường xuyên đau khi nghe mà không động đến ý thức. Những khi ngao du qua làng, tôi luôn thấy một hàng những người đáng kính như thế, hoặc ngồi trên một cái thang để sưởi nắng, cả thân người nhao tới trước, mắt thì dán vào hàng chữ với vẻ khoái chí, hoặc nếu không thì tựa người lên kho thóc, hai tay thọc vào túi, giống như những cột tượng đàn bà, như thể muốn đỡ nó. Họ thường ở ngoài đường, nghe bất cứ tin tức nào trôi nổi. Đó là những máy nghiền thô nhất, trong đó tất cả những chuyện tầm phào trước hết được tiêu hóa một cách sống sượng, hay được nghiền giập trước khi được đẩy vào những cái phễu tinh xảo hơn bên trong những cánh cửa. Tôi đã thấy rằng phần nhu yếu của làng là những hiệu tạp hóa, những tiệm rượu, nhà bưu điện và nhà băng; và, như một phần cần thiết của bộ máy, họ giữ một cái chuông, một khẩu súng lớn, một xe cứu hỏa, ở những nơi thuận tiện; và những ngôi nhà được bố trí sao cho để nhìn rõ nhất những người từ nơi khác đến, đi thành hàng và đối đầu nhau, và mỗi du khách phải chịu hình phạt, để cho mọi đàn ông đàn bà và trẻ nhỏ có thể cho anh ta một cú đấm hay đá [321]. Tất nhiên những người đứng gần đầu hàng nhất, nơi họ có thể nhìn và bị nhìn nhiều nhất, chịu những đòn đầu tiên đánh vào anh ta, trả giá cao nhất cho vị trí của mình, còn số rời rạc lộn xộn ở ngoài rìa, nơi hàng bắt đầu thưa thớt hơn, thì có thể vượt qua những bức tường hoặc lách ra ngoài vào những con đường của bò ngựa và trốn thoát, chỉ phải trả khoản phí rất nhẹ [322]. Những bảng hiệu được treo lên ở mọi phía để cám dỗ anh ta, một số tóm

được anh ta bằng sự thèm ăn, như các tiệm rượu và quán ăn, một số bằng sở thích, như các cửa hàng đồ khô và đồ trang sức, số khác bằng tóc hay chân hay váy, như tiệm cắt tóc, tiệm giày, tiệm may. Ngoài ra còn có những lời mời đáng sợ hơn, mời vào thăm mọi người trong những ngôi nhà ấy, và những cuộc hội họp bạn bè được mong đợi trong những thời gian ấy. Phần lớn tôi thoát một cách kì diệu khỏi những nguy hiểm ấy, hoặc bằng cách tạo ra ngay lập tức một mục tiêu ngẫu hứng, và, như một lời khuyên cho ai bị rơi vào hình phạt này, hoặc để đầu óc nghĩ đến những điều cao siêu, như Orpheus [323], người "Cất cao giọng hát ca ngợi các vị thần bằng chiếc đàn lyre của mình, nhấn chìm những giọng hát của các Nàng tiên cá [324], và thoát khỏi nguy hiểm". Đôi khi tôi bỏ trốn, và không ai biết tôi đang ở đâu, vì tôi không cố tỏ ra phong nhã, và không ngần ngại trước một lỗ hổng trong hàng rào. Thậm chí tôi còn quen với việc ghé chớp nhoáng vào một ngôi nhà, ở đó tôi được tiếp đón tử tế, và sau khi đã biết những cốt lõi, và cả một sàng những tin tức cuối cùng, đã được tóm lược, những viễn cảnh chiến tranh và hòa bình, và liệu thế giới có được gắn kết lâu dài hơn không, tôi liền rút ra qua những con đường bên cửa hậu, và thoát trở lại rừng.

Thật thú vị khi tôi nán lại khuya trong thành phố, lao mình vào bóng đêm, nhất là những khi trời tối và dông bão, và từ một phòng trọ sáng sủa trong làng hay một phòng giảng kinh, với một bao lúa mạch đen hay bột xay thô trên vai, căng buồm phóng về bến cảng ấm cúng của tôi trong rừng, và sau khi đã cài chặt cửa ngoài, rút xuống hầm tàu với cả một thủy thủ đoàn những ý nghĩ vui vẻ, chỉ để lại con người bên ngoài của tôi ở khoang lái, hoặc buộc tay lái lại khi tàu chạy thẳng. Tôi có một ý

nghĩ vui tươi bên lò sưởi trong nhà khi tôi "căng buồm lướt sóng". Tôi không bao giờ bị ném ra khỏi khoang, cũng không đau buồn trong bất kì thời tiết nào, mặc dù tôi đã đụng với vài cơn bão khốc liệt. Ngay cả trong những đêm bình thường, trong rừng trời cũng tối hơn phần lớn người ta nghĩ. Tôi phải thường xuyên nhìn lên qua khoảng trống giữa các cây bên đường để biết lối đi, và vì không có đường xe chạy, tôi phải để bàn chân cảm được mặt đường không rõ của con đường mà tôi đã đi mòn, hoặc được dẫn hướng bằng những cái cây quen thuộc mà tôi phải sờ bằng tay, chẳng hạn đi giữa hai hàng thông, cách nhau không quá mười tám inch, ở giữa rừng, lúc nào cũng thế trong những đêm trời tối nhất. Đôi khi, sau khi về đến nhà khuya khoắt trong một đêm tối đen và lầy lội, khi chân tôi phải tìm đường khi mắt không nhìn thấy gì, tôi mơ đi và hoàn toàn lãng trí cho đến khi thức tỉnh vì phải giơ tay nâng then cửa, tôi không thể nhớ lại nổi một bước chân trong cả quãng đường tôi đi, và tôi đã nghĩ rang có lẽ cơ thể tôi có thể tìm thấy đường về nếu chủ của nó bỏ rơi nó, như bàn tay biết đường đưa tới mồm không có gì trở ngại. Nhiều lần, khi một vị khách tình cờ ở lại đến tối và ngoài trời thì rất tối, tôi phải dẫn ông ta ra con đường xe chạy sau nhà, và chỉ hướng ông ta sẽ phải đi, và nhắc ông phải chú ý dò đường bằng chân hơn là bằng mắt. Một đêm tối trời như thế tôi đã chỉ đường cho hai thanh niên sau khi họ câu cá trên đầm. Họ sống cách khoảng một dặm phía bên kia rừng, và rất quen con đường này. Vài hôm sau đó một trong hai người kể với tôi rằng họ đã lang thang trong rừng gần hết đêm, gần nhà rồi mà mãi sáng hôm sau mói về đến nhà, trong thời gian đó, có nhiều trận mưa rào nặng hạt, lá cây rất ướt, và họ bị ướt

sạch. Tôi nghe nói có nhiều người lạc đường ngay trong thị trấn, khi bóng đêm tối tưởng có thể cắt ra từng miếng, như người ta thường nói. Một số người sống ở ngoại ô, vào thị trấn bằng những xe bò của họ để mua hàng, đã phải trọ lại qua đêm, và những quý ông quý bà đi thăm nhau đã đi lạc cả nửa dặm, phải lay chân dò tìm vỉa hè, và không biết phải rẽ khi nào. Đi lạc trong rừng bất cứ lúc nào, cũng là một sự ngạc nhiên đáng ghi nhớ, cũng như là một kinh nghiệm quý. Thường trong những trận mưa tuyết, ngay giữa ban ngày, người ta sẽ đi chệch ra khỏi con đường quen thuộc, và không biết đường nào dẫn đến thị trấn. Mặc dù anh biết anh đã đi nghìn lần qua đó, anh không nhận ra được một đặc điểm nào, và anh cảm thấy lạ lùng như đang đi trên một con đường ở Siberia. Ban đêm, tất nhiên tình trạng lúng túng còn khiếp hơn. Trong những cuộc dạo bộ tầm thường nhất của chúng ta, dù không ý thức, chúng ta thường lái như những hoa tiêu nhờ những đèn hiệu à những mũi đất, và nếu đi ra ngoài hành trình thông thường chúng ta vẫn mang trong tâm trí phương vị của môt số mũi đất kề cận; và chỉ đến khi hoàn toàn mất phương hướng, hoặc quay tròn - vì mỗi người sẽ một lần được quay tròn với đôi mắt nhắm khi họ mất đi trong thế giới này - chúng ta mới biết cảm kích cái bao la và cái kì lạ của Thiên nhiên. Mọi người đàn ông phải biết những điểm trên la bàn mỗi khi thức dậy, từ giấc ngủ hay từ sự lơ đãng. Chỉ đến khi bị lạc, nói cách khác, chỉ đến khi ta bị lạc mất thế giới này, chúng ta mới bắt đầu đi tìm bản thân mình, và nhận ra chúng ta đang ở đâu, nhìn thấy khoảng rộng vô hạn của những mối quan hệ của chúng ta.

Một buổi chiều gần cuối mùa hè đầu tiên, khi vào làng để lấy chiếc giày từ thợ chữa giày, tôi bị bắt giữ và đưa vào nhà giam vì, như đã kể ở một chỗ khác [325], tôi không đóng thuế cho, hay thừa nhận thẩm quyền của, cái nhà nước mua bán đàn ông, đàn bà, trẻ em, như bán trâu bò ngay bên cửa của nhà Thượng viện. Tôi đã đi vào rừng vì những mục đích khác. Nhưng một con người đi bất cứ đâu, thì sẽ có nhiều người đuổi theo hắn và quấy rối hắn bằng những thể chế bẩn thỉu của họ, và, nếu có thể, họ sẽ bắt hắn theo cái hội những người kì quặc [326] ghê gớm của họ. Thật ra, tôi có thể phản kháng mãnh liệt với ít hay nhiều hiệu quả, có thể điên cuồng chống đối cái hội ấy; nhưng tôi thích rằng cái hội ấy, cái đảng tuyệt vọng ấy điên cuồng chống lại tôi hơn. Tuy nhiên, hôm sau tôi được thả, lấy được chiếc giày đã chữa và trở về kịp bữa tiệc việt quất trên đồi Fair-Haven [327]. Nó không bao giờ bị quấy nhiễu bởi bất cứ ai trừ những người đại diện cho nhà nước. Tôi không có chiếc khóa hay chiếc then cửa nào ngoài bàn viết, nơi cất giữ nhiều giấy tờ của tôi, không có ngay cả một cái đinh đóng trên các cửa sổ. Cả ngày lẫn đêm tôi không bao giờ chốt cửa, mặc dù tôi có thể vắng nhà nhiều ngày liền, ngay như mùa thu khi tôi ở lại trong rừng Maine hai tuần. Thế nhưng nhà tôi được tôn trọng hơn là nếu có hai hàng lính gác. Những người khách bộ hành mệt nhọc có thể nghỉ và sưởi ấm bên bếp lửa nhà tôi, người có học thì tìm thú vui cho mình với mấy quyển sách trên bàn của tôi, hay người tò mò, mở chạn xem còn gì sót lại sau bữa ăn của tôi, hoặc tôi có gì để cho bữa tối. Tuy nhiên, mặc dù nhiều người thuộc mọi tầng lớp đi theo lối này ra đầm, tôi không gặp chuyện gì bất tiện từ họ, và tôi không bao giờ mất thứ gì trừ một cuốn

sách nhỏ, một tập Homer có lẽ do mạ vàng quá nhiều, mà tôi cho là đã bị lọt vào mắt một người lính trong doanh trại. Tôi tin rằng nếu tất cả mọi người đều sống đơn giản như tôi đã sống thì chẳng ai biết đến trộm cắp nữa. Trộm cắp chỉ xảy ra trong những cộng đồng khi một số người quá thừa thãi trong khi những người khác quá thiếu thốn. Những cuốn Homer của Pope [328] sẽ được phân phát thích hợp:

Nec bella fuerunt,

Faginus astabat dum scyphus ante dapes.

Con người sẽ chẳng biết đến chiến tranh

Khi họ chỉ cần những chiếc bát bằng gỗ sồi.

“Người cai trị, người cần gì dùng hình phạt? Hãy yêu đức hạnh, thì dân sẽ có đức hạnh. Những đức hạnh của người bề trên thì như gió vậy, đức hạnh của người bé mọn thì như cỏ, cỏ sẽ rạp mình khi có gió thổi qua" [329].

Chương 9

Những cái đầm

Đôi khi, chán ngấy giao du với mọi người và những chuyện tầm phào, và mệt lử với những người bạn trong làng, tôi đi lang thang xa hơn về phía tây, vào phần ít tới của thành phố, "đến những cánh rừng tươi xanh và những đồng cỏ mới" [330], hoặc trong khi mặt trời lặn, ăn bữa tối với việt quất trên Đồi Fair-Haven (Bến Đẹp), và để dành cho nhiều ngày tới. Loại quả này không mang lại hương vị thật cho người mua nó, cũng như cho người trồng nó để bán. Chỉ có một cách duy nhất để có được hương vị ấy, nhưng ít người làm theo. Nếu bạn muốn biết hương vị của việt quất, hãy hỏi một cậu chăn bò, hay một chú gà gô. Nếu bạn chưa bao giờ hái việt quất, thì đừng có nói đến mùi vị của nó. Việt quất chưa bao giờ ra đến Boston, ở đó chưa ai biết đến chúng từ khi chúng mọc trên ba quả đồi [331] đó. Mùi hương thần tiên và phần tinh túy nhất của quả bị mất khi lớp phấn trên vỏ nó bị chà đi trên những chuyến xe ra chợ, và trở thành thứ cỏ khô trần tục. Chừng nào Công lí Vĩnh cửu còn ngự trị, không một trái việt quất vô tội nào được chở từ những quả đồi vùng nông thôn đến đó.

Đôi khi, sau khi làm xong phần công việc chăm bón đậu trong ngày, tôi đi cùng một người bạn thiếu kiên nhẫn đã ngồi câu cá trên đầm từ sáng sớm, im lặng bất động như một chú vịt hay một chiếc lá nổi, và sau khi thực hành nhiều triết lí khác nhau, và lúc tôi đến, đã kết luận một cách bình thường rằng anh

ta thuộc về giáo phái cổ Coenobite [332]. Có một người già hơn, là người câu cá rất giỏi, và thông thạo tất cả các nghề thuộc về rừng, ông vui lòng coi ngôi nhà của tôi như một ngôi nhà được dựng lên để tạo tiện nghi cho những người đánh cá, còn tôi cũng vui khi ông ngồi trên ngưỡng cửa nhà tôi để sắp xếp các dây câu của ông. Có lần chúng tôi ngồi với nhau trên đầm, ông ngồi trên một đầu thuyền, tôi ở đầu kia, nhưng không nhiều lời trao đổi giữa chúng tôi, vì mấy năm nay ông ngày càng điếc, thỉnh thoảng ông âm ư một bài thánh ca, nó khá hài hòa với triết lí của tôi. Mối quan hệ của chúng tôi như vậy thuận hòa và bền vững, dễ chịu để nhớ hơn là nếu nó được thực hiện bằng lời nói. Thông thường, khi không có gì để đàm luận, tôi thường gây nên một tiếng vọng bằng cách gõ một mái chèo lên mạn thuyền, làm cho những khu rừng xung quanh đầy những âm thanh quay vòng và loang rộng, khuấy động chúng như người dạy thú với bầy dã thú của mình, cho đến khi khơi dậy được một tiếng gầm rền từ thung lũng mọc đầy cây và từ sườn đồi.

Trong những buổi tối ấm áp tôi thường ngồi trong thuyền thổi sáo và nhìn con cá rô [333] dường như đã bị tôi mê hoặc, lởn vởn quanh tôi, và mặt trăng du ngoạn trên đáy nước lăn tăn, rải rác những mảnh vụn của rừng. Trước đây tôi đến đầm này một cách mạo hiểm, thỉnh thoảng, trong những đêm hè tối trời, với một người bạn, và đốt một đống lửa gần mép nước, chúng tôi nghĩ sẽ thu hút cá, chúng tôi câu cá nheo bằng mọt nhúm giun buộc vào một sợi cước, và khi chúng tôi câu được, trong đêm sâu, những cạnh củi cháy dở bay lên không trung như pháo thăng thiên, rơi xuống đầm rồi tắt ngúm với tiếng xèo xèo lớn, và chúng tôi bỗng nhiên phải sờ soạng mò mẫm trong bóng tối

hoàn toàn. Cứ như thế, cao hứng huýt sáo, chúng tôi lại tìm đường về nơi trú ngụ của con người. Nhưng bây giờ tôi đã làm nhà bên bờ đầm.

Đôi khi, sau khi ngồi chơi trong một phòng khách ở làng cho đến khi gia đình chủ nhà đi nghỉ, tôi trở về rừng và, nghĩ đến bữa ăn ngày mai, trong đêm khuya tôi đi câu cá trên một cái thuyền dưới ánh trăng, nghe khúc nhạc chiều của lũ cú và cáo, và thỉnh thoảng lại nghe tiếng tích tích của một con chim vô danh ngay gần bên tai. Những trải nghiệm này vô cùng đáng nhớ và đáng quý đối với tôi, thả câu dưới mười hai thước nước, và cách bờ khoảng một trăm năm mươi mét, đôi khi được vây bủa bởi hàng ngàn con cá rô (*pecca*) và cá diếc [334] ánh bạc, những cái đuôi của chúng làm mặt nước gợn lăn tăn dưới ánh trăng; một sợi dây dài vàng nhạt kết nối tôi với những con cá ăn đêm bí mật ẩn náu dưới mười hai thước nước; hay đôi khi thuyền tôi lướt đi trong làn gió mát của đêm, kéo theo hai chục mét dây trên đầm, tôi cảm thấy có một rung động nhè nhẹ dọc theo dây, báo cho biết có sự sống quanh quất đâu đây ở cuối dây, về mục đích mơ hồ mò mẫm ở đó, và chậm chạp quyết định. Cuối cùng tôi chậm rãi nâng lên, hai bàn tay luân phiên buông bắt kéo, một con cá nheo mắc câu kêu ken két và quằn quại trên không. Thật lạ lùng, đặc biệt trong những đêm tối trời, khi trí óc của bạn đang lang thang trong những chủ đề mang mang vũ trụ, trên những hành trình khác, bạn đã không cảm thấy cái giật rất nhẹ này, nó làm gián đoạn những mơ mộng của bạn và kết nối bạn trở lại với Thiên nhiên. Cứ như thể tôi sau đó có thể quãng dây lên không khí cũng như thả xuống làn nước

[335] không hề đặc hơn chút nào. Như vậy tôi đã câu hai con cá bằng một lưỡi câu.

Phong cảnh của đầm Walden khá bình thường, mặc dù cũng đẹp, nhưng không thể gọi là hùng vĩ, cũng không làm bận tâm nhiều đến những người thường xuyên lui tới hay sống bên bờ; tuy nhiên cái đầm này có một độ sâu và độ trong đáng để miêu tả đặc biệt. Nó là một hồ nước xanh trong và sâu, dài đến nửa dặm và chu vi một dặm ba phần tư, rộng khoảng sáu mươi mốt mẫu [336] rưỡi, một nguồn nước lâu năm ở giữa một rừng thông và sồi, không có lối vào hay lối ra nào trừ mây và hơi nước. Những quả đồi xung quanh đột ngột nhô lên trên mặt nước cao bốn mươi đến tám mươi foot [337] , mặc dù ở hướng đông nam và đông chúng lên đến hàng trăm và trăm rưỡi foot, tương ứng, trong vòng một phần tư và phần ba dặm. Chúng là khoảng đất rừng riêng biệt. Tất cả những mặt nước ở Concord ít nhất có hai màu, một màu nhìn từ xa, và màu kia nhìn thích hợp hơn, ngay trước mặt. Cái trước phụ thuộc vào ánh sáng và theo sắc trời. Khi thời tiết tốt, mùa hè, chúng có màu xanh da trời ở khoảng cách gần, đặc biệt nếu xao động, và ở một khoảng cách lớn thì tất cả trông giống nhau. Trong mùa đông bão đôi khi chúng có màu xám sẫm. Tuy nhiên, người ta nói biển có màu xanh dương hôm nay nhưng xanh lục hôm khác, mà không có sự thay đổi nào có thể nhận biết trong bầu khí quyển. Tôi đã thấy dòng sông của chúng tôi, khi quang cảnh bị bao phủ bởi tuyết, cả nước và băng hầu như xanh như cỏ. Một số người coi xanh dương "là màu của nước trong, dù lỏng hay rắn". Nhưng, nhìn thẳng xuống nước từ một chiếc thuyền, chúng ta thấy có nhiều màu sắc rất khác nhau. Đầm xanh dương lúc này và xanh

lục vào lúc khác, ngay cả từ cùng một điểm nhìn. Nằm giữa đất và trời, nó chia sẻ màu sắc của cả hai. Nhìn từ đỉnh đồi nó phản chiếu màu của bầu trời, nhưng nếu đến gần, thì ở cạnh bờ nơi bạn có thể nhìn thấy cát dưới đáy, nó có màu vàng; rồi chuyển sang xanh lá cây nhạt, rồi đậm dần để hòa với màu lục đậm ở giữa đầm. Dưới ánh nắng gắt, thì dù nhìn từ đỉnh đồi, bạn sẽ thấy ở gần bờ có màu xanh cây chói lọi. Có người cho là nó phản chiếu màu xanh tươi của cây cỏ; nhưng ở phía bờ cát gần với đường sắt, nó vẫn có màu xanh lục, ngay cả vào mùa xuân, khi cây chưa ra lộc; có lẽ đơn giản là kết quả sự pha trộn giữa màu xanh của bầu trời và màu vàng của cát. Đây là màu mắt của đầm Walden. Đây cũng là cái phần gần bờ, vào mùa xuân, lớp băng trên mặt nhận được nhiệt của những tia mặt trời phản xạ từ dưới đáy lên và của bờ truyền qua, tan sớm hơn những chỗ khác và tạo thành một dòng kênh hẹp bao quanh khoảng giữa đầm vẫn còn băng. Giống như những mặt nước khác, khi trời trong và có có mạnh, mặt sóng phản chiếu bầu trời ở một góc thích hợp, hay nói chung nhận được nhiều ánh sáng hơn, nhìn gần nó có một màu xanh dương đậm hơn cả bầu trời; và vào những lúc như thế, ngồi trên mặt đầm nhìn cả trời và nước để thấy sự phản chiếu ấy, tôi thấy rõ một màu xanh biếc tuyệt diệu khôn tả, gợi nghĩ đến những dải lụa hay những lưỡi gươm lấp lánh, xanh hơn bầu trời, luân phiên thay đổi với màu xanh lá cây sẫm ban đầu trên phần đối diện của sóng, xuất hiện cuối cùng nhưng mập mờ hơn. Nó là một màu thủy tinh xanh lam ngả sang lục, và tôi nhớ nó như những mảnh trời mùa đông nhìn qua những đám mây ở đằng tây trước khi mặt trời lặn. Ai cũng biết rằng một chiếc đĩa thủy tinh to sẽ có màu xanh lá cây,

do "độ dày" của nó, như những người làm ra nó nói, nhưng một mảnh nhỏ của nó sẽ là không màu. Tôi chưa bao giờ thử xem nước đầm Walden cần có "độ dày" lớn đến đâu để phản chiếu màu xanh lục. Nước những con sông của chúng ta thì đen hoặc nâu rất đậm đối với những ai nhìn thẳng xuống nó, và, giống như phần lớn những cái đầm, vỗ vào thân thể người tắm trong nó một sắc thái ngả vàng, nhưng nước này có độ tinh khiết pha lê đến mức thân thể người tắm ánh lên sắc trắng thạch cao, còn phi tự nhiên hơn, khi các chi vừa bị phóng to vừa vặn vẹo, tạo ra một hiệu quả quái dị, xứng đáng làm hình nghiên cứu cho một Michael Angelo [338].

Nước trong suốt đến mức có thể dễ dàng trông thấy đáy ở độ sâu tám đến mười mét [339]. Chèo thuyền qua, bạn có thể thấy qua nhiều mét dưới mặt nước những bầy cá *pecca*, cá shiner, có lẽ chỉ dài một inch, nhưng loại cá *pecca* có thể dễ dàng phân biệt bằng những vạch ngang của chúng, và bạn nghĩ rằng chúng chắc là loài cá khổ hạnh đi tìm kế sinh nhai ở đó. Có lần, vào mùa đông, cách đây nhiều năm, sau khi đã đục một lỗ qua lớp băng để câu cá chó đen, tôi bước đi trên mép lỗ, và quãng chiếc rìu về phía sau, rơi trên mặt băng, nhưng, giống như có một thần ác nào hướng dẫn nó, nó trượt đi hơn mười mét rồi rơi thẳng vào một cái hố sâu khoảng tám mét. Quá ngạc nhiên, tôi nằm xuống trên băng và nhìn xuống lỗ, đến khi nhìn thấy chiếc rìu dựng đứng trên đầu của nó, cán dựng lên và hơi lắc lư theo nhịp chảy của nước đầm, và nó có thể cứ ở đó và lắc lư như thế cho đến khi chiếc cán mục ra, nếu tôi không động đến nó. Tôi đục rộng miệng lỗ ra và đục sâu xuống, bằng cái đục băng tôi mang theo, đục sâu bằng chiều dài của chiếc gậy dài nhất mà

tôi có thể kiếm được trong vùng này, tôi làm một chiếc thòng lọng và buộc vào một đầu của chiếc gậy, thả xuống cẩn thận, thòng qua phần to nhất của cán rìu và kéo nó bằng một sợi dây dọc theo gậy, và như thế kéo được chiếc rìu lên.

Ôm quanh bờ đầm là vành đai lượn tròn mềm mại bằng đá trắng giống như đá lát đường, ngoại trừ một vài đoạn cát ngắn và dốc đến nỗi ở nhiều chỗ chỉ một cú nhảy sẽ đưa bạn ngập đầu xuống nước; và nếu như nước không trong suốt đến lạ lùng như thế, sẽ không thấy rõ đáy của nó cho tới tận bờ bên kia. Một số người nghĩ nó không có đáy. Không chỗ nào có bùn, và một người quan sát tình cờ sẽ bảo không có chút rong tảo nào trong đó, còn về những cây dễ nhận thấy, trừ trong những bãi cỏ nhỏ bị ngập gần đây, đúng ra không thuộc cái đầm này, nhìn kĩ thật gần sẽ không thấy một cây cỏ chỉ, không thấy cả một cây hoa loa kèn, vàng hay trắng, mà chỉ thấy một ít cây có lá hình tim nhỏ, và rong lá liễu [340], và có lẽ một hai loài thủy sinh; tuy nhiên tất cả những loài ấy người tắm không nhận thấy được; và những cây này sạch và sáng như cái nguyên tố [341] mà chúng mọc trong đó. Đá cuội trải dài một hai sải [342] trong nước, rồi tiếp đó là đáy cát sạch, ngoại trừ ở những chỗ sâu nhất, nơi thường có một ít cặn lắng, có lẽ từ lá mục bị chìm vào đó trong bao nhiêu mùa thu kế tiếp nhau, và tảo xanh bám chặt vào đó ngay cả giữa mùa đông.

Chúng tôi biết một chiếc đầm khác giống cái này, White Pond, ở Khu Chín Mẫu (*Nine Acre Corner*) khoảng hai dặm rưỡi về phía tây; nhưng, mặc dù tôi đã biết hầu hết các đầm trong phạm vi mười dặm của vùng này, tôi không thấy cái thứ ba có độ tinh khiết và đặc tính tốt như thế này. Các thế hệ tiếp nhau có thể đã

đến uống ở đó, say mê, và thăm dò nó, rồi lần lượt qua đời, nhưng nước của nó vẫn trong xanh như muôn thuở. Cái nguồn này không bao giờ khô cạn. Có lẽ vào mùa xuân Adam và Eve bị đuổi khỏi Eden thì đầm Walden đã có rồi, và tan băng trong một màn mưa xuân dịu dàng kèm theo sương mù và gió nồm nam, và được phủ kín bởi hằng hà những ngỗng và vịt trời, bọn này chưa bao giờ nghe nói về mùa thu, khi những cái hồ trong vắt như thế này là đủ cho chúng rồi. Ngay từ khi đó nó đã bắt đầu lên và xuống, và đã khơi trong nước của nó, đã nhuộm cho nước những màu sắc như nó đang mang bây giờ, và được trời cấp chứng nhận là đầm Walden duy nhất trên thế giới và là bình chưng cất những giọt sương của trời. Ai biết được nó đã là Nguồn nước Castalia [343] khơi nguồn thi hứng cho bao nhiêu văn chương đã bị quên lãng của đất nước? Hay những nữ thần nào đã chủ trì nó trong thời Hoàng kim? Nó là một hạt ngọc mà Concord đính trên vương miện của nàng [344].

Tuy nhiên có lẽ người đầu tiên đến với cái đầm này đã để lại những dấu chân của họ. Tôi đã ngạc nhiên khi đi vòng quanh đầm, ngay ở nơi rừng rậm đã bị đốn hạ bên bờ, phát hiện ra một con đường nhỏ giống như một dải đá trên sườn dốc thoai thoải, lên lên xuống xuống, tiến gần đến mép nước rồi rút ra xa, có lẽ cũng cổ xưa như giống người ở đây, mòn đi dưới bước chân của những thợ săn người bản xứ, và hết lần này đến lần khác bị những bước chân vô ý thức của những người ngày nay chiếm lĩnh mảnh đất này giẫm đạp lên. Nếu một người đứng ở giữa đầm trong mùa đông, sau khi những bông tuyết nhẹ rơi xuống, sẽ thấy rất rõ một đường lượn sóng trắng nhấp nhô rõ nét hiện ra, không bị ngăn trở bởi cỏ dại và những nhánh cây con, và rõ

ràng cách một phần tư dặm ở nhiều chỗ mà trong mùa hè khó phân biệt dù ngay gần bên. Tuyết đã in lại nó, như nó vốn thế, trong một kiểu hình đắp nổi màu trắng rõ ràng. Những cái nền trang trí của các biệt thự ngày trước đã được xây ở đây nay vẫn còn lưu lại vài vết tích.

Nước đầm lên rồi xuống, nhưng có đều đặn không và trong thời gian bao lâu, không ai biết, mặc dù, như vẫn thường thế, nhiều người giả vờ biết. Thông thường mực nước cao hơn về mùa đông và thấp hơn trong mùa hè, mặc dù không phụ thuộc khô hạn hay mưa nhiều. Tôi vẫn nhớ khi nó xuống thấp hơn một hai foot, cũng như khi nó lên cao hơn ít nhất năm foot, so với khi tôi sống ở đó. Có một dải cát hẹp chạy vào nó, một bên nước rất sâu, trên đó vào khoảng năm 1824, tôi đã đun một nồi xúp cá, tại một điểm cách bờ chính cả trăm mét, mà trong hai mươi lăm năm, đã không có thể làm được việc đó. Mặt khác, bạn bè của tôi thường nghe với vẻ ngờ vực khi tôi bảo họ rằng mấy năm sau đó tôi thường câu cá trên thuyền trong một cái vũng kín đáo trong rừng, cách cái bờ duy nhất mà họ biết hơn bảy chục mét, nơi từ đó đến nay đã biến thành bãi cỏ. Nhưng nước đầm cứ dâng lên đều đặn trong hai năm, và bây giờ, mùa hè năm 1852, nó chỉ cao hơn hồi tôi sống ở đấy năm foot, hoặc cao bằng mực nước cách nay ba mươi năm, và lại có thể câu cá trên bãi cỏ. Độ chênh về mực nước đến sáu bảy foot, mà nước từ những quả đồi xung quanh chảy vào không đáng kể, nên sự tăng lên này chắc do tác động của những dòng nước ngầm. Cũng trong mùa hè này nước đầm lại bắt đầu rút xuống. Đáng chú ý là sự thay đổi này, dù có chu lờ hay không, cần đến nhiều năm để diễn ra. Tôi đã chứng kiến một lần lên và hai lần xuống,

và tôi hi vọng rằng mươi mười lăm năm kể từ đây nước lại xuống thấp như tôi đã từng biết. Đầm Flint cách một dặm về phía đông, và cũng là đầm nhỏ hơn cỡ trung, thông với Walden, và gần đây đạt được mực nước cao nhất cùng thời gian với Walden. Điều này, theo quan sát của tôi, cũng đúng với đầm Trắng (*White Pond*).

Sự lên xuống của nước đầm Walden trong những quãng cách thời gian dài ít nhất có cái lợi này, là mực nước đứng ở độ cao trong một năm hoặc hơn (mặc dù như vậy khó đi quanh nó), giết chết những bụi cây và cây chồi lên quanh mép của nó từ lần nước lớn trước - thông có nhựa (*pitch-pine*), bạch dương, cây tông quản sủi (*alder*), dương lá rung (*aspen*), và những thứ cây khác - và khi nước rút xuống, nó để lại bờ không có gì vướng cản, vì, không giống như nhiều đầm khác hay những sông ngòi chịu tác động của thủy triều lên xuống hằng ngày, bờ của nó là quang quẻ nhất khi nước rút xuống thấp nhất. Bên bờ đầm cạnh nhà tôi, một hàng pitch-pine cao bốn năm mét đã bị chết và đổ nghiêng như bị người ta dùng đòn bẩy bẩy lên, như vậy sự xâm lấn của rừng đã bị chặn lại, và từ kích thước của cây có thể biết được từ lần cuối nước lên đến độ cao này đến nay bao nhiêu năm đã trôi qua. Nhờ sự lên xuống của nước, đầm khẳng định quyền sở hữu của nó đối với bờ, và như vậy bờ (*shore*) bị xén lông (*shorn*), tức là những cây kia không có quyền đứng đó. Đây là những cái môi của hồ và râu không mọc trên đó. Nó lâu lâu lại liếm lên má của nó. Khi nước lên đến độ cao nhất của nó, những cây tổng quản sủi, cây liễu, cây thích, thân ngập trong nước, tỏa những bộ rễ đỏ xơ của chúng từ mọi phía, dài đến mấy foot và cao đến 3, 4 foot, để cố gắng tự duy trì, và tôi biết có

những bụi việt quất cao quanh đầm, thường không ra trái, nhưng trong điều kiện này cho một mùa trái trĩu trịt.

Nhiều người thấy lạ lùng sao bờ đầm được lát đá đều đặn đến thế. Những người đồng hương với tôi đều đã được nghe về truyền thống này, những người già nhất kể với tôi rằng thời trẻ họ đã nghe từ xa xưa rằng những người Anhđiêng đã tụ tập trên một quả đồi ở đây, cao lên đến tận trời khi cái đầm thụt sâu xuống đất, và họ đã nói nhiều lời lẽ báng bổ, theo truyện kể, mặc dù đây là một trong những thói xấu mà người Anhđiêng không bao giờ mắc phải, và trong khi họ đang mải miết làm thế thì quả đồi bỗng nhiên rung lên và sập xuống, chỉ có một bà già Anhđiêng tên là Walden thoát được, và cái đầm được đặt theo tên bà. Người ta cho rằng khi quả đồi rung lên, những hòn đá đã lăn xuống và tạo thành bờ đầm như ngày nay. Dù sao, có một điều chắc chắn rằng ngày xưa không có cái đầm nào ở đây, và bây giờ có một cái; và câu chuyện ngụ ngôn Anhđiêng này không có khía cạnh nào mâu thuẫn với mô tả về người định cư cổ xưa mà tôi đã nhắc đến, anh ta nhớ rất rõ rằng khi lần đầu tiên tới đây với chiếc que dò mạch nước, anh ta đã thấy một làn hơi nước mỏng bay lên từ bãi cỏ, và cây gậy bằng gô phỉ cứ chỉ thẳng xuống, nên anh ta quyết định đào một cái giếng ở đây. Còn về đá, thì nhiều người vẫn nghĩ chúng khó mà được cân đo bằng tác động của sóng lên những quả đồi này, nhưng tôi quan sát thấy rằng những quả đồi bao quanh đầm đầy những hòn đá cùng một loại, đến nỗi người ta buộc phải xếp chồng chúng lên thành những bức tường ở cả hai bên đoạn đường ray xe lửa chạy gần nhất với đầm; và hơn nữa có nhiều đá nhất ở nơi bờ dốc đứng nhất; do đó, không may nó chẳng có gì là bí mật với tôi

nữa. Tôi đã phát hiện ra người lát. Nếu cái tên này, Walden, không rút ra từ những cái tên tiếng Anh của địa phương, Saffron Walden [345] chẳng hạn, người ta có thể cho rằng ban đầu nó được gọi là Walled-in Pond (cái đầm được xây tường xung quanh).

Cái đầm này là cái giếng được đào sẵn cho tôi. Bốn tháng trong một năm nước của nó lạnh cũng như quanh năm lúc nào cũng trong, và tôi nghĩ nó tốt như bất kì cái giếng nào trong thành phố, nếu không phải là tốt nhất, về mùa đông, tất cả những mặt nước lộ thiên lạnh hơn những mạch nước ngầm và những cái giếng được che phủ. Tôi ngồi trong phòng từ năm giờ chiều đến trưa hôm sau, ngày 6 tháng Ba, 1846, nhiệt kế có lúc chỉ lên đến 15,5° (C) hay 21,1° một phần do nắng trên mái nhà, thì nhiệt độ của nước đầm là 5,5° thấp hơn một độ so với nước vừa múc lên từ một cái giếng lạnh nhất trong làng. Nhiệt độ của Suối Nước Sôi [346] cùng ngày là 7,2°, ấm hơn bất kì thứ nước nào được thử, mặc dù trong mùa hè nó là lạnh nhất mà tôi biết, khi nó không bị nước của những ao nông và tù đọng hòa lẫn vào. Hơn nữa, trong mùa hè, do độ sâu của nó, Walden không bao giờ ấm lên như phần nhiều những nước lộ ra dưới ánh mặt trời. Khi trời nóng nhất tôi thường đặt một xô nước trong buồng, nó sẽ trở nên mát vào ban đêm, và tôi vẫn để thế cả ngày, mặc dù tôi cũng hay ra nghỉ bên một dòng suối gần đó. Sau một tuần nước vẫn ngon như vừa mới múc lên, và không có mùi máy bơm. Bất kì ai cắm trại một tuần vào mùa hè bên bờ một cái đầm, chỉ cần chôn một xô nước xuống sâu vài foot trong bóng mát thì chẳng cần đến nước đá nữa.

Trong đầm Walden có khi câu được cá măng [347] mỗi con nặng đến bảy pound [348], chưa nói đến một con khác lôi cả dây câu đi với tốc độ lớn, mà người câu đoán chừng nó phải đến tám pound vì ông ta không nhìn thấy nó, cá *pecca* và cá nheo, mỗi loại nặng hơn hai *pound, shiner, chivin*, hay cá *rutilut* (*Leuciscus pulchellus*,) rất ít cá tráp, và một vài con lươn, có con nặng đến bốn pound, và chúng là những con lươn duy nhất mà tôi từng nghe nói đến ở đây; tôi nói kĩ như vậy bởi vì trọng lượng của con cá câu được là minh chứng duy nhất cho danh tiếng của đầm; tôi cũng có một kí ức mờ nhạt về một con cá nhỏ dài khoảng năm inch [349], hai bên ánh bạc và lưng xanh lá cây nhạt, về đặc tính của nó hơi giống cá *dace* [350], mà tôi nhắc đến ở đây chủ yếu để lấy thực tế để củng cố cho truyền thuyết. Tuy nhiên cái đầm này không nhiều cá sinh sôi nảy nở. Những con cá chó đen, dù không nhiều, là niềm kiêu hãnh chủ yếu của nó. Có lần tôi đã thấy nằm trên băng ít nhất ba loại cá chó đen khác nhau, một loại dài và dẹt, màu thép, rất giống với những con cá câu được trên sông; một loại màu vàng sáng, phản chiếu ánh sáng xanh lục nhạt, và rất sâu, loại này phổ biến nhất ở đây; và một loại khác, màu vàng kim, hình dáng giống như loại trên, nhưng ở hai bên có những chấm nhỏ thưa màu vàng đậm và đen, pha một ít chấm nhỏ màu đỏ như máu nhạt, và rất giống cá hồi. Cái tên riêng reticulatus [351] không áp dụng cho loài này, gọi nó là *guttatus* [352] thì đúng hơn. Nó là một con cá chắc nịch, có cân nặng lớn hơn cân nặng mà kích thước của nó hứa hẹn. Những con cá tuế vàng (*shiners*), cá nheo, và *pecca* cũng vậy, và quả thật tất cả những con cá sống trong đầm này đều sạch hơn, đẹp hơn, và chắc thịt hơn những con sống ở sông hay hầu hết các đầm

khác, và vì nước trong hơn nên dễ phân biệt chúng với những con ấy. Có lẽ nhiều nhà ngư học sẽ định ra nhiều giống mới từ những loài cá này. Trong đầm còn có những loài ếch và rùa sạch, và một ít trai, chuột nước, chồn vizon, để lại nhưng dấu vết của chúng, và thỉnh thoảng một chú rùa-bùn (*mud-turtle* - loài rùa nhỏ sống dưới đáy ao đầm sông suối) chu du đến thăm đầm này. Đôi khi, buổi sáng tôi chèo thuyền ra, tôi đã làm kinh động một chú rùa- bùn ẩn mình dưới thuyền trong đêm. Vịt và ngỗng trời thường tới đây vào mùa xuân và mùa thu, nhạn bụng trắng (*Hirundo bicolor*) bay là đà trên mặt đầm, chim bói cá phát ra tín hiệu báo động của chúng và những con *peetweet* [353] (*Totanus macularius*) gáy te te dọc bờ đá suốt mùa hè. Đôi khi tôi làm kinh động một con ó biển đậu trên cành một cây thông trắng trên nước; tôi tự hỏi liệu nó có bao giờ bị một con mòng biển xúc phạm, như Fair Haven không. Nhiều nhất thì nó phải chịu đựng một con chim lặn gavia lui tới đây hằng năm. Đây là tất cả những động vật quan trọng thường lui tới đầm này.

Khi thời tiết tốt, bạn có thể nhìn thấy từ một chiếc thuyền, gần bờ cát hướng đông, nơi nước sâu khoảng tám đến mười foot, cũng như ở một số phần khác của đầm, một đống tròn đường kính sáu foot, chiều cao một foot, gồm những viên đá nhỏ hơn quả trứng gà, ở nơi xung quanh toàn là cát. Đầu tiên bạn tự hỏi có phải người Anhđiêng đã xếp chúng thành hình trên băng cho một mục đích nào đó, và khi băng tan đi, chúng chìm xuống đáy; nhưng chúng quá tròn trịa và một số viên rõ rang còn quá mới, nên chuyện đó khó xảy ra. Chúng giống như những đống đá thấy trong các dòng sông, nhưng vì ở đây không có cá mút đá, tôi không biết chúng được làm ra bằng loại cá

nào. Có lẽ chúng là những cái tổ của cá bống [354] (*chivin*). Những đống đá này mang lại cho đáy đầm một bí mật thú vị.

Bờ đầm không đều lắm nên không bị đơn điệu. Trong tâm tưởng, tôi hình dung bờ hướng tây lõm vào với những hõm sâu, bờ phía bắc dốc đứng, và bờ nam kiểu vỏ sò đẹp, nơi những hang động liên tiếp lấn lên nhau tạo thành những vịnh chưa có ai thăm dò. Rừng sẽ là một phong cảnh tuyệt đẹp, khi được nhìn từ giữa một cái hồ nhỏ ở giữa những quả đồi nhô lên từ mép nước; vì nước phản chiếu nó không chỉ tạo thành cái cận cảnh tốt nhất, mà, với dải bờ lộng gió của mình, còn tạo thành cái ranh giới tự nhiên và dễ thương nhất cho nó. Những bìa rừng không có vẻ thô và kém hoàn thiện, như ở nơi bị đốn chặt một phần, hay những mảnh đất trồng tiếp giáp với nó. Cây cối có một khoảng rộng để lan ra đến mép nước, và chúng tỏa những cành khỏe mạnh nhất về hướng đó. Ở đây Thiên nhiên đã đan một đường diềm tự nhiên, và mắt ngước dần lên từ những bụi cây thấp của bờ đến những ngọn cây cao nhất. Ở đây dường như chưa có dấu vết của con người. Nước đầm đã tắm rửa cho bờ như từ nghìn năm nay rồi.

Một cái hồ là nét đẹp và ấn tượng nhất của phong cảnh. Nó là con mắt của đất, nhìn vào nó, người nhìn đo được độ sâu thẳm của bản chất của chính mình. Những cây cối ven bờ là hàng lông mi thanh viền quanh nó, còn những quả đồi có cây và những vách đá bao quanh là những lông mày nhô ra của nó.

Đứng trên bãi cát mịn ở bờ đông của đầm, trong một chiều tháng Chín, khi màn sương nhẹ che mờ bờ bên kia, tôi hiểu ra thành ngữ "mặt gương của hồ" từ đâu đến. Khi bạn lộn ngược đầu [355], trông nó giống như sợi tơ của một tấm sa mỏng trải vắt

qua thung lũng, và hắt sáng tới những cánh rừng thông xa xa, tách một tầng không khí ra khỏi một tầng khác. Bạn sẽ có cảm tưởng như bạn có thể bước đi qua nó sang đến những quả đồi bờ bên kia, và những con nhạn đang chao cánh bay có thể đậu trên nó. Quả thật, đôi khi chúng lặn xuống qua đường phân cách, như thể bị nhầm, và tỉnh ra. Khi nhìn qua đầm sang hướng tây, bạn buộc phải dùng cả hai bàn tay che mắt tránh ánh phản chiếu của mặt trời và ngay cả mặt trời thật, vì chúng sáng ngang nhau; và nếu, giữa hai nguồn sáng ấy, bạn quan sát kĩ lưỡng mặt đâm, thì đúng là nó phẳng mịn như gương, chỉ trừ phi loài *skater* [356] theo những quãng cách đều đặn, rải rác khắp mặt đầm, bằng những chuyển động của chúng tạo ra những lóe sáng li ti; hay có khi một con vịt tự rỉa lông, hay như tôi đã nói, một con nhạn chao liệng là là như chạm vào mặt nước, ở khoảng cách xa có thể coi một con cá tung mình lên không như một cầu vồng ba, bốn foot trong không khí, lóe sáng khi nó xuất hiện, và lóe lần nữa khi nó đập xuống nước; đôi khi hiện ra cả một vòng cung ánh bạc; hoặc đó đây, có lẽ, một nùi bông nhẹ chứa những hạt của cây kế [357] trôi nổi trên mặt nước, và những con cá lao tới lại làm mặt đầm gợn sóng lăn tăn. Nó giống như thủy tinh nấu chảy, được làm nguội nhưng chưa đông lại, và một ít hạt bụi trong nó trông tinh khiết và đẹp như những bọt khí trong thủy tinh. Bạn có thể thường nhận thấy trên mặt đầm có một mảng nước láng hơn và sẫm hơn, tách khỏi phần còn lại như thể bởi một mạng nhện vô hình, chiếc cầu nổi cho những nàng tiên cá nằm nghỉ. Từ trên một đỉnh đồi bạn có thể trông thấy một con cá nhảy ở bất cứ chỗ nào, một con cá rô hay cá tuế vàng đớp một con côn trùng từ mặt nước êm đềm này, nhưng rõ

ràng nó làm rộn sự yên ả của cả mặt đầm. Sự kiện đơn giản này - một con cá đớp mồi trên mặt nước - hiện ra rõ ràng một sự cách kì lạ, và từ chỗ đứng xa của mình tôi nhận ra những vòng sóng lan toả rộng ra đến ba chục mét đường kính. Thậm chí bạn cũng có thể nhận ra một con rệp nước (*Gyrinus*) tiến lên không ngừng trên mặt nước phẳng lặng cách xa phần tư dặm; nó cày lướt trên mặt nước, tạo nên một gợn sóng lăn tăn dễ thấy ranh giới bởi hai đường rẽ ra, nhưng những con skater trượt trên mặt nước lại không làm gợn mảy may. Khi mặt nước xao động nhiều, không có con skater hoặc con rệp nước nào trên đó, nhưng rõ ràng là, trong những ngày êm lặng, chúng rời nơi trú ẩn để và liều lĩnh trượt từ bờ ra từng đợt ít một cho đến khi chúng hoàn toàn bao phủ mặt đầm. Vào một trong những ngày thu đẹp khi ta được hoàn toàn tận hưởng hơi ấm của mặt trời, thật dễ chịu khi ngồi trên một gốc cây ở một độ cao như thế này, nhìn bao quát đầm, và ngắm những vòng tròn lan tỏa không ngừng in trên mặt nước - nếu không có chúng thì mặt nước trở nên vô hình - giữa những mảng trời được phản chiếu và cây cối. Trên bề mặt mênh mông này không có gì gây xao động, nhưng nếu có thì lập tức lặng xuống êm ả trở lại và dãn các nếp nhăn của nó, giống như nước trong một cái bình bị chấn động, những vòng tròn rung động hướng đến bờ và tất cả lại trở lại êm đềm. Không có con cá nào nhảy vọt lên hay con côn trùng nào rơi xuống nhưng nếu có thì mặt đầm hiện ra những gợn sóng tròn, theo những đường đẹp đẽ, như sự phun trào thường xuyên của mạch nguồn của nó, mạch đập êm dịu của đời sống của nó, sự phập phồng của bộ ngực của nó. Run lên vì vui mừng hay run lên vì đau vốn không phân biệt được. Biểu hiện của cái hồ này

thanh bình biết bao. Một lần nữa những công việc của con người tỏa sáng như trong mùa xuân. Mỗi chiếc lá mỗi cành cây mỗi hòn đá và mạng nhện vào giữa buổi trưa này lóng lánh như khi bị màn sương bao phủ vào một buổi sáng mùa xuân. Mọi chuyển động của một mái chèo hay một con côn trùng tạo ra một chớp lóe sáng; và nếu một mái chèo rơi, thì tiếng ngân mới dịu ngọt làm sao!

Trong một ngày như thế, tháng Chín hay tháng Mười, Walden là một tấm gương tuyệt hảo của rừng, xung quanh là những tảng đá mà trong mắt tôi, chúng như thể quý hiếm. Không có gì đẹp đẽ, trong trẻo, đồng thời lại lớn như một cái hồ, tình cờ, nằm trên trái đất. Nước trời. Không cần rào giậu. Các dân tộc đến và đi mà không làm nhơ bẩn nó. Nó là một tấm gương mà không hòn đá nào làm vỡ được, lớp thủy ngân của nó không bao giờ mòn, lớp mạ tự nhiên của nó liên tục được sửa chữa; không bão tố nào, không bụi bặm nào có thể làm mờ bề mặt luôn sáng trong như mới của nó; một tấm gương mà tất cả những gì không trong sạch hiện ra và bị quét đi, bị phủi đi bằng chiếc chổi sương của mặt trời - tấm giẻ lau bụi nhẹ nhàng ấy - nó không giữ lại hơi thở người ta đã thở lên nó, nhưng phả hơi thở của chính nó cho trôi như mây cao bên trên nó, và được phản chiếu trong bề mặt phẳng lì của nó.

Một mảng nước phản chiếu linh hồn trong không gian. Nó liên tục nhận được sự sống mới và chuyển động mới từ trên cao. Trong bản chất của nó, nó là trung gian giữa đất và trời. Trên mặt đất chỉ có cỏ cây reo vẫy như sóng, nhưng bản thân nước gợn sóng lăn tăn nhờ gió. Tôi biết nơi gió nhẹ lướt qua nó nhờ những sọc hay những đốm sáng. Được nhìn từ trên cao xuống

mặt nước đầm thì thật tuyệt. Có lẽ cuối cùng rồi chúng ta cũng sẽ nhìn xuống bề mặt của không khí như vậy, và nhận ra nơi nào một linh hồn còn vi tế hơn quét qua nó.

Bọn côn trùng chân dài (*skater*) và rệp nước cuối cùng biến mất vào cuối tháng Mười, khi sương mù dày đặc; và sau đó vào tháng Mười Một, thông thường trong một ngày êm ả, tuyệt đối không có gì lăn tăn trên bề mặt. Một buổi tối tháng Mười Một, trong cái yên lặng vào cuối một cơn mưa dông kéo dài nhiều ngày, khi bầu trời còn phủ mây hoàn toàn và không khí đầy sương, tôi thấy đầm êm dịu lạ thường, do đó thật khó nhận ra đâu là mặt của nó; dù nó không còn phản chiếu những sắc màu tươi sáng của tháng Mười, mà là những màu tối tăm ảm đạm tháng Mười Một của những quả đồi xung quanh. Mặc dù tôi đã cố đi qua nó một cách nhẹ nhàng nhất, những lọn sóng nhỏ tạo ra bởi thuyền của tôi lan rộng ra gần như đến hết tầm nhìn của tôi, và làm nhăn nheo những hình ảnh phản chiếu. Nhưng khi nhìn lên mặt nước, tôi thấy đó đây xa xa le lói một ánh sáng mờ mờ, như thể một số côn trùng chân dài đã thoát khỏi màn sương giá nơi đó, hay có lẽ, bề mặt vốn quá êm dịu như thế, đã để lộ ra nơi một nguồn nước từ dưới đáy tuôn lên. Chèo thật êm đến một trong những nơi như thế, tôi ngạc nhiên thấy mình bị bao vây bởi vô số những cá rô nhỏ, dài khoảng năm inch, một màu đồng lộng lẫy trong màu nước xanh lục, đang đùa giỡn ở đó, và liên tục nhảy lên khỏi mặt nước làm nó gợn sóng lăn tăn, đôi khi để lại những bong bóng trên đó. Trong làn nước trong veo và dường như không đáy như thế, phản chiếu những đám mây, tôi thấy mình dường như đang nổi lên trong không khí như một quả bóng bay, và lũ cá bơi gây cho tôi ấn tượng như

một kiểu bay lượn, như thể chúng là một đàn chim dày đặc đang bay qua bên dưới tôi bên trái bên phải, những cái vây của chúng giống như những cánh buồm. Có nhiều những bầy cá như thế trong đầm rõ ràng làm dễ chịu khoảng thời gian ngắn trước khi mùa đông kéo cánh cửa chớp băng giá trên cửa trời [358] rộng rãi của nó, đôi khi mang đến cho mặt đầm một vẻ ngoài như thể có một cơn gió nhẹ thổi vào nó, hay vài giọt mưa rơi. Khi tôi thận trọng đến gần và đánh thức chúng, chúng đột ngột quẫy tung làm mặt nước gợn sóng bằng những cái đuôi của chúng, như thể người ta đập nước bằng một cành cây lởm chởm, và lập tức trốn biệt xuống đáy. Cuối cùng gió nổi lên, và sương mù xuất hiện, sóng bắt đầu nổi, và đàn cá rô nhảy cao hơn trước, nửa mình lên khỏi mặt nước (tạo thành) hàng trăm chấm đen dài ba inch trên mặt nước. Thậm chí có năm đến tận mồng năm tháng Mười Hai, tôi thấy một số gợn sóng trên mặt nước, và nghĩ chắc mưa sẽ nặng hạt ngay bây giờ, bầu không khí đầy sương mù, tôi vội vàng nắm lấy mái chèo chèo về nhà, tưởng như mưa đã đổ xuống càng lúc càng mau, má tôi tê dại đi, và tôi chắc chắn sẽ ướt sũng. Nhưng bỗng nhiên những đợt sóng ngừng lại, vì vừa rồi chúng được tạo ra bởi lũ cá, mà mái chèo của tôi khua động dưới tầng sâu, và tôi đã lờ mờ trông thấy đàn cá biến đi; như vậy rốt cuộc cả buổi chiều ấy tôi vẫn khô ráo.

Một ông già thường lui tới đầm này gần sáu chục năm trước, khi những khu rừng xung quanh còn tối đen rậm rạp, nói với tôi rằng, thời ấy đôi khi ông thấy cả đầm sống động với những con vịt và chim nước, và quanh đó có nhiều đại bàng. Ông đến đây để câu cá, và dùng một chiếc thuyền độc mộc cũ mà ông thấy ở

trên bờ. Nó được làm bằng hai thân cây thông trắng gắn lại với nhau, hai đầu cắt vuông. Trông nó thật thô kệch khó coi, nhưng đã qua được rất nhiều năm, cuối cùng có lẽ bị ngấm nước và chìm dưới đáy. Ông ấy không biết nó là của ai; nó thuộc về đầm. Ông thường buộc dây cáp vào neo làm bằng những lớp vỏ gỗ mại châu cột lại với nhau. Một ông già đi lang thang, sống ở bên đầm trước Cách mạng, có lần nói với ông rằng có một cái hòm sắt ở dưới đáy, và ông ta đã nhìn thấy nó. Đôi khi nó có thể trôi đến bờ, nhưng khi anh đến gần, nó lặn xuống đáy sâu và mất dạng. Tôi thích nghe câu chuyện về chiếc thuyền độc mộc, nó giống như chiếc thuyền của người Anhđiêng, cùng thứ vật liệu nhưng cấu trúc thanh nhã hơn, vốn có thể là cây gỗ đầu tiên trên bờ và sau đó, khi xuống nước, nó nổi trên đó suốt cả một thế hệ, là thứ thuyền bè thích hợp nhất để đi trên hồ. Tôi nhớ rằng khi lần đầu nhìn vào khoảng nước sâu ấy tôi thấy rõ có nhiều thân cây to nằm dưới đáy, chúng có thể hoặc trước đây bị gió thổi ngã, hoặc bị để nằm lại trên băng sau đợt đốn cuối cùng, khi ấy gỗ rẻ hơn; nhưng nay chúng hầu như đã biến mất.

Khi tôi chèo thuyền trên đầm Walden lần đầu tiên, nó còn được vây quanh bởi những cánh rừng thông và sồi rậm rạp và cao ngất, và ở vài nơi, những dây nho còn leo lên những cây gần mép nước tạo thành những vòm lá mà thuyền có thể bơi qua bên dưới. Những quả đồi làm thành bờ rất dốc, và cây mọc trên chúng rất cao, đến mức khi bạn từ bờ hướng tây nhìn xuống, trông nó như một loại khán đài hình vòng cung cho các khán giả đồng quê. Khi còn trẻ tôi đã bỏ ra nhiều giờ bơi thuyền trên mặt đầm khi gió tây thổi, sau khi đưa thuyền ra giữa đầm, và nằm ngửa vắt người qua các ghế trong một buổi sáng mùa hè,

mơ mộng trong lúc thức, cho đến khi mái chèo chạm cát làm tôi sực tỉnh, và tôi trở dậy xem số phận đã đưa đẩy tôi đến bờ nào; những ngày mà sự biếng nhác là hấp dẫn nhất và được việc nhất. Nhiều buổi sáng tôi đã chuồn đi, muốn dùng phần có giá trị nhất của ngày theo cách ấy; vì tôi nếu không giàu có về tiền bạc, thì cũng giàu những giờ nắng và những ngày hè, nên đã sử dụng chúng một cách hoang phí; tôi cũng không tiếc vì đã để chúng bị uổng phí hơn trong xưởng hoặc bàn thầy giáo [359]. Nhưng từ khi tôi rời khỏi bờ đầm này, những người thợ đốn gỗ vẫn tiếp tục làm cho nó hoang tàn và trong nhiều năm nay đã không còn những cuộc ngao du qua những con đường mòn trong rừng, từng quãng lại có khe hẹp qua đó có thể nhìn thấy nước. Nếu từ nay trở đi Nàng Thơ của tôi im tiếng thì nên thông cảm với nàng. Làm sao bạn có thể mong lũ chim kia cất tiếng hót khi lùm cây của chúng đã bị chặt?

Bây giờ những thân cây nằm dưới nước, và chiếc thuyền độc mộc cũ, và rừng cây tối sẫm bao quanh, đã mất, và những dân làng, những người chỉ vừa mới biết nó nằm ở đâu, chứ không phải đã từng đến đầm để tắm hoặc để uống, đang nghĩ đến chuyện đem nước về làng trong một đường ống [360], để rửa chén bát, thứ nước lẽ ra phải thiêng liêng như nước sông Hằng [361]! - để có được Walden của họ bằng cách vặn một cái vòi hay kéo một cái chốt! Con Ngựa sắt độc địa đó, mà tiếng hí xé toang lỗ tai của nó cả thành phố đều nghe thấy, đã khuấy tung bùn Suối Nước Sôi bằng chân của nó, và chính nó đã gặm nát tất cả những cánh rừng bên bờ Walden; con ngựa thành Troy [362] ấy, với một nghìn người trong bụng nó, đã được những tên Hi Lạp hám lợi đưa vào! Đâu rồi người anh hùng của đất nước, chàng

Moore của Moore Hall [363], để đón đầu nó ở "Vết Cắt Sâu" (Deep Cut [364]) và đâm một nhát thương báo thù vào mạng sườn của loài sâu bọ phá hại béo phì này?

Tuy nhiên, trong tất cả những tính cách của Walden mà tôi đã biết, có lẽ sự tinh khiết [365] là đức tính tốt nhất mà nó mang và lưu giữ được. Nhiều người đã được so sánh với nó, nhưng ít ai xứng đáng với vinh dự ấy. Mặc dù những người thợ rừng đã đốn trọc hết bờ này đến bờ khác, và những người Ai Len đã xây những chuồng lợn của họ ở đấy, và đường sắt đã xâm phạm ranh giới của nó, và những người thợ đục băng đã có lần lướt qua, và bản thân nó thì không thay đổi, vẫn là nước mà đôi mắt thời trẻ của tôi đã nhìn, tất cả mọi thay đổi là ở nơi tôi. Tất cả những gợn sóng của nó không để lại một nếp nhăn vĩnh cửu nào cả. Nó vĩnh viễn trẻ trung, và tôi có thể đứng nhìn một con nhạn lao mình xuống mổ một con sâu trên mặt đầm như hồi nào. Đêm nay tôi lại ngạc nhiên như thể tôi chưa hề nhìn thấy nó hằng ngày trong suốt hai mươi năm, - Đây là Walden sao, cũng vẫn cái hồ trong rừng mà tôi phát hiện ra cách đây nhiều năm; nơi một cánh rừng bị đốn mùa đông năm ngoái một khu rừng khác đang bật lên bên những bờ của nó cường tráng hơn bao giờ hết; cùng luồng suy tưởng tuôn ra trên mặt của nó, cùng một niềm vui dịu dàng và niềm hạnh phúc đối với bản thân nó và Kẻ Sáng tạo ra nó, chà, có thể chính là tôi. Chắc chắn đó là công trình của một con người can đảm, trong đó không có sự gian dối nào! Ông khoanh tròn nước này bằng bàn tay ông, đào sâu và khơi trong nó trong ý nghĩ của ông, và trong di chúc của mình ông di tặng nó cho Concord. Tôi thấy trên bề mặt của nó

rằng nó được cùng một suy tưởng viếng thăm, và tôi hầu như có thể nói - Walden, ngươi đấy ư?

Không phải trong giấc mơ

Tôi trang trí một đường

Tôi không thể tới gần Chúa và Thiên đường hơn một chiều Walden

Tôi là bờ đá của nó,

Và con gió mát thổi qua

Trong hốc tay tôi

Là nước và cát của nó

Và nguồn sâu nhất của nó

Nằm cao trong suy nghĩ của tôi.

Những toa xe lửa không bao giờ dừng lại để nhìn nó; nhưng tôi tưởng tượng thấy những thợ máy, thợ đốt lò và người điều khiển phanh và những hành khách ấy có một vé mùa và thường xuyên thăm nó, là những người tốt hơn đối với quang cảnh này. Vào ban đêm người thợ máy không quên, vì bản chất anh ta là không quên, rằng anh đã nhìn thấy cảnh thanh bình và trong trẻo này ít nhất một lần trong ngày. Dù chỉ trông thấy một lần, nó cũng giúp gột rửa sạch State Street [366] và than bụi của đầu máy. Người ta [367] đã đề nghị gọi nó là "Giọt nước của Trời".

Tôi đã nói rằng Walden không có đầu vào và đầu ra, nhưng nó một mặt được nối từ xa và gián tiếp với đầm Flint, nằm cao hơn, bằng một chuỗi những đầm nhỏ trong khu vực đó, và mặt khác nối trực tiếp và lộ thiên với Sông Concord, nằm thấp hơn, bằng một chuỗi đầm tương tự, mà trong một thời kì địa chất nào đó có lẽ nó đã chảy vào, và nay chỉ cần đào lại một chút (nhưng

điều này Chúa cấm) là nó lại có thể chảy ra đấy. Nếu sống giản dị và kín đáo thế này, giống như một ẩn sĩ trong rừng, nó đã đạt được sự trong sạch kì diệu như thế, ai mà không tiếc khi nước đầm Flints tương đối kém hơn trong có thể được hoà trộn với nó, hay khi bản thân nó phung phí sự ngọt lành của nó vào sóng đại dương?

Đầm Flint, hay Đầm Cát, ở Lincoln, cái hồ lớn nhất của chúng ta, hay biển trong đất liền, nằm cách Walden chừng một dặm về phía đông. Nó lớn hơn nhiều, nghe nói nó rộng đến một trăm chín mươi bảy mẫu, và nhiều cá hơn; nhưng nó tương đối nông và không cực kì trong. Đi bộ xuyên qua rừng đến đó thường là cách tiêu khiển của tôi. Thật đáng công, chỉ để cảm thấy gió thổi tự do trên gò má bạn, và nhìn những làn sóng chạy và nhớ đến đời thủy thủ. Mùa thu tôi đi nhặt hạt dẻ ở đó, trong những ngày gió, khi hạt dẻ rụng xuống nước và dạt vào chân tôi, và một ngày, khi tôi đi rón rén dọc theo ven bờ đầy lau sậy của nó, một cành tươi quất vào mặt tôi, tôi đi về phía một chiếc thuyền nát, không còn hai bên mạn thuyền, và cái đáy phẳng của nó chỉ còn là dấu vết giữa đám sau sậy, tuy nhiên hình dáng của nó vẫn còn rõ ràng sắc nét, như thể nó là một tấm bảng lớn mục nát với những đường vân. Nó gây một ấn tượng hoang tàn như người ta có thể tưởng tượng một xác tàu đắm trên một bãi biển và như một lời răn tốt. Còn bây giờ nó hóa thành mùn và lẫn vào bờ đầm, và những cây cói, cây *irit* [368] đã trồi lên qua nó. Tôi thường thích thú ngắm nhìn những dấu sóng gợn in trên đáy cát, ở đầu phía bắc của đầm này áp lực nước làm cho đáy trở nên cứng vững cho bước chân người lội, và lau sậy mọc thành hàng lối, theo những bước sóng, như thể các lớp sóng đã

trồng chúng. Ở đó tôi còn thấy một lượng lớn những quả cầu[369] kì lạ, làm bằng cỏ hay rễ cỏ, có lẽ bằng *pipewort* [370], đường kính từ nửa inch đến bốn inch, và có hình cầu hoàn hảo. Chúng trôi ra dạt vào ở chỗ nước nông trên đáy cát, và đôi khi bị ném lên bờ. Chúng là những bó cỏ chặt, thường có một ít cát ở giữa. Lúc đầu có thể tưởng chúng được tạo nên bởi tác động của sóng, giống như sỏi; tuy nhiên những quả bé nhất, dài nửa inch, cũng bằng cỏ khô, và chúng được tạo ra chỉ trong một mùa. Hơn nữa, tôi nghĩ sóng thường không kiến tạo nhiều bằng bào mòn những vật liệu đã đạt được độ ổn định. Chúng giữ nguyên hình dạng khi khô đi trong một quãng thời gian vô định.

Đầm Flint! Ngôn ngữ của chúng ta nghèo nàn thế đấy. Gã nông dân ngu dốt và bẩn thỉu [371], đồng ruộng của y tiếp giáp với giọt nước của trời, mà những bờ của nó y đã tàn nhẫn đốn cho trơ trụi, thì có quyền gì mà lấy tên mình đặt cho nó? Một số kẻ keo bẩn yêu cái mặt sáng choang có thể soi được của đồng đô la hay đồng xu, trong đó y có thể nhìn thấy cái mặt trơ tráo của y; kẻ thậm chí coi những con vịt trời đậu trong đó như những kẻ xâm phạm, những ngón tay của y đã lớn lên thành những móng vuốt cong và sắc nhọn, do thói quen từ lâu nắm chặt như một mụ già tham lam - do đó tôi không ưa cái tên ấy. Tôi không đến để nhìn y hay nghe nói về y, kẻ chưa bao giờ trông thấy nó, chưa bao giờ tắm trong nó, chưa bao giờ yêu nó, chưa bao giờ bảo vệ nó, chưa bao giờ nói một lời tốt đẹp cho nó, chưa bao giờ cảm ơn Chúa vì người đã tạo ra nó. Đúng ra nên đặt tên nó theo tên những con cá bơi trong nó, những loài chim trời hay thú hoang thường lui tới nó, những bông hoa dại mọc bên bờ của nó, và một số người lớn hay trẻ con mà sợi chỉ tơ lịch sử của đời họ

được dệt vào với nó; đừng đặt tên nó theo tên kẻ không thể trưng ra một danh nghĩa nào ngoài cái chứng thư mà một láng giềng đồng bọn hay cơ quan lập pháp cấp cho y, - y là kẻ chỉ nghĩ đến giá trị bằng tiền của nó, kẻ mà sự có mặt chỉ gây tai họa cho những bờ của nó; kẻ làm cạn kiệt đất xung quanh nó, kẻ có thể sẵn sàng làm cạn kiệt nước trong lòng nó; kẻ chỉ tiếc rằng nó không phải là một đồng cỏ Anh hoặc việt quất - trong mắt y đúng là không có gì bù lại được - và y có thể xả hết nước và bán cả bùn dưới đáy nó. Nó không làm quay guồng nước của y, và ngắm nhìn nó không phải là đặc quyền của y. Tôi không tôn trọng công sức của y, trang trại của y - trong đó không cái gì không có giá của nó, y có thể mang cả vẻ đẹp của đầm, cả Chúa của y ra chợ nếu có thể kiếm được cái gì đó cho riêng y, y cầu Chúa cũng chỉ vì thế; trong trang trại của y không có gì mọc tự do, các cánh đồng của y không có hoa màu, đồng cỏ của y không có hoa, cây cối của y không có quả, mà chỉ có đô la, y không yêu vẻ đẹp của những hoa trái của y, trái cây của y không chín cho y cho đến khi chúng biến thành đô la. Đối với tôi, trong cái nghèo có sự giàu có thật sự. Người nông dân càng nghèo tôi càng thấy họ đáng kính và thú vị. Bạn có biết một nông trại kiểu mẫu là thế nào không? Ở đó ngôi nhà đứng như một cây nấm trong đống phân, những căn buồng cho cả người, ngựa, bò, và lợn, sạch và bẩn, tất cả liền kề với nhau! Chật cứng những người! Nhem nhuốc dầu mỡ, sặc mùi phân chuồng và nước sữa! Trồng trọt một cách trang trọng thành kính, bón bằng trái tim và trí óc người! Như thể trồng khoai tây trong nghĩa trang nhà thờ! Một nông trại kiểu mẫu là thế đấy!

Không, không; nếu những nét đẹp nhất của phong cảnh được đặt theo tên người, thì hãy đặt theo tên những con người cao quý nhất và danh giá nhất mà thôi. Hãy để cho những cái hồ của chúng ta nhận những cái tên đích thực như Biển Icaria [372] , nơi bờ yên tĩnh vẫn còn "vang dội kì tích oai hùng" [373].

Đầm Ngỗng, một đầm nhỏ trên đường tôi đến đầm Flint; đầm Bến Đẹp (*Fair Haven*) một đoạn phình ra của Sông Concord, nghe nói rộng đến bảy mươi mẫu, cách một dặm về hướng tây nam, và Đầm Trắng, khoảng bốn mươi mẫu, qua Bến Đẹp độ một dặm rưỡi. Đây là vùng đất hồ đầm của tôi. Những hồ đầm này, với Sông Concord, là những đặc quyền [374] sử dụng nước của tôi, cả ngày và đêm, năm này qua năm khác, chúng xay tất cả ngũ cốc mà tôi mang đến.

Vì những người thợ rừng và đường sắt và tôi đã xúc phạm Walden, nên có lẽ cái đầm quyến rũ nhất nếu không nói là đẹp nhất trong tất cả những hồ đầm của chúng tôi, hạt ngọc của rừng là đầm trắng - một cái tên tồi do cái nghĩa tầm thường của nó - dù là nói lên cái tinh khiết của nước hay màu cát của nó. Tuy nhiên trong khía cạnh này hay khác, nó là đứa em sinh đôi của đầm Walden. Chúng giống nhau nhiều đến nỗi người ta nghĩ chúng phải có liên hệ ngầm dưới đất. Nó cũng có bờ đá, và nước của nó có cùng màu. Cũng như ở Walden, vào những ngày nóng nực, nhìn xuyên qua rừng xuống một trong những vịnh của nó, nước không sâu lắm nhưng ánh sáng từ dưới đáy hắt lên tạo nên màu sắc của nó, một màu xanh lục ngả sang lam, hay màu nho xanh. Nhiều năm kể từ đó tôi thường đến đó lấy cát bằng những chuyến xe ngựa để về làm giấy nhám [375] và sau đó tiếp tục đến thăm nó. Một trong những người thường lui tới đầm

này đề nghị gọi nó là Hồ Virit. Có lẽ nên gọi nó là Hồ Thông-vàng, từ hoàn cảnh sau đây. Khoảng mười lăm năm trước bạn có thể thấy trên ngọn những cây thông-cứng (pinus rigấm) một loài gọi là thông-vàng quanh đây, mặc dù nó không phải là một loài riêng biệt, nhô ra trên mặt nước ở vùng nước sâu, cách bờ nhiều sải. Thậm chí có người còn gợi ý rằng đó là một trong những khu rừng nguyên thủy có ở đây từ trước đã lún xuống thành đầm. Tôi thấy rằng ngay từ năm 1792, trong cuốn Mô tả Địa hình Thành phố Concord của một trong những công dân của nó, trong những Bộ Sưu tập của Hội Lịch sử Massachusetts, tác giả sau khi nói về đầm Walden và đầm Trắng, đã thêm: "Ở giữa đầm Trắng khi nước xuống thấp có thể nhìn thấy một cái cây xuất hiện như thể nó mọc lên ở chỗ nó đang đứng bây giờ, mặc dù những rễ cây nằm sâu năm mươi foot dưới mặt nước, ngọn của cái cây này bị gãy, và ở chỗ đó người ta đo được đường kính mười bốn inch". Trong mùa xuân 1849 tôi nói chuyện với một người sống gần nhất đầm ở Sudbury, anh ta nói rằng chính anh ta là người đã đưa cái cây này ra cách đây mười hay mười lăm năm. Anh vẫn còn nhớ nó đứng cách bờ gần nhất là mười hai hoặc mười lăm sải [376], nơi nước sâu ba mươi hoặc bốn mươi foot [377]. Lúc đó là mùa đông và trong buổi sáng anh đục băng ra, để nó tan trong buổi chiều, và với sự giúp đỡ của các hàng xóm, anh đã đưa được cây thông-vàng cổ thụ ấy ra. Anh cưa một rãnh trên băng tới bờ, rồi dùng một con bò mộng lôi bật nó ra và kéo lết trên băng; nhưng trước khi tiếp tục công việc anh ngạc nhiên thấy gốc nó chổng ngược lên trời, các cành hướng xuống, và phần ngọn dính chặt vào đáy cát. Ở đầu to đường kính nó khoảng một foot, và anh hi vọng sẽ có được một

cây gỗ nguyên, nhưng nó mục đến mức chỉ còn đáng để làm củi. Anh đã có một ít loại này trong kho. Còn có những dấu rìu và vết chim gõ kiến trên gốc. Anh cho rằng có lẽ nó đã là một cây chết trên bờ, nhưng cuối cùng bị thổi xuống đầm, và sau khi ngọn của nó bị úng nước, trong khi gốc vẫn còn khô và nhẹ, nó bị trôi dạt và chìm phần ngọn xuống dưới. Cha của anh, tám mươi tuổi, không nhớ nổi khi nào không có nó ở đấy. Nhiều thân cây khá lớn vẫn còn thấy nằm dưới đáy, mà những gợn sóng trên mặt nước khiến chúng trông như những con rắn nước khổng lồ đang ngọ nguậy.

Đầm này hiếm khi bị một chiếc thuyền xâm phạm, vì không có nhiều cá để cám dỗ những người đánh bắt. Thay vì hoa huệ trắng, hoặc loại hoa diên vĩ thông thường, bông diên vĩ xanh mọc thưa thớt trong nước trong, vươn lên từ đáy đầm có nhiều đá ven bờ, ở đó nó được những con chim viếng thăm vào tháng Sáu, và màu sắc cả của những lá xanh lẫn hoa của nó, và đặc biệt hình phản chiếu của nó, hài hoà kì lạ với màu quả nho xanh của nước.

Đầm Trắng và đầm Walden là những viên pha lê lớn của trái đất, những Hồ Ánh sáng. Nếu chúng bị đóng băng vĩnh viễn, và đủ bé để cầm nắm, biết đâu chúng chẳng đã bị các nô lệ lấy đi như những viên đá quý, để trang điểm cho những mũ miện của các hoàng đế; nhưng chúng là chất lỏng, và rộng lớn, và được vĩnh viễn giữ lại cho chúng ta và hậu thế của chúng ta, thì chúng ta lại bỏ mặc chúng và chạy theo kim cương của Kohinoor. Chúng quá trong sạch nên không có một giá trị thị trường nào cả, chúng không có tạp chất ô uế. Chúng đẹp đẽ hơn cuộc sống của chúng ta biết bao nhiêu, chúng trong sáng hơn

tính cách của chúng ta biết bao nhiêu. Chúng ta không bao giờ thấy cái tầm thường ti tiện của chúng.

Chúng xinh đẹp hơn hồ bơi trước cửa nhà người trại chủ biết bao nhiêu, nơi lũ vịt nhà anh ta bơi. Nơi đây những con vịt trời sạch sẽ bay đến. Một cõi thiên nhiên không có con người ở đó biết giá trị của nó. Những con chim với những bộ lông và những tiếng hót hài hòa với những bông hoa, nhưng những trai thanh gái lịch nhằm gì vào vẻ đẹp sum sê tươi tốt hoang dại của Thiên nhiên? Nàng nở hoa một mình, xa những thành phố nơi họ sinh sống. Nói chuyện trên trời, bạn đã bỏ quên mặt đất.

Chương 10

Trại Baker

Đôi khi tôi đi lang thang đến những bụi thông, đứng như những đền đài hay những đoàn tàu trên biển với đầy đủ trang bị, với những cành cây lượn sóng, lấp loáng ánh sáng, mềm mại, xanh tốt và râm mát đến mức các tu sĩ Druid [378] có lẽ đã bỏ rơi những cây sồi của họ để đến đây hành lễ trên những cây thông này, hoặc đến cây tuyết tùng bên kia Đầm Flint, nơi cây cối được bao phủ một lớp quả mọng xanh, đâm thẳng lên cao, cao mãi và xứng đáng được đứng trước Valhalla [379], và cây bách xù lấn ra che hết mặt đất bằng những tán cây trĩu quả; hoặc những đầm lầy nơi những địa y tùng *la usnea* treo thành những tràng hoa rủ xuống từ những cây vân sam trắng, và những nấm mũ độc - những bàn tròn của những vị thần đầm lầy phủ kín mặt đất, còn những cây nấm đẹp hơn thì trang điểm những gốc cây, giống như những con bướm hay những vỏ sò, những con ốc rau, nơi mọc cẩm chướng đầm lầy và sơn thù du, cây tổng quán sủi đỏ rực như mắt quỷ, bụi dây leo cà dược (*waxwork/bittersweet*) quấn chặt những cây gỗ cứng nhất và những cây nhựa ruồi quả mọng hoang dại khiến người nhìn nó quên đường về nhà vì vẻ đẹp của nó làm y lóa mắt và cám dỗ y bằng những trái cấm hoang dại không tên, quá đẹp nhưng nếm chết người. Thay vì tìm đến một học giả, tôi nhiều lần đến chỗ những cây cụ thể, thuộc những loài hiếm thấy trong vùng này, đứng ở xa giữa một đồng cỏ, hay sâu trong rừng hoặc đầm lầy,

hoặc trên một đỉnh đồi, như cây dương đen, loại này chúng tôi có một số giống đẹp đường kính hai foot; anh em họ của nó, cây dương vàng, với chiếc gilê vàng rộng thùng thình của nó, cũng thơm như cây đen; cây sồi, có một cái hốc gọn ghẽ được tô điểm đẹp đẽ bằng địa y, hoàn thiện đến từng chi tiết; về loài này, trừ một số giống rải rác, tôi chỉ biết một bụi cây cỡ lớn còn lại trong thị trấn, có người cho rằng chúng được trồng bởi lũ chim câu có lần đã đùa giỡn với những quả sồi gần đó; cũng bõ công nhìn những tia bạc bắn ra khi bạn tách gỗ cây này; cây đoạn, cây trăn, các giống Xentic âu hóa, hoặc gọi nhầm là cây đu, chúng tôi chỉ có một cây loài này mọc tốt; một cây thông đặc biệt cao, một cây ván lát [380], hoặc một cây độc cần tuyệt đẹp, đứng như một ngôi đền giữa rừng, và nhiều loài cây khác tôi có thể kể tên. Đây là nơi thiêng liêng tôi viếng thăm cả mùa hè lẫn mùa đông.

Một lần tình cờ tôi đứng ngay dưới chân một cầu vồng, nó tràn đầy lớp không khí bên dưới, nhuộm màu cho cỏ cây xung quanh tôi, và làm tôi lóa mắt như thể nhìn vào một tấm pha lê màu. Nó là một hồ ánh sáng cầu vồng, trong đó, tôi sống như con cá heo trong chốc lát. Nếu kéo dài hơn nó có thể đã nhuộm màu cả sự nghiệp của tôi và cả đời tôi. Khi bước đi trên nền đắp cao của đường ray, tôi thường ngạc nhiên trước vầng sáng xung quanh bóng tôi, và thích thú tưởng tượng tôi là một người được chọn. Một người khách đến thăm tôi nói rằng bóng của những người Ai Len đổ xuống phía trước không có quầng sáng, và chỉ có những người bản địa mới đặc biệt như thế. Trong hồi kí của mình, Benvenuto Cellini [381] kể rằng sau một giấc mơ khủng khiếp hay một ảo ảnh mà ông có khi bị giam trong lâu đài St. Angelo [382], một ánh sáng rực rỡ xuất hiện trên bóng của đầu

ông vào buổi sáng và buổi tối, dù ông đang ở Pháp hay Ý, và nó đặc biệt rõ khi ngọn cỏ còn đọng những hạt sương. Đây có lẽ cùng một hiện tượng mà tôi đã nhắc đến, đặc biệt dễ thấy vào buổi sáng, nhưng cũng có thể vào những thời gian khác, thậm chí ngay cả dưới ánh trăng. Tuy là một hiện tượng không hiếm khi xảy ra, nhưng nói chung nó không được người ta nhận biết, và trong trường hợp trí tưởng tượng bị kích động như của Cellini, nó cũng đủ căn cứ cho mê tín. Ngoài ra ông nói với chúng tôi rằng ông chỉ hiện tượng này cho rất ít người. Nhưng thật ra những người có ý thức rằng họ được mọi người chú ý có thật là những người kiệt xuất hay không?

Một hôm tôi đi băng qua rừng đến đầm Fair Haven để câu cá, để bổ sung vào những món rau của tôi. Đường tôi đi qua Đồng cỏ Dịu êm, một phần phụ của Trại Baker, một nơi an dưỡng mà một nhà thơ trước đây đã ca ngợi:

Một đồng cỏ bao la êm dịu,
Những cây táo phủ đầy rêu đã nhường chỗ cho
Một con suối trong xanh,
Chuột nước thập thò và
cá hồi loáng bạc
vun vút lao nhanh.

*Trước khi đến Wa*lden tôi đã định đến sống ở đó. Tôi hái táo, nhảy qua con suối, và dọa lũ chuột nước và cá hồi. Đó là một trong những buổi chiều tưởng như dài vô tận, trong đó có nhiều sự việc xảy ra, nó chứa đựng một phần lớn đời sống tự nhiên của chúng ta, mặc dù nó đã bị tiêu hết một nửa khi tôi khởi hành. Vì có một cơn mưa rào, tôi buộc phải đứng nửa giờ dưới

tán một cây thông với những cành chằng chịt trên đầu tôi, lấy một chiếc khăn tay che đầu và bước qua một bụi cây *pickerel-weed (Pontederia cordata)* ở đó nước đến ngang thắt lưng. Bỗng nhiên mây đen ùn ùn kéo đến, và sấm động ầm ầm dữ dội như đe dọa đến nỗi tôi không biết làm gì hơn là đứng nghe. Các vị thần chắc phải tự hào lắm, với tia chớp nhằng nhằng như vậy đánh tan tác một người đánh cá tay không tấc sắt, tôi nghĩ. Bởi vậy tôi vội vã chạy đi tìm chỗ trú trong căn lều gần nhất, cách đường nửa dặm, nhưng gần hơn rất nhiều so với đầm, và bị bỏ không từ lâu:

Và đây nhà thơ đã xây,
một công trình thảm hại
Bỏ hoang đã nhiều năm,
Để mặc cho hư hoại.

Ấy là Nàng Thơ đã bịa ra thế. Nhưng bây giờ, như tôi thấy, ở đó John Field, một người Ai Len, và vợ gã, với mấy đứa trẻ, từ một thằng bé mặt to giúp bố nó làm việc, và lúc này từ đầm lầy chạy đến bên bố nó để trú mưa, đến một đứa trẻ bé tí nhăn nheo như phù thủy, đầu nhọn, đang ngồi trên đầu gối bố, như ngồi trên ngai vàng, và từ trong ngôi nhà ướt và đói nhìn người lạ một cách tò mò, với đặc quyền không biết gì của một đứa con nít, tự coi là người cuối cùng của một dòng máu cao quý, là hi vọng và tâm điểm chú ý của thế giới, chứ không phải là đứa con oặt ẹo thiếu đói khốn khổ của John Field. Chúng tôi ngồi với nhau ở đó, dưới một phần của mái nhà, trong khi bên ngoài đang mưa gió sấm chớp đùng đùng. Tôi đã nhiều lần ngồi đó trước khi con tàu chở gia đình anh ta sang Mĩ được đóng. Một

con người lương thiện và siêng năng nhưng vô dụng, mộc mạc như John Field; và vợ gã, chị ta cũng can đảm nấu biết bao bữa ăn liên tiếp trong những cái hốc thụt sâu của cái bếp lò to đùng ấy; với bộ mặt tròn nhem dầu mỡ và bộ ngực trần, vẫn còn nghĩ một ngày kia cuộc đời sẽ khấm khá lên; với cái giẻ lau nhà không bao giờ thiếu trong tay chị, mà chẳng thấy ở đâu có kết quả gì. Lũ gà cũng đã vào đây trú mưa, đi đứng oai vệ trong nhà như những thành viên của gia đình, và tôi nghĩ có vẻ chúng được nhân cách hóa quá đỗi đến mức khó mà nghĩ đến chuyện làm thịt chúng. Chúng đứng nhìn vào mắt tôi hoặc mổ khá mạnh vào giày tôi. Trong khi đó chủ nhà kể cho tôi nghe về chuyện anh ta làm việc vất vả cho người chủ đất bên hàng xóm như thế nào, lật tung cả đồng cỏ bằng một cái mai hoặc một cái cuốc đầm lầy với tiền công mười đô la một mẫu và được sử dụng đất có phân trong vòng một năm. Trong lúc đó thằng bé mặt to của anh vui vẻ làm việc bên cha không biết trong cuộc mặc cả cha nó thua thiệt thế nào. Tôi cố gắng giúp anh ta bằng kinh nghiệm của mình, nói với anh ta rằng anh là người láng giềng gần nhất của tôi, và tôi, cả tôi nữa, người đến đây để câu cá, và trông như một kẻ lười nhác, đang kiếm sống giống như anh ta; rằng tôi sống trong một căn nhà chật, sáng và sạch, chỉ đáng giá bằng tiền thuê hằng năm của căn nhà đổ nát mà anh ta đang ở, và nếu muốn, anh ta có thể trong một hoặc hai tháng tự dựng cho mình một lâu đài; rằng tôi không dùng trà, không cà phê, không bơ, không sữa, không thịt tươi, do đó tôi không phải làm việc để kiếm chúng; lại nữa, vì tôi không làm việc nặng, nên tôi không cần phải ăn nhiều, và tôi chỉ tốn không đáng kể cho thức ăn; còn anh ta chắc chắn cần đến trà, cà phê, và bơ, và sữa, và

thịt bò, nên anh ta phải làm việc để có tiền mua chúng, và anh ta làm việc nặng, nên cần phải ăn nhiều để bù vào sức lực đã hao phí, và như vậy anh chẳng được gì cả, thậm chí còn thua thiệt, vì anh ta không thoả mãn và phung phí đời mình vào cuộc trao đổi ấy; tuy nhiên anh ta coi việc đến được Mĩ đã là thành công rồi, rằng ở đây anh ta có thể kiếm được trà, cà phê và thịt hằng ngày. Nhưng chỉ có nước Mĩ đích thực là đất nước mà bạn tự do theo đuổi lối sống không cần đến những thứ ấy, và là nơi mà nhà nước không cố bắt ép bạn duy trì chế độ nô lệ và chiến tranh và những chi phí không cần thiết khác, những thứ trực tiếp hay gián tiếp là kết quả của việc sử dụng những cái như thế. Tôi cố ý nói chuyện với anh ta như thể anh là một triết gia, hoặc muốn làm một triết gia. Tôi sẽ vui mừng nếu tất cả các đồng cỏ trên trái đất được để nguyên trạng thái hoang dã, nếu nó là hậu quả của việc con người bắt đầu tự chuộc mình. Một con người sẽ không cần nghiên cứu lịch sử để tìm ra cái gì là tốt nhất cho văn hóa của anh ta. Nhưng, than ôi, khai hóa cho một người Ai Len là một công cuộc cần được thực hiện bằng một loại cuốc đầm lầy tinh thần.

Tôi nói với anh ta rằng vì anh ta làm việc nặng như thế, anh ta cần những đôi ủng dày và những bộ quần áo bền chắc, tuy nhiên chúng chẳng bao lâu dính bùn đất và sờn mòn, nhưng tôi đi những đôi ủng nhẹ và mặc quần áo mỏng, tốn không đến nửa tiền, mặc dù anh ta có thể nghĩ tôi ăn mặc giống như một quý ông nhưng đâu phải thế, và trong một hai giờ, không lao động mà nghỉ ngơi, nếu muốn tôi có thể câu được số lượng cá mà tôi muốn câu trong hai ngày, hay kiếm đủ tiền để sống trong một tuần. Nếu anh ta và gia đình anh ta sống đơn giản, mùa hè họ có

thể đi hái việt quất để tiêu khiển. Nghe thế John thốt ra một tiếng thở dài, còn chị vợ đứng chống nạnh nhìn tôi chằm chằm, và cả hai có vẻ đang tự hỏi liệu họ có đủ vốn để bắt đầu một hướng đi như thế không, hay có biết tính toán đủ để tiến hành không. Họ dường như phải nhắm mắt mà bơi và chẳng thấy bến bờ đâu; do đó tôi nghĩ cho đến lúc này chắc họ vẫn còn đối diện với cuộc sống một cách can đảm, theo cách của họ, mặt đối mặt, nhe nanh giương vuốt chiến đấu ác liệt; họ không biết cách dùng một cái nêm mảnh tách những khối nặng nề của nó ra thành nhiều mảng khác nhau và đánh tan từng mảng một, - họ nghĩ cứ chặt thẳng cánh, như người ta chặt một cây khế [383]. Nhưng họ chiến đấu ở một thế vô cùng bất lợi - sống không tính toán, và thất bại như thế. Chao ôi, John Field!

"Anh có bao giờ đi câu không?", tôi hỏi. "Ô có chứ, lâu lâu tôi cũng câu một mẻ linh tinh khi tạm nghỉ việc; tôi câu cá *pecca*". "Anh dùng mồi gì?". "Tôi câu cá giếc bằng giun, và câu cá *pecca* bằng cá giếc". "Anh nên đi ngay đi, John ạ", vợ anh nói, mắt chị long lanh đầy hi vọng. Nhưng John từ chối.

Bây giờ mưa đã tạnh, và cầu vồng hiện trên cánh rừng phía đông hứa hẹn một buổi tối đẹp trời, nên tôi lên đường. Khi đã ra đi ra ngoài, tôi xin nước uống, hi vọng được nhìn cái đáy giếng, để hoàn thành cuộc khảo sát của tôi về cơ ngơi này, nhưng trời ơi, ở đó đáy cát nông và lún, còn gầu thì đứt dây, thật vô phương. Lúc đó tôi tìm được một xoong nước, thấy có nhiều cặn, và sau một hồi bàn bạc hỏi han, sự trì hoãn lâu dài đã biến thành cơn khát, trước khi nó dịu xuống và lắng lại. Ở đây họ uống thứ nước này đây, tôi nghĩ, bởi vậy, nhắm mắt lại, tôi loại bỏ những khó chịu vặt vãnh bằng cách khéo léo xoay hướng dòng cảm nghĩ

ngâm trong tôi, trước lòng hiếu khách chân chính tôi hăm hở uống một ngụm hết sức thật tình. Trong những trường hợp như thế tôi không quá câu nệ về phép tắc lịch sự.

Khi tôi rời mái nhà người Ai Len sau cơn mưa, rẽ về đầm, tôi hối hả về câu cá *pecca*, lội trong những bãi cỏ vắng vẻ hiu quạnh, trong những rãnh cày và những hố lầy lội, trong những chỗ đìu hiu và hoang dại, trong khoảnh khắc cảnh vật hiện ra trước tôi tầm thường tẻ nhạt, tôi, một người đã học qua trung học và đại học; nhưng khi tôi chạy xuống đồi, về hướng tây đỏ ối, với cầu vồng ở phía trên vai, những tiếng leng keng khe khẽ vang lên trong tai tôi qua làn không khí vừa được tẩy rửa, tôi không biết từ góc nào, lương tri của tôi dường như mách bảo tôi - Hãy đi câu và săn xa và rộng mỗi ngày, xa hơn và rộng hơn nữa, và nghỉ ngơi bên những dòng suối nhỏ và bên những lò sưởi, đừng lo âu gì cả. Hãy nhớ đến Đấng Sáng tạo của ngươi trong những ngày tuổi trẻ [384]. Hãy thức dậy trước rạng đông không phải lo lắng gì, và tìm thú phiêu lưu. Hãy để cho buổi trưa tìm thấy ngươi bên những hồ xa, và đêm chiếm lấy ngươi bất cứ nơi nào ở nhà. Không có cánh đồng nào rộng lớn hơn những cánh đồng này, không có trò chơi nào đáng để chơi hơn ở đây. Hoang dại hơn theo bản chất của ngươi, giống như những bãi lau lách và những bụi cây dương xỉ, không bao giờ biến thành cỏ khô. Cứ để cho sấm vang rền. Vậy làm thế nào nếu nó đe dọa phá hoại mùa màng của nông dân? Nó không cố ý làm thế với ngươi. Tìm nơi che chở dưới mây, trong khi người ta chạy tới những mái lều và những cỗ xe. Đừng kiếm miếng ăn bằng lao động nặng nhọc, mà bằng trò vui chơi của ngươi. Hãy hưởng thụ đất đai, nhưng đừng sở hữu nó. Với tín ngưỡng và lòng quả cảm quyết liệt làm

giàu, con người trở thành hắn như hôm nay, mua và bán, và tiêu phí cuộc đời hắn như những tên nô lệ.

Ôi Trại Baker

"Phong cảnh nơi đẫy thật khiêm nhường

Chỉ có ánh nắng óng vàng là thứ giàu có nhất..."

"Không có ai chạy đến vui chơi đùa giỡn,

trong đồng cỏ rào giậu của ngươi..."

"Trong lúc cãi vã với ai,

đừng tung ra những câu hỏi rối mù,

Hãy cứ hiền lành như bây giờ

Trong bộ áo quần vải thô giản dị"

Ngươi đến đây,

kẻ đang tha thiết yêu

kẻ nóng bỏng căm ghét.

Lành như bồ câu, và ác như Guy Faux [385].

Hãy treo những âm mưu lên những ngọn thông.

Ban đêm người ta hiền lành về nhà chỉ từ những cánh đồng và những đường phố lân cận, nơi có thể nghe những âm thanh từ gia đình vọng đến, và cuộc sống của họ héo hon gầy mòn vì nó chỉ thở lại những hơi nó đã thở ra; họ sáng chiều không bước ra xa hơn cái bóng của mình. Chúng ta nên về nhà từ xa, từ những cuộc phiêu lưu, từ những hiểm nguy, và khám phá ra hằng ngày, những kính nghiệm mới và những tính cách mới.

Trước khi tôi đến đầm, một thôi thúc mới đã đưa John Field ra ngoài, với trí óc đã thay đổi, thôi "làm quần quật" trước khi mặt trời lặn. Nhưng anh ta, tội nghiệp, chỉ câu được vài con lèo

tèo trong khi tôi câu được cả một xâu cá đẹp, và anh ta nói đó là do anh ta gặp vận rủi, nhưng khi chúng tôi đổi chỗ trên thuyền, thì vận may rủi cũng đổi chỗ luôn. Tội nghiệp John Field! - tôi tin anh ta không đọc đoạn này, chứ nếu đọc thì anh ta sẽ nhờ nó mà khá hơn - trong cái đất nước nguyên sơ mới mẻ này, anh ta suy nghĩ về cuộc sống theo lối nghĩ quê mùa xưa cũ, câu cá rô bằng cá giếc. Mặc dù, tôi thừa nhận, đôi khi đó cũng là mồi tốt. Chân trời đã mở ra trước anh ta, nhưng anh ta vẫn cứ nghèo, anh ta sinh ra trong cảnh nghèo, thừa kế cái nghèo Ai Len hay cuộc sống nghèo khó của bà cố nội [386] của anh ta, và những con đường lầy lội, cả anh ta lẫn con cháu của anh ta, không vươn lên nổi trong cuộc đời này, cho đến khi những bàn chân lội bùn bì bõm của họ được gắn đôi cánh thần [387] vào gót.

Chương 11

Luật tối thượng [388]

Khi tôi qua rừng về nhà với xâu cá trên tay trời đã tối lắm rồi, tôi thoáng thấy một con chuột chũi lẻn băng qua đường, và cảm thấy run lên một cách lạ lùng vì một niềm vui hoang dại, và bị cám dỗ mãnh liệt bắt lấy nó mà ăn ngấu nghiến; không phải vì khi ấy tôi đang đói, mà chỉ vì cái vẻ hoang dã của nó. Tuy nhiên trong thời gian tôi sống ở đầm, có một hai lần tôi thấy mình đi lang thang khắp trong rừng, giống như một con chó săn sắp chết đói, với sự phóng túng kì lạ, đi kiếm thịt nai để có thể nhai ngấu nghiến, và không miếng nào là quá hoang dã đối với tôi. Những cảnh hoang dã nhất đã trở thành quen thuộc một cách không giải thích được. Tôi đã tìm trong bản thân tôi, và vẫn còn tìm, cái thiên hướng về một đời sống cao cả hơn, hay như cái tên của nó, đời sống tâm linh, như phần lớn người ta, và mặt khác, hướng về cái đời sống nguyên thủy và dã man, và tôi tôn kính cả hai. Tôi yêu cái hoang dã nguyên sơ không kém yêu cái thiện. Cái hoang dã và phiêu lưu trong thú câu cá vẫn gợi cho tôi nghĩ thế. Đôi khi tôi muốn ôm ghì sự sống và tiêu khiển chuỗi ngày của mình như những con vật sống. Có lẽ chính nhờ câu cá và săn bắn mà ngay từ khi còn rất trẻ, tôi đã hết sức thân thuộc với Thiên nhiên. Những công việc hay thú vui ấy đưa chúng ta đến với phong cảnh và cầm chân chúng ta ở đó, mà nếu không có chúng, ở tuổi ấy chúng ta ít biết đến. Người câu cá, người thợ săn, thợ đốn gỗ, và những loại thợ khác, sống cuộc

sống của họ trên những cánh đồng và những khu rừng, theo một nghĩa nào đó họ chính là một bộ phận của Thiên nhiên, thường có một tâm trạng thuận lợi hơn để quan sát nàng [389], qua từng quãng thời gian trong công việc của họ, hơn cả những triết gia hay thi nhân chỉ đến gần nàng trong ao ước. Nàng không ngại phô bày bản thân nàng ra với họ. Lữ khách trên đồng hoang là một thợ săn, trên thượng nguồn sông Missouri và Columbia là người đặt bẫy, và ở thác nước St. Mary là người đánh cá. Người nào đơn thuần chỉ là du khách biết sự vật là biết qua người khác và chỉ biết nửa vời, và không xác thực. Chúng ta thấy thú vị nhất khi khoa học báo cáo lại điều mà những con người ấy đã biết qua thực tế hay một cách bản năng, vì chỉ có điều đó mới là tính người đích thực, hay sự mô tả kinh nghiệm con người.

Thật là lầm những người cho rằng người Mĩ có ít trò vui chơi giải trí, vì họ không có nhiều ngày nghỉ lễ, và thanh niên cũng như người lớn không chơi nhiều trò như ở bên Anh: ở đây những trò tiêu khiển nguyên sơ nhưng riêng lẻ như câu cá và săn bắt, v.v. chưa nhường chỗ cho những trò khác. Hầu như mọi cậu bé từ mười đến mười bốn tuổi trong số những người cùng thời với tôi ở New England đều khoác trên vai một khẩu súng bắn chim; và phạm vi săn và câu của cậu không bị giới hạn như những khu vực cấm bắn chim và câu cá của một quý tộc Anh, mà thậm chí còn bao la hơn của một người dã man. Bởi vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi cậu ta không thường xuyên có mặt và chơi ở nơi công cộng. Nhưng một thay đổi đang diễn ra, không phải nhờ tinh thần nhân đạo được nâng lên, mà do trò

chơi ngày càng hiếm, vì có lẽ người đi săn là người bạn lớn nhất của thú săn, hơn cả những hội viên Hội Bảo vệ Động vật [390].

Hơn nữa, khi ở đầm, đôi khi tôi muốn bổ sung thêm cá vào bữa ăn cho phong phú. Thật sự tôi đã câu cá vì chính cái nhu cầu như của những người câu đầu tiên. Bất kì lòng nhân đạo nào mà tôi viện ra để chống lại việc câu cá đều không thành thật, và gắn với triết lí của tôi hơn là với tình cảm của tôi. Đến bây giờ tôi mới nói về việc câu cá, vì từ lâu tôi đã cảm thấy khác về bắn chim, tôi đã bán khẩu súng đi trước khi vào rừng. Không phải tôi kém nhân đạo hơn người khác, nhưng tôi không cảm thấy tình cảm của tôi bị tổn thương nhiều. Tôi không thương hại lũ cá cũng như giun. Đây là một thói quen. Còn về bắn chim, mấy năm nay tôi đã mang một khẩu súng, lí lẽ biện hộ của tôi là tôi đang nghiên cứu môn điểu học, và chỉ tìm những giống chim mới hoặc hiếm. Nhưng tôi xin thú thực tôi không nghĩ rằng có cách nghiên cứu về chim tốt hơn là cách này. Nó đòi hỏi chú ý theo dõi sát hơn những tập tính của loài chim, đến nỗi, nếu chỉ vì lí do này, tôi cũng đã muốn bỏ súng. Tuy nhiên sự phản đối với lí do nhân đạo, tôi buộc phải nghi ngờ liệu có những trò tiêu khiển có giá trị ngang bằng để thay thế cho những trò này không, và khi một số bạn bè của tôi lo lắng hỏi tôi về những cậu con trai của họ, có nên để chúng săn bắn không, tôi đã trả lời có, nhớ rằng nó đóng một vai trò quan trọng nhất trong việc giáo dục của tôi, biến chúng thành thợ săn, dù ban đầu chỉ là săn để tiêu khiển, nhưng cuối cùng, nếu có thể, sẽ thành những thợ săn cường tráng, sao cho chúng sẽ không thấy con thú nào là quá lớn đối với chúng ở đây hoặc trong bất kì khu bảo tồn thiên nhiên nào - những kẻ săn người cũng như những kẻ câu người

[391]. Tôi không đồng tình với ý kiến của tu sĩ của Chaucer, người:

Không đưa vào bản kinh tụng một con gà mãi tơ

Nó nói rằng người đi săn là kẻ không ngoan đạo [392].

Có một thời kì trong lịch sử của cá nhân, cũng như của giống loài, khi những thợ săn là "những người tốt nhất" như những người Algonquin [393] đã gọi họ. Chúng ta chỉ có thể thương hại một thanh niên chưa bao giờ biết bắn một phát súng; y không còn là một người chân chính, do việc giáo dục cho y đã bị bỏ bê một cách đáng buồn. Đây là câu trả lời kính trọng của tôi cho những ai dồn hết tâm sức cho nghề này, tin rằng họ sẽ sớm vươn cao hơn nó. Không có con người nào, qua tuổi niên thiếu vô tư, sẽ tùy tiện giết bất cứ sinh vật nào mang sinh mệnh của nó như chính y mang. Con thỏ trong giây phút cùng quẫn kêu khóc như một đứa trẻ. Hỡi các bà mẹ, tôi xin nói trước với các bà, sự đồng cảm của tôi không phải lúc nào cũng dành cho sự thiên lệch của lòng từ thiện, nhân ái [394] thông thường.

Đó là cách thông thường nhất để người trai trẻ làm quen với rừng, và là phần độc đáo nhất của anh ta. Anh ta vào đó trước hết như một thợ săn và một thợ câu, cho đến khi, cuối cùng nếu có được những hạt giống của một đời sống tốt hơn trong tâm hồn, anh ta phân biệt những mục tiêu riêng của mình, như một nhà thơ hay một nhà tự nhiên học, và vứt bỏ cả súng săn lẫn cần câu. Phần lớn con người vẫn mãi non nớt về phương diện này. Ở nhiều nước người thợ săn không phải là một hình ảnh hiếm thấy. Một người như thế có thể thành một người chăn cừu tốt, nhưng còn lâu mới thành được Đấng Chăn chiên. Tôi đã ngạc

nhiên thấy cái công việc rõ ràng duy nhất, trừ đốn gỗ, đục băng, hay những việc tương tự, đã cầm chân suốt nửa ngày ở Đầm Walden bất kì một người dân nào của thành phố, những người cha hay những người con, chỉ với một ngoại lệ, là câu cá. Nếu không câu được cả xâu cá dài, thì họ không nghĩ rằng họ may mắn, hoặc được đền bù xứng đáng cho thời gian mất đi, dù họ đã có cơ hội ngắm nhìn đầm suốt cả thời gian ấy. Họ có thể đến đó nghìn lần trước khi chất cặn câu cá lắng xuống để cho mục đích của họ trong lại; nhưng chắc chắn một quá trình lắng trong như thế có thể đã diễn ra suốt thời gian ấy. Ông thống đốc và hội đồng của ông ta nhớ đến cái đầm một cách mờ nhạt, vì họ đã đến câu khi còn là trẻ con, nhưng bây giờ họ đã quá già và quá tôn quý nên đi câu không còn thích hợp, và họ vĩnh viễn không biết đến nó nữa. Thế nhưng thậm chí họ vẫn mong chờ cuối cùng được lên thiên đàng. Nếu ngành lập pháp của họ xem xét điều này, nó chủ yếu điều tiết số lượng các lưỡi câu được dùng ở đó, nhưng nó không biết gì về cái lưỡi câu chính yếu nhất, dùng để câu bản thân cái đầm, lấy lập pháp xâu làm mồi. Như vậy, ngay cả trong những cộng đồng văn minh, con người non trẻ trải qua giai đoạn săn bắn của sự phát triển.

Trong những năm qua tôi đã nhiều lần thấy tôi không thể câu cá mà không hạ thấp một chút tự trọng. Tôi đã liên tục cố gắng. Tôi có kĩ năng trong việc này, và như nhiều người khác, có một chút bản năng trong đó, nó diễn lại hết lần này đến lần khác, nhưng lần nào cũng thế mỗi khi câu xong tôi lại cảm thấy giá như tôi không câu thì tốt hơn. Nó là một gợi ý mơ hồ, như những vệt nắng đầu tiên của buổi sớm. Chắc chắn trong tôi có những bản năng thuộc về những bậc thấp hơn của sáng tạo,

mỗi năm tôi lại giảm bớt đi tính cách của một người câu cá, mặc dù không tăng thêm tính nhân đạo hay thậm chí sự khôn ngoan; còn bây giờ tôi hoàn toàn không phải là người câu cá. Nhưng tôi thấy rằng nếu định sống trong cảnh hoang dã, tôi nên quay trở lại để cho mình bị cuốn hút trở thành một thợ câu hay thợ săn hăng hái. Ngoài ra, có một cái gì đó về thực chất không trong sạch trong việc ăn uống tất cả thịt cá, và tôi bắt đầu thấy công việc nhà bắt đầu từ đâu, và bởi vậy, việc cố gắng giữ được dáng người gọn gàng và phong thái khả kính hằng ngày và giữ cho ngôi nhà sạch sẽ thơm tho không có những mùi và những cảnh khó chịu là khá tốn kém. Là người mổ thịt, nấu nướng và rửa bát đĩa cho chính tôi, cũng là quý ông mà những món ăn được dọn lên hầu, tôi có thể nói bằng một kinh nghiệm hoàn hảo phi thường. Lí do phản đối chủ yếu về thức ăn có nguồn gốc động vật trong trường hợp của tôi là sự không sạch của nó, và ngoài ra, khi tôi câu, rửa, nấu và ăn con cá của tôi, nó dường như không nuôi béo tôi về thực chất. Nó không quan trọng và không cần thiết, và không bõ công. Một miếng bánh mì nhỏ hay vài củ khoai tây cũng xong bữa, đỡ rắc rối và đỡ lo ôi thiu. Giống như nhiều người cung thời với tôi, trong nhiều năm hiếm khi tôi dùng thức ăn động vật, hay trà, cà phê v.v. không phải chỉ vì những tác dụng xâu mà tôi đã thấy ở chúng, mà chủ yếu vì chúng không hấp dẫn trí tưởng tượng của tôi. Việc ghê sợ thức ăn động vật không phải là do tác động của kinh nghiệm, mà là một bản năng. Trên nhiều phương diện, sống giản tiện và khắc khổ đẹp hơn nhiều, và mặc dù chưa bao giờ làm thế, tôi đã đi đủ xa để thỏa mãn những tưởng tượng của mình. Tôi tin rằng bất kì ai từng tha thiết bảo tồn những khả năng cao và mơ mộng

của mình trong những điều kiện tốt nhất đã đặc biệt nghiêng về việc kiêng thức ăn động vật, và kiêng ăn nhiều thức ăn các loại. Đây là một sự kiện có ý nghĩa, mà các nhà côn trùng học nêu lên, tôi thấy trong tác phẩm của Kirby và Spence: "Một số côn trùng trong trạng thái hoàn thiện, mặc dù có cơ quan tiêu hóa nhưng không sử dụng chúng", và, họ giải thích như "một quy tắc chung, hầu như tất cả côn trùng trong trạng thái này ăn ít hơn trong trạng thái ấu trùng. Con sâu bướm phàm ăn khi biến thành một con bướm"... "con dòi tham ăn khi biến thành ruồi nhặng", thỏa mãn với một hai giọt mật, hoặc một chất dịch ngọt khác nào đó. Cái bụng bên dưới đôi cánh của con bướm vẫn là ấu trùng. Đây là miếng mồi ngon dụ nó liều mạng. Một người phàm ăn là người còn trong trạng thái ấu trùng, và có cả những dân tộc trong trạng thái đó, những dân tộc không có khả năng mơ mộng và tưởng tượng, những cái bụng khổng lồ của họ hé lộ cho ta thấy điều đó.

Khó có được một chế độ ăn và cách nấu nướng thật đơn giản và sạch đến mức nó không làm hại đến trí tưởng tượng; nhưng tôi nghĩ cái này (trí tưởng tượng) sẽ được nuôi ăn khi chúng ta nuôi cơ thể, cả hai sẽ ngồi xuống cùng một cái bàn. Tuy nhiên có lẽ điều này có thể thực hiện. Ăn hoa quả một cách vừa phải sẽ không làm chúng ta xấu hổ về tính thèm ăn của chúng ta, cũng không làm trở ngại việc theo đuổi những mục tiêu xứng đáng nhất. Nhưng cho quá nhiều gia vị vào món ăn, thì nó sẽ đầu độc bạn. Phần lớn người ta cảm thấy xấu hổ khi bị bắt gặp tự tay nấu đúng cái món ăn, chay hay mặn, mà hằng ngày người khác nấu cho họ. Tuy nhiên chừng nào còn như thế thì chúng ta còn chưa thể tự coi là văn minh, và, dù có là những quý ông quý

bà nhưng không xứng đáng được gọi là những con người chân chính. Điều này chắc chắn sẽ gợi lên cái gì cần được thay đổi. Có lẽ là vô ích nếu hỏi tại sao tưởng tượng không dung hoà được với thịt và mỡ. Tôi cho rằng nó không vô ích. Nói con người là một động vật ăn thịt có phải là một lời chê trách không? Đúng, con người có thể sống và thật sự đã sống, ở một quy mô lớn, bằng cách làm hại những con vật, nhưng đó là một cách khốn khổ - bất kì kẻ nào đi cài bẫy thỏ, hoặc giết cừu, có thể biết điều đó - còn kẻ nào dạy cho con người tự biết hạn chế bản thân trong một lối ăn uống vô tội hơn và lành mạnh hơn, sẽ được coi như một ân nhân của loài người. Dù thực tế tôi sống như thế nào, tôi không nghi ngờ gì rằng việc rời bỏ tập tục ăn thịt động vật, cũng chắc chắn như những bộ lạc dã man rời bỏ thói quen ăn thịt lẫn nhau, khi họ tiếp xúc với thế giới văn minh hơn, sẽ là một bộ phận trong số phận loài người, trong sự cải thiện dần dần của nó.

Nếu một người lắng nghe những lời gợi ý nhỏ nhẹ nhất nhưng kiên trì, của lương tâm anh ta, mà chắc chắn là đúng, anh ta sẽ không nhìn tới những gì cực đoan, thậm chí điên rồ, nó có thể dẫn dắt anh ta; mà khi anh ta trở nên cương nghị hơn và kiên định hơn, anh ta sẽ nhìn thấy con đường nên đi. Sự phản đối mơ hồ nhất mà một người đàn ông khỏe mạnh cảm thấy cuối cùng sẽ át những lí lẽ và phong tục cố cựu của loài người. Không có ai nghe theo tiếng gọi bên trong của mình đến mức nó làm anh ta lầm đường lạc lối. Cho dù kết quả là sự yếu đuối của cơ thể, nhưng có lẽ không ai dám nói rằng những hậu quả ấy là đáng tiếc, vì đấy là cuộc sống theo những nguyên tắc tối thượng. Nếu ngày và đêm đáng để bạn chào mừng bằng

niềm vui, nếu cuộc sống tỏa hương như những bông hoa và những thứ cỏ dịu ngọt, nếu nó trở nên vui tươi hơn, lấp lánh hơn, bất tử hơn, thì đấy là thành công của bạn. Toàn bộ thiên nhiên là lời chúc tụng bạn, và tức thời bạn có lí do để tự chúc phúc cho mình. Những thành tựu và giá trị vĩ đại nhất không bao giờ được đánh giá đúng mức. Chúng ta dễ dàng đi đến nghi ngờ sự tồn tại của chúng. Chúng ta sẽ mau chóng quên lãng chúng. Chúng là thực tại cao nhất. Có lẽ những sự kiện đáng kinh ngạc nhất và thực nhất không bao giờ được con người thông đạt với nhau. Thu hoạch thực của cuộc sống hàng ngày của tôi là một cái gì đó không tả xiết và không nắm bắt được như sắc sớm và ráng chiều. Nó là một đám bụi-sao mờ, một đoạn cầu vồng mà tôi chộp được.

Tuy nhiên về phần mình, tôi không bao giờ câu nệ quá mức; đôi khi tôi có thể ăn một con chuột rán với nước sốt ngon, nếu cần. Cho đến nay tôi vui vẻ uống nước, vì cùng lí do tôi thích bầu trời tự nhiên hơn thiên đường của người nghiền a phiến. Tôi luôn giữ cho mình tỉnh táo, và đã say sưa tới bến với nhiều mức độ khác nhau. Tôi tin rằng nước là thứ đồ uống duy nhất của một người khôn ngoan, rượu vang không phải là thứ nước cao quý như thế, và tôi từng nghĩ nên thêm vào những hi vọng ban sớm bằng một tách cà phê nóng, hoặc một buổi tối bằng một bữa trà! Ôi tôi đã rơi xuống thấp đến đâu khi tôi bị chúng lôi cuốn! Ngay cả âm nhạc củng mê hoặc. Những nguyên nhân bề ngoài có vẻ tầm thường như thế đã phá hủy Hi Lạp và La Mã, và sẽ phá hủy Anh và Mĩ. Trong tất cả mọi cái say, ai không thích bị say hơn bởi cái không khí mà mình thở? Tôi đã thấy sự

cản trở nghiêm trọng nhất trong cảnh lao động nặng nhọc thô lậu kéo dài, nó bắt tôi cũng phải ăn uống thô lậu như thế.

Nhưng nói cho đúng, tôi thấy bản thân tôi lúc này hơi thiếu chuyên tâm vào những khía cạnh đó. Trên bàn tôi ít sách tôn giáo, tôi không cầu được ban phúc, không phải bởi vì tôi khôn ngoan hơn trước, mà, tôi buộc phải thú nhận, vì dù có hối tiếc thế nào, năm tháng trôi đi tôi ngày càng trở nên thô thiên và thờ ơ. Có lẽ những vấn đề ấy chỉ được ấp ủ khi còn trẻ, nhất là còn tin ở thơ ca. Thực hành tâm linh của tôi là "không nơi nào", ý kiến của tôi là đây. Tuy nhiên tôi không hề coi bản thân mình là thuộc lớp người có đặc quyền, mà kinh Vệ Đà nhắc đến khi nó nói "người thật lòng tin vào Đấng Tối cao Toàn năng có thể ăn bất cứ thứ gì hiện hữu", tức là, không săm soi hỏi hắn ăn cái gì, hoặc ai nấu cho hắn; và thậm chí trong trường hợp của họ, như một nhà bình luận Hindu đã nhận xét, rằng Vệ Đà hạn chế đặc quyền này ở "thời gian đau khổ".

Ai mà chẳng có lúc thấy thoả mãn một cách không nói nên lời với thức ăn của mình, sự thoả mãn không do thèm ăn mang lại? Tôi run lên khi nghĩ rằng cái cảm giác thường là thô thiển về mùi vị lại đem đến cho tôi một năng lực tinh thần, rằng tôi được truyền cảm hứng qua khẩu vị, rằng một số quả ngọt mà tôi đã ăn trên sườn đồi đã nuôi dưỡng tài năng tôi. "Lòng mình chẳng được ngay thẳng", Tăng Tử nói, "nhìn mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi" [395]. Kẻ nào phân biệt được hương vị thực của thức ăn không bao giờ là kẻ háu ăn, kẻ không phân biệt được thì ngược lại. Một tín đồ Thanh giáo có thể đến với mẩu bánh mì đen của anh ta với sự thèm thuồng thô thiển như một ông hội đồng bụng phệ với con cu gáy của ông ta.

Cái làm dơ bẩn một con người không phải những thức ăn vào mồm, nhưng chính cái cách thèm thuồng mà người ta ăn chúng; không phải số lượng hay chất lượng thức ăn, mà chính sự tận lực thụ hưởng cái thơm ngon của chúng; khi chúng không phải là thứ được ăn vào để nuôi sống thể xác chúng ta, hay khơi nguồn cảm hứng cho đời sống tinh thần của chúng ta, mà là thức ăn cho giun sán đục khoét chúng ta. Nếu người thợ săn có sở thích ăn thịt rùa-bùn, chuột xạ, và những thịt rừng hoang dã như thế, quý phu nhân thanh lịch muốn nếm mứt làm bằng thức ăn cho bê, hoặc cá mòi từ biển xa, thì họ ngang nhau. Anh này ra giữa đầm, bà kia đến nồi thức ăn dự trữ. Lạ một cái là làm sao họ, anh và tôi có thể sống một cuộc sống nhầy nhụa tồi tệ như thế, ăn và uống.

Toàn bộ cuộc sống của chúng ta là sự đói khát về tinh thần. Không lúc nào có một cuộc ngừng bắn trong khoảnh khắc giữa cái thiện và cái ác. Lòng tốt là cuộc đầu tư duy nhất không bao giờ thất bại. Trong tiếng nhạc của cây đàn hạc rung lên khắp thế giới, chính lời nài nỉ khẩn khoản của nó làm chúng ta rung động. Tiếng đàn hạc là lời chào hàng lưu động của Công ti Bảo hiểm Vũ trụ, giới thiệu những luật của nó, và lòng tốt nhỏ bé của chúng ta là tất cả sự định giá mà chúng ta trả. Cho dù cuối cùng tuổi trẻ ngày càng thờ ơ, những luật của vũ trụ thì không thờ ơ, mà luôn đứng về phía người nhạy cảm nhất. Hãy lắng nghe những cơn gió mát để thấy lời quở trách, nó có đấy, và kẻ nào không nghe thay thì thật bất hạnh. Chúng ta không thể chạm vào một sợi dây đàn hoặc di chuyên một cần bấm, nhưng đạo đức quyến rũ làm chúng ta sững sờ. Nhiều tiếng ồn khó

chịu, vang đi rất xa, nghe cứ tưởng tiếng nhạc, ngạo nghễ châm biếm cái tầm thường của đời sống chúng ta.

Chúng ta ý thức về con vật trong chúng ta, nó thức tỉnh chừng nào bản chất cao quý của chúng ta thiếp ngủ. Nó là loài bò sát và nhục cảm, và có lẽ không thể đuổi nó ra hoàn toàn, giống như những con giun chiếm cơ thể chúng ta. Có lẽ chúng ta có thể rút ra khỏi nó, nhưng không bao giờ thay đổi được bản chất của nó. Tôi sợ rằng nó có thể hưởng một sức khỏe của riêng nó; rằng chúng ta có thể khỏe, nhưng không trong sạch. Hôm trước tôi nhặt được chiếc hàm dưới của một con lợn, có những răng và nanh trắng khỏe, nó gợi cho tôi nghĩ rằng sự khỏe mạnh và cường tráng động vật khác rõ ràng với sức khỏe tinh thần. Tạo vật này thành công bằng những phương tiện khác chứ không phải sự điều độ và tinh khiết. Mạnh Tử nói, "Con người không khác xa với loài cầm thú, kẻ tầm thường thì rất dễ dàng mất nó, người cao thượng thì giữ gìn nó cẩn thận" [396]. Ai biết được nếu chúng ta đạt đến độ thanh khiết, thì sẽ đến được cảnh giới nào? Nếu tôi biết một người thông thái đến mức có thể dạy tôi thanh khiết, tôi sẽ lên đường tìm ông tức khắc. Kinh Vệ Đà viết, "việc kiểm soát được những dam mê dục vọng của chúng ta, những cảm giác bên ngoài thân thể, là thiết yếu cho một linh hồn gần với Thượng Đế" [397]. Tuy nhiên linh hồn có thể tỏa khắp và kiểm soát mọi thành phần và chức năng của cơ thể, và chuyển hóa thú nhục dục thô bỉ thành thanh khiết và sùng đạo. Năng lượng sinh ra, khi chúng ta buông thả, sẽ tiêu phí và làm cho chúng ta nhơ bẩn, khi chúng ta kiềm chế sẽ làm cho chúng ta cường tráng và hưng phấn. Trinh bạch là sự nở hoa của con người; và cái mà ta gọi là Thiên tài, Anh hùng, Thánh thiện, chỉ

là quả sinh ra từ đó. Con Người chảy trôi theo Chúa ngay khi dòng thanh khiết được mở ra. Sự thanh cao nâng chúng ta lên và sự nhơ nhuốc quăng chúng ta xuống. Kẻ nào tin chắc rằng con vật trong hắn đang chết từng ngày sẽ được ban phúc, và tính thánh được lên ngôi. Có lẽ chẳng có ai không biết hổ thẹn vì cái bản chất thú vật thấp kém mà hắn dính vào. Tôi sợ rằng chúng ta là những vị thần hoặc á thần chỉ như những thần nông hay thần rừng [398], thần dính líu với dã thú, những tạo vật ham hố, và trong mức độ nào đó, chính cuộc đời của chúng ta là nỗi ô nhục của chúng ta.

Hạnh phúc biết bao kẻ chinh phục được con thú trong lòng hắn,

và phát quang khu rừng hoang trong tâm trí hắn

* * *

Kẻ nào trị được ngựa, dê, sói, và mọi con vật của hắn,

Thì bản thân hắn không phải là con lừa trước những người khác,

Nếu không, trong hắn không chỉ có đàn lợn hôi thối

Mà những con quỷ sống trong đàn lợn này

còn đẩy chúng vào cơn điên cuồng tồi tệ hơn.

Tất cả nhục dục chỉ là một, dù có nhiều dạng; tất cả thanh cao là một.

Chỉ là một cách con người dù là ăn, hay uống, hay ngủ, hay ăn ở với nhau một cách nhục dục. Chúng chỉ là một sự thèm thuồng, và chúng ta chỉ cần nhìn thấy một người làm bất kì việc gì trong số này, là có thể biết hắn là con người vật dục đến mức nào. Sự nhơ bẩn không thể ngồi hay đứng chung với thanh cao. Khi con bò sát bị tấn công ở miệng hang của nó, nó chui ra một miệng hang khác. Nếu bạn còn trinh bạch, bạn phải kiềm chế.

Trinh bạch là gì? Một người đàn ông làm thế nào biết hắn có trinh bạch hay không? Hắn sẽ không biết điều đó. Chúng ta đã nghe nói về phẩm hạnh này, nhưng chúng ta không biết nó là gì. Chúng ta nói họa theo lời đồn mà chúng ta đã nghe được. Cố gắng dẫn đến khôn ngoan và trong sạch; lười biếng dẫn đến ngu dốt và nhục dục. Trong sinh viên, vật dục là thói quen bê trễ của trí óc. Một kẻ không trong sạch nói chung là kẻ lười biếng, kẻ ngồi bên lò sưởi, kẻ nằm sấp sưởi nắng, kẻ không mệt mà nghỉ. Nếu bạn muốn tránh sự nhơ bẩn và mọi tội lỗi, hãy mê mải say sưa làm việc, dù chỉ là lau một cái bàn. Bản chất con người khó khắc phục, nhưng cần phải khắc phục. Bạn là người Cơ đốc nhưng nếu bạn lại không trong sạch hơn một người ngoại đạo, nếu bạn không kiềm chế bản thân hơn, nếu bạn không ngoan đạo hơn, thì có ích gì? Tôi biết nhiều hệ thống tôn giáo quý trọng người ngoại đạo, những lời giáo huấn của họ khiến người đọc thấy đầy hổ thẹn, và thúc giục anh ta tới những cố gắng mới, dù chỉ trong hành lễ.

Tôi ngần ngại nói những lời này, nhưng không phải vì chủ đề của nó - tôi không quan tâm những lời của tôi bẩn thỉu đến đâu - mà vì tôi không thể nói chúng ra mà không để lộ sự không trong sạch của tôi. Chúng ta thoải mái trao đổi với nhau mà không xấu hổ về một dạng nhục dục, và im lặng về các dạng khác. Chúng ta thoái hóa đến mức không thể nói một cách đơn giản về những chức năng cần thiết của bản chất con người. Trong những thời đại xa xưa, ở một số nước, mọi chức năng được nói đến một cách cung kính và được điều tiết bởi pháp luật. Không có gì là quá tầm thường với một nhà làm luật Hindu, dù nó có vẻ chướng với khẩu vị ngày nay thế nào. Ông dạy người

ta ăn, uống, ỉa, đái, làm tình, vân vân, nâng cao cái tầm thường thấp kém, và không tự bào chữa cho mình một cách giả dối bằng cách gọi chúng là những chuyện nhỏ mọn.

Mỗi người xây cho mình một ngôi đền, gọi nó là thân thể, ở đó anh ta thờ phụng Chúa, theo một phong cách hoàn toàn của riêng mình, và anh ta cũng không thể thoát ra bằng việc đẽo một pho tượng cầm thạch thay vào. Tất cả chúng ta là những nhà điêu khắc và họa sĩ, và chất liệu của chúng ta là thịt và xương và máu của chính chúng ta. Mọi vẻ cao quý bắt đầu ngay ở chỗ thanh lọc những đường nét của con người, mọi vẻ tầm thường hay trần tục biến chúng thành hung bạo.

Một buổi tối tháng Chín John Farmer [399] ngồi bên cửa nhà ông, sau một ngày làm việc vất vả, đầu óc ông vẫn còn ít nhiều quẩn quanh với công việc. Sau khi tắm rửa ông ngồi xuống để cho con người thông minh trong ông được nghỉ ngơi. Tối hôm ấy khá mát mẻ, và một số hàng xóm của ông đang ngại có sương giá. Ông đã không còn chú tâm được vào luồng suy nghĩ của mình khi ông nghe có ai đó thổi sáo, và âm thanh ấy hòa hợp với tâm trạng ông. Ông vẫn còn nghĩ đến công việc của mình, nhưng gánh nặng suy nghĩ của ông mặc dù vẫn chạy trong đầu ông, và ông thấy mình đang trù tính và xây dựng nó chống lại ý chí của ông, nhưng ông chẳng mấy bận tâm. Nó không hơn những vẩy trên da ông, thường xuyên bong ra. Nhưng những nốt nhạc từ tiếng sáo bay đến tai ông từ một phương trời khác với nơi ông làm việc, và gợi ra công việc cho những khả năng yên ngủ trong ông. Nó nhẹ nhàng thoát ra khỏi đường phố, và làng mạc, và đất nước trong đó ông sống. Một giọng nói với ông, tại sao ông lại ở đây và sống cuộc sống tầm thường cực nhọc

này, khi có thể có một cuộc sống vinh quang cho ông? Vẫn cùng những ngôi sao ấy lấp lánh trên những cánh đồng khác với những cánh đồng này, nhưng làm thế nào thoát khỏi thân phận này và thật sự di cư đến đó. Tất cả những gì ông có thể nghĩ đến là thực hành một lối sống khổ hạnh mới, để cho tâm trí của ông nhập vào thân thể ông, và cứu chuộc nó, và đối xử với bản thân ông bằng lòng kính trọng tăng lên mãi.

Chương 12

Những láng giềng hoang dã

Đôi khi tôi có một người bạn [400] câu cá, đi từ phía bên kia xuyên qua thành phố đến nhà tôi, và cuộc câu cá cho bữa ăn cũng thành một cuộc xã giao như chính bữa ăn vậy.

Nhà ẩn sĩ, Tôi tự hỏi không biết bây giờ thiên hạ đang làm gì. Trong ba giờ ấy thậm chí tôi không nghe thấy cả tiếng ve sầu trên bụi dương xỉ. Tất cả lũ bồ câu đang ngủ trong chuồng của chúng, không vỗ cánh bay đi. Có phải tiếng tù và buổi trưa của người trại chủ vang lên từ bên kia rừng vào đúng lúc này không? Những bàn tay đang bốc thịt bò luộc chấm muối, uống rượu táo, và ăn bánh mì của người Anhđiêng. Tại sao người ta phải lo lắng nhiều như thế? Người không ăn thì không cần làm việc, tôi tự hỏi họ đã thu hoạch bao nhiêu. Ai sống ở đó, nơi người ta không bao giờ nghĩ về tiếng sủa của con Mực [401]? Và ôi, chăm sóc nhà cửa! Cọ cho sáng bóng những cái núm cửa của quỷ sứ, và cọ rửa bồn tắm của hắn trong một ngày đẹp trời thế này! Tốt nhất là chẳng cần có một ngôi nhà. Chẳng hạn, cái hốc rỗng trong một thân cây. Sẽ chẳng có khách thăm buổi sáng, chẳng có ai mời cơm buổi chiều. Chẳng có ai gõ cửa, ngoài một con chim gõ kiến mổ nhẹ. Chà, ở đằng kia bọn họ cả bầy lúc nhúc; nắng rất ấm, tôi cho rằng, họ ngập quá sâu vào cuộc bon chen. Tôi có nước lấy từ suối, và một ổ bánh mì đen trên giá. - Nghe này! Tôi nghe thấy tiếng lá xào xạc. Có phải một con chó trong làng bị bỏ đói đang đến đây săn mồi? Hay con lợn đi lạc

nghe nói đang ở trong rừng này, mà tôi đã trông thấy những dấu chân của nó sau cơn mưa? Nó đến quá nhanh; những cây sơn và cây tầm xuân của tôi run rẩy. - Ê này, ông thi sĩ, phải ông đấy không? Hôm nay ông cảm thấy yêu đời như thế nào?

Nhà thơ. Hãy nhìn những đám mây kia kìa, chúng lơ lửng như thế nào! Đó là điều tuyệt nhất tôi thấy ngày hôm nay. Không có cái gì giống như thế trong những bức họa cũ, không có cái gì giống như thế trong những mảnh đất xa lạ, trừ phi chúng ta đang ở mãi tận bờ biển Tây Ban Nha. Đó là bầu trời Địa Trung Hải chính hiệu. Vì tôi phải kiếm sống, và hôm nay tôi chưa ăn, tôi nghĩ tôi có thể đi câu một phát. Đó là công việc chân chính của một nhà thơ. Đó là nghề duy nhất mà tôi học được. Nào, ta cùng đi.

Ẩn sĩ. Tôi không phản đối. Miếng bánh mì đen sẽ hết ngay. Tôi sẽ đi với anh ngay và vui vẻ, nhưng tôi đang hoàn thành một bài tập thiền nghiêm chỉnh. Cũng gần xong rồi. Vậy hãy để tôi yên một lát. Nhưng để khỏi trễ, trong lúc này anh nên đi đào một ít giun.

Ở chỗ này khó kiếm giun làm mồi, ở đây đất chưa bao giờ được bón phân, giống giun gần như tuyệt chủng. Việc đào được giun cũng thích thú gần như câu được cá, khi sở thích không đến nỗi khắt khe quá, và việc này dành riêng cả cho anh hôm nay. Tôi khuyên anh nên mang mai tới giữa đám lạc, nơi anh thấy đám *johnwort* đang vẫy đó. Tôi bảo đảm cứ ba mảng cỏ anh lật lên thế nào cũng được một con giun, nếu anh nhìn kĩ xuống rễ cỏ, như khi anh giẫy cỏ ấy. Hoặc nếu anh muốn đi xa hơn, thì không phải là dở, vì tôi đã thấy số lượng giun tốt tăng lên gần như bình phương với khoảng cách.

Ẩn sĩ, một mình. Xem nào, tôi đang ở đâu đây nhỉ? Chắc tôi đang ở gần trạng thái này của tâm trí; thế giới nằm ở góc này. Tôi sẽ lên thiên đường hay đi câu cá? Nếu tôi sớm kết thúc bài thiền này, liệu có một cơ hội khác ngọt ngào thế này không. Tôi đang gần như hoà tan vào bản thể của vũ trụ, trạng thái này chưa bao giờ tôi từng trải nghiệm trong đời. Tôi sợ những ý nghĩ của tôi sẽ không trở lại với mình. Nếu có tác dụng tôi đã huýt sáo gọi nó về. Khi chúng cho chúng ta một lời mời gọi, liệu có khôn ngoan không khi nói, Chúng ta sẽ nghĩ về nó? Những ý nghĩ của tôi không để lại dấu vết nào của chúng, tôi không thể tìm lại chúng. Điều mà tôi đang nghĩ đến, nó là cái gì vậy? Hôm nay là một ngày sương mù thật dày đặc. Tôi sẽ cố thử ba câu này của Khổng Phu Tử; biết đâu chúng có thể mang trả lại tôi tâm trạng trước đó. Tôi không biết nó là những nỗi buồn chán hay một niềm hân hoan ngây ngất mới chớm. Ghi nhớ. Mỗi cơ hội chỉ có một lần.

Nhà thơ. Thế nào, *Ẩn sĩ*, có sớm quá không? Tôi mới kiếm được có mười ba con nguyên lành, ngoài một số con đứt đoạn hoặc quá ngắn, nhưng để câu cá con thì cũng được; chúng không bọc kín cả lưỡi câu. Những con giun quê này to quá; một con giếc có thể rỉa hết làm một bữa no nê mà chưa chạm tới mũi xiên.

Ẩn sĩ. Tốt, ta đi nào. Chúng mình đến sông Concord chăng? Nếu nước ở đấy không quá cao thì câu tuyệt lắm đấy.

Tại sao chính những vật mà chúng ta nhìn thấy này làm thành một thế giới? Tại sao con người lại có đúng những giống vật này làm hàng xóm của mình, như thể chỉ có con chuột nhắt mới lấp đầy cái khe này? Tôi ngờ rằng Pilpay [402] & Co tận dụng

[403] những con vật này, vì theo một nghĩa nào đó, tất cả những con vật thô kệch này sinh ra để mang một phần những suy nghĩ của chúng ta.

Lũ chuột rúc rích trong nhà tôi không phải chuột thường đâu, người ta bảo chúng được đưa vào vùng này, nhưng loại chuột hoang bản địa (*mus leucopus*) không thấy có trong làng. Tôi gửi một con cho một nhà tự nhiên học xuất sắc, ông ta quan tâm lắm. Khi tôi xây nhà, một con làm tổ ngay bên dưới nền nhà, và trước khi tôi lát lớp ván sàn thứ hai, và quét sạch dăm bào, nó ló ra đều đặn vào giờ ăn cơm, và đớp mẩu bánh trên tay tôi. Có lẽ trước đó nó chưa thấy một con người; và chẳng mấy chốc nó trở nên dạn, và dám chạy trên giày tôi, leo lên cả quần áo tôi. Thoắt một cái, nó đã leo lên mọi ngóc ngách của căn phòng, động tác của nó nhanh như sóc. Cuối cùng, một hôm tôi nằm chống khuỷu tay nghỉ trên ghế băng, nó leo lên quần áo tôi, chạy dọc cánh tay tôi, và chạy vòng quanh tờ giấy tôi gói thức ăn, trong khi tôi giữ chặt tờ giấy đó, rồi chạy lắt léo và chơi trò ú tim với nó, và cuối cùng khi tôi cầm một miếng pho mát giữa ngón cái và ngón trỏ, nó đến và gặm, ngồi trên bàn tay tôi, và sau đó liếm mặt và chân nó, như một con ruồi, rồi chạy đi.

Một con chim đớp ruồi làm tổ trong nhà tôi, và một con chim cổ đỏ (robin) trú trong một cây thông trước nhà. Đến tháng Sáu con gà gô (*Tetrao umbellus*) vốn là một con chim rất nhút nhát, dẫn đàn con của nó đi ngang qua cửa sổ nhà tôi, từ những bụi cây phía sau nhà ra phía trước, cục cục gọi chúng như một con gà mái, trổ hết oai phong của nó ra để tỏ ra ta đây là một con gà mái của rừng. Những con gà con bỗng nhiên chạy tản ra đến gần bạn, khi có một tín hiệu từ mẹ của chúng, như

thể một cơn gió lốc đã quét chúng đi, và trông chúng giống những chiếc lá khô và những cành cây con một cách là lạ, đến nỗi một du khách đã đặt chân vào giữa bầy gà, và nghe tiếng kêu quang quác của con chim già khi nó bay đi, và tiếng gọi lo lắng thảm thiết của nó, hoặc thấy nó kéo lê đôi cánh của nó để lôi kéo sự chú ý của anh ta, mà không nghi ngại gì vùng xung quanh. Con chim mẹ đôi khi cứ quay tròn trước mắt bạn một cách lôi thôi như thế đến mức trong một lúc bạn không thể nhận ra đó là loại sinh vật gì. Lũ gà con ngồi im xuôi thường xuyên chui đầu xuống một chiếc lá và chỉ chú ý đến sự chỉ đạo của mẹ chúng từ xa, ngay cả khi bạn đến gần chúng cũng không chạy và lộ mình ra. Bạn thậm chí có thể giẫm lên chúng, hoặc đứng nhìn chúng một phút, mà không phát hiện ra chúng. Tôi đã giữ chúng trong lòng bàn tay một lúc lâu mà chúng, tuân theo mẹ và bản năng của chúng, vẫn ngồi yên trên tay tôi không hề run sợ. Cái bản năng này hoàn hảo đến nỗi, có lần, khi tôi đã đặt chúng trở lại trên lá, và một con không may rơi nghiêng xuống, mười phút sau đã thấy nó trong số còn lại, đúng ở vị trí cũ của nó. Chúng không non nớt như phần lớn những con chim non khác, mà đã phát triển hoàn thiện hơn, thậm chí sớm phát triển hơn cả gà con. Cái vẻ người lớn tuy ngây thơ trong những đôi mắt mở to trong sáng của chúng thật khó quên. Toàn bộ trí thông minh thể hiện trong những đôi mắt ấy. Chúng gợi ra không chỉ sự tinh khiết của tuổi ấu thơ, mà cả cái khôn ngoan được lọc qua kinh nghiệm. Một con mắt như thế không sinh ra cùng lúc với con chim ra đời, mà cùng lúc với bầu trời xanh mà nó phản chiếu. Rừng không có được một viên ngọc khác như thế. Du khách chẳng mấy khi nhìn được vào một cái giếng trong

như thế. Một thợ săn dốt nát hoặc khinh suất thường bắn một con chim mẹ vào một lúc như thế, và để lại đàn chim non làm mồi cho những con thú lang thang hoặc chim dữ, hoặc lâu dần lẫn vào lớp lá cây mục rất giống với chúng. Người ta kể rằng nếu chúng được ấp bởi một con gà mái, thì mỗi khi có động chúng sẽ chạy tản ra, và như thế dễ bị lạc, vì chúng không bao giờ nghe được tiếng mẹ gọi tụ tập chúng lại. Đây là đàn gà mẹ gà con của tôi.

Có điều lạ là bao nhiêu sinh vật sống hoang dã và tự do - mặc dù bí mật - trong rừng, và vẫn kiếm sống trong vùng lân cận với các thành thị, mà chẳng có ai ngoài các thợ săn phát hiện ra chúng. Con rái cá cố gắng sống được ở đây mới ẩn mình kín đáo làm sao. Khi lớn nó dài đến bốn foot, và to như một thằng bé, có lẽ không có người nào có thể thoáng thấy nó. Trước đây có lần tôi trông thấy con gấu trúc trong khu rừng phía sau nơi tôi xây nhà, và ban đêm có lẽ vẫn còn nghe thấy tiếng nó than vãn. Thông thường vào buổi trưa, sau khi trồng trọt tôi nghỉ một hoặc hai giờ dưới bóng cây, ăn trưa, và đọc một chút bên một dòng nước là nguồn của đầm lầy và của một con suối, rỉ ra từ bên dưới Đồi Brister, cách cánh đồng của tôi nửa dặm. Muốn đến đó phải qua qua một loạt khoảng trũng kế tiếp nhau đi xuống, nơi mọc đầy thông non, đến một cánh rừng lớn hơn bên cạnh đầm lầy. Ở đó, trong một chỗ hẻo lánh và râm mát, dưới một cây thông trắng tán rộng, có một bãi đất chắc và cỏ sạch để ngồi. Tôi khơi rộng dòng nước ra và làm một cái giếng nước trong, ở đó tôi có thể nhúng cả xô xuống mà không khuấy đục nó lên, và mùa hè hầu như ngày nào tôi cũng đến đó lấy nước, khi đầm nóng nhất. Có con chim dẽ gà [404] (*woodcock*)

cũng dẫn đàn con đến đó bới bùn để kiếm giun, chỉ bay cao được một foot bên trên đàn con, dọc theo bờ, trong khi đàn con xúm xít chạy bên dưới, nhưng khi phát hiện ra tôi, nó bỏ đàn con đấy và lượn vòng quanh tôi nhiều vòng, càng lúc càng gần hơn, cho đến khi còn cách độ bốn năm foot, nó giả vờ gãy cánh và chân, để đánh lạc sự chú ý của tôi và giải thoát cho đàn con của nó, lúc này đã tiếp tục cuộc diễu hành của chúng, với tiếng chíp chíp khe khẽ, thành một dãy qua đầm lầy, như mẹ chúng hướng dẫn. Cũng có khi tôi nghe tiếng chíp của lũ con mà không nhìn thấy con chim mẹ.

Cũng ở đó những con bồ câu Bắc Mĩ (*turtle-dove*) đậu bên trên suối, hoặc bay chuyền từ cành này sang cành khác của cây thông trắng mềm mại trên đầu tôi, hoặc những con sóc đỏ nhảy xuống cành gần nhất, là đặc biệt thân mật và tò mò. Bạn chỉ cần ngồi bất động đủ lâu ở một chỗ hấp dẫn trong rừng thì tất cả những con vật sống ở đó sẽ lần lượt ra trình diện trước mắt bạn.

Tôi đã là chứng nhân cho một sự kiện không hoà bình. Một hôm khi đi ra chỗ đống gỗ của mình, hay đúng hơn là đống gốc cây, tôi thấy hai con kiến to, một con đỏ, con kia to hơn nhiều, dài gần nửa inch, màu đen, đang đánh nhau dữ dội. Một khi đã túm được nhau là chúng không bao giờ buông ra, mà đánh và vật và lăn trên những mảnh vỏ bào không ngừng nghỉ. Nhìn ra xa hơn, tôi ngạc nhiên thấy rằng mảnh vỏ bào bị che kín bởi các chiến sĩ này, rằng đây không phải là một cuộc đấu tay đôi (*duellum*), mà là một cuộc chiến tranh (*bellum*) thực sự giữa hai giống kiến, giống đỏ luôn luôn đấu với giống đen, và thường xuyên hai con đỏ đánh một con đen. Những quân đoàn Myrmidon [405] bao kín cả những quả đồi và những thung lũng

trong sân nhà tôi, và mặt đất đã rải đầy xác kiến đỏ và đen, đã chết và đang chết. Đó là trận đánh duy nhất mà tôi từng chứng kiến, trận địa duy nhất mà tôi từng giẫm chân lên trong khi trận đánh đang cực kì ác liệt, một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, một bên là phe cộng hoà đỏ, bên kia là phe bảo hoàng đen. Bên nào cũng hăm hở lao vào cuộc chiến chết chóc mà tôi không nghe thấy một tiếng ồn nào, những chiến sĩ của loài người không bao giờ đánh nhau kiên quyết đế thế. Tôi nhìn một cặp đang ôm ghì khoá chặt nhau trong một thung lũng nắng nhỏ xíu giữa những dăm bào, lúc này là giữa trưa và sẵn sang đánh đến lúc mặt trời lặn, hay đến lúc tiêu đời. Chiến binh đỏ nhỏ hơn kẹp chặt đối thủ như một chiếc êtô, cùng ngã xuống và lăn trên chiến địa, trong suốt thời gian ấy cố gắng cắn sợi râu thứ hai của đối thủ sát tận chân, sau khi đã cắn đứt lìa một sợi khác rơi xuống; trong khi đó con đen khỏe hơn quăng mạnh nó từ bên này sang bên kia, và khi nhìn kĩ hơn, tôi thấy nó đã bẻ gãy mấy chân của đối thủ. Chúng chiến đấu quyết liệt hơn giống chó bun. Không bao giờ tỏ ra dù chỉ hơi có ý định rút lui. Rõ ràng tiếng gọi xung trận của chúng là Chiến thắng hay là chết [406]. Trong lúc đó có một con kiến đỏ duy nhất đang bò trên sườn đồi của thung lũng này, rõ ràng đầy kích động, nó hoặc là đã giết chết tươi đối thủ, hoặc chưa tham chiến, có lẽ thế, vì chưa bị mất cẳng chân nào, mẹ nó đã giao cho nó phải trở về với chiếc khiên của nó, hoặc nằm trên chiếc khiên ấy [407]. Hay có lẽ nó là một Achilles, kẻ đã gạt ra một bên lòng căm hận riêng, và bây giờ đến để trả thù hoặc cứu *Patroclus* của mình [408]. Nó nhìn cuộc chiến không cân sức này từ xa - vì con kiến đen to gần gấp đôi kiến đỏ - nó rảo bước đến gần cho tới khi còn cách trận đấu

nửa inch nó cảnh giác đứng nhìn, rồi, rình chộp cơ hội, nó lao vào chiến binh đen, và bắt đầu cắn chân trước bên phải của con này gần sát mình, để cho kẻ thù tùy chọn một trong những chân của nó; và như vậy tất cả có ba con, tinh thần kiên định bất diệt với một sức mạnh đặc biệt, rắn hơn mọi loại khóa và mọi thứ xi măng. Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu lúc này có dàn quân nhạc đứng trên một miếng dăm bào cao và cử quốc thiều để cổ vũ các chiến binh và ca ngợi những kẻ ngã xuống. Bản thân tôi cũng thấy hơi kích động, như thể chúng là những con người. Càng nghĩ lại càng chẳng thấy khác gì. Và chắc chắn sẽ không có trận đánh [409] được ghi lại, ít nhất trong lịch sử Concord, nếu không phải trong lịch sử nước Mĩ, nếu nó không mang một khoảnh khắc so sánh được với trận này, cả về quân số tham dự lẫn tinh thần ái quốc và chủ nghĩa anh hùng được thể hiện, về số tham chiến và mức độ tàn sát, nó sánh ngang với một Austerlitz hay Dresden [410]. Trận Concord! Hai người trong phe yêu nước bị giết, và Luther Blanchard bị thương! Ở đây mọi con kiến là một Buttrick [411]. "Bắn, vì Chúa, bắn!" và một nghìn người chung số phận với Dacis và Hosmer [412]. Ở đó không hề có một tên lính đánh thuê [413]. Tôi tin rằng họ cũng chiến đấu vì nguyên tắc, như những tổ tiên của chúng ta, và không phải để tránh khoản thuế ba xu trên bữa trà của họ [414], và những kết quả của trận đánh này đối với những ai quan tâm đến nó ít nhất cũng sẽ quan trọng và đáng nhớ như của trận đánh trên Đồi Bunker [415].

Tôi nhặt một miếng dăm bào, trên đó có ba con đang đánh nhau tôi đã đặc biệt tả trên kia, mang vào nhà và đặt nó dưới một cốc vại trên bệ cửa sổ, để xem kết quả. Đưa một kính hiển

vi đến trước con kiến đỏ mà tôi nhắc đến đầu tiên, tôi thấy, mặc dù nó đang chăm chú gặm cái chân trước của kẻ thù, sau khi đã cắn đứt sợi râu còn lại của con này, ngực của chính nó đã bị xé toang, để lộ chỗ hiểm trước hàm của chiến binh đen, tấm giáp che ngực con này rõ ràng quá dày khiến con đen không thể chọc thủng được, đôi mắt tối sầm của nó lóe lên những tia hung dữ mà chỉ chiến tranh mới kích động được. Chúng đánh nhau thêm nửa giờ nữa dưới cái cốc, và khi tôi nhìn lại, con màu đen đã nghiến đứt đầu cả hai đối thủ của mình, và những cái đầu lủng lẳng hai bên mình nó như những chiến lợi phẩm kinh tởm ở cái mỏ yên của nó, vẫn kẹp chắc như bao giờ, và nó vùng vẫy cố thoát ra bằng những cử động yếu ớt, vì đã mất hết râu và chỉ còn lại một đoạn chân, và tôi không biết còn bao nhiêu vết thương nữa; cuối cùng, sau nửa giờ nữa, nó mới thoát ra được. Tôi nhấc chiếc cốc lên, và nó bò ra bậu cửa sổ với dáng bộ què quặt. Liệu cuối cùng nó có sống sót qua trận đánh này không, để về sống nốt phần còn lại của cuộc đời trong một Khách sạn Thương phế binh [416] nào đó. Tôi không biết, nhưng chắc chắn sau này nó chẳng còn mấy hữu dụng nữa. Tôi không bao giờ biết bên nào chiến thắng, cũng không biết nguyên nhân chiến tranh là gì, nhưng suốt ngày hôm ấy tôi cứ có cảm giác mình bị kích động và tổn thương vì chứng kiến cuộc đấu đá ấy, dữ dội và đẫm máu, của cuộc chiến giữa con người trước cửa nhà tôi.

Kirby và Spence [417] nói với chúng ta rằng những cuộc chiến đấu của kiến từ lâu đã được tán tụng và niên đại của chúng được ghi lại, nhưng họ nói rằng Huber [418] là tác giả hiện đại duy nhất hình như đã chứng kiến những trận đánh ấy. Họ bảo, "Eneas Sylvius [419], sau khi đã đưa ra một mô tả tường tận

một cuộc chiến đấu ngoan cường bên một giống to và bé trên thân một cây lê" viết thêm rằng "trận đánh diễn ra theo lời phán của Eugenius Đệ tứ [420] trước sự có mặt của Nicolas Pitstoriensis, một luật sư xuất sắc, người kể lại toàn bộ lịch sử của trận đấu với độ trung thực cao nhất. Một cuộc giao tranh tương tự giữa những con kiến to và kiến bé được Olaus Magnus [421] ghi lại, trong đó kiến bé là bên thắng, đã chôn xác đồng đội của mình và để mặc những cái xác to lớn của kẻ thù làm mồi cho chim chóc. Sự kiện này xảy ra trước khi Chistiern II [422] bạo ngược bị đánh đuổi khỏi Thuỵ Điển". Trận đánh mà tôi chứng kiến diễn ra trong nhiệm kì tổng thống Pork [423], năm năm trước khi thông qua Dự luật Webster về Nô lệ bỏ trốn [424].

Một con chó Mực trong làng chỉ thích hợp với việc săn đuổi những con rùa-bùn trong hầm thực phẩm, chạy nhắng nhít chơi đùa trong những góc rừng rậm rạp, mà không biết gì về ông chủ của nó, đánh hơi rất kém những hang cáo già, và những hốc chuột chũi, đôi khi để cho mấy con chó gầy nhẳng dẫn đi len lỏi khắp rừng, và có thể vẫn gây ra nỗi khiếp sợ tự nhiên cho những kẻ cư ngụ trong đó, lúc này tụt xa đằng sau sự dẫn đường của nó, sủa như một con chó bun về phía con sóc đang trốn trên cây nhìn xuống, rồi, chạy lon ton đi trước, vít cong những bụi cây nhỏ bằng sức nặng của nó, tưởng tượng nó đang lần theo dấu một thành viên của gia đình nhà chuột đi lạc. Có lần tôi ngạc nhiên thấy một con mèo bước đi trên bờ đá của đầm vì nó hiếm khi đi xa khỏi nhà. Nó cũng ngạc nhiên vì tôi. Một con mèo ngoan nhất, cả ngày nằm trên thảm trải sàn, có vẻ hoàn toàn thoải mái trong rừng, nhưng, bằng hành vi ranh ma và lén lút của mình, nó tỏ ra là dân bản xứ hơn những kẻ cư ngụ

thường xuyên ở đây. Có lần, khi đi hái quả, tôi gặp một con mèo với mấy con mèo con trong rừng, hoàn toàn hoang dã, và tất cả, giống như mẹ chúng, uốn lưng lên và phun phì phì vào tôi một cách dữ dội. Mấy năm trước, tôi sống trong một khu rừng một con mèo giống là "mèo bay" trong một trang trại của ông Gilian Baker, ở Lincoln gần nhất với đầm. Khi tôi đến để xem nó vào tháng Tư năm 1842, nó đang đi săn trong rừng, như nó quen làm (tôi không biết đó là đực hay cái, nên cứ tạm gọi như vậy), bà chủ nhà nói nó sang nhà hàng xóm từ hơn một năm trước, yào tháng Tư, và ở luôn trong nhà họ, rằng da nó nâu xám xẫm, với một khoang trắng trên cổ, chân trắng, và một cái đuôi to rậm như đuôi cáo, rằng vào mùa đông bộ lông của nó mọc dày hơn và bẹt ra ở hai bên, tạo thành những dải dài mười hai inch rộng một inch rưỡi, dưới cằm nó giống như một chiếc găng tay, phía trên xốp mềm, phần dưới rối như nỉ, và vào mùa xuân phần phụ thêm này rớt ra. Họ cho tôi một cặp “cánh” của nó, đến giờ tôi vẫn giữ. Trông nó chẳng có vẻ gì giống một cái màng cả. Một số người nghĩ nó là một bộ phận của con sóc bay, hay một loài hoang dã nào đó, điều này có thể lắm, vì theo các nhà tự nhiên học, những giống lai mắn đẻ đã được tạo ra bởi sự phối ngẫu giữa chồn *mactet* và mèo nhà. Loài này có thể đã đúng là loài mèo để tôi nuôi, nếu tôi có nuôi mèo, vì tại sao con mèo của nhà thơ lại không thể có cánh như con ngựa của chàng ta [425]?

Vào mùa thu, con chim lặn gavia (*Colymbus glacialis*) đến, như thường lệ, để thay lông và tắm trên đầm, làm cho rừng rung lên với tiếng cười rộ hoang dã của nó trước khi tôi thức dậy. Tất cả những thợ săn trên Đập nước, nghe đồn nó đến, đã cảnh giác và sẵn sàng, đi bộ hoặc trên xe hai bánh một ngựa

kéo, tốp hai và ba người, với những khẩu súng trường có nhãn [426], và những viên đạn côn, cùng với kính viễn vọng nhỏ. Họ đi sột soạt qua rừng như những chiếc lá khô, ít nhất mười người trên một con gavia. Một số dừng lại trên bờ bên này đầm, một số sang bờ bên kia, vì con chim tội nghiệp không thể có mặt ở khắp nơi, nếu nó lặn chỗ này nó phải nổi lên ở chỗ kia. Nhưng bây giờ cơn gió dịu êm tháng Mười đã nổi, làm cây lá xào xạc và mặt nước gợn sóng lăn tăn, do đó không thể nghe hay nhìn thấy con gavia nào cả, dù những kẻ địch của nó đã dung kính viễn vọng quét hết mặt đầm, và làm rừng vang dội những phát súng của họ. Những con sóng nhô lên và tan ra một cách giận dữ, đứng về phe tất cả những con chim có thể bơi dưới nước, và đám thợ săn của chúng tôi phải rút lui trước thời hạn về thành phố và cửa tiệm, với những công việc bất tận của mình. Nhưng họ đã nhiều lần thành công. Khi đến lấy một xô nước vào buổi sáng sớm, tôi thường thấy con chim oai vệ này bơi ra khỏi nơi tôi nấp chừng vài sải (*rod*). Nếu tôi bơi một chiếc thuyền cố gắng bắt kịp nó, để thấy nó xoay trở như thế nào, thì nó lặn xuống và hoàn toàn biến mất, để tôi không the thấy nó lần nữa, có khi đến tận chiều tối. Nhưng trên mặt nước nó đâu không lại với tôi. Nó thường biến mất trong một cơn mưa.

Vào một chiều tháng Mười rất lặng gió, trong những ngày như thế chúng đặc biệt tụ tập về các hồ giống như những đóa bông tai sa xuống, tôi chèo thuyền dọc theo bờ bắc và nhìn khắp đầm nhưng không thấy con gavia nào, thì bỗng một con, bơi từ bờ ra giữa đầm cách vài sải trước mặt tôi, bắt đầu phát ra tiếng cười hoang dại của nó và để lộ mình ra. Tôi chèo đuổi theo thì nó lặn xuống, nhưng khi nó nổi lên thì tôi đã ở gần nó hơn. Nó

lại lặn, và tôi đã tính sai hướng của nó, cách nó đến năm mươi sải khi nó nổi lên mặt nước, vì tôi đã giúp nó mở rộng khoảng cách; và một lần nữa nó cười dài và to, vì có lí do hơn lúc trước. Nó xoay trở khôn lanh đến nỗi tôi không làm sao đến gần nó trong khoảng năm sáu sải. Mỗi lần, khi nổi lên mặt nước, quay đầu bên này bên kia, nó bình tĩnh khảo sát nước và đất, và rõ ràng đã chọn hành trình sao cho có thể nhô lên ở chỗ mặt nước rộng thoáng nhất và cách thuyền tôi xa nhất. Đáng ngạc nhiên là sao nó có thể quyết định và thực hiện giải pháp nhanh thế. Nó lập tức dẫn tôi đến chỗ rộng rãi nhất của đầm, và không thể dụ nó ra khỏi đó. Trong khi nó đang nghĩ một điều gì, thì tôi cố gắng đoán ra ý nghĩ của nó. Đó là một trò chơi tuyệt vời, chơi trên mặt đầm êm đềm, một người đấu với một con chim lặn gavia. Bỗng nhiên quân cờ của đối thủ của bạn biến mất dưới bàn cờ, và vấn đề là phải đặt được quần cờ của bạn gần nhất với chỗ nó sẽ xuất hiện trở lại. Đôi khi nó đột nhiên hiện lên bất ngờ ở phía ngược với tôi, như thể đã chui thẳng qua dưới đáy thuyền. Nó dài hơi và bền sức đến nỗi sau khi đã bơi xa nhất nó vẫn có thể lại lặn ngay lập tức; và khi đó dù khôn đến đâu cũng không đoán được nó ở đâu trong cái đầm sâu này, bên dưới mặt nước êm đềm này; nó có thể bơi tung tăng như cá, vì nó có thời gian và khả năng thám hiểm đáy đầm ở nơi sâu nhất. Người ta nói rằng trong những hồ ở New York có thế câu được những con gavia tám foot dưới mặt nước, bằng những lưỡi câu dùng để câu cá hồi, mặc dù Walden sâu hơn thế. Những con cá sẽ ngạc nhiên biết bao khi thấy vị khách vô duyên này từ một môi trường khác đến tung tăng giữa bầy cá của chúng! Tuy nhiên nó có vẻ biết chắc cách đi lại dưới lòng nước cũng như trên mặt, và bơi dưới

đó còn nhanh hơn. Một đôi lần tôi thấy gợn sóng ở chỗ nó lên gần mặt nước, nhưng vừa nhô đầu lên thám thính, ngay lập tức nó lại lặn xuống. Tôi thấy cứ dừng chèo ngồi đợi nó xuất hiện trở lại còn hơn cố gắng tính toán xem nó có thể nhô lên ở chỗ nào; vì đã hết lần này đến lần khác, khi cố căng mắt hướng nhìn ra mặt nước, thì tôi giật mình vì tiếng cười ma quái của nó sau lưng tôi. Nhưng tại sao, sau khi đã phô diễn đủ trò tinh quái đến thế, nó lần nào cũng như lần nào tự bộc lộ mình vào cái giây phút nó xuất hiện bằng tiếng cười to ấy? Cái ngực trắng của nó không đủ bộc lộ nó hay sao? Tôi nghĩ chắc chắn nó là một con chim gavia ngu xuẩn. Nói chung tôi có thể nghe tiếng nước bì bõm khi nó tới, và có thể phát hiện ra nó bằng cách ấy. Nhưng sau một giờ có vẻ nó vẫn khỏe khoắn hơn bao giờ hết, lặn một cách hào hứng và bơi nhanh hơn ban đầu. Tôi ngạc nhiên nhìn nó thanh thản bơi đi, với cái ngực trơn mượt không làm dậy sóng khi nó nhô lên mặt nước, làm mọi động tác bằng những bàn chân có màng bên dưới. Tiếng kêu của nó là tiếng cười ma quái này, tuy hơi giống tiếng của những con chim bơi dưới nước khác, nhưng đôi khi, khi đã nhử tôi thành công nhất, nó nhô lên và bơi một hơi dài ra xa, tuôn ra một tiếng hú khủng khiếp kéo dài, có lẽ giống tiếng hú của một con sói hơn là một con chim, như một con thú chúi mõm xuống đất và cố tình tru lên. Đó là tiếng kêu đặc thù của con chim lặn gavia, có lẽ là tiếng kêu hoang dại nhất tôi từng nghe thấy ở đây, làm cây rừng rung lên xa rộng. Tôi kết luận rằng nó cười chế giễu những cố gắng vô hiệu của tôi, tự tin vào tài xoay trở của nó. Mặc dù bầu trời lúc này đầy mây, đầm vẫn êm đến mức tôi có thể thấy nó rẽ mặt nước khi còn chưa nghe thấy tiếng nó. Cái ngực trắng của nó, sự

êm lặng của không khí, và sự êm đềm của nước là tất cả chống lại nó. Cuối cùng, khi đã đến còn cách năm mươi sải, nó thốt ra một trong những tiếng hú kéo dài ấy, như thể gọi thượng đế của loài chim lặn gavia giúp nó, và ngay lập tức một làn gió từ hướng đông thổi tới làm gợn sóng mặt nước, làm không gian ngập tràn sương mù, và tôi có cảm giác như đó lời đáp cho lời cầu nguyện của con chim kia, và thượng đế của nó đã nổi giận với tôi; và như vậy tôi để cho nó biến đi xa trên mặt nước mịt mù.

Vào mùa thu, tôi ngồi xem trong nhiều giờ những con vịt bơi một cách ngoắt ngoéo và dừng lại giữa đầm, xa thợ săn, những mẹo vặt chúng sẽ ít cần đến khi ở những đầm lầy Louisiana. Khi buộc phải bay lên chúng sẽ lượn vòng lượn vòng trên khắp mặt đầm ở một tầm khá cao, từ đó chúng dễ dàng nhìn thấy những đầm khác và sông, như những hạt bụi đen trên bầu trời, và, khi tôi nghĩ chúng đã bay tới đó từ lâu, thì chúng lại sà xuống theo một đường bay nghiêng một phần tư dặm đến một khoảng xa và thoáng của đầm; nhưng ngoài chuyện an toàn chúng có lí do gì bơi ra giữa Walden tôi không biết, trừ phi chúng thích nước của nó với cùng lí do như tôi.

Chương 13

Sưởi ấm ngôi nhà

Tháng Mười tôi đi hái nho trong những đồng cỏ ven sông, và mang nặng những chùm quả quý báu vì vẻ đẹp và hương vị của chúng hơn là vì giá trị dinh dưỡng. Tôi cũng mê việt quất ở đó, nhưng không hái, những viên ngọc sáp treo trên cỏ, màu ngọc trai và đỏ, mà nông dân nhổ lên bằng một cái cào xấu xí, để lại đồng cỏ mượt trong tình trạng lộn xộn, lơ đãng đong lường chúng chỉ bằng giạ và đô la, và bán những chiến lợi phẩm của đồng cỏ cho Boston và New York, đi đến chỗ làm mứt, để thoả mãn khẩu vị của những người yêu Thiên nhiên ở đó. Những ông hàng thịt móc những cái lưỡi bò rừng bizon ra khỏi cỏ thảo nguyên như vậy đấy, bất kể cây có gục xuống hay bị xé nát. Trái cây chín mọng chỉ nên làm thức ăn cho mắt, nhưng trong khi những người chủ và du khách coi thường bỏ qua, thì tôi lượm một đống nhỏ táo dại để cất vào kho. Khi hạt dẻ chín tôi trữ nửa giạ cho mùa đông. Vào mùa ấy tôi rất hào hứng rong chơi trong rừng dẻ Lincoln khi đó rộng mênh mông - bây giờ chúng ngủ giấc ngủ dài dưới đường sắt, - với một túi khoác trên vai, và một cái gậy trong tay để đập hạt dẻ, vì tôi thường không đợi đến khi hạt dẻ tự rụng xuống, giữa tiếng lá xào xạc và những lời cảnh cáo của những con sóc đỏ và những con chim giẻ cùi, mà đôi khi tôi lấy trộm những hạt ăn dở của nó, vì những hạt mà nó đã chọn chắc chắn chứa nhân rất ngon. Đôi khi tôi trèo lên và rung cây. Chúng mọc sau nhà tôi, và một cây to gần như tỏa bóng che

hết ngôi nhà, và khi ra hoa, nó là một vồng hoa thơm lừng khắp xóm, nhưng sóc và chim giẻ cùi ăn hết quả của nó, lũ giẻ cùi bay thành từng đàn đến mổ quả từ những cây dẻ cho chúng rụng xuống. Tôi bỏ những cây này cho chúng và đến thăm những khu rừng dẻ xa hơn. Những hạt dẻ này có thể thay bánh mì. Có lẽ có thể tìm được nhiều thứ thay thế như vậy. Một hôm đi đào giun tôi phát hiện ra một chùm lạc (*Apios tuberosa*), người bản xứ ăn thay khoai tây, một thứ quả huyền thoại, mà tôi bắt đầu ngờ không biết hồi còn bé tôi đã từng đào và ăn chưa, và trong những giấc ngủ không biết tôi có nằm mơ thấy nó không. Từ đó tôi thường nhìn những cánh hoa đỏ thẫm như nhung của nó tì lên những cành cây khác mà không nhận ra nó. Từ khi đất bị cày xới lên, nó bị diệt. Nó có vị ngòn ngọt, rất giống vị của khoai tây bị sương giá, và tôi thấy ăn luộc ngon hơn rang nhiều. Thứ củ này dường như giống một lời hứa mơ hồ của nàng Thiên nhiên rằng đến một lúc nào đó sẽ nuôi nấng những đứa con của mình bằng những thức ăn đơn giản ở đây. Vào mùa trâu bò béo mập và ngô lúa tốt tươi, thứ rễ xoàng này, vốn đã từng là vật tổ (*totem*) của một bộ lạc Anhđiêng, bị hoàn toàn quên lãng, hoặc chỉ được biết đến như thứ dây leo có hoa; nhưng thôi cứ để nàng Thiên nhiên hoang dã ngự trị ở đây thêm ít nữa, và những ngũ cốc Anh ngọt dịu và sang trọng có thể sẽ biến mất trước vô số kẻ thù, và không có sự coi sóc của con người quạ có thể mang trả lại thậm chí hạt giống ngô cuối cùng cho cánh đồng ngô vĩ đại của Thượng Đế của người Anhđiêng ở hướng tây nam, nghe nói ngài đã mang nó từ nơi đó đến; nhưng giờ đây giống lạc hầu như tuyệt diệt có lẽ sẽ sống lại và sum sê tươi tốt bất chấp sương giá và hoang dã, chứng tỏ tính bản địa của chúng, và lấy lại tầm

quan trọng và giá trị ngày xưa là một thứ đồ ăn của bộ lạc săn bắn. Chắc chắn người sáng tạo ra và ban tặng nó phải là một Ceres hay Minerva [427] Anhđiêng; và khi nàng thơ bắt đầu ngự trị ở đây, những chiếc lá và chùm dây lạc có thể được thể hiện trong những tác phẩm nghệ thuật của chúng ta [428].

Vào ngày 1 tháng Chín tôi đã thấy hai ba cây thích nhỏ chuyển sang màu đỏ thẫm hai bên bờ đầm, bên dưới ba thân cây dương màu trắng mọc lên từ một gốc, ở một mũi đất nhô ra đầm, gần mặt nước. Ồ, cái màu của nó kể biết bao nhiêu là chuyện! Và dần dần từ tuần này sang tuần khác tính cách của mỗi cây lộ rõ ra, và nó vui thích ngắm nhìn bóng nó phản chiếu trên mặt gương êm lặng của đầm. Mỗi buổi sáng ông chủ của phòng tranh này lấy một vài bức tranh mới, nổi bật với màu sắc rực rỡ và hài hòa hơn, thay cho những bức tranh cũ trên tường.

Đến tháng Mười, hàng ngàn ong bò vẽ bay đến căn lều của tôi, như ba tháng mùa đông, và đậu trên bậu cửa sổ hay trên tường nhà, đôi khi ngăn không cho khách vào. Mỗi buổi sáng khi chúng tê đi vì lạnh, tôi xua một số chúng ra ngoài, nhưng tôi không bận tâm đuổi hết chúng; thậm chí tôi còn cảm thấy hãnh diện khi chúng chọn nhà tôi làm nơi trú ngụ đáng mong ước. Chúng không bao giờ quấy rầy tôi quá đáng, mặc dù chúng bu kín tôi; và dần dần chúng biến đi, không biết vào kẽ nứt nào, để tránh mùa đông và cái lạnh cắt da.

Giống như lũ ong bò vẽ, trước khi vào ba tháng mùa đông, bắt đầu từ tháng Mười Một, tôi thường tới bờ phía đông bắc của đầm, để sưởi nắng; như thế thích thú và lành hơn nhiều so với một đống lửa nhân tạo. Tôi cứ sưởi ấm như vậy chẳng khác gì

bằng những than hồng vẫn còn rực lên mà một thợ săn từ mùa hè đã đi qua để lại.

Khi chuẩn bị xây lò sưởi, tôi nghiên cứu nghề thợ nề. Những viên gạch của tôi là dùng lại, nên cần dùng bay làm sạch, do đó tôi học được nhiều hơn bình thường về những tính chất của viên gạch và cái bay. Vữa bám trên gạch đã có đến năm mươi năm tuổi, và người ta bảo nó cứng hơn rất nhiều, nhưng đó là một trong những câu tục ngữ mà người ta thích nhắc lại, chẳng biết đúng hay không. Những câu tục ngữ như thế bản thân chúng ngày càng trở nên chai cứng hơn và bám chắc hơn theo tuổi của chúng, và cần nhiều nhát bay để đánh bật cái hợm hĩnh ngoan cố ra khỏi chúng. Nhiều làng ở Mesopotamia được xây bằng gạch dùng lại có chất lượng rất tốt, lấy từ đống đổ nát Babylon, và lớp xi măng trên mặt chúng cổ hơn và có lẽ còn cứng hơn. Tuy nhiên có lẽ điều làm tôi ngạc nhiên nhất là độ bền của thép chịu nhiều cú đập mạnh đến thế mà vẫn không bị hỏng. Vì trong lò sưởi của tôi đã có gạch cũ, mặc dù không đọc được cái tên Nebuchadnezzar [429] trên chúng, tôi nhặt tất cả những gạch lò sưởi cũ mà tôi thấy, để tiết kiệm công và bớt rác thải, và tôi lấp đầy khoảng trống giữa những viên gạch trong lò sưởi bằng đá lấy từ bờ đầm, và làm vữa cũng bằng cát trắng lấy cùng chỗ đó. Tôi chậm rãi nhất khi làm lò sưởi, vì nó là phần quan trọng nhất của ngôi nhà. Quả thật tôi đã làm việc cẩn trọng hết mức, buổi sáng tôi bắt đầu xây từ mặt đất một hàng gạch mà đến chiều tối mới lên cao được vài *inch* so với mặt đất, dùng làm gối cho tôi ban đêm [430], theo tôi nhớ tôi vẫn chưa bị đau vẹo cổ, chứng cứng cổ của tôi có từ lâu trước đó [431]. Thời gian đó tôi có một nhà thơ [432] ở cùng khoảng nửa tháng, nên

tôi phải xây nó để lấy chỗ. Anh ta mang theo con dao của anh, mặc dù tôi đã có hai con, và chúng tôi thường mài chúng bằng cách thọc xuống đất. Anh ta cùng làm với tôi việc nấu nướng. Tôi hài lòng thấy tác phẩm của tôi vươn lên thật vuông vắn và vững chắc, và nghĩ rằng nếu nó tiến chậm là vì nó được tính toán để thật lâu bền. Ông khói trong mức độ nào đó là một cấu trúc độc lập, đứng trên mặt đất và vươn lên qua mái nhà vươn lên trời; thậm chí có khi nhà cháy nó vẫn còn; tầm quan trọng và tính độc lập của nó thật rõ ràng. Hồi ấy là cuối mùa hè. Còn bây giờ là tháng Mười Một.

Gió bắc đã bắt đầu mang cái lạnh đến đầm, mặc dù phải mất mấy tuần thổi mãi nó mới hoàn toàn làm cho lạnh sâu đến thế. Khi tôi nhóm lửa vào buổi tối, trước khi tô trát ngôi nhà, ống khói đã dẫn khói lên cực tốt, nhờ có nhiều khe hở giữa các tấm ván. Tôi đã qua mấy tối vui vẻ trong căn hộ lạnh và thoáng khí ấy, quây xung quanh bằng những tấm ván nâu thô đây mấu, và vỏ cây bắc ngang trên đầu. Căn nhà của tôi sau khi trát vữa xong chả bao giờ làm vui mắt tôi như vậy, mặc dù tôi phải thú nhận nó tiện nghi hơn nhiều. Nên chăng mọi căn hộ có người ở xây đủ cao để tạo ra một khoảng tối bên trên, nơi vào buổi tối có những cái bóng chập chờn trên những rui mè? Những hình bóng này dễ kích thích trí tưởng tượng hơn những bức tranh tường hoặc những đồ đạc đắt tiền khác. Có thể nói bây giờ tôi là người đầu tiên ở ngôi nhà của tôi, khi tôi bắt đầu dùng nó để tìm hơi ấm và tránh mưa nắng. Tôi đã có một đôi vỉ lò để giữ củi trong lò sưởi, tôi hài lòng khi nhìn thấy bồ hóng trên mặt sau của ống khói mà tôi đã xây, và khi cời lửa tôi cảm thấy có quyền hơn và thỏa mãn hơn bình thường. Chỗ ở của tôi thì nhỏ, và tôi

khó có thể phát ra một tiếng vang trong nó, nhưng so với một căn hộ đơn và cách biệt với hàng xóm thì nó có vẻ to hơn. Tất cả vẻ hấp dẫn của một ngôi nhà tập trung vào một phòng, đó vừa là bếp, vừa là buồng ngủ, hành lang và phòng khách, và bất cứ sự thoả mãn nào mà cha hay con, chủ hay tớ có được từ việc ở trong một ngôi nhà, thì tôi có tất. Cato [433] nói, "ông chủ của một gia đình phải có (*patremfamilias*) ngôi nhà mộc mạc của mình", (*cellam oleariam, vinariam, dolia multa, uti lubeat caritatem expectare, et rei, et virtuti, et gloriae erit*) tức là "một căn nhà có dầu và rượu, nhiều thùng tônô, để có thể vui lòng mà chờ đợi khốn khó; nó sẽ vì lợi ích, đức hạnh và vinh quang của ông ta". Tôi có trong nhà của tôi một thùng nhỏ [434] khoai tây, hai đấu [435] đậu với cả mọt trong đó, và trên thềm nhà một ít thóc, một bình mật đường, còn lúa mạch đen và bột ngô mỗi thứ một thùng đấu to[436] .

Đôi khi tôi mơ về một ngôi nhà to hơn và đông người hơn, trong một thời hoàng kim, bằng những vật liệu bền chắc, và không có những công trình lòe loẹt [437] nó vẫn chỉ có một phòng duy nhất, một sảnh lớn rộng rãi, thô sơ, thênh thang, nguyên thủy, không có trần và không tô trát, với những rui mè đòn tay đỡ một bầu trời thấp trên đầu mọi người, có tác dụng che mưa và tuyết, nơi những hàng cột to đứng chỉ để nhận sự tôn kính của anh, khi anh đã tỏ lòng tôn kính đối với Vua Thần Nông kiệt sức của một triều đại cũ đang bước qua ngưỡng cửa; một tòa nhà nhiều hang động, trong đó anh phải đặt bó đuốc trên một con sào giơ lên mới thấy mái nhà; ở đó một số người có thể sống trong lò sưởi, một số trong hốc cửa sổ, một số cuối hành lang, và một số ở những nơi khác nữa, và một số ở tít trên

cao cùng với nhện, nếu họ chọn; một nhà mà bạn vào khi bạn đã mở cửa ngoài, và là nơi hết mọi sự khách sáo, nơi người du khách mệt lử có thể tắm rửa, ăn uống, chuyện trò, và ngủ, không cần phải đi đâu nữa; một nơi trú ngụ mà bạn sẽ vui sướng khi đến được vào một đêm dông bão, chứa đựng tất cả những gì là cốt yếu của một ngôi nhà, và không có gì để phải giữ nhà, nơi bạn có thể thấy tất cả kho báu của ngôi nhà qua một cái nhìn, và mọi thứ treo trên cái móc của nó mà một người có thể sử dụng, cùng một lúc bếp, chạn bát, phòng khách, buồng ngủ, nhà kho, và gác xép; nơi bạn có thể nhìn thấy một vật cần thiết như một cái thùng hay một cái thang, một vật tiện lợi như một tủ li, bạn nghe ấm nước sôi, và tỏ lòng kính trọng ngọn lửa nấu thức ăn cho bạn và cái lò nướng bánh của bạn, và những đồ đạc cần thiết và nồi niêu xoong chảo là những vật trang trí chủ yếu, ở đó cả bếp lửa lẫn tiếng cười của người chủ nhà không bao giờ tắt, và có thể đôi khi bạn được yêu cầu di chuyển khi chị nấu bếp đi xuống tầng hầm qua cửa sập, và như vậy không cần giậm chân cũng biết được dưới chân bạn là nền đất chặt hay lỗ hổng. Một ngôi nhà mà nội thất của nó bày ra rõ ràng như một tổ chim, và bạn không thể vào cửa trước và ra cửa sau mà không gặp bất kì ai sống trong đó; nơi bạn là một người khách có nghĩa là bạn được tự do thoải mái trong cả ngôi nhà, chứ không phải chỉ hạn chế trong một buồng riêng đóng kín cửa và được nhắc trong cõi cô độc đó xin cứ tự nhiên như ở nhà bạn; và không bị ngăn chặn một cách cẩn thận với bảy phần tám còn lại của ngôi nhà. Ngày nay chủ nhà không chấp nhận bạn vào tổ ấm của hắn, nhưng đã cho thợ xây xây cho bạn ở một chỗ nào đó bên lối đi trong khuôn viên của hắn, và sự hiếu khách là nghệ thuật giữ

bạn ở một khoảng cách tối đa. Việc nấu nướng được giữ bí mật như thể hắn âm mưu đầu độc bạn. Tôi nhận ra rằng tôi đã ở trong nhiều cơ ngơi của một người, và có thể đã bị đuổi một cách hợp pháp, nhưng tôi không nhận ra rằng tôi đã ở trong những ngôi nhà của nhiều người. Tôi có thể mặc quần áo cũ đến thăm một ông vua hay một nữ hoàng sống đơn giản trong một ngôi nhà như tôi vừa kể, nếu họ ở trên đường tôi đi, nhưng nếu có khi nào lỡ bị rơi vào một lâu đài hiện đại thì tôi chỉ muốn tìm cách nào thoát ra khỏi nó.

Hình như chính cái ngôn ngữ phòng khách của chúng ta đã mất đi toàn bộ cái hào khí của nó và xuống cấp thành toàn những chuyện tào lao [438] và cuộc đời chúng ta trôi qua cách xa những giá trị nền tảng của nó, và những ẩn dụ và những phép tu từ nguội lạnh nay được chuyển đến qua những băng chuyền và những giá tự động đưa đồ ăn; nói cách khác, phòng khách cách quá xa nhà bếp và xưởng máy. Bữa tiệc thậm chí chỉ còn là ẩn dụ của một bữa tiệc thông thường. Dường như chỉ có sự hoang dã sống rất gần với Thiên nhiên và Sự thật mượn được từ chúng một lối nói văn hoa. Làm thế nào một học giả sống ở vùng Lãnh thổ Tây Bắc [439] xa xôi, hay trên Isle of Man[440], nói được thứ ngôn ngữ trang trọng của nghị viện ở trong bếp.

Tuy chỉ có một hai người khách của tôi đủ gan lì ở lại và ăn cháo bột ngô với tôi, nhưng khi họ thấy cuộc khủng hoảng đang đến gần họ vội vã đánh bài chuồn, như thể nó đang rung chuyển ngôi nhà đến tận nền móng. Tuy nhiên, nó vẫn đứng vững qua bao nhiêu bữa cháo ngô.

Trước khi mùa rét đến, tôi chưa trát ngôi nhà. Tôi dùng thuyền, thứ phương tiện chuyên chở cám dỗ tôi đi thật xa nếu

cần, lấy một ít cát trắng sạch từ bờ bên kia đầm về để trát. Trong lúc ấy nhà tôi đã được ốp ván cả bốn mặt cho tới tận sàn. Trong việc lát ván, tôi hài lòng vì có thể đóng mỗi chiếc đinh một nhát búa duy nhất, và mong muốn của tôi là trát vữa thật gọn và nhanh chóng. Tôi nhớ câu chuyện về một gã tự phụ, quần áo bảnh bao thường thơ thẩn rong chơi trong làng chỉ dạy bảo ban những người lao động. Một hôm gã liều mạng thay lời nói bằng hành động, xắn tay áo lên, vớ lấy cái bay, và sau khi đã xúc đầy một bay không sai sót, gã tự đắc ngước nhìn lớp lát *lati* trên đầu, táo tợn hất cả bay vữa về phía đó, thì ngay lập tức, gã hoảng hốt nhận ngay cả mẻ vữa vào cái ngực áo diêm dúa của gã. Tôi lại thêm thán phục sự tiết kiệm và tiện lợi của việc trát vữa, nó chặn đứng cái lạnh ở bên ngoài và cho công trình một vẻ đẹp hoàn thiện và tôi biết nhiều tổn thất khác nhau mà người thợ trát tường phải chịu trách nhiệm. Tôi ngạc nhiên thấy sao những viên gạch khát nước đến thế, bao nhiêu ẩm trong vữa nó hút hết trước khi tôi miết, và cần đến bao nhiêu thùng nước trước khi xong một lò sưởi mới. Mùa đông trước tôi đã làm một ít vôi sống bằng cách đốt vỏ những con trai (*Unio fluviatilis* [441]), mà tôi có thể lượm được trên sông, nhằm mục đích thí nghiệm, để biết vật liệu xây dựng của tôi đến từ đâu. Nếu muốn, tôi có thể lấy được đá vôi tốt cách một hai dặm và tự nung lấy.

Trong thời gian ấy, ít ngày hay thậm chí mấy tuần trước đợt rét chính, trong những vũng nhỏ rợp bóng và nông nhất của đầm đã phủ một lớp băng nhẹ. Những tảng băng đầu tiên đặc biệt thú vị và hoàn hảo, nó cứng, tối, và trong suốt; và bạn sẽ có được cơ hội tốt nhất để khảo sát đáy ở những chỗ nông; vì bạn có thể nằm duỗi dài trên lớp băng chỉ dày một inch, giống như

con côn trùng trượt băng trên mặt nước, và nhàn nhã nghiên cứu đáy đầm, chỉ cách một khoảng hai ba inch, như một bức tranh đặt sau tấm kính, và khi đó nước nhất thiết phải êm. Có nhiều rãnh rạch trên cát nơi một loài vật nào đó khi đi qua đã làm hằn lên; và, thay vì những xác tàu đắm, đáy nước rải rác những cái kén ấu trùng của loại bọ cánh lông làm bằng những hạt thạch anh trắng nhỏ xíu. Có lẽ những cái này đã vẽ nên những đường rạch, vì bạn thấy một sò kén trong những đường rạch ấy, mặc dù chúng không làm được những đường rạch sâu và rộng như thế. Nhưng bản thân tảng băng là vật thú vị nhất, và bạn phải nghiên cứu nó ngay những ngày đầu tiên. Nêu bạn khảo sát nó cẩn thận vào buổi sáng sau khi nó mới đông, bạn thấy rằng đa phần những bọt bong bóng lúc đầu xuất hiện bên trong nó, bám vào mặt dưới của nó, liên tục nổi lên từ dưới đáy, trong khi tảng băng còn tương đối chưa đặc và tối lắm, tức là, bạn nhìn qua nó thấy nước. Những bong bóng có đường kính từ một phần tám mươi đến một phần tám inch, rất rõ và rất đẹp, và bạn nhìn thấy mặt bạn phản chiếu trong chúng qua tảng băng. Trong một inch vuông có ba mươi hay bốn mươi bong bóng như thế. Bên trong tảng băng cũng đã có những bong bóng hẹp thuôn thẳng đứng dài khoảng nửa inch, những hình nón sắc nét với đỉnh hướng lên, và thường thấy hơn, nếu tảng băng còn mới, những bọt hình cầu nhỏ xíu cái nọ ngay trên cái kia, giống như một chuỗi hạt cườm. Nhưng chuỗi bong bóng không nhiều và không rõ bằng chuỗi bên dưới nó. Đôi khi tôi thường ném một hòn đá để thử xem độ bền của tảng băng, và những tảng băng vỡ là những tảng chứa nhiều không khí bên trong, tạo thành những bọt bong bóng trắng to và dễ thấy ở bên

dưới. Một hôm sau bốn tám giờ tôi đến đúng chỗ cũ, tôi thấy những bong bóng to ấy vẫn còn nguyên vẹn, dù tảng băng đã dày thêm một inch, vì tôi có thể thấy rõ ràng lớp phân cách. Nhưng vì hai ngày qua trời rất ấm, như mùa hè Ấn Độ, tảng băng lúc này không còn trong để lộ ra màu xanh lục sẫm của nước và đáy nữa, mà đục và có màu hơi trắng hoặc xám, và mặc dù dày thêm gấp đôi, nó có vẻ không bền hơn trước, vì những bong bóng dưới tác dụng của nhiệt đã nở ra nhiều và kết lại với nhau, và mất tính cân đối của chúng, không còn cái này thẳng trên cái khác nữa, mà giống như những đồng xu bạc đổ ra từ một cái bao, cái nọ díu vào cái kia, hoặc thành hình những bông tuyết mỏng, như thể nhét đầy những kẽ nhỏ. Vẻ đẹp của băng đã mất, và đã quá muộn để nghiên cứu đáy đầm. Tò mò muốn biết những bong bóng tuyệt vời kia chiếm chỗ nào trong lớp băng mới, tôi đập vỡ một lớp chứa một bọt bong bóng kích cỡ vừa phải, và lật đáy của nó lên. Lớp băng mới đã hình thành xung quanh và bên dưới bong bóng, khiến cho nó nằm giữa hai lớp băng. Nó hoàn toàn ở trong lớp băng dưới, nhưng áp sát lớp trên, và hơi bẹt, có lẽ hơi có dạng thấu kính, với đường biên tròn, dày một phần tư inch, đường kính bốn inch; và tôi ngạc nhiên thấy rằng ngay bên dưới bong bóng băng đã tan đều đặn dạng một chiếc đĩa lật ngược, ở giữa dày khoảng năm phần tám inch, còn lại một lớp băng mỏng gần một phần tám inch ngăn cách giữa nước và bong bóng, nhưng ở nhiều chỗ những bong bóng nhỏ trong lớp băng ngăn cách này đã nổ bục xuống, và bên dưới những bong bóng lớn nhất, có lẽ đường kính đến một foot, không có chút băng nào. Tôi đoán là vô số bọt bong bóng li ti mà trước tiên tôi đã thấy bám vào mặt dưới của băng bây giờ

đã đông lại như vậy, và rằng mỗi cái tùy theo mức độ của nó đã tác động như một kính lấy lửa [442] làm cho phần băng bên dưới chảy và tan ra. Đây là những khẩu súng hơi bé góp phần làm cho băng nứt ra.

Cuối cùng mùa đông thật sự đến vừa đúng khi tôi hoàn thành tô trát, và gió bắt đầu rú rít xung quanh ngôi nhà như thể đến lúc đó nó mới được phép làm thế. Hết đêm này đêm khác những con ngỗng lạch bạch đi trong bóng tối với tiếng kêu chói tai và tiếng vỗ cánh phành phạch, thậm chí cả sau khi mặt đất phủ đầy tuyết, một số con đáp xuống trên đầm, một số bay là là trên rừng về phía Fair Haven, lao sang Mexico. Nhiều lần, khi từ làng về nhà vào khoảng mười hay mười một giờ đêm, tôi nghe thấy tiếng bước chân của một đàn ngỗng, hay vịt, đi trên lá khô trong rừng cạnh một vũng nước đằng sau nhà tôi, nơi chúng đến kiếm ăn, và tiếng kêu *kíu kíu* hoặc quang quác yếu ớt của con ngỗng đầu đàn khi chúng hối hả bước đi. Năm 1845 đầm Walden đóng băng hoàn toàn vào đêm 22 tháng Mười Hai, đầm Flint và các đầm khác nông hơn và sông đã bị đóng băng mười ngày trước đó hoặc hơn; trong năm 1846, ngày 16; năm 1849, khoảng ngày 31; và năm 1850, khoảng ngày 27 tháng Mười Hai; trong năm 1852 vào ngày 5 tháng Giêng; trong năm 1853, vào ngày 31 tháng Mười Hai. Tuyết đã bắt đầu phủ kín mặt đất từ 25 tháng Mười Một và bỗng nhiên bao vây tôi bằng cảnh trí của mùa đông. Tôi rút lui sâu hơn vào trong chỗ ẩn náu của mình, và cố giữ một ngọn lửa sáng cả trong nhà lẫn trong ngực tôi. Công việc ngoài trời của tôi lúc này là đi nhặt những cây chết trong rừng, ôm hoặc vác về, hoặc đôi khi cặp nách kéo lê một cây thông về nhà. Một hàng rào rừng cũ từng có thời rất đẹp là

món đồ tốt cho tôi. Tôi hi sinh nó cho Vulcan, vì trước đây nó đã phục vụ thần Terminus [443].

Một sự kiện còn thú vị hơn biết bao nhiêu, là bữa ăn của người lao đi trong tuyết để kiếm, không, bạn có thể nói là ăn cắp, củi để nấu. Miếng bánh và thịt của hắn mới ngon ngọt làm sao [444]. Trong mọi loại rừng của hầu hết những thành phố của chúng ta có đủ củi và gỗ thải để giữ nhiều ngọn lửa, nhưng thời nay chẳng sưởi ấm cho ai, và có người nghĩ nó cản trở những cây non lớn lên. Còn có cả những cây gỗ trôi dạt trên đầm. Trong mùa hè tôi đã phát hiện ra một bè gỗ thông dầu nguyên cây còn cả vỏ, do người Ai Len đóng vào thời gian làm đường sắt. Tôi đã lôi nó gác một phần lên bờ. Sau hai năm ngâm nước rồi nằm phơi cao sáu tháng, trông nó thật chắc chắn mặc dù đã bị ngâm nước quá lâu nên phơi không thể khô hoàn toàn. Một ngày đông tôi tìm thú vui bằng cách trượt từng cây một qua đầm, gần nửa dặm, tôi vác một đầu thân cây dài mười lăm *foot*[445] trên vai, đầu kia để trên tuyết, đẩy trượt đi; hoặc tôi buộc nhiều thân cây với nhau rồi dùng một thân cây phong hoặc tổng quán sủi có đóng một cái móc ở cuối kéo lê chúng qua. Mặc dù hoàn toàn bị ngậm nước và nặng gần như chì, chúng không chỉ cháy lâu, mà còn tạo ra ngọn lửa rất nóng, không, tôi nghĩ khi bị ngâm nước chúng cháy tốt hơn, như hắc ín, dù có nước vẫn cháy lâu hơn trong một chiếc đèn.

Gilpin [446], trong mô tả của ông về những người sống ở ven rừng của nước Anh, nói rằng "sự vi phạm của những kẻ xâm lân, và những ngôi nhà và hàng rào mọc lên như vậy trên những ran giới của rừng,... bị luật cũ về rừng coi như những kẻ gây thiệt hại lớn, và bị trừng phạt nghiêm khắc dưới tội danh "xâm

chiếm tài sản" (*purprestures*), vì có ý định *ad terrorem ferarum-ad nocumentum forestae* (dùng mánh khóe kinh khủng gây tổn hại đến rừng)". Nhưng tôi quan tâm đến việc bảo tồn thú săn và cây xanh trong rừng nhiều hơn thợ săn hoặc thợ đốn củi, và nhiều như thể tôi chính là ngài Chánh Kiểm lâm; và nếu có bất kì khu nào bị cháy, dù chính tôi làm cháy do bất cẩn, tôi đau với nỗi đau buồn kéo dài hơn và khôn nguôi hơn nỗi buồn của những người chủ sở hữu; không, tôi đau khi nó bị đốn hạ bởi chính những người chủ ấy. Tôi muốn rằng những người nông dân của chúng ta khi đốn hạ một khu rừng họ cảm thấy niềm tôn kính mà những người La Mã xưa cảm thấy khi tỉa bớt một khu rừng thiêng, để ánh sáng chiếu vào (*lucum conlucare*), tức là, tin rằng nó thuộc về một vị thần nào đó. Người La Mã hiến tế như một sự chuộc lỗi, và cầu nguyện, bất kể ngài là vị thần hay nữ thần nào của mảnh rừng này, xin phù hộ cho tôi, gia đình tôi, và con cháu tôi, v.v.

Có một giá trị đặc biệt vẫn còn được gán cho rừng ngay cả trong thời đại này, trong thế kỉ mới này, một giá trị vĩnh cửu hơn và phổ biến hơn vàng. Sau tất cả những phát minh và sáng chế của chúng ta, chẳng còn ai bình thản đi qua bên những đống gỗ. Nó đáng quý đối với chúng ta như nó đã từng đối với những tổ tiên Saxon và Norman của chúng ta. Nếu họ từ nó làm ra cây cung, thì chúng ta từ nó làm ra những kho súng. Cách đây hơn ba chục năm, Michaux nói giá gỗ dùng để làm nhiên liệu ở New York và Philadelphia "gần bằng và có khi cao hơn giá gỗ tốt nhất ở Paris, mặc dù thủ đô mênh mông này hằng năm cần hơn ba trăm nghìn *cord* [447], và có những đồng bằng trồng cây bao phủ đến ba trăm dặm". Trong thành phố này giá gỗ lên khá bình ổn,

và vấn đề chỉ là năm nay nó cao hơn năm trước bao nhiêu. Các thợ máy và nhà buôn đích thân đến rừng không vì việc nhỏ mọn nào khác, chắc chắn tham dự cuộc đấu giá gỗ, thậm chí trả giá cao để có đặc quyền đi theo chân những người thợ rừng. Bây giờ đã nhiều năm mọi người thường xuyên tới rừng kiếm củi và vật liệu cho nghệ thuật, người New England và người New Holland, người Paris và người Celt, người nông dân và Robinhood, Goody Blake và Harry Gill, ở hầu hết mọi nơi trên thế giới, ông hoàng và thợ cày, học giả và người dốt nát, đều cùng cần đến vài que củi từ rừng để sưởi ấm và nấu ăn. Tôi cũng không thể không có chúng.

Mọi người nhìn đống gỗ của mình với một tình cảm thương mến. Tôi thích có đống gỗ của mình trước cửa sổ, và càng nhiều mảnh vỏ bào càng tốt để nhắc tôi nhớ đến công việc ưa thích của mình. Tôi có một chiếc rìu mà chẳng ai cần, với nó bằng những câu thần chú trong những ngày đông, ở phía có nắng của ngôi nhà, tôi chơi với những gốc cây mà tôi đã đánh ra khỏi ruộng đậu của mình. Như thằng bé dắt bò cho tôi cày tiên đoán, chúng làm tôi ấm lên hai lần, một lần khi tôi chẻ, và một lần khi bỏ chúng vào lò. Còn về cái rìu, có người khuyên tôi đưa cho thợ rèn trong làng "đàn" [448] nó ra; nhưng tôi đã tự sửa lấy, và lấy một cái cán bằng gỗ cây mại châu từ rừng về đóng vào nó, làm cho nó dùng được. Nếu nó cùn, thì ít ra nó cũng đã làm xong việc của nó.

Một vài mẩu gỗ dầu [449] là cả một kho báu. Thật thú vị khi nhớ bao nhiêu thức ăn của lửa vẫn còn bị giấu trong lòng đất. Mấy năm trước tôi thường đi "bao quát" khắp sườn đồi trọc, nơi có một cây thông dầu lúc trước đứng đó, và moi lấy những rễ gỗ

dầu. Chúng hầu như rất chắc. Những gốc cây ít nhất ba bốn mươi năm tuổi, vẫn rất khỏe trong lõi, mặc dù lớp dác [450] gỗ đã mục, có thể thấy qua độ dày của lớp vỏ tạo thành một vòng ngang mặt đất cách tâm bốn, năm *inch*. Với rìu và xẻng tôi thám hiểm cái mỏ này, và đi theo cái kho dự trữ đầy sinh lực, vàng như mỡ bò, hay như thể đào trúng một mạch vàng, sâu trong lòng đất. Nói chung tôi thường nhóm lửa bằng lá khô gom từ rừng, mà tôi trữ trong nhà trước khi tuyết rơi. Gỗ mại châu chẻ nhỏ làm củi nhóm bếp của thợ rừng mỗi khi họ dựng lều trong rừng. Tôi nhặt về mỗi lần một ít. Khi những dân làng nhóm bếp lửa của họ phía xa, tôi cũng thông báo cho nhiều cư dân hoang dã của thung lũng Walden, bằng luồng khói lên từ ống khói nhà tôi, rằng tôi còn đang thức.

Ơi làn khói nhẹ. Giống như chàng Icar
Tan chảy đôi cánh khi bay lên cao
Chim sơn ca không hót, sứ giả của rạng đông
Liệng vòng trên làng xóm, như trên tổ
Hay cảnh mộng lụi tàn lúc nửa đêm,
Kéo lê bộ váy áo lướt thướt của mình
Ban đêm làm tấm mạng che đi những vì sao,
Và ban ngày làm tối đi ánh sáng, và che mờ mặt trời;
Nào khói hương trầm từ bếp lò của ta, hãy bay lên trời,
Và xin các thần tha tội cho ngọn lửa nóng sáng này.

Cây xanh cứng vừa đốn, mặc dù tôi chỉ dùng một ít, đáp ứng mục đích của tôi tốt hơn các loại khác. Đôi khi một chiều đông tôi cứ để cho lửa cháy khi ra ngoài đi bộ, và sau ba bốn giờ, tôi

trở về, nó vẫn còn cháy rực. Nhà tôi không trống trải mặc dù tôi đi ra ngoài. Giống như tôi đã để lại một người giữ nhà vui tính. Chính là tôi và Ngọn lửa sống ở đây; và nói chung người coi nhà của tôi tỏ ra trung thành. Tuy nhiên, một hôm, khi đang trượt gỗ, tôi nghĩ mình nên nhìn qua cửa sổ để xem lỡ ngôi nhà bắt lửa, tôi nhớ đó là lần duy nhất tôi đặc biệt lo lắng chuyện này, và tôi đã thấy một lưỡi lửa bén vào giường tôi, tôi chạy vào dập thì nó đã cháy một miếng to bằng bàn tay. Nhưng nhà tôi chiếm một vị trí rất nhiều nắng và được che chở, và mái nhà rất thấp đến mức vào giữa trưa bất kì một ngày đông nào tôi có thể dập tắt lửa trong lò.

Những con chuột chũi [451] làm ổ trong buồng tôi, cứ ba củ khoai tây thì chúng gặm hết một củ, và làm một cái ổ ấm áp thậm chí ngay tại đó bằng một ít tóc còn lại sau khi trát vữa, cùng với ít giấy bao bì; vì ngay cả những con thú hoang dã nhất cũng thích tiện nghi và ấm cúng chẳng kém gì con người, và chúng sống sót qua mùa đông chỉ vì chúng đã cẩn thận lo giữ gìn cho chúng như thế. Động vật chỉ làm một cái ổ, để giữ ấm thân chúng ở một nơi được che chở; nhưng con người, từ khi phát minh ra lửa, đóng hộp một ít không khí trong một căn buồng rộng rãi, và sưởi ấm nó, biến nó thành một cái đệm êm cho mình, trong đó y có thể trút bỏ những quần áo nặng nề, duy trì một mùa hè giữa mùa đông, và bằng những cửa sổ thậm chí y có thể mời cả ánh sáng vào nhà, và bằng một ngọn đèn, kéo cho ngày dài thêm. Như vậy y đã đi một hoặc hai bước vượt ra ngoài bản năng, và dành được một số thời gian cho nghệ thuật. Khi tôi phơi thân ra trước những luồng gió khắc nghiệt trong thời gian dài, thì cả thân thể tôi bắt đầu trở nên trơ lì, nhưng khi

có được bầu không khí ấm áp khoan hòa trong nhà, tôi liền khôi phục những khả năng của mình và kéo dài cuộc sống. Nhưng những kẻ sống trong ngôi nhà xa hoa nhất ít có gì để khoe khoang về phương diện này, chúng ta cũng không cần bận tâm suy diễn rốt cuộc cuối cùng loài người sẽ bị hủy hoại như thế nào. Số phận [452] của họ dễ dàng bị cắt đứt bất cứ lúc nào bằng một luồng gió dữ hơi gay gắt hơn từ phương bắc. Chúng ta tiếp tục xác định niên đại từ những ngày Thứ Sáu Lạnh giá [453] và những trận Bão tuyết lớn [454], nhưng một ngày Thứ Sáu Lạnh hơn, hay trận Bão tuyết mạnh hơn, có thể sẽ chấm dứt thời kì tồn tại của con người trên trái đất.

Mùa đông sau tôi dùng một bếp lò nhỏ để tiết kiệm, vì tôi không sở hữu rừng; nhưng nó không giữ được ngọn lửa tốt bằng lò sưởi hở. Lúc đó việc nấu ăn phần lớn không còn thi vị nữa, mà chỉ là một quá trình hóa học. Chẳng bao lâu người ta sẽ quên những bếp lò, khi chúng ta thường nướng khoai tây vùi trong tro, như cách của người Anhđiêng. Bếp lò không chỉ chiếm chỗ và ám mùi vào ngôi nhà, mà nó còn giấu đi ngọn lửa, và tôi cảm thấy như mất đi một người bạn. Bạn có thể luôn luôn nhìn thấy một khuôn mặt trong ngọn lửa. Người lao động, buổi tối nhìn vào nó, thanh lọc đi những ý nghĩ trần tục và nhơ bẩn đã dồn lại trong ngày. Nhưng tôi đã không còn có thể ngồi nhìn ngọn lửa, và để cho những từ ngữ thích đáng của một nhà thơ hiện lại trong tôi với một sức mạnh mới.

Tôi cần ngọn lửa sáng vui vẻ trong lò

Như người bạn thân yêu, cảm thông, gần gũi

Khi hi vọng của tôi vụt lên sáng chói

Khi vận may của tôi chìm sâu vào đêm đen.

Lửa ơi, tại sao mi bị đuổi ra khỏi lò sưởi và phòng khách của chúng ta,

Khi ở đây mi được mọi người hoan nghênh và yêu quý?

Hay chỉ vì mi quá chói sáng,

Trước cuộc đời chúng ta, vốn rất mờ mịt chán chường?

Luồng sáng rực rỡ của mi có bí ẩn liên thông với

Những tâm hồn thân thiện của chúng ta? hay những bí mật ghê gớm?

Bây giờ đây chúng ta ngồi an toàn và vững chãi

bên lò sưởi. Một ngọn lửa nơi đây

Không mang đến niềm vui hay nỗi buồn

Nhưng nó sưởi ấm chân và tay

Mà không đốt nóng những khát khao nào khác,

Bên cái đám đông chen chặt đầy thực dụng của nó

Hiện tại có thể yên lòng ngủ thiếp đi,

Không sợ những bóng ma từ quá khứ tối mờ bước ra,

Và nói chuyện với chúng tôi

Bằng ánh sáng khi tỏ khi mờ của ngọn lửa rừng cũ.

BÀ HOOPER [455]

Chương 14

Những cư dân cũ &
Những vị khách mùa đông

Tôi đã sống qua một vài cơn bão tuyết vui vẻ và sống những đêm mùa đông dễ chịu bên bếp lửa, trong khi tuyết xoáy điên cuồng bên ngoài át cả tiếng cú kêu. Nhiều tuần liền đi bộ trong rừng tôi không gặp người nào ngoài những người thỉnh thoảng vào rừng đốn gỗ và chở bằng xe trượt tuyết vào làng. Tuy nhiên, các nguyên tố [456] xui tôi tạo một lối đi qua lớp tuyết sâu nhất trong rừng, vì một khi tôi đã đi qua gió sẽ thổi những lá sồi vào những con đường mòn do bước chân tôi tạo ra và nằm lại ở đó, chúng hấp thụ những tia nắng làm tuyết tan ra, như vậy không chỉ làm thành một nền khô cho tôi bước, mà ban đêm màu tối sẫm của nó còn dẫn đường cho tôi. Về xã hội con người, tôi phải biết ơn những người trước kia đã ở trong rừng này. Trong trí nhớ của nhiều dân thành phố con đường gần nhà tôi thường vang lên tiếng cười nói của những cư dân, và khu rừng non tiếp giáp nhà tôi được điểm lấm chấm đó đây bằng những mảnh vườn nhỏ và những chiếc lều, mặc dù khi đó nó còn bị rừng già bưng kín hơn bây giờ nhiều. Trong trí nhớ của riêng tôi, những xe ngựa đi qua đây thường bị thông cọ xát cả hai bên cùng một lúc, và những phụ nữ trẻ em buộc phải một mình đi bộ qua lối này tới Lincoln thì vừa đi vừa sợ, và thường chạy phần lớn quãng đường. Là con đường chính nhưng khá tệ đi đến các làng lân cận, hay đường đi cho những toán thợ rừng; trước đây đã có

thời sự đa dạng của nó đã làm cho du khách vui hơn bây giờ, và lưu lại trong trí nhớ của họ lâu hơn. Nơi bây giờ là những cánh đồng rắn chắc và rộng mở từ làng trải dài đến rừng, thì khi đó là con đường chạy qua khoảng rừng gỗ thích bị ngập nước trên nền những thân cây bị đốn hạ, những vết tích của nó chắc chắn còn nằm bên dưới con đường cái bụi mù ngày nay, từ Stratten, bây giờ là Nhà Tế Bần (*Alms House*), Nông trại (*Farm*), đến Đồi Brister.

Phía đông cánh đồng đậu của tôi, bên kia đường, là nơi sinh sống của Cato Ingraham, (không phải Cato Uticensis, mà là *Concordiensis* [457]) nô lệ của Ngài Duncan Ingraham, quý tộc làng Concord; ông xây cho nô lệ của mình một ngôi nhà, và cho phép anh ta sống trong Rừng Walden. Có người bảo anh là người da đen Guinea. Ít người còn nhớ mảnh vườn nhỏ của anh giữa cánh rừng óc chó, mà anh để mặc cho cây cối lớn lên mong dùng đến lúc tuổi già, nhưng cuối cùng những tay đầu cơ trẻ da trắng chiếm được nó.

Tuy nhiên, cả anh nữa, bây giờ cũng chiếm, một cách bình đẳng, một căn nhà hẹp [458] ở đây. Căn lều ổ chuột bí rì của Cato vẫn còn đó, dù ít người biết, bị một hàng thông che khuất khỏi tầm mắt người đi đường. Bây giờ nó đầy những cây gỗ sơn (*Rhus glabra*) nhẵn nhụi, và một trong những loài sớm nhất của *goldenrod* (*Solidago stricta*), mọc sum sê ở đó.

Ở đây, ngay bên góc vườn của tôi, gần thành phố hơn, Zilpha, một người đàn bà da màu, có ngôi nhà nhỏ, nơi chị ta quay tơ cho dân thành phố, làm cho Rừng Walden rung lên với tiếng hát chói tai của chị ta, vì chị có một giọng vừa to vừa đặc biệt. Cuối cùng trong chiến tranh 1812, ngôi nhà của chị bị lính

Anh, những tù binh được phóng thích, đốt cháy, khi chị đang ở ngoài; và con mèo, con chó cùng lũ gà mái của chị bị cháy rụi. Chị sống một cuộc sống cay cực gần như không phải của con người. Một ông già thường hay lui tới khu rừng này nhớ lại, rằng khi đi ngang qua nhà chị vào buổi trưa, ông nghe chị đang thì thầm nói một mình bên trên cái nồi đang sôi ùng ục, "Tất cả chúng bay là xương, là xương hết". Tôi đã trông thấy những viên gạch giữa những đám sồi ở đó.

Cuối con đường, bên tay phải, trên Đồi Brister, Brister Freeman, "một người da đen khéo tay", sống ở đấy, trước kia từng là nô lệ của Điền chủ Cumming - ở đó nay vẫn còn mấy cây táo mà Brister trồng và chăm bón; những cây ấy bây giờ to và già lắm rồi, nhưng quả của nó vẫn dại và chua đối với lưỡi tôi. Không lâu sau khi tôi đọc bài văn bia trên mộ ông ở nghĩa địa Lincoln cũ, nằm lệch về một bên, gần những ngôi mộ không đánh dấu của lính đặc nhiệm Anh ngã xuống trên đường rút lui khỏi Concord, ở đây ông được mệnh danh là "Sippio Brister" - Scipio Africanus [459], ông có quyền được gọi thế - "một người da màu", cứ như thể da ông có thể bị phai màu. Những chữ to tướng ấy cũng nói rõ ngày giờ ông ấy chết; chỉ là một cách gián tiếp thông báo rằng ông đã từng sống trên đời. Vợ ông, Fenda, một người đàn bà vui vẻ làm nghề thầy bói sống vối ông, nhưng dễ chịu, to, tròn, và đen, đen hơn bất kì đứa con nào của đêm, một quả cầu tối như thế chưa bao giờ hiện lên ở Concord trước và sau đó.

Xuống thêm nữa bên dưới đồi, bên trái, trên con đường cũ trong rừng, là những dấu vết của cơ ngơi nhà cửa vườn tược của gia đình Stratten; vườn cây ăn quả của họ đã có thời phủ kín cả

sườn đồi Brister, nhưng từ lâu đã bị giống thông nhựa (*pitch-pine*) tiêu diệt, chỉ còn lại vài gốc mà những bộ rễ già của chúng còn cung cấp chồi nhánh cho nhiều cây ghép sum sê trong làng.

Gần thành phố hơn, ta sẽ thấy cơ ngơi của Breed, ở bên kia đường, ngay cạnh mép rừng, mảnh đất nổi tiếng vì những trò tinh quái của một con quỷ không rõ danh tính trong một huyền thoại cũ, kẻ đóng vai trò nổi bật và kinh hoàng trong đời sống New England của chúng ta, và như phần lớn những nhân vật huyền thoại, xứng đáng được viết tiểu sử một ngày nào đó; y đến đây đầu tiên dưới lốt một người bạn hay người làm thuê, rồi cướp và giết cả gia đình New-England Rum. Nhưng lịch sử chưa được phép kể những tấn bi kịch diễn ra ở đây, hãy để thời gian xen vào trong mức độ nào đó làm dịu bớt và nhuộm cho chúng một màu xanh thanh thản. Ở đây truyền thống mơ hồ và không minh bạch nhất nói rằng đã có thời quán rượu đứng được, thì nay giếng nước cũng thế, nó pha loãng bia rượu của khách bộ hành và tiếp sức cho con ngựa của anh ta. Ở đây người ta chào nhau, nghe và kể tin tức, rồi đường ai nấy đi.

Ngôi nhà của Breed cách đây chục năm vẫn còn, mặc dù từ lâu nó đã bị bỏ không. Nó có kích cỡ khoảng bằng nhà của tôi. Nó đã bị những đứa trẻ tai ác đốt cháy, nếu tôi không nhầm thì vào đêm Bầu cử. Khi đó tôi sống ở bìa làng, và vừa mới vùi đầu vào Gondibert của Davenant [460], mùa đông ấy tôi đã mất ngủ triền miên, nhân tiện nói thêm, tôi không biết phải coi nó như một chứng bệnh di truyền (vì tôi có một ông chú phải cạo râu khi đi ngủ, và ngày Chủ nhật phải ngồi ngắt chồi khoai tây trong tầng hầm để cho tỉnh ngủ mà giữ ngày xaba [461]) hay như hậu quả của ý định đọc liền một mạch tuyển tập thơ Anh của

Chalmers [462]. Nó hoàn toàn thắng bộ lạc Nervii của tôi [463]. Tôi vừa vùi đầu vào đọc thì chuông báo cháy vang lên, các xe cứu hỏa hối hả lao về hướng đó, từng đoàn người lớn trẻ con chạy tán loạn, tôi ở trong số đầu tiên, vì tôi đã nhảy qua suối. Chúng tôi nghĩ là cháy ở phía nam cách khá xa rừng - chúng tôi là những người đã chạy tới đám cháy đầu tiên - kho thóc, chuồng gia súc, cửa hàng, nhà ở, hay tất cả. Một người kêu lên "Cháy nhà kho của ông Baker". "Không, đấy là quảng trường Codman". Một người khác khẳng định. Và khi đó những đám lửa mới bắn vọt phía trên rừng, như thể mái nhà sập xuống, và chúng tôi gào lên "Concord đâu cấp cứu!". Những chiếc xe ngựa nhét chật cứng người và lao đi với tốc độ kinh hoàng, có lẽ mang theo nhân viên Công ti Bảo hiểm, họ buộc phải đi dù xa đến đâu, đằng sau chúng tôi chốc chốc lại vang lên tiếng chuông xe cứu hỏa, đến chậm hơn nhưng chắc chắn hơn, và sau cùng, như người ta xì xào sau đó, là những kẻ phóng hỏa và kéo chuông báo động. Cứ như vậy chúng tôi tiến lên, như những kẻ duy tâm thật sự, không tin vào những chứng cứ cảm giác của mình, cho đến khi ở một chỗ ngoặt trên đường chúng tôi nghe thấy tiếng lốp đốp và thật sự cảm thấy hơi nóng của lửa từ bên trên bức tường. Và nhận ra, trời ơi! rằng chúng tôi đã đến nơi. Lửa gần sát sạt đã làm nguội sự nóng nảy của chúng tôi. Đầu tiên chúng tôi muốn đổ cả một bể nước vào đó; nhưng cuối cùng nghĩ thôi cứ để nó cháy, vì dù sao tất cả đã bị vây bọc trong lửa rồi, chẳng đáng làm như thế. Nên chúng tôi đứng quanh xe cứu hỏa, xô đẩy nhau, lớn tiếng thể hiện tình cảm của mình, hoặc hạ thấp giọng nhắc đến những đám cháy lớn trên thế giới, trong đó có cửa tiệm Bascom, và, nói nhỏ với nhau, chúng tôi nghĩ thế,

chúng tôi đã đến đúng lúc với "máy bơm" [464] của chúng tôi, và một bể nước đầy, chúng tôi có thể biến đám cháy khủng khiếp cuối cùng này thành một trận lụt khủng khiếp khác. Cuối cùng chúng tôi rút lui mà không làm trò trống gì, quay về với giấc ngủ và với Gondibert. Nhưng còn về Gondibert, tôi phản đối đoạn văn trong lời tựa rằng hóm hỉnh là thuốc súng của linh hồn - "nhưng phần lớn nhân loại xa lạ với sự hóm hỉnh, như người Anhđiêng xa lạ với thuốc súng vậy".

Đêm hôm sau, tình cờ tôi đi bộ ngang qua chỗ đám cháy, cũng vào khoảng giờ ấy, thì nghe thấy tiếng rên khe khẽ, tôi đến gần và phát hiện ra kẻ sống sót duy nhất của một gia đình mà tôi biết, thừa kế cả tính tốt và tật xấu của gia đình ấy, kẻ duy nhất quan tâm đến đám cháy này, nằm sấp nhìn xuống đống than còn cháy âm ỉ bên dưới bức tường hầm, miệng lẩm bẩm một mình, như hắn quen làm thế. Cả ngày hôm ấy hắn làm việc xa trên một bãi cỏ ven sông, và tranh thủ mấy phút rảnh đầu tiên để chạy về nhà thăm bố hắn và các con hắn. Hắn lần lượt ghé vào nhìn căn hầm từ mọi hướng, và mỗi lần nhìn hắn đều nằm xuống, như thể hắn nhớ ra ở đó có kho báu giấu giữa những hòn đá, nhưng thật sự nơi đó chẳng có gì ngoài một đống gạch và tro. Ngôi nhà đã biến mất, hắn nhìn những gì còn sót lại. Hắn nguôi đi với sự thông cảm mà sự có mặt của tôi đem lại, và chỉ cho tôi, trong mức độ bóng tối còn cho thấy, nơi cái giếng có mái che, mà ơn trời, không bao giờ bị cháy; rồi hắn mò mẫm trên thành giếng tìm cái cần lấy nước mà cha hắn đã cắt và đóng lên, sờ cái móc sắt hay cái kẹp để buộc vật nặng - lúc này hắn còn biết bám vào cái gì khác nữa? - để chứng minh với tôi rằng nó không phải là một đối trọng thông thường đâu. Tôi sờ

nó, và hằng ngày trong những lần đi dạo tôi vẫn thường ngoái cổ nhìn cái giếng, vì nó là phần còn lại của cả một gia đình.

Xa hơn về bên trái, nơi có cái giếng và những bụi tử đinh hương bên thành, nay là cánh đồng không, nơi Nutting và Le Grosse từng sống. Nhưng họ đã quay về Lincoln.

Đi sâu hơn trong rừng, nơi con đường đến gần với đầm nhất, là nhà người thợ gốm Wyman, ông cung cấp cho dân thị xã những đồ đất nung, và để con cháu kế tục ông. Chẳng cần nói rằng ông ta giàu, họ giữ mảnh đất đó chỉ là bất đắc dĩ, và viên chức thu thuế thường xuyên đến mà không thu được gì, đành "gắn một mẩu gỗ" [465] chỉ để làm vì, như tôi đã đọc trong sổ kế toán của ông ta, vì chẳng có gì lấy được trong nhà ông ta. Một ngày giữa mùa hạ, khi tôi đang cuốc đất, một người chở đồ gốm ra chợ dừng ngựa bên cánh đồng của tôi và hỏi thăm người con trai ông Wyman. Ông ta từ lâu đã mua một chiếc bàn xoay của ông thợ gốm, và muốn biết ông ấy nay ra sao. Tôi đã đọc về đất sét và chiếc bàn xoay của người thợ gốm trong Kinh Thánh [466], nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng những cái bình mà chúng tôi dùng vẫn còn nguyên không vỡ từ bấy đến giờ, hay chúng mọc trên cây như những quả bầu, và tôi vui khi nghe nói trong khu vực mà tôi sống từng có người làm cái nghề gốm tinh diệu ấy.

Người cư ngụ cuối cùng của những khu rừng này trước tôi là một người Ai Len, Hugh Quoil (nếu tôi phát âm tên ông nghe khá "cuộn" [467]) ông này tiếp quản khu đất của nhà Wyman. Đại tá Coil, người ta gọi ông thế. Có người đồn rằng ông đã từng là lính ở Waterloo. Nếu ông còn sống tôi sẽ xin ông đánh lại trận đánh của ông lần nữa [468]. Nghề nghiệp của ông ở đây là thợ đào hào. Napoleon đến Đảo St Helena; Quoil thì đến Rừng

Walden. Tất cả những gì tôi biết về ông là bi thảm. Ông là một người lịch thiệp, có vẻ trải đời, và biết cách nói năng lịch sự dù người ta không đủ lịch sự như thế để nghe ông. Ngay giữa mùa hè ông vẫn mặc một chiếc áo khoác dày, vì bị chứng sảng-run (*trembling delirium*), mặt ông đỏ rực. Ông chết trên đường ngay dưới chân đồi Brister, ít lâu sau ngày tôi đến khu rừng này, nên tôi không nhớ đến ông như một người hàng xóm. Trước khi nhà ông bị dỡ, khi bạn bè ông tránh nó như tránh "một thành trì bất hạnh", tôi đã đến thăm nó. Quần áo cũ của ông cuộn tròn lại sau khi mặc, trông giống như chính ông nằm trên chiếc phản kê cao. Chiếc tẩu sứt của ông nằm trên lò sưởi, một chiếc bát vỡ dưới lạch nước. Cái này không phải là biểu tượng cho cái chết của ông, vì ông đã thú nhận với tôi rằng, mặc dù ông đã nghe Dòng Suối của Brister, ông chưa bao giờ thấy nó, và những quân bài nhem nhuốc, những con K rô, pích, cơ, nằm rải rác trên nền nhà. Ở căn buồng bên cạnh vẫn còn một con gà con đen đậu trên giàn, đen như đêm, mà chính quyền không thể đăng kí vào tài sản; đứng lặng thinh, đợi cáo Reynard [469]. Phía sau có đường viền mờ mờ của một mảnh vườn, cây được trồng nhưng chưa bao giờ nhận được một nhát cuốc vun xới, vì những trận run khủng khiếp của chủ nhân, mặc dù bây giờ đã là mùa thu hoạch. Những cây ngải đắng và cây gai [470] mọc tràn ra, dính vào quần áo tôi. Da chuột chũi còn tươi căng treo sau nhà, một chiến tích của trận Waterloo [471] cuối cùng của ông ta; nhưng ông không cần thêm một chiếc mũ ấm hay đôi găng tay hở ngón nào nữa.

Bây giờ chỉ những vết rạch sâu trên đất và những viên đá chôn trong hầm rượu là còn ghi lại dấu vết vị trí những nơi từng

có người ở; và dâu tây, đũm hương, những bụi cây phỉ và cây sơn mọc rải rác trên bãi cỏ nắng, một số cây thông nhựa những cây sồi xương xẩu chiếm chỗ trước đây là góc yên tĩnh của ống khói; một cây dương đen tỏa mùi thơm ngọt đung đưa ở nơi trước đây có lẽ là ngưỡng cửa bằng đá. Đôi khi có thể trông thấy vết tích một cái giếng, nơi trước đây có một dòng nước rỉ ra, bây giờ chỗ đó là cỏ khô hoặc bị lấp kín bởi một tấm đá phẳng dưới lớp đất cỏ - cho mãi đến gần đây mới bị phát hiện, khi người cư ngụ cuối cùng đã chết. Việc che lấp đi một cái giếng chắc chắn phải là một hành động buồn bã. Trùng hợp với việc mở những giếng nước mắt. Những vết tích của tầng hầm này, giống những hang cáo bỏ hoang, những cái hốc cũ, tất cả còn lại ở nơi đã có thời rộn ràng hối hả cuộc sống con người, và chắc chắn "số phận, tự do ý chí, tiên đoán chân lí" [472] đã lần lượt được luận bàn dưới hình thức và ngôn ngữ này hay khác. Nhưng những gì tôi học được từ những kết luận của chúng tựu trung chỉ là thế này: "Cato và Brister đã đánh lừa", nó cũng có tác dụng khai trí như lịch sử của những trường phái triết học nổi tiếng hơn.

Sau khi cả cánh cửa lẫn ngưỡng cửa đều đã biến mất, thì các thế hệ tử đinh hương lưu niên vẫn còn lớn lên và mỗi mùa xuân lại nở ra những bông hoa ngát hương, bị các du khách mơ màng nhổ lên; trước kia chúng từng được những bàn tay trẻ em trồng và chăm sóc trong những bồn hoa sân trước, nay đứng trong những đồng cỏ hoang vu, nhường chỗ cho những cánh rừng mới bật lên, những di tích cuối cùng còn sót lại của gia đình ấy. Lũ trẻ con đen đúa ít nghĩ rằng cái cành ghép nhỏ xíu với hai mắt của nó, mà chúng giâm xuống đất trong bóng rợp của ngôi nhà và tưới nước hằng ngày, lại có thể tự mọc rễ như thế, và

sống lâu hơn chung, lâu hơn cả bản thân ngôi nhà ở đằng sau che bóng cho nó, lâu hơn cả vườn cây quả của người lớn, và khi chúng đã lớn lên và chết đi, lại có thể uể oải kể câu chuyện của chúng cho người lang thang cô độc nửa thế kỉ sau đến đây - nở hoa đẹp, tỏa hương thơm như mùa xuân đâu tiên ấy. Tôi ghi nhận cái dịu dàng, tao nhã, vui tươi và những màu sắc tử đinh hương của nó.

Nhưng cái làng nhỏ này, có thể là mầm sinh ra một cái gì khác nữa, tại sao nó phải biến đi khi Concord vẫn còn nguyên vẹn? Nó không có chút thuận lợi nào sao, thật vậy, không có những nguồn nước tốt sao? Thôi được, thế còn cái đầm sâu Walden và dòng suối mát Brister thì sao? Đàn ông ở đây không biết tận hưởng cái đặc ân uống một hơi dài thứ nước trong lành ở đó, mà chỉ biết dùng nó pha loãng cốc rượu của họ hay sao? Nói chung họ là một loài chết khát. Tại sao ở đây nghề đan giỏ, làn, và đan chiếu, rang ngô, quay tơ, làm đồ gốm không phát đạt, những nghề thủ công có thể biến hoang mạc thành vườn hồng, và để đất của ông cha cho nhiều thế hệ con cháu thừa hưởng? Sự cằn cỗi của đất ở đây ít ra cũng tố cáo tình trạng suy thoái về sử dụng đất. Trời ơi. Trí nhớ của những cư dân ở đây ít chăm lo biết bao đến vẻ đẹp của phong cảnh! Thêm nữa, có lẽ Thiên nhiên sẽ thử thách tôi, người định cư đầu tiên, và căn nhà tôi mới cất lên mùa xuân vừa rồi, là căn nhà đầu tiên trong xóm này.

Tôi không biết trước tôi có ai từng dựng nhà trên mảnh đất mà tôi chiếm hôm nay không. Ném mình ra khỏi một thành phố, xây dựng trên địa bàn một đô thị cổ hơn, mà toàn bộ vật liệu của nó đã sụp đổ, vườn của nó đã thành nghĩa địa. Ở đó đất

bạc màu và khô kiệt, và trước khi trở nên cần thiết thì bản thân đất đã bị hủy hoại. Với những hồi tưởng ấy tôi vào rừng ở và dỗ mình vào giấc ngủ.

Vào mùa này tôi ít khi có khách thăm. Khi tuyết phủ dày hơn không có khách bộ hành nào dám liều mạng bén mảng đến gần nhà tôi ở liền trong một hay hai tuần, nhưng ở đó tôi sống ấm cúng như một con chuột đồng, hay như lợn bò gà chó mà người ta kể bị vùi dưới đống đổ nát, không thức ăn vẫn sống sót; hoặc giống như một gia đình di cư đầu tiên ở thị trấn Sutton, trong bang này, căn lều của họ bị bao phủ hoàn toàn bởi trận bão tuyết lớn năm 1717 trong khi ông chủ đi vắng, và một người Anhđiêng phát hiện ra nó chỉ nhờ một cái lỗ mà hơi thoát ra từ ống khói làm thành trong đống tuyết; nhờ thế mà cứu được gia đình. Nhưng không có người Anhđiêng thân thiện nào quan tâm đến tôi; tôi cũng không cần anh ta, vì người chủ nhà đang ở nhà. Trận Bão Tuyết Lớn! Nghe mới vui làm sao. Khi đó những người nông dân không thể vào rừng và đến đầm lầy với những cỗ xe của họ, và buộc phải chặt những cây có tán trước nhà; và lớp băng cứng hơn phạt ngang cây cối trong các đầm lầy mười foot tính từ mặt đất, như mùa xuân năm sau người ta thấy.

Dưới lớp tuyết sâu nhất, con đường tôi đi từ đường cái vào đến nhà tôi, dài khoảng nửa dặm, có thể được biểu hiện bằng một đường chấm chấm uốn khúc, với khoảng cách rộng giữa các chấm. Trong một tuần thời tiết thuận lợi tôi bước chính xác cùng một số bước, mỗi bước cùng một độ dài, đến và đi, bước thong thả và với độ chính xác của một chiếc compa giẫm vào những vết bước chân sâu của chính tôi - theo chuỗi động tác tối giản mà mùa đông bắt chúng ta theo - tuy vậy chúng thường

được lấp đầy bằng màu xanh của trời. Nhưng thời tiết không thể can thiệp quá sâu vào những cuộc đi dạo của tôi, hay đúng hơn những cuộc dã ngoại của tôi, vì tôi thường lặn lội tám hoặc mười dặm qua tuyết sâu nhất để giữ cuộc hẹn với một cây sồi hay cây hoàng dương, hoặc một cây quen thuộc trong số những cây thông; băng và tuyết làm cho cành của chúng tríu xuống, và khiến ngọn của chúng càng nhọn hơn, biến những cây thông thành những cây linh sam, khi tôi leo lên tận đỉnh những quả đồi cao nhất khi tuyết sâu gần hai foot, chúng lắc cho tuyết rơi lên đầu tôi như một trận bão tuyết trong từng bước đi, hoặc đôi khi tôi loạng choạng bò bằng cả hai chân hai tay tới đó, khi những người thợ săn đã đi vào khu nghỉ đông của họ. Một buổi trưa tôi thích thú nhìn một con cú barred [473] *(Strix nebulosa)* đậu trên một trong những cành thấp đã chết của một cây thông trắng, gần thân, trong ánh sáng ban ngày rõ ràng, tôi đứng cách nó khoảng năm mét. Nó có thể nghe thấy tôi khi tôi bước đi làm tuyết lạo xạo dưới chân, nhưng không thể nhìn rõ tôi. Khi tôi gây tiếng ồn cực lớn nó vươn cổ ra và dựng đứng lông ở cổ, mở to mắt, nhưng mí mắt nó cụp lại ngay, và nó bắt đầu gật gù. Tôi cũng thấy một cảm giác mơ màng sau khi nhìn nó nửa giờ, khi nó ngồi như vậy với hai mắt mở hé, như một con mèo, một người anh em có cánh của mèo. Chỉ có một khe hẹp nằm giữa hai mi, qua đó nó giữ một liên lạc với tôi, cứ thế, với mắt nhắm hờ, từ một cõi mơ màng nó nhìn ra, và cố gắng để nhận ra tôi, một đối tượng mơ hồ hay xa xôi đang làm gián đoạn tầm nhìn của nó. Cuối cùng, do một tiếng động lớn hay do tôi đến gần, nó khó khăn và chậm chạp quay cái mỏ của nó, như thể bực bội nóng nảy vì những giấc mơ của nó bị quấy rầy; và khi nó phóng

mình xuống bay qua giữa những cây thông, dang đôi cánh ra đến một chiều rộng không ngờ, tôi không nghe thấy tiếng động nào dù nhỏ nhất. Nó được dẫn hướng bởi một cảm giác tinh tế về vùng lân cận hơn là bởi nhìn, với đôi cánh nhạy cảm nó nhận biết con đường nhập nhoạng của nó, và tìm được một cành mới để đậu, nơi nó có thể yên ổn chờ buổi rạng đông của ngày mới.

Khi đi bộ trên con đường đắp cao cho đường sắt xuyên qua đồng cỏ, tôi gặp nhiều trận gió rét buốt thổi ào ào, vì không có chỗ nào nó tự do hơn ở đây, và khi sương giá quất vào một bên má tôi, dù là người ngoại đạo, tôi cũng giơ má kia ra [474]. Con đường xe chạy từ Đồi Brister cũng không khá hơn. Vì tôi ra thành phố một cách lặng lẽ, như một người Anhđiêng thân thiện, khi toàn bộ tuyết của cánh đồng rộng chất đống lên con đường Walden, và nửa giờ là đủ xóa hết vết chân của người khách bộ cuối cùng. Và khi tôi trở về những đống tuyết mới đã thành hình, tôi phải loạng choạng bước qua, nơi trận gió tây bắc dồn dập đã làm đọng xuống một lớp tuyết mịn như bột quanh một chỗ ngoặt trên đường, và không có dấu chân thỏ hay vết chân mờ nhạt nhất của con chuột đồng nào. Tuy nhiên tôi hiếm khi bỏ lỡ không nhận ra một đầm lầy ấm áp có những mô đất đàn hồi, nơi cỏ thường và cỏ đầm lầy [475] xanh tốt quanh năm và có một giống chim dày dạn đợi xuân về.

Đôi khi bất chấp tuyết rơi có buổi tối khi trở về sau cuộc đi dạo tôi bước qua những vết chân lún sâu của một người thợ từng từ nhà tôi ra, và thấy đống vỏ bào của ông ta trên lò sưởi, và nhà tôi sặc mùi từ cái tẩu của ông. Hay vào một buổi chiều thứ Bảy, nếu tình cờ ở nhà, tôi sẽ nghe tiếng tuyết lạo xạo dưới bước chân của một ông nông dân lanh lợi, từ xa bên kia rừng

tìm đến nhà tôi, để có một cuộc "chạm cốc" thân thiện, một trong những thiên hướng của ông ta, "những người chủ trại" [476], người mặc áo khoác thầy tu chứ không mặc áo thụng giáo sư, và sẵn sàng viện dẫn đạo lí từ nhà thờ hay nhà nước như sẵn sàng chở một xe phân từ nhà kho của mình. Chúng tôi trò chuyện về những thời còn sơ khai và đơn giản, khi mọi người ngồi bên một đống lửa lớn trong cái lạnh khỏe người, và khi món tráng miệng thiếu, chúng tôi thử răng mình bằng những loại quả hạch mà những con sóc khôn ngoan từ lâu đã bỏ, vì chúng có những cái vỏ dày nhất thường là rỗng bên trong.

Người từ nơi xa nhất đến túp lều của tôi, qua tuyết sâu nhất và bão tố tối tăm nhất, là một nhà thơ. Một nông dân, một thợ săn, một người lính, một nhà báo, thậm chí một triết gia, có thể nản chí, nhưng không gì có thể ngăn cản một nhà thơ, khi anh ta bị tình yêu thuần túy lôi cuốn. Ai có thể đoán trước anh ta đến và đi? Công việc của anh gọi anh đi bất cứ giờ nào, khi ngay cả bác sĩ cũng còn ngủ. Chúng tôi làm cho căn nhà nhỏ vang lên tiếng cười đùa dữ dội và âm vang tiếng rì rầm của cuộc nói chuyện điềm tĩnh, bù lại cho thung lũng Walden đã lâu rồi yên lặng. So với nó Broadway còn lặng lẽ hiu quạnh chán. Những tràng cười bung ra sau những quãng cách đều đặn, khi nhắc đến một câu vừa thốt ra hay một câu pha trò đùa sắp đến. Chúng tôi làm ra vô số lí thuyết "mới toanh" về cuộc sống trên một đĩa cháo loãng, kết hợp những ưu thế của yến tiệc với sự nhạy cảm mà triết học đòi hỏi.

Tôi không thể quên được trong mùa đông cuối cùng của tôi ở đầm có một vị khách [477] khác đáng mong đợi, ông là người đã một lần đến làng, lặn lội qua tuyết, mưa và đêm tối đến khi ông

nhìn thấy ánh đèn nhà tôi qua những hàng cây, và chia sẻ với tôi những buổi tối mùa đông. Một trong những triết gia cuối cùng - Connecticut đã tặng ông cho thế giới - ông bán rong hàng hóa của nó, sau đó, như ông tuyên bố, bán đến những bộ óc của ông. Những bộ óc ấy bây giờ ông vẫn rao bán, nhắc Thượng Đế và làm con người hổ thẹn, chỉ để những suy tư trong óc ông kết trái, như nhân trong quả hạch. Tôi nghĩ ông phải là người tin cậy nhất trong những người còn sống. Lời lẽ và thái độ của ông luôn gợi lên một trạng thái tốt hơn những trạng thái mà người khác đã quen, và ông sẽ là người cuối cùng thất vọng khi các thời đại xoay vần. Ông không có dự án nào trong hiện tại. Nhưng mặc dù hiện thời ông khá bị coi thường, khi thời của ông đến, các quy luật mà đa số người nghi ngờ sẽ có hiệu lực, và những ông chủ gia đình và những nhà cầm quyền sẽ tìm đến ông xin lời khuyên.

"Không nhìn thấy cảnh yên bình thì thật là mù" [478].

Một người bạn chân chính của con người, gần như người bạn duy nhất của tiến bộ. Một Lão tử vong [479], nói đúng ra là một người Bất tử, với lòng kiên nhẫn không mệt mỏi và niềm tin làm cho hình ảnh Chúa khắc trên thân thể những con người trở nên rõ nét, vị Chúa mà con người chỉ là những ảnh tượng mờ nhạt xấu xí. Với một trí tuệ dễ mến, ông bao quát trẻ em, ăn mày, người điên, và các học giả, và xem xét tư tưởng của tất cả, bổ sung vào đó sự phóng khoáng và thanh lịch của mình. Tôi nghĩ ông ấy nên giữ một dãy quán trọ cho lữ khách nghỉ qua đêm trên con đường cái của thế giới, nơi các triết gia của mọi dân tộc có thể đến trọ, và trên biển hiệu của ông có thể ghi: "Nơi Tiêu khiển cho người, nhưng không dành cho con thú của hắn

[480]. Vào đây những ai đang đi tìm con đường đúng đắn sẽ có thì giờ nhàn nhã và tâm trí tĩnh lặng". Có lẽ ông là người có đầu óc lành mạnh nhất và có ít ý ngông nhất mà tôi đã có dịp gặp, cả hôm qua và mai sau. Chúng tôi đã đi thong dong nói chuyện về quá khứ, và đã thật sự bỏ thế giới lại sau lưng chúng tôi, vì ông không thừa nhận một định chế nào trong đó hết, ông là người tự do bẩm sinh, bản địa ingenuus. Dù chúng tôi rẽ đi ngả nào thì dường như trời và đất vẫn gặp nhau, vì ông đề cao vẻ Đẹp của phong cảnh. Một người áo choàng xanh, người mà mái nhà thích hợp nhất trên đầu là vòm trời phản ánh sự trong sáng của ông. Tôi không thể hình dung làm sao ông có thể chết, vì Thiên nhiên không thể nào bỏ phí không dùng đến ông.

Mỗi người vốn đã có mấy nong ý nghĩ phơi khô, chúng tôi ngồi thử dùng dao chuốt chúng, và say sưa ngắm màu vàng nhạt của thớ gỗ thông. Chúng tôi lội hoặc kéo lưới thật êm để cho những con cá tư duy không bị kinh động vì dòng nước, cũng không sợ bất là người câu cá nào trên bờ, mà đến và đi đàng hoàng như những đám mây óng ánh màu xà cừ hiện ra rồi lại tan đi. Ở đó chúng tôi làm việc, xem xét lại các huyền thuyết, gọt giũa các ngụ ngôn đó đây, và xây những lâu đài trong không khí vì trên mặt Đất không có cái nền nào xứng đáng với nó. Ông thật biết Nhìn! Ông thật biết Chờ đợi! Trò chuyện với ông chẳng khác nào nghe kể *Nghìn Lẻ Một Đêm New England*.

Một cuộc thảo luận như thế giữa ba chúng tôi: ẩn sĩ, triết gia và người định cư cũ mà tôi đã nói đến, nở bung ra và làm chật căng ngôi nhà nhỏ bé của tôi; không biết áp suất dư đến bao nhiêu kilôgam trên centimet vuông, nó làm hở ra những đường ghép nối của ngôi nhà, khiến chúng tôi phải dùng bao nhiêu là

buồn chán trám đi để ngăn chặn rò rỉ - nhưng tôi có dự trữ đủ loại xơ thừng đã được xé tơi ra để trám.

Còn có một người khác [481] mà tôi có nhiều cuộc gặp gỡ đáng nhớ tại nhà ông trong làng và thỉnh thoảng ông lại đến thăm tôi, và đó là toàn bộ giao du của tôi.

Ở đó, cũng như ở bất cứ đâu, đôi khi tôi chờ đợi một Vị khách không bao giờ đến. Kinh Vishnu Purana [482] nói, "Người chủ nhà chiều chiều ở lại trong sân nhà hắn khoảng thời gian cần để vắt sữa một con bò, hoặc lâu hơn nếu hắn muốn, để chờ một vị khách đến". Tôi thường thực hiện bổn phận hiếu khách ấy, đợi khoảng thời gian cần để vắt sữa cả một đàn bò, nhưng vẫn không thấy người ấy từ thành phố đến. [483]

Chương 15

Những con vật mùa đông

Khi những cái đầm đã đóng băng rắn chắc, chúng không chỉ cho ta những con đường đến nhiều điểm khác nhau, mà từ bề mặt của chúng, ta còn có thêm nhiều điểm nhìn mới lên phong cảnh xung quanh. Khi tôi đi ngang đầm Flint, sau khi nó bị tuyết bao phủ, mặc dù trước đây tôi vẫn thường xuyên bơi thuyền và trượt băng trên nó, bây giờ nó có vẻ rộng rãi không ngờ và lạ thay tôi không thể nghĩ đến gì khác ngoài vịnh Baffin [484]. Những quả đồi Lincoln vươn lên xung quanh tôi ở cuối một bình nguyên tuyết phủ, tôi không nhớ mình đã đứng đó bao giờ chưa; và những người đánh cá, ở một khoảng cách không xác định trên băng, di chuyển chậm chạp với những con chó háu đói của họ, được coi là những kẻ săn hải cẩu hay *Esquimaux* [485], hay trong tiết sương mù hiện lên lờ mờ như những tạo vật hoang đường, và tôi chẳng biết họ là khổng lồ hay tí hon nữa. Khi theo hướng này lên giảng bài ở Lincoln vào buổi tối, giữa căn lều của tôi và phòng giảng, tôi không bước trên con đường nào và vượt qua ngôi nhà nào cả. Trên Đầm Ngỗng, nằm bên đường tôi đi, một bầy chuột nước sinh sống, và dựng lều của chúng cao trên mặt băng, mặc dù đi ngang qua tôi không thấy con nào bên ngoài. Đầm Walden, giống như những đầm khác thường trơ ra không tuyết, hay chỉ có những chỗ nông và đứt đoạn, là sân của tôi, nơi tôi có thể bước đi tự do khi những nơi khác tuyết ngập gần hai foot và dân phố không ra khỏi phố. Ở

đó, cách xa phố, và hiếm khi nghe tiếng chuông xe ngựa, tôi trượt và lướt đi thoải mái như trong một bãi nuôi tuần lộc, bên rừng sồi và những cây thông uy nghiêm cong oằn xuống vì tuyết hay tua tủa những que băng.

Về âm thanh trong những đêm mùa đông, hay thường trong những ngày mùa đông, tôi nghe giọng bi thương nhưng du dương của một con cú kêu từ một khoảng xa vô định, một âm thanh như đất đóng băng có thể phát ra khi bị gảy bằng một phím thích hợp, chính cái phương ngữ (*lingua vernacula*) của Rừng Walden, và cuối cùng hoàn toàn thân thuộc với tôi, mặc dù tôi chưa bao giờ nhìn thấy con chim này khi nó hú như thế. Ít khi tôi mở cửa vào buổi tối mùa đông mà không nghe thấy nó, hu hu hu, hu ơ hu, vang vọng, và ba âm tiết đầu tiên nghe hơi nhấn, như là hao đơ đu (how der do); hay đôi khi chỉ hu hu. Một đêm đầu đông trước khi đầm bị đóng băng, vào khoảng chín giờ tôi rùng mình vì tiếng ngỗng kêu rất to, và bước ra ngoài cửa, nghe tiếng đập cánh của chúng như bão tố trong rừng khi chúng bay là là qua trên nhà tôi. Chúng bay qua đầm về phía Fair Haven, dường như bị ánh sáng nhà tôi cản không đậu xuống được, con đầu đàn kêu suốt thời gian đó theo một nhịp đều đặn. Bỗng đâu một con cú mèo từ một chỗ gần tôi với giọng chói gắt kinh khủng mà tôi chưa từng nghe từ loài cầm thú nào sống trong rừng, từng quãng cách đều đặn đáp lại con ngỗng, như thể quyết định thể hiện sự căm ghét kẻ xâm nhập từ vịnh Hudson [486] này bằng cách trình diễn một âm vực rộng hơn và một âm lượng lớn hơn của giọng tự nhiên, la ó đuổi nó ra khỏi chân trời Concord. Mi có ý gì khi lên tiếng báo động toàn thành trì [487] vào cái giờ đêm thiêng liêng này của ta? Bộ mi nghĩ ta

từng bị bắt gặp lơ đễnh vào cái giờ này, và ta không có phổi và thanh quản như mi sao? Bu-hu, bu-ho, bu-hu! Đây là một trong những nghịch âm ghê rợn nhất mà tôi từng nghe. Thế nhưng, nếu bạn có lỗ tai biết phân biệt, thì trong đó vẫn có những yếu tố của một hoà âm mà những bình nguyên này chưa bao giờ nghe hoặc thấy.

Tôi cũng đã nghe tiếng reo của băng trong đầm, bạn đồng sàng của tôi trong vùng này của Concord, như thể nó bị chứng đầy hơi và ác mộng làm khổ, phải thao thức trong giường và phải trở mình, hoặc tôi bị đánh thức bởi tiếng đất nứt răng rắc vì băng giá, như thể có ai đánh một lũ bò ngựa qua trước cửa nhà tôi, và sáng hôm sau thấy một vết nứt trên mặt đất dài đến một phần tư dặm và rộng một phần ba inch.

Đôi khi tôi thấy những con cáo đi thành hàng trên lớp tuyết, trong đêm sáng trăng, đi kiếm gà gô hay những mồi săn khác; sủa loạn xạ như một lũ chó rừng bị ma ám, như thể bị hành hạ bởi một mối lo âu nào đó, hoặc cố sức biểu lộ điều gì đó, tranh giành ánh sáng, để được làm những con chó nhà đàng hoàng chạy tự do trên đường phố; vì biết đâu qua bao nhiêu thế kỉ, có thể có một quá trình văn minh hóa diễn ra giữa những con vật hoang dã cũng như những con người? Đối với tôi chúng như những con người thuở ban sơ, ăn lông ở lỗ, vẫn còn trong tư thế phòng thủ, chờ đợi được chuyển hóa. Đôi khi một con bị ánh sáng nhà tôi thu hút, đến gần cửa sổ nhà tôi, sủa tôi bằng giọng nguyền rủa xảo quyệt của loài cáo, rồi lủi đi.

Thông thường những con sóc đỏ (*Sciurus Hudsonius*) đánh thức tôi dậy vào rạng đông, nhảy lên mái nhà và nhảy loi choi bên hông nhà, như thể chúng được rừng cử đến đây để làm

chuyện đó. Trong mùa đông tôi ném một nửa giạ bắp ngô ngọt còn non ra lớp tuyết bên cửa nhà, và tiêu khiển bằng cách nhìn biểu hiện và hành động của những con vật khác nhau bị nó dụ đến. Trong ánh chạng vạng và ban đêm những con thỏ đến đều đặn và có một bữa chén thịnh soạn. Suốt ngày dài những con sóc đỏ đến và đi và làm tôi hết sức thích thú vì những mánh khoe của chúng. Đầu tiên một con cảnh giác mon men đến qua những bụi sồi, chạy trên tuyết bằng cả bốn chân và bắt đầu vọt lên như một chiếc lá bị gió thổi bay, rồi mấy bước theo hướng đó, với một tốc độ kì diệu và phí sức, làm một động tác nhanh như chớp bằng những cẳng chân sau, như thể đấu kiếm, và bây giờ cũng bằng ấy bước theo hướng khác, nhưng mỗi lần không bước quá hai ba mét, rồi bỗng ngừng lại với dáng vẻ lố bịch và một cú nhào lộn ngoạn mục, như thể tất cả mọi con mắt trên thế giới này đang chăm chú nhìn hắn (vì tất cả những động tác của một con sóc, ngay cả trong những hang hốc trống trong rừng đều có ngụ ý cho khán giả xem giống như động tác của một vũ nữ) mất thời gian trì hoãn và thận trọng nhiều hơn khoảng thời gian cần để đi hết quãng đường - tôi chưa bao giờ thấy một con sóc bước đi bình thường - rồi đột nhiên ngay lập tức, hắn đã ngất ngưởng trên ngọn một cây thông non, lên dây đồng hồ của hắn và la mắng những khán giả tưởng tượng, độc thoại và đồng thời nói với mọi người - tôi không thấy có lí do nào, và nghĩ bản thân hắn cũng thế. Cuối cùng hắn đến được chỗ ngô, và chọn một bắp thích hợp, nhảy cỡn một cách nhắng nhít lên điểm cao nhất của đống gỗ của tôi, trước cửa sổ, ở đó hắn nhìn vào mặt tôi, rồi ngồi đó hàng giờ, lâu lâu lại bóc ngô ăn, lúc đầu nhấm nháp từng chút một cách thèm thuồng, ném

lõi ngô đã bóc ăn quá nửa, cuối cùng hắn chọn lọc từng hạt một cách thanh nhã và chơi với thức ăn của mình, chỉ nếm một tí bên trong hạt, và bắp ngô, được hắn giữ hững hờ bằng một tay, trượt rơi xuống đất trong khi hắn nhìn theo với vẻ lơ đãng buồn cười, như thể ngờ rằng nó có đời sống, không quyết định nhặt lại nó, hay kiếm bắp khác, hay bỏ đi; bây giờ nghĩ đến ngô, rồi lắng nghe xem có gì trong gió. Trong một buổi sáng thằng ranh con lếu láo phung phí ngô như thế đấy, cuối cùng, chộp một bắp dài hơn và mẩy hơn, to hơn đáng kể so với bản thân hắn, giữ nó thăng bằng một cách khéo léo, hắn lôi nó đi vào rừng, giống như một con hổ quắp con trâu, bằng đường đi zich zắc và chốc chốc lại dừng, kéo xoàn xoạt theo hắn như thể nó quá nặng đối với hắn, và đánh rơi suốt, nhưng rơi theo một đường nghiêng, cương quyết kéo nó qua bằng mọi giá - thật là một gã lông bông và đồng bóng; rồi có lẽ đã về đến nhà, hắn tha bắp ngô lên ngọn một cây thông cách chỗ tôi hơn hai trăm mét, và sau đó tôi thấy những lõi ngô vung vãi khắp nơi trong rừng.

Cuối cùng những con chim giẻ cùi đến, trước đó đã nghe thấy những tiếng kêu chói tai của chúng, khi chúng cảnh giác đến gần còn cách một phần tám dặm, bằng một cách lén lút vụng trộm bay chuyền từ cây này sang cây khác, mỗi lúc một gần hơn, và nhặt những hạt mà lũ sóc đánh rơi. Rồi, đậu trên cành một cây thông nhựa, chúng có nuốt vội một hột quá to so với cổ họng và khiến chúng bị nghẹn; và sau một hồi cật lực chúng phải nhổ ra, rồi mất hàng giờ dung mỏ mổ cho nứt ra. Chúng rõ rang là những tên trộm, và tôi không tôn trọng chúng; nhưng lũ sóc, mặc dù ban đầu nhút nhát, đã làm như thể đang lấy cái gì thuộc quyền của chúng.

Trong khi đó từng đàn sơn tước bay đến, mổ nhặt những mảnh vụn bọn sóc đánh rơi, bay đến những cành con gần nhất, và kẹp chúng dưới móng vuốt, dùng những chiếc mỏ bé xíu mổ lên chúng như mổ những con sâu trong vỏ cây, cho đến khi những mảnh vụn nhỏ đi vừa lọt những cái cổ họng thon của chúng. Một bầy những con chim sẻ ngô bay đến hằng ngày để nhặt ngô từ trên đống gỗ của tôi hay những mảnh vụn trước cửa làm bữa ăn chính của chúng, với những âm ngọng nghịu yếu ớt, giống như những que băng leng keng trên cỏ, hay với tiếng đây đây đây sống động, hoặc đôi khi, trong những ngày xuân ấm, một tiếng kêu mùa hè phi bi lanh lảnh bên bìa rừng. Chúng dạn đến mức có lần một con sà xuống bó củi tôi đang vác, và mổ những thanh củi không hề sợ hãi. Có lần một con sẻ đậu xuống vai tôi một lúc trong khi tôi cuốc trong vườn, và tôi cảm thấy trong tình thế này tôi còn oai vệ hơn nêu có đeo những ngù vai. Lũ sóc cuối cùng cũng trở nên hoàn toàn quen tôi, và đôi khi bước cả lên giày tôi để đi tắt cho tiện.

Khi mặt đất chưa hoàn toàn bị băng tuyết bao phủ, và gần cuối mùa đông, tuyết tan chảy trên sườn đồi phía nam và quanh đống gỗ nhà tôi, lũ gà gô buổi sáng và tối ra khỏi rừng đi kiếm ăn ở đấy. Dù bạn đi ở góc nào của rừng thì gà gô cũng nhao ra đập cánh vù vù, làm rung tuyết từ những lá khô và những cành cao, rơi lả tả xuống tong nắng như bụi vàng; vì con chim táo bạo này không biết sợ mùa đông. Nó thường bị vùi tong đống tuyết, và người ta bảo "đôi khi nó bay bổ nhào vào đống tuyết xốp, và giấu mình trong đó hai ba ngày". Tôi cũng thường, lùa chúng ra khoảng đất trống, nơi chúng từ tong rừng ra lúc hoàng hôn để ăn chồi non của những cây táo dại. Tối tối chúng thường đến

những cái cây đặc biệt, nơi những tay thợ săn khôn ngoan thường nằm nấp đợi chúng, và những vườn quả ở xa cạnh những khu rừng phải chịu đựng lũ này không ít. Tôi vui vì thấy dù sao gà gô được ăn no. Nó là con chim của chính Thiên nhiên, sống bằng chồi cây và nước lã.

Trong những buổi sáng mùa đông tối trời, hay trong những trưa mùa đông ngắn ngủi, đôi khi tôi nghe thấy một đàn chó săn len lỏi khắp rừng với những tiếng kêu và sủa ăng ẳng, không cưỡng nổi bản năng săn mồi, và những tiếng tù và rúc từng hồi, chứng tỏ có người theo sau. Rừng vang lên đáp lại, và không có con cáo nào nhảy ra trên mặt đầm thoáng, cũng không có đàn chó săn nào đi theo Actaeon [488] của chúng. Và buổi tối có thể tôi thấy đoàn thợ săn trở về với một cái đuôi chồn duy nhất làm chiến lợi phẩm thò ra từ chiếc xe trượt tuyết của họ, tìm đến quán trọ. Họ bảo tôi rằng nếu con cáo đừng ra khỏi hang của nó trên mặt đất đóng băng thì nó sẽ được an toàn, hoặc nó chạy trốn theo đường thẳng thì không con chó săn nào có thể vồ được nó; thế nhưng, dù đã bỏ xa những kẻ săn đuổi lại phía sau, nó dừng lại và nghe ngóng cho đến khi bọn kia chạy đến nơi, còn nếu nó chạy vòng tròn quay về chỗ cũ, thì các thợ săn đã đợi nó ở đó. Tuy nhiên, đôi khi nó chạy qua một bức tường cao hàng chục mét, rồi nhảy vọt ra xa về một bên và rõ ràng nó biết nước sẽ không giữ lại mùi của nó. Một bác thợ săn kể với tôi rằng có lần bác ta thấy một con cáo bị lũ chó săn đuổi đã nhảy vọt xuống đầm Walden khi băng đã đóng nhưng vẫn còn lại những vũng nước nông, nó chạy qua một đoạn rồi quay trở lại chính cái bờ ấy. Một lúc sau lũ chó săn chạy đến, nhưng chúng đã bị mất mùi. Đôi khi một đoàn chó săn đi qua trước

nhà tôi, chạy vòng quanh nhà sủa ăng ẳng và lùng kiếm mà không nhìn thấy tôi, như thể chúng đang bị một chứng điên rồ hành hạ khốn khổ, không gì có thể làm chúng sao nhãng khỏi cuộc săn đuổi. Chúng cứ chạy vòng quanh như vậy cho đến khi bắt gặp dấu vết còn mới của một con cáo, vì một con chó săn khôn ngoan sẽ bỏ tất cả những thứ khác để tìm dấu vết này. Một hôm có người từ Lexington đến túp lều của tôi để tìm con chó săn của anh ta, nó đã bỏ chạy đi rất xa và cả tuần nay đã tự đi săn một mình. Nhưng tôi e rằng anh ta không biết được gì hơn qua cuộc nói chuyện với tôi, vì mỗi lần tôi cố trả lời những câu hỏi của anh ta thì anh ta lại ngắt lời tôi bằng câu hỏi: "Còn anh, anh làm gì ở đây?". Anh ta đã mất một con chó, nhưng tìm thấy một con người.

Một người thợ săn già ít chuyện thường đến tắm ở đầm Walden mỗi năm một lần khi nước ấm nhất, và những lần như thế đều tìm tôi, kể với tôi rằng cách đây nhiều năm vào một buổi chiều ông xách súng đi trong rừng Walden; và khi bước trên con đường Wayland ông nghe thấy tiếng sủa của chó săn đang đến gần, nhanh như ý nghĩ vọt qua bức tường kia của con đường, nhưng viên đạn bắn nhanh của ông không chạm được vào nó. Theo sau một đoạn là con chó săn già với ba con chó con theo sát, chúng tự đi săn, và biến vào rừng. Cuối buổi chiều hôm đó, khi ông đang ngồi nghỉ trong rừng rậm phía nam Walden, ông nghe thấy tiếng đàn chó săn xa xa ở phía Fair Haven, vẫn đang đuổi theo con cáo, và khi chúng đến, tiếng kêu hối thúc của chúng làm cả khu rừng vang lên mỗi lúc một gần, lúc thì từ hướng Well-Meadow, lúc thì từ Trại Baker. Ông đứng bất động một lúc lâu và nghe thứ âm nhạc của chúng, thật ngọt ngào với

lỗ tai người thợ săn, rồi bỗng nhiên con cáo xuất hiện, len lỏi qua những lối đi với bước đi đường hoàng của con tuấn mã, mà âm thanh được tiếng lá rì rào thông cảm che giấu đi, mau lẹ và lặng lẽ, bám mặt đất, bỏ lũ chó săn lại phía sau; rồi nhảy tót lên một tảng đá giữa những đám cây, nó ngồi thẳng và nghe ngóng, lưng quay lại phía người thợ săn. Trong phút chốc lòng trắc ẩn làm chùn tay người thợ săn, nhưng tâm trang ấy chỉ thoáng qua nhanh như y nghĩ, cây sung của ông được nâng lên ngắm, và đoàng! - con cáo lăn quay trên tàng đá và nằm chết dưới đất. Người thợ săn vẫn đứng nguyên chỗ cũ và lắng nghe tiếng đàn chó săn. Chúng đến lặng lẽ, và lúc này những cánh rừng gần như vang dội qua tất cả các lối đi những tiếng tru điên dại của chúng.

Cuối cùng con chó già đột ngột hiện ra, mõm chúi xuống đất, và đớp đớp không khí như thể phát rồ, rồi lao thẳng vào tảng đá; nhưng khi nhận thấy con cáo đã chết nó bỗng ngừng bặt, như thể bị câm vì quá kinh ngạc, và bước vòng quanh xác con này trong im lặng; rồi những con chó con của nó lần lượt đến, và, giống như mẹ chúng, nghiêm trang câm lặng trước bí mật khó hiểu. Lúc đó người thợ săn bước ra và đứng giữa bọn chúng, bí mật được sáng tỏ. Chúng im lặng đứng đợi trong khi ông lột da con cáo, rồi đi theo ông một lúc, cuối cùng quay lại đi vào rừng. Tối hôm đó một điền chủ Weston [489] đến lều thợ săn Concord để hỏi về những con chó săn của ông ta, và kể chúng đã tự đi săn trong cả tuần lễ từ những cánh rừng Weston như thế nào. Người thợ săn Concord kể cho ông ta nghe những gì ông biết và đưa biếu ông ta bộ da cáo, nhưng người kia từ chối và ra đi. Đêm ấy ông ta không tìm thấy những con chó săn của

ông, nhưng hôm sau biết rằng chúng đã vượt sông và đến một ngôi nhà trại trong đêm, ở đó, sau khi đã được ăn uống no nê, chúng bắt đầu ra đi từ sáng sớm.

Người thợ săn kể cho tôi nghe câu chuyện đó nhớ được một người tên là Sam Nutting, người thường săn gấu ở Fair Haven Ledges, và đổi những bộ da gấu lấy rượu rum trong làng Concord, anh ta nói với ông rằng anh ta thậm chí đã từng trông thấy một con nai sừng tấm ở đó. Nutting có một con chó săn cáo tên là Burgoyne (bơ gô in - anh ta phát âm thành Biu-ga-in) mà ông thợ săn kia thường mượn. Trong cuốn *Wast Book* [490] của một nhà buôn già trong thị trấn này, người từng là thuyền trưởng, thư kí tòa thị chính, dân biểu, tôi thấy một đoạn ghi thế này. "18 tháng 1, 1742-43, John Melven Cr. kí gửi 1 Cáo Xám 0-2-3". Những chữ này bây giờ không thấy ở đó nữa, và trong phần ghi chú: 7, tháng 2, 1743, Hezekiah Stratton kí gửi "1/2 một bộ da Catt [491] 0-1-4 1/2"; tất nhiên, một bộ da mèo rừng, vì Stratton từng là trung sĩ trong cuộc chiến tranh của Pháp [492] trước đây, và chắc chắn không chịu giảm uy tín vì một thú săn kém giá trị hơn. Da hươu cũng được cầm, và chúng được bán hằng ngày. Một người vẫn còn giữ được những chiếc sừng của con hươu cuối cùng bị giết ở vùng lân cận, và một người khác đã kể cho tôi những tình tiết đặc biệt trong một cuộc săn mà chú của anh ta đã tham gia. Những người thợ săn trước kia đã làm thành một hội đoàn đông đảo và vui vẻ ở đây. Tôi còn nhớ rõ một anh chàng Nimrod [493] gầy nhom đã lấy một chiếc lá bên đường và chơi một điệu nhạc trên đó, nếu tôi nhớ không nhầm, còn du dương và hoang dã hơn bất kì một tiếng tù và săn nào.

Vào nửa đêm, khi có trăng, đôi khi tôi gặp trên đường những con chó săn đi lảng vảng trong rừng, chúng thường lẩn tránh khỏi đường tôi đi như thể sợ hãi, và đứng im lặng trong bụi rậm cho đến khi tôi đi qua.

Sóc và chuột đồng tranh nhau kho hạt của tôi. Xung quanh nhà tôi có vài chục cây thông dầu, đường kính từ một đến bốn inch, đã bị chuột gặm trong mùa đông trước - một mùa đông Na Uy đối với chúng, vì tuyết rơi lâu và dày, và chúng buộc phải độn phần lớn vỏ cây thông vào những thức ăn khác của chúng. Những cây này còn sống và tươi tốt trông thấy vào giữa hè, và nhiều cây đã lớn thêm một foot, mặc dù bị tróc vỏ hoàn toàn; nhưng sau một mùa đông nữa tất cả những cây này đều chết. Điều kì lạ là chỉ một con chuột mà giành được cả một cây thông làm thức ăn mình, nó gặm vòng quanh chứ không gặm dọc lên xuống, nhưng có lẽ đó là điều cần thiết để tỉa thưa bớt những cây này, nếu không chúng lớn lên sẽ quá dày.

Những con thỏ rừng (*Lepus Americanus*) cũng rất thân quen. Một con có hang bên dưới nền nhà tôi suốt cả mùa đông, chỉ cách tôi lớp sàn nhà, và mỗi buổi sáng nó làm tôi giật mình vì sự hối thúc của nó khi tôi bắt đầu động đậy - thùm thùm thùm thúc đầu nó lên ván gỗ sàn nhà một cách khẩn thiết. Chúng thường đến quanh cửa nhà tôi nhấm nháp những mẩu khoai tây mà tôi ném ra, và giống màu đất đến nỗi khi chúng bất động khó mà phân biệt chúng với đất. Đôi khi trong ánh chạng vạng một con ngồi bất động dưới cửa sổ tôi, bóng dáng của nó lúc thấy lúc khuất. Buổi tối khi tôi mở cửa chúng nảy bật lên kêu chít chít và lỉnh mất. Ở gần bên chúng chỉ gọi lòng thương hại của tôi. Một buổi tối có một con ngồi cạnh cửa cách tôi hai bước,

lúc đầu run rẩy vì sợ hãi, nhưng bất đắc dĩ phải chuyển động, một con vật nhỏ xíu tội nghiệp, gầy còm xương xẩu, với những cái tai lởm chởm và cái mũi nhọn, cái đuôi cụt và những cẳng chân khẳng khiu. Như thể Thiên nhiên khi tạo ra chúng đã quá sa sút và không thể làm ra giống nòi cao quý hơn. Những con mắt to của chúng có vẻ non nớt và ốm yếu, gần như bị phù. Tôi bước một bước, và trông kìa, nó bật lên bằng một cú bật dẻo dai trên lớp tuyết, duỗi thẳng người và chân ra đến một chiều dài thanh nhã và lập tức biến vào rừng - một con thú tự do hoang dã, khẳng định sự cường tráng và kiêu hãnh của Thiên nhiên. Sự thon thả của nó không phải là không có lí do. Và đó là bản chất của nó *(Lepus, levipes*, "chân nhẹ", như có người gọi nó).

Một vùng đất mà không có thỏ và gà gô thì quá tệ. Chúng là hai trong số những động vật bản địa đơn giản nhất, những dòng giống xa xưa được cả đời xưa và đời nay biết; hiện thân của Thiên nhiên, đồng minh gần gũi nhất với lá và với đất - và với nhau - chúng có chân và có cánh. Gà gô và thỏ chắc chắn sẽ phát triển, giống như những sinh vật bản xứ thật sự của đất, dù trời đất biến đổi thế nào. Nếu rừng bị đốn chặt, những mầm chồi và những bụi cây bật lên có thể bảo vệ được chúng, và chúng trở nên đông đảo hơn bao giờ hết. Một đất nước không nuôi nổi một con thỏ rừng thì chắc chắn là một đất nước nghèo. Rừng của chúng ta tràn ngập cả hai thứ, và xung quanh mọi đầm lầy có thể thấy gà gô hoặc thỏ bước đi, nhưng khắp nơi trên đường đi của chúng toàn thấy những hàng rào làm bằng cành cây và những chiếc bẫy lông ngựa mà một anh chàng chăn ngựa nào đó giăng ra.

Chương 16

Đầm trong mùa đông

Sau một đêm mùa đông êm ả tôi thức dậy với cảm giác có một số câu hỏi được đặt ra với mình, mà tôi đã cố gắng hoài công để trả lời trong giấc ngủ: cái gì-như thế nào-bao giờ-ở đâu? Nhưng có một Thiên nhiên sơ khai mà tất cả các tạo vật sống trong đó, nhìn vào những cửa sổ rộng của tôi với gương mặt trong sáng và thỏa mãn, và trên môi nàng không có câu hỏi nào cả. Tôi thức dậy trước một câu hỏi đã được trả lời, cùng với Thiên nhiên và ánh ngày. Tuyết phủ sâu trên mặt đất điểm những cây thông non, và chính sườn đồi trên đó có nhà tôi, dường như nói: Tiến lên. Thiên nhiên không đặt ra câu hỏi nào và không trả lời những câu hỏi mà chúng ta đặt ra. Nàng đã có giải pháp của nàng từ lâu. "Ôi hoàng tử, những con mắt của chúng tôi chiêm ngưỡng và chuyển vào linh hồn cảnh kì diệu và muôn hình muôn vẻ này của vũ trụ. Màn Đêm chắc chắn che đi một phần sáng tạo huy hoàng này; nhưng ngày đến vén lên cho chúng tôi tác phẩm vĩ đại này, mở ra từ đất và lên đến tận những bình nguyên cao thẳm" [494].

Rồi đến công việc buổi sáng của tôi. Đầu tiên tôi lấy một cái rìu và một cái xô đi kiếm nước, nếu đó không phải là một giấc mơ. Sau một đêm lạnh và mưa tuyết, cần có một chiếc cần ma thuật mới làm được việc này. Mỗi mùa đông bề mặt ở thể lỏng và rung động của đầm, nhạy cảm với từng hơi thở và phản ánh mọi ánh sáng và bóng tối, biến thành thể rắn sâu đến một *foot* rưỡi, có thể đỡ được sức nặng cả một đoàn người, và đôi khi tuyết phủ dày tương đương, không thể phân biệt nó với bất kì cánh đồng phẳng nào. Giống như

những con *macmôt* (chuột chũi) trên các quả đồi xung quanh, nó khép các mi mắt và ngủ vùi đến ba tháng hoặc hơn. Đứng trên bình nguyên tuyết phủ đó, như thể trên một đồng cỏ giữa các quả đồi, tôi đi tắt trước hết qua một *foot* tuyết rồi một *foot* băng, và mở một hố dưới chân, ở đó, quỳ xuống uống nước, tôi nhìn xuống đàn cá lặng lờ, tràn ngập một ánh sáng dịu như nhìn qua kính cửa sổ, với nền cát sáng giống như trong mùa hè; ở đó ngự trị một sự tĩnh lặng vĩnh cửu như bầu trời màu hổ phách lúc chạng vạng, phù hợp với sự điềm tĩnh đến bình thản của các cư dân. Bầu trời dưới chân chúng ta cũng trong sáng như trên đầu chúng ta.

Sáng sớm, khi mọi vật còn tê cứng vì sương giá, nhiều người đã đến với bộ đồ câu và bữa trưa đạm bạc, và thả sợi cước mảnh xuống qua lớp tuyết để câu cá chó đen và cá *pecca*; những con người hoang dã, theo các tập quán khác một cách bản năng và tin những thẩm quyền khác hơn là những người đồng hương của mình, và bằng cách đi và đến, gắn kết các thành phố lại với nhau ở những nơi chúng bị tách ra. Họ ngồi ăn bữa trưa trong áo khoác len dày, trên những lá sồi khô bên bờ đầm, thông thái những tri thức tự nhiên như người thành thị thông thạo các tri thức nhân tạo. Họ không bao giờ tra cứu sách vở, họ biết và nói ít hơn làm. Những việc họ làm thực tế nghe nói còn chưa ai biết. Đây là một người câu cá chó đen với cá rô làm mồi. Bạn nhìn vào xô của gã ngạc nhiên như nhìn vào một cái đầm mùa hè, như thể gã giữ mùa hè ở nhà, hay biết nó đã rút lui ở chỗ nào. Trời đất! Làm thế nào mà gã có được những thứ này vào giữa mùa đông? Ô, gã kiếm giun từ những cây gỗ mục từ khi mặt đất đóng băng. Chính cuộc sống của gã lặn sâu vào trong thiên nhiên hơn cả những nghiên cứu của nhà tự nhiên học, bản thân gã là một đối tượng của nhà tự nhiên học. Nhà tự nhiên học dùng dao nhẹ nhàng cậy rêu và vỏ cây để tìm sâu; còn gã thì dùng rìu bóc các thân cây đến tận lõi, làm cho rêu và vỏ cây văng ra

xa. Gã kiếm sống bằng việc bóc vỏ cây. Một con người như thế có thứ quyền năng nào đó với cá, và tôi thích nhìn quy luật tự nhiên diễn ra trong gã. Con cá rô nuốt con dòi, con cá chó đen nuốt con rô, và người đánh cá nuốt con cá chó đen, và tất cả những kẽ hở của tồn tại được lấp đầy.

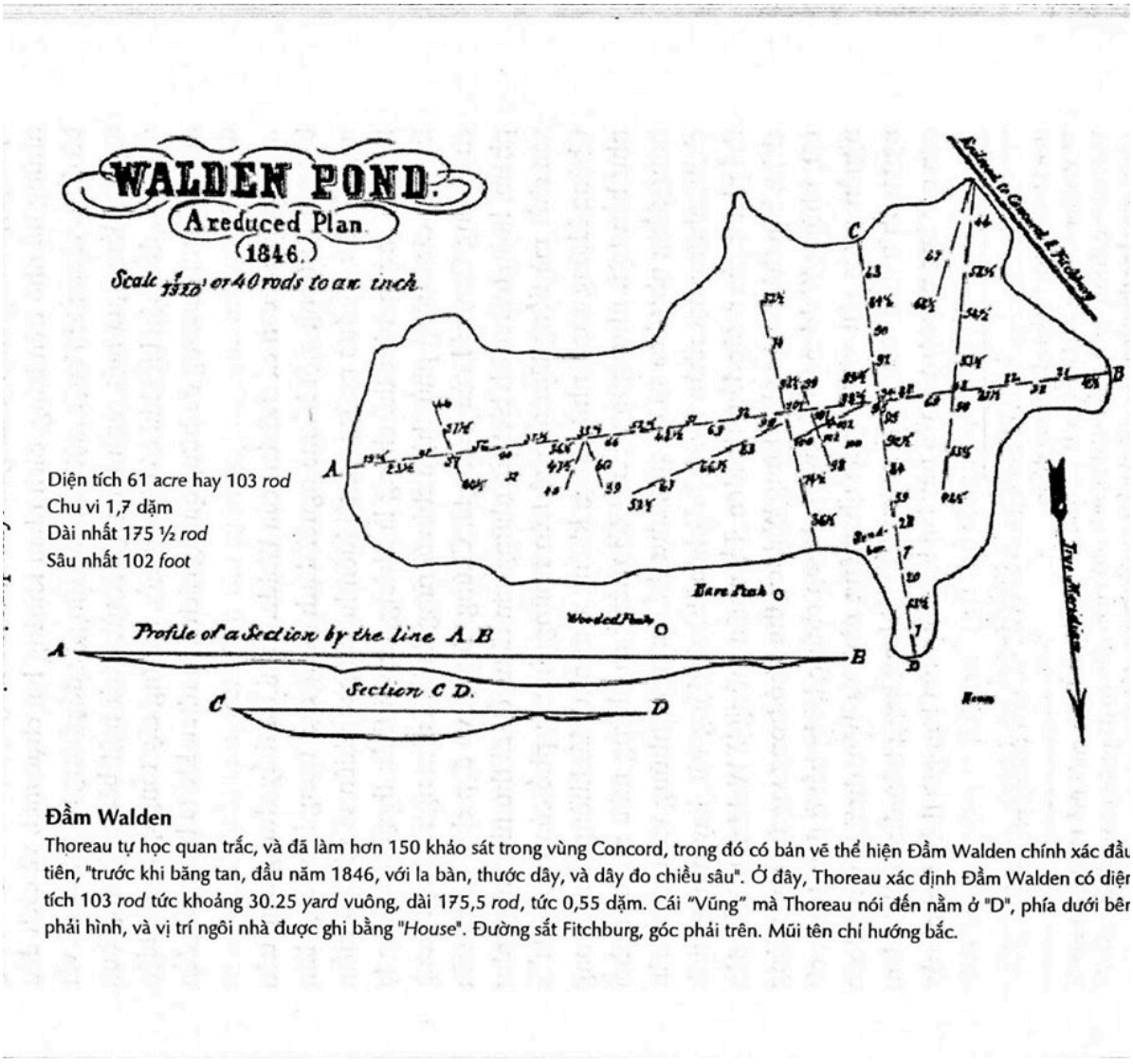

Đầm Walden

Thoreau tự học quan trắc, và đã làm hơn 150 khảo sát trong vùng Concord, trong đó có bản vẽ thể hiện Đầm Walden chính xác đầu tiên, "trước khi băng tan, đầu năm 1846, với la bàn, thước dây, và dây đo chiều sâu". Ở đây, Thoreau xác định Đầm Walden có diện tích 103 *rod* tức khoảng 30.25 *yard* vuông, dài 175,5 *rod*, tức 0,55 dặm. Cái "Vũng" mà Thoreau nói đến nằm ở "D", phía dưới bên phải hình, và vị trí ngôi nhà được ghi bằng "*House*". Đường sắt Fitchburg, góc phải trên. Mũi tên chỉ hướng bắc.

Trong tiết trời mù sương, lang thang quanh đầm đôi khi tôi thích thú nhìn những cung cách nguyên thủy mà một người đánh cá thô kệch áp dụng. Có lẽ ông ta đã gác những cành tổng quán sủi trên miệng những hố nhỏ trên băng, cách nhau khoảng hai chục mét, và cách đều bờ đầm, và sau khi buộc một đầu dây vào gậy để

phòng nó bị kéo đi, vắt sợi dây lỏng qua một cành tổng quán sủi, cách mặt băng khoảng hơn một *foot*, để nhận biết khi có cá đớp mồi. Những cây tổng quán sủi hiện ra lờ mờ trong sương ở những quãng cách đều nhau khi ta bước gần đến đầm.

Ôi những con cá chó đen của Walden! Khi tôi thấy chúng nằm trên băng, hoặc trong một hố mà người đánh cá đã đục trong lớp băng, làm một lỗ nhỏ để đưa nước vào, tôi luôn luôn ngạc nhiên vì vẻ đẹp hiếm hoi của chúng, như thể chúng là những con cá thần thoại, vô cùng lạ lẫm với các đường phố, thậm chí với rừng, lạ lẫm như người Arập trong cuộc sống Concord của chúng ta. Chúng có một vẻ đẹp chói lọi và siêu phàm, hoàn toàn cách biệt với những con cá tuyết, cá thu nhợt nhạt như xác chết mà tiếng tăm rầm rộ trên những đường phố của chúng ta [495]. Chúng không xanh như thông, không xám như đá, không xanh trong như bầu trời; nhưng trong mắt tôi chúng có những màu sắc hiếm hoi hơn, giống như hoa và đá quý, như thể chúng là những viên ngọc trân châu, những hạt nhân *(nuclei)* đã hóa thành động vật, hay những tinh thể pha lê của nước đầm Walden. Tất nhiên chúng là Walden từ đầu đến chân, bản thân chúng là những Walden thu nhỏ trong vương quốc động vật, những Waldenses [496]. Thật lạ là sao chúng lại bị bắt ở đây, trong cái nguồn nước sâu và rộng mênh mông này, xa bên dưới những đoàn ngựa, những cỗ xe ngựa và xe trượt tuyết leng keng trên đường Walden, con cá vàng ngọc tuyệt vời này bơi lội. Tôi chưa bao giờ thấy loại cá này trong bất kì chợ nào; nó chắc phải thu hút sự chú ý của mọi con mắt. Dễ dàng, với một cú oằn mình, chúng trút bỏ linh hồn đẫm nước của chúng giống như một người biến trước thời hạn vào tầng không khí loãng trên trời.

Vì tôi khao khát tìm lại đáy đầm Walden đã mất từ lâu, tôi khảo sát nó kĩ lưỡng, trước khi băng tan, đầu năm 1846, với la bàn, thước

dây, và dây đo chiều sâu. Đã có nhiều câu chuyện kể về đáy, hay đúng hơn về sự không đáy của cái đầm này, những câu chuyện chắc chắn không có cơ sở. Có điều lạ là người ta tin vào sự không-đáy của một cái đầm lâu đến thế mà không chịu khó thăm dò nó. Tôi đã đến thăm hai cái Đầm Không-đáy như vậy trong một cuộc đi bộ quanh vùng này. Nhiều người tin rằng Walden xuyên tới phía bên kia của trái đất. Có người nằm trên băng một thời gian dài, nhìn xuống qua lớp nước lung linh gây ảo giác, thêm vào đó đôi mắt đẫm nhòe nước và do sợ bị nhiễm lạnh, đã rút ra những kết luận vội vã rằng đã nhìn thấy những cái lỗ to tướng mà "cả một chiếc xe chở cỏ khô có thể chui qua", chắc chắn là bắt nguồn từ con sông Styx [497] và lối vào Địa ngục là từ những chỗ này. Những người khác từ trong làng tới với một trọng vật năm mươi sáu *pound* và một xe ngựa chất đầy dây thừng một *inch*, nhưng cũng chẳng thấy cái đáy nào cả; vì trong khi "trọng vật" kia còn đang nghỉ đâu đó giữa đường, thì họ thả dây thừng trong một cố gắng vô vọng thăm dò chiều sâu của cái khả năng tưởng tượng thật sự mênh mông vô hạn của họ. Nhưng tôi có thể bảo đảm với bạn đọc rằng Walden có một cái đáy khá chắc ở một chiều sâu dù không bình thường nhưng không phải là vô lí quá đáng. Tôi dễ dàng thăm dò nó bằng dây và một hòn đá nặng khoảng một *pound* [498] rưỡi, và có thể nói chính xác lúc nào hòn đá rời khỏi đáy, và đã phải kéo hết sức nặng nhọc trước khi nước ở bên dưới đẩy lên giúp tôi. Chiều sâu nhất là một trăm lẻ hai *foot* (31 mét); có thể cộng thêm năm *foot* nữa do mức nước dâng lên từ khi đó, thành một trăm lẻ bảy. Đó là một độ sâu đáng kể đối với một diện tích nhỏ như thế, tuy nhiên không thể tuỳ tiện thêm vào một *inch* bằng tưởng tượng. Sẽ ra sao nếu tất cả các đầm đều nông cạn? Liệu điều đó có tác động vào tâm trí con người không? Tôi thấy biết ơn vì cái đầm này được làm sâu và trong để

thành một biểu tượng. Khi tin vào tính vô hạn thì người ta sẽ nghĩ một số cái đầm là không đáy.

Một ông chủ xưởng máy khi nghe nói về chiều sâu của cái đầm mà tôi đã tìm ra thì cho rằng nó không thể đúng, vì xét theo những cái đập mà ông ta biết, cát không thể nằm trong một độ dốc đứng như vậy được. Nhưng những cái đầm sâu nhất không sâu trong tương quan với diện tích như phần lớn người ta tưởng, và, nếu xả hết đi, sẽ không để lại những thung lũng hết sức ngoạn mục. Chúng không giống những chiếc cốc giữa các quả đồi; vì cái đầm này, tuy sâu một cách bất thường như thế nhưng so với diện tích của nó, trong một mặt cắt thẳng đứng qua tâm của nó xem ra không sâu hơn một cái đĩa nông. Phần lớn những cái đầm, nếu hết nước, sẽ để lại một đồng cỏ không trống hơn chúng ta thường thấy. William Gilpin [499], người đáng ngưỡng mộ trong tất cả những gì liên quan đến các phong cảnh, và thường là đúng, đứng ở đầu Loch Fyne, ở Scotland, mà ông mô tả như "một vịnh nước mặn, sâu sáu mươi hoặc bảy mươi *fathom* [500], rộng bốn dặm", và dài khoảng năm mươi dặm, có những rặng núi bao quanh, nhận xét, "nếu chúng ta có thể nhìn thấy nó ngay sau trận sụt lở, hoặc bất kì chấn động nào của thiên nhiên đã tạo ra nó, trước khi nước phun ra, thì nó hiện ra như một khe vực khủng khiếp biết nhường nào!".

"Những quả đồi nhô lên thật cao

Một cái đáy trũng, sâu và rộng, thụt xuống thật thấp,

Cái đáy mênh mông của những song hồ" [501].

Nhưng nếu lấy đường kính ngắn nhất của Loch Fyne, và áp dụng những tỉ lệ ấy cho Walden, mà như chúng ta đã thấy, ngay trong một mặt cắt đứng đã có vẻ như một cái đĩa nông, thì Walden sẽ còn nông hơn bốn lần. Nỗi khủng khiếp tăng lên rất nhiều khi những kẽ nứt của Loch Fyne trống rỗng. Chắc chắn nhiều thung

lũng sẽ vui mừng hớn hở với những cánh đồng ngô trải dài của nó lấp đầy một "kẽ nứt khủng khiếp", từ đó nước đã rút xuống, mặc dù để thuyết phục cho các cư dân khỏi nghi ngờ về sự thật này cần đến sự sáng suốt nhìn sâu và nhìn xa của nhà địa chất. Một con mắt hay tìm tòi có thể phát hiện ra những bờ của một cái hồ nguyên thủy nằm trong vùng đồi thấp, và để che giấu lịch sử của chúng không cần đến bình nguyên cao lên sau đó. Nhưng dễ thấy nhất là vũng nước sau một trận mưa rào, mà những người làm việc trên đường cái đều biết, vấn đề là trí tưởng tượng, chỉ cần cho nó tự do tối thiểu, là nó lặn sâu hơn và vọt lên cao hơn bản thân Thiên nhiên. Như vậy, ta có thể thấy độ sâu của đại dương là rất không đáng kể so với bề rộng của nó.

Khi nghe qua lớp băng tôi có thể xác định hình dạng của đáy với độ chính xác lớn hơn khi đo những vịnh không bị đóng băng, và tôi ngạc nhiên về địa hình bằng phẳng của nó. Trong phần sâu nhất rộng nhiều *acre* nó bằng phẳng hơn mọi cánh đồng phơi ra dưới mặt trời, chịu nắng, gió và bị cày xới. Trong một lần đo trên một đường chọn ngẫu nhiên, độ sâu biến thiên không quá một foot trong ba mươi rod, và nói chung, ở gần giữa, tôi đo được sự thay đổi độ sâu của mỗi trăm foot, theo hướng bất kì, chỉ trong vòng ba hoặc bốn *inch*. Một số người quen nói về chiều sâu và những hố nguy hiểm ngay cả trong những cái đầm cát yên lặng như thế này, nhưng tác động của nước trong những điều kiện ấy đã san bằng mọi chỗ lồi lõm. Sự bằng phẳng của đáy và sự phù hợp của nó với những bờ và những dãy đồi lân cận hoàn hảo đến mức một mũi đất ở xa lộ ra trong một phép đo độ sâu tiến hành từ phía bên kia đầm, và có thể xác định hướng của nó bằng cách quan sát bờ đối diện. Mũi đất trở thành dải đất dài, và đồng bằng thành bãi cát ngầm, thung lũng thành vũng nước sâu, và hẻm núi thành kênh.

Khi lập bản đồ cái đầm với tỉ lệ một *inch* "ăn" mười *rod*, và ghi lại các độ sâu, tất cả hơn một trăm, tôi nhận ra sự trùng hợp kì lạ này. Nhận thấy con số chỉ độ sâu nhất nằm gần ở tâm bản đồ, tôi đặt một cái thước kẻ theo chiều dọc rồi theo chiều ngang, và ngạc nhiên thấy đường có chiều dài lớn nhất cắt đường có chiều rộng lớn nhất chính xác ờ điểm có độ sâu lớn nhất, mặc dù ở giữa gần như bằng phẳng, đường bao của đầm hoàn toàn không đều, và đoạn dài nhất và rộng nhất đạt được bằng cách đo ở những chỗ hõm vào; và tôi tự nhủ, ai biết điều gợi ý này lại có thể dẫn đến phần sâu nhất của đại đương cũng như của một cái đầm hay của một vũng nước? Biết đâu quy tắc này lại chẳng áp dụng được cho độ cao của các đỉnh núi, được coi như ngược với các thung lũng? Chúng ta biết rằng một quả đồi không cao nhất ở phần hẹp nhất của nó.

Ba trong năm vũng (hay vịnh nhỏ, phần đầm ăn lõm vào đất) đã được đo độ sâu, đều có một dải đất hẹp vắt qua miệng chúng và bên trong có nước sâu hơn, do đó vũng có vẻ là một phần nước mở rộng ra bên trong đất không chỉ theo chiều nằm ngang mà cả chiều cao, và tạo thành một vịnh nhỏ hay cái đầm độc lập, hướng của hai mũi đất ôm vịnh chỉ vị trí của dải ấy. Mọi bến cảng trên bờ biển cũng có dải đất chắn ngang lối vào của nó như vậy. Về tỉ lệ, vì miệng của vũng rộng hơn so với chiều dài của nó nên nước bên ngoài dải đất sâu hơn so với nước bên trong vũng. Như vậy, biết chiều dài và chiều rộng của vũng, và đặc tính của bờ bao quanh, thì bạn đã có hầu như mọi yếu tố đủ để lập công thức cho mọi trường hợp.

Để thấy với kinh nghiệm này tôi có thể đoán được gần đúng như thế nào điểm sâu nhất trong một cái đầm, bằng cách quan sát đường bao và đặc tính của các bờ của nó, tôi vẽ một bản đồ Đầm Trắng, khoảng bốn mươi mốt *acre*, và giống như cái này, không có đảo bên trong, cũng không thấy có bất kì nguồn nước nào chảy vào

thoát ra, và khi đường chiều rộng lớn nhất (nơi hai vũng đối diện xa nhau nhất) rất gần đường chiều rộng bé nhất (nơi hai mũi đất đối diện gần nhau nhất), và tôi đánh một dấu ngẫu nhiên ghi điểm sâu nhất cách đường thứ hai một khoảng ngắn, nhưng vẫn nằm trên đường có chiều dài lớn nhất. Phần sâu nhất được tìm thấy trong vòng một trăm *foot* tính từ đó, ở xa hơn theo hướng mà tôi dự đoán, và chỉ sâu hơn một *foot*, tức là sáu mươi *foot*. Tất nhiên nếu có một dòng nước chảy vào hay thoát ra, hay một hòn đảo trong đầm, thì bài toán sẽ phức tạp hơn nhiều.

Nếu biết mọi quy luật của Tự nhiên, chúng ta chỉ cần một sự kiện, hoặc mô tả của một hiện tượng có thực, để suy ra tất cả các kết quả cụ thể tại điểm đó. Bây giờ chúng ta mới chỉ biết một ít quy luật, và kết quả của chúng ta không có giá trị, không phải bởi sự lộn xộn và thất thường trong thiên nhiên, mà bởi chúng ta mù tịt về những yếu tố then chốt trong bài toán này. Những khái niệm của chúng ta về quy luật và sự hài hòa nói chung bó hẹp trong những trường hợp mà chúng ta khám phá; nhưng sự hài hòa tạo ra bởi một số lượng lớn hơn nhiều của những sự kiện tưởng như mâu thuẫn nhưng thật ra là hòa hợp, những quy luật mà chúng ta chưa khám phá ra, còn kì diệu hơn nhiều. Những quy luật đặc thù là những điểm nhìn của chúng ta, như đối với người khách bộ hành, đường bao của một dãy núi biến đổi với từng bước đi, và trông nghiêng nó có vô số các biến thể, nhưng thật ra chỉ có một hình dạng. Thậm chí khi xẻ ra hoặc khoan xuyên qua, chúng ta không nhìn nó trong tính toàn vẹn của nó.

Những gì tôi quan sát được về cái đầm này không kém đúng đắn trong lĩnh vực đạo đức. Đó là luật trung bình. Với một quy tắc như thế về hai đường kính chúng ta không chỉ tìm thấy mặt trời trong hệ thống hành tinh và trái tim trong thân thể con người, mà

khi kẻ những đường thẳng qua chiều dài và chiều rộng của tập hợp những hành vi đặc thù hằng ngày của một con người và những làn sóng của cuộc sống, thấy được những cái vịnh (những góc khuất) và những nguồn nước vào của anh ta, và ở nơi giao nhau của chúng bạn tìm ra chiều cao hay chiều sâu của tâm hồn anh ta. Có lẽ chúng ta chỉ cần biết những bờ của anh ta hướng về đâu và miền tiếp giáp hay những hoàn cảnh của anh ta, để suy ra chiều sâu và cái đáy bị che giấu của anh ta. Nếu anh ta bị hoàn cảnh là những núi non bao quanh, thì một bờ Achilles [502], những đỉnh cao của nó che bóng và được phản chiếu trong ngực anh ta, chúng gợi nghĩ đến một độ sâu tương ứng trong anh ta. Nhưng một bờ thấp và thoải chứng tỏ anh ta nông cạn ở phía đó. Trong thân thể chúng ta một cái trán dô bướng bỉnh gợi nghĩ đến một chiều sâu tư duy tương ứng. Ở lối vào mỗi cái vịnh, hay khuynh hướng, của chúng ta cũng có một dải đất vắt ngang, mỗi dải là bến cảng của chúng ta trong một thời, chúng ta bị kẹt trong đó và phần nào bị đất bao quanh. Những dải đất này thông thường không phải là ngẫu nhiên, mà hình dạng, kích thước và hướng của chúng được xác định bởi địa hình và cấu tạo địa chất của bờ. Khi dải đất ấy do bão, thủy triều, hay những dòng chảy mà dần dần lớn lên, hoặc do nước rút xuống để nó lộ ra trên bề mặt, nó biến cái vũng lúc đầu chỉ là một chỗ lõm vào trong bờ, tại đó một ý nghĩ nương náu, thành một cái hồ độc lập, bị cắt rời khỏi đại dương, và ý nghĩ ấy tìm được những điều kiện đặc biệt, dưới ảnh hưởng của chúng, thay đổi từ mặn sang ngọt, biến thành một biển ngọt, biển chết, hay một đầm lầy. Một con người bước vào đời giống như một dải đất nổi lên trên mặt nước ở một nơi nào đó. Đúng, chúng ta là những nhà hàng hải tồi đến mức phần lớn những ý nghĩ của chúng ta bay lơ lửng dọc theo một bờ biển không có hải cảng, chúng chỉ quen với những vịnh của thơ ca, hoặc hướng vào những cảng nhập công khai, và đến những ụ tàu khô khan của khoa học,

nơi chúng chỉ được tân trang cho hợp với thế giới này, và không có những dòng chảy tự nhiên nào cùng quy tụ lại để cá tính hóa chúng.

Về đường nước vào và ra của Walden, tôi chưa phát hiện ra một lối nào ngoài mưa, tuyết, và bốc hơi, mặc dù có lẽ, với một nhiệt kế và một thước dây, có thể tìm ra một chỗ như thế, vì nơi nào nước chảy vào đầm có lẽ sẽ lạnh nhất trong mùa hè và ấm nhất trong mùa đông. Khi những người thợ đục băng làm việc ở đây trong những năm 1846-1847, những khối băng gửi vào bờ một hôm bị những người xếp chúng thành đống ở đó loại bỏ ra, vì chúng mỏng hơn nên không nằm khít với những tảng còn lại, và nhờ đó những người đục băng phát hiện ra rằng có một chỗ băng mỏng hơn ở những chỗ khác hai ba *inch*, điều này khiến họ nghĩ rằng có một chỗ có nguồn nước chảy vào đầm. Họ cũng chỉ cho tôi ở một chỗ khác cái mà họ nghĩ là một "lỗ thông" qua đó nước đầm rò qua bên dưới một quả đồi vào một đồng cỏ bên cạnh, họ đẩy tôi bước ra trên một tảng băng để nhìn nó. Đó là một cái hang nhỏ bên dưới mười foot nước, nhưng tôi nghĩ tôi có thể bảo đảm cái đầm này không cần hàn lại cho đến khi họ tìm được một lỗ rò tệ hơn chỗ này. Một người đã gợi ý rằng nếu có thể tìm ra một "lỗ thông" như thế, thì có thể chứng minh nó có thông với đồng cỏ bằng cách thí nghiệm, dùng một ít bột màu hoặc mùn cưa thả vào miệng lỗ, rồi đặt một cái lưới lọc trên một khe nước của đồng cỏ, để đón bắt một số hạt mà dòng chảy mang đến.

Trong khi tôi đang khảo sát, lớp băng dày mười sáu *inch* bỗng uốn lượn như sóng trước một cơn gió nhẹ. Người ta biết rằng không thể sử dụng một level [503] trên băng. Cách bờ một rod dao động của nó lớn nhất là ba phần tư *inch*, khi quan sát bằng một level đặt trên bờ hướng vào một thanh gỗ có chia vạch cắm trên băng, mặc dù

băng có vẻ gắn chắc với bờ. Ai mà biết dụng cụ của chúng tôi có đủ tinh vi để có thể phát hiện ra một dao động sóng trên vỏ trái đất hay không? Khi hai chân của cái level của tôi đặt trên bờ và chân thứ ba trên băng và ống ngắm hướng về băng, sự lên xuống của băng một lượng vô cùng nhỏ tạo nên sự khác biệt nhiều *foot* trên một cái cây bên kia đầm. Khi tôi bắt đầu đục các lỗ để thăm dò chiều sâu, có ba hoặc bốn *inch* nước trên băng dưới một lớp tuyết dày đã làm nó chìm xuống sâu như vậy; nhưng nước ngay lập tức bắt đầu chảy vào những lỗ này, và tiếp tục chảy trong hai ngày thành những dòng sâu, bào mòn băng ở mọi phía, và góp phần đáng kể, nếu không phải chủ yếu để làm khô bề mặt của đầm, vì khi nước chảy vào, nó nâng băng nổi lên. Điều này hơi giống đục một cái lỗ dưới đáy một con tàu để thoát nước ra. Khi những lỗ như thế đóng băng lại, rồi một trận mưa kế tiếp, và cuối cùng một đợt đóng băng mới tạo thành một lớp băng mềm bao bọc tất cả, lốm đốm bên trong rất đẹp bằng những hình sẫm màu, có dạng giống như cái mạng nhện, mà bạn có thể gọi là một đóa hoa hồng bằng băng, bởi những kênh do nước chảy từ mọi phía vào giữa làm mòn băng tạo nên. Cũng có khi băng được bao bọc bằng những vũng nước nông, tôi thấy một cái bóng kép của tôi, cái này đứng trên đầu cái kia, một cái trên băng, cái kia trên các cây hay trên sườn đồi.

Trong khi trời còn lạnh vào tháng Một, và tuyết và băng còn dày và rắn, người chủ đất thận trọng từ làng đến lấy băng mang về để ướp lạnh đồ uống mùa hè của ông ta; thật ấn tượng, thậm chí cảm động, khôn ngoan, khi bây giờ mới là tháng Một, mặc áo khoác dày và đi găng, mà đã nhìn thấy trước cái nóng và cái khát của tháng Bảy! Có lẽ ông ta không cất của cải của mình trong thế giới này, nó sẽ làm mát đồ uống mùa hè của ông ta trong thế giới bên kia [504]. Ông cưa cắt cái đầm rắn, dỡ mái ngôi nhà của cá, và lấy xe ngựa chở đi mất nắng gió và không khí của nó, giữ chặt bằng xích và cọc

giống như buộc gỗ bằng dây, qua bầu không khí ưu ái mùa đông, đến những tầng hầm lạnh giá, đặt nó dưới mùa hè ở đó. Khi được kéo qua các đường phố, nhìn từ xa nó như da trời trong xanh đông cứng. Những người thợ đục đá là giống người vui nhộn, đầy những câu và trò đùa, và khi tôi đi lẫn trong số họ, họ thường rủ tôi cùng cưa băng với họ, tôi đứng dưới.

Trong mùa đông 1846-1847, có một trăm người gốc Hyperborea [505] đến đó, tràn xuống đầm của chúng tôi một buổi sáng với nhiều chuyến xe ngựa chở những dụng cụ nhà nông trông quê kệch - xe trượt tuyết, cày, xe cút kít, dao phát cỏ, mai, cưa, cào, và mỗi người được trang bị một cây thương hai mũi, những chuyện này không được mô tả trong *Nông dân New England* [506] hay Trồng trọt. Tôi không biết có phải họ đến để gieo một vụ lúa mạch đông, hoặc một số giống ngũ cốc khác gần đây được đưa vào từ Iceland hay không. Vì tôi không thấy có phân, nên tôi cho rằng họ định hớt lấy phần ngon của đất như tôi đã làm, vì nghĩ rằng đất sâu và đã bỏ hoang quá lâu ngày. Họ nói rằng một quý ông trại chủ, đứng đang sau việc này, muốn tăng gấp đôi tiền của ông ta, mà như tôi biết, có đến nửa triệu, nhưng để bọc mỗi đồng đô la của ông ta bằng một đồng khác, ông ta đã lột chiếc áo khoác duy nhất, đúng vậy, chính bộ da của Đầm Walden trong sương mù của một mùa đông khắc nghiệt. Ngay lập tức họ lao vào cày, bừa, lăn, xẻ rãnh, theo một trật tự tuyệt vời, như thể họ định làm một cái trại kiểu mẫu; nhưng khi tôi cố nhìn kĩ xem họ gieo loại giống gì vào rãnh, thì một nhóm người bên cạnh tôi bắt đầu cắt đất đến lớp cát, hay đúng hơn, đến nước - vì đất ở đây đẫm nước, như miếng bọt biển - thật ra đây chính là *terra firma* (đất cứng) [507] và dùng xe trượt tuyết chó kéo chở đi, và khi đó tôi đoán rằng họ đang khai thác than bùn. Họ đến và đi hằng ngày như vậy, từ một nơi nào đó thuộc những vùng cực, tôi đoán thế, với tiếng la inh tai từ đầu máy, như một đàn chim

tuyết bắc cực - Nhưng đôi khi mụ già Walden giở ngón trả thù, và một người đàn ông làm thuê, đi theo sau tốp ngựa của mình, trượt xuống một khe núi về phía Tartarus; anh ta vốn người trước đây can đảm bỗng nhiên mất hết cả nhuệ khí, hầu như bỏ mất nhiệt huyết của mình, vui vẻ đến xin trú ngụ trong nhà tôi, và thừa nhận rằng bếp lò cũng có công dụng hay hay. Hoặc có khi đất đóng băng làm gãy cả lưỡi cày thép, hay một cái cày bị kẹt trong rãnh cày và phải được móc ra.

Nói rõ hơn, một trăm người Ai Len cùng với những người Mĩ (Yankee) hải ngoại, đến từ Cambridge để hằng ngày đục lấy băng. Họ cắt băng thành từng khối bằng những phương pháp quá quen thuộc chả cần phải mô tả, và những bánh băng này được xe kéo lên bờ, nhanh chóng được đưa đến một sân băng, rồi được nâng lên bằng những móc sắt, puli và ròng rọc, do ngựa kéo, xếp thành đống chắc chắn như sếp những thùng bột, xếp bằng phẳng bên nhau, hàng này trên hàng khác, như thể chúng tạo nên một cái nền rắn của một hình tháp được thiết kế để chọc thủng các đám mây. Họ kể với tôi rằng trong những ngày đẹp trời họ có thể đục được một ngàn tấn, đó là thu hoạch của khoảng một *acre*. Băng bị mòn thành những vết lún sâu và những "lỗ rọ" [508] (*cradle-holes*), như trên *terra firma*, do xe trượt tuyết chó kéo hằng ngày đi vào đúng vết cũ; và những con ngựa ăn yến mạch của chúng trong những bánh băng được khoét rỗng như những cái gầu. Họ xếp những bánh băng như vậy ngoài trời thành đống cao ba mươi lăm *foot* mỗi mặt và rộng sáu hay bảy *rod* vuông, nhét cỏ khô vào giữa những lớp ngoài để khử không khí; vì khi có gió, dù không lạnh lắm, nếu có chỗ lọt qua, nó sẽ xói mòn băng thành những hang lớn, chỉ để lại đây đó những điểm tựa mỏng manh và đôi khi khiến cả đống đổ nhào. Ban đầu đống băng trông giống như pháo đài xanh hay Valhalla [509], nhưng khi họ bắt đầu nhét cỏ khô vào các khe, thì nó phủ đầy sương muối

và tua tủa những que băng, giống như một phế tích cổ kính phủ đầy rêu, xây bằng đá cẩm thạch màu da trời, nơi ở của Mùa Đông; một túp lều của ông già mà chúng ta thấy trong Niên giám - như thể ông đã thiết kế ra nó để nghỉ ngơi cùng với chúng ta. Họ tính toán rằng không đến 25% số băng này đến được đích của nó, rằng 2 hay 3% sẽ bị lãng phí trong những chuyến xe. Tuy nhiên, vẫn còn một phần lớn hơn của đống này có một số phận khác, vì, hoặc là băng không được thật tốt như người ta mong đợi, chứa nhiều bọt khí hơn, hoặc vì một số lí do khác, nó không bao giờ đến được thị trường. Đống này, được làm vào mùa đông 1846-1847 với dự tính mười ngàn tấn, cuối cùng được bọc bằng cỏ khô và ván, và mặc dù được dỡ ra vào tháng Bảy và một phần của nó được chở đi, phần còn lại vẫn còn phơi dưới nắng, đứng qua mùa hè và mùa đông kế tiếp, và không hoàn toàn tan chảy cho đến tháng Chín 1848. Như vậy đầm đã giành lại được phần lớn hơn.

Giống như nước, băng ở đầm Walden nhìn gần có màu xanh lục, nhưng ở khoảng cách xa nó có màu xanh da trời đẹp, và bạn có thể dễ dàng phân biệt nó từ băng trắng của sông hay băng ngả xanh lục của những cái đầm, cách xa một phần tư dặm. Đôi khi một trong những bánh băng to ấy trượt khỏi chiếc xe của người thợ đục băng vào đường phố trong làng, và nằm đó hàng tuần giống như một viên ngọc lục bảo khổng lồ, bắt mắt tất cả những khách qua đường. Tôi đã nhận xét rằng một phần của Walden trong trạng thái lỏng có màu xanh lục khi đóng băng thường chuyển thành màu xanh dương từ một điểm nhìn nào đó. Đôi khi trong mùa đông những hố trên bờ đầm đầy nước màu lục hơi giống nước trong đầm, nhưng hôm sau đóng băng đã ngả thành xanh dương. Có lẽ màu xanh dương của nước và băng là do ánh sáng và không khí mà nó chứa, và màu trong trẻo nhất là màu xanh nhất. Băng là vật rất thú vị để ngắm. Có người bảo tôi rằng họ có một số tảng băng để

trong những hầm nước đá ở Đầm Fresh năm năm mà vẫn tốt nguyên. Tại sao một gầu nước lại sớm bị hư thối, nhưng băng thì cứ ngọt mãi? Người ta thường nói rằng đó là sự khác nhau giữa tình thương và trí tuệ.

Như vậy trong mười sáu ngày tôi thấy từ cửa sổ nhà tôi một trăm người làm việc như những nông dân bận rộn, với những cỗ xe và ngựa và tất cả những đồ nông cụ, một bức tranh mà ta có thể thấy trên trang đầu Niên giám, và cứ mỗi lần nhìn ra tôi lại nhớ đến một câu chuyện ngụ ngôn về con chim chiền chiện và những người thợ gặt, hay chuyện ngụ ngôn về người gieo hạt, và những chuyện tương tự, và bây giờ họ đi cả rồi, có lẽ trong ba mươi ngày nữa, tôi sẽ nhìn từ cửa sổ nhà tôi ra nước đầm Walden xanh trong màu nước biển ở kia, phản chiếu những đám mây và cây cối, và bốc hơi lên không trung trong trạng thái cô độc, và không nghe thấy một con chim lặn gavia cô độc cười khi nó lặc và tự rỉa lông, hoặc sẽ thấy một ngư ông cô đơn trong chiếc thuyền của ông, giống như một chiếc lá nổi, đang nhìn hình của mình phản chiếu trên sông nước, nơi mới đây hàng trăm con người đã làm việc yên lành.

Như vậy hóa ra những cư dân mệt nhoài vì nóng nực của Charleston và New Orleans, của Madras và Bombay và Calcutta [510] uống nước trong giếng của tôi. Buổi sớm tôi tắm tâm trí của mình trong triết học diệu kì và có tầm vũ trụ của Bhagvat-Geeta [511], biết bao nhiêu năm thần thánh đã trôi qua kể từ khi chúng được trước tác, và so với chúng, thế giới hiện đại của chúng ta và nền văn học của nó xem ra thật nhỏ nhoi và xoàng xĩnh; và tôi tin rằng triết học đó phải được quy vào một trạng thái tồn tại trước, tính siêu phàm của nó sao mà quá xa vời với những quan niệm của chúng ta. Tôi đặt sách xuống và ra giếng lấy nước, và kìa, ở đó tôi gặp một người đầy tớ của Bramin, thầy tế của Brahma và Vishnu và Indra [512] còn

đang ngồi trong ngôi đền của mình ở sông Hằng [513], đọc kinh Vệ Đà, hay ngụ trong một gốc cây với vỏ bánh và vò nước của ông. Tôi gặp người đầy tớ đang lấy nước cho chủ và những gầu nước của chúng tôi va vào nhau trong cùng một cái giếng. Nước trong lành của Walden hòa trộn với nước thiêng của sông Hằng. Với những ngọn gió ân tình nó được đưa đi qua những hòn đảo huyền thoại của Đại Tây Châu [514] và Hesperide [515] theo hành trình của Hanno [516], và trôi bên các đảo Temate và Tidore [517] và cửa Vịnh Ba Tư, tan ra trong cơn gió mạnh nhiệt đới của các biển Ấn Độ, và đậu trên những bến cảng mà chỉ có Alexander [518] từng nghe tên.

Chương 17

Mùa Xuân

Việc mở những con đường lớn của những người thợ đục băng thường làm cho đầm tan băng sớm hơn, vì nước được gió khuấy động, ngay trong tiết đông, cũng làm mỏng đi lớp băng xung quanh. Nhưng điều này năm ấy không tác động lên Walden, vì nàng đã sớm có bộ quần áo mới dày dặn thay cho bộ cũ. Cái đầm này không bao giờ tan băng sớm như những đầm khác trong vùng này, vì nó vừa sâu hơn vừa không có dòng nước chảy qua làm tan hay làm mỏng băng. Tôi chưa bao giờ thấy nó tan băng trong mùa đông, ngoại trừ mùa đông năm 1852-1853, các đầm khác cũng phải chịu một thử thách thật khốc liệt. Thông thường nó tan băng vào mồng một tháng Tư, một tuần hay mười ngày sau các đầm Flint và Fair Haven, bắt đầu tan ở mạn phía bắc và ở những chỗ nông hơn, nơi nó bắt đầu đóng băng đầu tiên. Nó báo tốt hơn mọi nguồn nước khác ở quanh đây sự tiến triển tuyệt đối của mùa, bị tác động ít nhất của những đợt thay đổi nhiệt độ ngắn. Một đợt cực lạnh kéo dài vài ngày trong tháng Năm đã làm chậm đi rất nhiều sự tan băng của các đầm cũ, trong khi nhiệt độ của Walden tăng lên hầu như liên tục. Một nhiệt kế đặt giữa đầm Walden ngày 6 tháng Ba, 1847, chỉ 32°F tức điểm băng [519] ; gần bờ là 33°; ở giữa đầm Flints trong cùng ngày là 32/2°; cách bờ một chục rod trong vùng nước nông, dưới băng dày một foot, 36°. Giữa chỗ nước sâu và nông ở đầm này nhiệt độ chênh lệch ba độ rưỡi, và do

một tỉ lệ lớn diện tích là tương đối nông, ta hiểu tại sao nó tan băng sớm hơn đầm Walden nhiều. Băng ở phần nông nhất lúc đó mỏng hơn ở giữa đầm đến mấy inch. Vào giữa mùa đông ở giữa đầm là ấm nhất và băng mỏng nhất. Như vậy, những người lội bên bờ một cái đầm vào mùa hè phải cảm thấy nước gần bờ, nơi chỉ sâu ba hoặc bốn inch, ấm hơn ở ngoài xa một chút như thế nào, và ở chỗ sâu, nước ở trên mặt ấm hơn ở gần đáy. Vào mùa xuân mặt trời không chỉ ảnh hưởng qua việc tăng nhiệt độ không khí và đất, mà sức nóng của nó còn xuyên qua lớp băng dày một foot hoặc hơn, và được phản chiếu từ đáy ở vùng nước nông và như vậy cũng làm nước ấm lên và tan chảy mặt dưới của băng, đồng thời nó làm tan chảy mặt băng phía trên, làm cho khối băng không đều, tạo ra những bọt khí bên trong, phình ra phía trên và phía dưới thành hình tổ ong, và cuối cùng đột ngột biến mất trong một cơn mưa xuân duy nhất. Băng cũng có thớ như gỗ, và khi một bánh bắt đầu tan ra, hoặc thành dạng tổ ong, dù ở vị trí nào, những lỗ khí đều thẳng góc với mặt nước trước đây. Nơi nào có một tảng đá hay một thân cây trồi lên gần bề mặt thì băng bên trên nó mỏng hơn nhiều, và nó thường bị tan hoàn toàn bởi thứ nhiệt phản xạ này; và người ta đã nói với tôi rằng trong thí nghiệm ở Cambridge cho nước đóng băng trong một cái bồn nông bằng gỗ, mặc dù có không khí lạnh lưu thông bên dưới, và như vậy có tiếp xúc cả hai mặt, lượng nhiệt từ phản xạ của ánh mặt trời từ dưới đáy vẫn nhiều hơn lượng làm lạnh này. Khi một cơn mưa ấm vào giữa mùa đông làm tan chảy băng tuyết trên đầm Walden, và để lại một lớp băng tối sẫm hay trong suốt ở giữa, vẫn còn một dải băng trắng gần bờ dù dày hơn đã tan ra, rộng một rod hoặc hơn, do tác động của

nhiệt phản xạ. Như tôi đã nói những bọt khí trong băng cũng có tác dụng như một kính lúp lấy lửa [520] làm tan băng bên dưới.

Hiện tượng này của năm diễn ra hằng ngày trong một cái đầm nhỏ. Vào buổi sáng thường thì nước ở chỗ nông ấm lên nhanh hơn ở chỗ sâu, mặc dù cũng không thật ấm lắm, và buổi tối nó được làm lạnh nhanh hơn cho đến sáng hôm sau. Ngày là sự thu nhỏ của năm. Đêm là mùa đông, buổi sang và buổi tối là mùa xuân và mùa thu, và buổi trưa là mùa hè. Sự nứt vỡ và tiếng âm vang của băng báo hiệu sự thay đổi của nhiệt độ. Một buổi sáng dễ chịu sau một đêm lạnh, ngày 24, tháng Hai, 1850, khi đến đầm Flint để qua ngày ở đó, tôi ngạc nhiên thấy rằng khi tôi bổ băng bằng chiếc rìu của tôi nó vang lên như tiếng cồng cách đó mấy mét, hay như thể tôi đã đánh lên mặt một chiếc trống căng. Băng bắt đầu kêu âm vang khoảng một giờ sau khi mặt trời mọc, khi nó cảm thấy ảnh hưởng của những tia mặt trời từ trên những đỉnh đồi chiếu xiên lên nó, nó duỗi mình và ngáp như một người vừa thức dậy với cái chộn rộn cứ tăng lên, kéo dài ba bốn giờ liền. Tôi ngủ một giấc trưa ngắn, và tiếng âm vang lại tiếp tục cho đến đêm, sau khi mặt trời lặn. Trong thời tiết thích hợp, đầm bắn phát súng buổi tối của nó rất đều đặn. Nhưng vào giữa ngày, đầy những tiếng răng rắc, và không khí cũng kém đàn hồi hơn, nó mất hoàn toàn tiếng vang, và có lẽ khi đó nó không thể làm lũ cá và chuột nước choáng váng. Những người câu cá nói rằng "tiếng sấm của đầm" làm lũ cá hoảng sợ và chúng không đớp mồi. Đầm không phải tối nào cũng có sấm, và tôi không biết chắc khi nào thì có, nhưng dù tôi không nhận ra một thay đổi nào trong thời tiết, nó vẫn có. Ai có thể ngờ rằng một vật vừa to, vừa lạnh lùng, vừa dày da mặt lại có

thể nhạy cảm như thế? Tuy nhiên nó có luật của nó mà sấm sét phải phục tùng, cũng chắc chắn như mùa xuân thì chồi lộc bật lên. Toàn bộ mặt đất sống động và được bao phủ bằng những núm vú nhạy cảm. Cái đầm lớn nhất nhạy với những thay đổi trong không khí như giọt nhỏ thủy ngân trong ống nghiệm.

Một điều hấp dẫn tôi đến sống trong rừng là tôi sẽ có thời giờ nhàn rỗi và có dịp ngắm mùa xuân đến. Băng trong đầm cuối cùng bắt đầu hình thành dạng tổ ong, và tôi có thể đặt gót chân lên đó khi bước đi. Những đợt sương mù, những trận mưa rào và ánh mặt trời ấm áp dần dần làm tan tuyết, ngày đã hơi dài hơn, và tôi thấy tôi sẽ qua mùa đông mà không cần bổ sung thêm củi, vì không cần đốt những đống lửa to nữa. Tôi lắng nghe những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân, nghe tiếng hót tình cờ của một con chim bay đến, hay tiếng chít chít của con sóc vằn, vì kho của nó chắc đã gần cạn, hay nhìn con chuột nước liều ra khỏi chỗ trú đông của nó. Ngày 13 tháng Ba, khi tôi đã nghe con sơn ca, con li tước, và con chim hét cánh đỏ hót, băng vẫn còn dày gần một foot. Khi thời tiết trở nên ấm hơn, nó vẫn chưa bị nước bào mòn đáng kể, cũng không vỡ ra và trôi như trên sông, mặc dù nó đã tan hoàn toàn một dải rộng khoảng nửa rod cạnh bờ, giữa đầm mới chỉ thành dạng tổ ong và bão hoà nước, do đó ta vẫn có thể đặt chân lên khi nó còn dày sáu inch, nhưng tối hôm sau, có lẽ sau một trận mưa ấm rồi sương mù, nó biến mất hoàn toàn, tất cả đi theo cùng sương mù, bay đi mất. Một năm tôi chỉ đi qua giữa đầm năm ngày trước khi băng biến mất hoàn toàn.

Năm 1845 ngày đầu tiên Walden tan băng hoàn toàn là 1 tháng Tư; năm 1846 là 25 tháng Ba; năm 1847 là 8 tháng Tư;

năm 1851: 28 tháng Ba; 1852:18 tháng Tư; 1853: 23 tháng Ba; năm 1854 khoảng 7 tháng Tư.

Mỗi sự kiện gắn với lần tan băng của các sông ngòi hay ao đầm và sự êm lắng của thời tiết đặc biệt thú vị đối với chúng tôi, những người sống trong một khí hậu cực là khắc nghiệt. Khi những ngày ấm hơn đến, những người sống gần sông ban đêm nghe băng kêu răng rắc và tiếng kêu to giật mình như tiếng một khẩu pháo, như thể những gông cùm bằng băng bị xé suốt từ đầu này đến đầu kia, và sau vài ngày nó nhanh chóng biến mất. Cá sấu chui ra khỏi bùn cũng làm mặt đất rung lên như vậy. Có một ông già, vốn là người quan sát tường tận Thiên nhiên, và hiểu biết thấu đáo mọi động thái của nàng, dường như khi còn là một cậu bé đã nhìn thấy nàng như một con tàu đang được đóng, và đã giúp hạ thủy nàng - khi đến tuổi trưởng thành ông đã hiểu biết nhiều đến nỗi dù có sống lâu như Methuselah [521] cũng không thể có được nhiều tri thức tự nhiên hơn. Ông kể với tôi (và tôi ngạc nhiên nghe ông bày tỏ cảm giác lạ lùng trước bất kì động thái nào của Thiên nhiên, vì tôi nghĩ giữa ông và nàng đã không còn bí mật gì nữa), rằng một ngày xuân ông xách súng và lên thuyền, nghĩ rằng sẽ được tiêu khiển một chút với lũ vịt trời. Trên đồng cỏ vẫn còn băng, nhưng trên sông băng đã tan hết, và ông xuôi thuyền từ Sudbury nơi ông sống xuống đến đầm Fair-Haven không gặp trở ngại gì, nhưng thật bất ngờ, ông thấy đầm này bị bao phủ phần lớn bởi một mảng băng cứng. Hôm ấy trời ấm, và ông ngạc nhiên thấy một khối lượng băng lớn vẫn còn đó. Không thấy con vịt nào, ông hướng mũi thuyền về phía bắc, sau một hòn đảo trong đầm, và ở đó, nấp trong những bụi cây phía nam để đợi chúng. Băng đã tan ba bốn rod

từ bờ, và ở đó có một dải nước êm và ấm, với một đáy bùn, là chỗ lũ vịt thích, nên ông nghĩ chắc chẳng bao lâu sẽ có một vài con xuất hiện. Sau khoảng một giờ nằm im ở đó ông nghe thấy một âm thanh trầm dường như từ rất xa nhưng rất uy nghiêm và ấn tượng, không giống bất kì âm thanh nào mà ông đã từng nghe, cứ tăng lên dần như thể sẽ có một kết thúc lạ thường, một tiếng rống rền và rầu rí, đột nhiên ông có cảm tưởng như tiếng kêu của một đàn chim đông đảo đang bay đến, và, nâng súng lên, sẵn sàng bắn trong trạng thái hấp tấp và kích động; nhưng, thật kinh ngạc, ông thấy cả một khối băng lớn đã bắt đầu di chuyển trong khi ông nằm ở đấy, đang lừ lừ trôi vào bờ, và âm thanh mà ông nghe thấy chính là tiếng băng cọ vào bờ ken két, lúc đầu bị vỡ nhẹ từng chút một, rồi vở nát ra, cuối cùng trào lên đến một độ cao đáng kể và những mảnh vụn của nó tung tản mác dọc theo đảo, trước khi chịu lặng đi hoàn toàn.

Cuối cùng những tia mặt trời đã đạt được góc chiếu thích hợp, và những luồng gió ấm mang theo sương mù và mưa và làm tan những dải băng tuyết, rồi mặt trời xua tan màn sương, tươi vui chiếu rọi trên phong cảnh đang nghi ngút những làn khói nâu nhạt và trắng với mùi hương dễ chịu, trong đó người du khách cất bước đi từ gò đất này sang gò khác, tai vui nghe hàng ngàn dòng suối nhỏ và ngòi lạch róc rách, những mạch chứa đầy dòng máu mùa đông mà chúng đang cuốn trôi đi.

Ít có hiện tượng nào khiến tôi vui thích hơn khi ngắm nhìn những hình dạng của cát và đất sét đang tan băng chảy xuống những triền dốc của "Vết Cắt Sâu" (*Deep Cut*) trên tuyến đường sắt mà tôi phải đi qua để vào làng, một hiện tượng không thường thấy ở một quy mô lớn như thế này, mặc dù số lượng dải

vật liệu thích hợp mới lộ ra chắc đã phải tăng lên nhiều từ khi xuất hiện đường sắt. Vật liệu này là cát ở mọi độ tinh và mọi màu sắc, thường trộn lẫn một ít đất sét. Khi băng giá đã tan trong mùa xuân, và thậm chí trong một ngày tan băng của mùa đông, cát bắt đầu chảy xuống các triền dốc giống như dung nham, đôi khi bùng lên qua tuyết và tràn lên nó ở chỗ mà trước đây chưa thấy có cát. Vô số những dòng chảy nhỏ lấn lên nhau và xoắn lại, bày ra một thứ sản phẩm lai tạp, chúng nửa tuân theo quy luật về dòng chảy, nửa tuân theo quy luật thực vật. Khi chảy nó có dạng những lá cây có nhựa, hay dây leo, tạo thành rất nhiều cành nhỏ mềm dày một foot hay hơn, và khi ta nhìn từ trên xuống chúng giống như những tán của một loài địa y, nhiều lớp xếp đè lên nhau; hoặc nhắc ta nghĩ tới san hô, chân báo hoặc chân chim, tới não hoặc ruột hoặc phổi, và phân cứt đủ mọi loại. Nó thật sự là một loài thực vật biến dạng (*grotesque*), mà hình dáng và màu sắc của nó, chúng ta thấy được mô phỏng trong đồng thau, một loại hoa lá trang trí kiến trúc, cổ hơn và điển hình hơn cây ôrô, rau diếp xoăn, dây thường xuân, nho, hoặc bất cứ thứ lá cây nào, có lẽ được trù tính để, trong những hoàn cảnh nhất định, trở thành câu đố cho các nhà địa chất tương lai. Toàn bộ gây ấn tượng cho tôi như thể chúng là một hang động có những thạch nhũ nằm phơi ra ánh sáng. Những sắc thái của cát phong phú và hòa hợp khác thường, bao gồm nhiều màu sắc khác nhau, nâu, xám, vàng nhạt, và hung đỏ. Khi luồng chảy tới cống rãnh dưới chân bờ, nó tỏa ra dẹt hơn thành những dải, những dòng chảy riêng rẽ mất đi dạng bán trụ của chúng và dần dần trở nên dẹt hơn và rộng hơn, chập vào nhau, trở nên ẩm hơn, cho đến khi chúng hình thành một lớp cát dẹt,

vẫn còn những sắc thái đa dạng đẹp đẽ, nhưng trong chúng, ta đã có thể thấy lại những dạng thực vật ban đầu; cuối cùng, ở trong nước, chúng biến thành những bờ cát, giống như những bờ hình thành ở cửa sông, và những dáng hình thực vật mất đi trong những dấu sóng gợn trên đáy.

Toàn bộ bờ, cao từ hai mươi đến bốn mươi *foot*, đôi khi sau một ngày xuân, có hình tán lá do cát chảy tạo nên trên suốt một phần tư dặm, ở một hay cả hai bên. Điều ấn tượng nhất của cái hình lá bằng cát này là sự xuất hiện đột ngột của nó. Khi tôi nhìn một bên là mặt bờ trơ trọi, vì mặt trời lúc đầu chiếu trên một mặt - và mặt kia là hình tán lá tráng lệ, sáng tạo của một giờ, tôi cảm thấy xúc động, một cảm giác kì diệu như thể tôi đứng trong phòng thí nghiệm của người Nghệ sĩ đã tạo ra thế giới và bản thân tôi - nơi người vẫn còn đang vui vẻ làm việc trên bờ này, và với năng lượng vượt trội của người, trải những bản phác thảo mới mẻ của người ra khắp nơi. Tôi có cảm giác như tôi đến gần hơn với những phủ tạng của địa cầu, vì sự chảy tràn cát này dưới hình một tán lá giống như nội tạng của thân thể động vật. Ta tìm thấy trong cát một sự báo trước hình dạng lá cây. Chẳng đáng ngạc nhiên khi trái đất tự thể hiện mình ra ngoài bằng những lá cây, mà nó đã ấp ủ sâu kín bên trong. Những nguyên tử đã biết và đã được hoài thai bởi quy luật này. Cái lá trên cây thấy ở đây nguyên mẫu của mình. Bên trong, dù là trong địa cầu hay trong thân thể động vật, nó là thùy dày và ẩm ướt, một từ đặc biệt thích hợp để mô tả gan, phổi và những lá mỡ (*êẽáîâù*, *labor*, *lapsus*, - chảy hoặc trượt xuống, sa ngã; *ẻỉấiò*, *globus*, thùy, địa cầu; cũng như lap, flap, và nhiều từ khác) [522]; Bên ngoài, một lá khô mỏng, thậm chí như f và v là chữ b bị

phơi khô và ép mỏng. Gốc của *lobe* là *lb*, khối lượng mềm của b (một thùy, hay **B**, hai thùy) với chữ l lỏng đằng sau nó đẩy nó lên trước. Trong từ *globe* (địa cầu), glb, chúng ta có chữ g trong *guttural*, yết hầu, tăng cường ý nghĩa cho sức chứa của thanh quản. Lông vũ và cánh của chim còn khô hơn và mỏng hơn lá. Cũng như chuyển từ con nhộng ục ịch thành con bướm nhẹ nhàng bay bổng. Bản thân địa cầu liên tục tự chuyển mình và chuyển hóa, và bay lên trên quỹ đao của nó. Thậm chí, băng bắt đầu từ những lá pha lê thanh nhã, dường như đã chảy thành những dáng lá của loài cây thủy sinh in hình trên chiếc gương của đầm. Toàn bộ cây thực chất chỉ là chiếc lá, và những dòng sông là đường gân trên những chiếc lá rộng mênh mông, thịt của chúng là những châu thổ, những thị trấn thành phố là trứng sâu trên lá.

Khi mặt trời lặn, cát thôi chảy, nhưng buổi sáng các dòng sẽ lại bắt đầu ngay và chảy loang ra, phân nhánh thành vô vàn dòng nhỏ. Ở đây bạn có thể thấy các mạch máu hình thành như thế nào. Nếu nhìn kĩ bạn sẽ thấy từ vô số dòng cát mềm tan băng tràn lên phía trước, với một điểm giống giọt nước, giống như đầu ngón tay, chậm chạp dò dẫm bò xuống, cuối cùng khi mặt trời lên cao, nhiệt độ và hơi ẩm tăng lên, phần lỏng nhất tuân theo định luật mà những vật chất trơ ì nhất cũng phải tuân theo, tách ra khỏi phần còn lại, rạch cho mình một cái rãnh hay mạch ngoằn ngoèo, trong đó ta thấy một dòng nhỏ trắng bạc, lóe lên như ánh chớp và thỉnh thoảng biến mất trong cát. Thật tuyệt vời, dòng cát này tự tổ chức bản thân nó khi chảy mới nhanh chóng và hoàn hảo làm sao, nó sử dụng thành phần tốt nhất của nó tạo thành những mép sắc của dòng chảy. Những

dòng chảy như thế này là nguồn của những con sông. Trong thành phần silicat lắng trong nước có lẽ là bộ xương, còn trong lớp đất mịn hơn và thành phần hữu cơ là những thớ cơ, hay những mảng tế bào. Con người là gì nếu không phải khối đất sét [523] đang tan băng? Đốt ngón tay của con người chỉ là một giọt nước đóng băng. Những ngón tay ngón chân là những dòng chảy từ thân thể đang rã đông. Ai biết được trong một thiên đường ấm áp hơn, thân thể con người còn nở nang và tan chảy ra như thế nào? Bàn tay ta chẳng phải là tàu lá cọ xòe ra với những đường gân và thớ thịt của nó đó sao? Hãy thử tưởng tượng tai là địa y *umbilicaria*[524], được gắn vào đầu, và dái tai cũng là giọt nước. Môi – *labium* [525], từ chữ labor (?) - trùm lên hai bên của hốc miệng. Mũi là biểu hiện của giọt nước đông hay thạch nhũ. Cái cằm là một giọt lớn hơn, nhỏ ra từ khuôn mặt. Hai má là sự trượt từ các lông mày xuống thung lũng của khuôn mặt, bị các xương gò má (lưỡng quyền) tẽ ra. Mỗi một thùy tròn đầy của lá cây là những giọt nước đầy đặn va đang đi lang thang, lớn hay nhỏ, chúng cũng là những ngón tay của lá, có bao nhiêu thùy thì chảy theo bấy nhiêu hướng, và khi trời nóng hơn hay trong không khí ấm áp hơn chúng sẽ chảy xa hơn.

Như vậy dường như một sườn đồi này minh họa cho cái nguyên tắc theo đó mọi sự vật diễn ra trong thiên nhiên. Người Sáng tạo ra Trái Đất chỉ lấy một bằng phát minh ra chiếc Lá. Champollion [526] sẽ giải mã chữ tượng hình này cho chúng ta như thế nào, để chúng ta cuối cùng có thể lật sang một lá [527] khác? Hiện tượng này khiến tôi hồ hởi hơn sự sum sê và tươi tốt của một vườn nho. Thật ra, trong nó có một cái gì đó nhắc đến phân, và những đống gan, ruột [528] bất tận, như thể trái đất lộn

ruột gan của mình ra ngoài, nhưng điều này cho thấy Thiên nhiên cũng có nội tạng của nó, có nghĩa Thiên nhiên chính là bà mẹ của loài người. Đây là sương giá toát ra từ đất, và mùa xuân bắt đầu. Nó báo trước mùa xuân xanh tươi hoa lá, như huyền thoại đi trước thơ ca nghiêm chỉnh. Không có gì tẩy sạch chứng đầy hơi khó tiêu của mùa đông hơn thế. Nó thuyết phục tôi rằng Trái Đất vẫn còn quấn trong tã lót và đang duỗi những ngón tay sơ sinh của nó ra mọi phía. Những món tóc xoăn dịu dàng đã phủ lên vầng trán khắc nghiệt nhất. Trong Thiên nhiên không có gì chết cứng. Những hoa văn hình lá nằm dọc theo bờ như xỉ than từ bếp lò, báo rằng Thiên nhiên đang hồi náo nhiệt nhất. Trái Đất không phải chỉ là một mẩu của lịch sử đã chết, lớp này đè lên lớp khác như những tờ giấy trong một cuốn sách, chủ yếu chỉ được các nhà địa chất và nhà khảo cổ nghiên cứu, mà là bài thơ sống động giống như những phiến lá của một cái cây, báo trước hoa và quả - không phải một trái đất hóa thạch, mà là trái đất sống; so với sự sống vĩ đại của nó tập trung ở tầng sâu, sự sống của toàn bộ thế giới động vật và thực vật chỉ như sống nhờ, kí sinh trên bề mặt. Chuyển động mãnh liệt của nó giằng giật những di hài của chúng ta ra khỏi mộ. Bạn có thể nấu chảy kim loại của bạn và đúc nó trong những khuôn đẹp nhất, chúng cũng không bao giờ làm tôi phấn khích như những hình dạng mà trái đất nóng chảy đúc thành. Không phải chỉ có nó, mà tất cả những gì đang hiện hữu trên nó, cũng đều dẻo như đất sét trong tay người thợ gốm.

Chẳng bao lâu nữa, và không phải chỉ trên bờ đầm này, mà trên tất cả mọi quả đồi và bình nguyên, trong các thung lũng, băng sẽ ra khỏi đất giống như những động vật ngủ đông ra khỏi

hang của chúng, và đi tìm biển có nhạc, hay di cư đến những xứ sở mới của chúng trên mây. Thaw (sự tan băng) với sức thuyết phục dịu êm của chàng còn mạnh hơn Thor [529] với cây búa của ông ta. Một đằng thì tan chảy, còn bên kia đập tan ra từng mảnh.

Khi đất đã phần nào lộ ra khỏi tuyết, và vài ngày ấm áp đã hong khô bề mặt của nó, thật thích thú khi so sánh những hồi ức thơ ấu dịu dàng với vẻ đẹp trang nghiêm của thảm thực vật tàn héo đã trụ được qua mùa đông. Cây thường xuân, goldenrod [530], cây mỏ cò [531], và những loài cỏ dại thanh nhã, tỏ ra thú vị hơn trong mùa hè, dường như vẻ đẹp của chúng đến lúc đó mới chín; thậm chí cỏ bông, cỏ đuôi mèo, *mullein* [532], *johnswort* [533], hardhack [534], cây râu dê, và những cây thân cứng khác, là kho thóc không cạn kiệt chiêu đãi những chú chim đến sớm nhất, những giống cỏ dại [535] xoàng xĩnh ấy, ít nhất cũng làm thành bộ tang phục của nàng Thiên nhiên góa bụa. Tôi đặc biệt bị cuốn hút bởi những ngọn lau sậy uốn cong giống như thành bó, mùa đông chúng nhắc ta nhớ tới mùa hè; đó là một trong những hình thức mà nghệ thuật thích tái hiện, và trong thế giới thực vật, chúng có cùng quan hệ với những kiểu dáng đã hình thanh trong trí óc con người cũng như ta nhìn thấy trong thiên văn học. Nó là một kiểu dáng mang phong cách cổ xưa, xưa hơn phong cách Hi Lạp hay Ai Cập. Nhiều hoa văn của Băng tuyết gọi lên một vẻ thanh nhã khôn tả và sự tinh tế mỏng manh. Chúng ta thường nghe người ta tả vị vua này là một kiểu bạo chúa thô lỗ và hung dữ; nhưng với vẻ thanh lịch của một người tình, chàng tô điểm cho mái tóc của Mùa hè.

Gần đến mùa xuân, những con sóc đỏ kéo đến nhà tôi, từng đôi một, ngay bên dưới chân tôi khi tôi ngồi đọc hoặc viết, cất tiếng cười quái đản và líu tíu liên hồi với những âm thanh ùng ục chưa từng nghe thấy bao giờ; và khi tôi giậm chân chúng chỉ càng líu tíu to hơn, như thể chuyển tất cả nỗi sợ hãi và tôn trọng vào trò nghịch điên của chúng, chống lại con người ngăn cản chúng. Không, chúng mày đừng ...*chiccari, chiccari*. Chúng hoàn toàn điếc với những lí lẽ của tôi, hoặc không nhận ra sức mạnh của chúng, và tuôn ra hàng tràng tiếng chửi rủa không gì ngăn lại được.

Con chim sẻ đầu tiên của mùa xuân! Năm mới bắt đầu bằng niềm hi vọng trẻ trung hơn bao giờ hết! Những tiếng líu lo yếu ớt trong trẻo của con chim xanh, con chim sẻ hót hay, con chim hét cánh đỏ, trên cánh đồng đã tan băng một phần và ẩm ướt nghe như tiếng bông tuyết rơi leng keng! Trong một thời gian như thế những lịch sử, niên đại, truyền thống và những mặc khải thành văn có nghĩa gì? Những dòng suối ca những bài tụng ca và hân hoan chào đón mùa xuân. Những con chim ưng vùng đầm lầy sải cánh bay là là trên đồng cỏ đang tìm sự sống trì trệ thức dậy. Trong những thung lũng nhỏ nghe thấy những âm thanh chìm của tuyết đang tan và băng rã trong các đầm. Cỏ cháy trên các sườn đồi giống như một đám lửa mùa xuân, - "*et primitus oritur herba imbribus primoribus evocata*" [536] - như thể trái đất gửi đi một chút nhiệt trong lòng nó để chào mặt trời trở lại; ngọn lửa không có màu vàng mà có màu xanh cây, biểu tượng của tuổi thanh xuân bất diệt [537], lá cỏ, giống như một dải ruybăng dài, chảy từ trảng cỏ vào mùa hè, tất nhiên bị băng giá chặn lại, nhưng chẳng bao lâu lại được đẩy đi, nhờ sức sống tươi

mới bên dưới đội lá cỏ khô năm ngoái nhô lên. Nó lớn lên đều đặn như dòng suối nhỏ rỉ ra từ lòng đất. Nó hầu như đồng nhất với dòng suối nhỏ kia, vì trong những ngày dài tháng Sáu, khi mọi dòng suối nhỏ đều cạn, những lá cỏ là những lòng suối, và từ năm này sang năm khác loài thảo mộc uống ở dòng suối vĩnh viễn xanh này, và người phát cỏ lấy nó làm thức ăn mùa đông cho gia súc. Như vậy cuộc sống của loài người chúng ta chỉ chết ở bộ rễ, nhưng vẫn vươn lá xanh của nó vào vĩnh cửu.

Walden đang tan băng nhanh chóng. Có một dòng kênh rộng hai rod dọc các bờ bắc và tây, và rộng hơn ở đoạn cuối phía đông. Một diện tích băng rộng lớn đã nứt ra khỏi mảng chính. Tôi nghe một tiếng hót, con chim sẻ đang hót trong một bụi cây trên bờ - *olit, olit, olit, chip, chip, chip, che char, che wiss, wiss, wiss*. Cả nó cũng đang giúp cho băng tan. Những đường cong uốn lượn ở mép băng mới đẹp làm sao, như đáp lại những đường cong trên bờ, nhưng cân đối hơn. Nó cứng một cách bất thường, do đợt lạnh ngắn nhưng khắc nghiệt gần đây, và tất cả những gì trước đây là nước và sóng trông như nền một lâu đài. Nhưng gió trườn về hướng đông trên bề mặt mờ tối của nó một cách vô ích, cho đến khi nó chạm tới bề mặt sống động phía xa. Thật thú vị khi nhìn dải ruybăng của nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, gương mặt lồ lộ của đầm trẻ trung và tươi vui, như thể nó nói hộ niềm vui của đàn cá trong lòng nó, và của cát trên bờ của nó - một ánh bạc rực rỡ như lóe lên từ vẩy của con cá *leuciscus*, giống như toàn cảnh là một con cá khổng lồ hiếu động. Đó là sự tương phản giữa mùa đông và mùa xuân. Walden đã chết đi và đã sống lại [538]. Nhưng mùa xuân này nó tan băng đều đặn hơn, như tôi đã nói.

Cuộc chuyển từ mùa đông mưa bão sang tiết trời trong sáng êm dịu, từ những giờ tối tăm uể oải sang những giờ sáng sủa và lanh lẹn là sự kiện quan trọng mà mọi vật vội vàng loan báo. Nó dường như diễn ra ngay lập tức. Ánh sáng đột ngột tràn vào nhà tôi, mặc dù trời đã gần tối, những đám mây vẫn lơ lửng trên cao, và mái hiên đang nhỏ những giọt mưa tuyết. Tôi nhìn ra cửa sổ, và kìa! Nơi hôm qua còn là băng xám lạnh thì bây giờ là mặt đầm trong sáng, êm lặng và đầy hi vọng như trong một buổi tối mùa hè, phản chiếu bầu trời buổi tối hè trên mặt nó, mặc dù phía trước còn chưa thấy rõ gì, như thể nó có liên lạc tin tức với một chân trời xa xăm. Tôi đã nghe thấy tiếng một con chim cổ đỏ từ xa, con đầu tiên tôi nghe thấy tưởng chừng qua cả ngàn năm nay, và tôi nghĩ giọng của nó tôi sẽ nhớ đến cả ngàn năm nữa - cũng tiếng hót mạnh mẽ ngọt ngào như trong quá khứ. Ôi con chim cổ đỏ buổi tối, vào cuối một ngày mùa hạ New England! Nếu tôi có thể tìm thấy cành cây nào nó đang đậu! Tôi nói nó, tôi nói cành cây. ít nhất đây không phải là *Turdus migratorius* [539]. Những cây thông lấy nhựa và những bụi sồi xung quanh nhà tôi, vốn ủ rũ từ lâu, bỗng nhiên lấy lại được nhiều tính cách của chúng, trông sáng sủa hơn, xanh hơn, đứng thẳng lên và đầy sức sống, như thể đã được mưa tẩy rửa và hồi sinh. Tôi biết rằng sẽ không còn mưa nữa. Chỉ cần nhìn bất cứ cành cây nào trong rừng, hay nhìn ngay đống gỗ nhà tôi, là biết mùa đông đã đi qua hay chưa. Khi trời tối hơn, tôi giật mình vì tiếng ngỗng trời bay thấp trên cây, giống như những khách bộ hành mệt mỏi từ những hồ miền nam đến muộn, và cuối cùng tự cho phép không ngừng tuôn ra những lời ca thán và an ủi lẫn nhau. Đứng trong nhà, tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh hối hả của

chúng, khi bay về phía nhà tôi, chúng bỗng phát hiện ra ánh sáng của tôi, và tắt đi những tiếng ầm ĩ, chúng quay vòng bay ra đậu trên đầm. Thế là tôi đi vào, đóng cửa, và qua đêm xuân đầu tiên trong rừng.

Buổi sáng từ trong cửa qua màn sương, tôi nhìn đàn ngỗng này bơi ờ giữa hồ, cách năm mươi *rod*, rộng rãi và hỗn độn đến mức Walden thành ra giống như một cái đầm nhân tạo để chúng vui chơi. Nhưng khi tôi ra đứng bên bờ đầm, chúng vội bay lên với tiếng đập cánh dữ dội theo hiệu lệnh của con đầu đàn, và chúng bay thành đội ngũ lượn tròn trên đầu tôi, hai mươi chín con tất cả, rồi thẳng hướng sang Canada, với tiếng quạc quạc cách quãng đều đều của con đầu đàn, tin tưởng sẽ có bữa ăn sáng ở những vũng nước nhiều bùn hơn. Một bầy vịt trời đồng loạt bay lên nhằm hướng bắc theo những anh em họ lắm mồm của chúng.

Trong một tuần liền vào những buổi sáng sương mù, tôi nghe tiếng một con ngỗng cô độc lượn vòng kêu lanh lảnh chói tai đi tìm bạn; và làm vang động cả khu rừng với những tiếng kêu mà rừng không chịu nổi. Tháng Tư lại thấy những con bồ câu bay nhanh theo từng tốp nhỏ; vào những thời gian thích hợp tôi nghe tiếng chim nhạn ríu rít trong khoảng rừng thưa, mặc dù hình như thị trấn không có nhiều đến mức tôi có thể kiếm được một con, và tôi tưởng tượng rằng chúng đặc biệt thuộc giống cổ xưa sống trong những hốc cây trước khi con người đến. Hầu như trong mọi miền, rùa và ếch nhái là những kẻ đến trước và là sứ giả đưa tin về mùa xuân, chim với tiếng hót và bộ lông rực sáng bay đến, cây cối nảy mầm và ra hoa, gió

thổi, để điều chỉnh dao động nhẹ của các cực và duy trì trạng thái cân bằng của tự nhiên.

Vì bất cứ mùa nào cũng là tốt nhất cho chúng ta khi nó đến, sự xuất hiện của mùa xuân giống như sự Sáng tạo ra Vũ trụ từ cõi Hỗn mang và sự thực hiện Thời đại Hoàng kim [540].

"Eurus ad Auroram Nabathaeaque regna recessit,

Persidaque, et radiisjuga subdita matutinis".

"Gió Đông rút tới Rạng đông và vương quốc Nabathean[541],

Và Batư, và những đỉnh núi dưới những tia mặt trời buổi sáng".

.....

Con người ra đời. Ai sinh ra người?

Phải chăng Đấng sáng tạo muôn loài, - nguồn gốc của một thế giới tốt đẹp hơn - đã tạo ra người từ những hạt giống thần thánh? Hay trái đất, vừa mới bị tách ra khỏi ête trên cao, vẫn còn giữ được những hạt giống của bầu trời thân thích?... [542]

Chỉ một trận mưa êm cũng đem đến cho cỏ nhiều sắc xanh tươi. Cũng như niềm hi vọng của chúng ta hồi sinh từ mỗi ý nghĩ tốt đẹp. Sung sướng thay những ai luôn sống trong hiện tại, tận dụng mọi thuận lợi trong những sự cố xảy đến với mình, giống như ngọn cỏ hân hoan với giọt sương mong manh nhất treo trên nó, chẳng mất thời giờ nuối tiếc vì bỏ lỡ những cơ hội, mà chúng ta gọi là thực hiện nghĩa vụ. Chúng ta cứ quanh quẩn với mùa đông, khi ngoài kia đã là mùa xuân. Trong một sáng xuân dễ chịu, mọi tội lỗi của con người đều được tha thứ. Trong những ngày như thế không có chỗ cho cái ác. Và trong lúc mặt trời không chiếu, tên tội đồ ghê tởm nhất sẽ quay trở lại [543]. Qua sự vô tội mới tìm lại được của chúng ta, chúng ta nhận ra

sự vô tội của người hàng xóm. Hôm qua bạn còn nghĩ người hàng xóm là một kẻ cắp, một tên nghiện rượu, một kẻ trụy lạc, bạn thương hại hay khinh miệt hắn và thất vọng về cuộc đời, nhưng trong buổi sáng xuân đầu tiên này mặt trời soi sáng và sưởi ấm, tái tạo thế giới, và bạn bắt gặp người hàng xóm trong một công việc hiền hòa, và nhìn những mạch máu kiệt quệ vì trác táng của hắn nở ra như thế nào trong niềm vui thầm lặng và cảm tạ ngày mới, cảm thấy ảnh hưởng của mùa xuân đối với sự vô tội của tuổi thơ, thế là bạn quên hết mọi tội lỗi của hắn. Ở hắn không chỉ có thiện ý, mà còn cả một vẻ thánh thiện đang tìm cách hiển lộ, có lẽ còn đang mò mẫm uổng công, giống như một bản năng mới sinh, và trong một giờ ngắn ngủi sườn đồi phía nam không vọng lại một câu đùa thô tục. Bạn thấy từ lớp vỏ cây sần sùi sắp sửa bật ra những cành non xinh đẹp vô tội, khao khát sống một cuộc đời khác, dịu êm và tươi mới như cái cây trẻ trung nhất. Thậm chí hắn "đi vào hưởng niềm vui của chủ hắn” [544]. Tại sao viên cai ngục không để mở những cánh cửa nhà tù của y, tại sao quan toà không bãi phiên tòa của ông ta, tại sao nhà thuyết giáo không giải tán giáo đoàn của ông ta? Ấy là bởi vì họ không tuân theo lời gợi ý nhẹ nhàng của Chúa, cũng không nhận sự tha tội mà Người rộng lòng ban cho tất cả mọi người.

"Khát vọng điều thiện sinh ra mỗi ngày trong hơi thở êm lặng và tốt lành của buổi sáng, buộc con người yêu mến đức hạnh và căm ghét cái ác, đưa người ta về gần hơn một chút với bản tính nguyên thủy của con người, như những chồi non bật lên từ những thân cây đã bị đốn hạ. Ngược lại, cái ác mà người ta làm trong ngày ngăn không cho phát triển những phôi thai

của đức hạnh vừa mới bắt đầu nhú lên trở lại, và tiêu diệt chúng.

Sau khi những mầm mống của đức hạnh nhiều lần bị ngăn không cho phát triển như thế, thì khí lực của buổi tối không còn đủ để gìn giữ chúng. Chừng nào mà khí lực của buổi tối không đủ để gìn giữ chúng nữa, thì bản chất con người không khác nhiều với bản chất của thú vật. Người ta thấy bản chất của người này giống bản chất của thú vật, thì nghĩ y chưa bao giờ có cái khả năng thiên bẩm của lí trí. Vậy chúng có phải những tình cảm thật và tự nhiên của con người không?" [545].

"Thời Hoàng kim thuở mới ra đời, trong thiên hạ không có kẻ báo thù.

Lòng trung thành và chính trực được tôn vinh đều tự nguyện không cần đến luật pháp.

Không có trừng phạt và sợ hãi; cũng không có cả những lời hăm dọa

lơ lửng trên đầu, không có đám đông sợ hãi van xin

những lời phán của quan toà. Nhưng được an toàn không bị trả thù.

Cây thông đổ trên núi chưa bị rơi xuống nước để có thể thấy một thế giới khác.

Và mọi sinh linh không biết đến bến bờ nào khác ngoài bến bờ của quê hương mình.

******

Có một mùa xuân vĩnh cửu với làn gió nhẹ mang hơi ấm,

Trìu mến vuốt ve những bông hoa không sinh ra từ hạt giống nào" [546].

Ngày 29 tháng Tư khi đang câu cá bên bờ một con sông gần cầu Nine-Acre-Corner, đứng trên cỏ bên những gốc liễu, nơi những con chuột nước ẩn núp, tôi nghe thấy một tiếng vù vù kì lạ, gần như tiếng những cái gậy mà bọn trẻ con nghịch trên tay, khi nhìn lên tôi thấy một con diều hâu thon thả và thanh nhã, giống như một con cú muỗi, hết lần này đến lần khác lúc thì bay vọt lên như những đợt sóng, lúc thì bổ nhào xuống một hai sải, mảng lông dưới cánh phô ra như những dài ruybăng sa tanh lấp lánh trong nắng, hay giống như những hạt ngọc trai trong vỏ. Hình ảnh ấy gợi tôi nhớ đến thuật huấn luyện chim mồi, và vẻ cao sang và chất thơ gắn với thú chơi này. Hình như tên gọi của nó là Merlin: nhưng tôi không quan tâm tên nó là gì. Đây là một đường bay phi phàm nhất mà tôi từng chứng kiến. Nó không đơn giản vẫy cánh như bướm, không vọt lên như những con diều hâu lớn, mà vui chơi một cách đầy kiêu hãnh và tự tin trong môi trường không khí, nhiều lần nâng mình lên với tiếng kêu cục cục đặc biệt của nó, nhiều lần buông mình rơi tự do rất đẹp, lật đi lật lại như một cánh diều, rồi lấy lại tư thế sau một cú bổ nhào ngoạn mục, như thể nó chưa bao giờ đặt chân lên terra firma. Hóa ra nó không có bạn trong thế giới này - nó chơi một mình ở đó - và không cần gì ngoài buổi sáng và ête mà nó đang chơi với. Nó không cô đơn, mà làm cả trái đất cô đơn bên dưới nó. Mẹ đã ấp ra nó ở đâu, họ hàng thân thích của nó ở đâu, cha của nó ở chỗ nào trên trời? Là chủ của không khí, dường như nó chỉ liên quan với đất bởi một quả trứng được ấp trong một khe núi, hay cái tổ nơi nó chào đời được xây trong một đám mây, được bện bằng những đồ trang sức sặc sỡ của cầu vồng và bầu

trời hoàng hôn, và được nhồi đầy sương mù từ dưới đất bốc lên trong một ngày hè êm dịu?

Ngoài ra hôm ấy tôi còn câu được một mớ những con cá hiếm hoi màu vàng, bạc, và đồng sáng chói, trông như một chuỗi ngọc. Chà! Đã bao lần trong buổi sáng đầu tiên của mùa xuân tôi đi sâu vào những đồng cỏ ấy, nhảy từ gò này sang gò kia, từ gốc liễu này sang gốc liễu khác, khi thung lũng của dòng sông hoang dã và những cánh rừng được tắm gội trong ánh sáng tinh khiết và rực rỡ đến mức tưởng như đã đánh thức cả những người đã chết nếu họ còn đang ngủ trong mồ. Chẳng còn bằng chứng nào mạnh hơn về Bất tử. Mọi vật phải được sống trong một ánh sáng như thế. Này hỡi Thần Chết, nọc độc của ngươi đâu? Hỡi Địa Ngục, chiến thắng của ngươi đâu? [547].

Cuộc sống trong thành phố của chúng ta sẽ trở nên tù đọng nếu không có những khu rừng và những đồng cỏ hoang bao quanh nó. Chúng ta cần thiên nhiên hoang dã như thuốc bổ tinh thần - đôi khi cần lội qua những đầm lầy nơi những con vạc và những con sâm cầm, gà nước lẩn núp, nghe tiếng trầm sâu của con chim dẽ giun, ngửi mùi lau lách xì xào nơi chỉ có con chim hoang dại và cô đơn hơn xây tổ, và con chồn vizon bò ép bụng sát đất. Cùng lúc chúng ta hăm hở khám phá và học hỏi mọi điều, chúng ta lại đòi hỏi mọi vật phải huyền bí và không thể khám phá, rằng đất và biển phải vô cùng hoang dã, chưa được chúng ta thăm dò khảo sát, vì chúng là thăm thẳm khôn dò. Với chúng ta Thiên nhiên không bao giờ đủ. Chúng ta phải lấy lại sinh khí khi nhìn những cảnh tượng mênh mông vô tận và hùng vĩ phi thường của nó, bờ biển với những xác tàu đắm, những bụi cây hoang dã với những cây sống và những thân cây

mục nát, đám mây dông, trận mưa kéo dài ba tuần lễ và gây nên lũ lụt. Chúng ta cần phải chứng kiến những giới hạn của chúng ta bị vượt qua, và một cuộc sống phồn thịnh nơi chúng ta chưa bao giờ lai vãng tới. Chúng ta thích thú nhìn con kền kền ăn cái xác thối rữa làm chúng ta ghê tởm, và thấy nó lấy lại được sức khỏe và sức mạnh từ bữa tiệc này. Trong thung lũng trên đường tới nhà tôi có một xác ngựa chết, buộc tôi đôi khi phải đi vòng tránh đi, đặc biệt trong đêm khi không khí nặng nề, nhưng nó cho tôi thấy sự thèm khát mãnh liệt và sức khỏe bất khả xâm phạm của Thiên nhiên, và điều đó an ủi tôi. Tôi thích nhìn Thiên nhiên tràn ngập sự sống đến mức có thể hi sinh vô số sinh mệnh để làm mồi cho nhau, những cơ thể mềm yếu có thể bị bóp nát một cách bình thản như cục bột nhão - những con nòng nọc bị con diệc nuốt gọn, và những con rùa những con cóc bị chẹt chết trên đường; và đôi khi có cả những trận mưa thịt sống và máu tươi! Những khả năng bị tai họa ngập tràn như thế, chúng ta thấy có quá ít lời giải thích. Theo một hiền giả thì thế giới này thật trong sạch. Thuốc độc dù sao cũng không phải là độc, một vết thương không thể chết người. Lòng trắc ẩn là một lí lẽ yếu ớt. Nó phải thật hữu hiệu. Những lời biện hộ cho nó không thể rập khuôn.

Đầu tháng Năm, những cây sồi, cây mại châu, cây thích và nhiều cây khác, vừa mới bị nhổ ra khỏi những bụi thông quanh đầm làm cho phong cảnh sáng rực lên như được mặt trời chiếu rọi, đặc biệt trong những ngày trời nhiều mây u ám, như thể mặt trời ló ra qua màn sương và chiếu loang lổ trên những vạt đồi. Ngày ba và bốn tháng Năm, tôi thấy con chim lặn gavia trên đầm, và trong tuần đầu của tháng, tôi nghe tiếng chim họa mi

đỏ, chim đớp muỗi (*whip-poor-will*), chim *veery* [548], chim *pewee* [549] rừng và những con chim khác. Trước đó tôi đã nghe tiếng chim hét rừng (*wood-thrush* [550]). Con chim đớp ruồi [551] cũng quay trở lại và ngó nhìn vào cửa và cửa sổ nhà tôi, để xem nhà tôi có giống cái hang thích hợp cho nó làm tổ không, trong khi quan sát toàn bộ căn nhà móng vuốt nó quặp lại, đôi cánh mạnh mẽ dang ra như thể tựa trên không khí. Chẳng mấy chốc phấn hoa vàng rực như màu lưu huỳnh của cây thông nhựa đã bao trùm cả đầm, và đá và những thân cây mục trên bờ, nhiều đến mức có thể thu được cả một thùng đầy. Đây chính là những cơn mưa lưu huỳnh mà chúng ta thường nghe nói. Thậm chí trong vở kịch của Calidas [552] về Sacontala chúng ta cũng đọc thấy những dòng suối nhỏ "bị nhuộm một lớp bụi vàng của hoa sen". Đó là lúc trời chuyển mùa sang hạ, và người đi dạo phải đi trong cỏ ngày càng cao hơn.

Năm đầu tiên của cuộc sống trong rừng của tôi đã hoàn thành như thế đấy. Năm thứ hai cũng tương tự. Cuối cùng tôi rời Walden ngày 6 tháng Chín năm 1847.

Chương 18

Kết luận

Các bác sĩ thường khuyên bệnh nhân một cách khôn ngoan rằng nên đổi gió và thay đổi khung cảnh sống. Ơn Trời, thế giới còn có nhiều nơi để đến. Cây dẻ ngựa không mọc ở New England, tiếng chim nhại cũng hiếm khi nghe thấy ở đây. Con ngỗng trời còn giang hồ hơn cả chúng ta, nó xơi bữa sáng ở Canada, ăn bữa trưa ở Ohio, và rỉa lông chuẩn bị nghỉ đêm ở một nhánh sông cạn miền Nam có nhiều lau sậy. Ngay cả con bò rừng bizon, trong mức độ nào đó, sánh bước với các mùa, gặm cỏ trên đồng Colorado, cho đến khi một đợt cỏ non và ngọt hơn đã sẵn chờ đợi nó ở Yellowstone. Thế nhưng chúng ta lại nghĩ rằng nếu thay các hàng rào bằng các bức tường đá trong những trang trại của chúng ta, thì từ nay sẽ có những ranh giới cho cuộc đời chúng ta và số phận của chúng ta đã được quyết định. Nếu bạn được bầu làm thư kí tòa thị chính, thì chắc chắn mùa hè này bạn không thể đến *Tierra del Fuego* [553]: tuy thế bạn vẫn có thể đến mảnh đất của ngọn lửa địa ngục. Thế giới này rộng lớn hơn những hình ảnh của chúng ta về nó.

Tuy nhiên, chúng ta nên thường xuyên nhìn qua lan can đuôi tàu như những hành khách hiếu kì, và không nên du hành như những thủy thủ ngu ngốc ngồi tước những dây thừng cũ lấy xơ gai. Phía bên kia Trái Đất chỉ là nơi ở của người trao đổi thư tín với chúng ta. Hành trình của chúng ta chỉ là những chuyến đi vòng quanh, và các bác sĩ chỉ kê đơn cho những căn bệnh

ngoài da. Người ta hối hả đến Nam Phi chỉ để săn hươu cao cổ, nhưng chắc chắn đó không phải là môn thể thao cần cho họ. Thử hỏi, một người sẽ dám bỏ ra bao nhiêu thời gian để săn hươu cao cổ nếu anh ta có thể? Săn chim dẽ giun và dẽ gà cũng là thú săn quý hiếm, nhưng tôi nghĩ nếu cao thượng hơn anh ta nên tự săn mình.

Hướng cái nhìn vào bên trong, và anh sẽ thấy
một nghìn xứ sở trong hồn anh
còn chưa được thăm dò.
Hãy thám hiểm chúng và
làm một chuyên gia của vũ-trụ-riêng-mình [554].

Châu Phi có nghĩa là gì? Phương Tây có nghĩa là gì? Chẳng phải đó là những khoảng trắng trong chiều sâu nội tâm của chúng ta, được vẽ trên bản đồ sao [555]? Mặc dù nếu tìm hiểu, chúng có thể là đen, như những bờ biển. Phải chăng chúng ta muốn đi tìm nguồn của sông Nile, sông Niger, sông Mississippi, hay Hành lang Tây Bắc của lục địa chúng ta? Chúng có phải những vấn đề làm nhân loại bận tâm nhất không? Có phải Franklin [556] là người duy nhất đã mất tích mà vợ ông phải hớt hải đi tìm? Ông Grinnell [557] có biết bản thân ông bây giờ đang ở đâu không? Bạn hãy là những Mungo Park, Lewis và Clark và Frobisher [558], của những sông biển, đại dương của chính bạn, thám hiểm những vĩ độ cao hơn của chính bạn, với những thuyền đầy thịt ướp lạnh nếu cần, và chồng những thùng rỗng cao ngất trời để làm tín hiệu [559]. Đông lạnh chỉ được tìm ra để bảo quản thịt thôi sao? Không, hãy là một Columbus với toàn bộ những lục địa và những thế giới mới, bên trong bạn, khai thông

những dòng kênh mới, không phải cho giao thương, mà cho tư tưởng. Mỗi con người là chúa tể của một vương quốc, so với nó, đế chế trần tục cua Sa hoàng chỉ là một quốc gia nhỏ mọn, một cái gò mà băng giá để lại. Tuy nhiên người ta có thể là một nhà ái quốc mà vẫn là người không có lòng tự trọng, và hi sinh cái lớn hơn cho cái nhỏ hơn. Họ yêu đất làm nên nấm mồ của họ, nhưng không có sự cảm thông với linh hồn có lẽ vẫn còn đang thổi sinh khí vào cho đất sét của họ. Lòng yêu nước là con dòi nằm trong những cái đầu của họ. Ý nghĩa của cuộc thám hiểm khám phá Biển Nam cực [560] là cái gì, với tất cả trò phô trương và tốn phí của nó, nếu không phải là gián tiếp thừa nhận một sự thật là, có những lục địa và những biển trong thế giới tinh thần mà mỗi con người là một eo đất hay một lối vào, vẫn chưa được anh ta khám phá, nhưng việc vượt hàng ngàn dặm, trên một con tàu của chính phủ, với năm trăm trợ thủ, qua rét mướt, qua bão tố và các bộ lạc ăn thịt người còn dễ hơn thám hiểm cái biển riêng tư, Đại Tây Dương và Thái Bình Dương của chính cá nhân anh ta.

"Erret, et extremes alter scrutetur Iberos.

Plus habet hie vitae, plus habet ille visae [561].

"Cứ để cho họ đi lang thang mà nghiên cứu châu Úc [562] xa xôi.

Họ sẽ biết thêm đường, còn tôi sẽ biết thêm về Chúa".

Chẳng bõ công đi vòng quanh thế giới chỉ để đếm xem ở Zanziba có bao nhiêu mèo [563]. Tuy vậy hãy làm thế khi bạn chưa thể làm tốt hơn, may ra tìm thấy vài "lỗ hổng của Symmes" [564] và có thể từ đấy mà chui vào lòng trái đất. Anh và Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, Bờ Biển Vàng và Bờ biển Nô lệ [565], tất

cả đối diện với cái biển nội tâm này; nhưng không có con thuyền nào của những nước này dám vượt ra ngoài tầm nhìn từ đất liền, mặc dù chắc chắn nó là con đường hướng thẳng đến Ấn Độ. Nếu bạn học nói tất cả các thứ tiếng, và tuân theo phong tục của tất cả các dân tộc, nếu bạn đi du ngoạn xa hơn tất cả các nhà du ngoạn, được du nhập vào tất cả các vùng miền, và khiến con *Sphinx* [566] phải đập đầu vào đá, thậm chí tuân theo giáo huấn của một triết gia thời cổ, thì hãy Thám hiểm, khám phá Bản thân mình [567]. Cái này cần đến con mắt và thần kinh. Chỉ có kẻ thất bại và những kẻ đào ngũ là lao vào các cuộc chiến tranh, còn những kẻ hèn nhát đã bỏ trốn và đăng lính. Hãy xuất phát ngay trên con đường xa nhất về phía tây, không bị dừng lại ở Mississippi hay Thái Bình Dương, cũng không dẫn tới một Trung Hoa lụ khụ hay Nhật Bản, mà đĩ theo đường tiếp tuyến với quả địa cầu này, mùa xuân và mùa đông, ngày và đêm, mặt trời lặn, mặt trăng lặn, và cuối cùng cả trái đất cũng lặn.

Nghe nói Mirabeau [568] phải tự thực hiện một vụ cướp đường để tìm hiểu "cần một quyết tâm đến mức độ nào để công khai chống đối lại những luật lệ thiêng liêng nhất của xã hội". Ông tuyên bố rằng "một người lính chiến đấu trong hàng ngũ không cần đến một nửa lòng can đảm của một kẻ cướp thức ăn trên đường" - rằng "danh dự và tôn giáo chưa bao giờ ngăn được một quyết tâm cứng rắn và được xem xét kĩ càng". Nghe thật kiên cường, nhưng thật vô ích, nếu không phải tuyệt vọng. Một người đầu óc lành mạnh hơn cũng thường tỏ ra công khai "bất tuân" những thứ tưởng là "những luật lệ thiêng liêng nhất của xã hội" do tuân theo những luật lệ còn thiêng liêng hơn, và như vậy đã thử quyết tâm của anh ta mà không cần phải làm khác

bản tính của mình. Con người không nên có thái độ như thế đối với xã hội, nhưng để giữ mình anh ta chỉ cần tuân thủ những luật lệ của bản tính anh ta, những luật lệ ấy không bao giờ đối lập với một chính phủ công bằng chính trực, nếu anh ta có dịp đụng độ.

Tôi rời khỏi rừng cũng với lí do chính đáng như khi tôi đến. Tôi thấy dường như tôi còn có nhiều cuộc đời khác để sống, và không thể tiêu phí thêm thời gian cho cuộc sống này. Thật lạ là sao chúng ta có thể dễ dàng và vô cảm rơi vào một con đường đặc biệt nào đó, và tạo ra một lối mòn cho chính mình. Một tuần sau khi chân tôi giẫm thành lối mòn từ cửa nhà tôi đến bờ đầm, tôi mới thực sự sống ở đó; và mặc dù đã năm sáu năm không giẫm lên lối mòn ấy, tôi vẫn dễ nhận ra nó. Thật ra, tôi nghĩ những người khác đã tình cờ đi vào đấy, và như vậy giữ cho nó vẫn còn. Mặt đất ở đấy thì xốp và in dấu chân người; và những con đường mà tâm trí con người đi cũng vậy. Những con đường trần thế mòn và bụi bặm làm sao, những vết lún của truyền thống và ước lệ mới sâu làm sao! Tôi đã không muốn đi lối mòn đến một căn lều, mà muốn đến trước cột buồm, đứng trên boong tàu của thế giới, vì ở đó tôi có thể trông thấy rõ nhất ánh trăng giữa những rặng núi. Bây giờ tôi không muốn đi xuống nữa.

Qua kinh nghiệm của mình, ít ra tôi đã học được như thế này: nếu con người can đảm bước đi tới mơ ước của mình và cố gắng sống cuộc sống mà anh ta đã hình dung, thì anh ta sẽ gặp thành công bất ngờ trong những giờ phút bình thường. Anh ta sẽ bỏ lại nhiều thứ sau lưng, sẽ vượt nhiều ranh giới vô hình; những quy luật mới, phổ quát và phóng khoáng hơn sẽ tự thiết

lập xung quanh và bên trong anh; những quy luật cũ sẽ mở rộng ra và được hiểu theo một nghĩa phóng khoáng đáng ưa hơn; và anh ta sẽ sống với chứng chỉ về một cấp bậc cao hơn trong trật tự của hiện hữu. Anh càng sống đơn giản hơn thì những quy luật vũ trụ càng tỏ ra ít phức tạp hơn với anh, nỗi cô đơn sẽ không còn là nỗi cô đơn, nghèo khổ không còn là nghèo khổ, yếu đuối không còn là yếu đuối. Nếu bạn đã xây những lâu đài trong không khí, thì chúng không cần phải mất đi, chúng nên ở trên đó, nhưng bây giờ hãy xây nền bên dưới chúng.

Anh và Mĩ đã có một yêu cầu lố bịch, là bạn hãy nói sao cho họ hiểu bạn. Cả con người lẫn loài nấm độc đều không lớn lên như thế. Cứ như thể đây là điều quan trọng: những người khác hiểu bạn là không đủ, nếu họ không hiểu. Như thể Thiên nhiên chỉ có thể cho phép có một cách hiểu duy nhất, mà không thể cho phép loài cầm thú, loài biết bay và loài biết bò, và *hush* và *whoa* [569] mà một con trâu có thể hiểu, là tiếng Anh hay nhất. Như thể chỉ có ngu ngốc mới được an toàn. Tôi chỉ e cách diễn đạt của tôi còn chưa đủ ngông cuồng [570], có lẽ nó không lan man quá xa ra ngoài những giới hạn hẹp của kinh nghiệm hằng ngày của tôi, để nói đúng với sự thật mà tôi tin tưởng. Ngông cuồng ư! nó tùy thuộc bạn bị lùa vào chuồng như thế nào. Con trâu lang thang, đi tìm những đồng cỏ mới ở vùng khác, không ngông cuồng như con bò sữa đá cái xô, nhảy qua hàng rào sân chuồng và chạy theo con bê của nó, vào giờ vắt sữa. Tôi muốn nói không rào đón, như một người vừa tỉnh giấc nói với những con người cũng vừa mới tỉnh giấc; vì tôi tin rằng tôi có dông dài đến đâu cũng không đủ để tạo nền móng cho một diễn đạt chân thật. Người nào đã nghe một giai điệu mà sợ mãi không bao giờ

dám nói huênh hoang nữa? Đối mặt với tương lai hay khả năng, chúng ta nên sống phóng túng và khoan dung, mơ hồ không xác định, những đường nét của chúng ta ở phía ấy mờ ảo lãng đãng, những cái bóng của chúng ta toát mồ hôi khó thấy về hướng mặt trời. Sự thật dễ đổi thay trong những lời nói của chúng ta sẽ thường xuyên phơi bày cái thiếu hụt của lời tuyên bố dư thừa. Sự thật trong những lời nói ấy nhanh chóng bị chuyển dịch, chỉ cái nghĩa đen còn lại. Những lời biểu lộ tín ngưỡng và lòng mộ đạo của chúng ta mập mờ không rõ, nhưng nó có ý nghĩa và ngát hương như nhựa thơm *frankincense* đối với những tâm hồn siêu việt.

Tại sao ý thức của chúng ta cứ luôn luôn chìm vào mụ mị, và người ta ca tụng nó là lương tri thông thường? Lương tri thông thường nhất là lương tri của con người khi ngủ, biểu hiện bằng tiếng ngáy. Đôi khi chúng ta có xu hướng liệt những người nhanh trí (*once-and-a-half-witted*) vào loại gàn dở (*half-witted*), bởi vì chúng ta chỉ hiểu được một phần ba trí khôn của họ. Một số người cảm thấy có lỗi với vừng hồng buổi sáng, nếu họ dậy đủ sớm. Tôi nghe nói, người ta đòi hỏi rằng "phải hiểu những vần thơ của Kabir [571] theo bốn nghĩa khác nhau: ảo ảnh, linh hồn, trí tuệ và giáo lí phổ biến của Vệ Đà" nhưng ở nơi này, người ta có lí do để phàn nàn nếu tác phẩm của một người cho phép nhiều hơn một cách hiểu. Trong khi Anh quốc cố gắng chữa trị cà rốt thối, tại sao không có ai tìm cách chữa trị bệnh óc-thối, đang ngập tràn kinh khủng hơn nhiều?

Tôi không cho rằng tôi viết hoàn toàn tối nghĩa, nhưng tôi sẽ tự hào nếu không tìm thấy lỗi tai hại trong những trang sách của tôi nhiều hơn lỗ hổng trong băng Walden. Khách hàng

phương nam không thích màu xanh da trời của nó, chính là bằng chứng cho sự tinh khiết, như thể nó là bùn mà giả làm nước đá Cambridge, màu trắng, nhưng có mùi cỏ dại. Cái tinh khiết mà người ta thích là màn sương bao quanh trái đất, chứ không phải màu xanh da trời của ête trên cao.

Nhiều người thích kêu gào rằng người Mĩ chúng ta, người hiện đại nói chung, là lùn về trí tuệ so với những người cổ đại, hoặc với những người thời Elizabeth. Nhưng để làm gì nhỉ? Một con chó sống tốt hơn một con sư tử chết [572]. Một người có tự treo cổ lên không, chỉ vì anh ta thuộc giống người Pygmy, mà không phải người Pygmy to nhất? Mỗi người hãy cứ chăm lo công việc của mình, và cố gắng là chính bản thân mình.

Tại sao chúng ta cứ phải cuống cuồng lao tới thành công và bằng những cố gắng quyết liệt như thế? Nếu một người không theo kịp bước các bè bạn của mình, thì có lẽ anh ta nghe nhịp trống quân hành khác? Hãy để anh ta bước theo khúc nhạc mà anh ta nghe, dù nó chậm hay xa thế nào. Chẳng quan trọng anh ta chín sớm như một cây táo hay cây sồi. Tại sao anh ta cần biến mùa xuân của mình thành mùa hè? Nếu điều kiện để chúng ta sinh ra chưa đến, thì chúng ta có thể thay đổi thực tại nào? Chúng ta sẽ không bị chìm đắm trong một thực tại vô nghĩa. Chúng ta có nên nhọc công xây dựng trên đầu chúng ta một vòm trời bằng thủy tinh xanh, cho dù sau khi làm xong chúng ta chắc chắn sẽ say sưa ngắm nhìn bầu trời thực vô biên xa tít phía trên, như thể vòm trời thủy tinh không hề có?

Ở thành phố Kouroo [573] có một nghệ sĩ luôn hướng tới sự hoàn thiện. Một hôm anh nảy ra ý nghĩ làm một chiếc quyền trượng. Xét rằng trong một tác phẩm không hoàn thiện, thời

gian là một thành tố, nhưng với một tác phẩm hoàn thiện, thời gian sẽ không còn ý nghĩa, anh tự nhủ, "Nó" sẽ phải hoàn thiện trên mọi phương diện, cho dù mình sẽ không thể làm thêm việc gì khác nữa trong đời. Anh đi ngay vào rừng lấy gỗ, quyết định rằng không thể làm nó bằng thứ vật liệu không thích hợp; và sau khi anh kiếm được rồi vứt đi hết cây gậy này đến cầy gậy khác, các bạn anh dần dần bỏ anh ở lại một mình, vì họ già đi trong công việc và chết, nhưng anh không già đi chút nào. Cuộc sống độc thân vì mục đích và quyết tâm, lòng ngoan đạo ngày càng tăng của anh, đã cho anh một tuổi thanh xuân vĩnh cửu mà anh không biết. Vì anh không có cam kết gì với Thời gian, Thời gian ra khỏi đường đi của anh, và chỉ biết thở dài từ xa vì không thắng được anh. Trước khi anh tìm được chiếc gậy thích hợp về mọi mặt, thành phố Kouroo là một phế tích cũ nát, và anh ngồi trên một trong những cái gò của nó để hoàn thiện chiếc gậy. Trước khi anh tạo cho nó một dáng thích hợp thì triều đại Candahar chấm dứt, và bằng một đầu gậy anh viết lên cát cái tên ông vua cuối cùng của triều đại ấy, rồi tiếp tục công việc. Khi anh còn chưa kịp gọt nhẵn và đánh bóng chiếc quyền trượng, thì Kalpa [574] đã đi hết hành trình sao của nó; và trước khi anh đóng chiếc vòng sắt vào đầu gậy và khảm bằng đá quý, thần Brahma đã thức dậy và ngủ lại không biết bao nhiêu lần [575]. Nhưng tại sao tôi dừng lại để nhắc những chuyện này? Khi nhà nghệ sĩ hoàn thành tác phẩm của mình, nó bỗng hiện ra trước con mắt kinh ngạc của anh như vật đẹp nhất trong các sáng tạo của thần Brahma. Khi làm chiếc quyền trượng, anh đã tạo ra cả một hệ thống, một thế giới mới với những tỉ lệ đẹp đẽ và hài hoà; trong đó, các thành phố cũ và các triều đại cũ đã

chết được thay bằng những thành phố và triều đại mới đẹp đẽ huy hoàng hơn. Và nay anh nhìn đống vỏ bào còn mới dưới chân anh, anh thấy đối với anh và tác phẩm của anh, thời gian trôi qua như một ảo ảnh, và khoảng thời gian trôi qua không nhiều hơn cần thiết cho một tia lửa duy nhất bật lên từ bộ óc thần Brahma rơi trên và châm lửa cho mớ bùi nhùi của một bộ óc người trần. Chất liệu thanh khiết, nghệ thuật của anh thanh khiết, có thể nào tác phẩm của anh không tuyệt mĩ?

Không có gương mặt nào chúng ta gán cho một vấn đề tốt hơn là sự thật. Chỉ mình nó tỏ ra là tốt. Phần lớn chúng ta không ở nơi chúng ta đang ở, mà ở một vị trí giả. Thông qua sự yếu đuối của bản tính mình, chúng ta tưởng tượng ra một cảnh ngộ, và đặt bản thân vào đấy, và như vậy cùng một lúc chúng ta ở trong hai cảnh ngộ, muốn thoát ra lại khó gấp đôi. Lúc tình táo chúng ta chỉ nhìn thấy một sự kiện, tức một cảnh ngộ. Ta nói điều ta buộc phải nói, chứ không phải điều ta nên nói. Mọi sự thật đều tốt hơn cái làm cho ta tin. Gã lang thang Tom Hyde đứng dưới giá treo cổ, được hỏi có điều gì để nói không. "Hãy nói với các thợ may", gã bảo, "thắt nút sợi chỉ trước khi khâu". Hắn đã quên lời kinh cầu nguyện.

Cuộc đời bạn dù hèn mọn đến đâu, hãy đón nó và sống nó; đừng lảng tránh nó và gọi nó bằng những cái tên khó nghe. Nó không tệ hơn bạn đâu. Nó tỏ ra nghèo nàn nhất khi bạn giàu nhất. Người hay soi mói sẽ tìm ra lỗi, dù ở ngay thiên đường. Hãy yêu cuộc sống của bạn, dù nó nghèo nàn thế nào. Bạn có thể cổ những giờ phút thích thú, xúc động, vinh quang, cho dù ở trong một ngôi nhà nghèo. Mặt trời lặn phản chiếu trong cửa sổ nhà tế bần cũng rực rỡ như biệt thự của người giàu; tuyết tan

trước cửa nó cũng sớm như vậy trong mùa xuân. Tôi thấy chỉ có một tâm hồn bình thản mới có thể sống hài lòng ở đó, và có những ý nghĩ vui vẻ như trong lâu đài. Tôi thấy những người nghèo trong thành phố thường sống những cuộc đời độc lập hơn cả. Có lẽ họ đơn giản là đủ tuyệt vời để nhận mà không băn khoăn. Phần lớn người ta nghĩ họ đứng trên việc được thành phố cứu giúp, nhưng điều xảy ra thường xuyên hơn là họ đứng trên việc tự cứu giúp mình bằng những phương tiện bất lương, là điều tai tiếng hơn nhiều. Trồng sự nghèo khó như trồng cỏ trong vườn, như trồng cây ngải đắng. Đừng bận tâm tìm kiếm đồ mới, dù là quần áo hay bạn bè. Lật đổ cũ ra, quay về với chúng. Đồ không thay đổi; chúng ta thay đổi. Bán quần áo đi, giữ tư tưởng lại. Chúa sẽ thấy bạn không cần xã hội. Nếu tôi giam mình trong gác xép tất cả quãng ngày của tôi như một con nhện, thì đối với tôi thế giới cũng vẫn rộng lớn như thế, trong khi tôi có những tư tưởng quanh mình. Một triết gia [576] đã nói: "Người ta có thể rút một vị tướng ra khỏi một quân đoàn có ba sư và đưa nó vào tình trạng hỗn loạn; nhưng người ta không thể lấy tư tưởng ra khỏi một con người thấp hèn ti tiện nhất". Đừng quá lo âu cố mong được phát triển đừng để bản thân anh bị nhiều ảnh hưởng chi phối, tất cả những cái đó là phung phí. Sự khiêm nhường như bóng tối làm nổi lên những ánh sáng siêu phàm. Những cái bóng nghèo khó và ti tiện tụ tập xung quanh chúng ta, "và, trông kìa, Sáng tạo mở ra trước tầm mắt chúng ta" [577]. Chúng ta luôn được nhắc nhở rằng nếu tài sản của Croesus [578] được ban cho chúng ta, thì những mục đích của chúng ta phải giữ nguyên như cũ, và những phương tiện của chúng ta về thực chất vẫn nguyên như cũ. Hơn nữa, nếu nghèo túng hạn chế

những khả năng của bạn, nếu bạn không có tiền mua sách báo chẳng hạn, thì bạn vẫn còn những việc quan trọng và thiết yếu hơn; bạn buộc phải xử lí với những vật liệu mang đến nhiều đường và bột nhất. Đó là cuộc sống gần với xương, nơi nó ngọt nhất [579]. Bạn được bảo vệ để không trở thành một gã bông phèng. Không người nào bị thua tính hào hiệp của người ở tầng lớp cao hơn. Tiền bạc dư thừa chỉ có thể mua được những đồ thừa thãi vô dụng. Chẳng cần đến tiền bạc để mua một thứ cần thiết cho linh hồn.

Tôi sống trong góc một bức tường bằng chì, trong thành phần của nó có pha một ít hợp kim của kim loại chuông (*bell-metal*). Thường thường vào giờ nghỉ trưa của tôi vọng từ ngoài vào đến tai tôi tiếng *tintinnabulum* [580]. Đó là tiếng ồn của những người cùng thời với tôi. Những người láng giềng của tôi kể với tôi những cuộc phiêu lưu của họ cùng với những quý ông quý bà nổi tiếng, những nhân vật quan trọng nào họ gặp bên bàn tiệc, nhưng tôi không quan tâm đến những thứ ấy hơn là những nội dung của tờ báo hằng ngày Daily Times. Người ta chỉ quan tâm và trò chuyện chủ yếu về quần áo và phong thái, nhưng dù có mặc quần áo gì cho chúng thì ngỗng vẫn là ngỗng. Họ kể với tôi về California và Texas, về Anh và Ấn Độ, về Ngài gì gì đó của Georgia hoặc Massachusetts về những hiện tượng thoáng qua và phù vân, cho đến khi tôi sẵn sàng nhảy ra khỏi sân của họ như một người Mameluke [581]. Tôi chỉ muốn biết thật ra tôi đang ở đâu, không bước đi đầy phô trương trong đám diễu hành ở chỗ đông người, mà dạo bước thậm chí cùng Người Thợ Xây vũ trụ, nếu tôi có cơ may; không sống trong cái thế kỉ Mười Chín đầy bồn chồn, lo lắng, lăng xăng tất bật, tầm thường vô vị này,

mà đứng hay ngồi tĩnh lặng trầm tư trong khi nó trôi qua. Những người này cử hành lễ hội gì vậy? Tất cả đều đứng trong một ủy ban của những tổ chức nào đó, chờ đợi từng giờ bài diễn văn của ai đó. Trong những ngày này Chúa là người chủ tọa duy nhất, và Webster [582] là phát ngôn viên của người. Tôi thích suy xét, cân nhắc, hướng về điều gì mạnh mẽ và đúng đắn nhất thu hút tôi - không treo người trên cán cân mong nhẹ cân hơn - không tưởng tượng ra một cảnh ngộ, mà chấp nhận cảnh ngộ như thực tế; chỉ đi những con đường tôi có thể đi, và trên đó không sức mạnh nào cản trở được tôi. Nói chung tôi thích chỉ bắt đầu xây cái vòm khi đã có cái nền vững chắc. Chúng ta đừng chơi trên lớp băng mỏng [583]. Chỗ nào cũng có một cái đáy vững chắc. Tôi đọc thấy [584] có người khách bộ hành hỏi một cậu bé dưới đầm lầy trước mặt họ có cái đáy vững chắc không. Cậu bé trả lời rằng có. Nhưng ngay liền đó con ngựa của ông ta ngập đến tận yên. Ông ta trách thằng bé: "Tôi nghĩ cậu nói dưới cái đầm này có một cái đáy cứng". Cậu bé trả lời "Có đấy chứ. Nhưng ông chưa đi được nửa đường đến đó". Những cái đầm lầy và vũng cát lún của xã hội cũng vậy, nhưng phải đến lúc trưởng thành người ta mới biết. Chỉ những gì được nghĩ, nói và làm trong những trường hợp đặc biệt, hiếm hoi mới tốt. Tôi không thuộc loại người ngu ngốc đến mức đóng đinh vào giữa tấm ván có trét vữa, một việc làm như thế khiến tôi mất ngủ nhiều đêm. Hãy đưa tôi một cái búa, và cứ để tôi mò tìm khe để đóng. Đừng dựa vào lớp vữa. Đóng một cái đinh vào hết và đóng gập đầu đinh thật chắc chắn sao cho khi thức dậy giữa đêm nghĩ rằng công việc của bạn được làm thật mĩ mãn, - một việc mà bạn phải lấy làm xấu hổ nếu phải cầu đến Nàng Thơ. Như thế và chỉ

thế Chúa mới giúp bạn. Mọi cây đinh nên được đóng như rivê trong cỗ máy của vũ trụ, và bạn là người thực hiện công việc ấy.

Hãy cho tôi sự thật, hơn là tình yêu, hơn là tiền bạc, hơn là danh tiếng. Tôi ngồi bên một chiếc bàn, rượu thịt ê hề, đầy rẫy cảnh xun xoe quỵ lụy. Nhưng không có sự chân thành, không có sự thật, và tôi bụng đói bỏ đi khỏi bàn tiệc không ngồi được. Lòng hiếu khách lạnh như băng. Tôi nghĩ không cần nước đá để ướp lạnh nó. Họ nói với tôi về tuổi của rượu vang và danh tiếng của nho, nhưng tôi nghĩ về một thứ vang cũ hơn, mới hơn, và tinh khiết hơn, một loại nho tuyệt vời hơn, mà họ không có, và không thể mua. Kiểu cách, ngôi nhà, những mảnh đất, những trò "tiêu khiển" đối với tôi là vô nghĩa. Tôi đến thăm một ông vua, nhưng ông ta bắt tôi đợi ở sảnh ngoài, và cư xử như một người không có chút ý niệm gì về sự hiếu khách. Gần chỗ tôi có một người sống trong một hốc cây. Cung cách của ông thật vương giả. Nếu tôi đến thăm ông, thì câu chuyện chắc đã hay hơn.

Chúng ta còn định ngồi bao lâu dưới mái cổng để thực hiện những đức hạnh vô vị và mốc meo mà bất kì công việc nào cũng biến thành xấc xược? Giống như một người bắt đầu một ngày mới với sự nhẫn nại chịu đựng, rồi thuê một người khác xới khoai tây cho mình, và buổi chiều thì đi thực hành tính nhu mì Cơ đốc, và từ thiện có chủ định! Hãy nhìn Trung Hoa niềm hãnh diện và tự mãn tù đọng của nhân loại. Thế hệ này tự chúc mừng nó là những kẻ cuối cùng của một dòng giống vinh quang; và ở Boston và London và Paris và Rome, nghĩ đến sự sa sút từ lâu của nó, nó nói về tiến bộ của nó trong văn học, nghệ thuật, và khoa học một cách tự mãn. Có những hồ sơ về các Hội Triết học,

và công bố những bài tán tụng Những con người Vĩ đại! Đó là một Adam tốt đang ngẫm ngợi đức hạnh của chính mình. "Vâng, chúng ta đã làm được nhiều việc, đã ca những bài thánh ca, sẽ không bao giờ chết", - tức là, chừng nào chúng ta còn có thể nhớ được chúng - các hội có học vấn và những con người vĩ đại của Assyria, - họ ở đâu nhỉ? Chúng ta là những triết gia trẻ trung biết bao, những nhà triết học thực nghiệm. Trong các độc giả của tôi không có ai đã sống đầy đủ cuộc sống của con người. Đây có lẽ chỉ mới là những tháng mùa xuân trong cuộc đời của loài người. Nếu chúng ta có sự "thèm của lạ" sau bảy năm chung sống vợ chồng, thì chúng ta vẫn chưa thấy con ve sầu bắc Mĩ [585] ở Concord. Chúng ta mới chỉ quen với lớp da mỏng của địa cầu mà chúng ta sống. Đa số chưa đào sâu đến sáu foot xuống dưới, cũng chưa nhảy cao chừng ấy khỏi mặt đất. Chúng ta không biết nơi chúng ta đang sống. Ngoài ra, chúng ta ngủ say gần hết nửa cuộc đời. Thế mà chúng ta tự đánh giá chúng ta khôn ngoan, và đã thiết lập được một trật tự trên mặt đất. Đúng, chúng ta là những nhà tư tưởng sâu sắc, chúng ta là những con người đầy tham vọng! Khi tôi đứng nhìn xuống con sâu đang bò giữa những lá thông trên nền đất rừng và đang cố gắng tự giấu mình khỏi tầm mắt của tôi, tôi tự hỏi tại sao nó lại có những ý tưởng hèn mọn đến thế, giấu cái đầu của nó khỏi tôi là người có thể là ân nhân của nó, truyền đạt những thông tin khích lệ cho loài của nó, thì tôi chợt nhớ về Ân nhân vĩ đại và Thông minh hơn đang nhìn xuống loài người sâu bọ chúng ta.

Có một dòng cái mới lạ không ngừng chảy vào thế giới, thế nhưng chúng ta vẫn chịu đựng chấp nhận cái đần độn ù lì đến lạ lùng. Tôi chỉ cần nhắc đến loại thuyết giáo đạo đức vẫn còn

vang lên cả trong những nước khai minh nhất. Có những lời vui và buồn như thế, nhưng chúng chỉ là điệp khúc của một bài thánh ca, được hát bằng giọng mũi, trong khi chúng ta tin vào điều thông thường và trung dung. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta chỉ có thể thay đổi quần áo. Người ta nói Đế quốc Anh rất rộng lớn và đáng kính, và rằng Mĩ là cường quốc hạng nhất. Chúng ta không tin rằng một đợt thủy triều dâng lên hạ xuống đằng sau mỗi con người có thể cuốn trôi Đế quốc Anh như một mảnh vỏ bào, nếu con người ấy có thể chứa nó trong tâm trí mình. Ai biết được loại ve sầu bắc Mĩ nào sắp tới sẽ ra khỏi đất [586]? Chính phủ của cái thế giới mà tôi sống không bị sắp đặt, như chính phủ Anh, trong những cuộc trò chuyện sau bữa ăn bên chén rượu.

Cuộc sống trong chúng ta như nước trong dòng sông. Năm nay nó có thể dâng lên cao hơn mức con người từng biết, làm ngập lụt những vùng cao khát nước; thậm chí năm nay có thể là năm có nhiều sự kiện quan trọng, làm chết đuối tất cả lũ chuột nước của chúng ta. Nơi chúng ta ở không phải lúc nào cũng là đất khô. Sâu trong đất liền tôi nhìn thấy bờ của những dòng sông đã chảy từ rất xa xưa, trước khi khoa học ghi lại những dòng nước ngọt của nó.

Mọi người đã nghe câu chuyện được kể khắp nơi ở New England, một con rệp khỏe và đẹp chui ra từ một tấm ván khô của một cái bàn cũ bằng gỗ táo, chiếc bàn này đã ở trong bếp một người nông dân hơn sáu mươi năm, lúc đầu ở Connecticut, sau đó là Massachusetts. Nó nở ra từ một quả trứng kí gửi từ trước đó nhiều năm trong một cái cây sống - người ta đếm số lớp vỏ mỗi năm bọc ra ngoài nó để biết; nghe nó gặm trong

nhiều tuần để chui ra, và may mắn nở ra được nhờ nhiệt của một bình trà. Ai nghe chuyện này mà không thấy niềm tin của mình vào sự hồi sinh và bất tử được củng cố thêm? Ai biết một sinh linh đẹp của loài bay được, mà trứng của nó bị chôn vùi nhiều năm dưới nhiều lớp vỏ gỗ đồng tâm trong sự sống khô chết của xã hội, lúc đầu kí gửi trong dác của một cây sống xanh tươi, dần dần biến đổi thành ra giống như nấm mồ bằng gỗ khô, bây giờ qua bao nhiêu năm một gia đình ngạc nhiên vì còn nghe tiếng gặm của nó, khi họ ngồi quanh bàn tiệc ngày hội, nó có thể bất ngờ đi ra từ giữa một đồ gỗ tầm thường nhất của xã hội, để cuối cùng hưởng cuộc sống mùa hè tuyệt vời của nó.

Tôi không khẳng định rằng John hoặc Jonathan [587] nắm bắt được tất cả điều này, nhưng đặc tính của ngày mai là thế, chỉ có thời gian trôi đi thì không bao giờ làm lóe rạng ra được. Ánh sáng làm lóa mắt chúng ta chính là bóng tối đối với chúng ta. Ngày chỉ rạng lên khi chúng ta thức dậy. Ngày còn dài để rạng lên. Mặt trời chỉ là một ngôi sao ban sớm. [588]

Chú Thích

[1]Thoreau viết bản thảo đầu tiên cuốn Walden tại cái đầm đó, nhiều năm sau ông trở lại thành phố và tiếp tục hoàn thiện cuốn sách. Những người Ireland làm đường sắt Fitchburg sống trong lán cách chưa đến một dặm, nhưng Thoreau không coi họ là hàng xóm, vì chẳng bao lâu họ đã hoàn thành công việc và chuyển đi

[2]Sandwich Island: tên gọi do James Cook đặt cho các đảo Hawai vào năm 1778

[3]Một vùng ở Đông Bắc Mĩ, bao gồm sáu bang: Connecticut, Maine, Massachusetts, New Hampshire, Rhode Island, và Vermont

[4]Thành viên một đẳng cấp ở Ấn Độ

[5]Nhất bộ nhất bái

[6]Hercules là tên Latin của Heracles, con trai thần Zeus, nổi tiếng về sức mạnh và lòng can đảm, có nhiều cuộc phiêu lưu và đã lập mười hai kì công

[7]Người bạn của Hercules, giúp chàng thắng Hydra(x.6)

[8]Hydra: rắn chín đầu trong thần thoại Hi Lạp, bị Hercules tiêu diệt

[9]Arce: Mẫu Anh, bằng khoảng 0,4 ha

[10]Tục ngữ cổ: “Tất cả chúng ta phải ăn một thùng (một peck, khoảng 7,5 lít) đất bùn trước khi chết”

[11]Trong thần thoại Hy Lạp, chiến công thứ năm của Hercules là sửa sạch chuồng bò Augeas, đã hơn ba mươi năm

chưa được rửa, bằng cách nắn hai con song Alpheus và Peneus chả ra chuồng bò

[12]Kinh Thánh. Matthew, 6:19 “Các ngươi chớ chứa của cải ở dưới đất, là nơi có sâu mối, ten rét làm hư, và kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy” (Thư viện Tin lành – Ma-thi-ơ, bản dịch 1926)

[13]Trong thần thoại Hy Lạp, Deucalion là con của Prometheus. Trong trận đại hồng thủ do Zeus gây ra, tiêu diệt hết loài người, Deucalion nhờ cha giúp, được cứu sống cùng với vợ mình là Pyrrha (giống như Noah trong Kinh Thánh). Theo lời khuyên của thần, Deucalion và Pyrrha che đầu mình lại và ném những hòn đá qua vai về phía sau, những hòn đá biến thành người và lại phủ kín mặt đất

[14]Trích từ Metamorphoses (Những biến hình) của Ovid

[15]Sir Walter Raleigh (1554-1618): nhà quý tộc, nhà văn, nhà thơ, nhà thám hiểm Anh, người dịch Ovid. Tên ông được đặt cho thành phố thủ phủ của bang Bắc Carolina, Mĩ.

[16]Những người phạm tội nhẹ bị giam ở nhà giam của quận, những người phạm trọng tội bị giam ở nhà tù của bang

[17]Hamlet: “Ta có thể bị giam trong chiếc vỏ hạt dẻ...” (Kịch Hamlet của Shakespeare)

[18]Một cái tên do tác giả đặt. Squire: chủ đất. Make-a-tir: bắng nhắng, gây náo động để người ta chú ý đến mình

[19]Bản thân tác giả là người cực lực chống chế độ nô lệ, nhưng ở đây ông muốn nói đến một con người bình thường ở trong một tình trạng nô lệ cho những tập tục, cho cái nhu cầu “cố thủ” những quan niệm lỗi thời của chính mình

[20]William Willberforce (1759-1833): là chính khách, nhà hoạt động từ thiện người Anh, và là nhà lãnh đạo phong trào bãi bỏ chế độ nô lệ. Nỗ lực của Wilberforce đã dẫn đến việc ban hành Đạo luật Bãi nô năm 1883, tuyên bố bãi bỏ chế độ nô lệ trên lãnh thổ Đế chế Anh

[21]West Indie: tên gọi chung những gòn đảo thuộc vùng biển Caribbe và Bắc Đại Tây Dương, sau khi Christophe Columbus đến châu Mĩ lần đầu tiên, do người Âu đặt ra để phân biệt với Easr Indies (Đông Ấn, gồm tiểu lục địa Ấn Độ, và các nước Nam và Đông Nam Á). Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, các vùng "Tây Ấn" này là thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan, Đan Mạch, Tây Ban Nha, và sau đó là Mĩ

[22]Tức là lấy thú vui đi săn những con vật nhỏ bé yếu ớt và cam đảm ấy làm an ủi (Những con chồn vison và chuột nước khi sập bẫy có thể tự cắn đứt chân để chạy thoát)

[23]"Man's chief end is to glorify God, and to enjoy Him forever" (Westminster Catechism) "Mục đích chính yếu của con người là làm sang danh Chúa và có Chúa đời đời" (sách Giáo lí vấn đáp Westminster)

[24]Nhắc đến công nghệ máy hơi nước

[25]John Evelyn (1620-1706): Người làm vườn và tác giả Anh, trích Sylva

[26]Thầy thuốc Hi Lạp (460?-377? Tr.CN): được coi là cha đẻ của Y học phương Tây

[27]Trích trong Vishnu Purana (Sự tích phần Vishnu) một bản kinh cổ của Ấn giáo

[28]Kinh Thánh, Thi thiên, 90:10 “Tuổi đời của chúng con được bảy mươi năm…”

[29]Khổng Tử (551?-487? Tr.CN). Luận ngữ, II,17: “Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã”

[30]Có nghĩa như một người tiên phong, và “đối diện” với cuộc sống của chính mình

[31]Charles Darwin (1809-1882): Nhà tự nhiên học người Anh, phát minh ra thuyết tiến hóa. Cuốn Nguồn gốc các loài của ông được xuất bản năm 1859. Thoreau rất quan tâm đến những tác phẩm của Darwin.

[32]Tierra del Fuego (tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là “Đất lửa”) quần đảo cực Nam, Nam Mĩ.

[33]Người bản xứ Australia. New Holland là cách người châu Âu từng gọi Australia lục địa

[34]Justus von Liebig (1803-1873): Nhà hóa học hữu cơ Đức

[35]Nguyên văn: đời sống Elysian, từ chữ Elysian Field hay Elysium (nơi ở của những chân phúc, á thánh sau khi chết)

[36]Hợp thời trang (tiếng Pháp trong nguyên bản)

[37]Những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng về những mất mát nói chung của con người.

[38]Nguyên văn: manna-wise: Manna là thức ăn Chúa ban xuống cho con dân Israel trên sa mạc Arabi, mưa từ trên trời xuống và tan đi khi nắng lên.

[39]Sinecure: chức vụ không đòi hỏi trách nhiệm hay phải làm việc, nhưng đem lại uy tín và tiền bạc.

[40]Những "chiếc rổ" của Thoreau đan bằng những tư tưởng của ông, người khác không biết giá trị của chúng nhưng ông biết, và việc không bán được chúng không làm ông nản lòng.

[41]Viết. Đọc. Tiếp xúc với thiên nhiên. Hoàn thiện bản thân v.v

[42]Nguyên văn Celestial Empire – tên cũ người phương Tây gọi Trung Hoa, từ chữ "Thiên Triều" (Triều đình nhà Thanh tự xưng). Massachusetts bắt đầu buôn bán với Trung Hoa từ những năm 1780.

[43]Cảng biển của Massachusetts

[44]La Perouse là vùng ngoại ô Sydney, Australia, mang tên bá tước de Lapérouse (1741-1788), nhà hàng hải và thám hiểm Pháp. Đoàn thám hiểm của ông đã mất tích ngoài biển.

[45]Hanno: nhà thám hiểm và chính khách Carthage, sống trong khoảng năm 400 tr.CN.

[46]Các thủy thủ Phoenicia cổ, đông Địa Trung Hải, khoảng năm 1200 tr.CN.

[47]Thành phố St. Peterburg (Nga) được xây dựng bằng cách lấp các đầm rộng trên song Neva.

[48]Ida Pfeiffer (1797-1858): Nhà văn Áo, tác giả Hành trình vòng quanh thế giới của một quý bà, nói về những chuyến viếng thăm tới Ai Len, Thụy Điển, Na Uy, Brazil, Tahiti, Trung Hoa, Ấn Độ, Baghdad, và Moscow.

[49]Dẫn ý Kinh Thánh, Matthew 9:17. Trong thời đại nêu trong Kinh Thánh, những bình ("chai") rượu làm bằng da động vật, và do những đoàn súc vật chở. Da cũ khô giòn dễ vỡ, và nếu rượu mới được đổ vào bình da cũ, nó sẽ sủi lên, nở ra và phá vỡ bình.

[50]Những cây mỗi năm sinh một lớp gỗ bên dưới vỏ cây.

[51]Nguyên văn “Fates”, chỉ ba nữ thần số mệnh trong thần thoại Hi Lạp: Clotho – xe chỉ: tượng trưng cho cuộc đời con người, Lachesis – kéo chỉ: thời gian sống trên thế gian, và Atropos – cắt chỉ: kết liễu sự sống.

[52]Nguyên văn “Graces”: ba nữ thần sắc đẹp và duyên dáng trong Thần thoại Hi Lạp: Aglaia, Euphrosyne, Thalia.

[53]Nguyên văn “Parcae”: ba nữ thần định mệnh trong thần thoại La Mã (Nona, Demica, Morta) tương đương với “Fates” trong thần thoại Hi Lạp.

[54]Ở châu Âu thời Trung cổ, quần áo nhuộm màu xanh da trời là rất hiếm và đắt, còn màu tía dành riêng cho giới giàu sang quyền thế.

[55]Trong Cách mạng Công nghiệp ở Anh, công nhân phải làm nhiều giờ một ngày, sau hay bảy ngày một tuần, với những công việc phải phối hợp động tác chặt chẽ theo tốc độ của máy móc.

[56]Samuel Laing (1780-1868): người Anh, tác giả những sách viết về Scandinavia.

[57]Người Láp (Laplander) ở miền Bắc Scandinavia, Phần Lan và bán đảo Kola ở bắc Nga.

[58] Một bộ lạc Anhđiêng Bắc Mĩ, sống ở bắc Maire

[59]Daniel Gokin (1612-1687): tác giả cuốn Lịch sử người Anhđiêng ở New England được viết 1674 và xuất bản 1792.

[60]Benjamin Thompson, bá tước Rumford (1753-1814): nhà khoa học, nhà phát minh, đã thiết kế laoji lò sưởi cao và nông,

bức xạ được nhiều nhiệt, được dung phổ biến từ 1796 đến những năm 1850.

[61]Nguyên văn: “Cha ăn nho chua, con ghê răng”.

[62]Kinh Thánh, Matthew 26:11, Ezekiel 18:3-4.

[63]Middlesex: Trước đây là một quận ở đông nam nước Anh, nay phần lớn thuộc London.

[64]Geogre Chapman (1599?-1634): đoạn thơ trích dẫn từ tác phẩm Bi kịch của Caesar và Pompey của ông.

[65]Trong thần thoại Hi Lạp, Momus là thần của tiếng cười và sự vui đùa.

[66]Những người nghèo giấu đi cảnh bần cùng của mình để khỏi bị đưa vào trại tế bần.

[67]Nguyên văn “woodchuck”, chuột chũi miền bắn Bắn Mĩ, chân ngắn, lông nâu.

[68]Aurora: nữ thần Rạng đông.

[69]Memnon: vua Ethiopia, con trai của Eos (nữ thần Rạng đông trong thần thoại Hi Lạp) bị Achilles giết trong trận chiến thành Troy.

[70]Sardanapalus: Vua Assyria theo ngụ ngôn Hi Lạp, bị bao vây trong hai năm, đã cho đốt cung điện của ông ta, thiêu cháy bản thân ông ta và cả triều đình.

[71]Jonathan: tên chế nhạo chỉ người Mĩ, sau thay bằng “chú Sam”.

[72]Trong nguyên văn có một lối chơi chữ không dịch được: human culture – “nhân văn” (văn hóa con người) – văn minh

tinh thần, đối lại với agri culture (nông nghiệp) một dạng văn minh vật chất (văn hóa của đất), tạm dịch là “địa văn”.

[73]Khoảng 8,7 m.

[74]Edward Johnson (1598-1672): Nhà sửa học Mĩ.

[75]New Netherland: tên tiếng Hà Lan của New York, từ 1636 đến 1656.

[76]Trong nguyên văn có một lối chơi chữ không dịch được: human culture – “nhân văn” (văn hóa con người) – văn minh tinh thần, đối lại với agri culture (nông nghiệp) một dạng văn minh vật chất (văn hóa của đất), tạm dịch là “địa văn”.

[77]Thơ Shakespeare: “Đây mùa đông của nỗi bất mãn của chúng ta” – (Richard III).

[78]Một cái tên thông dụng của người Ai Len.

[79]Anh hùng ca của Homer, mô tả chiến bại của thành Troy.

[80]Tục ngữ Anh nói về thợ may: “Một phần chín con người”.

[81]Frank Lloyd Wright (1867-1959): người được coi là kiến trúc sư vĩ đại nhất mọi thời đại của Mĩ, đã viết rằng lịch sử kiến trúc Mĩ sẽ không hoàn hảo nếu thiếu những nhận xét sang suốt của Thoreau (chú thích của bản dịch tiếng Nga, những chú thích như thế sẽ được ghi: N)

[82]Literature: sách vở, tài liệu in nói chung, phân biệt với “văn học nghệ thuật” = “văn chương”.

[83]Tiếng Pháp trong nguyên bản: belles-lettres (văn học nghệ thuật, như tiểu thuyết, thơ, kịch...) beaux-arts.

[84]Nguyên văn: mười foot rộng và mười lăm foot dài, cột cao tám foot.

[85]Vôi và lông thú để trộn vữa.

[86]Đại học Harvard, ở Cambridge Mass. Thoreau tốt nghiệp ở đấy năm 1837.

[87]Adam Smith (1723-1790): nhà kinh tế học Scotland.

[88]David Ricardo (1772-1823): nhà kinh tế học Anh.

[89]Jean Baptiste Say (1767-1832): nhà kinh tế học Pháp.

[90]Có lẽ nhắc đến bà Harriet Martineau (1802-1876): nhà văn Anh, đến thăm Mĩ vào những năm 1830 [N

[91]Công chúa Adelaide, con của Nữ hoàng Victoria.

[92]Theo Tân Ước, Gioan Baotixita, nhà giảng đạo và tiên tri, sống du mục và khổ hạnh, mặc áo long thú, ăn châu chấu và uống mật ong rừng.

[93]Một giống ngựa đua Anh.

[94]Fitchburg: Ga cuối tuyến đường sắt Boston-Fitchburg, chạy qua Walden.

[95]Có lẽ nhắc đến Robert Clive (1725-1774): nam tước, sĩ quan, thiếu tướng, tổng tư lệnh quân đội Anh ở Ấn Độ [N

[96]Acre: mẫu Anh, khoảng 0,4 ha.

[97]Khoảng 36 lít

[98]Arthur Young (1741-1820): tác giả Anh viết về nông nghiệp.

[99]Rod, đơn vị diện tích, khoảng 25,3 m2

[100] Bhagvat-Geeta: cách đọc phiên âm của Bhagavad Gita, bản kinh cổ Ấn Độ bằng tiếng Sanskrit (18 chương)

[101] Vùng thôn quê thanh bình cổ Hi Lạp

[102] Thành cổ Ai Cập

[103] Sách viết về Vitruvius Pollio (thế kỉ I tr. CN): Kiến trúc sư, kĩ sư, tác giả người La Mã.

[104] Linh hồn, tiếng Latin trong nguyên bản.

[105] Fire of Vesta: Ngọn lửa Vĩnh cửu, ở La Mã cổ đại.

[106] Tên của con tàu, vào năm 1620, chở những người di cư Anh đầu tiên đến bờ biển Bắc Mĩ.

[107] Trích luận văn "Về nghề nông" của Marcus Porcius Cato (234-148 tr.CN), chính khách La Mã và nhà văn viết về nông nghiệp.

[108] Trích bài thơ khuyết danh "Nỗi buồn New England", được coi là bài thơ tiếng Anh đầu tiên được sang tác trên đất Mĩ.

[109] "Con cáo cụt đuôi", ngụ ngôn E dôp [N]

[110] Phúc âm, Matthew, 9:6: Vả, hầu cho các ngươi biết Con người ở thế gian có quyền tha tội, thì Ngài phán cùng người bại rằng: Hãy đứng dậy, vác lấy giường, mà trở về nhà ngươi (Thư viện Tin lành, Ma-thi-ơ, chương 9)

[111] Có điều tin nhảm, rằng ánh trăng làm chua sữa [N]

[112] William Shakespeare (1562-1616): Julius Caesar

[113] Lửa đốt rác

[114]William Bartram (1739-1823): nhà thực vật học Mĩ

[115] Theo thần thoại Hi Lạp, sau khi bị đuổi khỏi thiên đình xuống làm nô lệ cho người trần, Apollo đã đến chăn bò cho Admetus, vua của Pherae.

[116] Nguyên văn: "The professions which are full", nghĩa là đã đầy, đã hết chỗ rồi, không có tài không chen vào được.

[117] Robin Tốt bụng (Robin Goodfellow): nhân vật trong truyện dân gian Anh.

[118] Gió khô, nóng, kéo theo cát ở sa mạc.

[119] John Howard (1726?-1790): Nhà cải cách chế độ nhà tù Anh.

[120]Phúc âm, 7, 12.

[121] Sir Francis Bacon (1561-1626): NHà triết học và chính khách Anh.

[122]Oliver Cromwell (1599-1658): Tướng nhiếp chính nước Anh.

[123] John Milton (1608-1674): Nhà thơ Anh.

[124] Isaac Newton (1642-1727): Nhà triết học và toán học Anh.

[125] William Penn (1644-1718): Nhà sáng lập Quaker và Pennsylvania (thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ).

[126] Elizabeth Fry (1780-1845): Nhà cải cách nhà tù Anh.

[127] Eskimo

[128] Người bản xứ ở cực nam Nam Mĩ.

[129] Nhại câu “làm sáng danh Chúa và có Chúa đời đời” (sách Giáo lí vấn đáp Westminster)

[130] Gulistan (“Rose Garden”), tác phẩm cột mốc trong văn học Ba Tư năm 1259, một trong hai kiệt tác của nhà thơ Ba Tư Sadi, thường được trích dẫn như những lời khuyên thông thái.

[131] “Site”: địa điểm, đồng âm với “sight” – quang cảnh.

[132] Chơi chữ: “Premises” có ba nghĩa: 1. cơ ngơi; 2. những điều khoản ghi trong giấy tờ đất; 3. những giả định của người

nông dân về thế giới.

[133] Chơi chữ: ‘Dead”: có ba nghĩa: 1. giấy tờ chính thức; 2. hành động thực tế; 3. lời hứa.

[134] Chơi chữ dựa trên nhiều nghĩa của từ: Ở đây tác giả “nghiên cứu” (cultivate) người chủ trại (cultivator) qua câu chuyện về trồng trọt (cultivation).

[135] Tiếng Latin: cái ghế, ghế ngồi.

[136] Nét điển hình trong những phong cảnh thế kỉ XIX là một cái cây héo tàn đứng ở một góc, nổi bật lên tương phản với cây lá xanh tươi, những dòng nước và những vách núi lởm chởm.

[137] William Cowper (1731-1800): Nhà thơ Anh, trích đoạn Nỗi cô đơn của Alexander Selkirk của Cowper.

[138] Tiền công

[139] Thu hoạch mà tác giả cần không chỉ là thu hoạch vật chất.

[140] Xem lại chú thích

[141] De Re Rustica (Về Nông nghiệp), của Marcus Porcius Cato và Marcus Terentius Varro (116-27 tr. CN)

[142] Những ấn phẩm trong thời gian của Thoreau, như Người trồng trọt Boston hay Người trồng trọt New England.

[143] Nơi ở của các vị thần trong thần thoại Hi Lạp.

[144] Sử thi Hindu thế kỉ 15.

[145] Một loài chim hét ở Bắc Mĩ, sống trong rừng hoặc bụi rậm, long màu hung, phần ức có đốm. Tên Latin Catharus fuscescens.

[146] Chim biết hót thuộc họ Thraupidae ở Bắc Mĩ, hoặc Nam Mĩ, ăn côn trùng và trái cây.

[147] Tên Latin Caprimulgus vociferous.

[148] Tên gọi khác của thần Krishna đạo Hindu.

[149] Pleides, Hyades: tên những chòm sao, đặt theo tên các nữ thần trong thần thoại Hi Lạp.

[150] Aldebaran: ngôi sao lớn trong chòm sao Kim Ngưu (Taurus); Altair: ngôi sao sang nhất trong chòm sao Thiên Ưng (Aquila).

[151] Khuyết danh, xuất bản 1610.

[152] Xem chú thích 68.

[153] "Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân", Đại học (Tứ thư)

[154] Có lẽ đây là những ý nghĩ về sự thán phục của Homer đối với con muỗi, trong Iliad (17.567-73).

[155] Những anh hùng ca Hi Lạp, được cho là của Homer, thế kỉ XVIII tr. CN.

[156] Iliad mở đầu nhắc đến nỗi căm giận của Achilles, Odyssey nhắc đến những ý nghĩ lan man của Odysseus (nhân vật anh hùng trong anh hùng ca Odyssey).

[157] Nguyên văn: "servitor" – gia nhân, nô bộc.

[158] Kinh của Ấn giáo.

[159] Bức tượng vua Memnon ở Ai Cập cổ đại, tương truyền phát ra âm thanh như tiếng đàn harp khi những tia nắng đầu tiên chiếu vào nó.

[160] Aeacus, con trai thần Zeus trong thần thoại Hi Lạp, là vua Oenopia. Khi thần dân của ông ta bị một trận dịch tàn diệt, ông cầu xin cha biến tất cả những con kiến trong một cây sồi cổ thụ thành người.

[161] Ở đầu Iliad III, những người Troy được ví với những con sếu đánh nhau với những người lùn.

[162] Những người Sparta (cổ Hi Lạp) là những người có kỉ luật và khắc khổ.

[163] Phương pháp truyền tin của Morse được phát minh năm 1835 và những năm 1840 đã nhanh chóng lan ra cả nước.

[164] Xe lửa là phương tiện đầu tiên đạt tới tốc độ này, mới có ở Concord một năm trước khi Thoreau chuyển đến Walden.

[165] Tà vẹt, sleeper, trong tiếng Anh còn có nghĩa là "người ngủ". Trong đoạn văn này có một lối chơi chữ, cần lưu ý để hiểu ẩn ý của tác giả.

[166] Chứng bệnh tâm thần, đặc trưng bằng những của động không tự chủ.

[167] Không rung chuông để gọi giáo dân đi lễ, mà kéo chuông theo cách khác để báo cháy.

[168] Sông Wachito, nay là Ouachita, chảy qua Arkansas và Louisiana. Tương truyền, khi dân cư vùng này lao vào đánh nhau, họ cố móc mắt đối phương bằng ngón tay cái.

[169] Liên hệ với tính hình chính trị Tây Ban Nha những năm 1830-40.

[170] Luận ngữ, XIV, 26.

[171] Thần Sáng tạo trong đạo Hindu.

[172] Tên trung tâm thương mại của Concord, “mill-dam” là cái đập kiên cố để trữ nước cho một nhà máy, gọi như thế vì trung tâm thương mại này nằm trên một cái đập cũ đã bị lấp từ lâu.

[173] Một ám chỉ đến những tình tiết trong Odyssey.

[174] Ulysses là tên La Mã của Odysseus trong Iliad và Odyssey của Homer. Để nghe tiếng hát quyến rũ của các nàng tiên cá mà không xuôi theo ước muốn chết người đi theo các nàng, Ulysses cho trói mình vào cột buồm và đổ sáp vào tai các thủy thủ.

[175] Theo dân gian, một chiếc gậy, thường bằng gỗ liễu, khi được giữ theo cách nhất định sẽ tự nó chỉ về chỗ có nguồn nước ngầm gần nhất.

[176] Trong nguyên văn có một lối chơi chữ: “mine” vừa là “đào” vừa có nghĩa “của tôi”. Không chỉ đào ở ngoài, tác giả còn muốn đào bới kho châu báu trong bản thân mình.

[177] Nâng mạng che mặt của Isis, nữ thần cổ Ai Cập, là chọc thủng qua trái tim của một bí mật vĩ đại. Trong đạo Hindu, người nào nâng được mạng của Maya, ảo ảnh của vũ trụ, là trực tiếp thấu hiểu Thượng Đế và bí mật của sang tạo.

[178] Nhà thơ Ba Tư thế kỉ XVIII

[179] Eschylus (525-456 B.C): Nhà viết kịch Hi Lạp.

[180] Những môn học cổ điển: Văn, triết, sử Hi Lạp và La Mã cổ đại.

[181] Những ngôi đền ở Hi Lạp, nơi các nhà tiên tri đưa ra những lời sấm cho những ai đến hỏi

[182] Trừ phi một người được sinh ra lần nữa, anh ta không thấy được nước Chúa (John, 3.3)

[183] Nhiều thế kỉ trôi qua, cho đến tận thời Phục Hưng người ta mới tìm thấy lại những giá trị Cổ điển Hi-La.

[184] Đại đế của Macedon (356-323 tr.CN): Người chinh phục đế quốc Ba Tư. Theo tiểu sử Alexander của Plutarch, Alexander nói rằng ông mang theo Iliad bên mình.

[185] Tác giả chỉ muốn nói đến các bản dịch chưa bao giờ truyền đạt được hết tinh thần của nguyên bản. Bản thân tác giả cũng dịch một số tác phẩm của Eschylus như Prometheus bị xiềng và Bảy tướng đánh thành Thebes.

[186] Nhà thơ La Mã (70-19 tr. CN)

[187] Vatican là nơi có những thư viện tài liệu cổ điển lớn nhất thế giới.

[188] Bản kinh thánh thời Ba Tư cổ đại của đạo của Zoroaster (Zarathrustra) viết bằng tiếng Avestan.

[189] Nhà thơ anh hùng ca Italy (1265-1321)

[190] Thành phố có tên Reading (đọc là redding), bang Massachusetts

[191] Tên những nhân vật trong các tiểu thuyết tình cảm ăn khách thời đó.

[192] Nghìn lẻ một đem: con đường của tình yêu đích thực không bao giờ suôn sẻ.

[193] Điệu nhảy trên đầu ngón chân

[194] Gingerbread vừa có nghĩa là bánh gừng, vừa có nghĩa là loèo loẹt hào nhoáng

[195] Thị trường của các loại sách nghiêm túc luôn luôn khó khan như Thoreau biết rõ, sau thất bại tài chính của cuốn Một tuần trên các dòng song Concord và Merrimack của ông, buộc ông phải quay lại nghề làm bút chì để trả nợ. Ông không phải tác giả đầu tiên chịu cảnh thất bại vì sách hay không bán được.

[196] Plato (427?-347 tr. CN): Triết gia cổ Hi Lạp

[197]Trong cuốn Những cuộc đối thoại của Plato, các nhân vật hỏi những câu hỏi, để Plato có dịp đưa ra những quan điểm của ông, và để cho người đọc quyết định đúng hay sai.

[198] Zoroaster (tức Zarathrustra, 600 tr.CN): nhà tiên tri Ba Tư

[199] Lyceum là hệ thống giáo dục công ở những thành phố nhỏ của New England giữa thế kỉ XIX. Mục đích chính của nó là bảo trợ một loạt bài giảng lưu động mỗi mùa đông. Thoreau là một giảng viên thường xuyên của các lyceum như thế.

[200] Thoreau không đánh giá cao giáo dục của hệ thống trường công, kể cả các trường đại học. Quan niệm của ông về giáo dục chủ yếu là học suốt đời, một mình, với sách và những người thông thái.

[201] Peter Abelard (1079-1142): Nhà triết học và thần học Pháp

[202] Một nơi lí tưởng tưởng tượng, mặc dù tên gọi của nó có nghĩa là “Không nơi nào”. Nhiều người cho rằng Walden là một loại tác phẩm không tưởng.

[203] Một tờ báo của Hội Giám lí

[204] Những nhà xuất bản nổi tiếng ở New York và Boston thời đó.

[205] Harper & Brothers xuất bản một loạt sách có tên "Tủ sách văn học kinh điển chọn lọc", Thoreau thích tự mình chọn hơn.

[206] Pilgrim forefathers: nhưng người sang lập Plymouth, thuộc địa đầu tiên ở Massachusetts.

[207] Thay cho một phần lương, các giáo viên được phụ huynh học sinh chu cấp ăn ở.

[208] Giống như ở sách, để ghi chú khi đọc, ở đây, để suy ngẫm.

[209] Sáng sớm tắm trên đầm Walden. Lưu ý ý nghĩa của tắm đối với Thoreau, xem chú thích 130.

[210] Đúng mùa, ngô lớn cực nhanh

[211] Ngày của tuần theo lịch Gregory, nguyên được đặt theo tên các vị thần trong thần thoại Hi-La, ví dụ: Thứ Năm (Thursday) là từ Zeus/Jupiter...

[212] Người Anhđiêng bản địa Brazil

[213] Cây thuộc chi Solidago ở châu Âu và Bắc Mĩ, hoa vàng nở cuối mùa hè.

[214] Loài chim nhỏ chuyên sống ở vùng lau sậy.

[215] Trích bài thơ của Ellery Channing (1818-1901): Mùa xuân Walden (Boston 1849)

[216] Tân Ước, Mathew 11:28, Hỡi những ai mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ để cho các ngươi được an nghỉ.

[217] Toàn bộ đoạn mô tả con chiến mã lấy cảm hứng từ Cự Ước, Job, 39;19-25.

[218] Ý nói những yếu tố như đất, nước, không khí, và lửa (triết học cổ đại).

[219] Xem chú thích 207. Đây là những toa tàu bị băng tuyết đóng bên ngoài.

[220] Riot Act, có hiệu lực pháp luật ở Anh năm 1715, theo đó nếu 12 người trở lên tự tập gây mất trật tự, họ phải giải tán sau khi nghe đọc luật này, nếu không sẽ bị khép trọng tội.

[221] Xem chú thích 51. Atropos (tiếng Hi Lạp Atropus có nghĩa là không bao giờ đi trật đường): là một trong ba nữ thần số mệnh (Fates).

[222] William Tell, Anh hùng truyền kì Thụy Sĩ, theo truyền thuyết đã bắn trúng quả táo trên đầu đứa con cua ông.

[223] Trận đánh trong chiến tranh Mexico năm 1847.

[224] Napoleon Bonaparte (1769-1821): Danh tướng và Hoàng đế Pháp.

[225] Mũ (nón) bằng lá cọ thông dụng vào thời ấy.

[226] Xơ dừa dùng làm thảm chùi chân

[227] Vải cũ thường được nghiền làm bột giấy, chất lượng tốt.

[228] Khu vực đánh cá ở Bắc Đại Tây Dương, ngoài khơi bờ biển Newfoundland.

[229] Nguyên văn: hogshead, đơn vị đo dung tích Mĩ, bằng 238 lit.

[230] Trích Thiên đường đã mất của John Milton (1608-1674), nhà thơ Anh.

[231] Kinh Thánh, Thi thiên, 50:10, “Vì hết thảy thú rừng đều thuộc về ta, Các bầy súc vật tại trên ngàn núi cũng vậy.”

[232] Con cừu đầu đàn, cổ có đeo chuông.

[233] Kinh Thánh, Thi thiên, 114:4, “Các rặng núi đã nhảy lên như chiên đực; Các dãy đồi đã nhảy cỡn như chiên con”.

[234] Những quả đồi ở nam New Hampshire.

[235] Rặng núi ở Vermont.

[236] Thơ của Thoreau.

[237] Xem chú thích 221

[238] Xem chú thích 148

[239] Tác giả nhắc đến Vở nhạc kịch của các Nữ hoàng của Ben Jonson: “Ta sẽ cho ngươi một tiếng hú: Húú!”.

[240] “Thế nào đây các ngươi, những phù thủy bí ẩn, đen tối lúc nửa đêm?” (Macbeth).

[241] Tiếng kêu của con cú

[242] “Hỡi ôi Thế là tôi đã được sinh ra” (Chaucer, Sách của Nữ Công tước).

[243] “Tất cả các ngươi, ai đã bước chân đến đây, hãy từ bỏ hi vọng” Dante, Địa ngục 3.19.

[244] Một giống chim ở Bắc Mĩ

[245] Gợi đến con song Styx tối tăm sâu thảm ở địa ngục.

[246] Nguyên văn: most aldermatic (giống ông ủy viên hội đồng nhất). “Aldermatic” là ủy viên hội đồng thị trấn, tức một nhân vật khả kính ở địa phương, thường được biếm họa với cái bụng phệ.

[247] Một loại cây thuốc, lá hình trái tim, mọc nhiều ở Bắc Mĩ.

[248] Benjamin Franklin: “Ngủ sớm và dậy sớm khiến ta mạnh khỏe, thông minh và giàu có”.

[249]Thơ Thomas Grey, nhà thơ Anh (1716-1771).

[250] Theo lí thuyết về tâm trạng của Hi Lạp, nỗi buồn là do thứ dịch mà màu đen của mật gây ra.

[251] Eol là Thần Gió trong thần thoại Hi Lạp. Người Cổ Hi Lạp đã làm ra những cây đàn hạc (*harp*) với dây đàn rung tiếng nhạc khi có gió thổi qua.

[252] Trích Croma, “Bài thơ về Ossian” của nhà thơ Anh James Macpherson (1736-1796).

[253] Thoreau sống bên đầm Walden từ 1845 đến 1847. Tiểu thuyết Walden đến 1854 mới xuất bản.

[254] Khu thượng lưu ở Boston

[255] Khu tai tiếng trước đây ở New York City, nằm giữa tòa thị chính NY ngày nay và Chinatown.

[256] Brighton, nay là một vùng của Boston, thời đó có nhiều lò sát sinh và chợ của nông dân. “Bright” là tên nông dân gọi một giống bò được ưa thích.

[257] Trích Khổng Tử, Trung dung, chương XVI.

[258] Khổng Tử, Luận ngữ, IV, 25 “Đức bất cô, tất hữu lân”. – Người có đức thì không cô độc, tất có người đồng đạo kế bạn với mình như ở đâu thì có láng giềng ở đó (Nguyễn Hiến lê dịch)

[259]Indra là Thần sấm sét, một trong những vị thần tối cao của đạo Hindu.

[260] Blue devils: tên dân dã của chứng bệnh âu sầu bệnh tưởng Hypochondriac Melancholy.

[261] Một hiện tượng thiên văn: *parhelion* hay *sundog*.

[262] Cây cao, ở châu Á và châu Âu, hoa màu vàng, màu giống hoa oải hương hoa màu trắng.

[263] Vì cái đầm là :Giọt nước của Trời" và không ai đào ra cả, vậy vị khách thăm này chắc chắn là Thượng Đế.

[264] Hai trong số những kẻ giết vua Anh Charles I, trốn trong Thung lũng Sông Connecticut, Mĩ (Harley).

[265] Thomas Parr của nước Anh, được truyền tụng đã sống 152 năm.

[266] Một trong những con sông chảy qua địa ngục Hades trong thần thoại Hi Lạp.

[267] Hygeia là nữ thần sức khỏe Hi Lạp, con gái của thầy thuốc trong Iliad. Juno sau khi ăn một cây rau diếp thụ thai sinh ra Hebe, Hebe là nữ thần tuổi trẻ và là người cầm cốc cho các thần.

[268] Những khách sạn ở Boston, New York và Concord.

[269] "Trái núi chuyển dạ ầm ĩ, và đẻ ra một con chuột nhắt vớ vẩn" (Horace, De Arte Poetica, I, 139).

[270] Withdrawing room (chơi chữ, so với drawing room: phòng khách). Chữ drawing room ban đầu chỉ phòng riêng dành cho phụ nữ "rút lui" vào sau bữa tiệc, để những người đàn ông ngồi lại uống rượu và hút thuốc.

[271] Trong thần thoại Hi Lạp, Cerberus là con chó ngao 3 đầu canh cửa địa ngục. Hercules được lệnh đi bắt Cerberus, và đây là kì công thứ 12 nguy hiểm nhất của chàng.

[272] Massassoit (1585-1660): Thủ lĩnh người Anhđiêng, thân thiện với những người hành hương (Pilgrim – xem chú thích 209).

[273] Homer, thế kỉ XVIII tr.CN, nhà thơ anh hùng ca Hi Lạp.

[274] Paphlagonia: một nước thời cổ ở phía bắc Tiểu Á, có rất nhiều rừng rậm, và người dân ở đó rất nhiều người là thợ rừng.

[275] Xem chú thích 79 gì đó

[276] Trích Iliad, quyển XVI, của Homer. Achilles kết bạn với Patroclus, như Thoreau kết bạn với người thợ rừng.

[277] Đã có một nhà triết học đề cập đến ý tưởng này: Lí thuyết của Gottfried Leibniz về "thế giới tốt nhất trong mọi thế giới có thể có" về thực chất là một phiên bản ngoại suy của câu này "Không, tôi thấy nó quá đẹp rồi". Tuy nhiên Leibniz và người thợ rung này có những ý hướng hoàn toàn khác nhau: Liebniz chủ yếu quan tâm đến bản chất của vũ trụ, còn người thợ rừng, như Thoreau mô tả, dường như không quan tâm đến những vấn đề trừu tượng. Tuy nhiên cả hai mang một cảm quan về hòa bình và trật tự.

[278] Từ Latin pecunia – tiền có gốc từ pecus – gia súc.

[279] Nguyên văn: half-witted. Wit là thông minh, lanh trí, hóm hỉnh; "half-witted" nghĩa đen là "một nửa thông minh", tức là khờ dại.

[280] Xem chú thích 283

[281] Matthew, 23:12, "Kẻ nào tôn mình lên thì sẽ bị hạ xuống, còn kẻ nào hạ mình xuống thì sẽ được tôn lên".

[282] Ở đây Thoreau tạo ra một từ không có trong từ vựng tiếng Anh: “hospitalality” từ chữ “hospitality” là lòng hiếu khách, và gần với chữ “hospitaller” – thành viên một tổ chức tôn giáo từ thiện, chăm sóc người ở bệnh viện.

[283] Mặc dù Thoreau đã giúp đỡ nhiều nô lệ trên đường họ bỏ trốn đến Canada tìm tự do, ông không bao giờ dung căn nhà ở Walden cho mục đích này, vì nó quá nhỏ bé và lộ liễu, mà sử dụng nhà của cha mẹ ông ở Main Street.

[284] Ngụ ngôn Aesop “Con gà trống và con cáo”.

[285] “Lũ chó săn đang tru trên đường của tôi/Ôi, người Cơ đốc nhân từ, ông không trả chúng tôi lại chứ?”. Trích dẫn từ bài thơ Người hát rong Tự do của George W. Clark, New York, 1845.

[286] “Ay, there’s the rub” Hamlet, III, 1.

[287] Tác giả chơ chức “hen-harriers” và “men-harriers” những từ ghép do tác giả tạo ra.

[288] Ám chỉ cảnh sát liên bang truy đuổi những nô lệ chạy trốn.

[289] Xem chú thích 6

[290] Antaeus, người khổng lồ trong thần thoại Hi-La, có sức mạnh từ đất.

[291] Cây địa nhĩ thảo (theo bản tiếng Nga: ....)

[292] Thoreau sinh ở Concord. Năm 1818 gia đình ông chuyển đến Chelsmfort, rồi năm 1821 đến Boston, năm 1823 quay về Concord và định cư vĩnh viễn ở đó.

[293] Ý nói đậu: theo một nghĩa nào đó mọi thứ cây là cỏ dại từ khi mọc cứ lớn lên không cần chăm sóc; mặt khác, cỏ dại là thứ

cây không được ưa chuộng.

[294] Cha Henry Colman (tác giả viết nhầm tên ông, 1785-1848) quan chức nông nghiệp Massachusetts, từ 1838 đến 1841 đã công bố bốn khảo sát về tình hình nông nghiệp của Massachusetts.

[295] Rans des Vaches (đúng ra là Ranz...): bài hát của những người chăn bò Thụy Sĩ, được dẫn trong Wlihem Tell của Schiller.

[296] Nicolo Paganini (1782-1840): nghệ sĩ vĩ cầm vĩ đại nhất mọi thời đại, có tài chơi nhiều khúc nhạc trên một dây.

[297] Nhạc có đề tài tôn giáo.

[298] Virgil (Publius Vergilius Maro) 70-19 tr. CN: nhà thơ La Mã, viết nhiều về trồng trọt, cây cối, gia súc và ong.

[299] Quả chuông nhỏ leng keng.

[300] Xem chú thích 63

[301] Có một chút mỉa mai châm biếm

[302] Lúc này Mĩ đang có cuộc chiến tranh với Meehicô (mà Thoreau phản đối). Đây là một câu nói mỉa mai.

[303] Trong Iliad của Homer, Hector là dũng sĩ thành Troy, bị Achilles giết.

[304] Pythagoras (582-507? TCN): nhà triết học và toán học Hi Lạp; tương truyền ông cấm môn sinh của mình ăn đậu.

[305] Thời cổ người ta dùng đậu để biểu quyết việc kết tội trong tòa án.

[306] John Evelyn (1620-1706): Nhà làm vườn và nhà văn người Anh.

[307] Xaba (Sabath): Ngày nghỉ ngơi và thờ phụng Chúa.

[308] Sir Kenelm Digby (1603-1665): Trung ta hải quân Anh, nhà ngoại giao, nhà vật lý, nhà văn.

[309] Theo Cato (xem chú thích 103): "người ông chủ nên là người bán, không nên là người mua".

[310] Trong chương "Kinh tế".

[311] Thời đó có tục lệ các đại biểu Quốc hội phân phát hạt giống miễn phí cho cử tri của mình.

[312] Francis Quarles (1592-1644): nhà thơ Anh. Trích đoạn trong Lời tiên tri của đấng chăn chiên.

[313] Nữ thần Nông nghiệp trong thần thoại La Mã.

[314] Tên khác của thần Jupiter.

[315] Thần của cải trông thần thoại La Mã.

[316] Nguyên văn "King Saturn", thần Nông nghiệp trong thần thoại Hi Lạp.

[317] Village: khu dân cư, đây có lẽ tả một thị trấn.

[318] Vì đàn bà không đi ra đường để ông thấy mặt.

[319] Redding & Company's là nhà bán sách trên đường số 8 State Street, Boston.

[320] Gió mùa hè Địa Trung Hải.

[321] Nguyên văn "gauntlet", một hình phạt của người Anhđiêng và của các thuyền buồm, kẻ bị phạt phải chạy giữa hai hàng người (thủy thủ) trang bị dây thừng, roi, đá, hay nắm đấm. Đây là một ẩn dụ trào lộng.

[322] Nguyên văn: "Slight ground or window tax" (thuế đất và cửa sổ), thời thuộc địa, thuế nhà được tính theo số cửa sổ của

ngôi nhà.

[323] Một nhạc sĩ trong thần thoại Hi Lạp, mà tiếng nhạc có sức mạnh thần kì.

[324] Syren: Những nữ thần biển trong thần thoại Hy Lạp, có tiếng hát mê hồn những người đi biển.

[325] Trong tác phẩm Bất tuân dân sự (Civil Dissbedience) của ông, xuất bản năm 1849, Thoreau bày tỏ sự phản đối của ông (thông qua việc từ chối đóng thuế) đối với những hành động phi đạo đức của chính phủ: chế độ nô lệ, chiến tranh Mêhicô.

[326] Nguyên văn odd-fellow society, một lối chơi chữ, từ tên gọi "Odd-Fellow Society": một hội ái hữu và tự thiện bí mật ở Anh thế kỉ XVIII, tiền thân của hội ái hữu IOOF (Inderpendent Order Odd Fellows) ở Mĩ thế kỉ XIX. "Odd-fellow" nghĩa là người "kì quặc", ở thời đó, những người lập hội vì mục đích cứu trợ người khác bị coi là kì quặc.

[327] Ở phía tây-nam đầm Walden, bên ông Sudbury.

[328] Alexander Pope (1688-1744): Dịch giả tiếng Anh Iliad và Odyssey của Homer.

[329] Khổng Tử, Luận ngữ, chương XII, 19

[330] Trích bài thơ Lycidas của nhà thơ Anh John Milton (1608-1674).

[331] Thành phố Boston ban đầu được xây dựng trên ba quả đồi Copp's, Fort và Beacon Hills.

[332] Chơi chữ: Coenobite là tên một giáo phái, nhưng đọc lên như "See No Bite": Chỉ nhìn, không cắn.

[333] Tạm dịch tên một loài cá nhỏ nước ngọt, perch.

[334] Tạm dịch tên một loài cá nhỏ nước ngọt, shiner.

[335] Nguyên văn: “nguyên tố này” (Xem chú thích 221). Ở đây là nước.

[336] Xem chú thích 9

[337] Một foot bằng 0,3048 m.

[338] Michael Angelo (1475-1564): Nhà điêu khắc, họa sĩ, nahf thơ Italy.

[339] Nguyên văn: 25-30 foot.

[340] Loài cây mọc dưới nước

[341] Nước. Xem chú thích 221

[342] Rod. Khoảng 5 hoặc 10 mét.

[343] Castalia là nữ thần trong thần thoại Hi Lạp, bị Apollo biến thành một suối nước ở Delphi, dưới chân núi Parnassos. Castalia có thẻ khơi nguồn thi hứng cho những ai uống nước suối ấy.

[344] Her: Concord được nhân cách hóa trong mạch văn của tác giả.

[345] Ít nhất có một người định cư đầu tiên ở Concord đến từ Saffron Walden, một thành phố của Anh.

[346] Sôi không phải vì nóng, mà vì có nhiều bọt khí nổi lên.

[347] Cá chó (Anh: Pickerel) hay cá măng. Tên Latin: esox Lucius.

[348] 7 pound: khoảng hơn 3kg.

[349] 5 inch = 12,7 cm

[350] Một giống cá nước ngọt, họ Cyprinidaae ở Bắc Mĩ

[351] Dạng lưới

[352] Có đốm

[353] Chim nhỏ lông đốm, sống ở gần nơi có cát ướt, gần các dòng sông.

[354] Tạm dịch tên một loài cá nước ngọt (*Leuciscus cephalus*)

[355] Trong Nhật kí, Thoreau giải thích ông có thói quen cúi gập người nhìn phong cảnh qua giữa hai chân, để thấy một quang cảnh mới. Các họa sĩ đôi khi dung lối nhìn này.

[356] Skater (water-stride): côn trùng chân dài thuộc họ Gerridae, đứng được trên mặt nước.

[357] Cây dại, lá có gai, hoa đỏ thắm, trắng hoặc vàng.

[358] Nguyên văn: skylight – cửa sổ trên mái nhà.

[359] Trước đây Thoreau từng làm việc trong xưởng làm bút chì của cha ông, và có lúc là thầy giáo.

[360] Nhiều bạn đọc sau này đã đồng cảm với Thoreau coi Walden thiêng liêng như sông Hằng. Dự án lấy nước từ nó không bao giờ được thực hiện, và Concord quyết định lấy nước từ Nagog ở Acton, chứ không phải Walden.

[361] Con sông thiêng liêng ở Ấn Độ.

[362] Quân Hi Lạp nấp trong bụng con ngựa gỗ khổng lồ, và dụ dân Troy kéo vào thành. Khi đêm xuống, quân Hi Lập chui ra phá hủy thành Troy.

[363] Nhân vật chính trong một bài ca cổ Anh, dũng sĩ giết rồng (Bishop Percy, “The Dragon of Wantley”, Reliques of Ancient English Poetry).

[364] Một đoạn đường sắt Fitchburg, phía tây bắc Walden đất được đào xuống một độ sâu nhất định, để tạo mặt bằng cho đường sắt. Thoreau đã mô tả: “dài một phần tư dặm, sâu ba, bốn chục foot “.

[365] Nhiều năm sau khi Thoreau mất, Walden được khai thác làm nơi nghỉ dưỡng.

[366] Khu thương mại của Boston

[367] Đây là Emerson, bạn của Thoreau.

[368] Cây có hoa trong họ Diên vĩ.

[369] Đây là một loài tảo, thuộc chi Cladophora

[370] Loài thực vật sống lưu niên dưới nước eriocaulon septangulare, có lá xanh trong mờ, cuống hoa xắn, hoa trắng, nhỏ như những cái khuy.

[371] Thoreau lúc đầu muốn làm một căn nhà trên bờ đầm Flint, nhưng bị chủ của nó, Mr Flint, từ chối.

[372] Theo tên Icarus, một nhân vật thần thoại Hi Lạp, trốn khỏi đảo Crete bằng đôi cánh sáp do cha mình làm ra; vì bay quá gần mặt trời nên sáp chảy, Icarus rơi cuoogns biển Aegean chết đuối.

[373] Trích tác phẩm Icarus của William Drummond of Hawthornden (1585-1649).

[374] Ở New England thời ấy, những chủ đất muốn đắp đập ngăn để lợi dụng sức nước cần được cộng đồng cấp một giấy chứng nhận “đặc quyền”

[375] Gia đình Thoreau có xưởng làm giấy nhám.

[376] 60-75 mét

[377] Khoảng 10-12 mét

[378] Druid: tu sĩ của một tôn giáo cổ ở Xen tơ.

[379] Trong huyền thoại Scandinavia, Valhalla là ngôi đền bất tử thờ những anh hung tử trận.

[380] Shingle tree: một loại gỗ thích hợp để làm ván lát.

[381] Nhà điêu khắc nổi tiếng người Ý (1500-1571).

[382] Một lâu đài ở Rome, lúc đầu là lăng mộ của Hoàng đế Hadrian.

[383]Xem chú thích 362 gì đó.

[384] Kinh Thánh, Cựu Ước, Truyền đạo, 12:1. "Trong buổi còn thơ ấu hãy tưởng nhớ Đấng Tạo hóa ngươi, trước khi những ngày gian nan chưa đến, trước khi những năm tới mà ngươi nói rằng: Ta không lấy làm vui lòng".

[385] Guy Fawkes (1570-1606): Tín đồ công giáo, bị treo cổ vì âm mưu làm nổ tung Nghị viện Anh.

[386] Nguyên văn: người bà của Adam của anh ta. Ý nói John Field vẫn theo những tập tục còn xưa hơn cả thờ Adam.

[387] Nguyên văn: *talaria* – gót chân (hay đôi dép) có cánh của các vị thần trong thần thoại Hi Lạp.

[388] HigherLaw: Khái niệm thường được dung bởi các nhà siêu nghiệm, ý nói có những bộ luật của lương tâm, còn cao hơn những luật lệ do con người đặt ra.

[389] Thiên nhiên

[390] Tên gọi chung những tổ chức thiện nguyện bảo vệ động vật chống lại những hành vi ngược đãi chúng.

[391] Kinh Thánh, Mac, 1:17. (Khi Jesus đi trên bờ biển Galile, người thấy Simon và em là Andrew đang quăng lưới xuống biển, vì họ là ngư phủ). Đức Chúa Jesus phán với họ: “Hãy theo Ta! Ta sẽ khiến các ngươi trở nên nhưng tay đánh lưới người”.

[392] Geoffrey Chaucer (1340?-1400): Những câu chuyện Canterberry.

[393] Những bộ lạc Anhđiêng Mĩ có nguồn gốc ở phía bắc song St. Lawrence.

[394] Nguyên văn phil-anthropic (Phil: yêu, anthropic: loài người). Tác giả muốn nói không chỉ yêu riêng loài người, mà yêu cả những sinh vật nói chung.

[395] Đại học, Chương 7:” Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực bất tri kì vị”.

[396] Mạnh Tử, Li Lâu, phần hai” “Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả, ki hi. Thứ dân khử chi, quân tử tồn chi”.

[397] Trích bản dịch từ tiếng Hindu của Raja Rammonhun Roy (1772-1833).

[398] Nguyên văn: Faun và Satyr, những vị thần nửa người nửa dê trong thần thoại La Mã.

[399] Farmer (nông dân) được dùng như một cái tên điển hình, hơn là nói đến một con người cụ thể.

[400] Là nhà thơ Ellery Channing (1817-1901), bạn của tác giả. Cuộc đối thoại sau đây được cho là giữa tác giả (*ẩn sĩ*) với Channing (*nhà thơ*).

[401] Nguyên văn: “con Bose” (tên thông dụng của một con chó).

[402] Pilpay được coi là tác giả của một tập truyện ngụ ngôn có nguồn gốc Đông Ấn Độ.

[403] Tức là, dùng làm nhân vật ngụ ngôn, như trong ngụ ngôn Aesop.

[404] Chim lông nâu mỏ dài chân ngắn và đuôi ngắn.

[405] Những chiến binh cùng Achilles chiến đấu trong cuộc chiến thành Troy.

[406] Khẩu hiệu của Công tước Kent. Nó cũng được ghi trên lá cờ của Dân quân Bedford, trong trận Concord.

[407] Theo truyền thuyết, những người mẹ Sparte nói với con trai chiến binh của mình như thế. Plutarch, Sayings of Spartan Women, 16: "... người mẹ Sparte, khi bà đưa cho con trai chiếc khiên, đã cổ vũ anh: "Hoặc mang nó về, hoặc nằm trên nó mà về".

[408] Achilles vì oán giận Agamemnon, từ chối tham gia trận chiến thành Troy. Nhưng khi bạn chàng Patroclus bị giết, chàng lên đường ra trận.

[409] Trận Concrod diễn ra ngày 19 tháng Tư năm 1775, trong cuộc Chiến tranh Cách mạng (giành Độc lập) là một trong những trận đánh nổi tiếng nhất trong lịch sử nước Mĩ.

[410] Auserlitz và Dresden là nơi diễn ra hai trận đánh đẫm máu nhất của Napoleon.

[411] John BUttrick, chỉ huy lính Mỹ ở Concord.

[412] Hai người Mĩ bị giết ở Concord.

[413] Người Mĩ rất căm phẫn việc quân Anh sử dụng lính đánh thuê Hessian (người Đức, bang Hesse)

[414] Đây là thứ thuế nước Anh đánh trên các thuộc địa, gây căm phẫn dẫn đến cuộc cách mạng.

[415] Ở Charlestown, bang Massachusetts, ngày 17 tháng Sáu, 1775.

[416] Hotel des Invalides: Tên gọi một bệnh viện lớn ở Paris, dành cho thương phế binh.

[417] Kirby và Spence là những tác giả cuốn Nhập môn Côn trùng học (Philadelphia, 1846, 361-2).

[418] Pirre Huber (1777-1840): nhà côn trùng học người Pháp, tác giả cuốn Nghiên cứu tập tính các giống kiến ở địa phương, Paris, 1810, trong đó (chương V), đưa ra những mô tả được Kirby và Spence (Woodson, 1975) diễn giải.

[419] Eneas Sylvius: Biệt hiệu của Giáo hoàng Pius II (1405-1464).

[420] Eugenius IV (1383-1447): Giáo hoàng 1431-1437.

[421] Tổng Giám mục Uppsala, nhà sử học Thụy Điển (149001558).

[422] Vua Đan Mạch (1481-1559) bị phế truất năm 1532.

[423] James Polk là tổng thống từ 1845 đến 1849).

[424] Daniel Webster không phải là tác giả Dự luật về Nô lệ bỏ trốn (cho phép các cảnh sát trưởng bắt giữ nô lệ chạy trốn), nhưng bị những người theo chủ nghĩa bãi nô lên án vì tham gia vào việc thông qua dự luật này.

[425] Nhắc đến con ngựa có cánh Pegasus trong thần thoại Hi Lạp, tượng trưng cho thơ ca và nguồn cảm hứng.

[426] Súng có bằng sáng chế, không phải tự chế.

[427] Những nữ thần Mùa màng và Thông thái.

[428] Chẳng hạn, đã được làm trong những cột và gờ đắp nổi trên trần tòa nhà Bộ Nông nghiệp ở Washinton D.C.

[429] Vua Babylon.

[430] Cựu Ước, Sáng Thế Kỉ, 28:11 “Tới một chỗ kia, mặt trờ đã khuất, thì qua đêm tại đó. Người lấy một hòn đá làm gối đầu, và nằm ngủ tại đó”.

[431] Tác giả tự trào. Nhiều người cho rằng Thoreau là người cứng nhắc và khó gần.

[432] Ellery Channing, nhân vật nhà thơ trong chương trước.

[433] Cato: Xem chú thích 107 gì đó

[434] Firkin: Khoảng 40 lit

[435] Lit Anh, bằng 1,14 lit

[436] Peck: khoảng 8 lit Anh

[437] Nguyên văn “bánh gừng”, xem chú thích 197 gì đó

[438] Nguyên văn “parlaver”, một từ do tác giả tạo ra, bằng cách ghép “parlor” (phòng) với “palaver” (nói chuyện).

[439] North West Territory: vùng tây bắc song Ohio, gồm các bang Ohio, Michigan, Minnisota và Wisconsin.

[440] Đảo của Anh trong biển Ai Len.

[441] Giống trai nước ngọt

[442] Kính lúp dùng để tập trung các tia của mặt trời, sinh ra lửa.

[443] Trong thần thoại La Mã, Vulcan là thần Lửa, và Terminus là thần của các ranh giới. Ý nói những cây ấy đã quá mục không

dùng làm hàng rào được nữa, nên ông dung àm củi.

[444] Cựu Ước, Châm ngôn, 9:17, “Nước ăn cắp sao mà ngọt đến thế! Bánh ăn vụng thật ngon hết chỗ chê!”.

[445] Khoảng năm mét

[446] William Gilpin (1724-1804): Họa sĩ, nhà giáo dục Anh, tác giả Remarks on Forest Scenery (Edinburgh, 1834).

[447] Đơn vị đo củi, bằng 3,62 m3

[448] Khi lưỡi rìu cùn, người ta nung nóng và dung búa đàn mỏng ra và mài lại.

[449] Củi dễ bắt lửa để nhóm bếp

[450] Lớp mềm bên ngoài của gỗ

[451] Vì chuột chũi là loài ăn thịt, đây chắc là chuột đồng (Theo Teale)

[452] Nguyên văn: những sợi chỉ. Xem chú thích 46

[453] Ngày Thứ Sáu Lạnh giá là ngày 19, tháng Giêng, 1810

[454] Trận Bão tuyết lớn ngày 10 tháng Mười Hai năm 1717

[455] Ellen Sturgis Hooper (1812-1848) nhà thơ Mĩ, đây là đoạn trích từ bài Lửa Rừng (The Wood Fire) của bà.

[456] Xem chú thích 221

[457] không phải Cato Uticensis của La Mã, mà là Cato của Concord. Cato Uticensis là cháu của Marcus Porcius Cato (xem chú thích 108).

[458] Ngôi mộ

[459] Tên gọi một viên tướng La Mã đánh bại Hannibal.

[460] William Davenant (1606-1688) nhà thơ và nhà viết kịch Anh.

[461] Xem chú thích 311?

[462] Alexander Chalmers (1759-1834): nhà viết tiểu sử Scottland.

[463] Người Nervii, một bộ lạc Celto-Germanic chiếm Flanders, bị Caesar đánh bại năm 57 tr. CN. Ở đây tác giả chơi chữ, chữ Nervii gần giống với Nerve "thần kinh", "tình trạng lo lắng..."

[464] Nguyên văn "tub": động cơ cứu hỏa kéo bằng tay.

[465] Khi trong nhà không có tài sản gì thế chấp, viên thu thuế gắn một mẩu gỗ tượng trưng.

[466] Jeremiah, 18:6 "Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, đất sét ở trong tay thợ gốm thế nào, thì các ngươi cũng ở trong tay ta thế ấy"

[467] Quoild, phát âm như "coil" – cuộn

[468] Kể lại trận đánh

[469] Tên gọi con cáo trong văn học

[470] Beggar-ticks: cây có gai hay móc vào quần áo.

[471] Trận 1815, nơi Wellington đánh bạn Napoleon

[472] Trích đoạn *Thiên đường đã mất* của John Milton (xem chú thích 334?)

[473] Loài cú Bắc Mĩ có mắt đen, sọc màu nâu rộng ngang ngực và sọc ở phần dưới.

[474] Mathew, 5, 39: "Song ta bảo các ngươi, đừng chonngs cự kẻ dư. Trái lại, nếu ai vả má bên hữu ngươi, hãy đưa má bên kia cho họ luôn".

[475] Nguyên văn skunk-cabbage: cỏ thường anh mọc ở vùng đầm lầy miền đông Bắc Mĩ, lá rộng, hoa có mùi hôi, tên Latin Symplocarpus foetidus.

[476] Tham hảo Emerson Học giả Mĩ: "Người thợ cày, kẻ được đưa ra đồng để kiếm cái ăn, không mấy khi biết cảm kích phẩm giá đích thực của vị mục sư của mình. Hắn ta không nhìn xa khỏi giạ lúa hay xe lúa của hắn, nên đã thụt xuống thân phận anh thợ cày, chứ không là Người chủ trại".

[477] Amos Bronson Alcott (1799-1888): người thầy và triết gia siêu nghiệm. Walter Harding viết "Thoreau là người đầu tiên nhận ra thiên tài của Alcott, và Alcott là người đầu tiên nhận ra thiên tài của Thoreau".

[478] Trích thơ Thomas Storer, trong Cuộc sống và cái chết của đức Hồng y Thomas Wolsey (1599).

[479] Old Mortality, tên nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên của Sir Walter Scott, người thợ khắc đá đi từ nghĩa trang này sang nghĩa trang khác để khắc lại những tấm bia mộ.

[480] Các quán trọ bên đường thường có tấm biển ghi "Có chỗ nghỉ cho người và súc vật (như lừa, ngựa...)"

[481] Ralph Waldo Emerson (1803-1882): bạn thân của Thoreau.

[482] Bản kinh đạo Hindu, có 18 truyện (Walden cũng có 18 chương).

[483] "Nhưng không bao giờ còn thấy được một người từ thành phố đến" trích *Trẻ em ở trong Rừng*, một khúc ballad Anh.

[484] Ở Bắc Đại Tây Dương giữa Canada và Greenland.

[485] Cách Thoreau gọi Eskimos.

[486] Một vịnh lớn phía Bắc Canada.

[487] Tác giả nhắc đến sự kiện con ngỗng báo động tòa thành khi những người bản xứ Gaul chiếm La Mã năm 390 tr.CN. Xem: Livy, Lịch sử La Mã, 5.47.

[488] Theo thần thoại Hi Lạp, Actaeon là thợ săn bị biến thành con hươu, rồi bị chính đàn chó của anh ra săn và giết.

[489] Một thị trấn gần Concord.

[490] Sổ kế toán hay nhật ký.

[491] "Có thể là một con bê chăng?" – ghi chú của chính tác giả.

[492] Chiến tranh Pháp-Ấn, 1754-60

[493] Cựu Ước, Sáng thế kí: "Người là một tay thợ săn can đảm trước mặt Đức Giê-hô-va. Bởi có đó, có tục ngữ rằng: Hệt như Nim-rốt, một tay thợ săn can đảm trước mặt Đức Giê-hô-va".

[494] Harivansa: Anh hùng ca Hindu thế kỉ XV.

[495] Thời đó những người bán cá thường thổi tù và để rao trên đường phố, nhưng cá chó đen không phải loại cá thường để ăn.

[496] Waldenses hay Waldensian là một nhóm tôn giáo ở Lyon cuối thế kỉ XII, mà người khởi xướng thành lập là Peter Waldo, một nhà buôn giàu có đã phân phát hết của cải của mình, cho rằng thuyết giáo nghèo khổ là con đường đi đến hoàn thiện.

[497] Xem chú thích 248?

[498] 453,592 gam

[499] Nhà tự nhiên học người Anh.

[500] Sải 1,82 m.

[501] Trích Thiên đường đã mất John Milton.

[502] Achilles, anh hùng trong thần thoại Hi Lạp, sinh ra ở miền núi.

[503] Một dụng cụ đo chênh lệch độ cao giữa hai điểm, bằng một ống bọt nước (ni-vô).

[504] Xem lại chú thích nào đó nội dung “Các ngươi chớ lấy của cải ở dưới đất,...

[505] Một bộ tộc sống ở miền đất đai trù phú quanh năm có ánh mặt trời xa xăm trên phương bắc (theo thần thoại Hi Lạp).

[506] The New England là một tờ báo xuất bản tại Quincy Hall ở Boston

[507] Mặt đất, chứ không phải mặt đầm đóng băng.

[508] Chỗ thụt xuống trên mặt đường, thường do bang tan gây ra, hay do xe cộ đi qua chỗ hổng.

[509] Xem chú thích 358?

[510] Madras, Bombay, và Calcutta mua nước đá (băng) từ New England.

[511]Xem chú thích 101?.

[512] Ba vị thần đạo Hindu

[513] Con sông lớn chảy theo hướng đông qua các bình nguyên bắc Ấn sang Bangladesh.

[514] Đại Tây Châu (Atlantis) là châu lục huyền thoại, được coi là nằm dưới đáy Đại Tây Dương (Atlantic).

[515] Những hòn đảo tây Địa Trung Hải theo thần thoại Hi Lạp, nơi những người con gái của Atlas và Hesperus bảo vệ cây táo

vàng (hái táo vàng tại đây là một trong những 12 kì công của Hercules)

[516] Nhà thám hiểm Carthagiơ thế kỉ III tr. CN

[517] Các đảo ở nam Philippines

[518] Alexander Đại đế (356-323 tr. CN): vua Hi Lạp, là người chu du nhiều nhất trong thờ của mình, ông muốn chinh phục tất cả những mảnh đất mà ông đặt chân đến.

[519] 32°F = 0°C

[520] Xem chú thích 453?

[521] Nhân vật trong Kinh thánh Do Thái giáo, được cho là sống lâu nhất (như kiểu ông Bành Tổ) (Sáng Thế Kí, 5”27: “Mê-tu-sê-la hưởng thọ được chín trăm sáu mươi chín tuổi”).

[522] Thoreau đưa vào trong đoạn này những từ tiếng Hi Lạp, Latin và tiếng Anh, nhưng tự ý biến đổi cả nguyên và ngữ âm của chúng, cho nên toàn bộ lập luận ở đây mang tính nửa đùa cợt.

[523] Liên tưởng ý trong Kinh thánh: con người (trong tay Chúa) nư “đất sét trong tay người thợ gốm” (Jeremiah 18:6).

[524] Tên Latin, một loài địa y dạng lá mọc trên vách đá.

[525] Tiếng Latin, nghĩa là “môi”

[526] Jean Francois Champollion (1790-1832): nhà nghiên cứu Ai Cập cổ đại người Pháp, đã giải mã tảng đá Rosetta, nhờ đó đọc được chữ tượng hình Ai Cập cổ đại.

[527] Chữa leaf vừa có nghĩa là lá cây, vừa có nghĩa là tờ giấy, trang sách.

[528] Nhắc đến một thuyết sinh lí học cho rằng gan, ruột là nguồn của long trắc ẩn.

[529] Thor là Thần Sấm Scandinavi. Lưu ý chữ Thor – là một phần tên của Thoreau, và cái đầm sấm sét của ông.

[530] Cây thuộc chi Solidago, ở châu Âu và Bắc Mĩ, hoa màu vàng và nở vào cuối mùa hè.

[531] Một loài cỏ lá hẹp có hoa nhỏ.

[532] Xem chú thích 262?

[533] Xem chú thích 293?

[534] Cây thuộc họ hao hồng ở Bắc Mĩ, lá có long tơ, hoa nở thành chum, hình búp măng màu trắng hoặc hồng.

[535] "Weed" vừa có nghĩa "cỏ dại", vừa có nghĩa "đồ tang".

[536] 'Và cỏ được những trận mưa sớm gọi ra đang mọc lên" – M. Terenti Varronis (Varro).

[537] Xem biểu tượng của lá cỏ trong Bài ca về chính tôi của Walt Whitman.

[538] Kinh thánh: "Vì con ta đã chết và bây giờ sống lại" (Luke, 15:24)

[539] Tên khao học của chim cổ đỏ ở Bắc Mĩ.

[540] Theo thần thoại Hi Lạp, Vũ trụ được ttajo ra từ trạng thái ban đầu không hình thù (Hỗn độn); ngay sau đó bắt đầu Thời đại Hoàng kim trong sang, thanh bình, hạnh phúc.

[541] Một nước Arập cổ ở phía đông Israel ngày nay.

[542] Ovid, Những biến hình (I, ii, 61-2, 78-81)

[543] "Và trong lúc ngọn đèn không chiếu, tên tội đồ ghê gớm tởm nhất sẽ quay trở lại" (Isaac Watts, Những bản tụng ca và

thánh ca, I, 88), Thoreau chỉ thay chữ “ngọn đèn” bằng “mặt trời”.

[544] Mathew, 25:21 “Hãy vào hưởng niềm vui của chủ mình”

[545] Mạnh Tử, Quyển Sáu: Cáo Tử, chương trước, 8.

[546] Xem chú thích 14

[547] Kinh Thánh: I Corinthians 15:55.

[548] Một loài chim hét Bắc Mĩ, sống trong rừng hoặc những bụi rậm, lông màu hung, phần ức có đốm. Tên Latin Catharus fuscescens.

[549] Một loài chim muỗi màu xám, tiếng kêu rất ai oán.

[550] Một loài chim hét ở miền Đông Bắc Mĩ, đầu màu nâu đỏ, ức có đốm, tiếng hót du dương, Tên Latin Hylocichla Mustelina.

[551] Phoebe: chim đớp ruồi ở miền đông Bắc Mĩ.

[552] Calidas hay Kalidasa, nhà thơ và nhà viết kịch Hindu, thế kỉ V.

[553] Xem chú thích 32?

[554] Thơ William Habbinton (1605-1664)

[555] Những miền chưa được khai phá thường được thể hiện trên bản đồ bằng màu trắng.

[556] John Franklin (1786-1847): Nhà thám hiểm người Anh, mất tích ở Bắc Cực, khi khảo sát Hành lang Tây Bắc.

[557] Henry Grinnell (1799-1874): người New Yorrk, là người chủ trương và thuyền trưởng của đoàn thám hiểm đi tìm Franklin.

[558] Mungo Park (1771-1806?): Nhà thám hiểm châu Phi của Scottish; Lewis và Clark dẫn một đoàn thám hiểm qua

Louisiana đến Bờ Tây; và Sir Martin Frobisher (1535?-1594): nhà hàng hải và thám hiểm người Anh.

[559] Đoàn thám hiểm Grinnell đã tìm thấy 600 thùng thịt bảo quản mà Franklin để lại.

[560] Charles Wilkes dẫn đầu một đoàn thám hiểm các hòn đảo Nam cực của Thái Bình Dương từ 1839 đến 1842.

[561] Trích Ông già Verona, Claudian (370?-405), nhà thơ La Mã.

[562] Iberians (Spaniards – Tây Ban Nha) được đổi thành Australian trong bản dịch của Thoreau.

[563] Thoreau đọc Những hạng người của Charles Pickering (The Races of Man – London, 1851), một cuốn sách mô tả chuyến đi vòng quanh thế giới, trong đó có đoạn thuật về những con mèo nhà ở Zanziba.

[564] Thuyền trưởng John Cleves Symmes năm 1818 có gợi ý rằng trái đất rỗng và có lỗ ở hai cực.

[565] Một vùng đất ở Tây Phi giáp Vịnh Benin khét tiếng về buôn bán nô lệ.

[566] Con quái vật trong thần thoại Hi Lạp, giết những người không giải được câu đố của nó. Khi Oedipus giải được, nó đã đập đầu vào đá chết.

[567] Các triết gia Hi Lạp cổ thường kêu gọi: “Hãy biết mình”.

[568] Honoré Riqueti, Bá tước de Mirabeau (1749-1791), nhà cách mạng Pháp.

[569] Tiếng ra lệnh cho con trâu khi cày, như “vắt”, “họ” trong tiếng Việt.

[570] Nguyên văn: Extravagance, quá quắt, ngông cuồng, vô lí. Tác giả viết tách thành Extra-vagance. Extra: ra ngoài, vagance: từ gốc là vagary với nghĩa lan man, nói quá dài dòng.

[571] Kabir là một nhà thần học, nhà thơ và nhà cải cách tôn giáo Ấn Độ thế kỉ XV.

[572] Cựu Ước, Truyền đạo, chương 9:4.

[573] Thoreau sáng tác truyện ngụ ngôn này dựa trên những truyền thuyết Ấn Độ.

[574] Trong văn học Hindu, Kalpaa không phải là một ngôi sao, mà là một khoảng thời gian rất dài, 4.354.560.000 năm.

[575] Một ngày đem của Brahma kéo dài 2.160.000.000 năm.

[576] Khổng Tử, Luận ngữ: IX.25: "Tam quân khả đoạt soái dã, thất phu bất khả đoạt chí dã". Tam quân không phải ba sư đoàn, mà là tiền quân, trung quân và hậu quân, theo binh pháp Trung Hoa.

[577] Trích Bóng đêm và cái chết của Joseph Blanco White (1775-1841), nhà thơ Anh.

[578] Vua Lydia cổ đại, người được coi là giàu nhất thế gian.

[579] Càng gần cương, thịt càng ngọt (Tục ngữ Anh)

[580] Tiếng chuông kêu

[581] Năm 1811 những người Mameluke bị bẫy vào trong thành và bị những người Ai Cập tàn sát, nhưng một người đã nhảy lên ngựa và trốn thoát.

[582] Daniel Webster (1782-1842): Thượng nghị sĩ Mĩ, bang Massachusetts, một diễn giả nổi tiếng.

[583] Kittly-benders: trò chơi của trẻ con, đi hoặc chạy trên lớp băng mỏng sắp vỡ.

[584] Câu chuyện này đăng trên một tờ báo Concord ngày 28 tháng Mười, 1828.

[585] Ve sầu miền đông Bắc Mĩ, sống dưới đất mười bảy năm dưới dạng ấu trùng, khi trưởng thành thì có cánh nhưng chỉ sống được mấy tuần mà thôi.

[586] Xem chú thích trước.

[587] Xem chú thích 71?

[588]Hành tinh Venus gần Mặt Trời hơn Trái Đất, nên chúng ta thấy như nó di chuyển cùng với Mặt Trời. Khi Mặt Trời lặn ở đằng Tây, ta thường thấy Venus ở trên đỉnh, gọi là Sao Hôm, và khi Mặt Trời mọc ở đằng Đông vào buổi sáng, chúng ta lại thấy Venus lần nữa nên gọi là Sao Mai. Vậy theo nghĩa nào đó, Mặt Trời cũng là một thứ Sao Hôm, Sao Mai. Cái kết dường như khó hiểu, nhưng tác giả muốn là một kết thúc mở, để người đọc tiếp tục suy nghĩ. Khẩu hiệu của thuyết siêu nghiệm là “Đơn giản nói KHÔNG với ĐÓNG”.

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET